THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN ÂM ĐÀ LA NI KINH

Bản cập nhật tháng 6/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

THAY LỜI TỰA

Theo các học giả cận đại thì tín ngưỡng **Thiên Thủ Quán Âm** (Avalokiteśvara-sahasrabhūja-locana) được hình thành từ truyền thuyết huyền thoại của Ấn Độ vì dạng *Thần Cách Hóa* của Thiên Thủ Quán Âm tương đương với các **vị Thần** (Devatā) như: Thần **Đế Thích** (Indra), Thần **Nguyên Nhân** (Puruṣa), Thần **Thấp Bà** (Śiva), Thần **Tỳ Nữu** (Viṣṇu)... bởi lẽ các vị Thần đều có 1000 mắt. Tương tự trong **Đại giáo Vương Kinh** *quyển 9* có ghi nhận là: "**Đại Tự Tại Thiên** (Maheśvara) có 1000 tay, 1000 mắt".

Do sự pha trôn giữa tính cách của chư Thần trong Thần Thoại Ấn Độ với quan điểm mở rộng đặc tính "Từ Bi" của Phật giáo **Đại Thừa** (Mahā-yāna) nên tuy xuất phát từ Ấn Độ, tín ngưỡng "Thiên Thủ Quán Âm" vẫn không được phát triển mạnh mẽ trên đất Ấn và đợi đến khi lưu truyền qua các nước khác thì tín ngưỡng này mới được củng cố và lớn mạnh; như tại đất Tây Vực: Các Học Giả cận đại đã tìm thấy rất nhiều tượng vẽ, hình tượng, **Man Đa La** (Maṇḍala) của Thiên Thủ Quán Âm.

Ở Tây Tạng, do tín ngưỡng **"Quán Thế Âm"** được sùng bái thâm sâu nên tín ngưỡng **"Thiên Thủ Quán Âm**" cũng phát triển khá mạnh, theo giáo đồ Phật giáo Tây Tạng thì Thiên Thủ Quán Âm là một thân biến hóa toàn vẹn của **Thánh Quán Thế Âm** (Āryāvalokiteśvara) nhằm biểu hiện sự cứu độ rộng rãi qua sự hợp nhất của Trí Tuệ (1.000 mắt) với phương tiện Thiện Xảo của Tâm Từ Bi (1.000 tay).

Ở Trung Hoa, tín ngưỡng Thiên Thủ Quán Âm được khởi đầu từ đời Đường. Trong niên hiệu Vũ Đức (618-626) Có một vị tăng của nước Trung Thiên Trúc, tên là **Cù Đa Đề Bà** (?Gupta-deva) đem kinh bản **Thiên Nhãn Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ Tát Đà La Ni Thần Chú Kinh** cùng với hình tượng, Khế Đàn, Thủ ấn của Thiên Thủ Quán Âm đến Trung Hoa. Trong niên hiệu Trinh Quán (627-649) lại có vị cao tăng của Bắc Thiên Trúc đem bản Phạn văn của **Kinh Thiên Tý Thiên Nhãn Đà La Ni** đến phụng tiến cho vua Đường .

Dựa vào các tài liệu này thì tín ngưỡng Thiên Thủ Quán Âm đã dần dần được hình thành trên đất Trung Hoa vào thế kỷ thứ VII và tỏa rộng ra các nước vùng Cận Đông. Cho đến nay thì hình ảnh của Thiên Thủ Quán Âm đã được các tín đồ Phật Giáo ở Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn ...phụng thờ rất thâm trọng. Hầu hết mọi người đều thuộc lòng bài **"Thiên Thủ Thiên Nhãn Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni"**, gọi tắt là Chú **Đại Bi** và thường trì tụng trong nghi thức phổ truyền .

Trong năm 2006, 2007 vì muốn góp chút ít công sức cho sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam, tôi không ngại tài hèn sức kém đã cố gắng phiên dịch các Kinh Bản có liên quan đến Pháp **Thiên Thủ Quán Âm** và đã được ấn hành qua hai tập sách **Đại Bi Quán Âm Căn Bản Pháp**, **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm Đà La Ni Kinh**… Đến tháng 02 năm 2008, tôi được cháu Hoá Trí (**Nguyễn Phương Minh**) ở Hà Nội gửi tặng quyển **Đại Bi Thần Chú Xuất Tướng** do cư sĩ **Ngô Trọng Đức** phát hành qua nhà xuất bản **Hoà Dụ Xuất Bản Xã** và mong tôi phiên dịch ra tiếng Việt để cho mọi người cùng đọc. Sau đó, em Mật Trí (**Tống Phước Khải**) phát tâm scan các hình ảnh và chỉnh sửa thành hình đen trắng nhằm hỗ trợ cho việc phổ truyền Kinh Điển.

Nay do sự yêu cầu của các bạn đồng tu cùng với sự nhiệt tâm phụng sự Giáo Pháp Giải Thoát của những người trẻ tuổi, muốn hiểu rõ hơn về Pháp tu **Đại Bi Tâm Đà La Ni** vì đây là phần mà đại đa số Tín Đồ Phật Giáo Việt Nam đã tu trì, nên tôi đã lựa phần **Đại Bi Tâm Đà La Ni Xuất Tướng** trong quyển **Đại Bi Thần Chú Xuất Tướng** đồng thời bổ sung thêm một số tư liệu về Tôn Tượng, Ấn Quyết, Nghi Quỹ,

nghi thức tụng niệm… về Pháp tu **Thanh Cảnh Quán Âm** nhằm giúp cho người đọc nghiên cứu dễ dàng hơn.

Điều tất yếu là bản ghi chép này vẫn còn nhiều thiếu sót. Ngưỡng mong chư vị Cao Tăng Đại Đức, các bậc Long Tượng trong Mật Giáo hãy rũ lòng Từ Bi giúp cho bản ghi chép này được hoàn hảo hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan)** và Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy **Thích Quảng Trí** và Thầy **Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ, thúc đẩy con nghiên cứu các Pháp Tu Mật Giáo cho chính đúng**.**

Tôi xin cảm tạ em **Nguyễn Chí Cao,** em Mật Trí (**Tống Phước Khải**) đã giúp tôi scan và chỉnh sửa một số đồ hình, em **Nguyễn Thị Mộng Lý** đã giúp tôi đánh một số bản vi tính trong tập sách này và tôi cũng xin cám ơn cháu Hoá Trí (**Nguyễn Phương Minh**) đã gửi tặng quyển **Đại Bi Thần Chú Xuất Tướng** và tôi cũng rất mừng khi các con tôi **Nguyễn Vũ Tuân, Nguyễn Vũ Nguyên** đã giúp tôi scan một số đồ hình và tạo một số chữ **Tất Đàn** (siddhaṃ) để hỗ trợ cho Kinh Bản.

Tôi xin chân thành cảm tạ anh **Nguyễn Đình Tạc**, chị **Nguyễn Thị Mộng Hương**, cháu **Nguyễn Thị Mộng Trâm** và nhóm Phật Tử Đạo Tràng **Phổ Độ** đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch lại Pháp tu này.

Tôi xin chân thành cám ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp cho tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Nguyện xin Tam Bảo, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực gia trì cho chúng con, các bậc ân nhân của chúng con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng tránh được mọi sai lầm trên bước đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát và mau chóng cùng đạt được Quả Vị Giải Thoát.

Mùa Đông năm Đinh Tỵ (2013)
HUYỀN THANH (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

CÁC KINH BẢN THIÊN THỦ QUÁN THẾ ÂM

Theo Phật Quang Từ Điển thì Kinh Điển về Thiên Thủ Quán Âm có 4 bản là

1.**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**.

Kinh này chỉ có một quyển do ngài **Già Phạm Đạt Ma** (Bhagavad Dharma-Tôn Pháp) dịch trong thời Đường (Niên hiệu Khai Nguyên). Lược xưng là Thiên Thủ Quán Âm Đại Bi Tâm Kinh, Thiên Thủ Đà La Ni Kinh, Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm Đại Bi Tâm Kinh Đại Tổng Trì Kinh, Thiên Thủ Kinh.

Nội dung của Kinh này diễn nói về nguyên nhân phát Nguyện, các Công Đức sinh 15 điều thiện và miễn trừ 15 điều ác, các Pháp Chú Trớ, Công Đức của 42 tay và 2 bài Chú ủng hộ của Nhật Quang Bồ Tát với Nguyệt Quang Bồ Tát .

Tôn chính của Kinh này là **Thanh Cảnh Quán Am.**

2.**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi Tâm Đà La Ni.**

Kinh này có một quyển do ngài **Bất Không** (Amogha-Vajra) dịch dưới thời Đường. Lược xưng là Thiên Thủ Quán Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni, Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh.

Nội dung của kinh này là tinh hoa của Thiên Thủ Kinh, từ lúc phát nguyện trở xuống là Đà La Ni, mỗi mỗi Công Đức của 42 tay, ngoài ra có thêm phần đồ hình của 42 tay kèm Chân Ngôn.

Kinh này chỉ là bản dịch khác của Thiên Thủ Kinh .

3.**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm Bồ Tát Mẫu Đà La Ni Thân Kinh.**

Kinh này có 2 quyển do ngài **Bồ Đề Lưu Chí** (Bodhi Ruci) dịch dưới thời Đường. Lược xưng là: Thiên Thủ Quán Âm Mẫu Đà La Ni Thân Kinh.

Nội dung của kinh này diễn nói về Mẫu Đà La Ni với công đức. Sau đó là 12 Ấn Minh về Thân Tổng Nhiếp, Đà La Ni Tổng Trì, Tam Muội của chư Phật , tiếp theo là Thiên Thủ Quán Âm Họa Đàn Pháp với pháp Chú Trớ. Sau cùng là 30 An Minh về sự biện tài, thành Đẳng Chính Giác.

4.**Thiên Nhãn Thiên tý Quán Thế Âm Bồ Tát Đà La Ni Thân Chú Kinh.**

Kinh này có 2 quyển do Ngài **Trí Thông** dịch dưới thời Đường. Lược xưng là: Thiên Nhãn Quán Thế Âm Đà La Ni Thân Chú Kinh .

Nội dung Kinh này nói về pháp Chú Ấn với Đàn Pháp của Thiên Thủ Quán Âm. Đây chỉ là một bản dịch khác với bản dịch của ngài Bồ Đề Lưu Chí.

Hai bản dịch của Kinh này đều ghi 25 loại Ấn, Chú pháp giống nhau trên đại cương nhưng khác nhau về chi tiết nhất là Đại Thân Chú với Man Đa La Đàn Pháp thì có sai khác.

Tôn chính của Kinh này là **Thiên Nhãn Thiên Tý Quán Thế Âm**

Hai bản dịch này đều dựa theo bản Phạn do vị tăng Ấn Độ (?Gupta-Deva) phụng tiến cho vua Đường (niên hiệu Trinh Quán).

*) Ngoài ra,trong Mật Tạng Bộ III có ghi nhận một số Kinh Điển liên quan đến Thiên Thủ Quán Âm là :

_ **Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh** do ngài **Tam Muội Tô Phộc La** dịch.

Nội dung kinh này nói về 25 vị Bồ Tát sở hiện của Đại Bi, nhập vào 25 Tam Muội, đoạn phá 25 Hữu. Một Hữu được phối trí với 40 mắt nên 25 Hữu được phối hợp với ngàn mắt ngàn tay. Sau đó nhấn mạnh vào 40 vị Hóa Bồ Tát là Thân Sở Hóa của Thí Vô Úy Quán Tự Tại Bồ Tát ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu. 40 vị Hóa Bồ Tát này biểu thị cho 40 Pháp tu tập theo 40 tay cầm 40 báu vật nhằm thỏa mãn mọi nguyện cầu của chúng sinh ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu. Chân Ngôn của 40 Pháp này hoàn toàn khác biệt với Chân Ngôn của 40 tay ghi trong Kinh Thiên Thủ Quán Am Đại Bi Tâm Đà La Ni. Xong, cách thức tu tập cũng tương đồng với nhau

Tôn chính của Kinh này là **Thiên Thủ Thiên Quang Nhãn Đại Liên Hoa Vương.**

_ **Kim Cương Đỉnh Du Già Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Tu Hành Nghi Quỹ Kinh**, do ngài **Bất Không** dịch

Nội dung kinh này nói về pháp tu hành bí mật thuộc thân, khẩu, ý Kim Cương của Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát trong Liên Hoa Bộ, gồm có quy tắc, An, Chân Ngôn. Riêng bài chú Đại bi căn bản thì dùng bài "Thế Tôn Thánh Giả Thiên Nhãn, Thiên túc, Thiên Thiệt Thiên Tý Quán Tự Tại Bồ Đề Tát Đỏa Đát Phộc Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni"

Tôn chính của Kinh này là **Thiên Thủ Quán Âm** (27 đầu).

_ **Đại Từ, Đại Bi Cứu Khổ Quán Thế Âm Tự Tại Vương Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Tự Tại Thanh Cảnh Đại Bi Tâm Đà La Ni**, do ngài Đại Quảng Trí **Bất Không** dịch

Nội dung bản Chú này là một dị bản tinh yếu của Thiên Thủ Thiên Nhãn Kinh. Có điều bài Chú ghi bằng Phạn văn và phiên âm theo Hoa văn chỉ có 75 câu và kèm theo tay ấn "Thanh Cảnh Đại Bi Tâm Ấn" và lời xưng tán danh hiệu của Chân Ngôn.

_ **"Nhiếp Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh Kế Nhất Pháp Trung Xuất Vô Lượng Nghĩa Nam Phương Mãn Nguyện Bổ Đà Lạc Hải Hội Ngũ Bộ Chư Tôn Đẳng Hoằng Thệ Lực Phương Vị Cập Uy Nghi Hình Sắc Chấp Trì Tam Ma Gia Tiêu Xí Man Trà La Nghi Quỹ"**, do Ngài Đại Quảng Trí **Bất Không** phụng Chiếu dịch.

Nội dung của kinh này minh họa về hình tượng, màu sắc, vật cầm tay và phương vị của các Tôn trong 5 Bộ.

Tôn chính của Kinh này là **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm** (500 đầu mặt).

_ **Thiên Thủ Quán Âm Tạo Thứ Đệ Pháp Nghi Quỹ** do ngài **Thiện Vô Úy** dịch.

Nội dung kinh này nói về Tôn tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm (500 đầu mặt) **[Thiên Thủ Thiên Quang Nhãn Đại Liên Hoa Vương]** với ảnh tượng, màu sắc,vật cầm tay và chân ngôn của 28 bộ là quyến thuộc của Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát .

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Tu Hành Niệm Tụng Lược Nghi** do ngài Đại Quảng Trí **Bất Không** dịch.

Nội dung Kinh bản này nói về quy tắc giản lược về pháp tu hành niệm tụng "Đại Bi Tâm Đà La Ni" với phương cách Quán Tưởng, kết Ấn niệm Chân Ngôn.

_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni chú bản** (1 quyển) do Ngài **Kim Cương Trí** dịch .

Bản này chỉ ghi 113 câu chú của bài Đại Bi chú.

_**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Trị Bệnh Hợp Dược Kinh** do ngài **Già Phạm Đạt Ma** dịch

Bản này minh họa các loại thuốc và dùng chú Đại Bi gia trì để trị các thứ bệnh tật. Đây là một phần nhỏ thuộc dị bản của kinh Thiên Thủ.

_ **Phật Thuyết Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh** do Tam Tạng THIÊN TỨC TAI dịch

Bản này minh họa về công đức to lớn của Lục Tự Minh Chú (OṂ MAṆI PADME HŪṂ) .

Tôn chính của Kinh này là **Thiên Thủ Thiên Nhãn Thập Nhất Diện Quán Thế Âm**

Ý NGHĨA TÔN TƯỢNG
THIÊN THỦ QUÁN ÂM

I) **DANH HIỆU:**

Thiên Thủ Quán Âm nếu xưng danh đầy đủ là: **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara sahasra-bhūja-locana) Hoặc xưng là: Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm, Thiên Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm, **Thiên Thủ Thánh Quán Âm** (Sahasra bhūja arya avalokiteśvara), Thiên Tý Quán Âm, **Thiên Thủ Thiên Quang Nhãn Đại Liên Hoa Vương Quán Tự Tại** (Sahasra-bhūjaya sahasra-jvala-netre mahā-padma-rāja avalokiteśvara), Thiên Nhãn Thiên Thủ Thiên Túc Thiên Thiệt Thiên Tý Quán Tự Tại.

Theo **Thiên Quang Nhãn Kinh, Thiên Thủ Kinh, Mẫu Đà La Ni Kinh**… thì Thiên Thủ Quán Âm Bồ Tát là Thân Thần Biến của **Thánh Quán Thế Âm** (Ārya Avalokiteśvara).

Theo **Nghĩa Tịnh Thích Kinh** thì Thiên Thủ Quán Thế Âm là Thân Sở Hóa của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana Tathāgata)

Theo **Thiên Thủ Thiên Nhãn Kinh** thì Thiên Thủ Quán Âm là hậu thân của **Chính Pháp Minh Như Lai** (Samyak-dharma-vidya Tathāgata)

Nhìn chung, do Đại Nguyện Từ Bi cứu nạn bạt khổ cho tất cả chúng sinh trong Thế Giới mà thân Thiên Thủ Quán Âm được hiển hiện. Đây chính là Pháp Môn Công Đức **Từ Bi Đồng Thể** của chư Phật ba đời mà Thiên Thủ Quán Âm dùng 1000 làm số, trong đó :

- **Thiên Nhãn** biểu thị cho 1.000 vị Phật đời quá khứ.
- **Thiên Thủ** biểu thị cho 1.000 vị Phật đời hiện tại.
- **Thiên Túc** biểu thị cho 1.000 vị Phật đời vị lai

(Tức là 10 hiệu của Như Lai)

II) TÔN TƯỢNG:

Nghi Quỹ tạo pháp thứ tự của Thiên Thủ Quán Âm và Nhiếp Vô Ngại Đà La Ni ghi nhận là: Ngài có 500 mặt, 1000 cánh tay.

Huệ Thập A Đô Lê Sớ cho rằng ngài có 30 mặt (hay 5 mặt) và 1.000 cánh tay.

Thiên Thủ Thiên Tý Mẫu Đà La Ni Kinh ghi rằng: Ngài có 1 mặt 1.000 cánh tay.

Thiên Quang Nhãn Kinh ghi nhận Ngài có 500 đầu mặt với 25 thân biến hoá đều có 11 mặt, 1.000 cánh tay, trong đó có 40 tay cầm báu vật.

Thai Tạng ký, Mật Giáo Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Trà La và Quán Tự Tại Bồ Tát Liên Hoa Đỉnh Du Già Pháp ghi nhận rằng: Ngài có 27 mặt, 1000 cánh tay trong đó 40 tay (hoặc 42 tay) cầm khí trượng.

Theo nghĩa thú thì Quán Tự Tại Bồ Tát hay **Chính Quán Âm** là Tổng Thể của các Quán Âm, biểu thị cho Nhân Vị của Liên Hoa Bộ nên có Mật Hiệu là **Chính Pháp Kim Cương** (Samyak-dharma-Vajra) chủng tử là SA (𑖭), Tam Ma Gia Hình là *hoa sen chưa nở*. Còn Chính Pháp Minh Như Lai tức Thiên Thủ Quán Âm là Thân Sở Hóa biểu thị cho Quả Thể của Liên Hoa Bộ nên có Mật Hiệu là **Đại Bi Kim Cương** (Mahā-kāruṇi-vajra) chủng tử là HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾) Tam Ma Gia Hình là *hoa sen nở.*

Hoặc như trong "**Thiên Thủ Đà La Ni Kinh**", "**Thiên Quang Nhãn Kinh**"…. nói rằng: "*Cầu Trí Tuệ thì dùng cái Gương Báu, cầu bạn lành thì dùng Mũi Tên Báu, được mọi sự mong cầu, vật cầm của 40 tay cầm giữ đều là Tam Muội Gia Hình. Hoặc có nói là Viên Ngọc Báu trên Hoa Sen, gọi Viên Ngọc Báu này hay tùy theo nguyện*

mà sinh ra tất cả, cho nên không cần phân biệt chọn dùng vật cầm trên 40 tay làm Tam Muội Gia Hình".

Hoa sen biểu thị cho *Thể Tính vốn có*, **viên ngọc báu** biểu thị cho *đầy đủ vạn Đức*, nhân đây *viên ngọc báu trên hoa sen* tức là tương ứng với Quả Đức của Liên Hoa Bộ, tức là **Bản Thệ** của Tôn này.

Bí Tạng Ký ghi rằng: ***"Tâm phàm phu như hoa sen khép kín, tâm thánh nhân là hoa sen nở rộ"***

Vì thế, Chính Quán Âm biểu thị cho Nhân Vị " Vô Nhiễm Cấu" vốn có trong tâm của mỗi một chúng sinh, còn Thiên Thủ Quán Âm là phương tiện thiện xảo làm nở rộ Quả Thể "Vô nhiễm cấu" ấy. Cho nên Thiên Thủ Quán Âm biểu thị cho Quả Đức của 11 Địa cho Phật Quả. Do vậy, trong các Tôn thuộc Liên Hoa Bộ thì Thiên Thủ Quán Âm là Tôn tối thắng và được xưng là **Liên Hoa Vương** (Padma-rāja).

Dựa vào ý nghĩa này thì Tôn Tượng 500 đầu mặt,1.000 cánh tay biểu thị cho Phước Trí viên mãn của Phật Quả trong đó 500 đầu mặt (một đầu mặt có 2 mắt nên hợp thành 1.000 mắt) biểu thị cho Trí Đức viên mãn và 1.000 cánh tay biểu thị cho Phước Đức viên mãn.

_ **Ý nghĩa của 11 mặt:** được nhận định theo nhiều cách khác nhau

.) **Thập Nhất Diện Thần Chú Tâm Kinh Nghĩa Sớ** ghi là :

3 mặt phía trước có tướng hiền lành (Từ) biểu thị cho việc nhìn thấy chúng sinh hiền thiện mà sinh tâm Từ. **Đại Từ** là ban vui

3 mặt bên trái có tướng giận dữ biểu thị cho sự nhìn thấy chúng sinh ác mà sinh tâm Bi . Đại Bi là cứu khổ

3 mặt bên phải có tướng ló nanh trắng biểu thị cho sự nhìn thấy kẻ có Tịnh Nghiệp liền phát lời khen ***Hiếm có***, siêng năng tinh tiến trong Phật Đạo

1 mặt phía sau có tướng Bạo Đại Tiếu biểu thị cho sự nhìn thấy chúng sinh có Thiện Ác Tạp Uế mà sinh nụ cười quái dị, sửa ác hướng theo Đạo

1 mặt bên trên có tướng Như Lai biểu thị cho sự mãn túc Nguyện.

_ .) **Tiên Phòng** ghi nhận là:

11 mặt là 10 Địa và Phật Quả, mỗi một thứ đều có 1 mặt.

10 Địa là viên mãn 10 Ba La Mật.

.) **Dã Quyết** ghi nhận là:

11 mặt là 11 Địa (Hoan Hỷ Địa, Ly Cấu Địa, Phát Quang Địa, Diệu Tuệ Địa, Nan Thắng Địa, Hiện Tiền Địa, Viễn Hành Địa, Bất Động Địa, Thiện Tuệ Địa, Pháp Vân Địa, Phật Địa) biểu thị cho 11 phẩm Vô Minh, lại thêm mặt gốc biểu thị cho 12 phẩm Vô Minh. Hoặc nói là : Độ 12 nhân Duyên

3 mặt phía trước có tướng Tịch Tĩnh biểu thị cho nghĩa: xưa nay vốn tịch lặng của Đông Phương Bất Động Phật

3 mặt bên trái có tướng phẫn nộ biểu thị cho nghĩa: giáng phục của Nam Phương Bình Đẳng Tính Trí

3 mặt bên phải có tướng ló nanh bén biểu thị cho nghĩa: nói Pháp của Tây Phương Diệu Quán Sát Trí

1 mặt phía sau có tướng cười giận biểu thị cho Bắc Phương Sự Nghiệp Trí

1 mặt trên cùng có tướng Phật biểu thị cho Bất Nhị Pháp Giới Thể Tính Trí.

.) **Khẩu Quyết** ghi nhận là :

3 mặt phía trước có tướng Đại Từ biểu thị cho 3 vị Phật là: Thích Ca Thế Giới Năng Tịch Như Lai, An Lạc Thế Giới Vô Ngại Quang Như Lai, Cà Sa Tràng Thế Giới Kim Cương Kiên Cố Hoan Hỷ Như Lai

3 mặt bên trái có tướng Đại Bi biểu thị cho 3 vị Phật là: Bất Thoái Chuyển Âm Thế Giới Cực Diệu Viên Mãn Hồng Liên Hoa Sổ Thân Như Lai, Tuyệt Trần Thế Giới Pháp Tràng Như Lai, Minh Đăng Thế Giới Sư Tử Như Lai

3 mặt bên phải có tướng ló nanh trắng biểu thị cho 3 vị Phật là: Trang Nghiêm Thế Giới Nhất Thiết Phật Thông Tuệ Quang Vương Như Lai, Kích Luân Thế Giới Minh Giác Như Lai, Phổ Hiền Thế Giới Hiền Thủ Như Lai

1 mặt phía sau có tướng Bạo Tiếu biểu thị cho 1 vị Phật là: Nan Siêu Thế Giới Thân Phóng Pháp Quang Như Lai

1 mặt Phật trên đỉnh biểu thị cho 1 vị Phật là: Diệu Quang Thế Giới Biến Chiếu Như Lai

Ngoài ra để tăng cường cho lực gia trì của Chân Ngôn, các bậc Đạo Sư Mật Giáo đã truyền dạy thêm các bài tán Quy Mệnh là :

.) **Giác Thiền Sao** ghi nhận **Thập Nhất Diện Quán Âm Hối Quá Tán** là:

Nam mô Đương Tiền tam diện Từ Bi Tướng
Nam Mô Tiền tam Từ Diện Cầu Như Ý
Nam mô Tiền Tam Bi Diện Trừ Quỷ Tật
Nam mô Tả biên tam diện Sân Nộ Tướng
Nam mô Tả tam diện Giáng Oán Tặc
Nam mô Hữu biên tam diện Bạch Nha Tướng
Nam mô đương hậu nhất diện Bạo Tiếu Tướng
Nam mô Đỉnh thượng nhất diện Như Lai Tướng
Nam mô đỉnh thượng Phật Diện trừ tật bệnh
Nam mô tối thượng Phật Diện nguyện mãn túc

_ .) **Phòng Sao** ghi nhận là:

Nam mô Tả biên hậu diện tồi Ma Đạo
Nam mô trung diện ly khổ nạn
Nam mô tiền diện trừ Quỷ tật
Nam mô Hữu biên tiền diện cầu Như Ý
Nam mô trung diện Cữu Nộ (Giận dữ lâu dài)
Nam mô hậu diện trừ chướng nạn
Nam mô Kiếp Độ Tiền
Nam mô Tả biên hữu diện trừ Quỷ Thần
Nam mô trung diện Điều Phong Vũ
Nam mô Tả diện tăng thọ mệnh
Nam mô Hậu biên nhất diện thành ngũ cốc
Nam mô đỉnh thượng nhất diện phá Ma Quân

_**Tôn tượng 27 mặt** biểu thị cho chi tiết tu tập 11 Địa Quả của Phật Đạo với 26 mặt biểu thị cho 10 Độ và mặt Phật thứ 27 là mặt Chính Pháp Minh Như Lai (hay A Di Đà Như Lai) biểu thị cho Phật Quả .

- Ý nghĩa 10 Độ mở rộng thành 26 mặt là:

6 Độ đầu mỗi độ có 3 Pháp tu tập nên lập thành 18 mặt, 4 Độ sau mỗi độ có 2 Pháp tu tập nên lập thành 8 mặt.

1) **Bố Thí Ba La Mật** (Dāna-pāramitā) có **ba Pháp Thí Phước** nhằm trừ Tâm keo kiệt ích kỷ là:

a) ***Tư Sinh Thí*** (hay **Tài Thí**): Giúp đỡ tiền bạc của cải cho người nghèo khó (giúp ích về vật chất)

b) ***Vô Úy Thí***: Dùng mọi phương tiện giúp cho người khác tránh được sự sợ hãi buồn lo (giúp ích về tinh thần)

c) ***Pháp Thí***: Đem Chính Pháp giảng giải khiến cho người nghe dựa vào đó dứt trừ phiền não, tinh tiến tu Phước Tuệ (giúp về phần thiện căn)

Khi viên mãn được Bố Thí Ba La Mật thì đời đời được đầy đủ duyên lành giàu có, tâm được tự tại, mau tăng thọ mệnh.

2) **Trì Giới Ba La Mật** (Śīla-pāramitā) có **ba Pháp Nghiêm Trì** nhằm diệt trừ hạt giống phá Giới là :

a) ***Nhiếp Luật Nghi Giới***: Giữ gìn luật lệ, nghi thức do Đức Phật chế ra (nhằm trừ điều ác)

b) ***Nhiếp Thiện Pháp Giới***: Làm phát sinh các điều lành (tăng trưởng căn lành)

c) ***Nhiêu Ích Hữu Tình Giới***: Khiến cho chúng sinh được lợi ích an lạc (có tính cách lợi sinh)

Khi viên mãn được Trì Giới Ba La Mật thì thường dùng Giới Phẩm để trang nghiêm thân, khẩu, ý. Tất cả sự vi phạm vào 4 Giới cấm, 8 loại Bậc Sô, hay Bậc Sô Ni, Hóa Thắng Tội ... thảy đều thanh tịnh.Ngày sau tùy nguyện được sinh vào cõi Phật tịnh diệu

3) **Nhẫn Nhục Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā): có **ba Pháp Công Đức Nhẫn** nhằm diệt trừ nghiệp chủng sân nộ là:

a) ***Nại Oán Hại Nhẫn*** (hay **Sinh Nhẫn**): tuy bị người thù ghét, hãm hại cũng không oán hờn mà thường thương xót cứu độ kẻ ấy.

b) ***An Thọ Khổ Nhẫn*** (hay **Pháp Nhẫn**): dù gặp các sự khổ như nóng lạnh,đói khát, bệnh tật, nguy nan... vẫn cố gắng tu hành không có tâm thoái chuyển.

c) ***Đế Sát Pháp Nhẫn*** (hay **Vô Sinh Pháp Nhẫn**): dùng Trí Tuệ quán sát tu hành, chứng được chân lý hay pháp tính.

Khi viên mãn được Nhẫn Nhục Ba La Mật thì diện mạo trang nghiêm khiến người ưa nhìn, chẳng muốn ghét hại,đều muốn gần gũi. Lúc đó Hành Giả có Thắng Giải rất thâm sâu, tùy niệm biến hóa.

4) **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā) có **ba Pháp Tinh Tiến** nhằm diệt trừ nghiệp chủng lười biếng chậm chạp là.

a) ***Bị Giáp Tinh Tiến***: Sốt sắng tu hành không ngại gian lao trở ngại như mặc áo giáp xông pha nơi chiến địa với thế lực hùng mạnh.

b) ***Nhiếp Thiện Pháp Tinh Tiến***: Siêng năng tu tập các Công Đức làm cho Pháp lành ngày càng tăng trưởng.

c) ***Lợi Lạc Hữu Tình Tinh Tiến***: Dù thấy chúng sanh nhiều phiền não nhưng vẫn không sinh tâm chán nản lui sụt, cố gắng dùng phương pháp điều nhiếp hóa độ khiến cho loài hữu tình được lợi ích an lạc.

Khi viên mãn được Tinh Tiến Ba La Mật thì thân tâm an vui, xa lìa các bệnh tật, không có khổ não, hòan thành được mọi nguyện về Phước Trí của Thế Gian và Xuất Thế Gian

5) **Thiền Định Ba La Mật** (Dhyāna-pāramitā) Có **ba Pháp Tĩnh Lự** nhằm diệt trừ chủng phóng túng loạn động là :

a) ***An Trú Tĩnh Lự***: Tâm hằng ở yên trong cảnh sáng suốt lặng lẽ trống không của Pháp Lạc.

b) ***Dẫn Phát Tĩnh Lự***: Sức Thiền Định có thể dẫn sinh 6 pháp Thần Thông .

c) ***Biện Sự Tĩnh Lự***: Không dời Thiền Định mà có thể làm các việc lợi sinh, hoặc dùng sức Thiền Định hóa hiện để cứu độ chúng sinh trong cảnh phiền não, bệnh tật, đói khát .

Khi viên mãn được Thiền Định Ba La Mật thì thân tâm lanh lợi, Thần Thông đã tu mau được thành tựu, các Ma chẳng thể xâm nhiễm, tiêu diệt được tất cả Nghiệp Chướng

6) **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña-pāramitā): Có **ba Pháp Tuệ** nhằm trừ diệt nghiệp chủng si mê này là:

a) ***Nhân Không Vô Phân Biệt Tuệ***: Có tính cách đoạn tuyệt tâm chấp Ngã.

b) ***Pháp Không Vô Phân Biệt Tuệ***: Cảnh giới niệm Chấp Pháp đã tiêu trừ .

c) ***Câu Không Vô Phân Biệt Tuệ***: Dứt hẳn cảnh giới tâm niệm Chấp Ngã và Chấp Pháp .

Khi viên mãn được Bát Nhã Ba La Mật thì được thông minh Trí Tuệ , giải ngộ được các pháp Thế Gian và Xuất Thế Gian, truyền đạt được nghĩa thâm sâu của 5 Minh

7) **Phương Tiện Ba La Mật** (Upāya-pāramitā) Có **hai pháp Phương Tiện thiện xảo** nhằm dứt trừ nghiệp chủng của phương tiện không khéo léo là:

a) ***Hồi Hướng Phương Tiện Thiện Xảo***: Đem các căn lành xoay về cầu chứng Đạo Vô Thượng Bồ Đề. Môn phương tiện này thuộc về Bát Nhã .

b) ***Bạt Tế Hữu Tình Phương Tiện Thiện Xảo***: Dùng các phương pháp khéo léo, hoặc thuận hoặc nghịch để cứu vớt loài hữu tình trong vòng mê khổ. Môn phương tiện này thuộc về Đại Bi .

Khi viên mãn được Phương Tiện Ba La Mật thì Hành Giả tương ứng tu trì 6 Ba La Mật của Thế Gian chỉ dùng ít công sức là gặt được Phước Đức rộng lớn, mọi việc làm đều được thành tựu và đạt đến cứu cánh, thành tư lương của Bồ Đề Vô Thượng .

8) **Nguyện Ba La Mật** (Praṇidhāna-pāramitā): Có **hai Pháp Thắng Nguyện** nhằm trừ diệt nghiệp chủng các nguyện ác là :

a) ***Cầu Vô Thượng Bồ Đề Nguyện***: Cầu nguyện đạt thành Phật Quả

b) ***Lợi Lạc Hữu Tình Nguyện***: Cầu nguyện luôn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh

Khi viên mãn được Nguyện Ba La Mật thì trong khoảng thời gian từ Sơ Phát Tâm đến lúc thành Phật, mọi Thượng Nguyện thù thắng của Thế Gian và Xuất Thế Gian đều được viên mãn .

9) **Lực Ba La Mật** (Bala-pāramitā): Có **hai loại Lực** nhằm trừ diệt nghiệp chủng của ý kém cõi trong Thế Gian và Xuất Thế Gian là:

a) ***Tư Trạch Lực***: Dùng sức Trí Tuệ suy nghĩ lựa chọn phương pháp tu .

b) ***Tu Tập Lực***: Đem hết khả năng thực hành những điều mình suy nghĩ lựa chọn trên đường đạo

Khi viên mãn được Lực Ba La Mật thì thành tựu các Pháp đối trị, hàng phục được các loại Phiền Não và Chướng Hoặc, tu Đạo thì quyết định thắng phục được nghiệp ác của Thiên Ma và đắc được sự chẳng thoái chuyển nơi quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

10) **Trí Ba La Mật** (Jñāna-pāramitā): Có **hai loại Thọ Dụng Trí** nhằm trừ diệt hạt giống của Câu Sinh Ngã Chấp và Câu Sinh Pháp Chấp là:

a) ***Thọ Dụng Pháp Lạc Trí***: Trí nhận xét sự lợi ích của Phật Pháp, sinh tâm quyết định không rời bỏ và dùng Trí này thành lập 6 Độ, muôn Hạnh để đem lại sự an vui về Đạo Pháp cho mình.

b) ***Thành Tựu Hữu Tình Trí***: Trí dùng 6 Độ, muôn Hạnh làm lợi ích thành tựu cho tất cả chúng sinh

Khi viên mãn được Trí Ba La Mật thì dứt trừ được hai Chướng là Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng, chứng đắc tất cả Pháp như huyễn, như quáng nắng, như mộng, như ảnh tượng, như tiếng vang, như ánh sáng, như trăng trong nước, như biến hóa, như thành Càn Thát Bà, như hư không. Chẳng bao lâu đầy đủ **10 Địa** (Daśa-bhūmi), trụ **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha-bhūmi) làm Đại Pháp Sư.

*- Hoặc có thuyết cho rằng, 27 biểu thị cho 10 Giới, trong đó:

.) ***25 mặt*** biểu thị cho 25 Hữu là 6 nẻo luân hồi sinh tử, gồm có

4 nẻo ác là Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Tu La (A Tu La).

4 châu là: Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Cu Lâu Châu.

6 trời Dục giới là: Tứ Thiên Vương, Đao Lợi Thiên, Diễm Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên,Tha Hóa Tự Tại Thiên

4 trời Sắc Giới là: Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền .

3 trời: Vô Tưởng Thiên, Tĩnh Cư Thiên, A Na Hàm Thiên.

4 trời Vô Sắc Giới: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ .

.) ***Mặt thứ 26*** biểu thị cho Quả Nhị Thừa .

Bồ Tát Đương Tôn không có mặt riêng.

.) ***Mặt thứ 27*** là mặt Phật ở trên đỉnh đầu biểu thị cho **Pháp Giới** (Dharma-dhātu).

Như vậy, 27 mặt biểu thị cho chín Giới hiển **Phật Giới** (Buddha-dhātu) tức là 10 Giới Thể.

_**Tôn tượng 30 mặt** biểu thị cho 30 Độ của phật quả nghĩa là trong 10 Ba La Mật (Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tiến, Thiền Định, Tuệ, Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí) mỗi ba la mật được tu tập theo 3 bậc là *bờ bên kia, bờ trên, bờ cao thượng*...Nên hợp thành ***30 Độ***. Còn 1.000 tay biểu thị cho diệu dụng của Tâm Đại Bi nhằm dìu dắt chỉ dẫn cho chúng sinh tiến dần trên con đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát.

_ **Tôn Tượng 5 mặt** biểu thị cho 5 Trí của Như Lai là: Đại Viên Kính Trí, Bình Đẳng Tính Trí, Diệu Quán Sát Trí, Thành Sở Tác Trí

Tóm lại, Tôn tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát là biểu tượng minh họa cho Quả Đức của Phật Pháp đồng thời biểu thị cho Bản Nguyện **Từ Bi cố hữu** của Bồ Tát Đạo. Nói cách khác, Tôn Tượng này là biểu tượng nhằm kết tinh và hướng dẫn kẻ tu hành biết ***"Nương quả gieo nhân"*** dập tắt tham ái, sân hận, chấp thủ để mau chóng vượt khổ đau lìa sinh tử vậy .

NĂM LOẠI TÔN TƯỢNG THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Theo Truyền Thống Mật Giáo, để có thể rộng độ Chúng Sinh, chư Phật đã giảng dạy các Giáo Pháp tu hành qua Pháp tu Thiên Thủ Quán Âm. Tuy nhiên để phù hợp với căn cơ của từng loại chúng sinh nên chư Phật, chư Tổ đã vận dụng từng loại hình tượng kèm theo Chân Ngôn và Ấn Khế để giáo hóa.

A_ Vì muốn cho Chúng Sinh tự thấu ngộ rằng mình vốn có Lý Trí đầy đủ, **Giác Đạo** (Buddha-mārga) viên mãn chỉ vì **Vô Minh** (Avidya) che lấp mà chưa hiển lộ nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Quán Âm** có 497 đầu mặt xếp làm ba tầng trên mão mặt chính, bên phải mặt chính có mặt Liên Hoa màu xanh, bên trái mặt chính có mặt Kim Cương màu trắng (Tổng cộng là 500 đầu mặt), thân có một ngàn cánh tay trong đó có 42 tay cầm khí trượng biểu thị cho việc thâm nhập vào 42 Tự Môn để tự chứng ngộ được Chính Pháp Giải Thoát. Danh hiệu của Tôn này là **Thiên Thủ Thiên Quang Nhãn Đại Liên Hoa Vương** và Pháp chính của Ngài là **Liên Hoa Phật** (Padma-buddha)



_ 42 tay tướng ứng với 42 Tự Mẫu là:

1) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ A (A_𑖀) thời hiện ra tay **Hóa Phật**, ngộ tất cả Pháp *vốn chẳng sinh*.

2) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ LA (RA_ 𑖨) thời hiện ra tay cầm cái **Gương báu**, ngộ tất cả Pháp *lìa bụi dơ*

3) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ BẢ (PA_𑖢) thời hiện ra tay cầm quyển Kinh **Bát Nhã**, ngộ tất cả Pháp *Thắng Nghĩa Đế chẳng thể đắc*.

4) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ TẢ (CA_𑖓) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen tím**, ngộ tất cả Pháp *không có các Hành, không có sinh tử.*

5) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NẴNG (NA_𑖡) thời hiện ra tay cầm viên ngọc Như Ý (**Ma Ni Châu)**, ngộ tất cả Pháp *Tính Tướng chẳng thể đắc*.

6) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ LA (LA_ 𑖩) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen xanh**, ngộ tất cả Pháp *Xuất Thế Gian nên ưa thích sự vĩnh viễn chẳng hiện của CHI NHÂN DUYÊN.*

7) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NÁ (DA _𑖟) thời hiện ra tay cầm **cây Búa báu**, ngộ tất cả Pháp *điều phục tịch tĩnh Chân Như bình đẳng không có phân biệt.*

8) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ MA (BA_𑖤) thời hiện ra tay cầm **Chày Độc Cổ Kim Cương**, ngộ tất cả Pháp *lìa cột giải*.

9) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NOA (ḌA _ 𑖚) thời hiện ra tay cầm **nhành Dương Liễu**, ngộ tất cả Pháp *lìa nóng bức ô uế, được mát mẻ trong sạch*.

10) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SÁI (ṢA _ 𑖬) thời hiện ra tay **Vô Úy Dữ Nguyện**, ngộ tất cả Pháp *không có trở ngại*.

11) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ PHỘC (VA_𑖪) thời hiện ra tay cầm cái **Chuông báu**, ngộ tất cả Pháp *cắt đứt đường ngôn ngữ*.

12) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐA (TA_𑖝) thời hiện ra tay cầm Bánh Xe Kim Cương (**Kim Cương Luân**), ngộ tất cả *Pháp Chân Như bất động*.

13) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ DÃ (YA_ 𑖧) thời hiện ra tay cầm **Tràng Hạt** (Sổ Châu), ngộ tất cả Pháp *Như Thật chẳng sinh*.

14) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SẮT-TRA (ṢṬA _𑖬𑖿𑖘) thời hiện ra tay cầm **chùm Bồ Đào**, ngộ tất cả Pháp về tướng *Chế Phục Nhậm Trì* chẳng thể đắc.

15) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ CA (KA _𑖎) thời hiện ra tay **Xả Ma Tha** (tay trái), ngộ tất cả Pháp *Tác Giả chẳng thể đắc*.

16) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SA (SA _ 𑖭) thời hiện ra tay **Tỳ Bát Sa Ma** (Tay phải), ngộ tất cả Pháp *THỜI Bình Đẳng Tính chẳng thể đắc*.

Hai tay này biểu thị cho Lý Trí kết thành **Định Ấn**, bên trên Ấn có đặt cái **Bình Bát báu.**

17) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ MÃNG (MA _𑖦) thời hiện ra tay cầm **cây Phất Trần trắng**, ngộ tất cả Pháp *Ngã Sở Chấp Tính chẳng thể đắc*.

18) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NGA (GA _𑖐) thời hiện ra tay cầm cái Vòng Ngọc **(Ngọc Hoàn)**, ngộ tất cả Pháp *Hành Thủ Tính chẳng thể đắc*.

19) Khi BồTát Quán Thế Âm nhập vào chữ THA (THA_ 𑖞) thời hiện ra tay cầm cái rương báu **(Bảo Khiếp)**, ngộ tất cả Pháp *xứ sở chẳng thể đắc*.

20) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NHẠ (JA _ 𑖕) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen hồng**, ngộ tất cả Pháp *Năng Sở sinh khởi chẳng thể đắc*.

21) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SA-PHỘC (SVA_) thời hiện ra tay cầm **Sợi Dây** (Quyến Sách), ngộ tất cả Pháp *An Ẩn Tính chẳng thể đắc*.

22) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐÀ (DHA_) thời hiện ra tay cầm **Nhật Tinh Ma Ni**, ngộ tất cả Pháp *Năng Trì Giới Tính chẳng thể đắc*.

23) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ XẢ (ŚA_) thời hiện ra tay cầm **Nguyệt Tinh Ma Ni**, ngộ tất cả Pháp *Tịch Tĩnh Tính chẳng thể đắc.*

24) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ KHƯ (KHA _) thời hiện ra tay cầm **Bàng Bài**, ngộ tất cả Pháp *Như Hư Không Tính chẳng thể đắc*.

25) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ KHẤT-SÁI (KṢA _) thời hiện ra tay cầm cây **Tích Trượng**, ngộ tất cả Pháp *Cùng Tận Tính chẳng thể đắc*.

26) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐA-SA (STA _) thời hiện ra tay cầm **Cung Điện báu**, ngộ tất cả Pháp *Nhậm Trì Xứ Phi Xứ khiến cho Tính Bất Động chuyển chẳng thể đắc.*

27) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NƯƠNG (ÑA _) thời hiện ra tay cầm **Trí Ấn**, ngộ tất cả Pháp *Năng Sở Tri Tính chẳng thể đắc*.

28) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ LA-THA (RTHA_) thời hiện ra tay cầm cây **Gậy Đầu Lâu**, ngộ tất cả Pháp *Chấp Trước Nghĩa Tính chẳng thể đắc.*

29) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ BÀ (BHA_) thời hiện ra tay cầm cây **kiếm báu,** ngộ tất cả Pháp *Khả Phá Hoại Tính chẳng thể đắc.*

30) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ THA (CHA_) thời hiện ra tay cầm cái **Hồ Bình**, ngộ tấ cả Pháp *Dục Lạc Phú Tính chẳng thể đắc.*

31) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ SA-MA (SMA _) thời hiện ra tay cầm **Hoa Sen trắng**, ngộ tất cả Pháp *Khả Ức Niệm Tính chẳng thể đắc.*

32) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ HA-PHỘC (HVA _) thời hiện ra tay cầm **cây Thiết Câu**, ngộ tất cả Pháp *Khả Hô Triệu Tính chẳng thể đắc.*

33) Khi BồTát Quán Thế Âm nhập vào chữ ĐÁ-SA (TSA _) thời hiện ra tay cầm **Bạt Chiết La**, ngộ tất cả Pháp *Dũng Kiện Tính chẳng thể đắc.*

34) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ GIÀ (GHA_) thời hiện ra tay **Từ Niệm Định** (tay trái), ngộ tất cả Pháp *Nguyên (cái nguồn) Bình Đẳng Tính chẳng thể đắc.*

35) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ XÁ (ṬHA_) thời hiện ra tay **Bi Niệm Tuệ** (tay phải), ngộ tất cả Pháp *Tích Tập Tính chẳng thể đắc.*

Hai tay Định Tuệ này hợp thành **Liên Chưởng** an trước ngực.

36) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ NINH (ṆA_) thời hiện ra tay cầm cây **Kích Sao**, ngộ tất cả Pháp *lìa các Huyễn Thỉnh Vô Vãng Vô Lai Hành Trụ Tọa Ngọa (Không qua không lại, đi đứng ngồi nằm) chẳng thể đắc.*

37) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ PHẢ (PHA_) thời hiện ra tay cầm cây **Cung báu**, ngộ tất cả Pháp *Biến Mãn Quả Báo chẳng thể đắc.*

38) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhậ vào chữ XA-CA (SKA _) thời hiện ra tay cầm **Mũi Tên báu**, ngộ tất cả Pháp *Tích Tụ uẩn Tính chẳng thể đắc.*

39) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ DÃ-SA (YSA_) thời hiện ra tay cầm cái **Bình Quân Trì**, ngộ tất cả Pháp *Suy Lão Tính Tướng chẳng thể đắc.*

40) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ THẤT-TẢ (ŚCA_) thời hiện ra tay cầm đám **Mây Ngũ Sắc**, ngộ tất cả Pháp Tụ *Tập Túc Tích chẳng thể đắc.*

41) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ TRA (ṬA_) thời hiện ra tay **Định** (tay trái), ngộ tất cả Pháp *Tướng Khu Bách (thúc ép) Tính chẳng thể đắc.*

42) Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhập vào chữ TRÀ (ḌHA_) thời hiện ra tay **Tuệ** (tay phải), ngộ tất cả Pháp *Cứu Cánh Xứ Sở chẳng thể đắc.*

Hai tay Định Tuệ này hợp đưa lên trên đỉnh đầu an vị Hóa Phật thành tay **Đỉnh Thượng Hóa Phật**.

Câu xưng tán Thiên Thủ Thiên Quang Nhãn Đại Liên Hoa Vương Bồ Tát là:

NAMO SAHASRA BHŪJAYA SAHASRA-JVALA-NETRE MAHĀ-PADMA-RĀJA _ SARVA APĀYAJAHĀYA VIŚUDDHA.

.)**Tâm Chú** Của Tôn này là:

OṂ_ VAJRA-DHARMA HRĪḤ

.)**Đại Chú** của Tôn này là **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Chân Ngôn**

1_

PADMA-SATVA (Liên Hoa HữuTình) MAHĀ-SATVA (Đại Hữu Tình)

2_

LOKEŚVARA (Thế Tự Tại) MAHEŚVARA (Đại Tự Tại)

3_

AVALOKITEŚVARA (Quán Tự Tại) HRĪḤ (Chủng tử thanh tịnh của Liên Hoa Bộ)

4_

VAJRA-DHARMA (Kim Cương Pháp) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)

5_

DHARMA-RĀJA (Pháp Vương) MAHĀ-ŚUDDHA (Đại thanh tĩnh)

6_

SATVA-RĀJA (Hữu Tình Vương) MAHĀ-MATI (Đại Tuệ)

7_

PADMA-ATMAKA (Liên Hoa Thân) MAHĀ-PADMA (Đại Liên Hoa)

8_

PADMA-NĀTHA (Liên Hoa Tôn) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)

9_

PADMA-UDBHAVA (Liên Hoa hiển hiện) SUPADMĀBHA (Thiện Liên Hoa Quang)

10_

PADMA-ŚUDDHA (Liên Hoa thanh tĩnh) SUŚUDDHAKA (Thiện thanh tĩnh Pháp)

11_

VAJRA-PADMA (Kim Cương Liên Hoa) SUPADMAṂGE (Thiện Liên Hoa Thân)

12_

PADMA (Liên Hoa) PADMA (Liên Hoa) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)

13_

MAHĀ-VIŚVA (Đại xảo diệu) MAHĀ-LOKA (Đại Thế Gian)

14_

MAHĀ-KĀRYA (Đại Hành) MAHĀ-UPAMAḤ (Đại loại suy)

15_

MAHĀ-DHĪRA (Đại thủ trì) MAHĀ-VĪRA (Đại tinh tiến)

16_

MAHĀ-ŚĪLE (Đại thanh lương) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)

17_

SATVA (Hữu Tình) AŚAYA (Tâm Tính) MAHĀ-YĀNA (Đại Thừa)

18_

MAHĀ-YOGA (Đại Du Già) VIDHAMANĀṂ (người sáng tạo)

19_

CAṂPAKA-KĀRĀ (Chiêm Bặc Hoa Thủ: Tay cầm hoa Chiêm Bặc) ŚUDDHA ARTHA (Thanh tĩnh lợi ích)

20_

BUDDHA-PADMA (Phật Liên Hoa, Giác Tuệ Liên Hoa) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)

21_

DHARMA (Pháp) SATVA-ARTHA (Lợi ích cho Hữu Tình) SADDHARMA (Diệu Pháp)

22_

ŚUDDHA-DHARMA (Thanh Tĩnh Pháp) SUDHARMA (Thiện Pháp) HRI (Tàm, sự xấu hổ, biết hổ thẹn)

23_

MAHĀ-DHARMA (Đại Pháp) SUDHARMA (Thiện Pháp) HRĪḤ (Chủng Tử thanh tĩnh của Liên Hoa Bộ)

24_

DHARMA-CAKRA (Pháp Luân: Bánh xe Pháp) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)

25_

BUDDHA-SATVA (Giác Tuệ Hữu Tình) SUSATVA (Thiện Hữu Tình) HRĪḤ (Chủng Tử thanh tĩnh của Liên Hoa Bộ)

26_

DHARMA-SATVA (Pháp Hữu Tình) SUSATVA (Thiện Hữu Tình) DHṚ (Giữ gìn, cầm nắm)

27_

SATVA (Hữu Tình) UTTAMA (Tối Thượng) SUSATVA (Thiện Hữu Tình) JÑA (Trí Tuệ)

28_

SATVA-SATVA (Hữu Tình Chúng Sinh) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)

29_

AVALOKITA-NĀTHA (Quán Chiếu Tôn) HRĪḤ (Chủng Tử thanh tĩnh của Liên Hoa Bộ)

30_

MAHĀ-NĀTHA (Đại Tôn) VILOKITA (Quán chiếu)

31_

ALOKA (Siêu Thế, Xuất Thế Gian) LOKA (Thế Gian) ARTHA (lợi ích)

32_

LOKA-NāTHA (Thế Tôn) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)

33_

LOKA KṢARA (Thế Gian biến chuyển) KṢARAM-AHAṂ (Tôi cũng biến chuyển)

34_

NAKṢARA (không biến chuyển) HRĪḤ (Chủng Tử thanh tĩnh) KṢARA UPAMAḤ (Loại suy từ sự biến chuyển)

35_

AKṢARA (Chẳng biến chuyển) KṢARA (Biến chuyển) SARVA KṢA (Tất cả Chúng)

36_

CAKRA-KṢARA (Vòng luân chuyển) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)

37_

PADMA-HASTA (Liên Hoa Thủ: bàn tay cầm hoa sen) MAHĀ-HASTA (Đại Thủ)

38_

SĀMA-ŚVASA (Xoa dịu an ủi) KĀṆYAKĀḤ (Thánh Nữ đồng trinh)

39_

ŚUDDHA-DHARMA (Thanh Tĩnh Pháp) MAHĀ-BUDDHA (Đại Giác)

40_

BUDDHĀTMAKA (Phật Thân, Giác Tuệ Thân) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)

41_

BUDDHA-RŪPA (Hình sắc của Phật) MAHĀ-RŪPA (Đại Sắc)

42_

VAJRA-RŪPA (Kim Cương Sắc) SURŪPA (Thiện Sắc) VA (Chủng Tử Ngôn Ngữ của Kim Cương Bộ)

43_

DHARMA PAKVA (Nấu thổi tinh luyện Pháp) SUTEJA (Thiện Diễm Quang) HRĪḤ (Chủng Tử thanh tĩnh)

44_

LOKA (Thế Gian) ALOKA (Xuất Thế Gian) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)

45_

PADMA-ŚRĪ-NĀTHA (Liên Hoa Cát Tường Tôn) NĀTHA (Tôn) HRĪḤ (Chủng Tử thanh tĩnh)

46_

DHARMA-ŚRĪ-NĀTHA (Pháp Cát Tường Tôn) NĀTHA (Tôn) VAṂ (Chủng Tử chứng ngộ đường ngôn ngữ của Kim Cương Bộ)

47_

BRAHMA-NĀTHA (Phạm Thiên Tôn) MAHĀ-BRAHMA (Đại Phạm Thiên)

48_

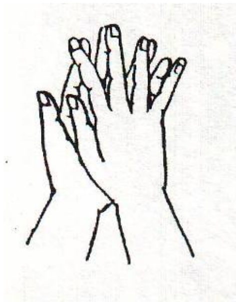
BRAHMA-PUTRA (Phạm Thiên Tử) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)

49_

DĪPA (Đăng: ngọn đèn) DĪPA (ngọn đèn) HRĪḤ (Chủng Tử thanh tĩnh)

50_
DĪPA (Ngọn đèn) LOKA (Thế Gian) SUDĪPAKĀḤ (Thiện Đăng Pháp)
51_
DĪPA-NĀTHA (Đăng Tôn) MAHĀ-DĪPA (Đại Đăng)
52_
BUDDHA-DĪPA (Giác Tuệ Đăng) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)
53_
BUDDHA-ABHIṢAKTĀ (Bồ Tát: Người gia công chuyên chú để đạt được quả vị Toàn Giác) BUDDHA (Giác Tuệ) HRĪḤ (Chủng Tử thanh tĩnh)
54_
BUDDHA-PUTRA (Phật Tử) MAHĀ-BUDDHA (Đại Giác)
55_
BUDDHA ABHIṢAIKA (Phật Quán Đỉnh) BUDDHA (Giác Tuệ) HRĪḤ (Chủng Tử thanh tĩnh)
56_
BUDDHA (Giác Tuệ) BUDDHA (Giác Tuệ) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)
57_
BUDDHA-CAKṢU (Phật Nhãn) MAHĀ-CAKṢU (Đại Nhãn)
58_
DHARMA-CAKṢU (Pháp Nhãn) MAHĀ-KṢAṆA (Đại Sát Na)
59_
SAMĀDHI (Đại Định) JÑĀNA (Trí Tuệ) SVABHĀVA (Tự Tính)
60_
VAJRA-NETRE (Kim Cương Nhãn, Kim Cương Mục) NAMO STUTE (Quy mệnh kính lễ)
61_
YONĪ (Nhìn ngó) SARVA ATMAKA (Tất cả Thân) NAKHINĀṂ (Chuyện khó khăn khó giải quyết)
62_
NAMAṢṬA (Tôn trọng kính mến) ŚATA DHATVA (Hàng trăm cõi giới)
63_
BHAVAYE (Hữu Đẳng: nhóm có sự hiện hữu) STANUYA (Tán thán) UDBHAVE (Phát sinh hiển hiện)
64_
LOKE'SVARAM (Thế Tự Tại) AVAPUṆE SITI (Rốt ráo hoàn thành đầy đủ khắp cả)

Thủ Ấn của Tôn này là **Cửu Phong Mật Ấn**: Hai tay kết Kim Cương Hợp Chưởng (Vajra-jaliṃ) hơi cong ngón tay lìa tướng Hợp Chưởng. Hợp 2 Độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) với nhau, đều dựng 4 Độ Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) liền thành.



Ấn này làm hình 9 ngọn núi. 2 ngón út, 2 ngón cái là 4 ngọn. 2 ngón trỏ, 2 ngón vô danh là 4 ngọn. 2 ngón giữa hợp thành một ngọn, tổng cộng thành 9 ngọn , Năng Cư và Sở Cư đồng một Thể. Do đó Tướng của Căn Bản Ấn biểu thị cho 9 ngọn núi, đấy là 4 Trí của 2 Bộ. 8 ngón tay biểu thị cho 8 Đức, 2 ngón giữa là một Trí của Bình Đẳng biểu thị cho Tổng Đức, nên thường dịch là Cửu Phong Mật Ấn

B_ Vì muốn giúp cho Chúng Sinh phá tan phiền não chướng đang ngăn che ánh sáng Thắng Diệu của Trí Tuệ bản nhiên trong tâm của mình nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Thiên Nhãn Thập Nhất Diện Quán Thế Âm.**

Ngài có thân màu trắng. 11 mặt xếp thành 5 tầng:

3 mặt của tầng một có mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu xanh lục, mặt bên trái màu đỏ

3 mặt của tầng thứ hai có mặt chính giữa màu xanh lục, mặt bên phải màu đỏ, mặt bên trái màu trắng

3 mặt của tầng thứ ba có mặt chính giữa màu đỏ, mặt bên phải màu trắng, mặt bên trái màu xanh lục. Tất cả khuôn mặt đều có mắt dài và nhỏ như đang mỉm cười

1 mặt của tầng thứ tư là khuôn mặt màu đen biểu lộ sự phẫn nộ, miệng ló răng nanh, có 3 mắt và tóc màu cam dựng đứng

1 mặt của tầng thứ năm là khuôn mặt hiền hòa màu đỏ đội vương miện

2 tay đầu tiên chắp lại trước ngực cầm viên ngọc báu

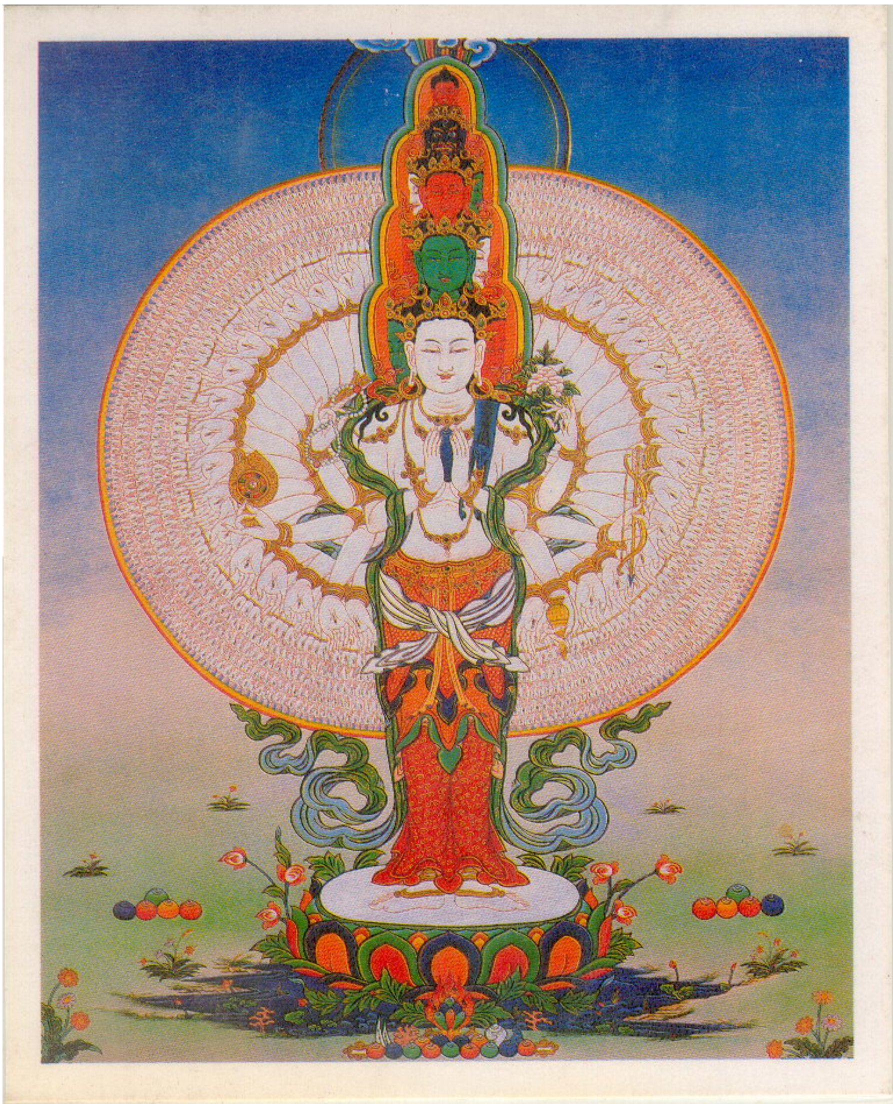
Bên phải: Tay thứ hai cầm tràng hạt, tay thứ ba kết Diệu Thí Thắng Ấn, tay thứ tư cầm Pháp Luân

Bên trái : Tay thứ hai cầm hoa sen vàng, tay thứ ba cầm bình có chứa nước Cam Lộ, tay thứ tư cầm cung tên

992 tay còn lại đều mềm mại như những cánh sen kết Diệu Thí Thắng Ấn.

Trong mỗi lòng bàn tay đều có một con mắt, không một cánh tay nào vượt quá vương miện và cũng không buông thấp quá đầu gối

Ngực trái của Ngài được che bằng miếng da hươu. Trang phục bên dưới làm bằng lụa vải tốt, thắt lưng bằng vàng có nạm ngọc quý, vương miện cũng nạm ngọc quý và thân của Ngài được trang điểm bằng mọi loại báu như vòng, xuyến, anh lạc, lụa nhiều màu … tỏa ánh hào quang sáng ngời.



Pháp chính của Tôn này là **Liên Hoa Kim Cương** (Padma-vajra)

.)**Tâm Chú** của Tôn này là:

OṂ_ MAṆI PADME HŪṂ HRĪḤ

.)**Đại Chú** của Tôn này là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARA-VAIROCANA-VYŪHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA (Kính lễ Thánh Trí Hải Biến Chiếu Trang Nghiêm Vương Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác)

NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ ARHATEBHYAḤ SAMYAKSAṂBUDDHEBHYAḤ (Kính lễ tất cả Như Lai Đẳng, Ứng Cúng Đẳng, Chính Đẳng Chính Giác Đẳng)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA (Kính lễ Bậc có Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát)

TADYATHĀ (Như vậy)

OṂ (cảnh Giác)

DHARA DHARA (Gia trì cho Ta và người)

DHIRI DHIRI (Người gia trì không kể nam nữ)

DHURU DHURU (Lóe sáng, gom chứa tiêu đề)

ITI VATI (Năng lực tự nhiên: Hư không, gió, mặt trời, mặt trăng…. Như vậy)

CALE CALE (Lay động, lay động)

PRACALE PRACALE (Lay động khắp, lay động khắp)

KUSUME KUSUMA BALE (Sức lực của bông hoa bên trong bông hoa)

CITI JVALAMĀPANĀYA (Hiểu biết lưu ý đến ánh sáng theo hơi thở ra vào)

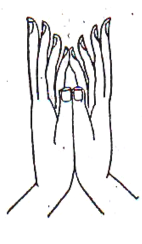
IRI (Che chở triệt để)

MIRI (Ngăn cản chặn đứng)

CIRI (Sự gây thương tích, giết chết)

PARAMA-ŚUDDHA-SATVA MAHĀ-KĀRUṆIKA SVĀHĀ (Quyết định thành tựu bậc Chí Thượng Thanh Tĩnh Hữu Tình có đầy đủ Tâm Đại Bi)

Thủ Ấn của Tôn này là **Bát Diệp Ấn:** Chắp 2 tay lại giữa trống không. 2 ngón cái, 2 ngón út cùng hợp nhau dựng đứng. 6 ngón còn lại bung duỗi thẳng như hình hoa sen nở. Kết Ấn xong. Quán tưởng trên Ấn có viên ngọc Như Ý.



Do Tôn này biểu thị cho lực gia trì của Kim Cương Bộ trong Quán Âm Bộ nên Mật Giáo Tây Tạng thường truyền dạy Pháp tu theo Tôn này.

C_ Vì muốn cho Chúng Sinh nuôi lớn Phước Đức đang tiềm ẩn trong tâm của mình khiến cho họ tự nhận biết rằng mình vốn có đầy đủ Công Đức như chư Phật không khác nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Quán Âm với 27 đầu mặt** xếp thành 5 tầng, biểu thị cho 9 Giới hiển Phật Giới. Thân có 42 tay cầm khí trượng và 958 tay còn lại xếp vòng quanh thân.



Tôn này biểu thị cho Đức ***Pháp Tài*** và có danh hiệu là **Thiên Thủ Quán Âm.** Pháp chính của Tôn này là **Liên Hoa Ma Ni** (Padma-maṇi)

.)Chân Ngôn của Tôn này là: **Thế Tôn Thánh Giả Thiên Nhãn Thiên Thủ Thiên Túc Thiên Thiệt Thiên Tý Quán Tự Tại Bồ Đề Tát Đỏa Đát Phộc Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy mệnh Tam Bảo

NAMAḤ ĀRYA AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA: Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

MAHĀ-VĪRĀYA, SAHASRA AKṢĀYA, SAHASRA ŚIRṢĀYA, SAHASRA PADĀYA, SAHASRA JIHVĀYA, SAHASRA BHUJĀYA: Đấng Đại Dũng Mãnh có ngàn mắt, ngàn đầu, ngàn chân, ngàn lưỡi, ngàn cánh tay

EHI BHAGAVAN ĀRYA AVALOKITEŚVARA: Đức Thánh Quán Tự Tại Thế Tôn như vậy

UGRA SATYA UGRA MAHĀ-UGRA MAHĀ-NĀDA: Đấng có uy đức, uy đức chân thật, uy đức to lớn, phát ra năng lực dưới hình thức âm thanh to lớn

KILI KILI KILI KILI: Găm chặt, găm chặt

MILI MILI MILI MILI: Ngăn chận, cản trở

CILI CILI CILI CILI: Lập lại lâu dài

NAṬU NAṬU NAṬU NAṬU: Hướng dẫn dìu dắt

KRASA KRASA KRASA KRASA: Nhu thuận

KURU KURU KURU KURU: Tác làm

EHYEHI MAHĀ-VĪRA: Hãy khéo đến ! Hỡi Đấng Đại Dũng Mãnh

VARAṂ DADA: Ban bố ước nguyện

VÌRYAMÏ DADA: Ban boá söï tinh tieán

SARVA KĀMAṂ ME PRAYACCHA: Mau lẹ ban cho tôi tất cả sự mong ước yêu thích

ŚĪRGHAṂ VAŚAṂ ME RĀṢṬA: Giáo hóa ước mơ của tôi

SARĀJAKAṂ KURU: Tác làm hành động của vị vua tốt (Thiện Vương)

SAHASRA BHUJA SAHASRA VĪRA LOKEŚVARA SĀDHAYA SADĀ SIDDHIṂ MEBHAVA: Chứng minh cho tôi thành tựu Nghi Thức của Đấng Thiên Tý Thiên Dũng Thế Tự Tại

DHARADOBHAVA AGROBHAVA MI: Trì giữ phát sinh cảnh hiện hữu nơi tôi

OṂ NAMO STUTE: Quy mệnh kính lễ

BHAGAVAN ĀRYA AVALOKITEŚVARA: Thánh Quán Tự Tại Thế Tôn

PRAPUṆYA PRASĪDAMAṂ VARADOMAMA: Ban bố cho tôi sự hiểu biết thấu đáo cao thượng của Phước Đức thù thắng

BHAVA MI: Hiện hữu nơi tôi

SVĀHĀ : Quyết định thành tựu

.)Thủ Ấn của Tôn này là **Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn**: Còn gọi là Ngũ Phong Ấn, Ngũ Trí Ấn, Ngũ Đại Ấn, Ngoại Ngũ Cổ Ấn.

Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành Quyền (Ngoại Phộc Quyền) dựng 2 ngón giữa dính nhau như cây kim (hoặc hình cánh sen úp) 2 ngón cái, 2 ngón út đều kèm nhau dựng thẳng đứng, duỗi bung 2 ngón trỏ.



Do 40 tay được chia làm 5 Bộ biểu thị cho diệu dụng của 5 Trí Như Lai nên Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn biểu thị cho 5 Trí của Liên Hoa Bộ. Vì thế Ngũ Cổ Mật Ấn nhiếp 40 tay, tức là Tổng Ấn của 40 tay và được gọi là **Thiên Thủ Căn Bản Ấn**

D_ Vì muốn làm tươi tốt muôn điều lành và khai mở cho Chúng Sinh tự thấu ngộ được bản tâm Thanh Tịnh Vô Cấu Nhiễm vốn có nơi mình nên các vị Đạo Sư đã minh họa Thân Thiên Thủ Thiên Nhãn Thanh Cảnh Quán Âm. Thân này có đầy đủ tướng tốt đẹp như thân Thánh Quán Âm với cái cổ màu xanh, hiện ngàn tay ngàn mắt.

Biến Thân của Tôn này là: Thân màu trắng có 3 mặt, mặt chính có dung mạo Từ Bi vui vẻ, bên phải là mặt sư tử, bên trái là mặt heo. Đầu đội mão báu, trong mão có vị Hoá Phật Vô Lượng Thọ. Thân có 4 cánh tay. Bên phải: Tay thứ nhất cầm cây gậy, tay thứ hai cầm Hoa Sen. Bên trái: Tay thứ nhất cầm bánh xe (Luân), tay thứ hai cầm vỏ ốc (Loa). Dùng da cọp làm quần, da hươu đen làm khăn quấn khoác ở góc vai trái, dùng con rắn đen làm Thần Tuyến. Ngồi trên hoa sen tám cánh, Anh Lạc, vòng xuyến tỏa ánh lửa trang nghiêm thân thể và Thần Tuyến từ bắp tay trái rũ xuống.



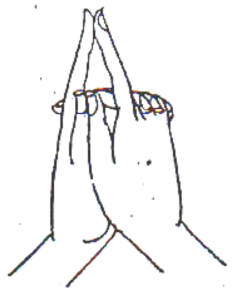
Do Tôn này biểu thị cho Pháp tu **Liên Hoa Pháp** (Padma-dharma) của Đức **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Avalokiteśvara-rājāya-tathāgata) nên Mật Giáo Trung Hoa thường truyền dạy Pháp tu theo Tôn này.

.)**Tâm Chú** của Tôn này là :

OṂ_ AROLIK SVĀHĀ

Thủ Ấn của Tôn này có 2 loại là:

.) Ngoại Phộc Thanh Liên Ấn: 2 ngón út, 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa cài chéo nhau bên ngoài. Dựng 2 ngón trỏ chạm đầu nhau như cánh sen. Dựng 2 ngón cái song song như cây phướng.



Chân Ngôn là: OṂ_ PADME NĪLAKAṆṬHI JVALA BHRŪ BHRŪ HŪṂ

.) Hai tay kết Kim Cương Phộc, 2 ngón giữa như cây phướng.



Chân Ngôn là: OṂ_ LOKE-JVALA-RĀJA HRĪḤ

Đại Chú của Tôn này có 2 bản:

.) Quảng Bản: **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Đà La Ni**

NAMO (Quy mệnh) RATNA-TRAYĀYA (ba báu, tam bảo)

NAMAḤ (Kính lạy) ĀRYA (Thánh) AVALOKITEŚVARĀYA (Quán Tự Tại) BODHI-SATVĀYA (Bồ Tát) MAHĀ-SATVĀYA (Đại Bồ Tát) MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA (Đấng có Tâm Đại Bi)

SARVA (Tất cả) BANDHANA (Sự cột trói, sự trói buộc) CCHEDANA (Chặt cắt) KĀRĀYA (Tác, làm)

SARVA BHAVA (Tất cả sự có sự hiện hữu) SAMUDRAṂ (Biển) SUKṢAṆA (Khô kiệt) KĀRĀYA (Tác, làm)

SARVA VYADHI (Tất cả bệnh tật) PRAŚAMANA (Tiêu diệt) KĀRĀYA (Tác, làm)

SARVA TITYU BHANDRAVA (Tất cả tai họa) VINĀŚANA (Cắt đứt) KĀRĀYA (Tác, làm)

SARVA BHAYEṢYO (Tất cả sự sợ hãi) TĀRĀṆA (Cứu độ) KĀRĀYA (Tác, làm)

TASMAI (Như vậy) NAMASKṚTVA (Tác kính lễ)

IMAṂ (Của tôi) ĀRYA-AVALOKITEŚVARÀYA (Thánh Quán Tự Tại) LAṂTABHA (Nơi cư ngụ)

NĪLAKAṆṬHA (Thanh Cảnh: Cái cổ màu xanh) NĀMA (Danh, tên gọi) HṚDAYA (Tâm, trái tim)

MABRATA ICCHYAMI (Nay tôi nói)

SARVĀRTHA (Tất cả sự lợi ích) SĀDHANAṂ (Phương cách thành tựu) ŚUDDHAṂ (Sự thanh tĩnh)

AJIYAṂ (Vượt thắng) SARVA BHŪTANAṂ (Tất cả Chúng Sinh, tất cả Quỷ Thần)

BHAVA (HỮU, Sự có hiện hữu) MĀRGA (Đạo, con đường) VIŚUDDHAKAṂ (Làm cho thanh tĩnh)

TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

OṂ (Cảnh giác)

ĀLOKE (Siêu Thế, vượt qua Thế Gian)

ĀLOKA-MATI (Siêu Thế Tuệ: Trí Tuệ vượt Thế Gian)

LOKATI (Thế Gian Tính: Tính chất của Thế Gian) VIKRAṂTE (Ly tác: hành động xa lìa vượt qua…)

HE (Mừng thay) HĀRE (Một tên riêng để gọi Sư Tử) ĀRYA-AVALOKITEŚVARA MAHĀ-SATVĀYA (Thánh Quán Tự Tại Đại Bồ Tát)

HE BODHI-SATVA (Mừng thay Đấng Bồ Tát)

HE VĪRYA-BODHISATVA (Mừng thay Đấng Tinh Tiến Bồ Tát)

HE (Mừng thay) MAHĀ-KĀRUṆIKA (đấng Đại Bi) SMARA (Ức niệm, Ghi nhớ) HṚDAYAṂ (Tâm)

HE HE (Mừng thay! Mừng thay!) HĀRE (Sư Tử) ĀRYA-AVALOKITEŚVARA (Thánh Quán Tự Tại)

MAHEŚVARA (Đại Tự Tại)

PRAMAITRA (Thắng Từ) CITTA (Tâm Ý)

MAHĀ- KĀRUṆIKA (Đấng Đại Bi)

KURU (Làm) KURU (Lại làm) KARMAṂ (Nghiệp, sự nghiệp)

SĀDHAYA (Phương cách thành tựu) SĀDHAYA-VIDYAṂ (Thành tựu Minh: Bài Minh Chú thành tựu)

ṆIHE ṆIHE (Dẫn cho, dẫn cho) ME (Tôi) VARAṂ (Ước nguyện)

KĀMAṂ (Sự yêu đương luyến ái) GAMA (Nơi chốn, sự che dấu)

VIGAMA (Xa lìa sự che dấu)

SIDDHA (Thành tựu) YOGEŚVARA (Du Già tự tại)

DHURU DHURU (Gom chứa chủ đề)

VIYANTI (Bậc Du Không: Hàng dạo chơi trên hư không) MAHĀ-VIYANTI (Bậc Đại Du Không)

DHĀRA DHĀRA (Cầm giữ, gìn giữ)

DHĀRE INDREŚVARA (Trì giữ sự tự tại của bậc Đế Vương)

CALA CALA (Lay động, lay động)

VIMALA (Ly cấu: xa lìa sự dơ bẩn) AMALA (Vô Cấu : không có sự dơ bẩn) AMRTE (Bất Tử : không có sự chết)

ĀRYA-AVALOKITEŚVARA (Thánh Quán Tự Tại) JINA (Da Hươu) KṚṢṆI (Màu đen)

JAṬA (Búi tóc trên đỉnh đầu) MAKUṬA (Cái mão lưu ly) VARAṂMA (Tuân theo, buông rũ) PRARAṂMA (Chuỗi kết bằng bông hoa)

MAHĀ-SIDDHA (Đại thành tựu) VIDYA-DHĀRA (Trì Minh)

MALA (Sự dơ bẩn, Nội cấu) MALA (Ngoại cấu) MAHĀ-AMALA (Đại Vô cấu)

BALA (Sức mạnh, nội lực) BALA (Ngoại lực) MAHĀ-ABALA (Đại vô lực)

CALA (Nội động) CALA (Ngoại động) MAHĀ-ACALA (Đại vô động)

KṚṢṆA-VṚṆA (Sắc màu đen) KṚṢṆA-PAKṢA (Bè nhóm màu đen) DĪRGHATANA (Đập nát)

HE (Mừng thay) MAHĀ-PADMA-HASTA (Đại Liên Hoa Thủ)

CĀRYA (Hành: đi lại, công hạnh) CĀRYA (Hành) NĪŚA-CĀRYA (Dạ hành: Đi lại trong bóng đêm) IŚVARA (Tự tại)

KṚṢṆA-SARPA (Hắc Xà: con rắn màu đen) KṚTVA (Tác làm) JYOPAVITRA (Thần Tuyến: sợi dây Thần)

EHYEHI (Khéo đến) MAHĀ-VARĀHA-MUKHA (Đại Trư diện: khuôn mặt heo to lớn)

TRIPŪRA (Ba trùng thành, cái thành có ba lớp bao quanh) DAHANA (Thiêu đốt) IŚVARA (Tự Tại)

NĀRĀYAṆA (Na La Diên Thiên, Kiên cố dũng mãnh Thiên) RŪPA (Hình sắc)

VARA-MĀRGA (Nguyện đạo: đường lối ước nguyện) DHĀRI (Trì giữ)

HE (Mừng thay) NĪLAKAṆṬHA (Đấng Thanh Cảnh)

HE (Mừng thay) MAHĀ-HĀRA (Đại đắc thắng, sự thâu nhiếp to lớn)

HĀRA (Thâu nhiếp) VIṢA (Chất độc) NIRJITA (Sự phát sinh)

LOKASYA (Thế gian đẳng) RĀGA-VIṢA (Chất độc Tham ái) VINĀŚANA (Trừ diệt)

DVAIṢA-VIṢA (Chất độc sân hận giận dữ) VINĀŚANA (Trừ diệt)

MOHA-VIṢA (Chất độc ngu si) VINĀŚANA (Trừ diệt)

HULU (Mau chóng) HULU (Mau chóng) MAHĀ-HULU (Cực mau chóng)

HĀRE-MAHĀ-PADMA-NĀTHA (Sư Tử Đại Liên Hoa Tôn)

SARA SARA (Kiên cố bền chắc)

SIRI SIRI (Dũng mãnh thù thắng cát tường)

SURU SURU (Tuôn nước Cam Lộ)

BUDDHĀYA BUDDHĀYA (Sở giác, sở giác của Ta Người)

BODDHĀYA BODDHĀYA (Giác ngộ, khiến cho Ta Người Giác Ngộ)

HE (Mừng thay) MAITRE-NĪLAKAṆṬHA (Từ Ái Thanh Cảnh)

EHYEHI (Khéo đến) VAMA (Bên trái) STHITA (An trú) SIṂHA-MUKHA (Khuôn mặt Sư Tử)

HASA HASA (Giọng cười, nụ cười)

MUṂCA MUṂCA (Phóng tán, buông thả, buông lơi)

MAHĀ-ṬĀṬA-HASA (Cười lớn tiếng ha ha)

EHYEHI (Khéo đến) PAṂ (Chủng tử biểu thị cho Đệ Nhất Nghĩa Vô Nhiễm)

MAHĀ-SIDDHA-YOGEŚVARA (Đại thành tựu Du Già Tự Tại)

SAṆA SAṆA VACA (Nay làm, nói năng)

SĀDHAYA SĀDHAYA-VIDYA (Phương cách thành tựu Bài Minh Thành Tựu)

SMARA (Ghi nhớ) SMARA ŚAṂ (ghi nhớ chính đúng)

BHAGAVAṂ (Đức Thế Tôn) TAṂ (Chủng tử biểu thị cho nghĩa Như Như Bất Khả Đắc)

LOKITA (Quán sát) VILOKITAṂ (Quán chiếu)

LOKEŚVARA TATHĀGATA (Thế Tự Tại Như Lai)

DADĀ HIME (Ban bố cho tôi) SARVA-SATTVA (Tất cả chúng hữu tình)

DARŚANA (Nhìn thấy, trông thấy) KĀMASYA (Đều yêu thích)

DARŚANAṂ (Khiến khi nhìn thấy) PRAKRADĀYA (Vui thích, khánh duyệt) MANA (khởi ý) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

SIDDHĀYA (Thành Tựu) SVĀHĀ (viên mãn Phước Trí)

MAHĀ-SIDDHĀYA (Đại thành tựu) SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

SIDDHA YOGEŚVARA (Thành tựu Du Già Tự Tại) SVĀHĀ (viên mãn Phước Trí)

NĪLAKAṆṬHA (Thanh Cảnh: Cái cổ màu xanh biểu thị cho nghĩa thọ nhận mọi sự đau khổ phiền não thay cho chúng sinh và ban niềm an vui hạnh phúc đến cho họ) SVĀHĀ (viên mãn Phước Trí)

MAHĀ-VARĀHA-MUKHĀYA (Đại Trư Diện) SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

MAHĀ-SIṂHA-MUKHĀYA (Đại Sư Tử Diện) SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

SIDDHA VIDYA-DHĀRĀYA (Thành tựu Trì Minh) SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

KṚṢṆA-SARPA KṚTVA JYOPAVITĀYA (Con rắn đen được dùng làm Thần Tuyến) SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

MAHĀ-MUKTĀ (Đại Châu, viên ngọc lớn) DHĀRĀYA (Cầm nắm) SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

CAKRA (Luân, bánh xe) YUDHĀYA (Trượng, cây gậy) SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

PADMA-HASTAYA (Liên Hoa Thủ: Đấng Bồ Tát có bàn tay cầm hoa sen màu hồng) SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

ŚAṄKHA (Loa, vỏ ốc) ŚABDANI (Âm thanh) BUDDHA-NĀYA (Lý thú của sự giác ngộ) SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

VAMA (Bên trái) SKANDA VIṢA (Nghiêng lệch về bờ vai) STHITA (An trú) KṚṢṆA-JINĀYA (Áo khoác bằng da hươu đen) [*Đấng khoác áo da hươu đen nghiêng lệch về vai trái*] SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

VYĀGHRA-CAMANI-VASANĀYA (mặc quần bằng da cọp) SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

LOKEŚVARĀYA (Đức Thế Tự Tại) SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

SARVA SIDDHEŚVARĀYA (Tất cả thành tựu tự tại) SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

NAMO (Quy mệnh) BHAGAVATE (Thế Tôn) ĀRYA (Thánh) AVALOKITEŚVARĀYA (Quán Tự Tại) BODHI-STVĀYA (Bồ Tát) MAHĀ-SATVĀYA (Đại Bồ Tát) MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA (Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi)

OṂ (Thân khẩu ý) SIDDHYANTU *[SIDDHI (Thành tựu) YANTU (Ban cho)]* MANTRA (Thần Chú, Chân Ngôn) PADĀYA (Câu cú) SVĀHĀ (Viên mãn sự an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn).

Thủ Ấn của Quảng Bản là **THANH CẢNH ẤN**: Hai tay cài chéo nhau bên ngoài. Rút ngón cái trái vào lòng chưởng, duỗi thẳng ngón cái phải, 2 ngón giữa làm hình cánh sen. Duỗi thẳng 2 ngón vô danh, 2 ngón út (bên trái đè bên phải) cùng cài chắc nhau.

.) Lược Bản**: Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**

1) Nam mô hạt la đát na đá la dạ gia

NAMO (Quy y) RATNA (Bảo, Vật báu) TRAYĀYA (Tam đẳng, ba nhóm)

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy y Tam Bảo

2) Nam moâ a lò gia

NAMAḤ (Quy mệnh, kính lễ) ĀRYA (Bậc thánh)

NAMAḤ ĀRYA: Quy mệnh Thánh

3) Bà lô yết đế thước bát la gia

AVALOKITA (Quán sát, xem xét) IŚVARĀYA (Đấng tự tại)

AVALOKITEŚVARĀYA: Quán Tự Tại

4) Bồ đề tát đỏa bà gia

BODHI (Giác tuệ, Phật Trí) SATVĀYA (Loài Hữu Tình)

BODHI-SATVĀYA : Bồ Tát (Bậc Giác Hữu Tình)

5) Ma ha tát đỏa bà gia

MAHĀ (Đại, to lớn) SATVĀYA (Loài Hữu Tình)

MAHĀ-SATVĀYA: Đại Giác Hữu Tình

6) Ma ha ca lô ni ca gia

MAHĀ (Đại) KĀRUṆIKĀYA (Bậc có Tâm Bi)

MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA: Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA: Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

7) Án

OM (Ba Thân, quy mệnh, cúng dường, cảnh giác, nhiếp phục)
OṂ:Quy mệnh



8) Tát bà la phạt duệ

SARVA (Tất cả) RABHAYE (Cấp đẳng thường hay gánh vác đảm nhận công việc khó khăn)

SARVA RABHAYE: Tất cả Thánh Tôn hay đảm nhận các công việc khó khăn



9) Số đát na đát tỏa

ŚUDDHA (Thanh tịnh) NĀDA (Âm thanh, âm giọng) ṢYA (Đẳng nhóm)

ŚUDDHA-NĀDASYA: Đẳng nhóm có âm thanh thanh tịnh. Câu này có nghĩa là: Vui vẻ dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU



10) Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a lị gia

NAMASKṚTVA (Quy y kính lễ) IMAṂ (của tôi) ĀRYA (Bậc Thánh)



11) Bà lô cát đế thất phật la lăng đà bà

AVALOKITEŚVARA (Quán Tự Tại) LAṂTABHA (Sự nâng nhấc, nơi cư ngụ)

NAMASKṚTVA IMAṂ ĀRYA-AVALOKITEŚVARA LAṂTABHA: Kính lễ **núi Bổ Đà Lạc Ca** (Potalaka:Hương sơn) là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát của tôi



12) Nam mô na la cẩn trì

NAMO (Quy Mệnh) NĪLAKAṆṬHA (Thanh Cảnh: Đấng có cái cổ màu xanh biểu thị cho Tâm Từ Bi Hiền ái của Bồ Tát Quán Tự Tại)

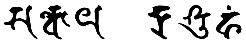
NAMO NĪLAKAṆṬHA: Quy mệnh Đức Thanh Cảnh Bồ Tát



13) Hê lị Ma ha bàn đá sa mế

HṚ (Nội tâm) MAHĀ (Đại) PATA (Ánh sáng) ŚAMI (Hàm chứa ngọn lửa)

HṚ MAHĀ-PATAŚAMI:Tâm Từ Bi hiền ái phóng tỏa ánh Đại Quang minh



14) Tát bà a tha đậu thâu bằng

SARVĀTHA (Khắp mọi nơi) DU (Đốt cháy) ŚUPHAṂ (Chiếu sáng)

SARVĀTHA DU ŚUPHAṂ: Đốt cháy khắp mọi nơi khiến cho chiếu sáng. Câu này biểu thị cho Vô Vi nghiêm tịnh.



15) A thệ dựng

AJIYAṂ (Không thể sánh, không thể vượt thắng hơn được)

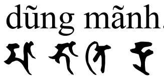
AJIYAṂ: Vô tỷ Pháp, Vô tỷ Giáo



16) Tát bà tát đá na ma bà già

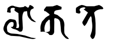
SARVA (Tất cả) SATVA (Hữu tình, kẻ có Tâm dũng mãnh) NĀMA (Danh xưng) BHAGA (Đức tính, đức hạnh, sự mong muốn hạnh phúc, hiệu lực, hiệu nghiệm)

SARVA SATVA NĀMA BHAGA: Tất cả Đức hạnh, danh xưng của bậc có Tâm dũng mãnh. Câu này biểu thị cho Phật Pháp rộng lớn vô biên



17) Ma phạt đặc đậu
MĀ (Đừng làm như vậy, đừng bỏ rơi) BHĀTI (Chói lọi rực rỡ) DU (Đốt cháy, Làm hư hỏng)
MĀ BHĀTI DU: Đừng làm hư hỏng sự chói lọi rực rỡ. Câu này biểu thị cho Bạn lành của Thế Gian mang thân cõi Trời (Thiên Thân Thế Hữu) khiến cho kẻ tu hành hết mê muội, giữ được Giới Thanh Tịnh
17 câu trên là phần: "QUY KÍNH TÔN ĐỨC MÔN"


18) Đát điệt tha
TADYATHĀ: như vậy, ấy là, liền nói Thần Chú là

19) Án, a bà lô hê
OṂ (Ba Thân, Quy mệnh, cảnh giác, cúng dường, nhiếp phục)
AVALOKI (Quán sát xem thấu khắp mọi nơi)
OṂ AVALOKI: Cảnh giác kêu gọi Đức Quán Thế Am

20) Lô ca đế
LOKATE (Hiểu biết, chiếu sáng)
LOKATE: Biểu hiện cho Thể Quang Minh

21) Ca la đế
KALATI (Tính đếm, trù hoạch, dự định, đặt để)
KALATI: Biểu thị cho lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn để hưng vượng sự nghiệp

22) Di hê lị
I (Kêu gọi vang lừng) HELIḤ (Mặt Trời , sự chiếu sáng một cách vô tư)
I HELIḤ: Thuận dạy Vô Tâm phổ hóa chúng sinh

23) Ma ha bồ đề tát đỏa
MAHĀ-BODHISATVA: Đại Bồ Tát

24) Tát bà tát bà
SARVA (tất cả)
SARVA SARVA: Hết thảy Phật Pháp Bình Đẳng làm lợi lạc cho tất cả Chúng Sinh

25) Ma la ma la
MĀLA (Chuỗi Anh lạc, tràng hoa biểu thị cho sự gom chứa Pháp lành)
MĀLA MĀLA: Tăng trưởng Thiện Pháp Như Ý cho ta và người

26) Ma hê ma hê lị đà dựng
MASĪ (Nhìn về , trông vào , xem xét) HṚDAYAṂ (Tâm Đẳng)
MASĪ MASĪ HṚDAYAṂ: Quán sát Tâm mình và Tâm người để tu thành thân Kim Cương Pháp được ngồi trên Toà Hoa Sen báu
9 câu trên là phần: "PHỔ CHỨNG ĐẠI BI TÂM MÔN"


27) Câu lô câu lô yết mông

KURU (Tác làm) KARMAṂ (Nghiệp Đẳng)

KURU KURU KARMAṂ: Làm Pháp tác dụng Trang Nghiêm, thổi Loa Pháp kết Giới, gieo trồng các Công Đức



28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế

TURU (Nhanh chóng vượt thoát) BHAṢI (Ngôn ngữ, giáo pháp) YATI (Điều khiển hướng dẫn)

TURU TURU BHAṢI YATI: Hướng dẫn giáo pháp nghiêm tịnh rộng khắp khiến cho ta và chúng sinh nhanh chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử

2 câu trên là phần: "TỊNH HÓA LỤC ĐẠO MÔN"



29) Ma ha phạt xà gia đế

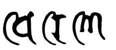
MAHĀ-BHAṢI YATI: Hướng dẫn Đạo Pháp tối thượng rộng lớn hay giải thoát sinh tử khổ não chẳng bị các thứ độc làm hại



30) Đà la đà la

DHĀRA (Nhiếp trì, gia trì)

DHĀRA DHĀRA: Gia trì, gia trì



31) Địa lị ni

DHIRIṆI: Người Trì Chú (chẳng luận Nam Nữ)



32) Thất phạt la gia

IŚVARĀYA (Tự Tại Đẳng)

IŚVARĀYA: Tự tại phóng ra Đại Quang Minh

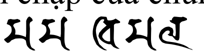
4 câu trên là phần: "THIỆN MINH QUÁN ĐỈNH MÔN"



33) Giá la giá la

CALA (Lay động, tác động, hành động)

CALA CALA: Hiện tướng Đại Phẫn Nộ rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh



34) Ma ma phạt ma la

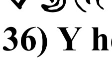
MAMA (Chỗ thọ trì của tôi) VIMALA (Xa lìa cấu nhiễm)

MAMA VIMALA: Chỗ thọ trì của tôi là nơi ly cấu tối thắng, là cảnh thâm diệu khó lường



35) Mục đế lệ

MUKTE: Giải thoát



36) Y hê di hê

EHYEHI (Khéo đến, khéo dạy dỗ)

EHYEHI: Thuận dạy, Tâm thuận theo các điều tự nhiên

37) Thất na thất na

ŚINA (Quân nhân, chiến sĩ. Người có Tâm Kiên Định)

ŚINA ŚINA: Tâm Đại kiên định sinh Đại Trí Tuệ



38) A la sâm phạt la xá lợi

ARASIṂ (Sự trống rỗng về cảm giác và mùi vị) BHALA (Trông thấy, chứng kiến) ŚARI (Loài thú hoang, mãnh thú, trực giác nhạy bén)

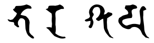
ARASIṂ BHALA ŚARI: Tu hành Pháp Thân thanh tịnh vượt ra khỏi các pháp chướng ngại (chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp) mà làm Bậc Pháp Vương ở Pháp Tự Tại



39) Phạt xa phạt sâm

BHAṢĀ (Ngôn ngữ, giáo pháp) BHAṢIṂ (Người thành thạo ngôn ngữ , người có Đạo Hạnh)

BHAṢĀ BHAṢIṂ: Kẻ Đạo Hạnh thành Đạo Chân Lạc



40) Phạt la xá gia

BHARA (Ủng hộ, tán trợ) ŚAYA (Ngọa, nằm. Dùng Pháp Y đắp thân nằm, chính niệm chính giác mà chẳng mất uy nghi)

BHARA ŚAYA: Tự tỉnh ngộ Bản Lai Diện Mục (Khuôn mặt xưa nay. Đây là thuật ngữ của Thiền Tông nhằm chỉ bậc đã kiến Tính)



41) Hô lô hô lô ma la

HULU (Nhanh chóng) PRA (Sự thắng thượng như ý)

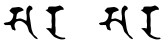
HULU HULU PRA: nhanh chóng làm pháp Như Ý Thắng thượng



42) Hô lô hô lô hê lị

HULU (nhanh chóng) ŚRĪ (Cát tường)

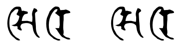
HULU HULU ŚRĪ: Nhanh chóng làm pháp Cát Tường tự tại



43) Sa la sa la

SARA (Kiên cố, bền chắc)

SARA SARA: Sức kiên cố, thật bền chắc



44) Tất lị tất lị

SIRI (Dũng mãnh thù thắng)

SIRI SIRI: Dũng mãnh thù thắng cát tường



45) Tô rô tô rô

SURU (Ban rải nước Cam Lộ)

SURU SURU: Ban nước Cam Lộ tế độ khắp cả chúng sinh



46) Bồ đề dạ, bồ đề dạ

BUDHIYA (Giác ngộ, tỉnh ngộ)

BUDDHIYA BUDDHIYA: Khiến cho khắp cả chúng sinh Giác ngộ tỉnh ngộ



47) Bồ đà dạ, bồ đà dạ

BUDDHĀYA (Tuệ giác, Trí giác)

BUDDHĀYA BUDDHĀYA: Khiến cho khắp cả chúng sinh đạt được Tuệ Giác Trí Giác

15 câu trên là phần: “THẦN LỰC GIA TRÌ MÔN”

𑖦𑖹𑖝𑖿𑖨𑖰𑖧

48) Di đế lị dạ

MAITRIYA: Tâm Từ , ban vui cho người khác

𑖡𑖱𑖩𑖎𑖜𑖿𑖙

49) Na la cẩn trì

NĪLAKAṆṬHA (Thanh cảnh, cái cổ màu xanh)

NĪLAKAṆṬHA: Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Đấng Hiền Thủ hay thương yêu kẻ hiền bảo vệ người lành

𑖝𑖿𑖨𑖰𑖫𑖨𑖜

50) Tha lị sắt ni na

TRI (Ba) ŚARAṆA (sự cứng bén)

TRIŚARAṆA: cương quyết tu Đạo của Ba Thừa (Thanh Văn Giác, Độc Giác, Toàn Giác)

𑖀𑖥𑖧 𑖦𑖜

51) Bà dạ ma na

ABHAYA (Bậc vô úy) MAṆA (Tâm ý)

ABHAYA MAṆA: Tâm Ý của Đấng Vô Úy

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

52) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖯𑖧

53) Tất đà dạ

SIDDHIYA (Thành tựu đẳng)

SIDDHIYA: Pháp cởi bỏ danh lợi, nhận thức rõ các điều chân giả

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

54) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖦𑖮𑖯 𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖯𑖧

55) Ma ha tất đà dạ

MAHĀ-SIDDHIYA (Đại thành tựu đẳng)

MAHĀ-SIDDHIYA: Tất cả sự lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

56) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠 𑖧𑖺𑖐𑖸

57) Tất đà dụ nghệ

SIDDHA (Thành tựu) YOGA (Du già, sự tương ứng)

SIDDHAYOGA: Thành tựu Du Già, tức là Pháp Vô Vi

𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧

58) Thất bàn la dạ

IŚVARĀYA: Tự tại đẳng

Siddhayoga+ Iśvarāya = siddhayogeśvarāya



59) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn



60) Na la cẩn trì

NĪLAKAṆṬHA: Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát biểu thị cho Công Đức nội chứng của Quán Tự Tại Bồ Tát là Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái



61) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn



62) Ma la na la

PRA (Thắng thượng) VARĀHA (heo) MUKHĀYA (khuôn mặt)

PRAVARĀHA-MUKHĀYA: Khuôn mặt heo thắng thượng biểu thị cho Đạo Như ý thắng thượng vô lượng bền chắc



63) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn



64) Tất la tăng a mục khư gia

ŚRĪ (Cát Tường) SIṂHA (Sư Tử) MUKHĀYA (Diện mạo, khuôn mặt)

ŚRĪ-SIṂHA-MUKHĀYA: Khuôn mặt sư tử cát tường biểu thị cho Tâm ái Hộ làm Đại Y Vương trừ các bệnh khổ não cho tất cả chúng sinh



65) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn



66) Sa bà ma ha a tất đà dạ

SARVA (Tất cả) MAHĀ (Đại, to lớn) MUKTĀYA (Viên ngọc)

SARVA MAHĀ-MUKTĀYA: Tất cả viên ngọc to lớn biểu thị cho Tất cả Pháp Đại Thừa vô thượng vô tỷ



67) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn



68) Giả cát la a tất đà dạ

CAKRĀ (Luân, bánh xe) YUDHĀYA (Cây gậy)

CAKRĀ YUDHĀYA: Đạo Thanh Tịnh vô thượng dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán



69) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn



70) Ba đà ma yết tất đà dạ

PADMA (Hoa sen hồng) HASTĀYA (Thủ đẳng, bàn tay)

PADMA-HASTĀYA: Liên Hoa Thủ Đẳng (chư vị cầm hoa sen trong bàn tay), tức là Pháp Thiện Thắng của hoa sen hồng hay giải thoát tất cả sự trói buộc của khổ não



71) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn



72) Na la cẩn trì bàn già la gia

NĪLAKAṆṬHA (Thanh Cảnh) ŚAṄKHA (vỏ ốc biểu thị cho cái loa Pháp) RĀJA (Vương, vua chúa)

NĪLAKAṆṬHA-ŚAṄKHA-RĀJA: Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát biểu thị cho sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ sự ách nạn sợ hãi



73) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn



74) Ma bà lị thắng yết la dạ

MĀ (Đừng buông bỏ) VARI (Tâm nguyện) ŚAṄKARĀYA (Sự câu tỏa)

MĀ VARI ŚAṄKARĀYA: Đừng buông bỏ sự câu tỏa của Tâm nguyện tức là bản tính Đại chí đại dũng của hàng Bồ Tát



75) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

28 câu trên là phần: "THÂM NHẬP ĐẠI BI TÂM MÔN"



76) Nam mô hạt la đát na đá la dạ gia

NAMO (Quy y , quy mệnh) RATNA (Bảo, vật báu) TRAYĀYA (Ba nhóm)

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy y ba báu: Phật, Pháp, Tăng



77) Nam mô a lị gia

NAMAḤ (Quy mệnh) ĀRYA (Thánh)



78) Bà lô cát đế

AVALOKITA (Quán , xem xét khắp nơi)



79) Thước bàn la dạ

IŚVARĀYA (Tự tại đẳng)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA: Quy mệnh Đức Thánh Quán Tự Tại



80) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn công đức nội chứng

5 câu trên là phần: "HIỂN HIỆN ĐẠI BI TÂM MÔN"



81) Án tất điện đô

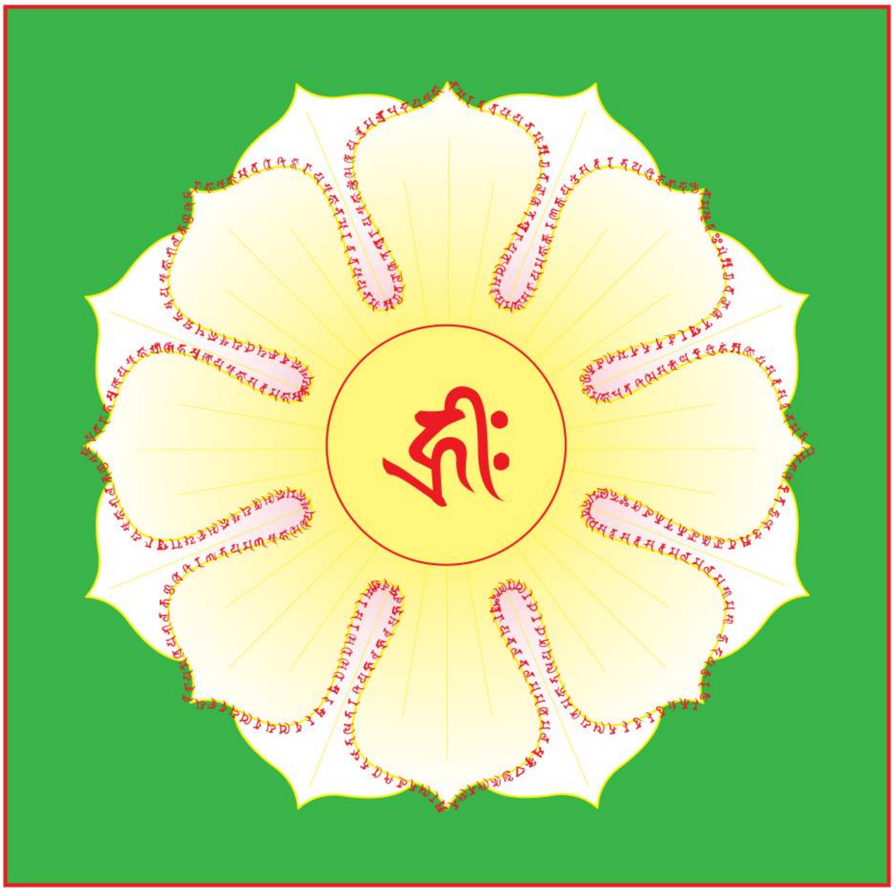
OṂ (Thân khẩu ý) SIDDHI (Thành tựu) YANTU (Ban cho)
(SIDDHI YANTU viết gọn lại thành SIDDHYANTU)

82) Mạn đá la
MANTRA: Thần Chú, Chân Ngôn

83) Bạt đà gia
PADĀYA: Câu cú

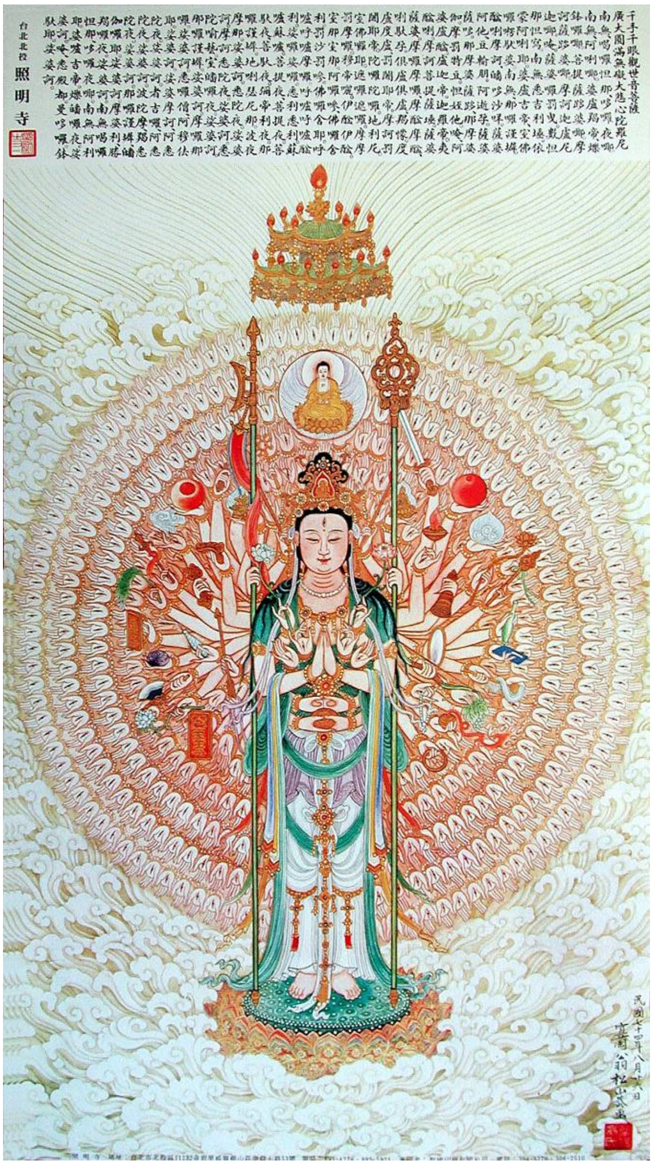
84) Sa bà ha
SVĀHĀ: Thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn
4 câu trên là phần: "THÀNH TỰU NIẾT BÀN MÔN"

.)Thủ Ấn của Lược Bản là **THANH CẢNH ĐẠI BI TÂM ẤN**: Chắp 2 tay lại giữa rỗng. Co 2 ngón trỏ đều móc lóng thứ hai của ngón cái (Đây là Loa Pháp). Dựng hợp 2 ngón giữa (Đây là Hoa sen). Dựng 2 ngón vô danh nghiêm tròn trịa (Đây là Bánh xe). Dựng hợp 2 ngón út (Đây là cây gậy). Nơi Một Ấn có đủ 4 Ấn là: Pháp Loa, Liên Hoa, Luân, Trượng vậy.



_Do Lược Bản hàm chứa đầy đủ Lý Thú tu hành của Pháp tu Quán Âm nên các vị Đạo Sư Mật Giáo (Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam) thường truyền dạy Bản này.

E_ Vì Đức Hóa Tha Nghiệp Dụng của chư Phật vì thương xót Chúng Sinh mà thi hành tất cả sự nghiệp nhằm giúp cho đoạn trừ mọi mê vọng để tự chứng được bản tâm Tịch Tĩnh an nhiên của chính mình nên các vị Đạo Sư đã minh họa thân **Thiên Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm** giống như thân Thánh Quán Âm với mọi tướng tốt đẹp , đầy đủ ngàn mắt ngàn tay.



Biến Thân của Tôn này là: Thân của Bồ Tát vẽ màu vàng Diêm Phù Đề, mặt có 3 mắt, tay có 1.000 bàn tay, ở mỗi lòng bàn tay đều có 1 con mắt, đầu đội mão báu, mão có vị Hóa Phật. Bàn tay lớn chính có 18 cánh tay. Trước tiên là hai tay để ngang trái tim chắp lại, 1 bàn tay cầm chày Kim Cương, 1 bàn tay cầm Tam Kích Xoa, 1 bàn tay kết Ấn Phạm Giáp, 1 bàn tay nắm cái Ấn Báu, 1 bàn tay cầm cây Thiết Trượng, 1 bàn tay nâng Viên ngọc báu, 1 bàn tay cầm Bánh xe báu, 1 bàn tay cầm hoa sen hé nở, 1 bàn tay cầm sợi dây, 1 bàn tay cầm cành Dương liễu, 1 bàn tay cầm Tràng hạt, 1 bàn tay cầm cái bình Táo Quán, 1 bàn tay ban nước Cam Lộ tuôn chảy, 1 bàn tay tuôn mọi loại mưa báu ban cho sự không sợ hãi. Lại dùng hai bàn tay để ngang rốn, bên phải đè bên trái, ngửa lòng bàn tay. 982 bàn tay còn lại ở trong bàn tay đều nắm Ấn của mọi loại khí trượng.

Pháp chính của Tôn này là **Liên Hoa Yết Ma** (Padma-karma).

.)Chân Ngôn của Tôn này là: **Thiên Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm Đại Thân Chú**

NAMO SARVA-JÑĀYA: Quy mệnh Nhất Thiết Trí Đẳng

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy mệnh Tam Bảo

NAMO AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA: Quy mệnh Vô Lượng Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA: Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

NAMAḤ MAHĀ-STHĀMA-PRĀPTĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA: Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Đắc Đại Thế (Đại Thế Chí) Bồ Tát Ma Ha Tát

NAMO BHAGAVATE VIPULA-VIMANA-SUPRATIṢṬA-SUṂGHYĀ SŪRYA-ŚATA-SAHASRA-ATREKA-PRABHĀVABHĀṢITA-AMṚTYE: Quy mệnh **Quảng Bác Năng Lực Thiện Thắng Trụ Chúng Nhật Bách Thiên Phú Nhiêu Quang Chiếu Diệu Bất Tử** Thế Tôn

MAHĀ-MAṆI MAKUṬA KUṆḌALA DHĀRIṆI: Cầm giữ cái bình và mão báu Đại Như Ý

BHAGAVATE PADMA-PĀṆAYE: Đức Thế Tôn Liên Hoa Thủ

SARVA LOKĀPAYA ŚAMA-NĀYA: Ban lý thú êm dịu cho tất cả lối nẻo của Thế Gian

VIVIDHA BHAYA DUḤKHA SAMA VEŚA VIṢṬA: Đi vào làm bạn với mọi thứ khổ não đáng sợ

SARVA-SATVA PARIMOCANAYA: Khiến cho tất cả Hữu Tình được giải thoát

TADYATHĀ: Như vậy, liền nói Chú là

OṂ_ BHŪRU BHŪVAḤ: Hỡi sự sáng tạo ra đất và không gian

MAHĀ-LOKA KĀRUṆĀTMA: Đại Thế Bi Thân

STIMIRA PAṬARA VINAŚANA KARAYA: Điềm tĩnh tác diệt trừ sự cuồng loạn lạc lõng

RĀGA, DVAIṢA, MAHĀ-MOHA JĀLA ŚAMAKA ŚASAKA RAKṢAKA: Đấng hỗ trợ hủy diệt làm cho dòng nước Tham, Sân, Đại Si được an lành

SARVĀPAYA DUḤKHA DURGATI PRAŚAMANA KARAYA: Tác tiêu trừ tất cả lối nẻo khổ đau khủng khiếp, làm cho được yên tĩnh

SARVA TATHĀGATA-SAMA BANDHA KARA: Tác cột buộc với tất cả Như Lai Đẳng

SARVA SATVĀ ŚAPARIPURAKA: Làm cho tất cả Hữu Tình thông minh lanh lợi hơn

SARVA SATVA SAMA ŚVASA KARA: Tác xoa dịu an ủi tất cả Hữu Tình

EHYEHI MAHĀ-BODHISATVA: Đại Bồ Tát hãy khéo đến !

VARADA PADMA RAKṢAṂ BHŪTA: Ban bố Hoa Sen ủng hộ chúng sinh

MAHĀ-KĀRUṆIKA: Đấng Đại Bi

JAṬA-MAKUṬA ALUṂKṚTA: Trang sức bằng mão Lưu Ly đội trên búi tóc

ŚIRṢAI MAṆI-KANAKA-RĀJATA VAJRA VAIḌURYA ALUṂKṚTA: Đầu trang sức bằng mọi loại Lưu Ly, Kim Cương, vật của Đế Vương, Vàng, Ngọc Ma Ni

ŚARIRA AMITĀBHA-JINA MAHĀ-KAMALA ALUṂKṚTA: Thân trang sức bằng hoa sen đỏ to lớn của đức Phật Vô Lượng Quang

PRAVARA NĀRA NĀRI, MAHĀ-JANA ŚATA-SAHĀSRA AVILA ṢITA KĀYA: Như những người đàn ông đàn bà có Thắng Nguyện với thân thể màu trắng vượt hơn cả trăm ngàn con cừu của dòng Quý Tộc.

MAHĀ-BODHISATVA: Đại Bồ Tát

VIDHAMA VIDHAMA: Người sáng tạo

VIDHĀŚAYA VIDHĀŚAYA: Tâm tư sùng kính

MAHĀ-YANTRA: Đại Hộ Phù (Phù Chú Pháp)

KLEŚA KAVAṬĀBHA VARDHA SAṂSARA CARAKA PRAMATHANA: Tồi phục ánh sáng tạo thành phiền não tăng trưởng trong vòng Luân Hồi Sinh Tử

PURUṢA-PADMA: Liên Hoa Trượng Phu

PURUṢA-NĀGA: Long Trượng Phu

PURUṢA-SĀGARA: Hải Trượng Phu

PURUṢA-VIRAYA: Dũng Mãnh Trượng Phu

SUTAṂTA SUTAṂTA: Khéo làm cho mất dần

PṚ VṚNA: Hình thức khác

DAMA DAMA: Khiến được thuần hóa trở thành yên tĩnh

SAMA SAMA: Đẳng đẳng

DHURU DHURU: Gom chứa chủ đề

PRĀŚAYA PRĀŚAYA: Tán dương thờ phụng

GIRI GIRI: Vững chắc như núi cao

VIRI VIRI: Dũng mãnh tinh tiến

CILI CILI: Lập lại lâu dài

MURU MURU: Trở nên sắc bén lanh lợi

MUYU MUYU: Trở nên đầy đủ

MUṂCA MUṂCA: Trở nên tự do

BHAGAVAṂ ĀRYA-AVALOKITEŚVARA: Thánh Quán Tự Tại Thế Tôn

RAKṢA RAKṢA MAMASYA SARVA SATVĀNĀṂCA: Ủng hộ ủng hộ cho chúng con với tất cả chúng Hữu Tình

SARVA BHAYEBHYAḤ DHUMA DHUMA VIDHUMA VIDHUMA: Tất cả sự sợ hãi đều bị giật lắc làm cho lung lay

DHURU DHURU: Gom chứa chỉ tiêu

GAYA GAYA: Ca hát

GADAYA GADAYA: Thuật lại rõ ràng

HASA HASA: Cười, cười

PRAHASA PRAHASA: Cười lớn

VIDHA VIDHA: Loại bỏ cắt đứt

KLEŚA VĀSANA: Nơi cư ngụ của Phiền Não

MAMASYA: Chúng con

HARA HARA: Thâu nhiếp

SAṂHARA SAṂHARA: chân chính thu nhiếp

DHURUṬI DHURUṬI: Gom giữ , gom giữ

MAHĀ-MAṆḌALA KIRAṆA ŚATA PRASEVAKA BHĀṢA VIMANA ŚAMAKA: Đại Đạo Trường biến đổi hàng trăm ngôn thuyết kém cỏi, tạo nên năng lực làm cho yên lành

MAHĀ-BODHISATVA VARADA SVĀHĀ: Quyết định thành tựu sự ban bố của Đấng Đại Bồ Tát

.)Thủ Ấn của Tôn này là **Tổng Nhiếp Thiên Tý Ấn**: Đứng thẳng, hai chân song song nhau. Ngửa lòng bàn tay phải, năm ngón đều phụ nhau. Lại ngửa lòng bàn tay trái đè trên lòng bàn tay phải rồi để chạm dính trái tim.

Ấn này hay giáng phục Ma Oán của ba ngàn Đại Thiên Thế Giới.



Chú là:

TADYATHĀ: AVALOKITEŚVARĀYA SARVA-DUṢṬA UHA MIYA SVĀHĀ

THANH CẢNH QUÁN ÂM

Thanh Cảnh Quán Âm có tên Phạn là Nīlakaṇṭha trong đó **Nīla** là màu xanh, **Kaṇṭha** là cái cổ. Như vậy **Nīlakaṇṭha** có nghĩa là cái cổ màu xanh nên gọi là THANH CẢNH. Một số bản truyền thừa dịch âm tên này là: Na La Giản Đà, Ni La Kiến Tha, Nễ La Cẩn Trì, Nễ La Kiến Thế, Na La Cẩn Trì… Hoặc ghi nhận tên Phạn là: Nilaghace, Arya Nilaghace, Nīlakaṇṭhi, Nalakiddhi …

Theo truyền thống Mật Giáo thì Tôn này vì muốn dứt trừ mọi sự sợ hãi, oán nạn cho tất cả chúng sinh nên đã ăn nuốt tất cả chất độc, mọi loại bất thiện uế ác … gom tụ ở cổ mà có cái cổ màu xanh và sau này cái cổ màu xanh được biểu thị cho nghĩa **Phiền Não tức Bồ Đề.** Do đây mới có tên là **Thanh Cảnh.**

Truyền thống này cũng tương đồng với truyện tích thần thoại cổ xưa của Ấn Độ về Śiva Thượng Đế. Tương truyền khi các Thiên Thần quấy động biển sữa tìm cầu **Cam Lộ** (Amṛta), thời Śiva (Thấp Bà Thần) phát hiện trong biển có cái bình độc, do sợ cái bình độc này sẽ gây hại chúng sinh nên Śiva đã phát Tâm Đại Bi tự mình nuốt hết cái bình độc và bị chất độc hại phát tác cho nên cổ gáy biến thành màu xanh. Từ truyền thống này mà **Thanh Cảnh Quán Âm** có hình tượng tương tợ với Śiva.



Theo truyền thống Hoa Văn thì Tôn này còn được xưng là **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát**, là một Hoá Thân của Quán Âm Bồ Tát, thuộc vị Quán Âm thứ 14 trong 33 Thể Quán Âm. Hoặc là vị Minh Vương (Vidya-rāja) do Quán Âm Bồ Tát hoá hiện ra. Nếu có chúng sinh niệm vị Quán Âm này ắt xa lìa sợ hãi, ách nạn, được giải thoát các khổ.

Căn cứ vào **Ca Lâu La Vĩ Sa Pháp** thì **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara) có 3 mắt, tên cổ hiện màu xanh, toàn thân có 18 tay nên được xem là tương đồng với Tôn này.

Theo ***Thai Tạng Giới Man Đa La của A Xà Lê*** thì **Thanh Cảnh Quán Âm** (Lộc Bì Y Hình: Hình mặc áo da hươu) có vị trí trong Viện Quan Âm và là một trong 4 vị Đa La Tôn tu trì thành tựu pháp Quán Âm đồng thời biểu thị cho **Công Đức nội chứng** của Quán Tự Tại Bồ Tát.

Mật Giáo Trung Hoa ghi nhận rằng: do Đức **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Lokeśvara-rāja-tathāgata) tu hành pháp yếu **Liên Hoa Đạt Ma** (Padma-dharma: Liên Hoa Pháp) nên Đức Phật **A Di Đà** (Amitāyus: Vô Lượng Thọ) có biệt hiệu là **Thanh Cảnh**.

❖ HÌNH TƯỢNG:
có 3 loại Tôn Tượng là 2 tay, 4 tay, 1000 mắt 1000 tay.

_ **Phật Giáo Ấn Độ** ghi nhận **Thanh Cảnh** là một trong 108 vị Quán Âm với danh xưng là **Thanh Cảnh Thế Tự Tại** (Nīlakaṇṭha-Lokeśvara)



_ **Thanh Cảnh Quán Âm** (hay **Thanh Đầu Quán Âm**): Tôn thứ 14 trong 33 Thể Quán Âm, tương đương với hóa thân Phật Đà của Bồ Tát Quán Âm



_ **Quyển Sách Kinh** 9 ghi là: Thanh Cảnh Quán Thế Âm có tay trái cầm hoa sen, tay phải giương lòng bàn tay, ngồi kiết già.



_ **Khẩu Quyết** ghi là: như **Thánh Quán Âm** chỉ có cái cổ màu xanh, hiện 1000 mắt 1000 tay (Do Tôn tượng này mà Thanh Cảnh Quán Âm còn được tôn xưng là Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm).

_ **Thanh Cảnh Đại Bi Niệm Tụng Nghi Quỹ** ghi: Tượng ấy có 3 mặt, bốn cánh tay cầm 4 loại vật là: cây gậy, hoa sen, bánh xe, vỏ ốc (loa). Thân màu trắng hồng, cổ màu xanh biểu thị cho nghĩa **Phiền Não tức Bồ Đề.**



_ **Thanh Cảnh Nghi Quỹ** ghi là: Màu trắng có 3 mặt. Mặt chính có dung mạo từ bi vui vẻ, bên phải là mặt sư tử, bên trái là mặt heo. Đầu đội mão báu, trong mão có Vị Hóa Vô Lượng Thọ Phật. Toàn thân có 4 tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây gậy, tay thứ hai cầm hoa sen. Bên trái: tay thứ nhất cầm bánh xe (Luân), tay thứ hai cầm vỏ ốc (Loa). Dùng da cọp là quần, da hươu đen làm khăn quấn khoác ở góc vai trái, dùng

con rắng đen làm Thần tuyến. Ngồi trên hoa sen tám cánh. Anh lạc, vòng xuyến tỏa ánh lửa trang nghiêm thân thể và Thần tuyến từ bắp tay trái rũ xuống.



∗ Tôn này có chủng tử là HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾) hay SA (𑖭) hoặc SAḤ (𑖭𑖾)

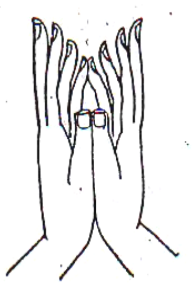
∗ Tam muội gia hình là *Hoa sen xanh mới nở* hoặc *vật báu có hình bánh xe*.

❖ ẤN QUYẾT:

1) Bát Diệp Liên Hoa Ấn :

Đây là Ấn thông dụng của các vị Quán Âm trong Liên Hoa Bộ. Bên trên hoa sen 8 cánh thù diệu, quán tưởng viên ngọc báu, biểu thị cho hình Tam Ma Gia của Bản Tôn là dùng Pháp Đại Bi thanh tịnh giúp cho chúng Hữu Tình tự trực ngộ Giác Tính Tối Thượng vốn có trong Tâm mình. Vì kết Hiển Ấn nên gọi là Tối Mật Ấn

Chắp 2 tay lại giữa trống không. 2 ngón cái, 2 ngón út cùng hợp nhau dựng đứng. 6 ngón còn lại bung duỗi thẳng như hình hoa sen nở. Kết Ấn xong. Quán tưởng trên Ấn có viên ngọc Như Ý.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖦𑖜𑖰 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖸 𑖮𑗝𑖽 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾

OṂ MAṆI PADME HŪṂ HRĪḤ

Nếu chỉ kết Ấn mà không quán viên ngọc Như Ý thì có thể dùng mọi Chân Ngôn của các vị Quán Âm trong Liên Hoa Bộ.

2) Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm Tùy Tâm Ấn

Ấn này tức là Diệu Hương Ấn và có tên là **Đại Bi Bạt Khổ Ấn**.

Hai tay cài chéo các ngón trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành Quyền (Nội Phộc Quyền) Duỗi 2 ngón trỏ sao cho đầu ngón hợp lại như cánh sen, kèm song song 2 ngón cái duỗi thẳng.



Chân Ngôn là:

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾

OṂ _ VAJRA-DHARMA HRĪḤ

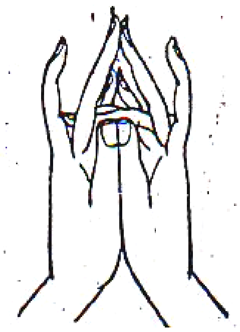
Nếu kết Ấn, tụng Chân Ngôn này thì hay trừ tất cả tai họa , bệnh tật. Sau khi chết được vãng sinh về cõi Cực Lạc. Ngoài ra mọi mong ước của Thế Gian hay Đại Nguyện Xuất Thế Gian đều thành tựu

3) Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn

Còn gọi là Ngũ Phong Ấn, Ngũ Trí Ấn, Ngũ Đại Ấn, Ngoại Ngũ Cổ Ấn

Do 40 tay được chia làm 5 Bộ biểu thị cho diệu dụng của 5 Trí Như Lai nên Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn biểu thị cho 5 Trí của Liên Hoa Bộ. Vì thế Ngũ Cổ Mật Ấn nhiếp 40 tay tức là Tổng Ấn của 40 tay và được gọi là **Thiên Thủ Căn Bản Ấn**

Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành Quyền (Ngoại Phộc Quyền) dựng 2 ngón giữa dính nhau như cây kim (hoặc hình cánh sen úp) 2 ngón cái, 2 ngón út đều kèm nhau dựng thẳng đứng, duỗi bung 2 ngón trỏ.



Chân Ngôn dùng **Đại Bi Tâm Đà La Ni**

4) Bổ Đà Lạc Sơn Ấn

Do núi **Bổ Đà Lạc** (Potala) có 9 ngọn và núi này biểu thị cho trú xứ của Thiên Thủ Quán Am, tức gọi là Thiên Thủ Thiên Nhãn Căn Bản Ấn. Theo Kinh Quỹ thì Ấn Tướng có 2 dạng là :

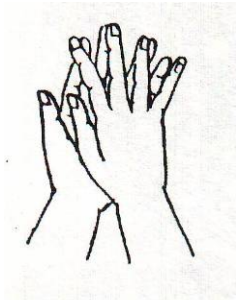
a_**Đại Tạng Kinh Đồ Tượng 8**, phần Ấn Đồ có vẽ tay Ấn Bổ Đà Lạc Sơn là:

Chắp 2 tay lại giữa trống rỗng, duỗi bung các ngón: út, vô danh, trỏ, cái thành 8 ngọn và hơi hướng 2 lòng bàn tay về phía trước.

Câu xưng tán là “ **Nam mô Bổ Đà Lạc Sơn Quán Âm Bảo Tháp”**

b_ Trong Quỹ ghi:

Căn Bản Ấn là 2 tay kết Kim Cương Hợp Chưởng (Vajra-jalim) hơi cong ngón tay lìa tướng Hợp Chưởng. Hợp 2 Độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) với nhau, đều dựng 4 Độ Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) liền thành



_ **Kim Cương Đỉnh Giáng Tam Thế Đại Nghi Quỹ Pháp Giáo Trung Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Chân Ngôn Nhất Thiết Như Lai Đại Mạn Trà La Phẩm** có ghi

Chắp 2 tay lại, 2 ngón vô danh 2 ngón trỏ giao nhau, 2 ngón cái 2 ngón út đều mở thẳng, 2 ngón giữa hợp nhau. Đây là **Căn Bản Ấn**



_ **Bất Không Quyến Sách 8** ghi là:

Ấn này làm hình 9 ngọn núi. 2 ngón út, 2 ngón cái là 4 ngọn. 2 ngón trỏ, 2 ngón vô danh là 4 ngọn. 2 ngón giữa hợp thành một ngọn, tổng cộng thành 9 ngọn , Năng Cư và Sở Cư đồng một Thể. Do đó Tướng của Căn Bản Ấn biểu thị cho 9 ngọn núi, đấy là 4 Trí của 2 Bộ. 8 ngón tay biểu thị cho 8 Đức, 2 ngón giữa là một Trí của Bình Đẳng biểu thị cho Tổng Đức, nên thường dịch là **Cửu Phong Mật Ấn**

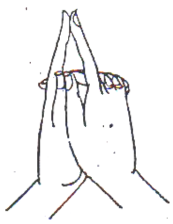
_ **Khẩu** ghi :

Ấn này: 2 ngón út, 2 ngón trỏ là ngàn ánh sáng (Thiên Quang) như Bảo Tràng Phật Ấn phóng ra ngàn ánh sáng. 2 ngón giữa là Hoa Sen chưa nở, trong hoa quán chữ Hrīḥ (ह्रीः) tức là hoa sen của Bản Giác. 2 ngón vô danh, 2 ngón trỏ cài nhau biểu thị cho nghĩa **Cột Buộc** tức là Yết Ma (Karma:Nghiệp Dụng). Như vậy Ấn này thành cành nhỏ , biểu thị cho Sự Nghiệp

Chân Ngôn của Căn Bản Ấn là **Đại Bi Tâm Đà La Ni.**

5) Bí Mật Ấn:

2 ngón út, 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa cài chéo nhau bên ngoài. Dựng 2 ngón trỏ chạm đầu nhau như cánh sen. Dựng 2 ngón cái song song như cây phướng. Ấn này có tên là Ngoại Phộc Thanh Liên Ấn



Chân Ngôn lā:



OṂ_ PADME NĪLAKAṆṬHA JVALA BHRŪ BHRŪ HŪṂ

[Bản khác ghi là:



OṂ_ PADME NĪLAKAṆṬHEŚVARA BHRU BHRU HŪṂ] .

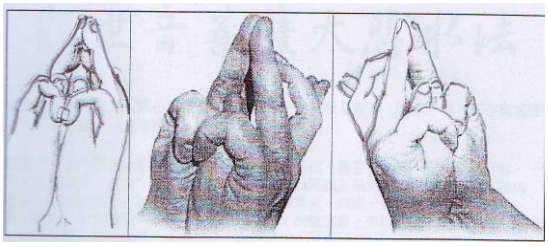
6) Thanh Cảnh Bồ Tát Ấn:

Hai tay cài chéo nhau bên ngoài. Đút ngón cái trái vào lòng bàn tay, duỗi thẳng ngón cái phải, 2 ngón giữa làm hình cánh sen, duỗi thẳng 2 ngón vô danh, 2 ngón út (bên phải đè bên trái) cùng cài chắc nhau

Chân Ngôn là **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Đà La Ni**

7) Thanh Cảnh Đại Bi Tâm Ấn:

Chắp 2 tay lại giữa rỗng, co 2 ngón trỏ đều móc lóng thứ hai của ngón cái (Đây là Loa Pháp) dựng hợp 2 ngón giữa (Đây là Hoa Sen) dựng 2 ngón vô danh nghiêm tròn trịa (Đây là Vành xe_ Luân Pháp) dựng hợp 2 ngón út (Đây là Cây Gậy _ Trượng Pháp) Nơi một Ấn đủ 4 Ấn : Pháp Loa, Liên Hoa, Luân, Trượng.



Chân Ngôn là **Đại Bi Tâm Chú**

8) Thanh Cảnh Tâm Ấn:

Hai tay kết Kim Cương Phộc, 2 ngón giữa như cây phướng.



Chân Ngôn là:



OṂ_ LOKE-JVALA-RĀJA HRĪḤ

[Bản khác ghi là:



OṂ_ LOKEŚVARA-RĀJA HRĪḤ]

Thanh Cảnh Quán Tự Tại Pháp là Pháp cầu thỉnh **Thanh Cảnh Quán Âm.**

Dùng Tôn này làm Bản Tôn để cầu nguyện trừ bệnh, diệt tội, kéo dài mạng sống (diên mệnh)...làm Bí Pháp để tu thì xưng là **Thanh Cảnh Quán Âm Pháp**.



THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT



NAM MÔ THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT



NAM MÔ THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Mật Tạng Bộ 3- No 1060 (Tr.106 _ Tr.111)

KINH THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Hán dịch: Đời Đường_ Tây Thiên Trúc Sa Môn GIÀ PHẠM ĐẠT MA dịch
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời, Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-muṇi) ngồi trên Tòa Sư Tử báu trong Đạo Trường **Bảo Trang Nghiêm** (Ratna-vyūha-maṇḍala) tại cung điện của Quán Thế Âm trên núi **Bổ Đà Lạc Ca** (Potalaka). Tòa ấy toàn dùng vô lượng báu Ma Ni đủ loại để trang nghiêm với hàng trăm phan phướng báu treo bày chung quanh.

Bấy giờ, Đức Như Lai ở trên Tòa, sắp muốn diễn nói Tổng Trì Đà La Ni cho nên có vô ương số Bồ Tát Ma Ha Tát đều đến dự hội. Tên các vị ấy là: **Tổng Trì Vương Bồ Tát** (Dhāraṇī-rāja), **Bảo Vương Bồ Tát** (Ratna-rāja), **Dược Vương Bồ Tát** (Bhaiṣajya-rāja), **Dược Thượng Bồ Tát** (Bhaiṣayottama), **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara), **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta), **Hoa Nghiêm Bồ Tát** (Avataṃsaka), **Đại Trang Nghiêm Bồ Tát** (Mahā-vyūha), **Bảo Tạng Bồ Tát** (Ratna-garbha), **Đức Tạng Bồ Tát** (Guṇa-garbha), **Kim Cương Tạng Bồ Tát** (Vajra-garbha), **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha), **Di Lặc Bồ Tát** (Maitreya), **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra), **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Mañjuśrī)… Bồ Tát Ma Ha Tát của nhóm như vậy đều là bậc **Quán Đỉnh Đại Pháp Vương Tử** (Abhiṣeka-mahā-dharma-rāja-putra)

Lại cùng với vô lượng vô số Đại Thanh Văn Tăng, đều hành **A La Hán** (Arahant), **mười Địa** (Daśa-bhūmi) mà Ngài **Ma Ha Ca Diếp** (Mahā-kāśyapa) làm bậc **Thượng Thủ** (Pramukha).

Lại cùng với vô lượng Phạm Ma La Thiên mà Ngài **Thiện Tra Phạm Ma** làm bậc Thượng Thủ.

Lại cùng với vô lượng các Thiên Tử ở cõi Dục mà Ngài **Cù Bà Già Thiên Tư** làm bậc Thượng Thủ.

Lại cùng với vô lượng Hộ Thế Tứ Vương đến dự mà Ngài **Đề Đầu Lại Tra** (Dhṛta-rāṣṭra) làm bậc Thượng Thủ.

Lại cùng với vô lượng hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người, Phi Nhân đến dự mà Ngài **Thiên Đức Đại Long Vương** làm bậc Thượng Thủ.

Lại cùng với vô lượng các Thiên Nữ ở cõi Dục đến dự mà Ngài **Đồng Mục Thiên Nữ** làm bậc Thượng Thủ.

Lại cùng với vô lượng Thần Hư Không (Hư Không Thần) Thần sông biển (Giang Hải Thần), Thần suối nguồn (Tuyền Nguyên Thần), Thần ao sông (Hà Chiểu Thần), Thần cỏ thuốc (Dược Thảo Thần), Thần rừng cây (Thọ Lâm Thần), Thần nhà cửa (Xá Trạch Thần), Thần nước (Thủy Thần), Thần lửa (Hỏa Thần), Thần đất đai (Địa Thần), Thần gió (Phong Thần), Thần đất cát (Thổ Thần), Thần núi (Sơn Thần), Thần đá (Thạch Thần) Thần của nhóm cung điện (Cung Điện Đẳng Thần)… đều đến tập hội.

Thời **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara) ở trong Đại Hội, kín đáo phóng ánh sáng Thần Thông chiếu sáng các cõi ở mười phương với ba ngàn Đại Thiên Thế Giới này đều thành màu vàng ròng. Cung Trời, cung Rồng, cung của vị Tôn Thần thảy

đều chấn động. Sông nhỏ, sông lớn, biển lớn, núi Thiết Vi, núi Tu Di, Thổ Sơn, Hắc Sơn cũng đều rung động mạnh. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, Tinh Tú, viên ngọc, lửa thảy đều chẳng hiện

Lúc đó, Tổng Trì Vương Bồ Tát thấy tướng hiếm có này, lấy làm lạ cho là việc chưa từng có, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, xoa tay chắp lại, dùng Kệ hỏi Đức Phật : "Như tướng của Thần Thông này là ai đã phóng ra ?"

Dùng **Kệ** (Gāthā) hỏi rằng:

Ai ở ngày nay thành Chính Giác?
Phóng khắp ánh sáng lớn như vậy.
Các cõi mười phương thành màu vàng.
Ba ngàn Thế Giới cũng như vậy.
Ai được tự tại trong ngày nay?
Diễn phóng Thần Lực lớn hiếm có
Vô biên cõi Phật đều chấn động,
Cung điện Rồng Thần thảy chẳng yên
Nay Đại Chúng này đều nghi ngờ
Chẳng lường Nhân Duyên là sức ai?
Là Phật, Bồ Tát, Đại Thanh Văn?
Hay Trời Phạm, Ma , hàng Đế Thích?
Nguyện xin Thế Tôn Đại Từ Bi
Nói Thần Thông này do ai dùng?

Đức Phật bảo Tổng Trì Vương Bồ Tát rằng: "Thiện Nam Tử! Các ông nên biết, nay trong Pháp Hội này có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát tên là **Quán Thế Âm Tự Tại**, từ vô lượng kiếp đến nay đã thành tựu Đại Từ Đại Bi, khéo hay tu tập vô lượng Đà La Ni Môn. vì muốn làm cho các chúng sanh được an vui, nên mới kín đáo phóng sức Thần Thông lớn như vậy.

Đức Phật nói lời đó xong. Bấy giờ Quán Thế Âm Bồ Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa quần áo, chắp tay hướng về Đức Phật rồi bạch rằng: "Thế Tôn! Con có Chú **Đại Bi Tâm Đà La Ni** (Mahā-Kāruṇika-citta-dhāraṇī), nay đang muốn nói, vì muốn cho các chúng sanh được an vui, trừ tất cả bịnh, được sống lâu, được giàu có, diệt trừ tất cả tội nặng của nghiệp ác, lìa chướng nạn, tăng trưởng các Công Đức của tất cả Pháp trắng (Bạch Pháp), thành tựu tất cả các căn lành, xa lìa tất cả các sự sợ hãi, mau hay đầy đủ tất cả các việc mong cầu. Nguyện xin Đức Thế Tôn yêu mến xót thương (Từ Ái) nghe hứa".

Đức Phật nói: "Thiện Nam Tử! Ông là bậc **Đại Từ Bi** muốn nói Thần Chú khiến cho chúng sinh được an vui. Nay chính là lúc thích hợp, ông nên mau nói, Như Lai tùy vui, chư Phật cũng vậy".

Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Con nhớ về vô lượng ức kiếp trong thời quá khứ, có Đức Phật ra đời, tên là **Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai**. Đức Phật Thế Tôn ấy vì thương nghĩ đến con với vì tất cả chúng sanh cho nên nói **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni** này, dùng bàn tay màu vàng ròng xoa trên đỉnh đầu của con tôi rồi nói như vầy: *"Thiện Nam Tử! Ông nên trì **Tâm Chú** này, vì khắp tất cả chúng sanh ở đời ác trong thời vị lai, làm lợi ích lớn"*

Lúc đó con mới trụ **Sơ Địa** (Eka-bhūmi), do một lần được nghe **Chú** này cho nên vượt lên **Đệ Bát Địa** (Aṣṭa-bhūmi). Thời con khởi Tâm vui vẻ nên liền phát Thệ rằng: "*Nếu ngày sau tôi có thể hay làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh thì khiến cho tôi ngay tức thời thân sinh đầy đủ ngàn tay ngàn mắt".*

Phát Nguyện đó xong, ứng thời trên thân thảy đều đầy đủ ngàn tay ngàn mắt. Đại Địa ở mười phương chấn động theo sáu cách, ngàn Đức Phật ở mười phương đều phóng ánh sáng chiếu chạm thân con với chiếu sáng vô biên Thế Giới ở mười phương. Từ đó về sau, lại ở trong vô lượng Pháp Hội của Vô Lượng Phật, lại được nghe, gần gũi thọ trì Đà La Ni đó. Lại sinh vui vẻ hớn hở vô lượng liền được vượt qua sự sanh tử nhỏ nhiệm trong vô số ức Kiếp. Từ đó trở đi thường tụng trì chưa từng bỏ quên. Do trì Chú này cho nên nơi được sinh ra luôn ở trước mặt Đức Phật, hóa sinh ở hoa sen, chẳng nhận thân trong bào thai.

Nếu có Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Đồng Nam, Đồng Nữ muốn tụng trì, đối với các chúng sanh khởi Tâm Từ Bi. Trước tiên nên theo con phát nguyện như vầy:

_ *Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm*
Nguyện con mau biết tất cả Pháp
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được mắt Trí Tuệ
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau độ tất cả Chúng
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được phương tiện khéo
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau ngồi thuyền Bát Nhã
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được qua biển khổ
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau được Đạo Giới Định
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm lên núi Niết Bàn
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau gặp nhà Vô Vi
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm đồng Thân Pháp Tính
_ *Nếu con hướng núi Đao*
Núi Đao tự sụp đổ
Nếu hướng lửa, nước sôi
Lửa, nước sôi tự diệt
Nếu con hướng Địa Ngục
Địa Ngục tự cạn khô
Nếu con hướng Ngã Quỷ
Quỷ đói tự no đủ
Nếu con hướng Tu La
Tâm ác tự điều phục
Nếu con hướng Súc Sinh
Tự được Trí Tuệ lớn

Khi phát Nguyện đó xong, chí tâm xưng niệm tên gọi của con, cũng nên chuyên niệm Bản Sư **A Di Đà Như Lai** (Amitābha-Tathāgata) của con, sau đó tụng Đà La Ni Thần Chú này, một đêm tụng đủ năm biến sẽ trừ diệt trừ được tội nặng trong trăm ngàn vạn Kiếp sinh tử ”.

Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch Phật rằng:"Thế Tôn! Nếu các Người, Trời tụng trì Đại Bi Chương Cú, lúc lâm chung thời chư Phật ở mười phương đều đến trao vào bàn tay, muốn sinh về cõi Phật nào, tùy theo Nguyện đều được vãnh sinh.

Lại bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nếu chúng sanh tụng trì Thần Chú Đại Bi, mà bị đọa vào ba đường ác thì con thề chẳng thành Chính Giác.

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu chẳng sinh về các cõi Phật thì con thề chẳng thành Chính Giác.

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu chẳng được vô lượng Tam Muội Biện Tài thì con thề chẳng thành Chính Giác.

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu chẳng được quả thỏa thích thì Chú này chẳng được gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni. Chỉ trừ việc chẳng lành, trừ kẻ chẳng chí thành.

Nếu các người nữ chán ghét khinh rẻ thân nữ, muốn thành thân nam. Tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu chẳng chuyển thân nữ thành thân nam tử thì con thề chẳng thành Chính Giác. Như kẻ nào tụng Chú này, nếu còn sanh chút lòng nghi, tất không được toại nguyện. Người sinh chút tâm nghi ngờ ắt chẳng được quả thỏa thích.

Nếu các chúng sinh xâm tổn tài vật, thức ăn uống của chốn Thường Trụ thì một ngàn Đức Phật ra đời cũng chẳng thông sám hối được, giả sử có ăn năn (Sám) cũng chẳng trừ diệt được. Nay tụng Thần Chú Đại Bi liền được trừ diệt.

Nếu xâm tổn, ăn dùng tài vật, thức ăn uống của chốn Thường Trụ thời cần thiết nên đối trước bậc Thầy ở mười phương, an năn tạ lỗi (sám tạ) như thế mới trừ diệt được. Tại sao thế? Vì nay lúc tụng Đại Bi Đà La Ni thời bậc Thầy ở mười phương liền đến làm chứng minh, nên tất cả tội chướng thảy đều tiêu diệt. Tất cả tội mười Ác, năm Nghịch, chê bai người, phỉ báng Pháp, Phá Trai, phá Giới, phá Tháp, hủy hoại chùa, trộm vật của Tăng Kỳ, làm nhơ bẩn Phạm Hạnh trong sạch. Tất cả Nghiệp ác, tội nặng của nhóm như vậy thảy đều diệt hết. Chỉ trừ một việc: người đối với Chú còn sinh nghi ngờ, cho đến tội nhỏ, nghiệp nhẹ cũng chẳng diệt được, huống chi là tội nặng. Tuy chẳng ngưng diệt được tội nặng, nhưng còn có thể làm nhân Bồ Đề cho đời lâu xa

Lại bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nếu có Người, Trời tụng trì Đại Bi Tâm Chú sẽ được 15 loại sinh lành (thiện sinh), chẳng bị 15 loại chết ác.

Loại chết ác ấy là:

1) Chẳng bị chết do đói khát khốn khổ

2) Chẳng bị chết do gông tù đánh đập

3) Chẳng bị chết vì oan gia thù địch

4) Chẳng bị giết chết trong quân trận

5) Chẳng bị chết do chó sói, thú ác tàn hại

6) Chẳng bị chết bởi rắn , rắn hổ mang, bò cạp cắn

7) Chẳng bị chết bởi nước cuốn trôi , lửa thiêu cháy

8) Chẳng bị chết vì trúng thuốc độc

9) Chẳng bị chết do Cổ Độc (một loại chất độc gây mê hoặc hay giết chết do người mạn ngược chế ra từ loài sâu độc) làm hại

10) Chẳng bị chết vì điên cuồng , mất niệm

11) Chẳng bị chết do rớt té từ trên cây, ngọn núi, bờ vách cao

12) Chẳng bị chết bởi người ác trù ếm

13) Chẳng bị chết bởi Tà Thần, Quỷ ác làm hại

14) Chẳng bị chết vì bệnh ác ràng buộc thân

15) Chẳng bị chết vì tự hại chẳng đúng phần số (Tự tử)

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, chẳng bị 15 loại chết ác như vậy. Được 15 loại sinh lành

1) Sinh ra nơi nào, thường gặp vị vua hiền lành (Thiện Vương)
2) Thường sinh vào nước tốt lành (Thiện Quốc)
3) Thường gặp Thời tốt đẹp
4) Thường gặp bạn lành
5) Thân căn thường được đầy đủ
6) Đạo Tâm thuần thục
7) Chẳng phạm Cấm Giới
8) Hết thảy quyến thuộc hòa thuận có ân nghĩa
9) Vật dụng cần thiết, tiền bạc, thức ăn thường được đầy đủ
10) Luôn được người cung kính giúp đỡ
11) Hết thảy tiền bạc, vật báu không bị người khác cướp đoạt
12) Ý muốn mong cầu thảy đều được toại nguyện
13) Rồng, Trời, Thiện Thần luôn thường ủng hộ, phòng giữ
14) Sinh ra nơi nào đều thấy Phật nghe Pháp
15) Đã nghe Chính Pháp thời ngộ giải được nghĩa thâm sâu

Nếu có người tụng trì Đại Bi Tâm Đà La Ni sẽ được 15 loại sinh lành của nhóm như vậy. Tất cả hàng Trời, Người nên thường tụng trì, đừng sinh tâm lười biếng

Quán Thế Âm Bồ Tát nói lời đó xong, ở trước chúng Hội, chắp tay đứng thẳng, đối với các chúng sinh khởi Tâm Đại Bi, nở mặt mỉm cười, liền nói **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Thần Diệu Chương Cú Đà La Ni** là:

1) Nam mô hát la đát na đá la dạ gia
𑖡𑖦𑖺 𑖨𑖝𑖿𑖡𑖝𑖿𑖨𑖧𑖯𑖧
NAMO RATNA-TRAYĀYA

2) Nam mô a lợi gia
𑖡𑖦𑖾 𑖁𑖨𑖿𑖧
NAMAḤ ĀRYA

3) Bà lô yết đế thước bát la gia
𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰𑖝𑖸𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧
AVALOKITEŚVARĀYA

4) Bồ đề tát đá bà gia
𑖤𑖺𑖠𑖰𑖭𑖝𑖿𑖪𑖯𑖧
BODHI-SATVĀYA

5) Ma ha tát đá bà gia
𑖦𑖮𑖯 𑖭𑖝𑖿𑖪𑖯𑖧
MAHĀ-SATVĀYA

6) Ma ha ca lô ni ca gia
𑖦𑖮𑖯 𑖎𑖯𑖨𑖲𑖜𑖰𑖎𑖯𑖧
MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

7) Án
𑖌𑖼
OṂ

8) Tát bà la phạt duệ
𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖨𑖥𑖧𑖸
SARVA RABHAYE

9) Số đát na đát tả

ŚUDDHA-NĀDAṢYA
10) Nam mô tất cát lợi đỏa y mông a lợi gia
NAMASKṚTVA IMAṂ ĀRYA
11) Bà lô cát đế thất phật la lăng đà bà
AVALOKITEŚVARA LAṂTABHA
12) Nam mô na la cẩn trì
NAMO NĪLAKAṆṬHA
13) Hề lợi Ma ha bà đá sa mế
HṚ MAHĀ-PATAŚAMI
14) Tát bà a tha đậu du bằng
SARVĀTHA DU ŚUPHAṂ
15) A thệ dựng
AJIYAṂ
16) Tát bà tát đá na ma bà già
SARVA SATVA NĀMA BHAGA
17) Ma phạt đặc đậu
MĀ BHĀTI DU
18) Đát điệt tha
TADYATHĀ
19) Án, a bà lô hề
OṂ AVALOKI
20) Lô ca đế
LOKATE
21) Ca la đế
KALATI
22) Di hề lợi
I HELIḤ
23) Ma ha bồ đề tát đỏa
MAHĀ-BODHISATVA
24) Tát bà tát bà

SARVA SARVA
25) Ma la ma la
MĀLA MĀLA
26) Ma hề ma hề lợi đà dựng
MASĪ MASĪ HṚDAYAṂ
27) Câu lô câu lô yết mông
KURU KURU KARMAṂ
28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế
TURU TURU BHAṢI YATI
29) Ma ha phạt xà gia đế
MAHĀ-BHAṢI YATI
30) Đà la đà la
DHĀRA DHĀRA
31) Địa lợi ni
DHIRIṆI
32) Thất phật la gia
IŚVARĀYA
33) Giá la giá la
CALA CALA
34) Ma ma phạt ma la
MAMA VIMALA
35) Mục đế lệ
MUKTE
36) Y hề di hề
EHYEHI
37) Thất na thất na
ŚINA ŚINA
38) A la sâm phật la xá lợi
ARASIṂ BHALA ŚARI
39) Phạt xa phạt sâm
BHAṢĀ BHAṢIṂ

40) Phật la xá gia

BHARA ŚAYA

41) Hô lô hô lô ma la

HULU HULU PRA

42) Hô lô hô lô hề lợi

HULU HULU ŚRĪ

43) Sa la sa la

SARA SARA

44) Tất lợi tất lợi

SIRI SIRI

45) Tô rô tô rô

SURU SURU

46) Bồ đề dạ, bồ đề dạ

BUDDHIYA BUDDHIYA

47) Bồ đà dạ, bồ đà dạ

BUDDHĀYA BUDDHĀYA

48) Di đế lợi dạ

MAITRIYA

49) Na la cẩn trì

NĪLAKAṆṬHA

50) Địa lợi sắt ni na

TRIŚARAṆA

51) Ba dạ ma na

ABHAYA MAṆA

52) Sa bà ha

SVĀHĀ

53) Tất đà dạ

SIDDHIYA

54) Sa bà ha

SVĀHĀ

55) Ma ha tất đà dạ

MAHĀ-SIDDHIYA
56) Sa bà ha
SVĀHĀ
57) Tất đà dụ nghệ
SIDDHAYOGA
58) Thất bà la gia
IŚVARĀYA
59) Sa bà ha
SVĀHĀ
60) Na la cẩn trì
NĪLAKAṆṬHA
61) Sa bà ha
SVĀHĀ
62) Ma la na la
PRAVARĀHA-MUKHĀYA
63) Sa bà ha
SVĀHĀ
64) Tất la tăng a mục khư gia
ŚRĪ-SIṂHA-MUKHĀYA
65) Sa bà ha
SVĀHĀ
66) Sa bà ma ha a tất đà dạ
SARVA MAHĀ-MUKTĀYA
67) Sa bà ha
SVĀHĀ
68) Giả cát la a tất đà dạ
CAKRĀ YUDHĀYA
69) Sa bà ha
SVĀHĀ
70) Ba đà ma yết tất đà dạ

PADMA-HASTĀYA
71) Sa bà ha
SVĀHĀ
72) Na la cẩn trì bà già la gia
NĪLAKAṆṬHA-ŚAṄKHA-RĀJA
73) Sa bà ha
SVĀHĀ
74) Ma bà lợi thắng yết la dạ
MĀ VARI ŚAṄKARĀYA
75) Sa bà ha
SVĀHĀ
76) Nam mô hát la đát na đá la dạ gia
NAMO RATNA-TRAYĀYA
77) Nam mô a lị gia
NAMAḤ ĀRYA
78) Bà lô cát đế
AVALOKITA
79) Thước bà la dạ
IŚVARĀYA
80) Sa bà ha
SVĀHĀ
81) Án tất điện đô mạn đá la bát mặc gia
OṂ SIDDHYANTU MANTRA-PADĀYA
82) Sa bà ha
SVĀHĀ

Quán Thế Âm Bồ Tát nói Chú này xong thời Đại Địa chấn động theo sáu cách, trời tuôn mưa hoa báu phơi phới rơi xuống, chư Phật ở mười phương thảy đều vui vẻ, Thiên Ma Ngoại Đạo sợ hãi dựng đứng lông tóc, tất cả Chúng Hội đều được Quả Chứng. Hoặc được quả Tu Đà Hoàn, hoặc được quả Tư Đà Hàm, hoặc được quả A La Hán, hoặc được Nhất Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa cho đến Thập Địa. Vô lượng chúng sinh phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)

Bấy giờ, Đại Phạm Thiên Vương từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa quần áo, chắp tay cung kính bạch với Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: "Lành thay Đại Sĩ! Từ xưa đến nay tôi đã trải qua vô lượng Phật Hội, nghe mọi loại Pháp Yếu, mọi loại Đà La Ni, nhưng chưa từng nghe nói Chương Cú Thần Diệu của Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Bi Đà

La Ni này. Nguyện xin Đại Sĩ vì tôi, nói hình mạo tướng trạng của Đà La Ni này. Chúng tôi và Đại Chúng vui nguyện muốn nghe".

Quán Thế Âm Bồ Tát bảo Phạm Vương rằng: "Ông vì phương tiện lợi ích cho tất cả chúng sanh, nên hỏi như thế. Nay ông hãy khéo nghe! Tôi sẽ vì ông mà lược nói đôi chút ".

Quán Thế Âm Bồ Tát nói: "Này Phạm Vương! Tâm Đại Từ Bi là Tâm Bình Đẳng, là Tâm chẳng nhiễm dính, là Tâm **Không Quán**, là Tâm Cung Kính, Tâm Khiêm Nhường (ti hạ tâm), là Tâm không tạp loạn, là Tâm không có Kiến Thủ, là Tâm Vô Thượng Bồ Đề. Nên Tâm của nhóm như vậy đều là tướng mạo của Đà La Ni đó. Ông nên y theo đây mà tu hành".

Đại Phạm Vương nói: "Nay chúng tôi với Đại Chúng mới biết được Tướng Mạo của Đà La Ni này. Từ nay thọ trì chẳng dám quên mất ".

Quán Thế Âm Bồ Tát nói: "Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện tụng trì Thần Chú này, phải phát Tâm Bồ Đề rộng lớn, thệ độ tất cả chúng sinh, Thân phải giữ Trai Giới, đối với các chúng sanh khởi tâm bình đẳng, thường tụng Chú này đừng để đoạn tuyệt. Trụ ở Tịnh Tất, tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo sạch, treo Phan, thắp đèn, dùng hương hoa với thức ăn uống có trăm mùi vị để dùng cúng dường, kềm Tâm một chỗ, đừng theo Duyên khác như Pháp mà tụng trì. Lúc ấy sẽ có **Nhật Quang Bồ Tát** (Sūrya-prabha), **Nguyệt Quang Bồ Tát** (Candra-prabha), cùng vô lượng **Thần** (Devatā), **Tiên** (Ṛṣī) đến chứng minh, giúp thêm sự hiệu nghiệm. Thời Ta sẽ dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay hộ trì. Từ đó về sau có thể thọ trì hết thảy Kinh sách của Thế Gian, cũng hay thông đạt tất cả Pháp Thuật , sách **Vi Đà** (Veda) của Ngoại Đạo.

Người tụng trì Thần Chú này thảy đều trị lành tám vạn bốn ngàn loại bệnh của Thế Gian, không có bệnh gì không khỏi cũng hay sai khiến tất cả Quỷ Thần, giáng phục các Thiên Ma, chế ngự Ngoại Đạo.

Nếu người ở chốn núi non hoang vắng tụng Kinh ngồi Thiền. Có các Sơn Tinh, đủ loại Mỵ, Võng Lượng, Quỷ Thần ngang ngạnh gây não loạn khiến cho Tâm chẳng an định. Tụng Chú này một biến thì các Quỷ Thần ấy thảy đều bị cột trói.

Nếu người có hay như Pháp tụng trì, đối với các chúng sinh khởi Tâm Từ Bi. Thời Ta sẽ sắc cho tất cả Thiện Thần, Long Vương, Kim Cương Mật Tích thường theo vệ hộ, chẳng lìa bên cạnh như giữ gìn tròng con mắt, như giữ gìn thân mạng"

Nói Kệ răn bảo (Sắc) là:

Ta sai ***Mật Tích*** (Vajra-pāṇi-guhyādhipati*),* ***Kim Cang Sĩ*** (Vajra-satva)
Ô Sô (Ucchuṣma), ***Quân Đồ*** (Kuṇḍali), ***Ương Câu Thi*** (Aṅkuśe)
Tám Bộ Lực Sĩ ***Thưởng Ca La*** (Vajra-śaṅkara)
Thường sẽ ủng hộ người thọ trì.

Ta sai ***Ma Hề*** *(*Meheśvara), ***Na La Diên*** (Nārāyaṇa)
Kim Tỳ La Đà (Kuṃbidhara*)* ***Ca Tỳ La*** (Kapila)
Thường nên ủng hộ người thọ trì.

Ta sai ***Bà Cấp Sa Lâu La*** (Matsya-varuṇa)
Mãn Thiện (Pūrṇa-kuśala) ***Xa Bát Chân Đà La*** (Daśa-sindura)
Thường nên ủng hộ người thọ trì.

Ta sai ***Tát Già Ma Hòa La*** (Śacate-madhura)
Cưu Lan Đan Tra (Kṛtānta), ***Bán Kỳ La*** (Pañcika)
Thường nên ủng hộ người thọ trì.

Ta sai ***Tất Bà Già La Vương*** (Markada-rāja)
Ứng Đức (Arhaguṇa), ***Tỳ Đa*** (Śveta), ***Tát Hòa La*** (Śabara)
Thường nên ủng hộ người thọ trì.

Ta sai ***Phạm Ma Tam Bát La*** (Brahma-saṃbhara)
Ngũ Bộ Tịnh Cư (Pañca-śuddhāvāsa), ***Diêm Ma La*** (Yama-rāya)
Thường nên ủng hộ người thọ trì.

Ta sai ***Thích Vương*** (Śakra), ***Tam Thập Tam*** (Trayastriṃśa)
Đại Biện (Sarasvati), ***Công Đức*** (Śrī), ***Bà Đát Na*** (Vasīna)
Thường nên ủng hộ người thọ trì.

Ta sai ***Đề Đầu Lại Tra Vương*** (Dhṛta-rāṣṭra)
Nhóm ***Thần Mẫu Nữ*** (Hāṛtye-mātṛ), *chúng* ***Đại Lực*** (Mahā-bala)
Thường nên ủng hộ người thọ trì.

Ta sai ***Tỳ Lâu Lặc Xoa Vương*** (Virūḍhaka)
Tỳ Lâu Bác Xoa (Virūpakṣa), ***Tỳ Sa Môn*** (Vaiśravaṇa)
Thường nên ủng hộ người thọ trì.

Ta sai ***Kim Sắc Khổng Tước Vương*** (Suvarṇa-rūpa-mayūra-rāja)
Hai mươi tám Bộ Đại Tiên chúng (Aṣṭa-vimśati-nakṣatrāṃ)
Thường nên ủng hộ người thọ trì.

Ta sai ***Ma Ni Bạt Đà La*** (Maṇi-bhadra)
Tán Chi Đại Tướng (Śañjaya), ***Phất La Bà*** (Pūrṇa-bhadra)
Thường nên ủng hộ người thọ trì.

Ta sai ***Nan Đà*** (Nanda), ***Bạt Nan Đà*** (Upananda)
Bà Già La Long (Sāgara-nāga-rāja), ***Y Bát La*** (Elapatra)
Thường nên ủng hộ người thọ trì.

Ta sai ***Tu La*** (Asura), ***Càn Thát Bà*** (Gandharva)
Ca Lâu (Garuḍa), ***Khẩn Na*** (Kiṃnara), ***Ma Hầu La*** (Mahoraga)
Thường nên ủng hộ người thọ trì.

Ta sai ***Thủy*** (Udaka-deva-garjati) ***Hỏa Lôi Điển Thần*** (Agni-deva-garjati)
Cưu Bàn Trà Vương (Kumbhaṇḍa-ràja), ***Tỳ Xá Xà*** (Piśāca)
Thường nên ủng hộ người thọ trì.

Các vị Thiện Thần đó với Thần Long Vương, Thần Mẫu Nữ…. đều có năm trăm Đại Lực Dạ Xoa làm quyến thuộc, thường theo ủng hộ người tụng trì Thần Chú Đại Bi.

Nếu người ấy ở nơi núi hoang, đồng vắng, ngủ nghỉ một mình thì các Thiện Thần ấy thay phiên nhau canh giữ, tịch trừ tai chướng.

Nếu ở núi sâu lạc mất đường đi. Vì tụng Chú này cho nên Thiện Thần, Long Vương hóa làm người lành chỉ lối đi chính.

Như ở núi, rừng, đồng vắng thiếu thốn nước lửa thì Long Vương hộ giúp, hóa ra nước lửa.

Quán Thế Âm Bồ Tát lại vì người tụng trì nói bài Kệ Thanh Lương tiêu trừ tai hoạ là:

Nếu đi trong đồng vắng, núi, đầm
Gặp cọp, chó sói, các thú ác
Rắn, rết, Tinh Mỵ, Vọng Lượng, Quỷ.
Nghe tụng Chú này chẳng thể hại.

Nếu đi trong sông, hồ, biển khơi
*Rồng độc, Giao Long, thú **Ma Kiệt*** (Makara)
Dạ Xoa, La Sát, cá, Ba Ba (loài rùa lớn)
Nghe tụng Chú này tự lặn nấp.

Nếu gặp quân trận, giặc vây quanh
Hoặc bị người ác cướp tài bảo
Chí thành xưng tụng Chú Đại Bi,
Chúng khởi tâm hiền, lại theo Đạo

Nếu bị vua quan bắt giữ thân
Gông cùm, xiềng xích bị ngục tù
Chí thành xưng tụng Chú Đại Bi,
Quan tự ban ân, thả trở về

Nếu vào đường vắng, nhà Cổ Độc
Uống ăn tẩm thuốc muốn hại nhau,
Chí thành xưng tụng Chú Đại Bi,
Thuốc độc biến thành nước Cam Lồ.

Người nữ gặp nạn khi sinh sản
Tà Ma ngăn che gây nạn khổ
Chí thành xưng tụng Chú Đại Bi,
Quỷ Thần lui tan, sinh an vui

Rồng ác, Dịch Quỷ tuôn hơi độc
Bệnh Nhiệt xâm lăng muốn mạng chung,
Chí Tâm xưng tụng Chú Đại Bi,
Bệnh Dịch tiêu trừ , mạng sống lâu.

Rồng, Quỷ lưu hành các nhọt độc
Ung nhọt máu mủ chịu đớn đau,
Chí Tâm xưng tụng Chú Đại Bi,
Nhổ bọt ba lần, nhọt độc tiêu

Chúng sinh trược ác, khởi bất thiện
Yểm Mỵ, Chú Trớ kết oan thù,
Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi
Yếm Mỵ quay về nơi người ếm.

Đời ác, trược loạn khi Pháp diệt
Lửa dâm dục mạnh, tâm mê đảo

Bỏ nghĩa vợ chồng, mê kẻ khác
Ngày đêm nghĩ bậy không ngưng dứt
Nếu hay xưng tụng Chú Đại Bi
Diệt lửa dâm dục, dứt Tâm Tà

Nếu Ta rộng khen công lực Chú
Một Kiếp xưng dương không hết được

Bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát bảo Phạm Thiên rằng: "Tụng Chú này năm biến, lấy chỉ ngũ sắc làm sợi dây rồi chú vào 21 biến kết làm 21 gút rồi đeo ở cổ "

Đà La Ni này là điều mà chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật đời quá khứ đã nói. Các Đức Phật ấy vì các Hành Nhân tu hành sáu Độ chưa mãn túc, mau khiến cho được đầy đủ. Người chưa phát Tâm Bồ Đề, mau khiến cho phát Tâm. Nếu người Thanh Văn chưa chứng quả, mau khiến cho chứng. Nếu các Thần, Tiên, Người trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới chưa phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề, mau khiến cho phát Tâm.

Nếu các chúng sanh chưa được Tín Căn của Đại Thừa, dùng sức uy thần của Đà La Ni này cho nên khiến mầm Pháp của hạt giống Đại Thừa được tăng trưởng. Dùng sức Từ Bi phương tiện của Ta, khiến cho chỗ tu của kẻ đó đều được thành tựu.

Chúng sinh nơi ba đường ác (Tam Đồ), ở chỗ sâu kín tối tăm trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới nghe Chú này của Ta đều được lìa khổ. Có các Bồ Tát chưa lên được **Sơ Trụ**, mau khiến cho được… cho đến khiến được Địa **Thập Trụ**, lại khiến cho được đến **Phật Địa** (Buddha-bhūmi), thành tựu ba mươi hai Tướng với tám mươi tùy hình tốt đẹp.

Nếu người Thanh Văn nghe Đà La Ni này, một lần lọt qua lỗ tai, tu hành viết chép Đà La Ni này, dùng Tâm chất trực như Pháp mà trụ thì bốn quả Sa Môn chẳng cầu tự được.

Hoặc hay khiến cho núi, sông, vách đá, nước của bốn biển lớn… trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới phun vọt lên. Hay khiến cho núi **Tu Di** (Sumeru) với núi Thiết Vi lay động, lại khiến đập nát như bụi nhỏ…. thảy đều khiến cho chúng sinh trong ấy phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu các chúng sanh trong đời hiện tại muốn cầu nguyện việc chi. Ở 21 ngày trong sạch giữ Trai Giới, tụng Đà La Ni này ắt được toại nguyện. Từ bờ mé sinh tử đến bờ mé sinh tử, tất cả nghiệp ác thảy đều diệt hết. Tất cả chư Phật, Bồ Tát, Phạm Thiên, Đế Thích, bốn vị Thiên Vương, Thần, Tiên, Long Vương trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới thảy đều chứng biết.

Nếu các Người, Trời tụng trì Đà La Ni này. Nếu người đó tắm gội trong sông lớn, sông nhỏ, biển lớn …. chúng sinh ở trong đó được nước tắm thân của người này ngấm dính vào thân thì tất cả tội nặng, nghiệp ác thảy đều tiêu diệt, liền được chuyển sinh về Tịnh Độ nơi phương khác, hóa sanh nơi hoa sen; chẳng thọ thân trong thai, thân trong nơi ẩm ướt, thân trong trứng …..Huống chi là người thọ trì đọc tụng.

Nếu người tụng trì đi trên đường lộ. Lúc gió lớn thổi qua thân, lông, tóc, quần áo của người này, phần gió còn lại thổi xuống bên dưới thời các loại chúng sinh được gió lướt qua thân của người ấy thổi dính vào thân thì tất cả tội nặng nghiệp ác thảy đều diệt hết , chẳng chịu quả báo trong ba nẻo ác, thường sinh trước mặt Đức Phật. Nên biết quả báo Phước Đức của người thọ trì chẳng thể nghĩ bàn.

Trong miệng của người trì tụng Đà La Ni này, phát ra ngôn âm hoặc thiện hoặc ác, thời tất cả Thiên Ma, Ngoại Đạo, Trời, Rồng, Quỷ, Thần đều nghe thành tiếng

Pháp Âm thanh tịnh, đều đối với người ấy khởi tâm cung kính, tôn trọng như Đức Phật.

Người trì tụng Đà La Ni này. Nên biết người ấy tức là Tạng **Phật Thân** vì chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật đã yêu tiếc.

Nên biết người ấy tức là **Tạng Quang Minh** vì ánh sáng của tất cả Như Lai đều chiếu soi.

Nên biết người ấy là **Tạng Từ Bi** vì luôn dùng Đà La Ni cứu chúng sinh.

Nên biết người ấy là **Tạng Diệu Pháp** vì nhiếp hết tất cả cả môn Đà La Ni.

Nên biết người ấy là **Tạng Thiền Định** vì trăm ngàn Tam Muội thường hiện tiền.

Nên biết người ấy là **Tạng Hư Không** vì luôn dùng ***Không Tuệ*** quán chúng sinh.

Nên biết người ấy là **Tạng Vô Úy** vì Trời, Rồng, Thiện Thần thường hộ trì.

Nên biết người ấy là **Tạng Diệu Ngữ** vì trong miệng tuôn ra âm Đà La Ni không có đoạn tuyệt

Nên biết người ấy là **Tạng Thường Trụ** vì tam tai ác kiếp chẳng thể hoại được.

Nên biết người ấy là **Tạng Giải Thoát** vì Thiên Ma, Ngoại Đạo chẳng thể ngăn cản. Nên biết người ấy là **Tạng Dược Vương** vì thường dùng Đà La Ni trị bệnh cho chúng sinh.

Nên biết người ấy là **Tạng Thần Thông** vì được tự tại dạo chơi các cõi Phật.

Công đức người ấy, khen ngợi chẳng thể hết.

Thiện Nam Tử! Nếu lại có người chán ghét sự khổ ở Thế Gian, muốn cầu niềm vui sống lâu thì nên ở tại chốn Nhàn Tịnh, trong sạch kết Giới, chú vào cái áo rồi mặc. Hoặc nước, hoặc thức ăn, hoặc hương, hoặc thuốc…. đều chú 108 biến rồi uống vào ắt sẽ được sống lâu.

Nếu hay như Pháp kết Giới, y theo Pháp thọ trì thì tất cả thành tựu.

Pháp Kết Giới ấy là: Lấy con dao, chú vào 21 biến rồi vạch đất làm giới hạn. Hoặc lấy nước sạch, chú vào 21 biến rồi rưới rảy bốn phương làm giới hạn. Hoặc lấy hạt cải trắng, chú vào 21 biến rồi ném rải bốn phương làm giới hạn. Hoặc dùng **Tưởng** đến nơi nào thì chỗ đó là giới hạn. Hoặc lấy tro sạch, chú vào 21 biến rồi rải khắp làm giới hạn. Hoặc chú vào chỉ ngũ sắc 21 biến rồi giăng vòng quanh bốn bên làm giới hạn đều được. Nếu hay như Pháp thọ trì thì tự nhiên được quả.

Nếu người được nghe tên gọi của Đà La Ni này còn diệt được tội nặng trong vô lượng Kiếp sinh tử , huống chi là người tụng trì.

Nếu người được Thần Chú này rồi tụng, nên biết người ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, rộng gieo căn lành.

Nếu người hay vì chúng sinh bứt nhổ nạn khổ của họ, như Pháp tụng trì. Nên biết người ấy là bậc có đủ Đại Bi, chẳng lâu sẽ thành Phật. Vì các chúng sinh đã được nhìn thấy, thảy đều tụng khiến cho chúng được nghe qua tai để cùng tạo Nhân Bồ Đề thì người đó có Công Đức vô lượng vô biên, khen ngợi chẳng thể hết.

Nếu hay tinh thành, dùng tâm thân giữ gìn Trai Giới, vì tất cả chúng sanh sám hối tội của nghiệp trước cũng tự mình ăn năn tạ lỗi mọi loại nghiệp ác từ vô lượng Kiếp đến nay, trong miệng gấp rút tụng Đà La Ni này, tiếng tiếng chẳng dứt, thì trong đời hiện tại liền chứng bốn quả Sa Môn. Hàng lợi căn có phương tiện **Tuệ Quán** đạt được quả vị Thập Địa chẳng khó, huống chi là Phước Báo nhỏ nhặt ở Thế Gian. Hết thảy Nguyện Cầu không có gì không đạt được kết quả.

Nếu người muốn sai khiến Quỷ.Lấy cái đầu lâu ở chốn hoang vắng , tẩy rửa sạch sẽ. Ở trước Tượng **Thiên Nhãn** thiết lập Đàn Trường, đem mọi thứ hương hoa, thức

ăn uống cúng tế, ngày ngày như vậy, đúng bảy ngày ắt đến, hiện thân tùy theo người sai khiến.

Nếu muốn sai khiến bốn vị Thiên Vương, thì chú vào Đàn Hương rồi thiêu đốt. Do nguyện lực Đại Bi sâu nặng của Bồ Tát này, cũng vì uy thần rộng lớn của Đà La Ni này.

Đức Phật bảo: "Này A Nan! Nếu có quốc thổ khởi tai nạn thời quốc vương của nước đó nên dùng Chính Pháp trị nước, buông thả người vật, chẳng gây oan uổng cho chúng sinh, tha thứ cho các kẻ bị lỗi lầm. Bảy ngày bảy đêm, thân tâm tinh tiến tụng trì Thần Chú **Đại Bi Tâm Đà La Ni** này sẽ khiến cho tất cả tai nạn trong đất nước thảy đều trừ diệt, ngũ cốc chín đầy, vạn họ an vui.

Nếu lại bị oán địch ở nước khác đi đến xâm nhiễu, trăm họ chẳng an; quan đại thần mưu phản, dịch khí lưu hành, mưa nắng chẳng điều hòa; mặt trời mặt trăng bị mất độ … Lúc mọi thứ tai nạn như vậy khởi lên thời vị vua ấy nên làm tượng **Thiên Nhãn Đại Bi Tâm**. Hướng mặt về phương Tây đem mọi thứ hương hoa, phướng, phan, lọng báu hoặc thức ăn uống có trăm mùi vị, chí Tâm cúng dường. Vị vua ấy lại hay bảy ngày bảy đêm, thân tâm tinh tiến tụng trì Chương Cú thần diệu của Đà La Ni như vậy thì oán địch của nước ngoài tự hàng phục đều quay về Chính trị chẳng gây nhiễu não, ngoại bang hòa hảo thương mến lẫn nhau, trong triều từ Vương tử cho đến trăm quan đều hết dạ trung thành, nơi cung vi phi tần thể nữ khởi lòng hiếu kính đối với Vua, các Thiên Long, Quỷ Thần đều ủng hộ trong nước khiến cho mưa gió thuận hòa, mùa hoa quả tốt, nhân dân vui đẹp.

Lại nếu trong nhà gặp bệnh đại ác, trăm điều quái dị tranh nhau khởi lên, Quỷ Thần Tà Ma ưa gây rối loạn. Trong nhà ấy, người ác ngang ngược dùng miệng lưỡi mưu hại nhau cho đến kẻ lớn người nhỏ, bên nội bên ngoại chẳng hòa thuận …. thời nên hướng về Tượng **Thiên Nhãn Đại Bi**, thiết lập Đàn Trường trước mặt Tượng ấy, chí tâm niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, tụng Đà La Ni này mãn một ngàn biến thì việc ác như trên thảy đều tiêu diệt, vĩnh viễn được an ổn.

A Nan bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Chú này tên gọi như thế nào? Thọ trì như thế nào?"

Đức Phật bảo: "Này A Nan! Thần Chú như vậy có mọi thứ tên gọi là:

Một tên là: **Quảng Đại Viên Mãn**

Một tên là: **Vô Ngại Đại Bi.**

Một tên là: **Cứu Khổ Đà La Ni.**

Một tên là: **Diên Thọ Đà La Ni.**

Một tên là: **Diệt Ác Thú Đà La Ni**.

Một tên là: **Phá Ác Nghiệp Chướng Đà La Ni.**

Một tên là: **Mãn Nguyện Đà La Ni.**

Một tên là: **Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni.**

Một tên là: **Tốc Siêu Thượng Địa Đà La Ni**.

Như vậy mà thọ trì.

A Nan bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Tên gọi của Bồ Tát Ma Ha Tát là nhóm nào mà khéo hay tuyên nói Đà La Ni như vậy ?"

Đức Phật nói: "Bồ Tát này có tên là Quán Thế Âm Tự Tại, cũng có tên là **Nhiên Sách**, cũng có tên là **Thiên Quang Nhãn**.

Thiện Nam Tử! Quán Thế Âm Bồ Tát có có sức uy thần chẳng thể luận bàn. Trong vô lượng Kiếp ở đời quá khứ đã là Phật có hiệu là **Chính Pháp Minh Như Lai.** Do nguyện lực Đại Bi, vì muốn phát khởi cho tất cả Bồ Tát, an vui thành thục cho các

chúng sanh cho nên hiện làm Bồ Tát. Các ông, Đại Chúng, các Bồ Tát Ma Ha tát, Phạm Vương, Đế Thích, Rồng, Thần đều nên cung kính, đừng sinh khinh mạn. Tất cả Người, Trời thường nên cúng dường, chuyên xưng Danh Hiệu sẽ được vô lượng phước, diệt vô lượng tội, khi mạng chung sinh về cõi Phật **A Di Đà** ".

Đức Phật bảo: "Này A Nan! Thần Chú do Quán Thế Âm Bồ Tát đã nói là chân thật không hư dối. Nếu muốn thỉnh Bồ Tát này đến thì chú vào hương Chuyết Cụ La 21 lần rồi thiêu đốt ắt Bồ Tát liền đến. (*Chuyết Cụ La Hương là An Tất Hương).*

Nếu có người bị **Miêu Nhi** (một loại ma mèo) bám dính. Lấy **Nhĩ Lý Tra Na** (Xương đầu của con mèo đã chết) thiêu đốt thành tro, rồi hòa với bùn đất sạch, nắn làm hình con mèo. Ở trước tượng Thiên Nhãn, chú vào con dao bằng thép đã tôi luyện 108 biến rồi mỗi mội chặt đứt từng đoạn, cũng thành 108 đoạn. Cứ mỗi một lần thì chú một lần và xưng tên ấy , liền khỏi, chẳng bị bám dính nữa.

Nếu người bị Cổ Độc (Chất độc của loài sâu trùng) gây hại. Lấy Dược Kiếp Bố La (Long Não Hương) hòa với hương Chuyết Cụ La (An Tất Hương), mỗi thứ bằng nhau, hòa chung với một thăng nước hoa trong giếng (Tĩnh Hoa Thủy) rồi nấu sắc còn một chén. Ở trước Tượng **Thiên Nhãn** chú vào 108 biến rồi uống vào liền khỏi.

Nếu người bị rắn ác, bò cạp cắn. Lấy bột Càn Khương (gừng già), chú vào 21 biến rồi bôi lên chỗ bị sưng, lập tức trừ khỏi.

Nếu người bị oán ác hăng hái mưu hại, Lấy đất sạch, hoặc bột gạo, hoặc sáp ong nắn thành hình kẻ ấy. Ở trước Tượng Thiên Nhãn, chú vào con dao bằng thép đã tôi luyện 108 biến, một lần chú , một lần chặt cắt một lần xưng tên kẻ ấy rồi thiêu đốt, hết 108 đoạn thời kẻ ấy liền vui vẻ, trọn đời hậu trọng cùng yêu kính nhau.

Nếu có người bị bệnh, hư hoại tròng con mắt. Hoặc bị mù lòa, đui tối. Hoặc mắt bị trắng đục, mắt kéo màng đỏ khong thấy ánh sáng. Lấy ba loại quả Ha Lê Lặc, quả Am Ma Lặc, quả Tỳ Hề Lặc, mỗi thứ một quả đem đâm giã nghiền nhỏ. Lúc nghiền thời chỉ cần giữ cho sạch (hộ tịnh) đừng để cho phụ nữ mới sinh với loài heo chó nhìn thấy, trong miệng niệm Phật.Dùng Bạch Mật hoặc nước cốt của sữa người hòa chung rồi đắp trong mắt. Lấy sữa của người, cần yếu là sữa của bà mẹ sinh con trai, nếu là sữa của bà mẹ sinh con gái thì chẳng thành. Khi hòa xong thuốc ấy lại nên ở trước Tượng Thiên Nhãn chú vào 1008 biến rồi bôi trong mắt mãn bảy ngày. (người bệnh) nên ở trong nhà sâu kín, cẩn thận gió máy thời tròng con mắt được sinh trở lại. Các chứng mắt mù, mắt bị trắng đục đều được tràn đầy ánh sáng.

Nếu người bị bệnh sốt rét. Lấy da của cọp, beo, chó sói…chú vào 21 biến rồi khoác trên thân liền khỏi bệnh. Da của sư tử là tối thượng.

Nếu bị rắn cắn. Lấy chất ráy đóng trong lỗ tai của người bị cắn, chú vào 21 biến rồi bôi trong chỗ bị sưng lên, liền khỏi.

Nếu người bị chứng sốt rét ác tính nhập vào tim. mê man muốn chết. Lấy một viên chất nhựa của cây đào, lớn nhỏ cũng như trái đào thật lớn, đem hòa với một thăng nước sạch rồi chưng cất lấy nửa thăng, chú vào bảy biến rồi mau chóng cho uống hết liền khỏi bệnh. Thuốc ấy đừng để cho phụ nữ chưng cất.

Nếu người bị khí của Truyền Thi Quỷ ẩn nấp gây bệnh lâu dài. Lấy hương Chuyết Cụ La, chú vào 21 biến thiêu đốt rồi xông vào trong lỗ mũi. Lại lấy bảy viên như miễn phẩn (?lớn bằng lóng tay cái) chú vào 21 biến rồi nuốt vào liền khỏi, cẩn thận tránh rượu thịt, ngũ tân với mắng chửi ác độc.

Nếu lấy Ma Na Thỉ La (Hùng Hoàng) hòa với hạt cải trắng , ấn thành muối hột, chú vào 21 biến rồi thiêu đốt dưới giường của người bệnh thì loài Ma gây bệnh ấy liền bị kéo bung ra , bỏ chạy chẳng dám ở lại

Nếu người bị điếc tai, chú vào dầu mè, rồi nhỏ trong lỗ tai, liền khỏi.

Nếu người bị chứng Thiên Phong, bại xụi một bên. Tai, mũi chẳng thông, tay chân chẳng tiện dùng. Lấy dầu mè, Thanh Mộc Hương Mộc đã được chưng cất, chú vào 21 biến rồi xoa lau trên thân thì được khỏi hẳn bệnh.

Lại có cách, lấy Ngưu Tô thuần chất, chú vào 21 biến rồi xoa bôi, cũng khỏi.

Nếu có người nữ sinh sản khó. Lấy dầu mè, chú vào 21 biến rồi xoa trong rốn với ngọc môn (cửa mình) của sản phụ, liền sinh đẻ dễ dàng.

Nếu có người nữ mang thai mà đứa con bị chết trong bụng. Lấy cỏ A Bà Mạt Lợi (Ngưu Tất) hòa với hai thăng nước sạch trong một cơn mưa lớn, chưng nấu loại bỏ cặn, lấy một thăng, chú vào 21 biến rồi cho uống thì thai nhi liền xuất ra không có đau đớn. Nếu thai nhi chẳng ra, cũng uống thuốc này liền thoát ra khỏi bệnh

Nếu người bị đau nhức tim chẳng thể chịu nổi, gọi là **Độn Thi Chú**. Lấy hương Quân Trụ Lỗ (Huân Lục Hương) như đầu vú thành một viên, chú vào 21 biến, nhấm trong miệng rồi giữ ở cổ họng, chẳng kể nhiều ít, xong khiến nhổ ra liền khỏi. Cẩn thận tránh ngũ tân, rượu thịt.

Nếu có người bị lửa đốt thành nhọt. Lấy Cồ Ma Di (Phân bò đen) nóng, chú vào 21 biến rồi xoa trên nhọt liền khỏi.

Nếu có người bị giun sâu cắn tim . Lấy nửa thăng Cốt Lỗ Mạt Già (nước tiểu của con ngựa trắng), chú vào 21 biến rồi uống vào liền khỏi. Nếu bệnh nặng thì lấy một thăng ắt sâu trùng liền cuộn lại như sợi dây tuôn ra.

Nếu người bị Đinh Sang. Lấy lá Lăng Tỏa (?Lăng Tiêu) đâm lấy nước cốt rồi chú vào 21 biến, nhỏ dính trên nhọt liền nhổ bứt rễ ra, tức khỏi

Nếu người bị chất độc của ruồi nhặng dính trong mắt. Lấy Cốt Lỗ Đát Khư (Phân mới của con lừa) lược vắt lấy nước, gia trì chú 21 biến, ban đêm trước khi ngủ, bôi trong mắt, liền khỏi

Nếu người bị bệnh đau nhức trong bụng. Lấy nước hoa trong giếng hòa với 21 hạt muối hột , chú vào 21 biến rồi uống nửa thăng liền khỏi bệnh.

Nếu người bị bệnh mắt đỏ với trong mắt có thịt dư, mắt kéo màng. Lấy lá Xa Xa Di (Lá Cẩu Kỷ) đâm quết, lọc lấy nước cốt, chú vào 21 biến rồi tẩm vào đồng tiền lên meo xanh một đêm, xong chú vào bảy biến, đắp trong mắt liền khỏi

Nếu người sợ ban đêm, khiếp sợ chẳng yên, ra vào kinh hãi. Lấy chỉ trắng làm sợi dây, chú vào 21 biến, thắt 21 gút rồi buộc trên cổ liền trừ bỏ sợ hãi. Chẳng những chỉ trừ bỏ nỗi sợ, cũng được diệt tội.

Nếu ở trong nhà đột ngột khởi tai nạn. Lấy cành Thạch Lựu dài một thốn, chặt 1008 đoạn, hai đầu thấm bơ, lạc. Mật. Một lần chú một lần thiêu đốt, hết 1008 biến thì tất cả tai nạn thảy đều trừ diệt. Cần yếu là làm ở trước tượng Phật.

Nếu lấy Bạch Xương Bồ, chú vào 21 biến rồi buộc trên cánh tay phải thì ở tất cả nơi đấu tranh, luận nghĩa thảy đều thắng kẻ khác.

Nếu lấy cành nhánh lá Xa Xa Di (lá Cẩu Kỷ) chặt một thốn, hai đầu thấm Ngưu Tô, Bạch Mật, Ngưu Lạc. Một lần chú một lần thiêu đốt , hết 1008 đoạn. Một ngày riêng ba Thời, một Thời riêng 1008 biến, mãn bảy ngày thì Chú Sư tự ngộ, biết thông suốt

Nếu người muốn giáng phục hàng Đại Lực Quỷ Thần. Lấy củi A Lợi Sắt Ca (Mộc Hoạn Tử) chú vào 49 biến rồi thiêu đốt trong lửa, lại nên xoa bôi bơ, lạc, mật. Cần yếu là làm ở trước Tượng **Đại Bi Tâm**

Nếu lấy một lượng lớn Hồ Lô Giá Na (Ngưu Hoàng) bỏ trong bình Lưu Ly, đặt trước tượng **Đại Bi Tâm** , chú vào 108 biến rồi xoa bôi thân, điểm trên trán thì tất cả Trời, Rồng, Quỷ Thần, Người với Phi Nhân thảy đều vui vẻ.

Nếu người bị gông cùm xiềng xích. Lấy phân bồ câu trắng, chú vào 108 biến rồi bôi ở trên bàn tay, xoa lên gông cùm xiềng xích, tức tự thoát khỏi gông xiềng.

Nếu vợ chồng bất hòa, dạng như nước với lửa. Lấy lông đuôi chim Uyên Ương , ở trước tượng **Đại Bi Tâm,** chú vào 1008 biến rồi đeo, tức vợ chồng ấy liền trọn đời vui vẻ, yêu kính nhau.

Nếu bị sâu trùng ăn ruộng lúa, cây mạ non với năm thứ trái cây. Lấy tro sạch, cát sạch, hoặc nước sạch…chú vào 21 biến rồi vảy tán ở bốn bên ruộng mạ non thì sâu trùng lui tan. Nếu có các cây quả, kèm chú vào nước rưới vảy dính trên cây thì sâu trùng chẳng dám ăn gây hại quả trái.

Đức Phật bảo A Nan:

1_ Nếu người nào vì sự giàu có, mọi thứ trân bảo, vật dụng cần thiết thì nên cầu nơi bàn tay cầm viên ngọc Như Ý.

2_Nếu người nào vì mọi thứ chẳng yên, cầu an ổn thì nên cầu nơi bàn tay cầm sợi dây (Quyến Sách)

3_ Nếu người nào vì các bệnh trong bụng thì nên cầu nơi bàn tay cầm cát bát báu

4_ Nếu người nào vì giáng phục tất cả Võng Lượng, Quỷ Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây kiếm báu.

5_ Nếu người nào vì giáng phục tất cả Thiên Ma, Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm **Bạt Chiết La** (Vajra: chày Tam Cổ)

6_ Nếu người nào vì tồi phục tất cả oán địch thì nên cầu nơi bàn tay cầm chày Kim Cương (chày Độc Cổ)

7_ Nếu người nào vì tất cả chốn sợ hãi, chẳng an thì nên cầu nơi bàn tay Thí Vô Úy

8_ Nếu người nào vì mắt bị mờ tối không có ánh sáng thì nên cầu nơi bàn tay cầm Nhật Tinh Ma Ni

9_ Nếu người nào vì bệnh nhiệt độc, cầu được mát mẻ thì nên cầu nơi bàn tay cầm Nguyệt Tinh Ma Ni.

10_ Nếu người nào vì thăng Quan tiến Chức thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Cung báu.

11_ Nếu người nào vì các bằng hữu tốt, sớm được gặp nhau thì nên cầu nơi bàn tay cầm mũi tên báu.

12_ Nếu người nào vì mọi loại bệnh trên thân thì nên cầu nơi bàn tay cầm cành Dương Liễu.

13_ Nếu người nào vì trừ chướng nạn ác trên thân thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây phất trắng.

14_ Nếu người nào vì tất cả quyến thuộc khéo hòa thuận thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Hồ Bình.

15_ Nếu người nào vì tịch trừ tất cả cọp, chó sói, báo, các thú ác thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Bàng Bài.

16_ Nếu người nào vì tất cả Thời Xứ khéo lìa nạn quan quyền thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây búa

17_ Nếu người nào vì tôi tớ nam nữ thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái vòng ngọc.

18_ Nếu người nào vì mọi loại Công Đức thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen trắng.

19_ Nếu người nào vì muốn được sinh về Tịnh Độ ở mười phương thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen xanh.

20_ Nếu người nào vì Trí Tuệ lớn thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái gương báu

21_ Nếu người nào vì muốn diện kiến tất cả chư Phật ở mười phương thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen tím.

22_ Nếu người nào vì kho tàng chôn vùi trong lòng đất thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái rương báu

23_ Nếu người nào vì Tiên Đạo thì nên cầu nơi bàn tay cầm mây ngũ sắc

24_ Nếu người nào vì sinh về cõi Phạm Thiên thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái bình Quân Trì

25_ Nếu người nào vì sinh về cung Trời thì nên cầu nơi bàn tay cầm hoa sen hồng.

26_ Nếu người nào vì tịch trừ giặc nghịch từ phương khác đến thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Kích báu

27_ Nếu người nào vì hô triệu tất cả chư Thiên, Thiện Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái Loa báu (vỏ ốc báu)

28_ Nếu người nào vì sai khiến tất cả Quỷ Thần thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây gậy đầu lâu

29_ Nếu người nào vì chư Phật ở mười phương mau đến trao vào bàn tay thì nên cầu nơi bàn tay cầm tràng hạt

30_ Nếu người nào vì thành tựu tất cả tiếng Phạm Am thượng diệu thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái chuông báu (Bảo Đạc)

31_ Nếu người nào vì Khẩu Nghiệp biện luận khéo léo thì nên cầu nơi bàn tay cầm cái An báu

32_ Nếu người nào vì Thiện Thần, Long Vương thường đến ủng hộ thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Câu Thi Thiết Câu

33_ Nếu người nào vì Từ Bi che giúp tất cả chúng sinh thì nên cầu nơi bàn tay cầm cây Tích Trượng.

34_ Nếu người nào vì tất cả chúng sinh thường cung kính yêu nhớ nhau thì nên cầu nơi bàn tay Hợp Chưởng

35_ Nếu người nào vì đời đời chẳng lìa bên chư Phật thì nên cầu nơi bàn tay Hóa Phật

36_ Nếu người nào vì đời đời kiếp kiếp thường ở trong cung điện của Phật, chẳng nhận thân ở trong bào thai thì nên cầu nơi bàn tay Hóa Cung Điện

37_ Nếu người nào vì nghe nhiều học rộng thì nên cầu nơi bàn tay cầm quyển Kinh báu

38_ Nếu người nào vì từ Thân hiện tại cho đến Thân Phật, Tâm Bồ Đề thường chẳng thoái chuyển thì nên cầu nơi bàn tay cầm Bất Thoái Kim Luân

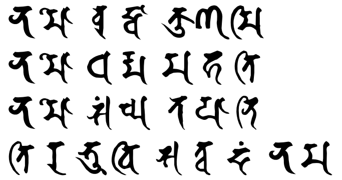
39_ Nếu người nào vì chư Phật ở mười phương mau đến xoa đỉnh đầu thọ ký thì nên cầu nơi bàn tay Đỉnh Thượng Hóa Phật

40_ Nếu người nào vì quả trái, các thứ lúa đậu thì nên cầu nơi bàn tay cầm chùm Bồ Đào.

Như vậy, Pháp có thể cầu có cả ngàn điều. Nay chỉ lược nói chút phần mà thôi

Nhật Quang Bồ Tát (Sūrya-prabha) vì người thọ trì Đại Bi Tâm Đà La Ni, nói Đại Thần Chú để ủng hộ là:

Nam mô bột đà cù na mê (1) Nam mô đạt ma mạc ha đê (2) Nam mô tăng già đa dạ nê (3) Để lý bộ tất tát đốt diêm nạp ma.



NAMO BUDDHĀ KUṆAMI
NAMO DHARMA MAHATI

NAMO SAṂGHA TAYĀNI
TIRABHŪBI SATVADAṂ NAMA

Tụng Chú này diệt được tất cả tội, cũng hay đuổi được Ma và trừ thiên tai. Nếu kẻ nào tụng một biến, lễ Phật bái, Như vậy mỗi ngày, riêng ba Thời tụng Chú lễ Phật thì trong đời vị lai tùy theo chỗ thọ thân sẽ được mỗi một tướng mạo đoan chính, được quả báo đáng vui mừng.

Nguyệt Quang Bồ Tát (Candra-prabha) cũng lại vì Hành Nhân, nói Đà La Ni để ủng hộ là:

Thâm đê đế đồ tô tra (1) A nhược mật đế ô đô tra (2) Thâm kỳ tra (3) Ba lại đế (4) Gia di nhược tra ô đô tra (5) Câu la đế tra kỳ ma tra (6) sa bà ha.



NAMO SAṂDHETI TUṢŪṬHA ĀMITI ŪTŪṬHA SAṂKAIṬHA PALAUTIYEMEJAṬHA ŪTŪṬHA KAULĀTAUṬHA KAIMOṬHA SVĀHĀ

Tụng Chú này năm biến, lấy chỉ ngũ sắc làm **sợi dây Chú** (Chú Sách) rồi cột buộc ở chỗ bị đau nhức. Chú này do bốn mươi hằng hà sa chư Phật đời quá khứ đã nói, nay tôi cũng nói, vì các Hành Nhân mà làm ủng hộ để trừ tất cả chướng nạn, trừ sự đau nhức của tất cả bệnh ác, thành tựu tất cả Pháp lành, xa lìa tất cả các sự sợ hãi.

Đức Phật bảo: "Này A Nan! Ông nên dùng Tâm sâu xa trong sạch mà thọ trì Đà La Ni này, rộng nói lưu truyền nơi cõi Diêm Phù Đề đừng để cho đoạn tuyệt. Đà La Ni này có thể làm lợi ích lớn cho chúng sanh trong ba cõi. Tất cả bịnh khổ ràng buộc nơi thân, dùng Đà La Ni này mà trị thì không có bệnh nào chẳng khỏi.

Dùng Đại Thần Chú chú vào cây kho héo thì cây ấy còn được sinh cành lá, hoa quả huống chi hữu tình là chúng sanh Thức. Nếu thân có bệnh hoạn, dùng Chú này trị mà chẳng lành, ắt không có chuyện đó

Thiện Nam Tử! Sức uy thần của Đà La Ni này chẳng thể luận bàn! Chẳng thể luận bàn! Khen ngợi không thể hết được! Nếu chẳng phải là người từ đời quá khứ lâu xa đến nay đã rộng gieo căn lành, thì cho đến tên gọi còn chẳng được nghe, huống chi là được thấy! Đại Chúng các ông, Trời, Người, Rồng,Thần… nghe Ta khen ngợi đều nên tùy vui.

Nếu có kẻ nào chê bai Chú này tức là chê bai chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật.

Nếu người nào đối với Đà La Ni này sinh nghi chẳng tin, nên biết người ấy vĩnh viễn mất sự lợi ích lớn, trăm ngàn vạn Kiếp thường xoay vần trong nẻo ác không có kỳ ra, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng thấy Tăng".

Tất cả Chúng Hội,Bồ Tát Ma Ha Tát, Kim Cương Mật Tích, Phạm Vương, Đế Thích, bốn vị Thiên Vương, Trời, Rồng, Quỷ, Thần…nghe Đức Phật Như Lai khen ngợi Đà La Ni này thảy đều vui vẻ, vâng theo lời dạy mà tu hành.

KINH THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT
QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI (Hết)

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI XUẤT TƯỚNG

1) Nam mô hát la đát na đá la dạ gia

𑖡𑖦𑖺 𑖨𑖝𑖿𑖡𑖝𑖿𑖨𑖧𑖯𑖧

NAMO RATNA-TRAYĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng tay cầm tràng hạt (Niệm Châu)

2) Nam mô a lợi gia
𑖡𑖦𑖾 𑖁𑖨𑖿𑖧
NAMAḤ ĀRYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng tay cầm bánh xe Pháp (Pháp Luân)

3) Bà lô yết đế thước bát la gia
𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰𑖝𑖸𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧
AVALOKITEŚVARĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng tay cầm cái bát.

4) Bồ đề tát đá bà gia

𑖤𑖺𑖠𑖰𑖭𑖝𑖿𑖪𑖯𑖧

BODHI-SATVĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng tay cầm sợi dây Bất Không (Bất Không quyến sách)

5) Ma ha tát đá bà gia
𑖦𑖮𑖯 𑖭𑖝𑖿𑖪𑖯𑖧
MAHĀ-SATVĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng Bản Thân trì tụng Chú

6) Ma ha ca lô ni ca gia
𑖦𑖮𑖯 𑖎𑖯𑖨𑖲𑖜𑖰𑖎𑖯𑖧
MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Mã Minh Bồ Tát**

7) Án
ॐ
OṂ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng các **Quỷ Thần Vương** chắp tay tụng Chú

8) Tát bà la phạt duệ
𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖨𑖥𑖧𑖸
SARVA RABHAYE



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tứ Đại Thiên Vương**

9) Số đát na đát tả

𑖫𑖲𑖟𑖿𑖠 𑖡𑖯𑖟𑖬𑖿𑖧

ŚUDDHA-NĀDAṢYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bộ Lạc của bốn Đại Thiên Vương**

10) Nam mô tất cát lợi đỏa y mông a lợi gia

𑖡𑖦𑖭𑖿𑖎𑖴𑖝𑖿𑖪 𑖂𑖦𑖽 𑖁𑖨𑖿𑖧

NAMASKṚTVA IMAṂ ĀRYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Long Thọ Bồ Tát**

11) Bà lô cát đế thất phật la lăng đà bà
𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰𑖝𑖸𑖫𑖿𑖪𑖨 𑖩𑖽𑖝𑖥
AVALOKITEŚVARA LAṂTABHA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng Viên Mãn Báo Thân **Lô Xá Na Phật**

12) Nam mô na la cẩn trì
𑖡𑖦𑖺 𑖡𑖱𑖩𑖎𑖜𑖿𑖙
NAMO NĪLAKAṆṬHA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng Thanh Tịnh Pháp Thân **Tỳ Lô Giá Na Phật**

13) Hề lợi ma ha bà đá sa mế
𑖮𑖴 𑖦𑖮𑖯 𑖢 𑖝 𑖫𑖦𑖰
HṚ MAHĀ-PATAŚAMI



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Dương Đầu Thần Vương**

14) Tát bà a tha đậu du bằng

SARVĀTHA DU ŚUPHAṂ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Cam Lộ Vương Bồ Tát**

15) A thệ dựng

𑖀𑖕𑖰𑖧𑖽

AJIYAṂ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Phi Đằng Dạ Xoa Thiên Vương**

16) Tát bà tát đá, na ma bà tát đá, na ma bà già

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖭𑖝𑖿𑖪 𑖡𑖦 𑖥𑖐

SARVA SATVA NĀMA BHAGA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bà Già Bà Đế Thần Vương**

17) Ma phạt đặc đậu
𑖦𑖯 𑖥𑖯𑖝𑖰 𑖟𑖲
MĀ BHĀTI DU



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Quân Tra Lợi Bồ Tát**

18) Đát điệt tha
𑖝𑖟𑖿𑖧𑖞𑖯
TADYATHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân tướng A La Hán

19) Án, a bà lô hề

𑖌𑖼 𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰

OṂ AVALOKI



Quán Thế Âm Bồ Tát hiển tướng Từ Bi vô lượng

20) Lô ca đế
𑖩𑖺𑖎𑖝𑖸
LOKATE



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Đại Phạm Thiên Vương**

21) Ca la đế

𑖎𑖩𑖝𑖰

KALATI



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Đế Thần**

22) Di hề lợi

𑖂 𑖮𑖸𑖩𑖰𑖾

I HELIḤ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tam Thập Tam Thiên, Ma Hê Thủ La Thiên Thần**

23) Ma ha bồ đề tát đỏa
𑖦𑖮𑖯 𑖤𑖺𑖠𑖰𑖭𑖝𑖿𑖪
MAHĀ-BODHISATVA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng Thanh Tịnh Vô Ngã Từ Bi

24) Tát bà tát bà
𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖭𑖨𑖿𑖪
SARVA SARVA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Hương Tích Bồ Tát**

25) Ma la ma la

𑖦𑖯𑖩 𑖦𑖯𑖩

MĀLA   MĀLA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bạch Y Quán Thế Âm Bồ Tát**

26) Ma hề ma hề lợi đà dựng



MASĪ MASĪ HṚDAYAṂ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bạch Phát A Di Đà Phật**

27) Câu lô câu lô yết mông

𑖎𑖲𑖨𑖲 𑖎𑖲𑖨𑖲 𑖎𑖨𑖿𑖦𑖽

KURU KURU KARMAṂ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Không Thân Bồ Tát**

28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế

𑖝𑖲𑖨𑖲 𑖝𑖲𑖨𑖲 𑖥𑖬𑖰𑖧𑖝𑖰

TURU TURU BHAṢI YATI



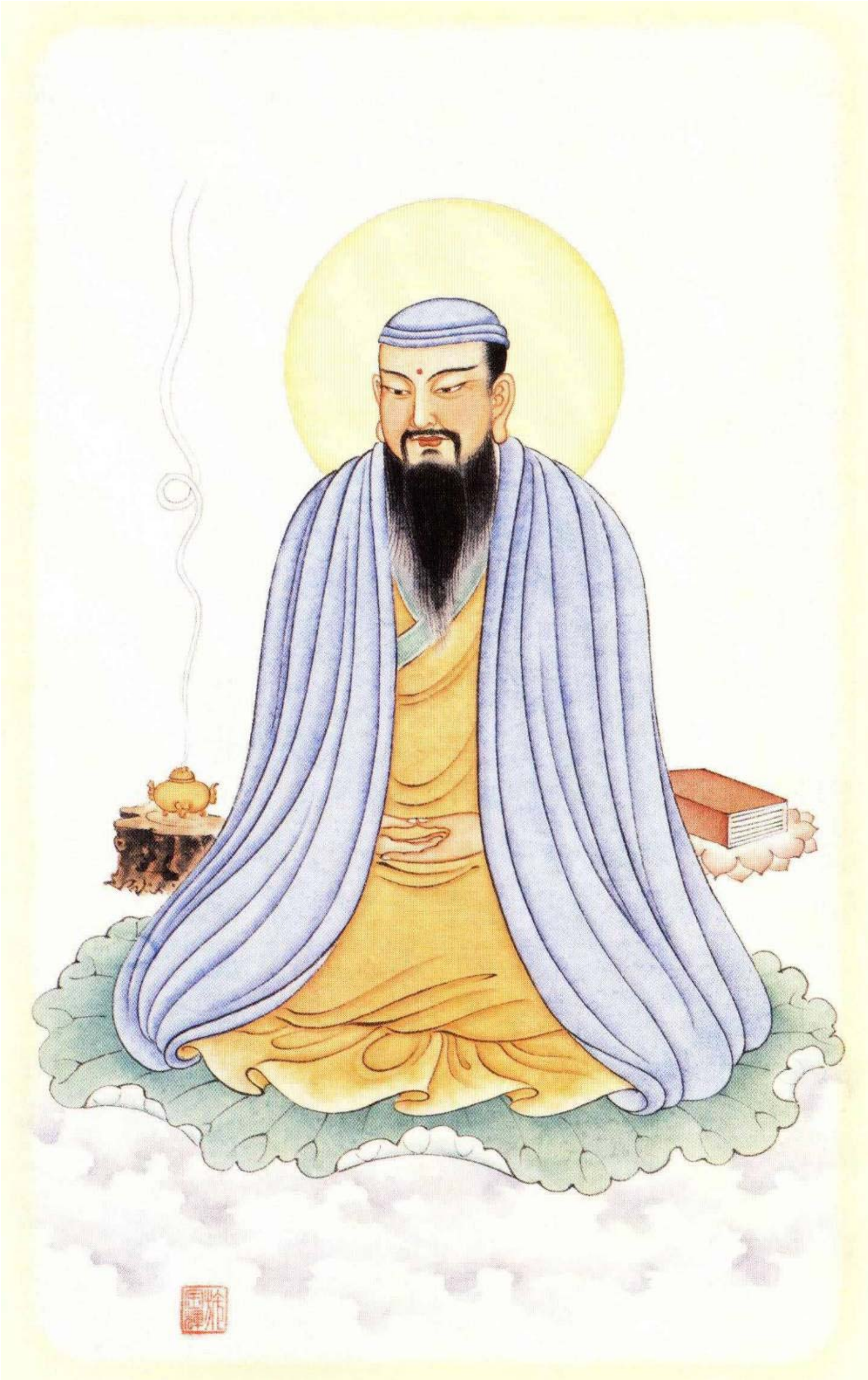
Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Nghiêm Tuấn Bồ Tát**

29) Ma ha phạt xà gia đế
𑖦𑖮𑖯 𑖥𑖬𑖰 𑖧𑖝𑖰
MAHĀ-BHAṢI YATI



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Đại Lực Thiên Tướng**

30) Đà la đà la
𑖠𑖨 𑖠𑖨
DHĀRA DHĀRA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Thân Trượng Phu** tu khổ hạnh

31) Địa lợi ni
𑖠𑖰𑖨𑖰𑖜𑖰
DHIRIṆI



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân tướng **Sư Tử Vương**

32) Thất phật la gia

𑖂𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧

IŚVARĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Phích Lịch Bồ Tát**

33) Giá la giá la
𑖓𑖩 𑖓𑖩
CALA CALA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tồi Toái Bồ Tát**

34) Ma ma phạt ma la
𑖦𑖦 𑖪𑖰𑖦𑖩
MAMA VIMALA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Đại Giáng Ma Kim Cương**

35) Mục đế lệ

𑖦𑖲𑖎𑖿𑖝𑖸

MUKTE



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng chư Phật Bồ Tát

36) Y hề di hề
𑖊𑖮𑖿𑖧𑖸𑖮𑖰
EHYEHI



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Ma Hê Thủ La Thiên Vương**

37) Thất na thất na

𑖫𑖰𑖡 𑖫𑖰𑖡

ŚINA ŚINA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Già Na Ma Tướng Thiên Vương**

38) A la sâm phật la xá lợi

ARAṢIṂ BHALA ŚARI



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng cầm giữ cái khiên (Bài), cung tên

39) Phạt xa phạt sâm

𑖥𑖬 𑖥𑖲𑖽

BHAṢĀ   BHAṢIṂ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Kim Khôi Địa Tướng**

40) Phật la xá gia
𑖥𑖨 𑖫𑖧
BHARA ŚAYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **A Di Đà Phật**

41) Hô lô hô lô ma la

𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖢𑖿𑖨

HULU HULU PRA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bát Bộ Thần Vương**

42) Hô lô hô lô hề lợi

𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖫𑖿𑖨𑖱

HULU HULU ŚRĪ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tứ Tý Tôn Thiên**

43) Sa la sa la

𑖭𑖨 𑖭𑖨

SARA SARA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng đời ác năm trược

44) Tất lợi tất lợi

𑖭𑖰𑖨𑖰 𑖭𑖰𑖨𑖰

SIRI SIRI



Quán Thế Âm Bồ Tát cầm Tịnh Bình, cành Dương hiện tướng Từ Bi

45) Tô rô tô rô

𑖭𑖲𑖨𑖲 𑖭𑖲𑖨𑖲

SURU SURU



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng tiếng lá cây rơi của chư Phật

46) Bồ đề dạ, bồ đề dạ

𑖤𑖺𑖠𑖿𑖨𑖰𑖧 𑖤𑖺𑖠𑖿𑖨𑖰𑖧

BUDDHIYA BUDDHIYA



Quán Thế Âm Bồ Tát tuỳ dắt trẻ thơ (ấu đồng) hiện tướng Đại Từ Đại Bi

47) Bồ đà dạ, bồ đà dạ

𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖧 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖧

BUDDHĀYA BUDDHĀYA

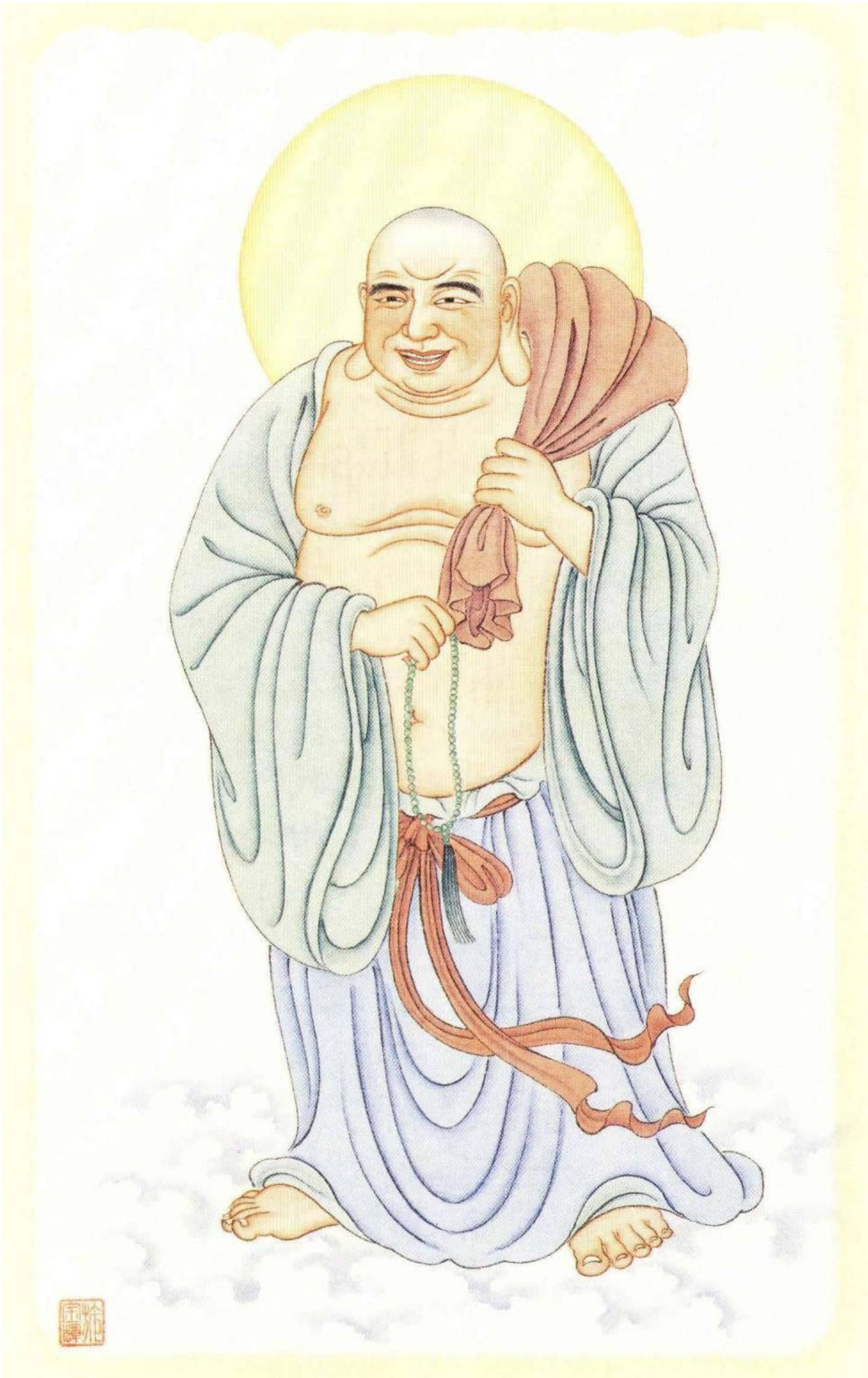


Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **A La Hán Tôn Giả**

48) Di đế lợi dạ

𑖦𑖹𑖝𑖿𑖨𑖰𑖧

MAITRIYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Di Lặc Bồ Tát**

49) Na la cẩn trì
𑖡𑖱𑖩𑖎𑖜𑖿𑖙
NĪLAKAṆṬHA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Địa Tạng Bồ Tát**

50) Địa lợi sắt ni na
𑖝𑖿𑖨𑖰𑖫𑖨𑖜
TRIŚARAṆA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bảo Tràng Bồ Tát**

51) Ba dạ ma na
𑖀𑖥𑖧 𑖦𑖜
ABHAYA MAṆA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Kim Quang Tràng Bồ Tát**

52) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tam Đầu Thiện Thánh**

53) Tất đà dạ
𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖰𑖧
SIDDHIYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Xá Lợi Phật Tôn Giả**

54) Sa bà ha
स्वाहा
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Hằng Hà Sa Bồ Tát**

55) Ma ha tất đà dạ

𑖦𑖮 𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖰𑖧

MAHĀ-SIDDHIYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Phóng Quang Bồ Tát**

56) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Mục Kiền Liên Tôn Giả**

57) Tất đà dụ nghệ

सिद्ध योग

SIDDHA YOGA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiển tướng chư Thiên Bồ Tát trong Thế Giới Cực Lạc

58) Thất bà la gia
𑖂𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧
IŚVARĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng Thiên Nữ.

59) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **A Xà Na Tôn Giả**

60) Na la cẩn trì
𑖡𑖱𑖩𑖎𑖜𑖿𑖙
NĪLAKAṆṬHA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Sơn Hải Tuệ Bồ Tát**

61) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Chiên Đà La Tôn Giả**

62) Ma la na la

PRAVARĀHA-MUKHĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Bảo Ấn Vương Bồ Tát**

63) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Câu Hy La Tôn Giả**

64) Tất la tăng a mục khư gia
𑖫𑖿𑖨𑖱 𑖭𑖰𑖽𑖮 𑖦𑖲𑖏𑖯𑖧
ŚRĪ-SIṂHA-MUKHĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Dược Vương Bồ Tát**

65) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Viên Mãn Bồ Tát**

66) Sa bà ma ha a tất đà dạ

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖦𑖮𑖯 𑖦𑖲𑖎𑖿𑖝𑖯𑖧

SARVA MAHĀ-MUKTĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Dược Thượng Bồ Tát**

67) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Xá Lợi Phất Tôn Giả**

68) Giả cát la a tất đà dạ
𑖓𑖎𑖿𑖨𑖯 𑖧𑖲𑖠𑖯𑖧
CAKRĀ YUDHĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Hổ Hàm Thần Tướng**

69) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Chư Thiên Ma Vương**

70) Ba đà ma yết tất đà dạ
𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖮𑖭𑖿𑖝𑖯𑖧
PADMA-HASTĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Linh Hương Thiên Bồ Tát**

71) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tán Thiên Bồ Tát**

72) Na la cẩn trì bá già la gia

𑖡𑖱𑖩𑖎𑖽𑖙 𑖫𑖽𑖏𑖨𑖯𑖕

NĪLAKANTHA ŚAṄKHA-RĀJA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Phú Lâu Na Tôn Giả**

73) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Đa La Ni Tử Bồ Tát**

74) Ma bà lợi thắng yết la dạ

𑖦𑖯 𑖪𑖨𑖰 𑖫𑖽𑖎𑖨𑖯𑖧

MĀ VARI ŚAṄKARĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Tam Ma Thiền Na Bồ Tát**

75) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Đại Ca Diệp Tôn Giả**

76) Nam mô hát la đát na đá la dạ gia
𑖡𑖦𑖾 𑖨𑖝𑖿𑖡𑖝𑖿𑖨𑖧𑖯𑖧
NAMO RATNA-TRAYĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Ứng Hoá Hư Không Tạng Bồ Tát**

77) Nam mô a lị gia
𑖡𑖦𑖾 𑖁𑖨𑖿𑖧
NAMAḤ ĀRYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Ứng Hoá Phổ Hiền Bồ Tát**

78) Bà lô cát đế
𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰𑖝
AVALOKITA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng **Ứng Hoá Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát**

79) Thước bá la dạ

𑖂𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧

IŚVARĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng hoa sen vàng ngàn cánh (Thiên Diệp Kim Liên)

80) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng buông rũ cánh tay màu vàng ròng

81) Án tất điện đô
𑖌𑖼 𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖿𑖧𑖡𑖿𑖝𑖲
OṂ SIDDHYANTU

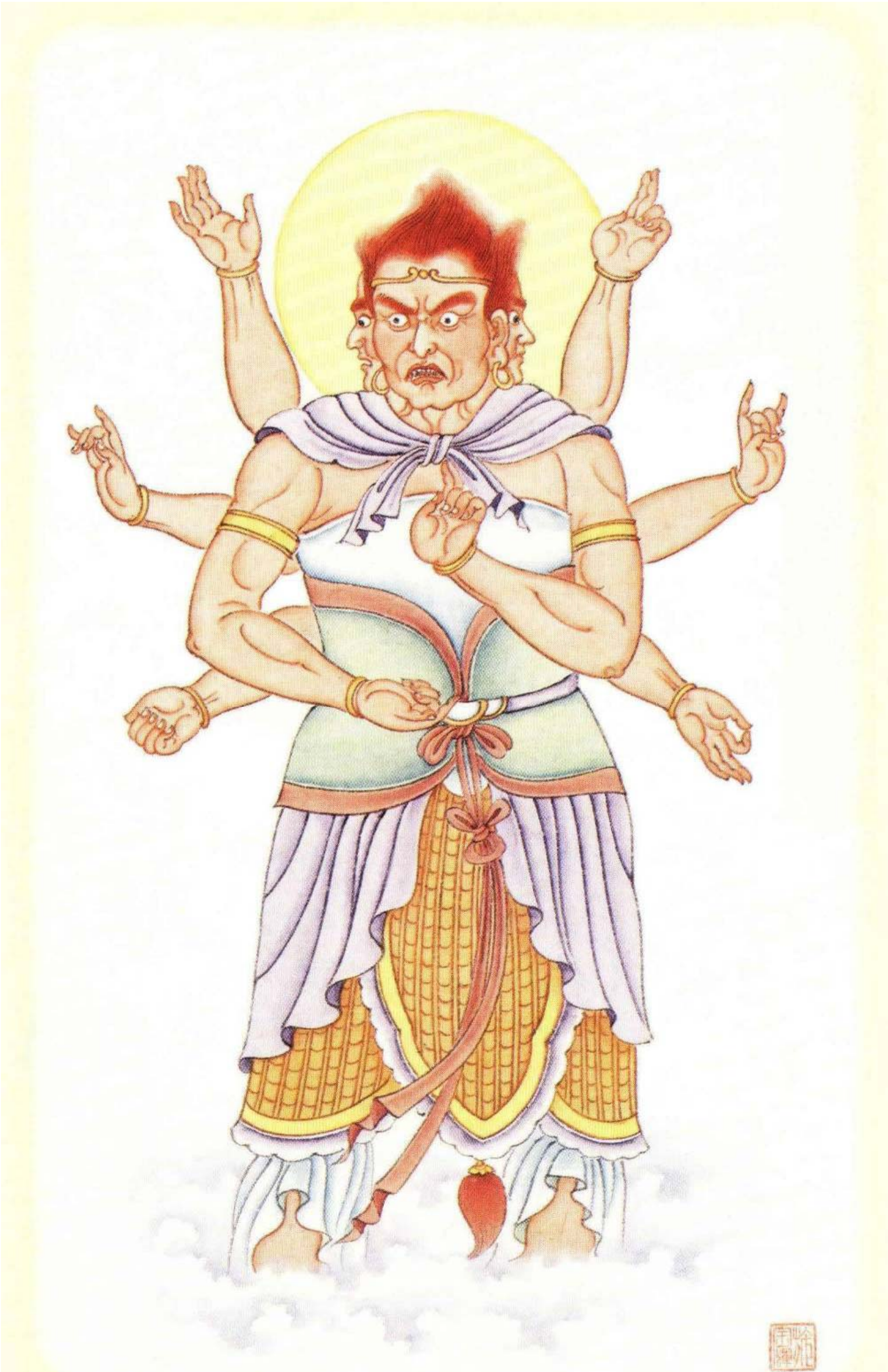


Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng mở năm ngón tay

82) Mạn đá la

𑖦𑖡𑖿𑖝𑖿𑖨

MANTRA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng bàn tay Đâu La Miên

83) Bạt đà dạ
𑖢𑖟𑖯𑖧
PADĀYA



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng giải thức ăn nhận các xúc chạm

84) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ



Quán Thế Âm Bồ Tát hiện tướng giải phân các Pháp

18/08/2009

CÔNG NĂNG CỦA NGÀN MẮT NGÀN TAY

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT vì muốn cứu độ chúng sanh nên hiển thị ngàn tay ngàn mắt, với ngàn mắt sinh ra 1000 vị Phật đời Hiền Kiếp, và ngàn tay sinh ra 1000 vị Chuyển Luân Thánh Vương. Khi Bồ Tát hiện ra thân Thắng Ma này thì tất cả chúng sanh trong Thế Giới đều được tiêu trừ tội chướng, xa lìa ba nẻo ác và đều được tái sanh vào cõi người, cõi Trời. Do vậy ngàn tay biểu thị cho phương tiện hoá độ thiện xảo và ngàn mắt biểu thị cho Trí Tuệ quán sát tỏ tường muôn sự. Nói theo cách khác thì ngàn mắt biểu thị cho tinh thần Chân Không của Bát Nhã, còn ngàn tay biểu thị cho tinh thần Diệu Hữu của Bát Nhã. Biểu tượng này nhằm đánh thức Tuệ Giác của chúng sanh khiến cho họ xa lìa sự chấp Thường, chấp Đoạn để đi vào Trung Đạo đồng thời giúp cho người tu hành tìm thấy sự giác ngộ trong công việc độ sanh cũng như tìm thấy sự giải thoát giữa biển sanh tử phiền não, tức không từ bỏ Pháp Tu cũng không từ bỏ cuộc đời và đây chính là nghĩa chân thật của Tâm Đại Bi vậy.

Theo ***Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh*** thì ngàn tay là tổng số tay làm lợi ích cho 25 HỮU trong đó một HỮU thường có 40 tay hóa độ.

Lại nữa, khi Quán Tự Tại Bồ Tát nhập vào Tam Muội VÔ SỞ ÚY (Abhayaṃ samādhi) thì trong ánh sáng Tam Muội hiện ra 25 vị Bồ Tát, mỗi vị đều có 11 mặt 40 tay, chứng đắc 25 Tam Muội. Riêng thân hiển thị ở **Nam Thiệm Bộ Châ**u (Jambu-dvīpa) là 40 pháp hóa độ của **Thí Vô Úy Quán Tự Tại Bồ Tát** (Abhayaṃdāda Avalokiteśvara Bodhi-satva).

40 pháp (tức 40 tay) được hoá hiện thành 40 vị Quán Tự Tại, mỗi một vị đều có 11 mặt 2 cánh tay, mỗi một tay cầm vật khác nhau, y theo cầu nguyện khác nhau của chúng sinh mà ban bố cho

CÁC TÔN QUÁN TỰ TẠI	VẬT CẦM
(1) Ma Ni Dữ Nguyện Quán Tự Tại	Hai tay bên trái bên phải cầm **viên ngọc Ma Ni**
(2) Trì Sách Quán Tự Tại	Tay trái cầm **sợi dây**, tay phải nắm quyền để ở giữa eo
(3) Bảo Bát Quán Tự Tại	Hai tay bên trái bên phải để ở trên rốn cầm **cái Bát báu**
(4) Bảo Kiếm Quán Tự Tại	Tay trái kết Địa Thủy Phong ấn khế, tay phải cầm **cây Kiếm**
(5) Kim Cương Quán Tự Tại	Tay trái nắm quyền để ở giữa eo, tay phải cầm **cái Chày Tam Cổ**
(6) Trì Xử Quán Tự Tại	Tay trái nắm quyền để ở giữa eo
(7) Trừ Bố Quán Tự Tại	Tay trái 5 ngón tay rũ xuống biểu lộ lòng bàn tay, tay phải 5 ngón tay nắm quyền, lòng bàn tay để ở trên vú.
(8) Nhật Tinh Quán Tự Tại	Tay trái cầm **Nhật Tinh**, tay phải nắm quyền ngửa lên trên
(9) Nguyệt Tinh Quán Tự Tại	Tay trái cầm **Nguyệt Tinh**, tay phải duỗi năm ngón tay xoa thân
(10) Bảo Cung Quán Tự Tại	Hai tay cầm **cây Cung báu**
(11) Tốc Trị Quán Tự Tại	Tay trái cầm **đuôi mũi tên**, tay phải cầm **đầu mũi tên**.

(12) Dược Vương Quán Tự Tại	Tay trái để ở trên vú hiện chưởng (hiện rõ lòng bàn tay), tay phải cầm **cành Dương Liễu**
(13) Phất Nạn Quán Tự Tại	Tay trái cầm **cây phất trần trắng**, tay phải co cánh tay lòng bàn tay hướng ra ngoài
(14) Trì Bình Quán Tự Tại	Tay trái để cái Hồ Bình ở dưới, tay phải cầm **cái Hồ Bình**
(15) Hiện Nộ Quán Tự Tại	Tay trái hướng ra ngoài cầm **cái hình Bàng Bài**, tay phải kết quyền ấn
(16) Chấn Nạn Quán Tự Tại	Tay trái nắm quyền để ở giữa eo, tay phải cầm **cây Búa**
(17) Trì Hoàn Quán Tự Tại	Tay trái cầm **cái vòng ngọc** để ở ngực, tay phải lật úp **cái vòng ngọc**
(18) Phân Trà Lợi Quán Tự Tại	Tay trái cầm **Hoa Sen trắng**, tay phải kết Ấn Thuyết Pháp
(19) Kiến Phật Quán Tự Tại	Tay trái để ở trên vú, hiện chưởng, tay phải cầm **Hoa Sen xanh**
(20) Kính Trí Quán Tự Tại	Tay trái cầm **cái Gương báu** để ở ngực, tay phải kết Trí Quyền Ấn
(21) Kiến Liên Quán Tự Tại	Tay trái để ở ngực ngửa lên trên, tay phải cầm **Hoa Sen tím**
(22) Kiến Ấn Quán Tự Tại	Hai tay cầm **cái Rương báu**
(23) Tiên Vân Quán Tự Tại	Hai tay cầm **cái áo Trời** (Thiên Y Đoan)
(24) Thiền Định Quán Tự Tại	Hai tay kết **Pháp Giới Định Ấn**
(25) Thiên Hoa Quán Tự Tại	Tay trái cầm **Hoa Sen đỏ**, tay phải co cánh tay lại
(26) Phá Tặc Quán Tự Tại	Tay trái cầm **cây Kích**, tay phải mở ra để ở eo phải
(27) Niệm Châu Quán Tự Tại	Tay trái để ở eo, tay phải cầm **tràng hạt**
(28) Trì Loa quán Âm	Tay trái cầm **con Ốc báu**, tay phải kết Quyền ấn, co ngón áp út, hiện bày thế vời gọi
(29) Phộc Quỷ Quán Tự Tại	Tay trái để ở giữa eo, tay phải cầm **cây Gậy đầu lâu**
(30) Pháp Âm Quán Tự Tại	Tay trái cầm **cái lệnh Kim Cương**, tay phải kết Quyền ấn để ở giữa eo
(31) Trí Ấn Quán Tự Tại	Tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải cầm **cái Ấn báu** để ở ngực
(32) Câu Triệu Quán Tự Tại	Tay trái cầm **cái móc câu**, tay phải nắm quyền để ở giữa eo
(33) Từ Trượng Quán Tự Tại	Tay trái để trên rốn, tay phải cầm **cây Tích Trượng**
(34) Hiện Kính Quán Tự Tại	Tay trái: trên lòng bàn tay an trí **vị Hóa Phật**, tay phải: ngón tay an trí tòa

	vị Hóa Phật
(35) Bất Ly Quán Tự Tại	Hai tay để ở ngực, chắp tay lại
(36) Đại Thế Quán Tự Tại	Tay trái hiện **hình Cung Điện**, tay phải co cánh tay và đưa lòng bàn tay hướng ra ngoài
(37) Bát Nhã Quán Tự Tại	Tay trái hiện **cái Phạn Khiếp**, tay phải cầm **quyển Kinh Bát Nhã Lý Thú**
(38) Bất Chuyển Quán Tự Tại	Tay trái hiện tướng chẳng lui chuyển, tay phải cầm cái **Chày Kim Cương**
(39) Quán Đỉnh Quán Tự Tại	Trên đỉnh an trí **vị Hóa Phật**
(40) Hộ Địa Quán Tự Tại	Tay trái kết Thí Nguyện ấn khế, tay phải cầm **chùm Bồ Đào**

40 pháp (tức 40 tay) biểu thị cho **5 Trí Tuệ của Như Lai** nhằm minh họa cho vạn Đức cứu cánh là:

1.NHƯ LAI BỘ (Tathāgata-kulāya): biểu thị cho **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-prakṛti-jñāna) là cái Trí thâm nhập khắp nơi của Pháp Giới, 8 tay thuộc Bộ này là: Hóa Phật, Dây Lụa, Thí Vô Úy, Phất Trần Trắng, Bàng Bài, Việt Phủ, Kích Báu, Dương Liễu minh họa cho Pháp **Tức Tai** Śāntika) là pháp tiêu trừ các loại bệnh nạn, việc ác của thân mình hoặc người khác.

2.KIM CANG BỘ (Vajra-kulāya): biểu thị cho **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) là cái Trí phản chiếu mọi sự vật mà không dính mắt vào sự vật nào, cũng không bị sự vật ấy động chạm hay lay động được. Có 8 tay thuộc Bộ này là Bạt Chiết La (Tam Cổ Kim Cương), Chày Kim Cương (Độc Cổ Kim Cương) Kiếm báu, Cung điện, Bánh xe vàng (Kim Luân), Bát báu, Nhật Tinh Ma Ni, Nguyệt Tinh Ma Ni minh họa cho Pháp **Điều Phục** (Abhicāruka) là pháp tu chiết phục các nhóm ác hoặc điều phục các người ác.

3. BẢO BỘ (Ratna-kulāya): biểu thị cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) là cái trí phô bày tâm thức Từ Bi Bình Đẳng. Tám tay thuộc Bộ này là: Ngọc Như Ý, Kinh Báu, cây Cung Báu, Hoa Sen Trắng, Hoa Sen xanh, Chuông báu, Hoa Sen tím, Chùm Bồ Đào minh họa cho Pháp **Tăng Ích** (Puṣtika) là pháp tu tăng ích về Trí Tuệ, Phước Đức, Thọ Mệnh cho mình và người khác .

4.LIÊN HOA BỘ (Padma-kulāya): biểu thị cho **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna)là sự quán tưởng của Trí xem xét mọi tướng chung, tướng riêng của các pháp mà không hề bị ngăn ngại. Tám tay thuộc Bộ này là: Hợp Chưởng, Gương báu, Ấn báu, Vòng ngọc, Hồ Bình, Quân Trì Bình, Hoa Sen hồng, Tích Trượng minh họa cho Pháp **Kính Ái** (Vaśikaraṇa) là pháp tu cho mình và người khác được Chư Phật, Bồ Tát gia hộ hoặc muốn được Quân Vương và mọi người yêu thương giúp đỡ.

5.YẾT MA BỘ (Karma-kulāya):biểu thị cho **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) là cái trí khéo léo thi hành mọi việc của thế gian chuyển chúng thành phương tiện giải thoát. Tám tay thuộc Bộ này là: Thiết Câu, Đỉnh Thượng Hóa Phật, Tràng Hạt, Hoa Báu, mũi Tên Báu, Rương báu, Độc Lâu, Mây Ngũ Sắc minh họa cho Pháp **Câu Triệu** (Ākarṣaṇi) là pháp triệu thỉnh Bản Tôn, chư Thần. Thông thường thì pháp này thường được nhiếp trong Kính Ái .

Như vậy 40 tay này thông cả 5 loại Pháp **Hộ Ma** (Homa), xong bình thường theo lời Thầy dạy thì chỉ nhấn mạnh vào 2 pháp tu TỨC TAI và KÍNH ÁI mà thôi.

Lại nữa 4 loại Pháp: Tức Tai, Tăng Ích, Kính Ái, Giáng Phục còn được biểu thị bằng 4 vị Bồ Tát: Bạch Y, Đại Bạch Y, Đa La, Tỳ Câu Đê là 4 Đức của Thiên Thủ Quán Âm.

_ BẠCH Y (Pāṇḍaravāsini) là biệt môn của Liên Hoa Bộ, là Mẫu của các Bộ Quán Âm nên biểu thị cho Đức **Tức Tai** (Śāntika)

Bạch Y Quỹ ghi: ***"Nếu có người ác, vô cớ gây tai họa cho ta, nên quán tưởng người ấy ở dưới chân Bậc Du Già*** (Yogī) ***tụng Chân Ngôn 21 biến thì tất cả sự gây hại thảy đều bị tiêu diệt,cùng với hướng tâm Từ Bi chẳng bị chướng ngại***"

Chân Ngôn là:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ (Quy mệnh khắp cả bậc Giác Giả) TATHĀGATA-VIṢAYA (Cảnh giới của Như Lai) SAṂBHAVE (phát sinh) PADMA-MĀLINI (vòng hoa sen) SVĀHĀ (quyết định thành tựu).

_Thiên Thủ Quỹ ghi bài Chú khác là:

OṂ_ KAṬE VIKAṬE NIKAṬE KATAṂKAṬE KAROṬE VĪRYE SVĀHĀ

_ ĐẠI BẠCH Y (Mahā-pāṇḍara-vāsini): Do Pháp Giới Thể Tính Trí sanh ra Liên Hoa Bộ nên gọi là Đại Bạch Y, tức là Tổng Môn của Liên Hoa Bộ. Vì Tổng là **Năng Sinh** nên biểu thị cho nghĩa **Tăng Ích** (Puṣṭika)

Quỹ ghi: "***Muốn biết việc lành dữ ở thời vị lai có thành hay không, tụng Minh Phi (***Vidya-rājñi) ***ấy thì nằm mộng sẽ biết"***

Đây là đức chưa nảy mầm nên cũng biểu thị cho nghĩa Tăng Ích. Như vậy Đại Bạch Y biểu thị cho Tăng Ích. Chân Ngôn là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA, MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA (Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát)

TADYATHĀ (Như vậy liền nói chú là)

ŚVETE (màu trắng) ŚVETĀṂGE (thân màu trắng) ŚVETA-BHŪJA (cánh tay màu trắng) ŚVETA-VASTRE (áo màu trắng) ŚVETA-MALYA RALAṂKṚTE (đeo tràng hoa trắng buông rũ) JAYE (Tôn thắng) VIJAYE (Tối thắng) AJITE (Vô năng thắng) SARVA SIDDHA NAMAḤSKṚTE (Kính lễ tất cả sự thành tựu) HILI (kết hợp hòa hợp) MILI (ngăn chặn, cản trở) KILI (găm chặt, giết chết) DARŚAYA SĀDHAYA (Nghi quỹ đã nhìn thấy) SVĀHĀ (viên mãn, quyết định thành tựu)

-ĐA LA (Tārā): Tôn này được sanh ra từ con mắt của Quán Tự Tại Bồ Tát . Do tôn này dùng mắt Từ xem xét chúng sanh để kịp thời cứu độ nên biểu thị cho nghĩa ***"Bi Ngưỡng Ái"*** vì thế ĐA LA biểu thị cho Đức **Kính Ái** (Vaśikaraṇa).Chân Ngôn là:

OṂ (Cảnh giác) TĀRE (sự tự do thoát khỏi luân hồi) TUTTĀRE (sự tự do thoát khỏi tám nạn) TURE (sự tự do thoát khỏi bệnh tai) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

-TỲ CÂU ĐÊ (Bhṛkuṭi): Tỳ câu đê theo tiếng Phạn nghĩa là nếp nhăn. Do nếp nhăn trên vầng trán là hình phẫn nộ nên Tỳ Câu Đê biểu thị cho Đức **Giáng Phục** (Abhicāruka). Chân Ngôn là :



NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ (Quy mệnh khắp cả chư Phật) SARVA BHAYA (tất cả sự đáng sợ) TRASANI (ba tâm tham lợi) SPHAṬYA (phá bại tất cả) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Từ các ý nghĩa này mà Quỹ ghi là "***Ở 4 góc của lầu gác báu có 4 Vị Bồ Tát Bạch Y, Đại Bạch Y, Đa La, Tỳ Câu Đê cùng với vô lượng chúng của Liên Hoa Bộ trước sau vây quanh"***

Riêng một số vị Đạo Sư Tây Tạng đối với Quán Âm Pháp để tăng cường sức mạnh gia hộ của Bản Tôn cho người tu hành thì mỗi bộ đều có một cách quy mệnh kính lễ riêng:

1.NHƯ LAI BỘ:

NAMA RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA VAIROCANA-VYŪHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

(Kính lễ Thánh Trí Hải Biến Chiếu Trang Nghiêm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

2.KIM CƯƠNG BỘ:

NAMA RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA AKṢOBHYA-VYŪHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

(Kính lễ Thánh Trí Hải Bất Động Trang Nghiêm Vương Như Lai ,Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

3.LIÊN HOA BỘ:

NAMA RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA AMITĀBHA-DEVA-VYŪHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

(Kính lễ Thánh Trí Hải Vô Lượng Quang Thiên Trang Nghiêm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

4.BẢO BỘ:

NAMA RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA RATNA-SAṂBHAVA-VYŪHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

(Kính lễ Thánh Trí Hải Bảo Sinh Trang Nghiêm Vương Như Lai, Ứng Cúng , Chính Đẳng Chính Giác)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

5.YẾT MA BỘ:

NAMA RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)

NAMAḤ ĀRYA-JÑĀNA-SĀGARĀYA AMOGHA-SIDDHI-VYŪHA-RĀJĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

(Kính Lễ Thánh Trí Hải Bất Không Thành Tựu Trang Nghiêm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.

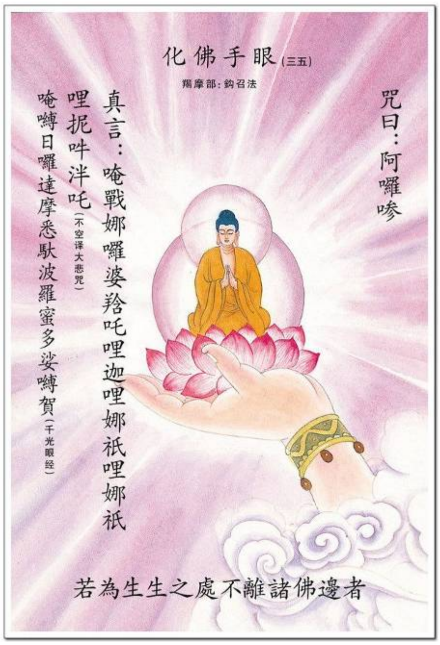
BẢNG TÓM TẮT PHÁP TU CỦA 5 LOẠI PHÁP HỘ MA

CHỦNG LOẠI	TỨC TAI	ĐIỀU PHỤC	TĂNG ÍCH	KÍNH ÁI	CÂU TRIỆU
5 Bộ	Phật Bộ	Kim Cương Bộ	Bảo Bộ	Liên Hoa Bộ	Yết Ma Bộ
5 Trí	Pháp Giới Thể Tính Trí	Đại Viên Kính Trí	Bình Đẳng Tính Trí	Diệu Quán Sát TRí	Thành Sở Tác Trí
Hình lò	tròn	Tam giác	vuông	Cánh sen	Kim Cương
Vằn của lò	Vành xe	Độc Cổ	Tam Cổ	Hoa sen	Móc câu
Màu	Trắng	đen	vàng	Đỏ	Tạp sắc
Cây	Cây ngọt	Cây đắng	Cây có quả	Cây có hoa	Cây có gai
Lúc bắt đầu	Đầu đêm	Ban ngày	Buổi sáng	Ban đêm	Tất cả thời
Hướng	Bắc	Nam	Đông	Tây	Các phương
Thế ngồi	Cát Tường	Tông Cứ (ngồi xổm)	Toàn Già	Hiền	Bán Già
Ngày	01 đến 08	16 đến 23	9 đến 15	24 đến hết tháng	Tất cả ngày

Ý NGHĨA CỦA 40 TAY TRONG 5 BỘ

I/ TÁM TAY THUỘC BỘ PHẬT

1.HÓA PHẬT THỦ (Tay hiện vị Hóa Phật)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***"Nếu người muốn chẳng xa lìa và ở bên cạnh Đức Phật thì có thể tu pháp HÓA PHẬT THỦ. Tượng Bất Ly Quán Tự Tại có tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên đã nói, chỉ đặt vị Hóa Phật trong lòng bàn tay trái, tay phải làm cái bàn tòa Hóa Phật".***



Tướng Ấn là: Chắp hai tay lại giữa rỗng.

Chân Ngôn là: “**Án- Phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp), **tất đà, ba la mật đa** (Thành tựu đáo bỉ ngạn), **sa phộc ha**”

OṂ – VAJRA-DHARMA SIDDHA PĀRAMITA – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: “***Nếu muốn tùy theo chỗ sinh, thường ở bên Phật , nên cầu nơi tay hiện Hóa Phật”.***

Chân Ngôn là: “**Án, chiến na ra ba hàm tra rị, ca rị na, chỉ rị na, chỉ rị nĩ hồng, phấn tra”**

OṂ (Quy mệnh) CANDRĀBHA-MAṆḌALI (Nguyệt Quang Đạo Trường) KARIṆA (làm cho vui thích) GṚHṆA GṚHṆI (chấp giữ, giữ lấy) HŪṂ (hộ khắp) PHAṬ (phá bại khắp)

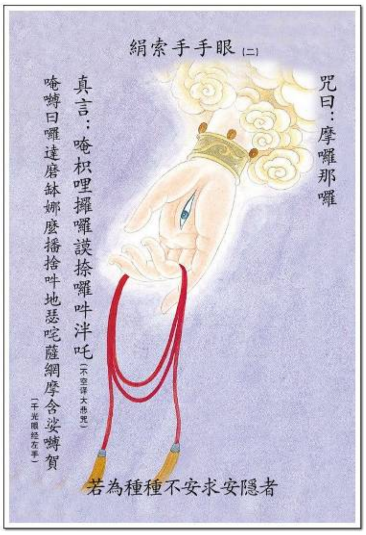
Trên bàn tay đặt một vị Hóa Phật nên có tên là Hóa Phật Thủ. Đây là pháp Hữu Vi Hóa, nghĩa là ứng cơ liền hiện như bóng tuỳ hình. Do ngoài Tam Giới (3 cõi) chẳng có chúng sanh cho nên 3 thân Phật: **Pháp Thân** (Dharma-kāya), **Báo Thân** (Saṃbhoga-kāya), **Hoá Thân** (Nirmāṇa-kāya) cũng chẳng xa lìa Tam Giới. Lại nữa, vị Hoá Phật kết Định Ấn nhằm hiển thị cho nghĩa “***Mỗi một chúng sanh đều có thân vi diệu của Như Lai***”.

Nay Quán Thế Âm Bồ Tát dùng bản nguyện Từ Bi xông ướp Tam Muội “**Chư Phật hiện tiền**” nên mới hiện vị Hoá Phật trên bàn tay, hiển thị cho nghĩa “**Tất cả chúng sanh chẳng xa lìa Phật”**

Muốn thành tựu Pháp nầy, Hành Giả quán tưởng tướng tay ở trước vị Hoá Phật, tụng chú Đại Bi thì rốt ráo chẳng xa lìa Phật Đạo .

Như Kinh nói: “Nên biết người đó là TẠNG THÂN của Chư Phật, là nơi yêu mến của 90 ức hằng hà sa Phật vậy”.

2.QUYẾN SÁCH THỦ (Tay cầm sợi dây)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi: “***Nếu muốn được an ổn, nên tu pháp Quyến Sách*** (Pāśa: sợi dây). ***Tượng Trì Sách Quán Tự Tại, tướng trí đẹp uy quang như trên đã nói, chỉ có tay phải nắm quyền đặt ở eo phải. Tay trái co cánh tay lại cầm sợi dây lụa”.***



Tướng Ấn là: kết **Vị Phu Liên Hoa Ấn** (Ấn hoa sen chưa nở) hai ngón trỏ giữ nhau như cái vòng. Đây gọi là **Liên Hoa Sách** (Padma-pāśa) hay mãn các ý nguyện.

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **bát ná ma bá xả** (Liên Hoa Sách) **hồng** (hộ khắp) **địa sắc tra** (phòng hộ, gia trì) **tát võng** (không có thể trái ngược) **ma hàm** (nơi tôi) **sa phộc ha**"

OṂ_ VAJRA-DHARMA PADMA-PĀŚA HŪṂ_ ADHIṢṬITA SVAMĀṂ SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Nếu có việc khuấy rối, muốn được an ổn, nên cầu nơi tay cầm sợi dây to"***

Chân Ngôn là: "**Án, chỉ lị, lã ra, mô nại ra, hồng phấn tra**"

OṂ (Cảnh giác) KILI KILI (găm chặt, giết chết) RA RA (Nội Trần, Ngoại Trần: Chướng ngại trong ngoài) RAUDRA (bạo nộ) HŪṂ (Khủng bố) PHAṬ (phá bại)

Quyến Sách (Pāśa) là sợi dây to dùng để quật ngã, bắt giữ các loài cầm thú hoặc cột trói những kẻ khó giáng phục. Vì thế các **Tôn Phẫn Nộ** (Krodha-nātha) hay giáng phục Ma ác đều cầm sợi dây này.

Quán Thế Âm Bồ Tát vì muốn trì phục cột trói các ác thú Tà Quỷ và kẻ khó giáng phục nên nói cầm sợi dây bí mật (Guhya-pāśa) mà giáng phục tất cả. Sự kiện này minh họa cho ý nghĩa "***Trừ khử sợ hãi khiến cho được an ổn***" do đó Quyến Sách biểu thị cho sự kết hộ thường dùng để cột trói điều ác khiến cho chẳng lay động và làm pháp Kết Giới bảo hộ bốn bên chung quanh.

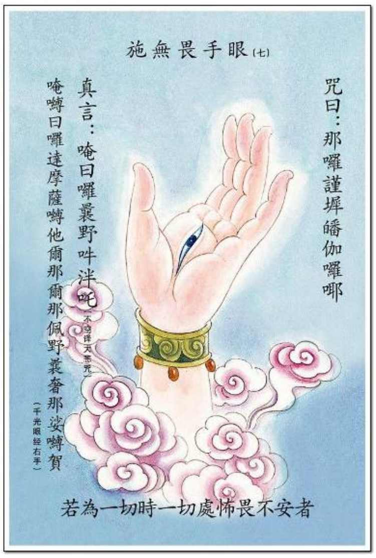
.)Có 2 cách tu trì pháp này:

a)Khẩu nói: "***Sách là sợi dây màu trắng***"

Thiên Thủ Kinh ghi: ***"Lấy sợi dây trắng trì chú 21 biến, thắt 21 gút buộc quanh đỉnh đầu thì trừ được sự khủng bố, ngoài ra cũng được Phước diệt tội"*** .

b) Diệu ghi: “***Muốn thành tựu pháp này, dùng chỉ ngũ sắc làm sợi dây, mỗi mỗi kết thành Hoa Sen hay Tam Cổ, chú 12 biến buộc quanh đỉnh đầu, thường được an ổn”***

3. THÍ VÔ ÚY THỦ (Tay ban cho sự không sợ hãi)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu muốn lìa sợ hãi nên tu pháp Thí Vô Úy. Tượng Trừ Bố Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp uy quang như trước không khác, chỉ duỗi 5 ngón tay phải hiển chưởng, tay trái duỗi 5 ngón nâng đặt ở trên vú trái hiển chưởng”***



Tướng Ấn là: Như tướng Tay Ấn ở tượng vẽ.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **tát phộc tha** (khắp kẻ khác) **nhĩ na nhĩ na** (thắng, năng thắng) **bội dã, nẵng xa na** (trừ khủng bố) **sa phộc ha**”.

OṂ– VAJRA-DHARMA – SARVATHĀ JINA JINA- BHAYA NĀŚANA- SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***“Nếu muốn trừ tính ở tất cả chỗ sợ hãi không yên, nên cầu nơi tay Thí Vô Úy “***

Chân Ngôn là: “**Án, phạ nhật ra, nẵng dã, hồng phấn tra**”

OṂ (Quy mệnh) VAJRA-NĀYA (Lý Thú Của Kim Cương) HŪṂ (Khủng bố) PHAṬ (phá bại)

Bàn tay rủ xuống gọi là THÍ (Dāna) tức là nghĩa DỮ NGUYỆN (Varada). Do lòng bàn tay hướng ra ngoài nên gọi là **vô úy** (Abhaya). Như vậy Thí Vô Úy là tên của Ấn.

Khi gặp các sự sợ hãi do các loài Ly Mị ở núi ,sông, khe, rạch......gây não loạn . Hành Giả, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy tụng Chú thì các Quỷ Thần sẽ bị cột trói và Hành Giả sẽ được an ổn.

Muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả ở trước Bản Tôn, quán tưởng tướng tay, tụng Chú thì sẽ trừ được sự sợ hãi.

4.BẠCH PHẤT THỦ (Tay cầm cây phất trần trắng)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu muốn giải thoát tất cả chướng nạn nên tu pháp BẠCH PHẤT. Tướng của tượng Phất Nạn Quán Tự Tại và sự trang nghiêm như trước không khác. Xong tay phải co cánh tay hướng lòng bàn tay ra ngoài, tay trái cầm cây phất trần trắng”*** .



Tướng Ấn là: Tay trái co cánh tay rũ các ngón xuống dưới, tụng Chú chuyển bên trái .

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **thú ca la, phộc la nhĩ dã chế nẵng** (phất trần trắng), **tát phộc ma la bà gia** (tất cả chướng nạn) **nhĩ mục khất để** (giải thoát) sa phộc ha"

OṂ– VAJRA-DHARMA ŚUKRA-VALAVYAJANA – SARVA MĀRA BHAYA, VIMUKTI – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: *"**Nếu muốn trừ những chướng nạn bên thân, nên cầu nơi tay cầm cây phất trần trắng**"*

Chân Ngôn là: "**Án, bát na di nãnh, bà nga phộc đế, mô hạ dã, nhá nga, mô hạ nãnh, tát phạ ha**"

OṂ (Quy mệnh) PADMINI BHAGAVATI (Liên Hoa Thế Tôn) MOHAYA JAG (câu triệu sự ngu si đam mê) AMOHANI SVĀHĀ (Quyết định thành tựu sự không ngu si)

Bạch Phất (Śukra-valavyajana hay Śvete-valavyajana) là vật cầm ở tay trái của Quốc vương (Rāja) Trưởng Giả (Gṛhapati)dùng để đuổi muỗi mòng ...hoặc phủi các bụi dơ uế.

Bạch Phất được làm bằng các sợi tơ màu trắng biểu thị cho nghĩa Bạch Tịch (trắng sạch). Màu trắng là gốc của các màu tức là lý "**vốn chẳng sanh**" sợi tơ mang nghĩa "**trừ bỏ hoặc gìn giữ**" cho nên minh họa lý "**nhiễm tịnh bất nhị, chính tà bình đẳng**". Như vậy, dùng Chân Lý này mà trừ các chướng nạn .

Quán Thế Âm Bồ Tát dùng bản nguyện Từ Bi xông ướp Tam Muội nên cầm cây Phất Trần trắng biểu thị cho nghĩa "**Phủi trừ tất cả chướng nạn cho chúng sanh**"

Muốn thành tựu pháp này, Hành Giả đặt cây phất trần trắng ở trước BẢN TÔN, quán tưởng tướng tay, tụng chú 108 biến, dùng phất trần chạm vào thân mình để phủi các bụi chướng, trừ các nạn chướng và đắc được Thể của **Chân Như** (Tāthatā).

5. BÀNG BÀI THỦ (Tay cầm cái Bàng Bài):



_Thiên Quang Nhãn ghi là: "***Nếu muốn tịch trừ tất cả loài thú ác, nên tu pháp Bàng Bài. Tượng Hiện Nộ Quán Thế Âm Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước nói, chỉ có tay trái hướng ra ngoài cầm cái hình Bàng Bài, tay phải kết Quyền Ấn"*.**



Tướng Ấn là: Tay trái hướng ra ngoài, duỗi các ngón tay xoay chuyển. Tay phải nắm quyền, làm ra thế đánh kẻ khác.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **tát phộc mật ly thủy chỉ ca, tát phả, nẵng câu la** (nguyên xà với chuột lang ...) **tư xưng hạ** (sư tử) **vĩ dã già la** (đại trùng) **ly khất sa** (con gấu) **đá la ly khất sa** (con Bi) **giá mạc la nhĩ vĩ nga** (cá Ma Kiệt) **hồng** (Niệm khủng bố) **phát** (phá hoại) **sa phộc hạ**”

OṂ– VAJRA-DHARMA –SARVA VṚŚCIKA (Bò Cạp) SARPA (Rắn) NAKULA (Chuột hoang, loài Chồn dữ) SIṂHA (Sư Tử) VYĀGHRA (Cọp) ṚIKṢA (Gấu Heo) TARAṚIKṢA (Gấu Ngựa) CAMARA (Loài Trâu Yak) JIVAKA (Loài sống dưới nước) HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

_ Thiên Thủ Kinh ghi là: “***Nếu muốn xua đuổi cọp, báo, sài lang và tất cả thú ác, nên cầu nơi tay cầm cái Bàng Bài”***

Chân Ngôn là: “**Án, dược các sam nẵng na dã, chiến nại ra, đạt đậu bá rị dã, bạt xá, tát phạ ha**”

OṂ (Cảnh giác) YAKṢAṂ-NĀDĀYA (Âm giọng của hàng Dạ Xoa) CAṆḌARA (Bạo nộ) DHĀNU (Thành lập) PARIYAPĀŚA (Sợi dây thắng thượng) PĀŚA (Cột trói , bắt giữ) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Bàng Bài là tấm bảng vẽ hình có khuôn mặt giận dữ, cau mày trợn mắt khiến cho người trông thấy đều sợ hãi .... trên Bàng Bài thường vẽ các hình Rồng, mặt Thần, mặt Quỷ .... xong phần nhiều là mặt Quỷ.

Quán Thế Âm Bồ Tát cầm Bàng Bài mặt Quỷ hiển thị cho nghĩa Kiến Bố (nhìn thấy đều sợ hãi) nhằm trừ khử các loài cọp, sói , ác thú ....

6.PHỦ VIỆT THỦ (Tay cầm cây Búa lớn)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu muốn lìa nạn của Quan Quyền nên tu pháp Phủ Việt. Tượng Trấn nạn Quan Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước không khác. Xong tay phải cầm cây Búa lớn, tay phải nắm Quyền đặt ở eo”.***



Tướng Ấn là: Co tay phải như thế cầm Búa, dùng Ấn chuyển hồi .

Chân Ngôn là: “**Án, Phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **phả la thú** (cây búa lớn) **la nhạ bà gia** (nạn vua chúa) **vĩ mục khất để** (giải thoát) **sa phộc hạ**”



OṂ– VAJRA-DHARMA PARAŚU – RĀJA-BHAYA VIMUKTE_ SVĀHĀ

_Thiên Thủ Kinh ghi là: “***Nếu muốn trong tất cả thời, tất cả chỗ, lìa nạn Quan Quân vây bắt, nên cầu nơi tay cầm cây Búa lớn***”

Chân Ngôn là: “**Án, vị ra dã, vị ra dã, tát phạ ha**”



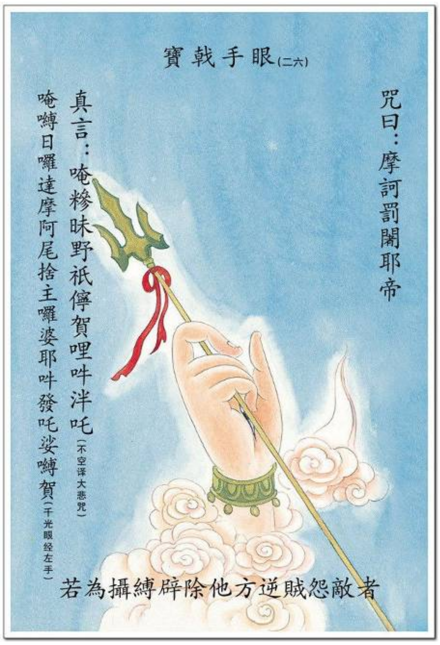
OṂ (Quy mệnh) VĪRAYA (đẳng Tinh Tiến) VĪRAYA (Đẳng anh dũng) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Trong các nạn thì nạn quan quân là tối phiền não. **Phủ Việt** (Paraśu) là binh khí có sức mạnh để phá nạn quan binh, hoặc Phủ Việt là binh khí phá nát các vật khí tồi phá khác.

Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Bản Nguyện Từ Bi cầm cây búa lớn biểu thị cho ý nghĩa phá nạn.

Muốn thành tựu pháp này, Hành giả đem cây Búa đặt trước Bản Tôn, tác tưởng niệm Chú, hướng cây búa về phía quân địch, rung động cây búa, liền được hòa bình.

7. KÍCH SAO THỦ (Tay cầm cây Kích báu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu có người thâu nhiếp cột trói giặc cướp đối nghịch , nên tu pháp kích sao. Tượng Phá Tặc Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp như trước không khác, chỉ đưa tay trái lên trên cầm thân của cây kích dài, tay phải mở bung đè lên eo phải” .***



Tướng Ấn là: Tay trái kết Tam Cổ Ấn đưa dài lên trên, quyền phải đặt ở eo

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **A vĩ xã** (thu nhiếp, cột trói) **chủ la bà gia** (nạn giặc cướp) **hồng phấn tra**” .

OṂ– VAJRA-DHARMA – AVIŚA CORA-BHAYA – HŪṂ PHAṬ – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***“Nếu muốn xua đuổi giặc nghịch ở phương khác đến nên cầu ở tay cầm cây kích báu”***

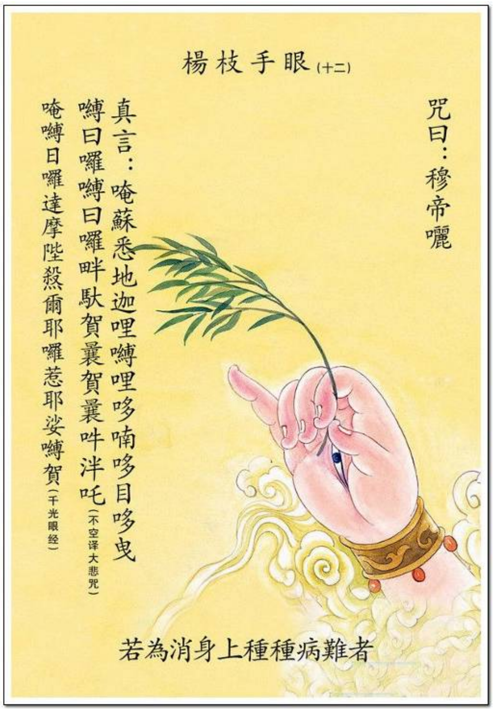
Chân Ngôn là: “**Án, thảm muội dã chỉ nãnh, hạ rị, hồng phấn tra**”

OṂ (Quy mệnh) SAMAYA AGNI (ngọn lửa bình đẳng) HĀRE (thâu nhiếp) HŪṂ (khủng bố) PHAṬ (phá bại)

Kích sao là binh khí có cái cán dài **1 trượng 6 thước** (16/3m). Kích đó có 1 chỉa thẳng, hai bên đều có ngạnh chỉa cong. Hoặc mũi kích có hình 3 chỉa như mũi tên.

Hành Giả đặt đứng cây kích trước Bản Tôn, tụng Chú thì bên trong phá được giặc phiền não và bên ngoài giáng phục được ba giặc là: giặc vua chúa, giặc oán địch, giặc trộm cướp.

8.DƯƠNG LIỄU CHI THỦ (Tay cầm nhành Dương Liễu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: “***Nếu muốn tiêu trừ mọi bệnh trên thân, nên tu pháp thuốc của nhành Dương Liễu. Tụng Dược Vương Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước. Chỉ có tay phải cầm nhành Dương Liễu, tay trái hiển chưởng đặt trên vú”***



Tướng Ấn là: Tay phải co cánh tay, buông các ngón rũ xuống.

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **bệ sái nhĩ gia** (thuốc) **la nhạ gia** (hàng vua chúa) **sa phộc hạ**".

OṂ – VAJRA-DHARMA – BHAIṢAIJYA-RĀJĀYA – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: "***Nếu muốn trị các thứ bệnh trên thân, nên cầu nơi tay cầm nhành Dương Liễu"***

Chân Ngôn là: "**Án, tô tất địa, ca rị, phạ rị đa nẩm, đa mục đa duệ, phộc nhật la bạt đà, hạ nẵng hạ nẵng, hồng phấn tra**"

OṂ– (Quy mệnh) SUSIDDHI KARI (tác diệu thành tựu) VARDHANĀṂ SAMUKTĀYE (tăng trưởng thiện giải thoát) VAJRA-BANDHA (Kim Cương Phộc) HANA HANA (thiêu đốt, đốt cháy) HŪṂ (Hộ khắp) PHAṬ (phá bại)

Dương Liễu là một loại cây mọc cạnh bờ ao hay bờ nước tắm rửa nên lá liễu hay sanh ra nước mát mẻ. Do đó Dương Liễu biểu thị cho loại thuốc lá mát mẻ (lương dược) dùng để trừ nhiệt ác.

Quán Thế Âm Bồ Tát dùng bản nguyện Từ Bi xông ướp Thụ Vương (cây vua) nên cầm nhành Dương Liễu tẩy rửa các bệnh trên thân của chúng sanh khiến cho họ mạnh khoẻ.

Bệnh thường có ba loại bệnh là: bệnh do nghiệp báo, bệnh do bốn Đại chẳng hòa, bệnh do Quỷ Thần gây ra.

Khi bị Tỳ Xá Na Uy Quỷ gây bệnh thì Quán Thế Âm Bồ Tát dùng nước sạch rửa cành Dương Liễu vẩy lên thân, trừ tất cả các bệnh nhiệt (nóng bức, sốt) khiến cho thân được mát mẻ.

-SAO ghi: Dùng Nhành Dương Liễu chú 108 biến hòa với nước đem tắm rửa thân thể thì trừ được 444 bệnh (KHẨU ghi là trừ 404 bệnh)

-TẬP KINH ghi: Tất cả bệnh Quỷ đều dùng Dương Liễu màu xanh .

Muốn thành tựu pháp này. Hành Giả lấy ba nhành Dương Liễu đặt trước Bản Tôn, tác tưởng niệm Chú 108 biến, sau đó hòa hợp với nước sạch trong. Nấu nước xong vẩy lên thân thể thì trừ được các bệnh.

Như KINH nói: 4800 bệnh của Thế Gian, không có gì không trị được.

II. 8 TAY THUỘC KIM CƯƠNG BỘ:

1.BẠT CHIẾT LA THỦ (Tay cầm chày Tam Cổ)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***"Nếu muốn giáng phục Đại Ma Thần nên tu pháp Phộc Nhật La*** (Tay cầm chày Tam Cổ). ***Tượng Kim Cương Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp uy quang như trước đã nói . Xong tay phải cầm chày Tam Cổ đặt ở eo phải , tay trái nắm quyền đặt ở eo".***



Tướng Ấn là: Tay phải, ngón cái đè lên đồng với móng ngón út, các ngón còn lại như hình Phộc Nhật La, chuyển bên phải 3 vòng.

Chân Ngôn là: "**Án, ngột ly** (chủng tử) **phộc nhật la bà ni** (Trì Kim Cương) **ma la ba la ma lật dạ** (hộ ma) **sa phộc hạ**"

OṂ (Quy mệnh) HRĪḤ (Chủng tử thanh tịnh của Quan Âm bộ) VAJRA-PĀṆI (Kim Cương Thủ: Tay cầm chày Kim Cương) MĀRA PRAMATHANA (Tồi phục Ma Chướng) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Nếu muốn hàng phục Thiên Ma Thần nên cầu nơi tay cầm Bạt Chiết La" .***

Chân Ngôn là: "**Án, nễ bệ, nễ bệ, nễ bà dã, ma la thất rị duệ, ta phạ ha**"

OṂ (Quy mệnh) DĪPE (đèn đuốc) DĪPE DĪPAYA (Đèn Pháp của 3 thuốc soi đuốc 3 loại Ma chướng) MAHĀ-ŚRĪYE (Đại Cát Tường) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Bạt Chiết La (Vajra) là tiếng Thiên Trúc, đời Đường dịch là Kim Cương hoặc Tam Cổ xử (chày Tam Cổ). Đấy là chày Kim Cương có 3 móc câu biểu thị cho nghĩa giáng phục 3 loại Ma: Nội Ma, Ngoại Ma, Tâm Ma)

. NỘI MA: là tội nghiệp của đời trước.

. NGOẠI MA: là các loài hay gây chướng ngại bên ngoài như Thiên Ma, Quỷ Thần, 36 loài cầm thú.

. TÂM MA: khi Tâm động thì mê ngoại trần nên chẳng giải được Chính Đạo.

Kim Cương Mật Tích Lực Sĩ dùng Bản Nguyện cầm nắm chày Tam Cổ này để phù hộ Chính Pháp của chư Phật ba đời và giáng phục Ma Thần.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi xông ướp Tam Muội nên tay cầm Bạt Chiết La giáng phục tất cả Đại Ma Thần.

Khi bị Đại Ma Thần gây nhiễu loạn, hành giả dùng Linh Mộc làm chày, đặt trước Bản Tôn, tụng chú Đại Bi. Sau đó lấy chày này chú 21 biến rồi tác thế phá, nhớ Bản Tôn với Ấn Tướng, dùng nơi đi đến làm giới thì tự nhiên thành tựu.

2. KIM CƯƠNG XỬ THỦ (Tay cầm chày Độc Cổ)



_Thieân Quang Nhaõn Kinh ghi laø: ***“ Neáu muoán ñaäp naùt oaùn ñòch , neân tu phaùp Kim Cöông Xöû (Ñoäc Coå Kim Cöông)-Tööïng Trì Xöû Quaùn Töï Taïi , tööùng toát ñeïp trang nghieâm nhö treân ñaõ noùi , chæ coù tay traùi naém quyeàn ñaët ôû eo , tay phaûi caàm chaøy Ñoäc Coå ñaët ôû loâng maøy nhö theá ñaäp ñaùnh*** .



Tướng Ấn là:Tay phải nắm quyền, duỗi ngón trỏ dùng Ấn tác thế đập nát .

Chân Ngôn là: “**Án, ngột ly** (chủng tử) **phộc nhật la bá ninh** (Trì Kim Cương) **tác phộc thiết đốt lỗ** (tất cả oán địch) **sa phá tra** (phá hoại) **sa phộc hạ**”.

OṂ – HRĪḤ- VAJRA-PĀṆII – SARVA ŚATRŪ SPHAṬ – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***“ Nếu muốn hàng phục tất cả oán giặc nên cầu nơi tay cầm chày Kim Cương”***

Chân Ngôn là : “**Án, phạ nhật ra chỉ nãnh, , bát ra nễ bát đa dã, tát phạ ha**”

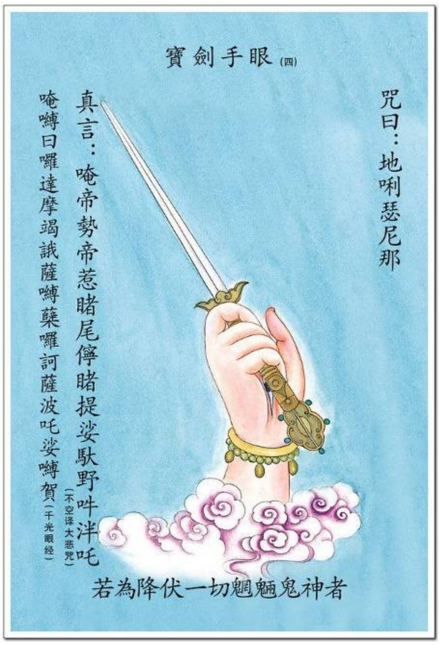
OṂ (cảnh giác) VAJRA-AGNI (Ngọn lửa Kim Cương) PRADĪPTAYA (cháy đỏ rực rỡ) SVĀHĀ (Viên mãn tốt lành)

Kim Cương Xử là cái chày vồ bằng đá, gọi là Độc Cổ Xử biểu thị cho nghĩa **tồi phá**. Vua Trời Đế Thích cầm chày Kim Cương là khí trượng đẩy lui Quỷ Chướng dùng phá nát oán địch .

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi cầm chày Độc Cổ biểu thị cho nghĩa tồi phục tất cả oán địch .

Hành Giả dùng bạc, đồng ... làm chày Độc Cổ, tụng Chú hướng về phương oán địch, hiển thế phá thì sẽ trừ được oán đối .

3.BẢO KIẾM THỦ (Tay cầm cây kiếm báu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***"Nếu muốn giáng phục Vọng Lượng Quỷ Thần, nên tu pháp Kiếm Báu. Tượng Bảo Kiếm Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên không sai khác, chỉ có tay phải cầm cây kiếm hợp chắc, tay trái đặt trên eo, đem ngón cái đè lên móng của Địa, Thủy*** (ngón út, ngón vô danh) ***kèm cứng Hỏa Phong*** (ngón giữa, ngón trỏ) ***hướng Ấn đó về thân để an"*** .



Tướng Ấn là: Tay phải, ngón cái đè lên hai móng Địa Thủy (ngón út, ngón vô danh) kèm chắc Hỏa Phong (ngón giữa, ngón trỏ) liền thành

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **kiệt nga** (cây kiếm) **tát phộc lam la ha** (tất cả quỷ) **tát bà tra** (phá hoại) **sa phộc hạ**”

OṂ – VAJRA-DHARMA – KHAḌGA – SARVA GRAHĀ SPHAṬ SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***“Muốn hàng phục các Quỷ Thần, Vọng Lượng nên cầu nơi tay cầm cây Kiếm báu”***

Chân Ngôn là: “**Án, đế thế, đế nhạ, đổ vĩ, nãnh đỗ đề, sa hà dã, hồng phấn tra**”.

OṂ (Cảnh giác) TEJA (Uy đức trừ Ma) TEJA (uy quang Kết Giới) DHUVI (tóm lấy, bắt lấy) NIDHUTI SĀDHAYA (Nghi Thức không cho tan rã) HŪṂ (hộ khắp) PHAṬ (phá bại)

Kiếm hay Gươm (KHAḌGA) là lợi khí dùng để chinh chiến phòng ngự. **Bất Động Minh Vương** (Acala-vidya-rāja) dùng cây kiếm báu giáng phục 4 Ma. Đại Thánh **Cát Tường** (Maṃjuśrī) dùng Tuệ Kiếm vào Tam Muội “**Phá hoại chúng Ma**”

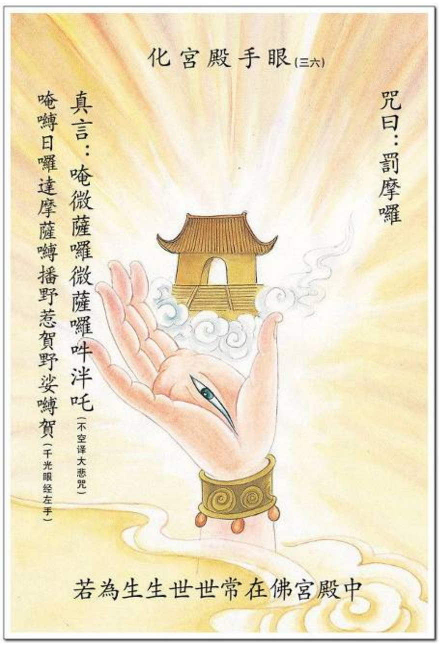
Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi cầm cây Kiếm Báu biểu thị cho nghĩa thắng tất cả Quỷ Thần .

Cây kiếm này dùng 2 chấu làm cán cầm, lửa nóng vây quanh biểu thị cho nghĩa trừ Ma kết Giới. Lại nữa Kiếm biểu thị cho Trí Tuệ hay cắt đứt tất cả phiền não cho nên trừ Nội Chướng .

Tóm lại, cây kiếm này: Bên ngoài trừ Ác Quỷ,Vọng Lượng (Yêu Quái ở sông núi), bên trong cắt đứt Nội Chướng .

Muốn thành tựu pháp này, Hành Giả làm cây kiếm đặt trước Bản Tôn, tác niệm tụng Chú. Sau đó lấy cây kiếm, chú vào 21 biến chuyển bên trái 3 vòng để Tịch Trừ các Quỷ Thần rồi chuyển bên phải vạch đất làm Giới, thảy đều thành tựu.

4.CUNG ĐIỆN THỦ (Tay hiện hóa Cung Điện)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu muốn chẳng thọ thân trong bào thai nên tác pháp Cung Điện. Tượng Đại Thế Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp uy quang như trước đã nói. Xong tay trái cầm cái hình Cung Điện, tay phải co cánh tay hướng ra ngoài hiển chưởng”.***



Tướng Ấn là: Hai tay cài chéo nhau bên trong, dựng đứng hai ngón giữa, co như hình cái Điện .

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **tát phộc bá dã nhạ hạ dã** (hoại tất cả nẻo ác) **sa phộc hạ**”.

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖀𑖢𑖯𑖧 𑖕𑖮𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ VAJRA-DHARMA (quy mệnh Kim Cương Pháp) SARVA APĀYA (tất cả dời chuyển) JAHĀYA (lòng tự phụ kiêu căng là nhân thọ nhận thân trong bào thai) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***“Nếu muốn đời đời, kiếp kiếp ở trong cung điện Phật, không thọ sanh ở bào thai, nên cầu nơi tay hiện hóa Cung Điện”***

Chân Ngôn là: “**Án vi tát ra, vi tát ra, hồng phấn tra**”

𑖌𑖼 𑖪𑖰𑖭𑖨 𑖪𑖰𑖭𑖨 𑖮𑖳𑖽 𑖣𑖘𑖿

OṂ (Cảnh giác) VISARA (sự tàn sát) VISARA (xé nát) HŪṂ (khủng bố) PHAṬ (phá bại)

Cung Điện là nơi trú ngụ của Người và Trời. Nếu dùng Cung Điện Thế Gian dâng cúng Đức Phật thì sẽ được trú ngụ trong cung điện Phật.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi hiện hóa Cung Điện, bên trong Điện đặt một vị Hóa Phật để thờ phượng, sự này biểu thị cho nơi Quy Y của người Trì Chú. Hành Giả làm hình Cung Điện, đặt hình vị Hóa Phật bên trong Điện rồi đặt trước Bản Tôn, trì Chú thì đời đời thường sanh trong Cung Điện Phật, chẳng sanh trong bào thai. Như Kinh nói: ***"Hoa Sen hóa thân, chẳng thọ thân trong bào thai"***

5. KIM LUÂN THỦ (Tay cầm bánh xe vàng)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***"Nếu vì tâm Bồ Đề chẳng thoái chuyển, nên tu pháp Bất Chuyển Luân. Tượng Bất Chuyển Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước nói không khác. Xong tay phải cầm Kim Luân*** (bánh xe vàng) ***tay trái ấn tòa ngồi làm thế bất động".***



Tướng Ấn là: Tay trái án mặt đất, tay phải nắm Quyền dựng Phong (ngón trỏ) và Không (ngón cái) như thế cầm bánh xe.

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **tất đà bồ địa chất đá** (thành tựu Tâm Bồ Đề) **phộc lật na chước khất la** (Kim Luân) **A tát noa** (không có lay động) **sa phộc hạ**"

OṂ_ VAJRA-DHARMA – SIDDHA BODHI-CITTA – SURVAṆA-CAKRA ACALA – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Nếu muốn thân này cho đến thân thành Phật, Tâm Bồ Đề thường không lui sụt, nên cầu nơi tay Bất Thoái Kim Luân"***

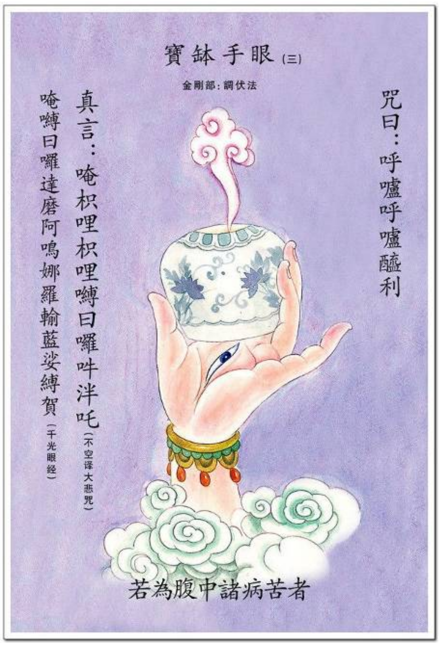
-Chân Ngôn là: "**Án, thiết na di tả, tát phạ ha**".

OṂ (Nhiếp triệu) ŚINA (cung cấp , bồi dưỡng trau dồi Trí Tuệ) MEṢYA (chúng tôi) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Kim Luân là bánh xe có tám căm biểu thị cho sự luân chuyển sanh tử. Bồ Tát Quán Thế Âm cầm Kim Luân khiến cho nó chẳng lay động nhằm biểu thị cho nghĩa: phát Tâm Bồ Đề, được bất thoái chuyển và trừ dứt nghiệp luân hồi

Hành Giả làm bánh xe 8 căm, đặt trước Bản Tôn, tụng Chú sẽ trừ được nghiệp luân hồi, phát Tâm Bồ Đề khiến chẳng động chuyển.

6.BẢO BÁT THỦ (Tay cầm bình Bát báu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***"Nếu muốn trị bệnh trong bụng, có thể tu pháp Bát báu . Nên vẽ Tượng Bảo Bát Quán Tự Tại Bồ Tát, tượng đó tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước nói. Xong 3 tay để ngang rốn cầm Bình Bát báu, liền thành".***



Tướng Ấn là: Lý Trí (tay trái và tay phải) kết Ấn Nhập Định

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp), **A ô ná la thâu lam** (có bệnh trong bụng) **sa phộc hạ**".

OṂ– VAJRA-DHARMA – A UDARA-ŚULAṂ _ SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Nếu muốn trị các Chướng Bệnh trong bụng nên cầu nơi tay cầm cái Bát Báu"***

Chân Ngôn là " **Án, chỉ rị chỉ rị, phạ nhật ra, hồng phấn tra**"

OṂ (Nhiếp triệu) KILI (giết chết Nội Bệnh) KILI (giết chết Nghiệp Bệnh) VAJRA (Kim Cương) HŪṂ (khủng bố) PHAṬ (phá bại)

Bình Bát (Patra) là vật tròn trịa dùng chứa thực phẩm. Các vị Khất Sĩ thường ôm Bình Bát đi xin thức ăn để trừ đói bụng. Riêng cái Bát Báu của chư Phật ba đời có hình tròn trịa, biểu thị cho nghĩa KHÔNG (Śūnya:Trống rỗng) tức là sự vô ngại, Bát chứa đầy thực phẩm biểu thị cho nghĩa "**Bình phục hay che ngăn mọi bệnh**". Do Uy Đức này mà Đức Phật Thích Ca thường đem cơm trong Bát của mình để trị các bệnh trong bụng cho chúng Tỳ Kheo.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi cầm giữ cái Bát Báu của chư Phật ba đời, bỏ các thực phẩm thuốc men vi diệu vào Bát để ban phát cho chúng sanh nhằm chữa trị các bệnh trong thân tâm của họ.

BỆNH có 2 loại là: Nội Bệnh và Ngoại Bệnh

. NỘI BỆNH: Là nghiệp bệnh thường nói là các bệnh trong bụng, bệnh nóng lạnh của thân tâm, bệnh vì bốn đại tăng giảm.

Phàm nóng bức trong bệnh tức là nghiệp tà của đời trước phát khởi cho nên dùng CHÍNH trị TÀ nghĩa là dùng Bát Báu mà chữa trị .

Nếu cho nước, thức ăn, hương liệu, thuốc men ...vào trong cái Bát đặt trước Bản Tôn, tụng Chú 108 biến . Sau đó ăn uống vào thì trừ được các bệnh trong bụng và sống lâu ... Ngoài ra còn trừ được Tâm bệnh.

. NGOẠI BỆNH: Là các bệnh do Quỷ ác, Vọng Lượng ... gây ra nên dùng tay cầm nhành Dương Liễu chữa trị .

7. NHẬT TINH MA NI THỦ (Tay cầm Nhật Tinh Ma Ni)



_Thiên Quang Nhãn ghi là: ***"Nếu người mắt mờ cầu ánh sáng, có thể tu pháp Nhật Tinh Ma Ni. Tượng Nhật Tinh Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên đã nói, chỉ có tay trái cầm hỏa Pha Lê*** (nhật tinh) ***trên bàn tay, tay phải ngửa lòng bàn tay đặt ở trái tim".***



Tướng Ấn là: Nâng tay Định (tay trái) làm thế nhận mặt trời, quán trong mắt của Tướng Ấn là: có chữ (𑖦: MA) trong mắt phải, (𑖘: Ṭ)trong mắt trái. Nếu muốn được **Thiên Nhãn** (Devya Cakṣu) quán ngay giữa hai lông mày có một con mắt.

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **A nhĩ địa gia** (mặt trời) **nhập phộc la** (quang minh) **nhĩ khất sĩ** (con mắt) **sa phộc hạ**" .



OṂ_ VAJRA-DHARMA – ĀDITYA-JVALA-CAKṢU – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Nếu muốn trị bịnh mắt mờ không thấy ánh sáng, nên cầu nơi tay cầm Nhật Tinh Ma Ni"***

Chân Ngôn là: "**Án, độ tỉ ca dã, độ tỉ, bát ra phạ rị nãnh, tát phạ ha**".



OṂ (Quy mệnh) DHUPE-KĀYA (nhiệt năng thân: Thân có sức nóng) DHUPE PRAVARṆA (màu sắc thắng thượng của nhiệt năng) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Nhật Tinh Ma Ni là cung điện của **Nhật Thiên Tử** (Āditya-devaputra) là chỗ thành của Hỏa Châu (viên ngọc lửa) nên nói là Nhật Luân (mặt trời)

Do mặt trời hay phóng tỏa ánh sáng, xua đuổi sự tối tăm và đem lại sự ấm áp cho vạn vật, nên Nhật Tinh Ma Ni biểu thị cho nghĩa "**Trừ ám biến minh"**

Lại nữa trong Nhật Luân đồ (hình vẽ mặt trời) có vẽ một con quạ 3 chân nhằm biểu thị cho nghĩa "**Trong phiền não biểu hiện Bồ Đề".**

*Nhật Luân có nghĩa là LÝ TÍNH, màu của LÝ là màu vàng nên mặt trời còn gọi là Kim Ô (con quạ vàng)

*Con quạ là THAM Ô (con quạ tham lam). Thể của trái châu là ÁC Ô (con quạ ác). Nay dùng 3 chân của quạ để biểu thị ý nghĩa 3 độc phiền não.

Như vậy con quạ 3 chân ở trong mặt trời biểu hiện cho nghĩa " ở trên phiền não biểu hiện LÝ TÍNH" hay là "**phiền não tức Bồ Đề**"

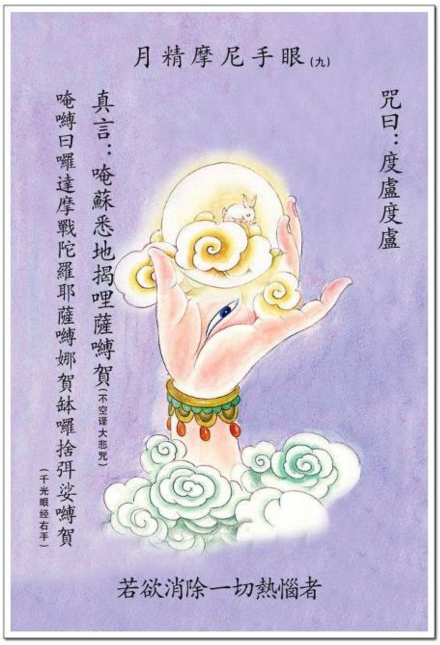
-Tú Diệu Kinh ghi: TINH của DƯƠNG hóa làm mặt trời, TINH của mặt trời hóa làm trái châu nên gọi là **Ma Ni** (Maṇi). Trong kiếp sơ, tự thân con người phát ra ánh sáng và phi hành tự tại, dần dần do ăn uống mà mất ánh sáng cho nên tuy có 2 mắt nhưng chẳng thấy màu sắc của sự vật. Lúc đó Quán Thế Âm Bồ Tát hóa làm Nhật Thiên Tử phóng tỏa ánh sáng chiếu soi các ám.

-Có Thuyết cho rằng: "Chỉ dùng Hỏa Châu làm Nhật Tinh Ma Ni mà chẳng cần phải làm Nhật Luân. Do châu này hấp thụ được ánh sáng mặt trời lại tự phóng tỏa ánh sáng nên có tên là Nhật Châu. Như Tam Tạng Sư nói: "Có một pháp bí mật nên dựa vào Pháp này tu học. Nếu mất mắt người sẽ được MINH NHÃN, ấy là nhiếp Tâm quán Bản Tôn cầm một trái NHẬT CHÂU trên tay, phóng tỏa ánh sáng, dần dần tăng trưởng chiếu vào TƯỚNG ẤN sẽ khai mở TÂM NHÃN thành tựu MINH NHÃN.

Bồ Tát Quán Thế Âm Bồ Tát dùng bản nguyện Từ Bi hóa làm Nhật Thiên Tử cư ngụ tại cung điện Hỏa Tinh, trừ bệnh mắt mờ cho tất cả chúng sanh và hiển thị ý nghĩa " **Trừ ám biến minh**"

Muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả hướng về mặt trời làm lễ, quán niệm mọi tướng tốt của Quán Tự Tại Bồ Tát, tụng Chú tức được mắt sáng, trừ các Ám.

8. NGUYỆT TINH MA NI THỦ (Tay cầm Nguyệt Tinh Ma Ni)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: "***Muốn tiêu trừ các nhiệt não nên tu pháp Nguyệt Tinh Ma Ni. Tượng Nguyệt Tinh Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên đã nói, chỉ có tay phải mở lòng bàn tay cầm Thủy Pha Lê, tay trái duỗi 5 ngón làm thế xoa thân*" .**



Tướng Ấn là: như tay ấn của Tượng.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **chiến đà gia** (mặt trăng) **tát phộc ná hạ, bát la xã nhĩ** (trừ tất cả nhiệt não) sa phộc hạ” .

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖠𑖨𑖿𑖦 𑖓𑖡𑖿𑖟𑖿𑖨 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖟𑖮 𑖢𑖿𑖨𑖫𑖦𑖡 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ (Quy mệnh)VAJRA-DHARMA (Kim Cương Pháp) CANDRA (mặt trăng) SARVA (tất cả) DAHA (nhiệt não) PRAŚAMANA (tiêu diệt) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***“ Nếu bị bệnh nhiệt độc, muốn được mát mẻ hết bệnh nên cầu nơi tay cầm trái châu Nguyệt Tinh Ma Ni***”

Chân Ngôn là: “**Án, tô tất đạt yết rị, tát phạ ha**”.

𑖌𑖼 𑖭𑖲𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖰 𑖎𑖨𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ (Quy mệnh) SUSIDDHI-KARI (tác Diệu Thành Tựu) SVĀHĀ (viên mãn Cát Tường)

Nguyệt Tinh Ma Ni là nơi cư ngụ của **Nguyệt Thiên Tử** (Candra-devaputra) là chổ thành của Thủy Châu cho nên nói là Nguyệt Luân (mặt trăng). Do mặt trăng phóng tỏa ánh sáng mát mẻ giúp cho vạn vật sinh trưởng nên Nguyệt Tinh Ma Ni biểu thị cho ý nghĩa “ **Trừ nhiệt độc hiển thanh lương**”

Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta Bodhisatva) hóa làm Nguyệt Thiên Tử cư ngụ tại cung điện Thủy Tinh Châu để giải trừ sự nóng bức cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ được mát mẻ .

Như Kinh nói: ***“Khi bị bệnh nhiệt độc xâm lấn khiến cho sắp chết, hãy chí tâm tụng Chú Đại Bi thì bệnh liền trừ”***

Đây chính là lợi ích của tay cầm Nguyệt Tinh Ma Ni .

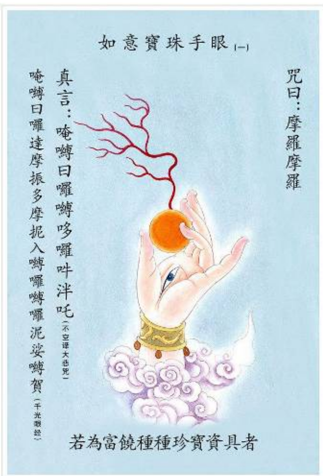
-Kinh lại nói: “***Như Pháp tụng Chú Đại Bi, lúc đó Nhật Quang Bồ Tát*** (Sūrya-prabha Bodhisatva) ***Nguyệt Quang Bồ Tát*** (Candra-prabha Bodhisatva) ***và vô lượng Thần Tiên đều đến chứng, đem lại sự lợi ích rất hiệu nghiệm. Khi ấy TA*** (Quán Thế Âm Bồ Tát) ***dùng ngàn mắt trông thấy sẽ dùng ngàn tay hộ trì”***

Đây tức là ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay hộ trì sẽ trừ hết bệnh của Thân Tâm. Điều này hiển lợi ích chung cho cả hai tay Nhật Nguyệt.

Muốn thành tựu pháp này, Hành Giả vẽ mặt trăng trên cái quạt (Thiên phiến) tụng Chú Đại Bi, xong quạt vào người bị nhiệt độc thì người ấy sẽ bình phục.

III. TÁM TAY THUỘC BẢO BỘ:

1. NGỌC NHƯ Ý THỦ (Tay cầm viên ngọc Như Ý)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: "***Nếu muốn được tài bảo giàu có nên tu pháp Ma Ni*** (tay Như Ý Châu). ***Muốn tu Pháp này, tắm gội sạch sẽ , lấy vải trắng sạch hoặc giấy hay lụa làm Ma Ni*** (Maṇi) ***và nguyện trước Tượng Quán Tự Tại Bồ Tát. Tượng ấy có thân thể màu vàng ròng, đỉnh đầu có 11 mặt, 3 mặt trước là tướng Bồ Tát, 3 mặt bên phải là tướng lộ nanh trắn , 3 mặt bên trái là tướng phẫn nộ, 1 mặt sau là tướng cười vui, 1 mặt trên đỉnh là tướng Như Lai. Mặt chính của Bồ Tát có 2 mắt, khoác áo cà sa, đeo vòng anh lạc ... trang nghiêm diệu thể. Bồ Tát ngồi theo thế Bán Già, chân phải đè lên chân trái, ngồi trên tòa sen Hồng ở trong vành trăng.***

25 vị Bồ Tát lúc trước và hình của 1000 vị Bồ Tát sở hiện đều giống nhau không sai khác, chỉ tùy theo điều nguyện cầu mà cầm giữ vật báu, đem đến cho.

Nay Dữ Nguyện Quán Tự Tại bồ Tát, tay trái đặt ngang trái tim cầm Ma Ni, hình trạng trái châu màu lưu ly, ánh sáng vàng và phát ra ánh lửa. Tay phải kết Dữ Nguyện Khế, co cánh tay hướng lên trên. Vẽ tượng như vậy xong, đặt ở nơi thanh tịnh, lễ bái, cúng dườn , tác Pháp, niệm tụng" .



Tướng Ấn là: 2 tay buộc chặt, Tiến Lực (2 ngón trỏ) làm hình Ma Ni, Thiền Trí (2 ngón cái) kèm duỗi thẳng đứng liền thành tựu.

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **chấn đa ma ni** (Như Ý Châu) **nhập phộc la** (quang minh) **phộc la ni** (Dữ Nguyện) **sa phộc hạ**"

OṂ– VAJRA-DHARMA CINTĀMAṆI-JVALA VARAṆI SVĀHĀ.

-Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Nếu chúng sanh nào muốn được giàu lớn, có nhiều thứ châu báu đồ dùng, nên cầu nơi tay cầm châu Như Ý".***

-Chân ngôn là: "**Án, phạ nhựt la, phạ đa la, hồng phấn tra**".

OṂ (Quy mệnh) VAJRA-PATRA (Kim Cương Bát hay Kim Cương Tản) HŪṂ (thành tựu) PHAṬ (phá bại)

* [Bản khác ghi là OṂ_ VAJRA-VAṬARA (Kim Cương Bình) HŪṂ PHAṬ]

Ngọc Như Ý (Cintāmaṇi) hay Ma Ni Châu là một trong bảy báu của Chuyển Luân Thánh Vương, đường kính lớn nhất là **1 thước 6** (16/3m) có hào quang tròn ẩn màu lưu ly tỏa ra ánh lửa màu vàng, ngày đêm thường chiếu xa 16 dặm. Nếu dùng lụa ngũ sắc quấn quanh viên ngọc đó thì trên đầu viên ngọc sẽ tuôn ra vô lượng tài bảo.

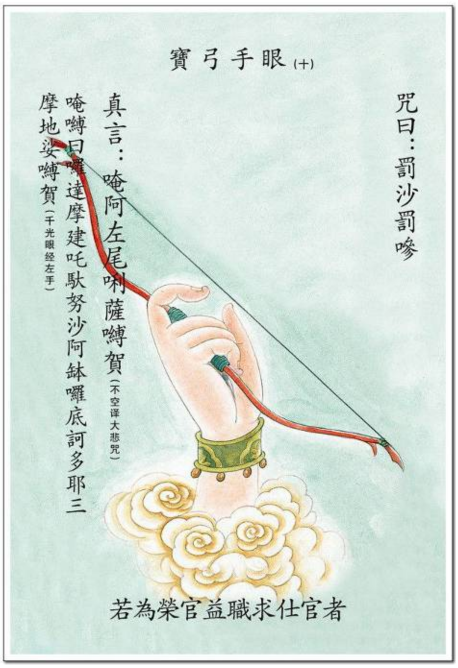
Đại Luận Kinh ghi: ***"Như Ý Châu được sanh ra từ Xá Lợi Phật, một khi Pháp chấm dứt thì các Xá Lợi của Phật đều biến thành Như Ý Châu"*** .

Hoa Nghiêm ghi: ***"Tâm Bồ Đề giống như Ngọc Như Ý hay chu cấp cho người nghèo khó"***

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi cầm trái Như Ý Châu nhằm giúp cho chúng sanh nghèo khó được đầy đủ tài thực và sau đó thực chứng được Tâm Bồ Đề .

Nếu muốn tu Pháp này, Hành Giả làm hình Ma Ni Châu đặt trước Bản Tôn làm Ấn Tướng, trì Trai tụng Chú. Sau 3 ngày, 7 ngày thì sẽ được tất cả tài thực. Vì tự Hành Nghiệp phải tương hợp với tay Bản Tôn thì mới có thể tuôn mưa báu được, cho nên người không có Từ Bi lại hay keo kiệt gian xảo thì không thể thành tựu Pháp này.

2. BẢO CUNG THỦ (Tay cầm cây Cung báu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***"Nếu muốn được thăng Quan tiến chức, nên tu pháp cây Cung báu. Tượng Trì Cung Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp uy nghi như trước nói. Xong tay Định Huệ*** (tay trái, tay phải) ***cầm cây cung nằm ngang làm thế tính số Do tuần".***



Tướng Ấn là: Kim Cương Hợp Chưởng.

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **kiến tra đà ma sa** (cây cung) **A bát la để ha đa gia** (không có chướng ngại) **tam ma địa, sa phộc ha**"

OṂ_ VAJRA-DHARMA KETI-DHAṆḌASI APRATIHATĀYA SAMĀDHI – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Nếu muốn làm Quan lên Chức, nên cầu nơi tay cầm Cung báu"***

Chân Ngôn là: "**Án, A tả vĩ lệ, ta phạ ha**".

OṂ (Cảnh giác) ACCHA VĪRE (luôn luôn tinh tiến) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

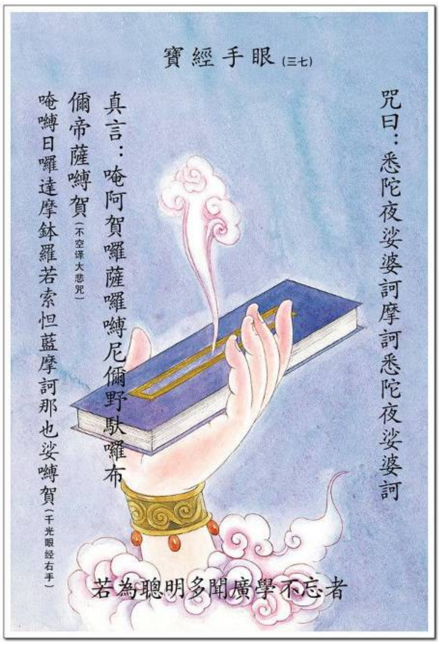
Cây cung là một binh khí dùng để phòng địch, trong đời người thì thân danh là quan trọng nên cây cung biểu thị cho sự vẻ vang của đường quan chức.

Về hình dạng thì thân cung có hình cong và dây cung có đường thẳng. Do đó thân cung biểu thị cho nghĩa " lấy khúc đạo" còn dây cung biểu thị cho nghĩa "lấy trực đạo" cho nên thành tựu được bốn quả Sa Môn và quả vị của 10 Địa.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi, cầm cây Cung báu nhằm giúp cho chúng sanh thành công trên quan trường và sau này lưu danh thêm ở cõi Cực Lạc.

Nếu muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả làm cây cung dài bốn khuỷu tay đặt trước Bản Tôn, nhớ tướng tay tụng Chú. Xong xoay chuyển cây cung một lần thì tùy theo ý khởi sẽ được thành tựu quan chức ở thế gian hoặc đắc được quả báo Xuất Thế Gian.

3.BẢO KINH THỦ (Tay cầm Quyển Kinh báu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là:***"Nếu người cầu đa văn nên tác Pháp Bát Nhã Kinh. Tượng Bát Nhã Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp như trên đã nói, chỉ có tay phải để ngang trái tim cầm Trí Ấn xuất sanh Bát Nhã Lý Thú Kinh, tay trái kết Quyền Ấn".***



Tướng Ấn là: dùng Phạm Giáp Ấn.

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **bát la nhạ** (Bát Nhã hay Trí Tuệ) **tố đạt tận** (quyển Kinh) **ma ha na gia** (lớn rộng) **sa phộc ha**".

OṂ_ VAJRA-DHARMA (Quy mệnh Kim Cương Pháp) PRAJÑA-SUTRAṂ MAHĀ-NĀYA SVĀHĀ (quyết định thành tựu Đại lý thú của Kinh Bát Nhã)

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Nếu muốn học rộng nghe nhiều, nên cầu nơi tay cầm quyển Kinh báu"***

Chân Ngôn là: "**Án, A hạ ra, tát ra phạ ni nễ dã đà ra, bố nễ đế, tát phạ ha**".

OṂ (cảnh giác) ĀHARA (nhiếp thọ) SARVA VIDYA-DHĀRA (Tất cả Kim Cương Trì) PŪJITE (Cúng dường) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

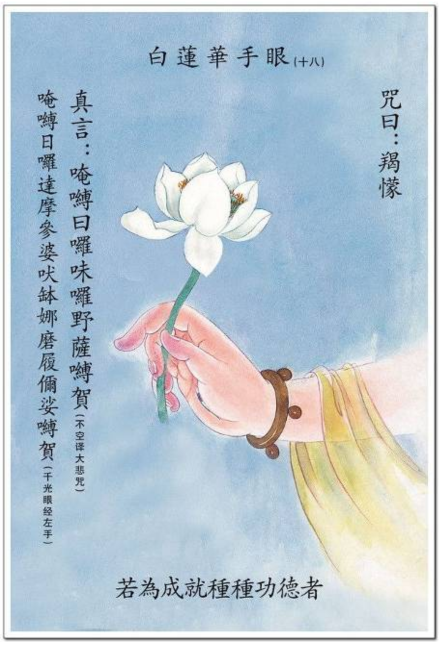
-Kinh báu là Lý Thú của Bát Nhã. Trung Quán đem nghĩa của Bát Nhã gọi là Báu nên mới coi là Bảo Kinh.

Lại nữa Lý Thú của Bát Nhã là Trí trong Trí, đối với chúng Bồ Tát gọi là Trí Huệ của tất cả Như Lai cho nên Quán Thế Âm Bồ Tát có tên gọi là Diệu Quán Sát Trí Bồ Tát, Trí Tuệ Môn Đại Sĩ.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi xông ướp Tam Muội "Bát Nhã Lý Thú" nên tay phải để ngang trái tim cầm Trí Ấn, sinh ra Bát Nhã Lý Thú Kinh nhằm giúp cho chúng sanh được nghe nhiều học rộng.

Muốn thành tựu pháp này, Hành Giả đặt quyển kinh Lý Thú Bát Nhã trước Bản Tôn, cúng dường, tác niệm, tụng Chú, trong Tâm suy tư về nghĩa KHÔNG (Śūnya: Trống rỗng) của Bát Nhã tức là đa văn quảng học (nghe nhiều học rộng)

4. BẠCH LIÊN HOA THỦ (Tay cầm Hoa Sen trắng)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***"Nếu muốn thành tựu Công Đức nên tu Pháp Hoa Sen trắng. Tượng Phân Diệp Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên đã nói, chỉ có tay trái cầm hoa sen trắng, tay phải kết Ấn Thuyết Pháp".***



Tướng Ấn là: Khai Phu Diệp Ấn (ấn bóc cánh sen)

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **sâm bà phệ bát ná ma** (hoa sen trắng) **ni phú nhĩ** (vào hoa tạng dùng trang nghiêm Pháp Thân) **sa phộc ha**".

OṂ_ VAJRA-DHARMA (Quy mệnh Kim Cương Pháp) SAṂBHAVE PADMA-NIPUṆA (phát sanh sự thần tình khéo léo của hoa sen) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Nếu muốn được các thứ Công Đức, nên cầu nơi tay cầm Hoa Sen trắng"***

Chân Ngôn là: "**Án, phạ nhật ra, vị ra dã, tát phạ ha**".

OṂ (Quy mệnh) VAJRA-VĪRAYA (Kim Cương dũng mãnh) SVĀHĀ (viên mãn Phước Trí)

Hoa sen trắng (Puṇḍarika hay Śveta-padma) là loài hoa mọc dưới bùn nước nhưng chẳng bị nhiễm sự nhơ nhớp bẩn thỉu của bùn nước. Màu trắng là màu gốc của các màu nên là nơi nhiễm của các màu nhưng bản thân chẳng hệ luỵ vì các màu đó.

Bồ Tát cũng như hoa sen trắng đó, vì cứu các sắc nhiễm trước của chúng sanh nên tướng bên ngoài như nhiễm các sắc mà thật ra chẳng bị nhiễm bụi phiền não.

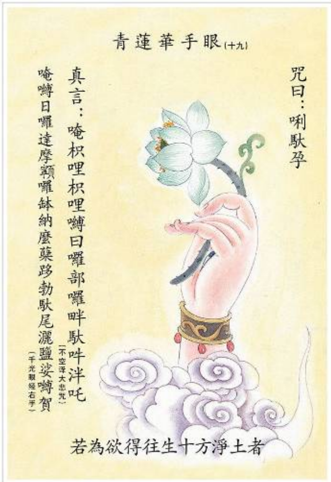
Lại nữa, khi đúng thời thì hoa sen hé nở, phô bày nhân quả nên mọi Quả Đức đều dùng hoa sen trắng làm Nhân và tất cả Công Đức đều gọi là **Bạch Pháp** (Śveta-dharma: Pháp trắng). Như vậy hoa trắng tượng trưng cho vạn hạnh và sen tượng trưng cho thành quả. Khi Hạnh mãn thì Quả thành nghĩa là hoa sen trắng tương ứng với mọi Công Đức.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng bản nguyện Từ Bi xông ướp Tam Muội “ Liên Hoa” nên cầm hoa sen trắng biểu thị cho Bạch Pháp là pháp vô nhiễm.

Muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả lấy hoa sen trắng dâng lên Bản Tôn, quán tưởng tướng tay, tụng Chú. Khi mãn Công Đức sẽ được quả như thế.

Như Kinh nói: “***Nếu muốn có nhiều công đức , nên thường dùng nhiều hoa sen trắng cúng dường Chư Phật Bồ Tát. Vì thân Bồ Tát là người có công đức vô lượng vô biên chẳng thể ca ngợi hết được”***

5.THANH LIÊN HOA THỦ (Tay cầm Hoa Sen xanh)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu muốn sanh về ở Tịnh Thổ ở 10 phương, nên tu pháp Hoa Sen xanh. Tượng Kiến Phật Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp uy quang như trước không khác, xong tay phải cầm hoa sen xanh tay trái đặt trên vú trái hiển chưởng bung như thế hoa nở” .***



Tướng Ấn là: tác Liên Hoa hợp chưởng, bung như thế hoa nở.

Chân Ngôn là:“**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **tuy la bát nạp mạ** (hoa sen xanh) **ổn nghiệt đá** (sinh) **bột đà vĩ sái uẩn** (Phật Quốc) **sa phộc hạ**”.

OṂ_ VAJRA-DHARMA NĪLA-PADMA UDGATE BUDDHA-VIṢAYA – SVĀHĀ.

-Thiên Thủ Kinh ghi là: ***“Nếu muốn được sanh về 10 phương Tịnh Độ, nên cầu nơi tay cầm Hoa Sen xanh”***

Chân ngôn là: “**Án, chỉ rị phạ nhật ra, bộ ra bạn đà, hồng phấn tra**”

OṂ (Cảnh giác) KILI (cấm phạt) VAJRA (Kim Cương) BHŪR BANDHA (cột trói kiên cố) HŪṂ PHAṬ (phẫn nộ giáng phục)

[Bản khác ghi là: OṂ_ KILI KILI VAJRA BHŪR BANDHA HŪṂ PHAṬ]

Hoa sen xanh (Nīla-padma) là loài hoa không lá nên rất nhẹ, nếu bị ném xuống có thể bay mau.

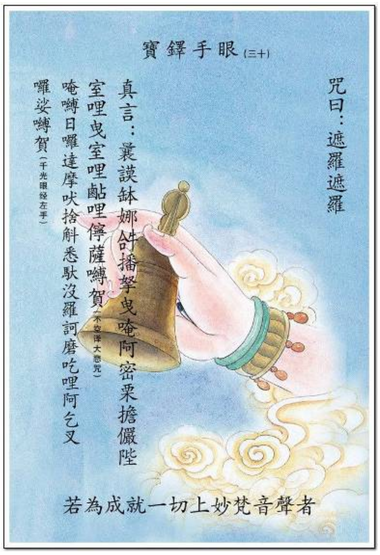
Khi màu đen bị nhiễm bởi màu vàng thì thành màu xanh. Điều này biểu thị **Hắc Nghiệp** (Kṛṣṇa-karma: nghiệp đen) của chúng sinh khi được hào quang màu vàng của chư Phật tế độ khiến thành một thể thì được vãng sanh về Tịnh Thổ của chư Phật.

Lại nữa, hoa sen biểu thị cho sự bất nhiễm, màu xanh là màu của biển lớn. Như vậy hoa sen xanh biểu thị cho sự vượt biển khổ mà sanh vào Phật Quốc. Thuở xa xưa, Đức Thích Ca dùng 7 cành hoa sen xanh cúng dường Đức Phật **Nhiên Đăng** (Dīpaṃ-kara) nên được Vô Sanh Nhẫn và thường gặp chư Phật ở 10 phương. Do đó hoa sen xanh là vật bậc nhất cúng dường chư Phật.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi xông ướp Tam Muội “Liên Hoa” nên cầm hoa sen xanh biểu thị cho nghĩa “**Tất cả chúng sinh cúng dường phật thì được vãng sanh về 10 phương Phật Thổ”**

Hành Giả muốn trừ nghiệp nặng để được vãng sanh thì làm hình hoa sen xanh đặt trước Bản Tôn tụng Chú. Do dùng hoa màu xanh nước biển dâng lên Bản Tôn cho nên vượt được biển khổ .

6. BẢO ĐẠC THỦ (Tay cầm cái Chuông báu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu muốn thành tựu Phạm Âm thượng diệu*** (Âm thanh tiếng Phạn tuyệt diệu***) nên tác pháp Bảo Đạc*** (cái chuông báu nhỏ cầm tay). ***Tượng Pháp Âm Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp uy quang như trước đã nói, xong tay trái cầm cái chuông Kim Cương báu, tay phải nắm quyền đặt ở eo lưng”***



Tướng Ấn là: Đem hai ngón cái vào trong lòng bàn tay, cào nhẹ 3 lần.

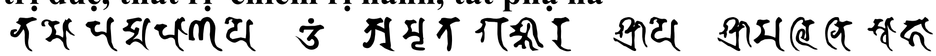
Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **phệ xá hộc** (chuông vui hộ) **tất đà một-la ha-ma, ngột lỵ** (phạm âm thành tựu) **A khất xoa la** (vô tận) **sa phộc hạ**”.



OṂ_ VAJRA-DHARMA – VEŚA HOḤ, SIDDHA BRAHMA-HRĪḤ – AKṢĀYA – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***“Nếu muốn được tất cả Phạm Âm tốt nhiệm mầu, nên cầu nơi tay cầm chiếc Chuông báu”***

Chân Ngôn là: “**Nẵng mồ tát na hàm bà noa duệ. Án, a mật lật đả, nghiễm bệ thất trị duệ, thất rị chiếm rị nãnh, tát phạ ha**”



NAMO PADMA-PĀṆAYE (Quy mệnh Liên Hoa Thủ) OṂ (Nhiếp triệu) AMṚTA GAMBHIRA ŚRĪYE (sự tốt lành thâm sâu của Cam Lộ) ŚRĪ-MĀLINI (tràng hoa Cát Tường) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Bảo Đạc (Ratna-ghaṃṭa hay Ratna-veśa) là cái chuông nhỏ dùng tay cầm lắc hoặc gió nhẹ thổi qua thì phát ra âm thanh.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi xông ướp âm thanh nên tay cầm cái Chuông báu biểu thị cho nghĩa "Phát ra Diệu Âm"

Nếu tu Pháp này, Hành Giả làm cái Chuông báu đặt trước Bản Tôn, tác niệm tụng Chú Đại Bi cho đến lúc cái chuông tự phát ra tiếng thì thành tựu.

Như Kinh nói: "***Hành Giả tụng trì Đà La Ni này, bao nhiêu âm thanh nói ra, dù thiện dù ác, thì tất cả Thiên Ma, người ... đều tưởng là Pháp Âm thanh tịnh và khởi tâm cung phụng, tôn trọng Hành Giả như Đức Phật"***

7. TỬ LIÊN HOA THỦ (Tay cầm Hoa Sen tím)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***"Nếu người muốn thấy các Như Lai, nên tu pháp Hoa Sen tím. Tượng Kiến Liên Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên đã nói, xong tay phải cầm hoa sen tím, tay trái ngửa lên đặt ở trái tim***".



Tướng Ấn là: Kết Liên Hoa Hợp Chưởng như thế hoa nở, rồi buông Ấn.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **nhũ lão la sa bát nạp ma** (hoa sen tím) **tát phộc bột đà** (tất cả Phật) **chỉ hoại nẵng** (Trí) **sa khất sô tỳ gia** (nhìn thấy) **sa phộc hạ**”.

OṂ_ VAJRA-DHARMA – JAṂBURA-PADMA – SARVA BUDDHA-JÑĀNA CAKṢOBHYA – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***“Nếu muốn diện kiến tất cả chư Phật 10 phươn , nên cầu nơi tay cầm Hoa Sen tím”***

Chân Ngôn là: “**Án, tát ra tát ra, phạ nhật ra ca ra, hồng phấn tra**”

OṂ (Cảnh giác) SARA SARA (kiên cố, cực kiên cố) VAJRA-KĀRĀ (Kim Cương Chưởng) HŪṂ (hộ khắp cả) PHAṬ (phá bại)

Hoa sen tím (Jaṃbura-padma) là chỗ ngồi của chư Phật 10 phương. Chư Phật đều ngồi ở tòa sen trên Tử Kim Đàn (Đàn màu vàng tía). Nếu ứng cơ đi lại thì dùng mây tím làm điều lành, tay cầm hoa sen tím biểu thị cho chúng sinh trước thấy Phật sau thấy màu tím và cuối cùng là Tử Kim Đàn. Khi Hành Giả thấy tướng này thì đời đời thấy Phật.

Như Kinh nói: ***“Ở nơi sinh ra, thấy Phật nghe Pháp”.*** Màu tím là màu hòa hợp của đỏ và đen. Màu đen biểu thị cho nghiệp đen của chúng sanh, màu đỏ là màu Đại Bi của Bản Tôn. Vì nghiệp phiền não của chúng sanh chẳng lìa Tâm Từ Bi ngưỡng ái, nên màu tím biểu thị cho sự “bất tịnh bất cấu” hay “phiền não, Bồ Đề hằng lìa một thể”

Lại nữa, màu tím là màu chẳng đỏ chẳng đen, nên biểu thị cho nghĩa “phi hữu phi không”. Do màu đỏ màu đen hòa hợp thành màu tím tức biểu thị cho nghĩa “kiến sắc”, hoa sen biểu thị cho sự vô nhiễm. Vì vậy Hoa Sen Tím biểu thị cho nghĩa “thấy sắc nhưng không nhiễm dính”

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản nguyện Từ Bi xông ướp Tam Muội “Liên Hoa” nên cầm hoa sen tím biểu thị cho Thật Tướng của các Pháp nhằm giúp cho chúng sanh đời đời thường gặp Phật.

8. BỒ ĐÀO THỦ (Tay cầm chùm Bồ Đào)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu vì thành tựu Ngũ Cốc, tất cả thực vật nên tu pháp Bồ Đào. Tượng Hộ Địa Quán tự Tại bồ Tát, thân tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước không khác, chỉ có tay trái cầm chùm Bồ Đào, tay phải là thế Thí Nguyện Khế”.***



Tướng Ấn là: Quyền trái đặt ở eo lưng, tay phải duỗi các ngón án trên mặt đất.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **tất đà đạt la nẫm**, **sa la sa la** (địa vị thành tựu) **sa phộc hạ**”.



OṂ_ VAJRA-DHARMA – SIDDHA-DHĀRĀṆĀṂ , SALA SALA- SVĀHĀ

Thiên Thủ Kinh ghi là: ***“Nếu muốn có được cây trái ngũ cốc, nên cầu nơi tay cầm chùm Bồ Đào”.***

Chân Ngôn là: “**Án, A ma lã kiếm, đế nễ nãnh, tát phạ ha**”.



OṂ (nhiếp triệu) AMALAKAṂ (Vô Cấu Tính: Tính không có dơ bẩn) TEJEṆI (uy quang) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Bồ Đào là Tính của Thảo Diệp (cỏ, lá), hình dạng có nhiều loại. Bồ Đào phần nhiều là giống như **Ngọc Tụ** (một đống châu ngọc) lá có 5 màu: thoạt tiên là màu xanh dần dần chuyển thành màu vàng, màu đỏ, màu đen cho đến lúc nóng khô lại trở thành màu trắng. Đặt biệt là nóng lạnh không làm cho Bồ Đào bị hư hoại. Do đó, Bồ Đào biểu thị cho nghĩa “ chẳng tổn hoại lúa nếp” tức là làm cho trái cây tăng trưởng.

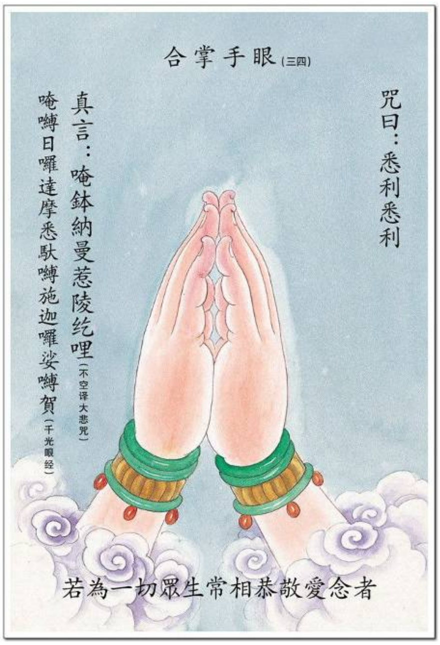
Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản nguyện Từ Bi xông ướp “Phước Đức Môn” nên tay cầm loại thảo dược này biểu thị cho nghĩa “chẳng làm lúa nếp hư hoại”

Muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả làm hình chùm Bồ Đào đặt trước Bản Tôn. Xong niệm Chú vào nước đem rưới vẩy lên cây lá thì được thành tựu .

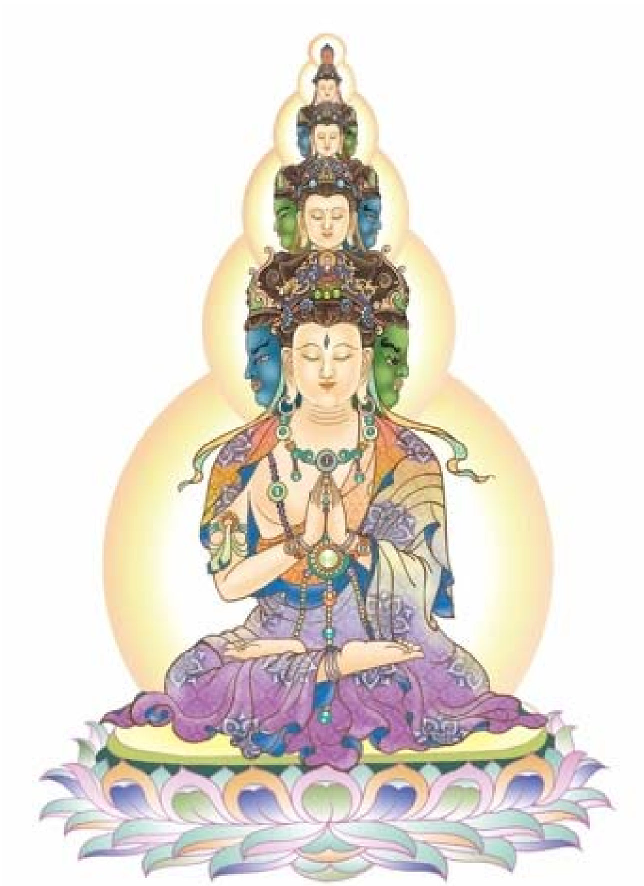
Như Kinh nói: “*Mưa tuôn thấm nhuận thì thảo thực sinh trưởng”*

IV_ TÁM TAY THUỘC LIÊN HOA BỘ

1. HỢP CHƯỞNG THỦ (Tay Hợp Chưởng)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu cầu được người kính yêu, nên tu pháp Hợp Chưởng. Tượng Hiện Kính Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước không khác, chỉ có hai tay để ngay trái tim tác Liên Hoa Hợp Chưởng”.***



Tướng Ấn là: như tay Ấn của Tượng.

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **tất đà phộc thi ca la** (thành tựu kính ái) **sa phộc hạ**".

OṂ_ VAJRA-DHARMA – SIDDHA VAŚIKARAṆA – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Nếu muốn cho tất cả chúng sinh thường cung kính yêu nhau, nên cầu nơi tay Hợp Chưởng"*** .

-Chân Ngôn là: "**Án, bát rị nạp mạng nhá lăng, hật rị**".

OṂ_ PADMA-JALIṂ (Quy mệnh Liên Hoa Hợp Chưởng) HRĪḤ (chủng tử của Liên Hoa Bộ)

Trong Tạng Bản lại có Chân Ngôn: "**Án, vĩ tát ra, vĩ tát ra, hồng phấn tra"** (OṂ_ VISARA VISARA HŪṂ PHAṬ)

Hợp Chưởng là chắp tay Định Tuệ biểu thị cho **Nhất Tử Từ Bi** (thương yêu tất cả chúng sinh như đứa con một của mình) nghĩa là ái niệm, cung kính, kính ái

Như Kinh nói: "***Tay phải, tay trái cùng hợp với nhau nên biểu thị cho nghĩa ÁI, đặt ngay trái tim có nghĩa là KÍNH"***

Hành Giả đặt trước Bản Tôn, tác Liên Hoa Hợp Chưởng, tụng Chú khởi Tâm xót thương tất cả chúng sanh thì thành tựu được ước muốn. Vì Bản Tôn cung kính Tâm ái niệm của Hành Giả cho nên tất cả chúng sanh cũng cung kính Hành Giả.

2.BẢO KÍNH THỦ (Tay cầm cái Gương báu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***"Nếu người cầu Trí Huệ nên tu pháp cái Gương báu. Tượng Kính Trí Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp uy quang như trên đã nói , chỉ có tay trái để ngang trái tim cầm cái Gương báu hướng ra ngoài, tay phải kết Trí Quyền Ấn".***



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền đặt ở eo, tay trái mở duỗi ra nâng lên trước mặt. Thấy Ấn này tưởng thấy Đại Viên Kính Trí.

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **tát phộc tất địa** (thành tựu tất cả) **ma ha chỉ nhương nẵng** (Đại Trí Tuệ) **sa phộc hạ**".



OṂ_ VAJRA-DHARMA – SARVA SIDDHI MAHĀ-JÑĀNA – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Nếu muốn được Đại Trí Tuệ, nên cầu nơi tay cầm Gương báu" .***

Chân Ngôn là: "**Án, vĩ tát phổ ra na ra các xoa, phạ nhật ra, mạn trà la, hồng phấn tra**".



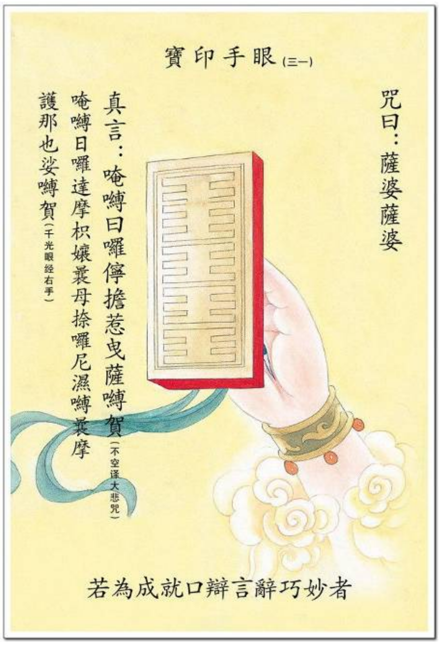
OṂ (cảnh giác) VISPHURAD RAKṢA (Hộ vệ bao phủ khắp) VAJRA MAṆḌALA (Kim Cương Đạo Trường) HŪṂ PHAṬ (ủng hộ phá bại)

Cái Gương là vật phản ảnh rõ ràng thông suốt muôn vật nên được ví dụ cho Trí Tuệ. Gương báu biểu thị cho Đại Viên Kính Trí là Trí Tuệ vô ngại vô tư nhận biết mọi sự vật đúng theo bản tính chân thật của chúng.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi xông ướp Trí Tuệ Môn nên tay cầm cái gương báu nhằm giúp cho chúng sanh giác ngộ được nghĩa thú thâm sâu của các Pháp.

Hành Giả đặt cái gương tròn trước Bản Tôn, tụng Chú thì giác ngộ được nghĩa thú thâm sâu của Chánh Pháp mà mình đã nghe thấy. Nếu trong gương hiện các sắc tượng thì ở **Nhất Thiết Trí** không gì không phân biệt được. Thiện Tài Đồng Tử sẽ làm bậc Thiện Tri Thức hướng dẫn tu tập Chánh Pháp.

3.BẢO ẤN THỦ (Tay cầm cái Ấn báu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***"Nếu muốn thành tựu Diệu Biện Tài*** (biện thuyết khéo léo) ***nên tác pháp Bảo Ấn. Tượng Trí Ấn Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên không khác, chỉ có tay trái đặt trên trái tim cầm hình Ấn báu, tay trái nắm quyền đặt ở eo".***



Tướng Ấn là: Dùng tay phải ấn lên trái tim.

Chân Ngôn là:“**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **chỉ nhương nẵng mẩu lật la** (Trí Ấn) **ni thấp phộc nẵng** (Pháp của mọi loài) **ma hộ na dã** (rộng lớn) **sa phộc hạ**”.

OṂ_ VAJRA-DHARMA JÑĀNA-MUDRA VIŚVANA MAHĀ-NĀYA – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***“Nếu muốn được miệng nói biện luận hay khéo nên cầm nơi tay cầm chiếc Ấn báu”.***

Chân Ngôn là: “**Án phạ nhật ra, nãnh đảm nhạ duệ, tát phạ ha**”

OṂ_ VAJRA-JITAṂ (Quy mệnh Kim Cương Thắng) JAYE (vượt thắng) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

ẤN (Mudra) là con dấu dùng thay mặt cho một người, một cơ quan, một ý nghĩa nào đó.

Bảo Ấn (Ratna-mudra) là báu của Bát Nhã hay Ấn Ngôn bí mật của chư Phật nên biểu thị cho sự biện tài của khẩu nghiệp. Mặt trái của Bảo Ấn có chữ HRĪḤ () là chủng tử của Liên Hoa Bộ Trí Tuệ Môn nên hàm chứa Đức “**Thuyết Pháp đoạn Nghi”**

Lý Thú Thích ghi: “***Công năng của chữ HRĪḤ là dùng chữ này gia trì ở Thế Giới Cực Lạc thì nước, chim , rừng ....đều diễn nói Pháp”*** .

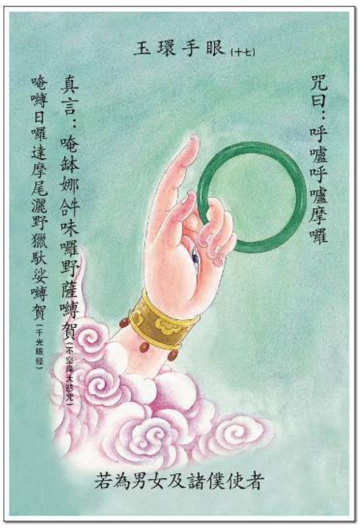
Vì thế chữ HRĪḤ là Đức của Khẩu Nghiệp. Do giúp ích chúng sinh thành tựu sự xảo diệu của Khẩu Nghiệp mà mặt trái của Bảo Ấn có chữ HRĪḤ .

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng bản Nguyện Từ Bi xông ướp Tam Muội “Bảo Ấn” nên tay cầm Ấn báu biểu hiện Trí Khế, biểu hiện cho nghĩa “**không ngưng trệ”** nhằm giúp cho chúng sinh thành tựu sự biện tài của Khẩu Nghiệp.

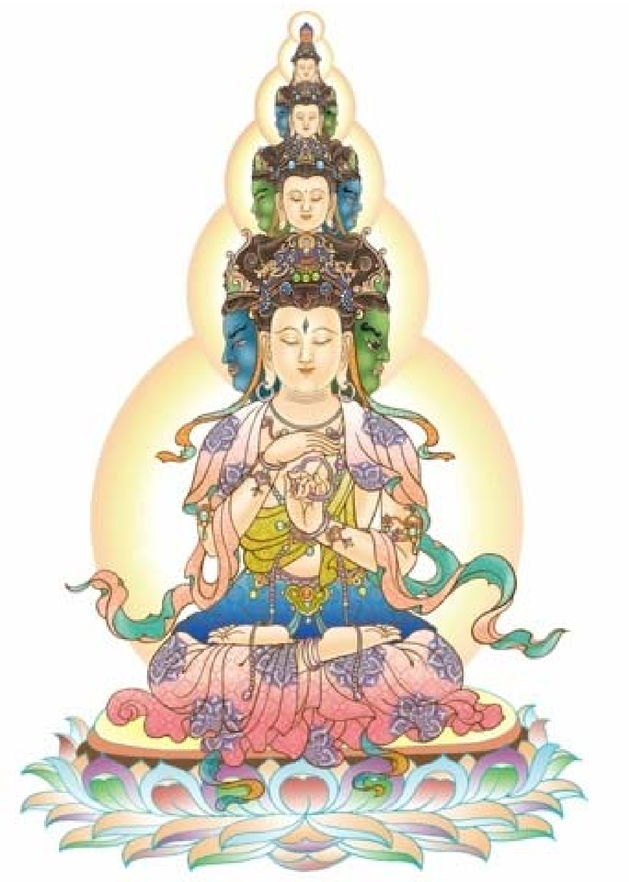
Hành Giả làm cái Ấn báu, đối trước Bản Tôn tụng Đại Bi Chú, xong ấn lên trái tim, tức được thành tựu.

Như Kinh nói: “***Nếu chẳng được vô lượng biện tài Ta*** (Quán Thế Âm Bồ Tát) ***thề chẳng thành Chánh Giác”***

4.NGỌC HOÀN THỦ (Tay cầm Vòng Ngọc)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là:***“Nếu cầu nam nữ tôi tớ nên tu hành pháp cái Vòng Ngọc. Tượng Trì Hoàn Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp uy quang như trước đã nói. Chỉ có tay trái để ở trái tim cầm Vòng Ngọc, tay phải che trên vòng ngọc như cái lọng” .***



Tướng Ấn là: Dùng tay trái nắm cổ tay phải, cũng dùng tay phải nắm cổ tay trái. Bên trái biểu thị cho nữ, bên phải biểu thị cho nam.

Chân Ngôn là:“**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **vĩ sái dã** (cảnh giới) **liệp đà** (gặt được) **sa phộc hạ**”.



OṂ_ VAJRA-DHAMA VIṢAYA PRĀPTA – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***“Nếu muốn tôi tớ trai gái để sai khiến, nên cầu nơi tay cầm chiếc Vòng Ngọc”.***

Chân ngôn là: “**Án, bát na hàm vị ra dã, tát phạ ha**”



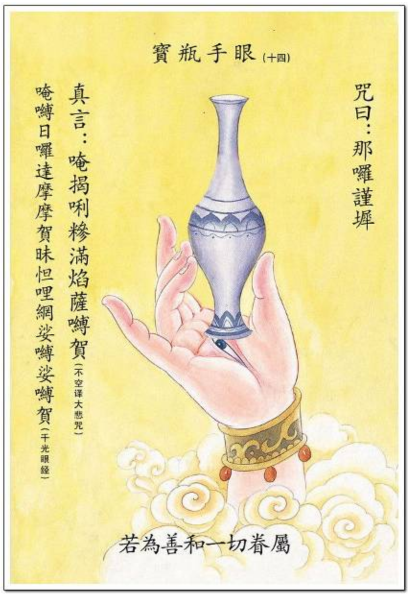
OṂ (Quy mệnh) PADMA-VĪRAYA (Liên Hoa Tinh Tiến) SVĀHĀ (Viên mãn Cát Tường)

Ngọc Hoàn là vòng ngọc quý dùng để trang sức. Nếu dùng vàng bạc trang nghiêm thì gọi là kim tỏa (cái khóa bằng vàng) nên Ngọc Hoàn biểu thị cho nghĩa Hệ triền (trói buộc)

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng bản Nguyện Từ Bi cầm vật báu này biểu thị cho nghĩa **Hệ Triền** (ràng buộc) nhằm giúp cho chúng sinh cầu con cái hay tôi tớ để phụ giúp và giữ gìn sự nghiệp. Nếu biết đúng sự thật hay không thì dùng cái Vòng này thử.

Hành Giả dùng vàng, bạc, đồng ... làm hai cái vòng giao nhau như khoen xích, đặt trước Bản Tôn, tu niệm tụng Pháp thì được như nguyện.

5.HỒ BÌNH THỦ (Tay cầm cái Hồ Bình)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***"Nếu muốn cầu quyến thuộc hòa thuận an lành, nên tu pháp Hồ Bình. Tượng Trì Bình Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp uy quang như trên đã nói, chỉ có tay phải cầm cái Hồ Bình, đầu cái bình như đầu chim Kim Xí Điểu, tay trái để trên rốn hướng lên trên thành thế nhận cái Hồ Bình"*** .



Tướng Ấn là: Ấn Hoa Sen chưa nở, mở đứng 2 không (2 ngón cái) cùng hợp ngón trỏ.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **ma ha muội đát lý** (Đại Từ) **võng bà phộc** (phát sinh) **sa phộc hạ**”.

OṂ_ VAJRA-DHARMA MAHĀ-MAITRI UDBHAVA SVĀHĀ

_ Thiên Thủ Kinh ghi là***: “Nếu muốn tất cả mọi người trong Quyến Thuộc được hòa thuận nhau, nên cầu nơi tay cầm cái Hồ Bình”***

Chân Ngôn là: “**Án, yết lệ, thảm mãn diệm, tát phạ ha**”

OṂ_ KARI SAMAYAṂ – SVĀHĀ (Cảnh giác, tác bình đẳng, quyết định thành tựu)

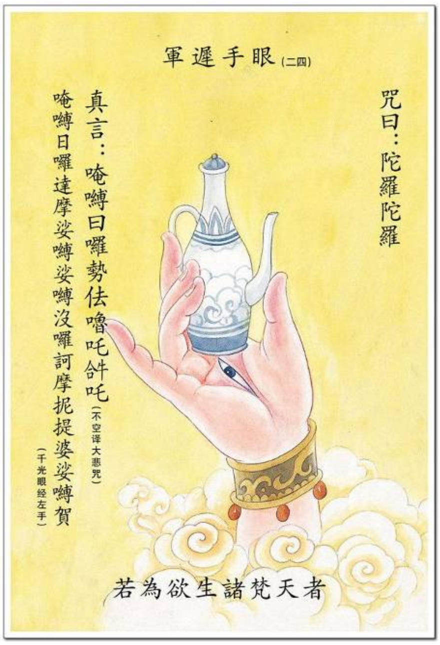
Hồ Bình là cái bình đầu chim. Do người Hồ phía Bắc núi Tuyết trông thấy hình Kim Xí Điểu (chim cánh vàng) mà làm ra loại Bình này nên gọi là Hồ Bình. Vì Kim Xí Điểu là loài chim khéo tùy thuận các loài chim khác nên Hồ Bình biểu thị cho ý nghĩa là: “**Khéo hòa quyến thuộc**”

Lại nữa, nếu đem vạn vật cho vào cái bình thì không có gì không hòa hợp nên Hồ Bình còn có ý nghĩa là: “Tự Tạo Hòa Hợp” như vua Chuyển Luân Thánh Vương đặt cái Bình đầu chim ở trước thân mình, biểu thị cho nghĩa Tự Tại.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi cầm cái Bình này biểu thị ý nghĩa “***Hòa Hợp các quyến thuộc***”

Hành giả làm cái Hồ Bình đặt trước Bản Tôn, rót nước vào tụng Chú. Xong đem nước rưới vảy lên các quyến thuộc bất hòa thì họ sẽ hòa thuận trở lại.

6.QUÂN TRÌ BÌNH THỦ (Tay cầm Bình Quân Trì)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu người muốn sanh lên cõi Phạm Thiên, nên tu pháp cái Bình Quân Trì, tượng Thiền Định Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp uy quang như trên đã nói, chỉ có tay phải cầm cái Bình Quân Trì, tay trái làm tướng suy tư, dựng đứng đầu gối phải, đem chưởng trái để giữa gò má và lông mày” .***



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng , hợp cổ tay

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **sa phộc bà phộc** (tự tính) **một la ha ma mẩu đồ bà** (Phạm Thiên) **sa phộc hạ**".

OṂ_ VAJRA-DHARMA (Quy mệnh Kim Cương Pháp) SVABHĀVA BRAHMAṂ UDBHAVA (Tự Tính sanh ra Phạm Thiên) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Nếu muốn sinh lên cõi Phạm Thiên, nên cầu nơi tay cầm Bình Quân Trì"***

Chân Ngôn là: "**Án, phạ nhật ra, thế khế ra hê tra hàm tra**"

OṂ_ VAJRA-ŚIKHARA (Quy mệnh Kim Cương Đỉnh Kế) RAṬ (Hét lớn) MAṬ (Trì hoãn ,chậm chạp)

Quân Trì là dịch âm từ tiếng Phạn Kuṇḍali. Đường dịch là cái Bình Quân Trì gọi đủ là Quân Chùy Ca, tức là Phạm Bình, hay là Táo Bình (cái bình chứa nước rưới vảy, tắm gội)

Quân Trì là cái bình chứa nước, có mở thêm một cái vòi bên cạnh. Người xưa nói Quân Trì là Bình Tam Ma Gia của Phạm Thiên, vì lúc Phạm Thiên tạo lập Thế Giới thì cái bình này chứa đầy công năng của vạn vật.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng bản Nguyện Từ Bi xông ướp Tam Muội Vương, nên cái bình này biểu thị cho nghĩa "sanh Phạm Thiên"

Muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả làm cái Bình Quân Trì đặt trước Bản Tôn, tác niệm tụng Chú và khởi Tâm xa lìa ái dục thì sẽ sanh lên cõi Phạm Thiên và thường gặp các vị Vua Hiền Đức.

7.HỒNG LIÊN HOA THỦ (Tay Cầm Hoa Sen hồng)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu người muốn sanh ở cung điện của chư Thiên, nên tu pháp Hoa Sen hồng, tượng Thiên Hoa Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp uy quang như trên đã nói, chỉ có tay trái cầm hoa sen hồng, co cánh tay phải chỉ lên Trời”.***



Tướng Ấn là: Tác Khai Phu Liên Hoa Ấn

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **củ sách tát bà bát nạp mạ** (hoa sen hồng) **tát phộc đề bà ổn nghiệt đa** (sinh tất cả chư Thiên) **sa phộc hạ**”.

OṂ_ VAJRA-DHARMA KUSUBHA-PADMA - SARVA DEVA UDGATE-SVĀHĀ.

_ Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Muốn được sanh lên các cung Trời nên cầu nơi tay cầm Hoa Sen hồng"***

Chân Ngôn là: "**Án, thương yết lệ, tát phạ ha**".

OṂ (cảnh giác) SAṂ KARE (chính tác, tạo làm chính đúng) SVĀHĀ (Viên mãn Phước Trí)

Hoa sen hồng (Padma) là hoa sen có màu đỏ sáng .

Sao ghi là: "***Hoa đỏ nhân mặt trời mà nở vì dùng ánh lửa làm chổ thành, cho nên hoa đỏ dùng màu lửa làm nghĩa "Thiêu đốt hết" và hay ví dụ cho Trí Tuệ"***

Do chư Thiên rất thích loài hoa hồng đỏ nên thường hay ủng hộ cho người đem loài hoa này cúng dường. Như người xưa nói "Quả báo của cõi Trời thứ sáu có màu hồng vì ưa thích màu này vậy"

Kinh có ghi: "***Dùng hoa có màu Trí Tuệ để được sanh lên các cõi Trời***"

Trời có bốn loại là:

a)**Thế Gian Thiên**: là các vị vua

b)**Sinh Thiên**: là chư Thiên của ba cõi (Tam Giới)

c)**Tĩnh Thiên**: là bốn Quả và Bích Chi Phật

d)**Nghĩa Thiên**: là các chúng Bồ Tát

Các chư Thiên như vậy thì hay khéo giải nghĩa các Pháp nên dùng Trí Tuệ mà sinh.

Do vậy, hoa sen hồng biểu thị cho Trí Tuệ

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi, cầm hoa sen hồng biểu thị cho nghĩa Thiên Ái (sự yêu thích của chư Thiên)

Hành Giả làm hình hoa sen hồng, đặt trước Bản Tôn, trì tụng Chú Đại Bi thì tùy nguyện được sanh Thiên. Nếu là người không có Trí Tuệ thì sanh vào cõi Trời nhiễm đắm ngũ dục (niềm vui của đời) giống như hoa sen vậy.

8.TÍCH TRƯỢNG THỦ (Tay cầm cây Tích Trượng)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu người cầu Từ Bi, nên tác pháp Tích Trượng. Tượng Từ Trượng Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên đã nói, chỉ có tay phải cầm cây Tích Trượng, tay trái để trên rốn ...”***



Tướng Ấn là: Hai tay cài buộc bên trong, Hỏa Luân (ngón giữa) vững chắc viên mãn như hình Tích Trượng

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **tam muội gia** (Bản Thệ) **ma ha cô lỗ ni ca gia** (Đầy đủ Tâm Đại Bi) **sa phộc ha**”.

OṂ_ VAJRA-DHARMA – SAMAYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA- SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***“Nếu vì lòng Từ Bi muốn cho tất cả chúng sinh được nhờ sự che chở giúp đỡ, nên cầu nơi tay cầm cây Tích Trượng”***.

Chân Ngôn là: “**Án, na lật thế, na lật thế, na lật tra bát để, na lật đế na dạ bát nãnh, hồng phấn tra**”.

OṂ (cảnh giác) NṚTI NṚTI (Vũ: múa) NṚTA-PATI (Chủ của điệu múa) NṚTYA-PĀṆI (Bàn tay của điệu múa) HŪṂ PHAṬ (hộ khắp , phá bại khắp)

Ghi chú: NṚTI (điệu múa) biểu thị cho Thần Thông Du Hý và hóa độ của các đấng giải thoát)

Tích Trượng gồm có Bồ Tát Trượng biểu thị cho sáu Độ, Thanh Văn Trượng biểu thị cho 4 Đế, Duyên Giác Trượng biểu thị cho 12 Duyên.

Tích Trượng ở đây là Bồ Tát Trượng gồm có sáu cái vòng, vây quanh tháp Suất Đổ Ba (Stūpa) biểu thị cho sáu Độ vây quanh tướng Tam Muội Gia của Bản Tôn.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản nguyện Từ Bi xông ướp Tam muội “Phổ Hiện Sắc Thân” mà cầm cây Bồ Tát Trượng biểu thị cho nghĩa che chở giúp đỡ cho tất cả chúng sinh trong ba cõi sáu đường.

Muốn tác thành tựu Pháp này, Hành Giả làm cây Bồ Tát Trượng đứng trước Bản Tôn, tác tướng tay tụng Chú. Sau đó cầm cây gậy rung lắc để phát ra âm thanh và xướng danh Từ Bi lục Độ tức được thành tựu. Vì Bồ Tát Trượng lấy sáu Độ làm Thể nên ngay trong đời này có thể chứng Bồ Tát vị mà cứu chúng sinh .

Như Kinh nói: "***Thường biết nghĩ Từ Bi luôn dùng Đà La Ni cứu chúng sinh***"

V_ TÁM TAY THUỘC YẾT MA BỘ

1.THIẾT CÂU THỦ (Tay cầm cây Thiết Câu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***"Nếu muốn Trời, Rồng, Thiện Thần đến gia hộ, nên tác pháp Thiết Câu. Tượng Câu Triệu Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trên đã nói, chỉ có tay trái cầm cái móc câu, tay phải nắm quyền đặt ở eo" .***



Tướng Ấn là: Tay trái nắm quyền, dựng ngón trỏ như hình móc câu mà triệu mời.

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **câu xá nhạ** (câu triệu) **tát phộc đề phệ nẵng vân** (tất cả Trời rồng) **la khất xoa hàm** (Ủng hộ) **sa phộc hạ**".

OṂ_ VAJRA-DHARMA- AṂKUŚA JAḤ- SARVA DEVE NĀGE RAKṢA MĀṂ- SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: "***Nếu muốn được Thiện Thần, Long Vương thường đến ủng hộ, nên cầu nơi tay cầm cây Câu Chi Thiết Câu***".

Chân Ngôn là: "**Án, a rô rô đa, ca ra, vĩ sa duệ, nẵng mồ, tát phạ ha**".

OṂ – AKRODHA-KĀRA VIṢAYE NAMO (Ba Thân quy mệnh cảnh giới tạo tác của hàng Vô Phẫn Nộ) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

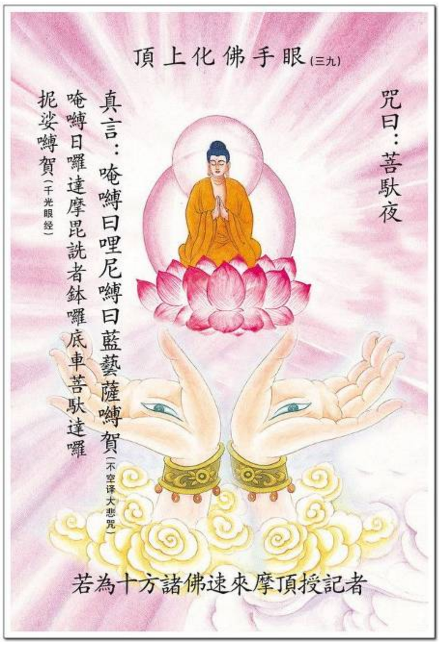
Câu Chi gọi đủ là **Ương Câu Chi** (Aṅkuśa hay Aṃkuśa). Đường dịch là Triệu tức là kêu gọi (câu triệu)

Còn Câu Chi Thiết Câu là cây gậy có ba mũi móc câu, biểu thị cho nghĩa câu triệu (gọi tới tụ tập)

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi cầm cây Thiết Câu này hiển thị nghĩa: "**Thiện Thần Long Vương thường ủng hộ"**

Muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả làm cây Thiết Câu đặt trước Bản Tôn, tụng Chú. Sau đó cầm cây Thiết Câu hô lời kêu gọi Hàng Thiện Thần thì tất cả Long chúng, Thiên chúng, Thiện Thần đều đến thường ủng hộ và trừ não hại cho Hành Giả.

2.ĐỈNH THƯỢNG HÓA PHẬT THỦ (Hai tay đưa lên đỉnh đầu, trên đó có vị Hóa Phật)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: "***Nếu người muốn được tất cả Như Lai quán đỉnh thọ ký, nên tu pháp Đỉnh Thượng Hóa Phật. Tượng Quán Đỉnh Quán Tự Tại,***

tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước không khác, chỉ có hai tay Quyền, trên đỉnh đầu đặt vị Hóa Phật” .



Tướng Ấn là: Hai tay cài buộc bên trong, dựng kèm hai ngón cái đè lên bên cạnh ngón trỏ. Ấn đặt ở đỉnh đầu rồi bung Ấn.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **tỳ trụ giả** (Quán Đỉnh) **bát la để xa** (truyền cho) **bồ đà đạt la nẫm** (Phật địa) **sa phộc hạ**”.



OṂ_ VAJRA-DHARMA ABHIṢAIKA PRATICCHA BUDDHA DHĀRAĀṂ – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: “***Nếu muốn 10 phương chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký, nên cầu nơi tay Đỉnh Thượng Hóa Phật”*** .

Chân Ngôn là: “**Án, phạ nhật rị ni, phạ nhật lãm nghệ, tát phạ ha**” .



OṂ (Quy mệnh) VAJRA VIḤ (Kim Cương Tối Thắng) VAJRAṂGE (Kim Cương Thân) SVĀHĀ (Viên mãn Cát Tường)

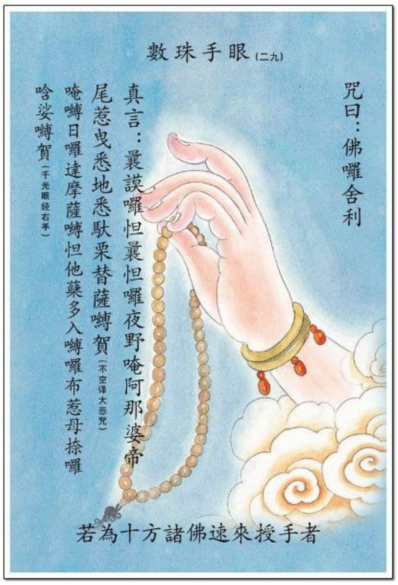
Tay Đỉnh Thượng Hóa Phật là hai tay nâng một vị Hóa Phật để trên đỉnh đầu. Vị Hóa Phật ở trên đỉnh đầu biểu thị cho nghĩa “Quán Đỉnh Thọ Ký”

Đồ hình tuy chỉ dùng một vị Phật, nhưng thật ra bao gồm tất cả chư Phật mười phương. Vì một khi Đức Phật đến xoa đầu thọ ký thì chư Phật đều âm thầm gia hộ. Đây là tướng “**phi nhân phi quả**”. Với vị Hóa Phật biểu thị cho “**phi nhân”,** Bồ Tát biểu thị cho “**phi quả”**, do đó Tướng này biểu thị nghĩa “***nhân quả bất nhị, lý trí nhất thể”***

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Bản Nguyện Từ Bi xông ướp Tam Muội Quán Đỉnh, nên hiện tay này biểu thị cho nghĩa “***xoa đầu thọ ký khiến cho mau chóng thành Phật”***

Hành Giả khi theo Thầy Quán Đỉnh, y theo Bảo Bộ đội Liên Hoa Man (vòng hoa sen) trong Liên Hoa Man an tượng Hóa Phật. Khi Hành Giả tác niệm tụng Chú thì vị Hóa Phật ấy sẽ xoa đầu mà thọ ký cho Hành Giả mau chóng thành Phật

3.SỔ CHÂU THỦ (Tay cầm Tràng Hạt)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: "***Nếu muốn Chư Phật đến trao vào tay, nên tu pháp Sổ Châu*** (tràng hạt). ***Tượng Niệm Châu Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước không khác, chỉ có tay phải cầm chuỗi Tràng Hạt , tay trái đặt ở đầu gối như thế xoa".***



Tướng Ấn là: Hai tay phải trái cầm chuỗi Tràng Hạt trì niệm, đội lên đỉnh đầu ba lần, làm tướng Quy Mệnh.

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **tát phộc đát tha nghiệt đa** (tất cả Như Lai) **nhập phộc la** (Quang minh) **bố nhạ** (tay) **mẫu lật la hàm** (ấn lên tôi) **sa phộc hạ**".

OṂ_ VAJRA-DHARMA SARVA TATHĀGATA-JVALA-BHŪJA MUDRA MĀṂ- SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: "***Nếu muốn mười phương chư Phật sớm đến đưa tay tiếp dẫn, nên cầu nơi tay cầm Xâu Chuỗi ngọc"*** .

Chân Ngôn là: "**Nẵng mồ ra đát nẵng đát ra dạ dã. Án, a na hạ đế, vĩ nhạ duệ tất địa, tất đà lật thế, tát phạ ha**".

NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy Mệnh Tam Bảo)

OṂ (Nhiếp triệu) ANAVATI-VIJAYE SIDDHI (đời sống đầy đủ sự thành tựu tối thắng) SIDDHĀRTHE (thành tựu tất cả nghĩa lợi) SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Sổ châu là xâu chuỗi có số lượng hạt hạn định dùng để lễ Phật, niệm Phật theo ký số. Đây là tiêu xí của chư Phật biểu thị cho nghĩa "**Trao vào trong tay"**

Vì đây là pháp Quán Âm Liên Hoa Bộ, nên sổ châu gồm 108 hạt sen biểu thị cho 108 phiền não với Mẫu Châu biểu thị cho Đức Phật A Di Đà hoặc các vị Quán Âm. Khi tụng Chú, lấy một hạt châu trừ một phiền não tức là tạo một hạt giống của chư Phật, cho nên hạt châu còn biểu thị cho quả vị Bồ Tát. Như vậy các hạt châu hai bên phải trái của Mẫu Châu còn biểu thị cho hai loại Phước Trí trang nghiêm.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng bản nguyện từ bi cầm xâu chuỗi ngọc biểu thị cho nghĩa "***Chư Phật mau trao vào tay"*** .

Muốn thành tựu Pháp này, Hành Giả ở trước Bản Tôn, tụng Chú Đại Bi. Sau đó hai tay nâng **niệm châu**, quán tưởng chư Phật mười phương đều đến trao vào tay khiến cho không bị sự khủng bố và mau chóng tăng trưởng hạt giống Giải Thoát.

4.BẢO LOA THỦ (Tay cầm cái Loa báu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu vì hô triệu tất cả Thiện Thần đến phù hộ, nên tu pháp Bảo Loa. Tượng Trì Loa Quán Tự Tại, tướng tốt trang nghiêm như trước diễn nói, tay trái cầm cái Loa báu, tay phải nắm quyền duỗi ngón Phong*** (ngón trỏ) ***làm thế kêu gọi”.***



Tướng Ấn là: chắp hai tay lại giữa rỗng, co hai ngón Phong (hai ngón trỏ) đều buộc ở lưng hai ngón cái, hai Không (hai ngón cái) đều ló giữa khe của hai ngón trỏ và giữa, dùng miệng làm thế thổi.

Chân Ngôn là: “Án, phộc nhật la đạt ma (Kim Cương Pháp) ma ha đạt ma ngột ly (Đại Pháp Âm) **Ám** (tràn khắp cả) **tát phộc đề bà nẵng nga** (tất cả Trời Rồng) **dược khất xoa** (Dạ Xoa) **duệ ế duệ tứ** (mau đến) **la khất xoa la khất xoa hàm** (ủng hộ) **sa phộc ha**” .

OṂ_ VAJRA-DHARMA MAHĀ-DHARMA HRĪḤ_ AṂ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA EHYEHI RAKṢA RAKṢA MĀṂ SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là***: “Nếu muốn triệu tất cả chư Thiên Thiện Thần, nên cầu nơi tay cầm cái Loa báu”.***

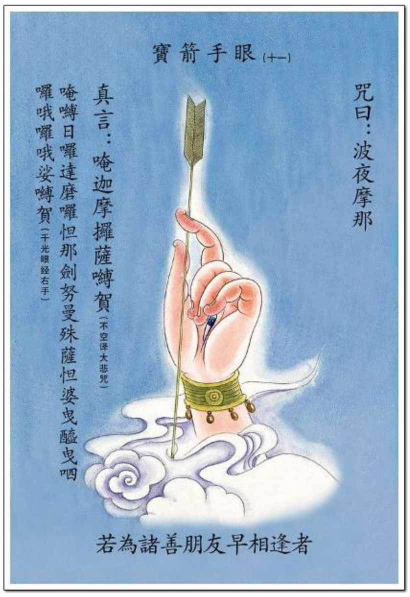
Chân Ngôn là: “**Án, thương yết lệ, ma hạ thảm mãn diệm, tát phạ ha**”.

OṂ (cảnh giác) SAṂKARE (chính tác) MAHĀ-SAMAYAṂ (Đại Bản Thệ) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Bảo Loa (Ratna-śaṅkha) là vật dùng để thổi, phát ra âm thanh lớn. Như phong tục của đất nước kia, khi người đi đường vào núi thổi loa kêu gọi bạn bè thì mọi người đều đến. Nay hô chư Thiên, Thiện Thần cũng vậy .

Hành Giả đặt một cái Loa báu trước Bản Tôn, tụng Chú sau đó chuyển sang bên phải ba lần rồi đặt trên tay trái , ghé miệng thổi. Xong phát **lời Thề lớn** (Đại Thệ) thì chư Thiên, Thiện Thần đến trừ tai chướng. Đây là Chính Đạo, hoặc ở núi rừng, hoặc ở một mình thì có thể tu Pháp này.

5. BẢO TIỄN THỦ (Tay cầm Mũi Tên báu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***“Nếu muốn được bạn lành, nên tu pháp Mũi Tên báu. Tượng Tốc Trực Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước không khác, chỉ có tay phải cầm Mũi Tên, đặt đầu mũi tên lên tay trái”*** .



Tướng Ấn là: Tay phải nắm quyền, bung ngón trỏ ngón giữa, dùng Ấn làm thế kêu gọi.

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **la đát na kiếm noa** (mũi tên báu) **man thù** (diệu âm) **tát đát bà** (chúng sanh) **duệ ế duệ tứ** (mau lại) **la ngã la ngã** (ái nhiễm, ái nhiễm) **sa phộc ha**".



OṂ_ VAJRA-DHARMA – RATNA-KAṆḌA MAṂJU-SATVA EHYEHI RĀGA RĀGA – SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: ***"Nếu muốn được mau gặp các bạn lành, nên cầu nơi tay cầm Tên báu".***

Chân Ngôn là: "**Án, ca ma lã, tát phạ ha**".



OṂ (nhiếp triệu) KAMALA (người bạn đời tuyệt hảo) SVĀHĀ (quyết định thành tựu)

Mũi Tên (KAṆḌA) là binh khí có tính nhanh chóng. Mũi tên có năm đức là:

1_Phi hành tự tại

2_Nhanh chóng

3_Cùng gặp (đích)

4_Đứng vững

5_Đã đứng thì không sửa đổi

Năm đức này biểu thị 5 đức tính của người bạn tốt là:

1_Quảng đại khoan hồng

2_Kịp thời bảo vệ bạn trong cơn nguy khốn

3_Thường luận bàn và xây dựng cho nhau

4_Luôn luôn nhã nhặn khiêm tốn với gia đình bạn

5_Có tinh thần bình đẳng và luôn luôn thành thật.

Lại nữa, mũi tên là dụng cụ của cây cung, tùy theo sức bật của dây cung mà mũi tên nhanh chóng đi xa hoặc gần.

Hiện tượng này biểu thị cho nghĩa "bạn lành"

Do cung tên luôn kết thành một đôi để dùng, nên biểu thị cho nghĩa thân cận của bằng hữu.

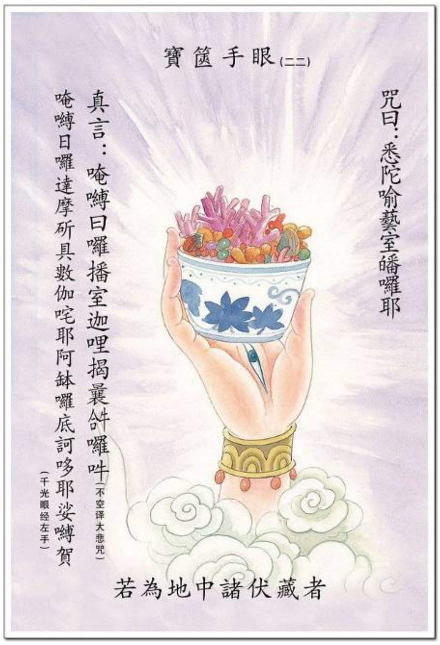
Ở phương Tây (Ấn Độ) người ta hay dùng mũi tên tặng bạn bè để tỏ tình thân ái.

Như vậy, mũi tên biểu thị cho ý "**tìm bạn lành**" và gọi là ***"ái nhiễm tiễn"*** (Rāga-kaṇḍa) như **Ái Nhiễm Minh Vương** (Rāga-vidya-rāja) dùng mũi tên Đại Bi (Mahā-kāruṇa-kaṇḍa) bắn các Ác Chướng của chúng sanh mà thành nghĩa **Kính Ái** (Vaśikaraṇa)

Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Bản Nguyện Từ Bi cầm Mũi Tên báu hiển thị cho nghĩa Pháp ***Kính Ái tác Ái Nhiễm***.

Hành Giả dùng hình Mũi Tên báu đặt trước Bản Tôn, tác niệm tụng Chú Đại Bi. Sau đó, dùng hai tay nâng mũi tên, tụng Chú thì mau chóng thành tựu.

6.BẢO KHIẾP THỦ (Tay cầm cái Rương báu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: "***Nếu muốn thấy kho tàng ở trong lòng đất, nên tu pháp cái Rương báu. Tượng Kiến Ẩn Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp uy quang như trên đã nói, chỉ có tay trái cầm cái Rương báu, tay phải làm thế mở nắp rương".***



Tướng Ấn là: Ngửa tay trái, đem tay phải che lên trên tay trái, tụng Chân Ngôn xong, sau đó mở nắp và buông Ấn.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **chước cụ số** (Con mắt chính) **già tra gia** (Khai mở) **bát la để ba dá gia** (không có các chướng ngại) **sa phộc ha**”.

OṂ_ VAJRA-DHARMA – CAKṢU JAṬĀYA APRATIHATĀYA- SVĀHĀ.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: “***Nếu muốn lấy được kho báu ẩn trong lòng đất, nên cầm nơi tay cầm cái Bảo Khiếp”*** **.**

-Chân Ngôn là: “**Án, phạ nhật ra bá thiết ca rị, yết nẳng hàm ra, hồng**”.

OṂ_ VAJRA-PĀŚE-KARI (Quy mệnh bàn tay cầm sợi dây Kim Cương) KANAKA-MĀLA HŪṂ (Thành tựu tràng hoa bằng vàng)

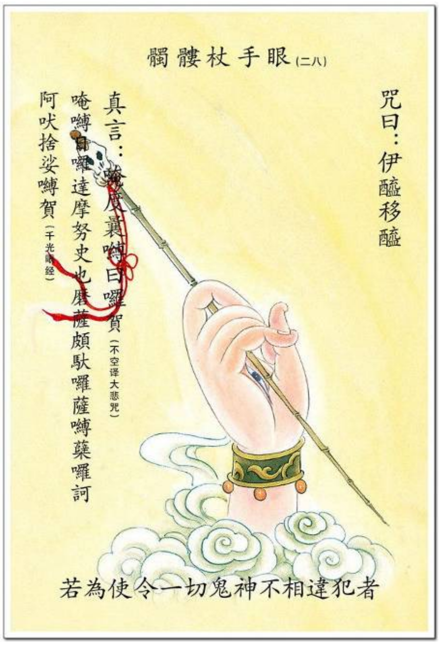
Bảo Khiếp là cái rương chứa châu báu. Theo phong tục Phương Tây (Ấn Độ) thì bậc Trưởng Giả giàu có thường đem châu báu bỏ vào cái rương nhỏ rồi đem chôn xuống đất, mà người Vô Trí ở đó chẳng có thể dùng được.

Cái rương có hình vuông biểu thị cho chữ A (𑖀) là thể của Tâm Tĩnh Bồ Đề. Chôn vùi dưới lòng đất biểu thị cho Triền Cái (ràng buộc ngăn che) Do đó cái rương báu này tuy chứa Như Lai Tượng Bảo nhưng vì triền cái vây quanh nên chẳng biết chẳng thấy. Nếu có bậc Trí Giả biết được vị trí của cái rương đào lên và mở ra thì thấy được châu báu. Điều này biểu thị cho kẻ tu hành, sau khi dứt trừ được Triền Cái thì khai thác được tâm Tĩnh Bồ Đề.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng bản nguyện Từ Bi, cầm cái rương báu nhằm khai thị cho chúng sinh nhìn thấy kho tàng chôn dấu trong lòng đất.

Hành Giả làm cái rương báu, đặt trước Bản Tôn, tụng Chú, xoay mở cái rương ra sẽ thấy các loại báu vật bị chôn vùi trong đất nghĩa là khai phát được Tâm Bồ Đề.

7.ĐỘC LÂU THỦ (Tay cầm cây gậy Độc Lâu)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: "***Nếu người muốn sai khiến tất cả Quỷ Thần, nên tác pháp Độc Lâu*** (cây gậy đầu lâu). ***Tượng Phộc Quỷ Quán Tự Tại Bồ Tát, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước đã nói, chỉ có tay phải cầm cây gậy Đầu Lâu, quyền trái đặt ở eo"*** **.**



Tướng Ấn là: Quyền trái đặt ở eo, co cánh tay phải đưa lên tác Kim Cương Quyền, dùng Ấn làm thế triệu mời .

Chân Ngôn là: "**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **noa sữ dã ma tát phả đà la** (đầu người chết) **tất phộc nghiệt la ha** (tất cả Quỷ) **A phộc xả** (thu nhiếp cột trói) **sa phộc hạ**".

OṂ_ VAJRA-DHARMA – MṚTA-MANUṢYA-MĀSPHA (đầu người chết) DHĀRA SARVA GRAHĀ (tất cả Quỷ chấp trì) AVIŚA (cột trói) SVĀHĀ (viên mãn tốt lành)

_Thiên Thủ Kinh ghi là: "***Nếu muốn sai khiến tất Quỷ Thần, nên cầu nơi tay cầm cây gậy Đầu Lâu"*** **.**

Chân Ngôn là: "**Án, độ nẵng, phạ nhật ra, xá**".

OṂ (Ba thân) DHUNA (giật lắc, chấn động) VAJRA HAḤ (nhân chủng Kim Cương)

Độc Lâu là xương đầu của người chết, là nơi Quỷ chấp dính vì thế độc lâu có nghĩa là Chấp Quỷ (dính với quỷ)

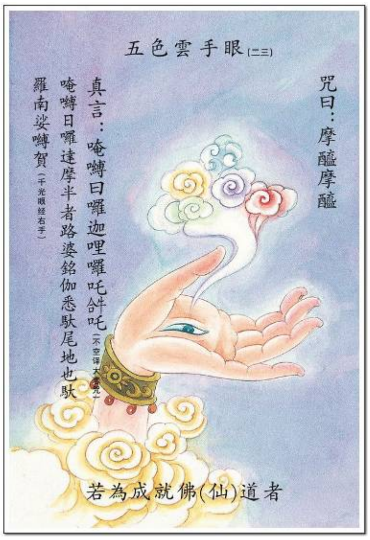
Từ ý nghĩa này mà sắc lệnh Quỷ Thần cũng như **Lỗ Đà La** (Rudra) đều ở chỗ giữ Độc Lâu, khiến ai trông thấy cũng sợ hãi.

Quỷ có ba loại là: Quỷ ở mặt đất, Quỷ trên hư không, Quỷ ở dưới nước. Do hàng phục ba loại Quỷ này mà trên Độc Lâu có đặt hình Tam Cổ .

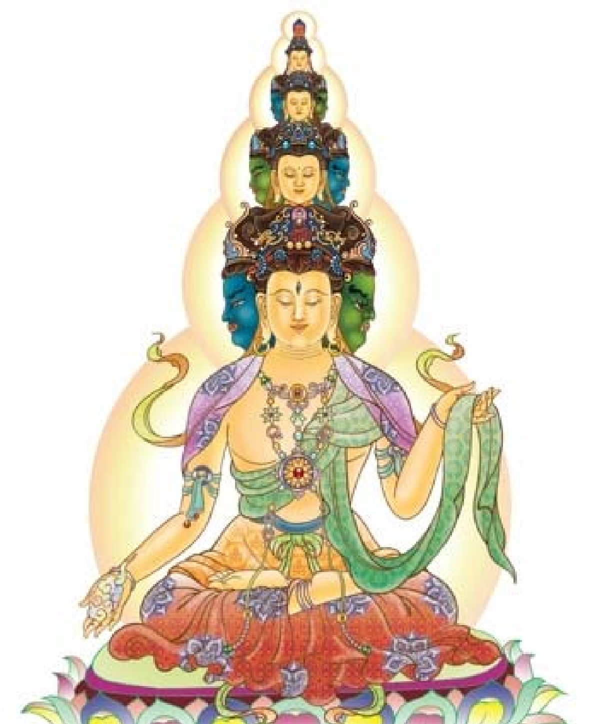
Bồ Tát Quán Thế Âm đem sức Thiện Căn Từ Bi dùng cây gậy Đầu Lâu biểu thị sự giáng phục Quỷ Thần, giúp cho chúng sinh xa lìa sự sợ hãi.

Hành Giả ở dưới ĐÀN, trước Bản Tôn tụng Chú thì các nhóm Quỷ Thần đều sợ hãi, riêng Hành Giả đạt được sự vô úy vậy .

8.NGŨ SẮC VÂN THỦ (Tay hóa Mây Ngũ Sắc)



_Thiên Quang Nhãn Kinh ghi là: ***Nếu người vì thành tựu pháp Tiên, nên tu pháp đám Mây Ngũ Sắc. Tượng Tiên Vân Quán Tự Tại, tướng tốt đẹp trang nghiêm như trước nói. Chỉ có tay phải cầm đám Mây Ngũ Sắc, tay trái nâng lên trên cầm thẳng cái áo khoác ngoài*** (thiên y) ***để mặc”***.



Tướng Ấn là: Hai tay phải trái kết Vũ Khế (ấn múa) làm tướng bay.

Chân Ngôn là: “**Án, phộc nhật la đạt ma** (Kim Cương Pháp) **bán giả lô ba minh già** (mây ngũ sắc) **tát đà tất địa dã đà la lam** (thành tựu Minh Môn) **sa phộc hạ**”.

OṂ_ VAJRA-DHARMA – PAṂCA-RŪPA-MEGHA- SIDDHA VIDYA-DHĀRAṆĀṂ- SVĀHĀ.

Ở hang núi nơi vắng vẻ, tác pháp niệm tụng đã một vạn tám ngàn (18000) biến xong sẽ được quả thành Tiên.

_Thiên Thủ Kinh ghi là: “***Nếu muốn được Đạo Tiên, nên cầu nơi tay hiện Mây Ngũ Sắc” .***

-Chân Ngôn là: “**Án, phạ nhật ra, ca rị, ra tra, hàm tra**”.

OṂ_ VAJRA-KARI (Quy mệnh Kim Cương Chưởng) RAṬ (quát hét) MAṬ (trì hoãn, chậm chạp)

Mây Ngũ Sắc (Paṃca-rūpa-megha) là điều lành kỳ lạ của đạo Tiên, biểu thị cho nghĩa: “Đạo Pháp được thành tựu, thành Ngũ Thông Tiên”. Năm màu là tinh sắc của năm Tạng (màu trắng thuộc lá phổi, màu vàng thuộc tuỵ tạng, màu đỏ thuộc trái tim, màu đen thuộc trái thận, màu xanh thuộc lá gan, nên biểu thị cho **thọ mệnh** (Āyuḥ) 14 chi, 5 tạng đều giúp ích cho sự mau chóng phát triển của thọ mệnh.

Trong Chân Ngôn tuy có nói về Đức của Diên Thọ (Sống lâu), nhưng trong 40 tay không có Diên Thọ Khế. Vì thế tay hóa hiện Mây Ngũ Sắc biểu thị cho Diên Thọ Khế.

Do tinh thần con người như mây nổi, nên Quán Thế Âm Bồ Tát dùng bản nguyện Từ Bi hóa hiện tay này để giữ lại không cho ly tán nhằm giúp cho chúng sinh được sống lâu và khoẻ mạnh như chư Thiên.

Hành Giả muốn thành tựu Pháp này thì phải vào nơi núi sâu rừng thẳm, ngưng ăn lúa nếp, thân cây Tùng với thảo dược, không phạm vào ba nghiệp ác, hướng về Bản Tôn, quán tưởng tay, tụng Chú từ một đến ba năm thì thành Trường Mệnh Tiên.

-Ngoài 40 tay này ra, Kinh **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni** có ghi nhận thêm hai tay nữa là:

1_CAM LỘ THỦ (Tay hóa nước Cam Lộ)



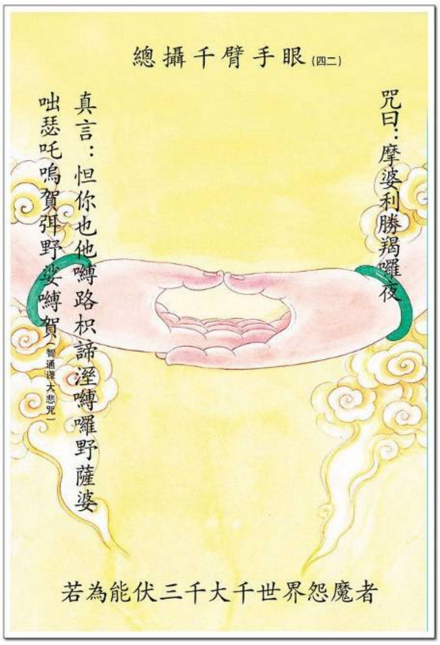
_Thiên Thủ Kinh ghi là: “***Nếu muốn cho tất cả loài hữu tình đói khát được no đủ mát mẻ, nên cầm nơi tay hóa Cam Lồ”*** .

Chân Ngôn là: “**Án, tô rô,bát tô rô, bát ra tô rô, tô rô, tô rô dã, tát phạ hạ**”.



OṂ (cảnh giác) SURU SURU (ban rải nước Cam Lộ) PRASURU PRASURU (ban rải nước Cam Lộ thù thắng) SURU (ban rải Cam Lộ) SURUYA (nhóm ban rải Cam Lồ) SVĀHĀ (viên mãn tốt lành)

2_TỔNG NHIẾP THIÊN THỦ ẤN:



_Thiên Thủ Kinh ghi là: “***Nếu muốn hàng phục Ma Oán trong cõi Đại Thiên, nên cầu nơi tay Tổng Nhiếp Thiên Thủ”***

-Chân Ngôn là: “**Đát nễ dã tha: phạ lô chỉ đế thấp phạ ra dã, tát bà đột sắt tra, ô hạ di dã, tát phạ ha**”



TADYATHĀ (Liền nói Chú là) AVALOKITEŚVARĀYA (Quán Tự Tại) SARVA-DUṢṬA UHA MIYA (phá hủy giết chết tất cả ác) SVĀHĀ (quyết định thành tựu).

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Đại Bi Tâm Đà La Ni (Mahā-kāruṇika-citta-dhāraṇī) là bài Chú căn bản minh họa Công Đức Nội Chứng của Đức **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara Bodhisatva). Bài Chú này có các tên gọi là: Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni, Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni… và thường gọi tắt là **Chú Đại Bi**

Theo Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni do Ngài **Già Phạm Đạt Ma** (Bhagavad-Dharma) dịch thì bài Chú Đại Bi có 9 tên gọi là:

1) Quảng Đại Viên Mãn Đà La Ni
2) Vô Ngại Đại Bi Đà La Ni
3) Cứu Khổ Đà La Ni
4) Diên Thọ Đà La Ni
5) Diệt Ác Thú Đà La Ni
6) Phá Nghiệp Chướng Đà La Ni
7) Mãn Nguyện Đà La Ni
8) Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni
9) Tốc Siêu Thánh Địa Đà La Ni

Nếu dựa vào Truyền Thống phổ thông thì Bài Chú Đại Bi này thường được xưng tán là **Tâm Chú** (Citta-mantra) của Đức Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhưng theo Truyền Thống Mật Giáo, hầu hết các bài Đà La Ni của các vị Quán Âm đều được xưng tán là Đại Bi Tâm Đà La Ni. Do vậy các Giáo Đồ Phật Giáo thường ngộ nhận bài Chú của Tôn này với Tôn khác.

Trong **Chư Môn Phổ Truyền Chân Ngôn Tập** do Ngài Tây Khang NẶC NA Hô Đồ Khắc Đồ truyền thụ và đệ tử **Ngô Nhuận Giang** biên thuật có ghi bài Đại Bi Tâm Chú là

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO BHAGAVATE MAHĀ-KARUṆIKĀYA-VAJRA-SĀRA PRAMARTHANI TATHĀGATĀYA ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OṂ_ DHARA DHARA_ DHIRI DHIRI_ DHURU DHURU_ INTE VANTE (? ITI VATI) _ CALE CALE_PRACALE PRACALE_SARVA KLEŚA SARVA KARMA ĀVARAṆANI_ ŚUDDHE ŚUDDHE_ VIŚUDDHE VIŚUDDHE_ GAGANA SVABHĀVA VIŚUDDHE_ SVĀHĀ

Bài Chú trên chính là Đại Chú của Thập Nhất Diện Quán Âm

Ngoài ra câu Chú OṂ MAṆI PADME HŪṂ cũng thường được gọi là Đại Bi Tâm Chú.

Theo sự khảo cứu của chúng tôi thì bài Chú Đại Bi thường dùng chính là Tâm Chú của Đức **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát** (Nīlakaṇṭha-avalokiteśvara Bodhisatva) và được lưu truyền dưới 2 dạng là bản dài với bản ngắn

1 Bản dài (Quảng Bản) được ghi nhận qua các bài: **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Đà La Ni** (Ngài Bất Không dịch), **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Nễ La Kiến Tha Đà La Ni** (Ngài Kim Cương Trí dịch), **Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni** (Ngài Chỉ Không dịch), **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Chú** (Ngài Kim Cương Trí dịch)

2) Bản ngắn (Lược Bản) được ghi nhận qua các bài: **Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Tự Tại Vương Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Tự Tại Thanh Cảnh Đại Bi Tâm Đà La Ni** (Ngài Bất Không dịch), **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi Tâm Đà La Ni** (Ngài Bất Không dịch), **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni** (Ngài Già Phạm Đạt Ma dịch)

Do các bản Chú Văn có nhiều loại phiên dịch nên chương cú cũng dựa theo các Kinh Văn mà có sự khác biệt kể cả số lượng câu và Phạn Ngữ. Có điều hầu hết các Kinh Bản ấy đều công nhận là tụng bài Chú này sẽ thành tựu 4 Pháp: Tức Tai, Tăng Ích, Giáng Phục, Kính Ái và Câu Triệu

Tức Tai (Śāntika) là Pháp tu tiêu trừ các bệnh nạn, việc ác của mình với người khác

Tăng Ích (Puṣṭika) là Pháp tu tăng ích về Trí Tuệ, Phước Đức, Thọ Mệnh của mình và người khác

Giáng Phục (Abhicāruka) là Pháp tu chiết phục các nhóm ác hoặc điều phục các kẻ ác

Kính Ái (Vaśikaraṇa) là Pháp tu cho mình và người khác được chư Phật gia hộ, hoặc muốn được Quân Vương và mọi người yêu thương giúp đỡ

Câu Triệu (Ākarṣaṇi) là Pháp Thỉnh Triệu Bản Tôn.Vì Pháp Câu Triệu thường được nhiếp trong Pháp Kính Ái nên chỉ nói 4 Pháp

Về nghĩa thú của Đà La Ni. Thông thường Hành Giả chỉ hiểu biết được qua lời giảng giải của Bậc **Đạo Sư** (Guru) và hoàn toàn thấu hiểu khi đã thâm nhập vào **Tất Địa** (Siddhi: Thành Tựu) của Đà La Ni. Ngoài ra vì 5 duyên cớ (Tâm Niệm bí mật, Nghĩa Lý bí mật, Danh Tự bí mật, Âm Thanh bí mật, sự Thiện Sinh bí mật) nên Đà La Ni không được phiên dịch hoặc giảng nghĩa. Do vậy, thông lệ cổ xưa là chỉ trao truyền câu chữ của Đà La Ni chứ không dạy nghĩa lý của Chú. Sự kiện này có lợi là nhờ Tâm an định , tin tưởng chí thành, nhất Tâm trì tụng Đà La Ni nên uy lực thầm kín của âm thanh Chú Ngữ tác động lên thân tâm mà Hành Giả dễ cảm ứng và mau chóng khế hợp với Bản Tôn Đà La Ni, thọ hưởng mùi vị của **Diệu Pháp** (Saddharma).

Tuy nhiên, đối với hàng căn cơ yếu kém chậm lụt thì sự định Tâm phóng Ý thường sai lệch với ý chỉ của Bản Tôn. Hoặc do Kinh Văn thừa thiếu, không đủ nghi tắc tu trì, thiếu nơi chốn thích hợp… nên hao tốn rất nhiều công phu mà thành quả gặt hái được chẳng đáng là bao! …Cuối cùng nhiều người đành buông bỏ sự tu trì Mật Pháp, thậm chí còn chê bai Chú Ngữ?! … Đấy là chưa kể đến việc chướng ngại qua sự chỉ trích của nhiều Hệ Phái khác như: ***"Tu Trì cái gì mà chẳng biết ý nghĩa của nó. Nào có khác chi kẻ tịt mũi cứ khen mùi hương của thực phẩm mà chính nình không ngửi được. Thật mê muội đáng thương!..."***

Điều nguy hại khác nữa là nương vào thông lệ "***Truyền âm chữ chứ không truyền nghĩa lý***" một số Tà Sư và Tà Thần đã chỉ dạy cho người tu học tụng trì những câu Chú Nguyện ***"Thề muôn đời làm nô lệ, tôi tớ chỉ phục vụ cho Thầy cho Thần"*** nên kết quả cuối cùng lại là sự đọa lạc muôn kiếp, khó có dịp thoát khỏi sự khổ đau trói buộc.

Lại nữa, nếu chỉ dựa vào âm chữ mà không thông hiểu nghĩa lý thì nhiều khi Hành Giả phải chịu sự tác dụng ngược của việc truyền thụ thiếu âm chữ của Chú

_ Như Kinh **Đại Cát Tường Thiên Nữ 12 Khế 108 Danh Vô Cấu Đại Thừa** do Ngài Bất Không dịch thì âm chữ Hán của câu 37 và câu 38 của bài Đại Cát Tường Chân Ngôn ghi là :

" Tát phộc lạc khất-sử nhĩ, bát-la xả ma ninh, sa-phộc ha "

Nếu chuyển âm theo Phạn Ngữ thì 2 câu trên được ghi nhận là :

SARVA LAKṢMI PRAŚAMANI SVĀHĀ (Tiêu diệt tất cả điều tốt lành, quyết định thành tựu)

Trong khi đó câu đúng phải là :

SARVA ALAKṢMI PRAŚAMAṆI SVĀHĀ (Tiêu diệt tất cả điều chẳng tốt lành, quyết định thành tựu)

_ Trong Bài Đại Bi Tâm Đà La Ni, câu 51 và câu 52, do Ngài Già Phạm Đạt Ma dịch, ghi là:

“ Bà dạ ma na, sa bà ha “

Chuyển theo Âm Phạn là BHAYA MAṆA SVĀHĀ (Quyết định thành tựu Tâm Ý sợ hãi)

Trong khi câu đúng là ABHAYA MAṆA SVĀHĀ (Thành tựu Tâm ý của bậc không sợ hãi)

Lý do truyền âm chữ bị thiếu này là khi dịch Âm Phạn ra Âm Hán, Dịch Giả đã lược bỏ âm liên kết của chữ trước với chữ sau và điều này thường xảy ra với nhiều bài Chú âm Hán

Ví dụ: Trong Bài Chú Đại Bi có ghi câu: “**Na mô A lị gia bà lô yết đế thước bát la gia”**

Phạn Ngữ của câu này được ghi là NAMAḤ ĀRYĀVALOKITEŚVARĀYA

Tách âm nghĩa là NAMAḤ (Kính lễ) ĀRYA (Thánh) AVALOKITEŚVARĀYA (Quán Tự Tại)

Do nhận thấy sự tai hại này, các Bậc Đạo Sư **phái Hoàng Mạo** (Gelugpa) của Tây Tạng thường truyền dạy một lúc cả âm chữ và nghĩa lý của bài Chú.Ngoài ra các vị ấy thường khuyên dạy là :

“Bạn phải xét cho kỹ cái Pháp mà bạn sẽ dùng làm Pháp Tu cho bạn. Nếu nó giúp cho bạn nhận ra rằng mọi Giáo Lý đều ăn khớp với nhau, mọi Kinh Điển đều trở thành những lời chỉ giáo giúp cho bạn dễ dàng tìm ra chân lý của Đức Phật và giúp bạn tự mình thoát khỏi những Tà Hạnh tệ nhất thì bạn hãy tu trì Pháp ấy”

Ngài **Sakya Pandit** có nói:

“_ ***Khi bạn kinh doanh buôn bán***
Như lái ngựa, buôn châu báu
Bạn nghi vấn đủ điều
Và bạn khám xét mọi mặt
Tôi thấy bạn cần mẫn làm sao
Với những việc vặt vãnh của đời này
_ Những đời tương lai, bạn tốt hay xấu
Đều tùy thuộc vào Pháp vi diệu
Ấy mà bạn xử sự với Pháp đó
Như con chó ngốn ngấu đồ ăn
Bạn thành kính đón nhận bất kỳ gì gặp được
Mà không xem trước cho kỹ
Để biết nó là Chánh hay Tà”

Kinh Dhamma Dôsa có ghi: “ ***Hãy đến đây, người Kâlâma! Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì ta nghe thấy có người ấy nói điều ấy một lần rồi. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy được truyền lại từ xưa. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy đã được đồn từ phương xa đến. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy được viết ra từ Kinh Sách. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì chính ta đã ước đoán và nêu ra như thế. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì chính ta đã suy diễn và nói ra như thế. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy hợp với những thành kiến của ta. Đừng chấp nhận điều gì chỉ vì tính cách có thể chấp nhận được của điều ấy. Đừng chấp nhận điều gì***

chỉ vì sự kính trọng của ta đối với người nói ra điều ấy…. Mà hỡi người Kâlâma! Chỉ khi nào tự các ngươi, các ngươi hiểu rõ ràng điều ấy đúng với Đạo Lý, không có gì để chê trách, lại được các Bậc thiện Tri Thức Thiện Tâm tán đồng và có khả năng mang lại an vui hạnh phúc chân thật, thì các ngươi phải thực hành đúng như điều ấy”

(Bản dịch của ông **Đoàn Trung Còn**)

Theo Mật Tông Phật Giáo thì **Đà La Ni** (Dhāraṇī: Tổng Trì) có diệu dụng là tạo ra sự suy nghĩ cho Hành Giả, giữ gìn và thâu tóm nghĩa lý làm tiền đề cho việc tham khảo của Hành Giả tức là Đề Mục của sự Trì Niệm Quán Tưởng nhằm đi vào Chính Định để phát sinh Trí Tuệ. Do vậy Đà La Ni còn được gọi là **Minh Chú** (Vidya-mantra) tức là bài Chú có ý nghĩa rõ ràng trong sáng nhằm nắm giữ Pháp Lành không cho tản mất (tức là Trì: Dhāra) chế ngự Pháp Ác không cho nổi lên (tức là cột trói: Bandha) và sinh ra mọi diệu dụng (tức Tất Địa: Siddhi). Lại nữa, do Tâm Nguyện Từ Bi, các bậc Chính Đẳng Chính Giác, Bồ Tát, bậc Thánh Giải Thoát thường tuyên phát Đà La Ni trong lúc nhập định nhằm hiển bày Thần Lực vi diệu giúp cho người Tu Hành mau chóng **Dứt Khổ trừ mê** nên Đà La Ni còn được gọi là **Thần Chú** (Mantra). Ngoài ra Đà La Ni còn diễn tả sự chân thật chân chính của một hay nhiều Giáo Pháp nên còn gọi là Chân Ngôn.

Như vậy, ngoài uy lực nhiếp trì gia hộ, Đại Bi Tâm Đà La Ni còn hàm chứa đường lối tu tập rõ ràng giúp cho Hành Giả nắm vững được Giáo Pháp giải thoát từ sơ học tiến dần đến quả vị Vô Thượng Bồ Đề.

Riêng về Nghi Quỹ tu Pháp **Đại Bi Tâm Đà La Ni** thì *Mật Tạng* có ghi nhận hai bản dịch là:

_ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Tu Hành Niệm Tụng Lược Nghi** (No.1066) do ngài Đại Quảng Trí **Bất Không** dịch.

Nội dung Kinh bản này nói về quy tắc giản lược về pháp tu hành niệm tụng lược bản **“Đại Bi Tâm Đà La Ni”** với phương cách Quán Tưởng, kết Ấn niệm Chân Ngôn.

_ **Kim Cương Đỉnh Du Già Thanh Cảnh Đại Bi Vương Quán Tự Tại Bồ Tát Niệm Tụng Nghi Quỹ** (No.1112) do Tam Tạng Pháp Sư **Kim Cương Trí** dịch

Nội dung Kinh bản này nói về quy tắc về pháp tu hành niệm tụng quảng bản **“Đại Bi Tâm Đà La Ni”** với phương cách Quán Tưởng, kết Ấn niệm Chân Ngôn.

Ngoài hai bản dịch trên, các bậc Đạo Sư Trung Hoa còn lưu truyền một số nghi thức niệm tụng **Đại Bi Chú** như **Đại Bi Chú Niệm Tụng Nghi Qui**, **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Chú Hành Pháp**, **Đại Bi Sám Pháp…..**

Người muốn tu trì Chú Đại Bi, trước tiên phải phát khởi Tâm cảm ơn sự trong sạch của nguồn Pháp, quy mệnh Bản Tôn Đại Bi Thanh Cảnh Quán Âm cùng với Thần Chú này. Tiếp theo khẩn cầu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát giúp đỡ chúng ta đến được cảnh giới viên mãn thanh tịnh, đập nát tất cả chướng ác. Ngoài ra chúng ta cần phải nhớ trì mười loại tướng mạo Đà La Ni này, nhằm tăng cường thêm cho uy lực của Chú Đại Bi.

1_ Tâm Đại Từ Bi: Đại Từ (Mahā-maitri) là giúp cho chúng sinh vui vẻ, Đại Bi (Mahā-kāruṇa) là nhổ sạch khổ đau của chúng sinh, cần phải đầy đủ Tâm Đại Từ Bi này mới gọi là **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**. Tâm Đại Từ Bi là từ trong Thể Tính của Pháp Giới sinh ra, là lực lượng được sinh ra trực tiếp từ trong Tâm Bồ Đề

2_ Tâm Bình Đẳng: Là biết tất cả Pháp Giới đều bình đẳng. Chư Phật, chúng sinh chẳng có sai khác, ta và Chư Phật ngang bằng không hai. Ta trì tụng Chú này tức là chư Phật cũng trì tụng Chú này, mà trong Tâm không có bất cứ ngã mạn nào, toàn bộ là ở sức Pháp Giới trì tụng Chú này, phân biệt căn bản không có ta cũng không có

Chư Phật. Ta trì tụng Chú này cúng dường tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh cũng phải nhận cúng dường của Đức Phật Đà. Tất cả bình đẳng, không có hai.

3_ Tâm Vô Vi: Vô Vi là không chấp trước, không tác ý, tự nhiên mà khởi, không cần theo thứ tự mà tiến lên, buột miệng nói ra; tự nhiên sinh khởi, Tâm không có chướng ngại, bấy giờ tức là **Vô Trụ Sinh Tâm**, Tâm Quá khứ, hiện tại, vị lai chẳng thể đắc. Vô Vi không chế tác, tự nhiên buột miệng mà niệm.

4_ Tâm không có nhiễm dính (Vô nhiễm trước): Không chấp dính cảnh giới của Chú Đại Bi, không chấp dính cảnh giới của chư Phật, không chấp dính cảnh giới của chúng sinh, không chấp dính hết thảy cảnh giới của Thần Thông, cũng không chấp dính vào công dụng của Chú Đại Bi, tất cả đều là **Như Huyễn** của Hiện Quán.

5_ Tâm Không Quán: Không Quán đó là như huyễn. Quán sát sự trống rỗng của Tính Duyên Khởi, Như Huyễn của Hiện Quán, đồng dạng cũng không có bất cứ sự nhiễm dính, ngay cả Chú Đại Bi cũng là **trống rỗng** (Śūnya: Không). Nhân vào Duyên của **trống rỗng** (Không) cho nên hay sinh khởi Chú Đại Bi.

6_ Tâm Cung Kính: Cho dù chúng ta biết rõ là trống rỗng, cho dù là như huyễn, cho dù là không nhiễm dính, nhưng đối với Chú Đại Bi vẫn có Tâm cung kính vô thượng, đối với Quán Thế Âm Bồ Tát có Tâm cung kính vô thượng, đối với chư Phật có Tâm cung kính vô thượng.

7_ Tâm Thấp Kém: Cho dù biết các Pháp bình đẳng không hai, nhưng không tự mãn, không tự cho là đủ, cúng dường Chú này. Nói chung giống như trái đất, cúng dường tất cả, Tâm không dâng lên cao.

8_ Tâm không có Tạp Nhiễm: Tâm không có tạp nhiễm là Định, buột miệng nói ra, an trụ vào trong Chú Đại Bi, Tâm không hỗn loạn bất cứ cái gì, an trụ ở cảnh giới **Đẳng Trì** (Samādhi) của Định Tuệ, là Tâm không có tạp nhiễm.

9_ Tâm không có Kiến Thủ: Kiến Thủ là ở trong pháp **Ngũ Uẩn** quên loại bỏ ngã chấp, loại bỏ sự dính mắc các Pháp. Tâm không có Kiến Thủ là tương ứng với Tâm **Không Quán**, Tâm không có Kiến Thủ là **Không Quán**, đó là khởi **Hiện Không**, không có chấp dính, niệm niệm chẳng thể đắc. Là pháp môn Vô Niệm, là pháp môn Bát Nhã, là Nhất Hạnh Tam Muội. Đi, đứng, ngồi, nằm trong Nhất Hạnh đều ở trì tụng Chú Đại Bi mà không có chấp dính; tuy độ tất cả chúng sinh mà quả thực không một chúng sinh nào được độ.

10_ Tâm Vô Thượng Bồ Đề: Cần phải phát khởi Tâm Vô Thượng Bồ Đề cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát và mười phương chư Phật đồng một Từ Lực, cùng với chúng sinh đồng một Bi Ngưỡng, đầy đủ Vô Thượng Bồ Đề, cứu độ tất cả chúng sinh.

Nếu hay như Pháp tụng trì Chú này, không những chỉ thông đạt Phật Pháp mà tất cả học vấn thế gian cũng đều hiểu biết hết, các loại Kinh Điển, Pháp Thuật cũng hay thông đạt, hay xua đuổi tất cả bệnh tật, cũng hay chế phục tất cả Thiên Ma và Quỷ Thần…. khiến cho không thể gây chướng ngại.



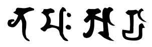
MAHĀ-KĀRUṆIKA-CITTA-DHĀRAṆĪ
ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI



1) Nam mô hạt la đát na đá la dạ gia

NAMO (Quy y) RATNA (Bảo, Vật báu) TRAYĀYA (Tam đẳng, ba nhóm)

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy y Tam Bảo



2) Nam moâ a lò gia

NAMAḤ (Quy mệnh, kính lễ) ĀRYA (Bậc thánh)

NAMAḤ ĀRYA: Quy mệnh Thánh



3) Bà lô yết đế thước bát la gia

AVALOKITA (Quán sát, xem xét) IŚVARĀYA (Đấng tự tại)

AVALOKITEŚVARĀYA: Quán Tự Tại



4) Bồ đề tát đỏa bà gia

BODHI (Giác tuệ, Phật Trí) SATVĀYA (Loài Hữu Tình)

BODHI-SATVĀYA : Bồ Tát (Bậc Giác Hữu Tình)



5) Ma ha tát đỏa bà gia

MAHĀ (Đại, to lớn) SATVĀYA (Loài Hữu Tình)

MAHĀ-SATVĀYA: Đại Giác Hữu Tình



6) Ma ha ca lô ni ca gia

MAHĀ (Đại) KĀRUṆIKĀYA (Bậc có Tâm Bi)

MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA: Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA: Kính lễ Đấng có đầy đủ Tâm Đại Bi là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát



7) Án

OM (Ba Thân, quy mệnh, cúng dường, cảnh giác, nhiếp phục)

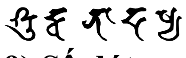
OṂ:Quy mệnh



8) Tát bà la phạt duệ

SARVA (Tất cả) RABHAYE (Cấp đẳng thường hay gánh vác đảm nhận công việc khó khăn)

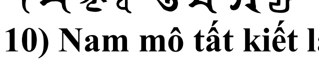
SARVA RABHAYE: Tất cả Thánh Tôn hay đảm nhận các công việc khó khăn



9) Số đát na đát tỏa

ŚUDDHA (Thanh tịnh) NĀDA (Âm thanh, âm giọng) ṢYA (Đẳng nhóm)

ŚUDDHA-NĀDASYA: Đẳng nhóm có âm thanh thanh tịnh. Câu này có nghĩa là: Vui vẻ dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU



10) Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a lị gia

NAMASKṚTVA (Quy y kính lễ) IMAṂ (của tôi) ĀRYA (Bậc Thánh)



11) Bà lô cát đế thất phật la lăng đà bà

AVALOKITEŚVARA (Quán Tự Tại) LAṂTABHA (Sự nâng nhấc, nơi cư ngụ)

NAMASKṚTVA IMAṂ ĀRYA-AVALOKITEŚVARA LAṂTABHA: Kính lễ **núi Bổ Đà Lạc Ca** (Potalaka:Hương sơn) là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát của tôi



12) Nam mô na la cẩn trì

NAMO (Quy Mệnh) NĪLAKAṆṬHA (Thanh Cảnh: Đấng có cái cổ màu xanh biểu thị cho Tâm Từ Bi Hiền ái của Bồ Tát Quán Tự Tại)

NAMO NĪLAKAṆṬHA: Quy mệnh Đức Thanh Cảnh Bồ Tát



13) Hê lị Ma ha bàn đá sa mế

HṚ (Nội tâm) MAHĀ (Đại) PATA (Ánh sáng) ŚAMI (Hàm chứa ngọn lửa)

HṚ MAHĀ-PATAŚAMI:Tâm Từ Bi hiền ái phóng tỏa ánh Đại Quang minh



14) Tát bà a tha đậu thâu bằng

SARVĀTHA (Khắp mọi nơi) DU (Đốt cháy) ŚUPHAṂ (Chiếu sáng)

SARVĀTHA DU ŚUPHAṂ: Đốt cháy khắp mọi nơi khiến cho chiếu sáng. Câu này biểu thị cho Vô Vi nghiêm tịnh.



15) A thệ dựng

AJIYAṂ (Không thể sánh, không thể vượt thắng hơn được)

AJIYAṂ: Vô tỷ Pháp, Vô tỷ Giáo



16) Tát bà tát đá na ma bà già

SARVA (Tất cả) SATVA (Hữu tình, kẻ có Tâm dũng mãnh) NĀMA (Danh xưng) BHAGA (Đức tính, đức hạnh, sự mong muốn hạnh phúc, hiệu lực, hiệu nghiệm)

SARVA SATVA NĀMA BHAGA: Tất cả Đức hạnh, danh xưng của bậc có Tâm dũng mãnh. Câu này biểu thị cho Phật Pháp rộng lớn vô biên



17) Ma phạt đặc đậu

MĀ (Đừng làm như vậy, đừng bỏ rơi) BHĀTI (Chói lọi rực rỡ) DU (Đốt cháy, Làm hư hỏng)

MĀ BHĀTI DU: Đừng làm hư hỏng sự chói lọi rực rỡ. Câu này biểu thị cho Bạn lành của Thế Gian mang thân cõi Trời (Thiên Thân Thế Hữu) khiến cho kẻ tu hành hết mê muội, giữ được Giới Thanh Tịnh

17 câu trên là phần: "QUY KÍNH TÔN ĐỨC MÔN"



18) Đát điệt tha

TADYATHĀ: như vậy, ấy là, liền nói Thần Chú là



19) Án, a bà lô hê

OṂ (Ba Thân, Quy mệnh, cảnh giác, cúng dường, nhiếp phục)

AVALOKI (Quán sát xem thấu khắp mọi nơi)
OṂ AVALOKI: Cảnh giác kêu gọi Đức Quán Thế Am

20) Lô ca đế
LOKATE (Hiểu biết, chiếu sáng)
LOKATE: Biểu hiện cho Thể Quang Minh

21) Ca la đế
KALATI (Tính đếm, trù hoạch, dự định, đặt để)
KALATI: Biểu thị cho lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn để hưng vượng sự nghiệp

22) Di hê lị
I (Kêu gọi vang lừng) HELIḤ (Mặt Trời , sự chiếu sáng một cách vô tư)
I HELIḤ: Thuận dạy Vô Tâm phổ hóa chúng sinh

23) Ma ha bồ đề tát đỏa
MAHĀ-BODHISATVA: Đại Bồ Tát

24) Tát bà tát bà
SARVA (tất cả)
SARVA SARVA: Hết thảy Phật Pháp Bình Đẳng làm lợi lạc cho tất cả Chúng Sinh

25) Ma la ma la
MĀLA (Chuỗi Anh lạc, tràng hoa biểu thị cho sự gom chứa Pháp lành)
MĀLA MĀLA: Tăng trưởng Thiện Pháp Như Ý cho ta và người

26) Ma hê ma hê lị đà dựng
MASĪ (Nhìn về , trông vào , xem xét) HṚDAYAṂ (Tâm Đẳng)
MASĪ MASĪ HṚDAYAṂ: Quán sát Tâm mình và Tâm người để tu thành thân Kim Cương Pháp được ngồi trên Toà Hoa Sen báu
9 câu trên là phần: "PHỔ CHỨNG ĐẠI BI TÂM MÔN"

27) Câu lô câu lô yết mông
KURU (Tác làm) KARMAṂ (Nghiệp Đẳng)
KURU KURU KARMAṂ: Làm Pháp tác dụng Trang Nghiêm, thổi Loa Pháp kết Giới, gieo trồng các Công Đức

28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế
TURU (Nhanh chóng vượt thoát) BHAṢI (Ngôn ngữ, giáo pháp) YATI (Điều khiển hướng dẫn)
TURU TURU BHAṢI YATI: Hướng dẫn giáo pháp nghiêm tịnh rộng khắp khiến cho ta và chúng sinh nhanh chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử
2 câu trên là phần: "TỊNH HÓA LỤC ĐẠO MÔN"


29) Ma ha phạt xà gia đế

MAHĀ-BHAṢI YATI: Hướng dẫn Đạo Pháp tối thượng rộng lớn hay giải thoát sinh tử khổ não chẳng bị các thứ độc làm hại

30) Đà la đà la

DHĀRA (Nhiếp trì, gia trì)

DHĀRA DHĀRA: Gia trì, gia trì

31) Địa lị ni

DHIRIṆI: Người Trì Chú (chẳng luận Nam Nữ)

32) Thất phật la gia

IŚVARĀYA (Tự Tại Đẳng)

IŚVARĀYA: Tự tại phóng ra Đại Quang Minh

4 câu trên là phần: "THIỆN MINH QUÁN ĐỈNH MÔN"

33) Giá la giá la

CALA (Lay động, tác động, hành động)

CALA CALA: Hiện tướng Đại Phẫn Nộ rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh

34) Ma ma phạt ma la

MAMA (Chỗ thọ trì của tôi) VIMALA (Xa lìa cấu nhiễm)

MAMA VIMALA: Chỗ thọ trì của tôi là nơi ly cấu tối thắng, là cảnh thâm diệu khó lường

35) Mục đế lệ

MUKTE: Giải thoát

36) Y hê di hê

EHYEHI (Khéo đến, khéo dạy dỗ)

EHYEHI: Thuận dạy, Tâm thuận theo các điều tự nhiên

37) Thất na thất na

ŚINA (Quân nhân, chiến sĩ. Người có Tâm Kiên Định)

ŚINA ŚINA: Tâm Đại kiên định sinh Đại Trí Tuệ

38) A la sâm phạt la xá lợi

ARASIṂ (Sự trống rỗng về cảm giác và mùi vị) BHALA (Trông thấy, chứng kiến) ŚARI (Loài thú hoang, mãnh thú, trực giác nhạy bén)

ARASIṂ BHALA ŚARI: Tu hành Pháp Thân thanh tịnh vượt ra khỏi các pháp chướng ngại (chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp) mà làm Bậc Pháp Vương ở Pháp Tự Tại

39) Phạt xa phạt sâm

BHAṢĀ (Ngôn ngữ, giáo pháp) BHAṢIṂ (Người thành thạo ngôn ngữ , người có Đạo Hạnh)

BHAṢĀ BHAṢIṂ: Kẻ Đạo Hạnh thành Đạo Chân Lạc



40) Phạt la xá gia

BHARA (Ủng hộ, tán trợ) ŚAYA (Ngọa, nằm. Dùng Pháp Y đắp thân nằm, chính niệm chính giác mà chẳng mất uy nghi)

BHARA ŚAYA: Tự tỉnh ngộ Bản Lai Diện Mục (Khuôn mặt xưa nay. Đây là thuật ngữ của Thiền Tông nhằm chỉ bậc đã kiến Tính)



41) Hô lô hô lô ma la

HULU (Nhanh chóng) PRA (Sự thắng thượng như ý)

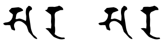
HULU HULU PRA: nhanh chóng làm pháp Như Ý Thắng thượng



42) Hô lô hô lô hê lị

HULU (nhanh chóng) ŚRĪ (Cát tường)

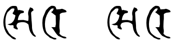
HULU HULU ŚRĪ: Nhanh chóng làm pháp Cát Tường tự tại



43) Sa la sa la

SARA (Kiên cố, bền chắc)

SARA SARA: Sức kiên cố, thật bền chắc



44) Tất lị tất lị

SIRI (Dũng mãnh thù thắng)

SIRI SIRI: Dũng mãnh thù thắng cát tường



45) Tô rô tô rô

SURU (Ban rải nước Cam Lộ)

SURU SURU: Ban nước Cam Lộ tế độ khắp cả chúng sinh



46) Bồ đề dạ, bồ đề dạ

BUDHIYA (Giác ngộ, tỉnh ngộ)

BUDDHIYA BUDDHIYA: Khiến cho khắp cả chúng sinh Giác ngộ tỉnh ngộ



47) Bồ đà dạ, bồ đà dạ

BUDDHĀYA (Tuệ giác, Trí giác)

BUDDHĀYA BUDDHĀYA: Khiến cho khắp cả chúng sinh đạt được Tuệ Giác Trí Giác

15 câu trên là phần: "THẦN LỰC GIA TRÌ MÔN"



48) Di đế lị dạ

MAITRIYA: Tâm Từ , ban vui cho người khác



49) Na la cẩn trì

NĪLAKAṆṬHA (Thanh cảnh, cái cổ màu xanh)

NĪLAKAṆṬHA: Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Đấng Hiền Thủ hay thương yêu kẻ hiền bảo vệ người lành



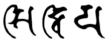
50) Tha lị sắt ni na
TRI (Ba) ŚARAṆA (sự cứng bén)
TRIŚARAṆA: cương quyết tu Đạo của Ba Thừa (Thanh Văn Giác, Độc Giác, Toàn Giác)



51) Bà dạ ma na
ABHAYA (Bậc vô úy) MAṆA (Tâm ý)
ABHAYA MAṆA: Tâm Ý của Đấng Vô Úy



52) Sa bà ha
SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn



53) Tất đà dạ
SIDDHIYA (Thành tựu đẳng)
SIDDHIYA: Pháp cởi bỏ danh lợi, nhận thức rõ các điều chân giả



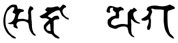
54) Sa bà ha
SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn



55) Ma ha tất đà dạ
MAHĀ-SIDDHIYA (Đại thành tựu đẳng)
MAHĀ-SIDDHIYA: Tất cả sự lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp



56) Sa bà ha
SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn



57) Tất đà dụ nghệ
SIDDHA (Thành tựu) YOGA (Du già, sự tương ứng)
SIDDHAYOGA: Thành tựu Du Già, tức là Pháp Vô Vi



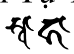
58) Thất bàn la dạ
IŚVARĀYA: Tự tại đẳng
Siddhayoga+ Iśvarāya = siddhayogeśvarāya



59) Sa bà ha
SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn



60) Na la cẩn trì
NĪLAKAṆṬHA: Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát biểu thị cho Công Đức nội chứng của Quán Tự Tại Bồ Tát là Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái



61) Sa bà ha
SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn



62) Ma la na la
PRA (Thắng thượng) VARĀHA (heo) MUKHĀYA (khuôn mặt)

PRAVARĀHA-MUKHĀYA: Khuôn mặt heo thắng thượng biểu thị cho Đạo Như ý thắng thượng vô lượng bền chắc

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

63) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖫𑖿𑖨𑖱 𑖭𑖰𑖽𑖮 𑖦𑖲𑖏𑖯𑖧

64) Tất la tăng a mục khư gia

ŚRĪ (Cát Tường) SIṂHA (Sư Tử) MUKHĀYA (Diện mạo, khuôn mặt)

ŚRĪ-SIṂHA-MUKHĀYA: Khuôn mặt sư tử cát tường biểu thị cho Tâm ái Hộ làm Đại Y Vương trừ các bệnh khổ não cho tất cả chúng sinh

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

65) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖦𑖮𑖯 𑖦𑖲𑖎𑖿𑖝𑖯𑖧

66) Sa bà ma ha a tất đà dạ

SARVA (Tất cả) MAHĀ (Đại, to lớn) MUKTĀYA (Viên ngọc)

SARVA MAHĀ-MUKTĀYA: Tất cả viên ngọc to lớn biểu thị cho Tất cả Pháp Đại Thừa vô thượng vô tỷ

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

67) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖓𑖎𑖿𑖨𑖯 𑖧𑖲𑖠𑖯𑖧

68) Giả cát la a tất đà dạ

CAKRĀ (Luân, bánh xe) YUDHĀYA (Cây gậy)

CAKRĀ YUDHĀYA: Đạo Thanh Tịnh vô thượng dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

69) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖮𑖭𑖿𑖝𑖯𑖧

70) Ba đà ma yết tất đà dạ

PADMA (Hoa sen hồng) HASTĀYA (Thủ đẳng, bàn tay)

PADMA-HASTĀYA: Liên Hoa Thủ Đẳng (chư vị cầm hoa sen trong bàn tay), tức là Pháp Thiện Thắng của hoa sen hồng hay giải thoát tất cả sự trói buộc của khổ não

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

71) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

𑖡𑖱𑖩𑖎𑖜𑖿𑖙 𑖫𑖒𑖿𑖏 𑖨𑖯𑖕

72) Na la cẩn trì bàn già la gia

NĪLAKAṆṬHA (Thanh Cảnh) ŚAṄKHA (vỏ ốc biểu thị cho cái loa Pháp) RĀJA (Vương, vua chúa)

NĪLAKAṆṬHA-ŚAṄKHA-RĀJA: Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát biểu thị cho sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ sự ách nạn sợ hãi

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

73) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

74) Ma bà lị thắng yết la dạ

MĀ (Đừng buông bỏ) VARI (Tâm nguyện) ŚAṄKARĀYA (Sự câu tỏa)

MĀ VARI ŚAṄKARĀYA: Đừng buông bỏ sự câu tỏa của Tâm nguyện tức là bản tính Đại chí đại dũng của hàng Bồ Tát

75) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn

28 câu trên là phần: "THÂM NHẬP ĐẠI BI TÂM MÔN"

76) Nam mô hạt la đát na đá la dạ gia

NAMO (Quy y , quy mệnh) RATNA (Bảo, vật báu) TRAYĀYA (Ba nhóm)

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy y ba báu: Phật, Pháp, Tăng

77) Nam mô a lị gia

NAMAḤ (Quy mệnh) ĀRYA (Thánh)

78) Bà lô cát đế

AVALOKITA (Quán , xem xét khắp nơi)

79) Thước bàn la dạ

IŚVARĀYA (Tự tại đẳng)

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA: Quy mệnh Đức Thánh Quán Tự Tại

80) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn công đức nội chứng

5 câu trên là phần: "HIỂN HIỆN ĐẠI BI TÂM MÔN"

81) Án tất điện đô

OṂ (Thân khẩu ý) SIDDHI (Thành tựu) YANTU (Ban cho)

(SIDDHI YANTU viết gọn lại thành SIDDHYANTU)

82) Mạn đá la

MANTRA: Thần Chú, Chân Ngôn

83) Bạt đà gia

PADĀYA: Câu cú

84) Sa bà ha

SVĀHĀ: Thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn

4 câu trên là phần: "THÀNH TỰU NIẾT BÀN MÔN"

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Việt dịch: HUYỀN THANH

1) Quy kính Tôn Đức Môn:

- Con xin quy y Phật Pháp Tăng thường ở khắp mười phương
- Con xin quy mệnh Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát
- Con xin quy mệnh tất cả các bậc Thánh thanh tịnh hay dạy lời triệu mời CHÍNH GIÁO THÁNH DIỆU
- Con xin kính lễ núi Bổ Đà Lạc Ca là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại
- Con xin quy mệnh Đấng Thanh Cảnh Bồ Tát là Bậc có Tâm từ bi hiền ái hay phóng tỏa ánh quang minh vô vi nghiêm tịnh, dạy Pháp không thể sánh là Phật Pháp rộng lớn vô biên khiến cho kẻ tu hành hết si mê giữ được giới thanh tịnh

2) Phổ chứng Đại Bi Tâm Môn:

Như vậy:

- Hỡi Đức Quán Thế Âm! Ngài là bậc Đại Bồ Tát biểu hiện cho Thể Quang Minh, thường mang lòng Bi Mẫn cứu khổ cứu nạn hóa độ khắp cả chúng sinh
- Xin Ngài đem Phật Pháp bình đẳng làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh , giúp cho họ tăng trưởng Thiện Pháp Như Ý Thắng Thượng, tu thành thân Kim Cương, ngồi trên tòa hoa sen báu.

3) Tịnh hóa Lục Đạo Môn:

- Xin Ngài làm Pháp tác dụng trang nghiêm, thổi Loa Pháp kết giới khiến cho chúng sinh gieo trồng Công Đức, tu hành theo Giáo Pháp Nghiêm Tịnh rộng khắp để mau chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử.

4) Thiện Minh Quán Đỉnh Môn:

- Xin Ngài đem Pháp Tối Thượng rộng lớn gia trì cho người trì Chú, khiến họ được Pháp Quang Minh tự Tại.

5) Thần Lực Gia Trì Môn:

- Xin Ngài hiện tướng Đại Phẫn Nộ, rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh, hiển hiện Đạo Cảnh Ly Cấu Tối Thắng thâm diệu khó lường, khiến cho người tu Pháp Giải Thoát thuận theo các điều tự nhiên, mau chóng kiên định Đạo Tâm, sinh Trí Tuệ lớn, tu thành Pháp Thân thanh tịnh, vượt ra kh`ỏi các Pháp chướng ngại (chứng ngộ sự trống rỗng của các Pháp) mà làm Bậc Pháp Vương ở Pháp tự tại.
- Xin Ngài hãy khiến cho người có Đạo Hạnh tự chứng ngộ được Bản Lai Diện Mục
- Xin Ngài làm Pháp Như Ý Thắng Thượng, Pháp Cát Tường Tự Tại và đem sức kiên cố dũng mãnh thù thắng rưới nước Cam Lộ bất tử, tế độ khắp cả chúng sinh khiến cho họ giác ngộ thành đạt Trí Giác.

6) Thâm nhập Đại Bi Tâm Môn:

- Xin Đấng Đại Từ Thanh Cảnh Bồ Tát hãy thương yêu kẻ hiền, bảo hộ người lành khiến cho họ cương quyết tu hành Đạo của Ba Thừa, thành tựu viên mãn Tâm Ý của Đấng Vô Úy và thành tựu mọi sự như:

.) Thành tựu viên mãn Pháp cởi bỏ danh lợi và nhận biết rõ các điều chân giả

.) Thành tựu viên mãn tất cả điều lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp

.) Thành tựu viên mãn Pháp Du Già Tự Tại

.) Thành tựu viên mãn Chính Pháp vô lượng Từ Bi hiền ái của Đức Thanh Cảnh Bồ Tát

.) Thành tựu viên mãn Đạo Như Ý Thắng Thượng bền chắc

.) Thành tựu viên mãn Pháp Đại Y Vương hay trừ bỏ các bệnh khổ não cho chúng sinh

.) Thành tựu viên mãn Đạo Vô Thượng thanh tịnh, dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục ma oán

.) Thành tựu viên mãn Pháp Thiện thắng của hoa sen hồng để thoát khỏi sự trói buộc của khổ não

.) Thành tựu viên mãn sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ mọi ách nạn sợ hãi của Đấng Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát

.) Thành tựu viên mãn bản tính Đại Chí Đại Dũng của Bậc Đại Bồ Tát.

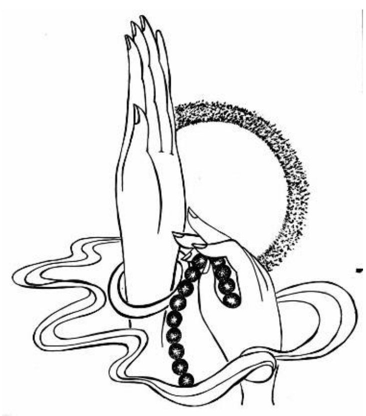
7) Hiển hiện Đại Bi Tâm Môn:

- Nay con xin quy y ba Báu Phật Pháp Tăng

- Nay con xin quy mệnh công đức nội chứng của Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát.

8) Thành tựu Niết Bàn Môn:

- Nguyện cho thân khẩu ý của con mau chóng tương ứng với sự thành tựu Chân Ngôn cú để thọ hưởng mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn.



NGHĨA LÝ CĂN BẢN CỦA CHÚ ĐẠI BI

I _ QUY KÍNH TÔN ĐỨC MÔN

NAMO RATNA-TRAYĀYA
Con xin quy y Phật, Pháp, Tăng thường ở khắp mười phương

Phàm là con người, chúng ta thường hướng ra phía ngoài quan sát vạn vật để thâu lượm kiến thức rồi lại dựa trên những kiến thức đó đánh giá mọi hiện tượng theo quan điểm riêng của mình. Chính vì thế cho nên bản chất chân thật của vạn vật đã bị che mờ và muôn vật, muôn sự đã chồng chất kết hợp cùng nhau tạo dựng cho chúng ta một **cái Tôi** (Ātma) chứa đầy tham dục, sân hận, si mê. Do chiều theo cái Tôi đó, chúng ta tự kéo mình lao vào cái vòng lẩn quẩn ***"Hạnh phúc, khổ đau"*** mà phần lớn là đón nhận sự buồn phiền, đau khổ. Đôi khi vì quá đau buồn, chúng ta khởi tâm tìm kiếm sự sung sướng hạnh phúc hơn. Nhưng khi va chạm vào thực tế phũ phàng, chúng ta lại cảm thấy mình quá yếu đuối, nên vội tìm một nơi nương tựa.

Hoặc có người nương tựa vào danh vọng, quyền lực, tiền tài của hàng vua chúa, quan quyền, trưởng giả. Hoặc có người đắm mình trong biển mộng yêu đương. Hoặc có người lao vào Thế Giới huyền linh thần bí để mong cầu Thế Giới này ban cho sự an nhàn hạnh phúc ở Thế Gian hay ở Thiên Đường, Bồng Lai Tiên Cảnh, Cực Lạc… Thế nhưng hầu hết con người đều không thật biết rằng mọi chỗ nương tựa ấy chỉ tạm thời hiện hữu rồi lại được thay thế bởi một chỗ nương tựa khác tùy theo sự mong muốn củaTâm Thức chúng ta: ***"Khi chưa đạt được thì Tâm Thức ta khát khao đòi hỏi nhưng khi đạt được rồi thì Tâm Thức ta lại chán chường buông bỏ và lại tìm cầu mong mỏi mục tiêu khác"***. Chính vì các vọng tưởng luôn thay đổi hình thức từ Thô đến Tế, luôn chuyển biến tùy theo Tâm Thức khát ái vị kỷ nên chúng ta phải chịu tái sinh trong 6 nẻo để thọ nhận mọi cảm giác vui, khổ và không biết đến bao giờ chúng ta mới thực sự nhận được niềm hạnh phúc an lạc đích thực.

Hiện tượng *"Được điều này lại mong điều khác"* thường được các bậc Cổ Nhân minh họa qua các câu chuyện Truyền Kỳ: Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai, Từ Thức gặp Giáng Tiên… nhằm diễn tả ước vọng của con người là mong muốn đến cõi Tiên nhưng khi đến được rồi lại luyến nhớ cõi Trần và nhất quyết quay về chốn Nhân Gian, sau đó lại chán chường muốn lánh Tục tìm Tiên.

Nếu xét cho kỹ hơn, trong vòng Luân Hồi từ vô thủy, chúng ta đã từng trải qua mọi lạc thú của cõi Trời rồi lại nếm mùi đau khổ cùng cực của cõi Địa Ngục, sự kiêu hãnh của người chiến thắng và sự lo sợ lẫn tránh tai họa của loài vật, sự no say trong các bữa tiệc trưởng giả và sự đói khát thèm thuồng của loài Quỷ đói, sự vinh hoa uy quyền của vua chúa và sự tủi nhục cô đơn của kẻ tôi đòi, sự đắc chí chiếm đoạt và sự buồn thảm mất mát của loài A Tu La, chúng ta đã từng có thân thể tỏa sáng của Thần Mặt Trời và cũng đã chịu kiếp sống đen tối của cõi Hắc Ám….Cứ lang thang không mục đích chân thực như thế thì làm sao mới biết được nơi nào mới thật là chỗ đáng cho ta nương tựa ? !...

Lục đạo luân hồi đã chán chê
Ngàn muôn ức kiếp chỉ cơn mê
Có, Không nào biết đâu là thật ?
Chẳng nẻo nào đi, chẳng lối về !...

Do quá mệt mỏi với sự luân chuyển triền miên trong biển sinh tử, chúng ta sẽ phát khởi Tâm Ý tìm cầu phương pháp chân thật để vượt thoát sự khổ đau bất toàn của vòng luân hồi. Nhưng vì quá hấp tấp, chúng ta vội vàng lao vào thực hiện các phương cách: Lễ bái cầu xin, ăn chay ép xác, tu khổ hạnh, luyện Thiền, luyện Tinh Khí Thần, cầu Phật, cầu Trời, cầu Thần Thánh… để mong mỏi đạt được sự an nhàn hạnh phúc mà không chịu thành thật quan sát xem Tâm Thức của mình có thực sự muốn giải thoát không? Hay mọi mong ước chỉ là biến tướng của Tâm Ngã Ái, Tâm Tham Dục!… nên mọi công lao đổ ra , cuối cùng vẫn chỉ nhận lấy Quả Báo tái sinh trong 6 nẻo.

Thật ra mọi cảm giác hạnh phúc hay đau khổ của chúng ta ngay trong đời hiện tại chỉ là những trạng thái tạm thời của Tâm Thức mà thôi vì sự vui thích của người này có thể là sự kinh tởm của người khác. Ví dụ: Thịt chuột đồng là món ăn khoái khẩu của người này nhưng lại là món ăn ghê sợ của người khác, các ổ bánh mì đen là bữa ăn đầm ấm của những kẻ nghèo khổ đói khát nhưng lại là món ăn khó nuốt của những người giàu có no đủ. Chính vì thế sự an lạc chân thật chỉ xuất hiện trong Tâm Thức của người có cái nhìn vạn vật như thật. Nói cách khác khi một người đạt được sự sáng suốt, định tĩnh, trong lành thì mới có khả năng chứng thực được niềm hạnh phúc an lạc tối thượng.

Theo các bậc Đạo Sư thì sự sáng suốt, định tĩnh, trong lành chính là 3 Báu vốn có sẵn trong Tâm Thức của mỗi một chúng sinh. Trong đó **sự sáng suốt** (Budhi) được gọi là Tuệ Giác hay Phật Bảo, **sự định tĩnh** (Samādhi) hay Tâm Thức vắng lặng trong suốt được gọi là Pháp Bảo, **sự trong lành** (Viśuddhe) hay Tâm Thức vượt thoát tham dục phiền não được gọi là Tăng Bảo. Ba báu này còn được nói gọn lại là: **Phật** là *Giác,* **Pháp** là *Chính,* **Tăng** là *Tịnh*. Chính vì lý do này, Đức Phật đã tuyên bố: "***Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành"***

Có điều khi đang là Phàm Phu, Tâm Thức chúng ta thường âm thầm tuân theo sự Chấp Ngã nên 3 độc Tham, Sân, Si luôn thay đổi nhau che lấp 3 Báu vốn có này khiến cho chúng ta khó có thể trực nhận được trạng thái giải thoát phiền não khổ đau. Thế nên để có thể giúp cho mọi chúng sinh tự đánh thức được 3 Báu (sáng suốt, định tĩnh, trong lành) vốn có của mình, các bậc Đạo Sư đã dùng 3 Báu bên ngoài tạo thành những biểu tượng kết tinh và dẫn dắt những lời cầu nguyện của người Phật Tử chân chính, người đang mong mỏi vượt thoát sự trói buộc của vòng sinh tử khổ đau, đó là 3 Báu: Phật (Buddha) Pháp (Dharma) Tăng (Sañgha)

Phật (Buddha): Là bậc có Trí Tuệ viên mãn, thông hiểu lý sự chân thật của vạn vật, hoàn toàn vượt thoát mọi sự khổ đau trói buộc của vòng sinh tử luân hồi, hoàn thành công hạnh ***"Tự Giác, Giác Tha, Giác Hạnh viên mãn".*** Thông thường Đức Phật bên ngoài được minh họa qua các Tôn Tượng với hình thức Xuất Gia, có đầy đủ mọi tướng tốt mọi vẻ đẹp đoan chính trang nghiêm hàm chứa 3 đặc tính: Trí Tuệ, Từ Bi, Vị Tha.

Pháp (Dharma): Là sự an định sâu xa nhất của một vật thể tức là cái duy trì được Tự Tính của nó khiến cho người ta nhận ra được nó là cái gì. Trong Tam Bảo, **Pháp** là đường lối giúp cho người tu hành chứng đạt được sự giải thoát sinh tử luân hồi. Thông thường, Pháp Bảo bên ngoài được minh họa qua Kinh Điển, Pháp Khí, ngôn ngữ dạy đạo, phương cách tu tập.

Tăng (Sañgha): dịch nghĩa là **Chúng**, tức là những người có cuộc sống trong sạch hoà hợp, luôn tinh tiến tu tập giáo pháp giải thoát nhằm đào tận phiền não, điều phục thân tâm vượt thoát Tham Dục dứt trừ Ngu Si. Trong Tam Bảo, **Tăng** là bậc ***"Trên cầu Bồ Đề, dưới hóa độ chúng sinh"***. Thông thường, Tăng Bảo bên ngoài

được minh họa qua các vị Xuất Gia, cạo tóc, mặc áo Cà Sa, thọ đủ 250 Giới và có khả năng giáo hóa hay nêu gương tốt cho người cầu đạo.

Do vậy, 3 Báu bên ngoài là **Phật** (các Đấng Giác Ngộ) **Pháp** (Chân lý đưa tới Giác Ngộ) **Tăng** (những người đang tiến bước trên con đường Giác Ngộ, chứ không nhằm chỉ riêng cho người xuất gia) được xem là 3 vật Báu tôn quý nhất trong Thế Gian và là ruộng Phước cho những người học Phật nương tựa vào đó để Tác Ý tu sửa thân tâm, vượt thoát sự đọa lạc trong các nẻo ác.

Tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào Tam Bảo với Tâm Ý ỷ lại thì thật là sai lầm vì Chư Phật không thể đưa tay ban phép để rửa sạch tội lỗi cho chúng Hữu Tình hay trao cho sự Giác Ngộ tối thượng mà chính họ phải tự làm lành lánh dữ, tự tịnh hóa Tâm Thức để dứt trừ 3 độc Tham, Sân, Si thì họ mới có thể giải thoát sinh tử khổ đau được.

Một bản Kinh Tây Tạng có ghi:

Chư Phật không rửa sạch tội lỗi
Không đưa tay ban phép
Để cho Hữu Tình bớt khổ đau
Không trao sự chứng ngộ Chân Như của Ngài
Ngài giải thoát con người
Bằng Giáo Lý về Chân Như

Cũng như Đức Phật đã dạy: ***"Ta chỉ là người dẫn đường, vạch rõ phương cách cho chúng sinh đi đến nẻo giải thoát. Nhưng đi hay không là tự chúng".***

Bình thường, do chấp trước vào những biểu tượng của 3 Báu bên ngoài. Rất nhiều người tu hành đã phân chia Đức Phật này Đức Phật kia, Pháp nhỏ, Pháp lớn, Thánh Tăng Phàm Tăng hoặc Tăng của Hệ Phái này Tăng của Hệ Phái kia… rồi nhận định rằng: Đức Phật này mới đáng phụng thờ vì Ngài có thật, Đức Phật kia không đáng phụng thờ vì không có thật. Kinh Pháp này mới đáng phụng hành vì đây mới chính là lời Phật dạy, Kinh sách kia không đáng noi theo vì nó do người đời sau sáng tạo. Pháp này là Pháp lớn là Pháp tối thượng tương ứng với kẻ có căn cơ cao cả, chỉ cần khởi tâm tu theo sẽ mau chóng đạt được Quả Vị tối thượng còn Pháp kia là Pháp nhỏ là Pháp hạ liệt tương ứng với người có căn cơ thấp kém, nếu tu theo Pháp ấy sẽ làm hư hỏng hạt giống Phật… Chư Tăng có hình tướng như thế này mới đúng là tu sĩ Phật Giáo, chư Tăng có hình tướng như thế kia là Ngoại Đạo trá hình. Chư Tăng này là Thánh Tăng cần phải đảnh lễ còn các vị Tăng kia là Phàm Tăng nên chẳng cần lễ bái… Chính vì những nhận định khác nhau thậm chí còn trái ngược hẳn nhau về một Pháp tu hành đã gây nên sự bối rối khó khăn cho những người có Tâm hâm mộ Phật Giáo khiến cho họ chẳng biết phải tin ai? Chẳng biết phải tin vào Giáo Pháp nào? Chẳng biết nên tu theo Giòng Phái nào? … Vì điều nào, Pháp nào, Phái nào cũng có lý lẽ riêng của mình.

Nếu bình tâm suy xét, chúng ta có thể nhận thấy rằng bất kỳ Hệ Phái nào của Phật Giáo đều cho rằng Phật Pháp có đến 84.000 Pháp Môn như Hệ Phái Nam Truyền ghi nhận là : Kinh Tạng chứa 21.000 Pháp môn, Luật Tạng chứa 21.000 Pháp môn, Luận Tạng chứa 42.000 Pháp môn. Nhưng cho đến ngày nay chẳng một Hệ Phái nào có thể liệt kê đầy đủ 84.000 Pháp Môn ấy.

Về Chư Phật thì mọi Hệ Phái đều công nhận 7 vị Phật quá khứ là: **Tỳ Bà Thi Phật** (Vipaśyin), **Thi Khí Phật** (Śikhi), **Tỳ Xá Phù Phật** (Viśvabhū), **Câu Lưu Tôn Phật** (Krakucchanda), **Câu Na Hàm Mâu Ni Phật** (Kanaka-muṇāye), **Ca Diếp Phật** (Kāśyapa), **Thích Ca Mâu Ni Phật** (Śākyamuṇi) *[Đối với chúng ta thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Đức Phật hiện tại]* một vị Phật tương lai là **Di Lặc Phật** (Maitreya) đồng thời hệ phái nào cũng công nhận có vô số Phật.

_Kinh **Chánh Giác Tông** (Buddhavaṃsa) do Hòa Thượng **Bửu Chơn** soạn dịch có ghi nhận tên gọi một số Đức Phật trong ba đời là:

"25 Đức Phật thời quá khứ: **Tanhankara**, **Medhankara**, **Saranankara**, **Dipankàra**, **Kondanna, Sumangala, Sumana, Revata, Sobhita, Anomadassì, Paduma, Nārada, Padumuttara, Sumedha, Sujāta, Piyadassī, Atthadassī, Dhammadassī, Siddhattha, Tissa, Pussa, Vipassī** (Tỳ Bà Thi)**, Sikhī** (Thi Khí), **Vessabhū** (Tỳ Xá Phù)

4 Đức Phật thời hiện tại: **Kakusandha** (Câu Lưu Tôn)**, Konagamana** (Câu Na Hàm Mâu Ni), **Kassapa** (Ca Diếp) [3 Đức Phật này cộng chung với 25 Đức Phật trước thành 28 Đức Phật quá khứ]), một Đức Phật hiện tại là **Gotama** (tức Đức Phật Thích Ca Mâu Ni).

10 Đức Phật thời vị lai: **Mettayya** (Di Lặc), **Rāmadeva, Dhammarājāmuṇi** (chính là vua Ba Tư Nặc thành Phật), **Dhammasāmi** (chính là Ma Vương thành Phật), **Nàrada** (chính là A Tu La Chủ: Rahula-asurin thành Phật), **Rangsimuṇi** (chính là Sona-brāhma hành Phật), **Devadepa** (chính là Subha-brahma thành Phật), **Narasimuṇi** (chính là Totī-brahma thành Phật), **Tissa** (chính là voi Nālāgiri thành Phật), **Sumangana** (chính là voi Pālilāya thành Phật)"

_Kinh Nhật Tụng, phần ***Lễ Bái Chư Phật*** của hệ thống Nam Truyền có ghi nhận rất nhiều vị **Chính Biến Tri** (Sammāsaṃbuddha: Chính Đẳng Chính Giác) nhưng không ghi rõ tên hiệu của một vị nào.

_ Kinh Điển của hệ thống Bắc Truyền thì ghi nhận rất nhiều danh hiệu Phật và công nhận có vô lượng vô số Phật. Riêng hệ thống Mật Giáo thì thường tập trung vào 5 vị Phật là: **Đại Nhật Phật** (Vairocana), **Bất Động Phật** (Akṣobhya), **Bảo Sinh Phật** (Ratna-saṃbhava), **Vô Lượng Quang Phật** (Amitābha), **Bất Không Thành Tựu Phật** (Amogha-siddhi), hoặc **Đại Nhật Phật** (Vairocana), **Bảo Tràng Phật** (Ratna-ketu), **Khai Phu Hoa Vương Phật** (Suṃkuṣumitarāja), **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyuḥ), **Thiên Cổ Lôi Âm Phật** (Divya-duṇḍubhi-megha-nirghoṣa), và gọi chung là ***Ngũ Trí Như Lai***. Hệ thống Tịnh Độ thường tập trung vào Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha hay Amitāyuḥ)

Về Giáo Pháp thì mọi Hệ Phái đều công nhận các Pháp cốt lõi cần phải thông hiểu là: Nhân Quả, Nhân Duyên, Vô Thường, Khổ não bất toàn, Vô Ngã, Danh Sắc, 3 Độc, 5 Uẩn, 6 Xứ, 12 Xứ, 18 Giới, 4 Đế, 12 Duyên, 37 Phẩm Trợ Đạo, Pháp Ba La Mật… và mọi Pháp thông biệt đều không ra khỏi 3 Đạo Lộ chính đưa đến sự giải thoát luân hồi sinh tử là: Thanh Văn Giác, Độc Giác (hay Duyên Giác), Toàn Giác

THANH VĂN GIÁC (Śrāvaka buddhi) là lý tưởng A La Hán Đạo. Người nào có nguyện vọng nhàm chán sinh tử, ước muốn vượt thoát vòng luân hồi khổ đau để chứng nhập Niết Bàn thì thường phải đi tìm sự dẫn dắt chỉ bảo của một bậc Đạo Sư cao thượng đã chứng ngộ Đạo Quả, đồng thời những người đi theo lý tưởng này cần phải gia công tu tập xóa bỏ mọi hình thức ***"Vị kỷ Ngã chấp"*** cho đến khi hoàn toàn diệt tận gốc rễ năng lực trói buộc của **Tham** (Rāga hay Lobha), **Sân** (Dveṣa), **Si** (Moha hay Avidya: Vô Minh) thì mới thành tựu nguyện vọng. Các vị A La Hán (Arahat) đều có đủ tư cách truyền dạy Giáo Pháp giúp cho kẻ khác tự thanh lọc. Gội rửa bợn nhơ chứng ngộ Chân Lý.

ĐỘC GIÁC (hay DUYÊN GIÁC: Pratyeka-buddhi) Là lý tưởng khai minh giác ngộ đơn độc của một người tự lực cố gắng tiến đến Đạo Quả không nhờ một ai dạy dỗ hay giúp bảo. Do đặc tính đơn độc giác ngộ nên chư Phật Độc Giác khó dẫn dắt người khác đến nơi giác ngộ bằng đường lối đơn độc giác ngộ được, ngoại trừ kẻ có công hạnh giống như Ngài. Thông thường các Ngài chỉ nêu gương Đức Hạnh và Trí Dũng. Hơn nữa Chư Phật Độc Giác chỉ ra đời giữa lúc không có Phật Pháp (Giáo Pháp của

vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác: Anuttarā-samyaksaṃbuddha) và cùng một thời kỳ có thể xuất hiện nhiều vị Độc Giác Phật trên quả địa cầu này. Riêng hệ thống Bắc Truyền thì nhận định rằng những bậc tu hành tự mình liễu quán được pháp Nhân Duyên (được gọi là bậc Duyên Giác) thì chứng quả vị **Bích Chi Phật** (Pratyeka-buddha), đây cũng là Quả Vị chứng đắc của vị Độc Giác Phật.

Những người đi theo 2 lý tưởng này thường cố gắng tự thanh lọc Bản Tâm, xem thường Phước Báo Hữu Vi mà chỉ gia công hoàn thiện Công Đức Vô Vi nên khi chứng Đạo Quả, thân tướng không được toàn mỹ và sự nghiệp cứu độ chúng sinh có nhiều hạn chế.

TOÀN GIÁC (Samyaksaṃbuddhi) Là lý tưởng Giác Ngộ tối cao của một bậc đã hoàn toàn tiến đến sự mở mang sáng suốt cực độ, vô lượng Từ Bi, thông suốt mọi lẽ. Các bậc Toàn Giác còn gọi là **Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác** (Anuttāra samyaksaṃbuddha). Là người tự mình trở nên hoàn toàn Giác Ngộ, tự lực cố gắng khai thông Tuệ Giác không Thầy chỉ dạy. Các đấng Toàn Giác sau khi chứng quả **Vô Thượng Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksaṃbudhi) liền đem Giáo Pháp ra phổ cập Quần Sinh, tận tụy hướng dẫn chư Thiên và Nhân Loại đến nơi hoàn toàn trong sạch, giải thoát vòng quanh vô tận của sinh tử, tử sinh. Đấng Toàn Giác là vị Phật duy nhất ra đời trong một chu kỳ, không bao giờ cùng một lúc xuất hiện 2 vị Chính Đẳng Chính Giác trên một quả Địa Cầu (như vậy trên nhiều quả Địa Cầu hay nhiều Thế Giới khác nhau sẽ có nhiều vị Toàn Giác khác nhau). Do viên mãn Trí Tuệ và Phước Đức nên Đấng Toàn Giác có đầy đủ 32 tướng tốt với 80 vẻ đẹp tùy hình, vì thế còn được tôn xưng là Đấng **Lưỡng Túc Tôn** (Dvipadottama).

Thông thường Đấng Toàn Giác có đủ 10 hiệu là :

1) NHƯ LAI (Tathāgata): Là người đã đến như thế, tức là Bậc nương theo sự thật mà đến mà thành tựu Chính Giác

2) ỨNG CÚNG (Arahat): Là Bậc xứng đáng nhận vật cúng dường của Trời Người

3) CHÍNH BIẾN TRI (Samyaksaṃbuddha): Là Bậc chân chính hiểu biết đúng tất cả các Pháp

4) MINH HẠNH TÚC (Vidyācaraṇasaṃpana): Là Bậc có đầy đủ Trí Tuệ và Đức Hạnh. Tức là Bậc viên mãn đầy đủ 3 Minh Thiên Nhãn Minh, Túc Mệnh Minh, Lậu Tận Minh với hành nghiệp của Thân, Khẩu, Ý

5) THIỆN THỆ (Sugata): Là Bậc khéo đi đến nẻo lành. Tức là Bậc dùng Nhất Thiết Trí (Sarva Jna) làm cỗ xe lớn, hành 8 Chính Đạo nhập vào Niết Bàn (Nirvàna)

6) THẾ GIAN GIẢI (Lokavid): Là Bậc đã thấu hiểu Thế Gian. Tức là Bậc biết rõ mọi chúng sinh và các tội của họ cùng với 2 loại Thế Gian cho nên biết sự diệt tận của Thế Gian và Đạo Xuất Thế Gian.

7) VÔ THƯỢNG SĨ (Anuttara): Là Bậc tối cao không có ai vượt qua. Tức là Bậc vô thượng trong tất cả chúng sinh, cũng như trong các Pháp thì Niết Bàn là vô thượng.

8) ĐIỀU NGỰ TRƯỢNG PHU (Puruṣadamyasārathi): Là Bậc đã điều chế được mình và Nhân Loại. Tức là Bậc Đại Trí Đại Từ Đại Bi , khéo dùng mọi loại phương tiện điều ngự kẻ tu hành như lúc thì dùng lời dịu ngọt, lúc thì dùng lời khó khăn … để hướng dẫn chúng sinh đi vào Chính Đạo.

9) THIÊN NHÂN SƯ (Śāstra Deva- manusyanāṃ): Là Bậc Thầy của cõi Trời và cõi Người. Tức là Bậc khéo chỉ dạy cho chúng sinh biết điều nào nên làm, điều nào không nên làm, việc nào là việc Thiện, việc nào là việc Bất Thiện và khiến cho họ giải thoát được phiền não khổ đau.

10) PHẬT THẾ TÔN (Buddha-loka-nātha hay Buddha-bhagavān): Là Bậc Giác Ngộ được Thế Gian tôn kính. Tức là Bậc tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, thấy

biết tất cả các Pháp 3 đời, có đầy đủ mọi Đức và là nơi tôn trọng cung kính của người đời.

Những người cố gắng tu Tâm dưỡng Tính với Chí Nguyện đi theo lý tưởng Toàn Giác thì được gọi là **Bồ Tát** (Bodhisatva: Giác Hữu Tình). Điều kiện đầu tiên của lý tưởng này là phải chân thật phát nguyện: "**Tôi sẽ làm mọi việc có thể làm để đạt tới sự Giác Ngộ vì tất cả Hữu Tình**". Đây còn gọi là phát Tâm Bồ Đề. Sau đó các vị Bồ Tát phải tu tập viên mãn **10 Ba La Mật** (Hệ Nam Truyền ghi nhận là **30 Ba La Mật**) và cuối cùng là chứng đạt Phật Quả.

Do Chí Nguyện hóa độ chúng Hữu Tình và làm lợi cho các Thế Gian, vị Bồ Tát cần phải biết rõ mọi Đạo Lộ nhằm khai triển Tâm Thức của mình để có thể khéo léo dùng những con đường khác nhau mà hướng dẫn Chúng Sinh đi đến Giải Thoát theo cách riêng của họ.

Như Kinh dạy : ***"Này Tu Bồ Đề*** (Subhūti)! ***Bồ Tát tu tập tất cả các Đạo Lộ dù là đạo lộ Thanh Văn, đạo lộ Duyên Giác*** (hay Độc Giác) ***hay đạo lộ của Bồ Tát. Bồ Tát liễu tri tất cả Đạo Lộ".***

Qua 3 lý tưởng trên, chúng ta nhận thấy rằng chỉ có Đức Phật Toàn Giác mới có đủ năng lực đưa vô lượng Hữu Tình đến trình độ thuần thục, ngay cả Giải Thoát. Và đây cũng là một lý do để chúng ta quy y Phật Bảo nhằm gieo duyên với Chính Pháp Giải Thoát.

_ Về chư Tăng: Do hình thức Tăng Phục của hệ thống Nam Truyền và Bắc Truyền khác nhau, cách dùng thực phẩm cũng khác nhau, Kinh Điển và Giáo Lý tu học cũng có nhiều nét khác hẳn nhau đồng thời 10 Tông Phái của hệ thống Bắc Truyền cũng có phương cách tu học khác nhau… Như vậy muốn quy y Tăng thì chúng ta phải quy y với vị Tăng nào? Làm thế nào mới nhận biết được đó là vị Thánh Tăng hay là Bậc Đạo Sư chân chính để chúng ta có thể nương tựa? Làm thế nào mới nhận biết được đó là vị Phàm Tăng không xứng đáng là Bậc Đạo Sư mà chúng ta cần xa lánh?...

Thật ra trong bất cứ Hệ Phái nào cũng đều có các vị Thánh Tăng và các vị Phàm Tăng. Hệ Phái nào cũng có những vị Tăng tu hành chân chính và cũng có những kẻ lợi dụng hình thức tu hành để tranh đoạt danh vị lợi dưỡng. Do đó khó có thể nhận định được đâu là thật đâu là giả, nhất là muốn minh xác vị đó là Thánh Tăng hay Phàm Tăng. Như các vị Thiền Sư: **Tế Điên, Phổ Hóa** bình thường làm những việc quái lạ khác với Nghi Luật thường tình nên người đương thời xem 2 vị này như kẻ điên loạn, cuối cùng mới biết được 2 vị ấy là Thánh Tăng. Ngài **Tịch Thiên** (Śānti-deva) trong khi tu Mật Hạnh tại tu viện Nalanda thì Tăng Chúng chỉ thấy Ngài chuyên ăn với ngủ không chịu thực hành pháp Văn, Tư, Tu gì cả nên hợp nhau tống khứ Ngài ra khỏi Tu Viện. Đến khi hùa nhau đưa Ngài lên Tòa Sư Tử nhằm diễu cợt thì được nghe Ngài tụng **Bồ Tát Hạnh** (Bodhisatva-caryā-vatara) và thấy Ngài bay lên hư không biến mất, lúc ấy toàn thể Tăng Chúng mới hối hận vì đã đuổi một vị Thánh Tăng.

Có lẽ vì khó phân biệt được Phàm Thánh nên các Kinh Điển Hiển Giáo thường không minh họa phương pháp nhận diện Thánh Tăng mà chỉ khuyên chúng ta luôn quy kính chư Tăng, không nên khởi Tâm phân biệt và Tâm Ý phán đoán một cách vội vã nhằm tránh khỏi lỗi lầm xúc phạm vị Thánh Tăng đồng thời tự rèn luyện ***Tâm Thức Bình Đẳng*** qua sự quy kính **Phật Tính** (Buddhatā) vốn có sẵn trong Tâm của mọi Hữu Tình.

Riêng Mật Giáo, do phương cách tu hành quá đặc biệt, thường phải có một vị **Đạo Sư** (Guru hay Ācārya) hướng dẫn nên đã minh họa cách nhận diện một vị Thầy chân chính

_ Kinh **Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thần Biến Gia Trì,** quyển 1, Phẩm thứ hai "Nhập Man Trà La Cụ Duyên Chân Ngôn" có ghi :

" Vị **A Xà Lê** (Ācārya: Quỹ Phạm Sư) nên phát Tâm Bồ Đề, có Diệu Từ Bi, gồm thâu mọi nghề, khéo léo tu hành Bát Nhã Ba La Mật, thông đạt 3 Thừa, khéo giải nghĩa chân thật của Chân Ngôn, tin kính chư Phật Bồ Tát, được truyền dạy Quán Đỉnh, khéo giải và biết tô vẽ Man Trà La, tính tình nhu thuận, xa lìa nơi Ngã Chấp, khéo được quyết định nơi hạnh Chân Ngôn, nghiên cứu tu tập Du Già, an trú dũng mãnh kiên cường nơi Tâm Bồ Đề.

Này Bí Mật Chủ! Vị A Xà Lê có phép tắc như vậy đều được chư Phật ca ngợi xưng tán".

_ Kinh **Tô Tất Địa Yết La** (Susiddhi sutra), quyển thượng, phẩm 3 "Phân biệt tướng A Xà Lê" do Thượng Tọa Thích Viên Đức dịch, có ghi:

"Người có chi phần (Thân thể 6 căn) viên mãn, phước đức trang nghiêm, khéo hiểu rõ các Pháp Thế Gian và Xuất Thế Gian, thường y theo Pháp Trụ, không hành Phi Pháp, đủ Đại Từ Bi thương xót chúng sinh, sanh trưởng trong giòng họ sang quý, tính tình điều hòa nhu nhuyễn, tùy theo chỗ ở đều được an vui, thông minh Trí Tuệ, biện tài trôi chảy, thường hay nhẫn nhục, không có Ngã Mạn, thường ưa thích Đại Thừa và hiểu được nghĩa thâm sâu, tin sâu Pháp Môn Bí Mật, dẫu có chút ít lỗi lầm cũng ôm lòng lo sợ, Thân Khẩu Ý điều hòa nhỏ nhẹ, thương chuyên đọc Kinh Điển Đại Thừa, lại y Pháp giáo hóa, siêng năng tụng Chân Ngôn không gián đoạn, chỗ làm ra hoặc tác Pháp Tất Địa thảy đều thành tựu. Lại hiểu rõ phương pháp tô vẽ Mạn Đà La, thường đủ 4 Nhiếp. Vì cầu việc lớn không ưa duyên nhỏ, xa lìa hẳn sự keo kiệt, đã từng vào Đại Mạn Đà La mà thọ Quán Đỉnh. Lại được Tiên Sư khen ngợi là kẻ có Đức: "**Từ nay về sau, ông có thể kham thọ Quán Đỉnh làm A Xà Lê**". Được sự ấn khả đó mới hợp cách tự tay tạo Mạn Đà La, cần y theo thứ lớp cũng được hợp cách trao truyền Chân Ngôn cho Đệ Tử".

_ Theo Ngài **Geshe Kelsang Gyatso** ghi trong quyển "**Quán Niệm Nguồn Tâm**" do **Lục Thạch** dịch thì một vị Thầy chân xác phải có 5 Phẩm Tính là :

1) Biết đúng tất cả những đối tượng cần phải gạt bỏ
2) Biết thấu đáo nhiều phương pháp để từ bỏ chúng
3) Biết đúng tất cả những đối tượng cần phải thực hành
4) Biết trọn vẹn những phương pháp để thực hành chúng
5) Truyền tất cả những Tri Thức này cho người khác với lòng Từ Bi

_ Trong Quyển "**Trong Động Tuyết Sơn**" do **Thích Nữ Minh Tâm** dịch thì Đức **Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14** có lời khuyên chân thật rằng :

"Quý vị phải tìm hiểu dò xét về những người Thầy mình ít nhất là 10 năm. Quý vị phải nghe, phải quán sát, phải nhìn cho thật kỹ cho đến khi quý vị nhận xét ông Thầy đó chắc chắn là trong sạch. Ngay trong lúc tìm hiểu đó, quý vị cư xử với vị Thầy đó như một người bình thường và nhận những lời dạy của ông ta như là một thông báo, một lời giới thiệu. Một người Thầy chân chính đứng đắn không bao giờ đi tìm cầu Học Trò hay Tín Đồ gì cả. Chính Đức Hạnh và đời sống cao cả của vị Thầy sẽ hướng dẫn các Tín Đồ đến vị Thầy xin nương tựa".

Ngoài ra đặc tính thiết yếu của một vị Thầy chân chính là dạy bảo cho Đệ Tử **càng ngày càng tự hiểu rõ bản thân của mình hơn** để người ấy có thể nhanh chóng sửa chữa mọi lỗi lầm và dần đi vào con đường vượt thoát phiền não khổ đau.

Do Giáo Pháp tu tập quá nhiều mà bậc Thầy chân chính cũng khó tìm thấy, còn chúng ta thường chẳng thể tự biết căn cơ của mình. Vì thế để có thể xây dựng nền tảng vững chắc cho việc minh xác Pháp Tu Hành thích hợp với mình, chúng ta nên dựa vào lời Đức Phật dạy: **"Tác Ý là Nghiệp"** và tự thực hiện việc gieo NHÂN (Hetu) chân thật để được QUẢ (Phala) chân thật

Thoạt tiên chúng ta phải biết **Chân Thật với chính mình**, thường xuyên kiểm soát Tâm Ý của mình đừng để cho các ý tưởng của mình lừa gạt chính mình, tức là phải thật biết mình muốn điều gì và mình muốn thật làm điều gì.

Tiếp theo chúng ta cần phải mở rộng **Tâm Bình Đẳng** với tất cả mọi Giáo Pháp của các Hệ Phái, đừng nên vội khen chê mà cứ lặng lẽ quán sát tìm hiểu xem mình có thể thích hợp với Giáo Pháp nào. Như vua **A Dục** (Aśoka) vị vua xứ Maurya miền Bắc Ấn Độ trị vì từ năm 272 đến năm 236 trước Công nguyên, mất năm 231 trước Công Nguyên. Tuy ông quyết định thành lập một vương quốc phụng sự Phật Giáo nhưng ông vẫn khuyến khích sự dung nạp tất cả mọi Hệ Phái, Giáo Phái. Kính trọng những người ngoan đạo như các Sa Môn (Śramaṇaḥ), Bà La Môn (Brāhman), các tu sĩ Ajivika và Kỳ Na Giáo (Jaina). Sự việc được mọi người biết là Nhà vua đã tặng những nhà hầm cho các tu sĩ Ajivika (Định Mệnh Phái), Nhà vua muốn tất cả các Giáo Phái hãy thôi tự khen tụng và chỉ trích các Giáo Phái khác, vì ông thật biết rằng mỗi một Giáo Phái đều phù hợp với căn cơ nghiệp báo của một số chúng sinh nên không được ngăn chặn mà phải làm cho mọi Giáo Phái tự sinh tự diệt trong không khí hòa bình.

Sau đó chúng ta cần phải thường xuyên quán chiếu về **sự khổ đau, sự bất toàn, sự vô thường** của kiếp nhân sinh và vạn vật để làm giảm bớt Tâm đam mê chấp trước vào lạc thú của Thế Gian. Như ông Tam Bất NGUYỄN VŨ NHAN đã minh họa sự biến dịch của bản thân nhằm nhận định sự vô thường của kiếp người qua bài thơ SOI GƯƠNG

Soi gương thấy một cụ già
Tưởng ai lại hóa là Ta cũng kỳ
Hồi niên thiếu phương phi nét mặt
Vầng trán cao, đôi mắt long lanh
Môi hồng, da trắng, tóc xanh
Rõ ràng là khách đa tình phong lưu
Nhớ những lúc trà lâu tửu quán
Thú cầm ca họp bạn chung vui
Rượu thơ quên cả chuyện đời
Khi say với nguyệt, khi cười với hoa
Nhớ những lúc Tỳ Bà réo rắt
Vẳng canh khuya tiếng nhặt tiếng khoan
Trẻ trung ai chẳng truy hoan
Khúc ca Tư Mã, cung đàn Tương Như
Vui thuở ấy bây chừ chăng tá
Dòng thời gian phút chốc đổi thay
Thân hình xưa chẳng như nay
Thiếu niên xưa với già này cũng Ta
Mặt hốc hác, mắt mờ, răng rụng
Da nhăn nheo, tóc cũng bạc phơ
Phong trần nhuốm tự bao giờ
Xuân xanh đâu mất còn trơ cái già
Ta chẳng biết Ta là ai nhễ
Già là Ta hay trẻ là Ta ? !...

Giả Chân muốn kiếm không ra
Trông gương chỉ thấy ông già bảy mươi"

Ngoài ra ông còn nhận định sự mỏng manh hư ảo của lợi danh vinh nhục qua bài thơ BỨC TRANH VÂN CẨU

Tạo vật suy ra thật hữu tình
Hư không mà khéo vẽ nên tranh
Tỏ mờ ẩn hiện , mây nhiều lớp
Đen trắng đua chen, chó đủ hình
Khi tụ khi tan không mấy chốc
Lúc còn lúc mất quá mong manh
Chuyện đời nào khác chi Vân Cẩu
Vinh nhục hay gì bóng lợi danh !....

Tiếp đến chúng ta luôn quán chiếu về **sự Chết** để hình thành Tâm Bình Đẳng và khắc phục sự lười biếng. Như bậc Cổ Đức có dạy: ***"Sự bình đẳng của con người là có chung giòng màu đỏ và ai ai cũng phải chết. Do đó hãy dũng mãnh tinh tiến tu tập Pháp giải thoát".***

Kế tiếp chúng ta cần tìm hiểu ý nghĩa chính xác về **Nhân Quả Nghiệp Báo** để xa lìa *sự kiêu mạn với sự tự ty mặc cảm* và chuẩn bị tốt cho phương pháp tu sửa Thân Tâm thuận theo quy luật Nhân Quả.

Tiếp theo chúng ta cần phải tìm hiểu đặc tính của 6 cõi: Trời (Deva), Người (Manuṣyana), A Tu La (Asura), Súc Sinh (Tiryañc), Ngạ Quỷ (Preta), Địa Ngục (Nāraka) và quán sát sâu rộng về sự luân chuyển của chúng Hữu Tình đang ở trong 6 cõi ấy để minh xác ý nghĩa **Thân người khó đạt được** đồng thời xây dựng quan điểm **Thân người là lợi khí tốt nhất cho việc tu tập Pháp Giải Thoát** cụ thể là trước khi thành bậc Toàn Giác, các vị Bồ Tát đều mang thân người để tu tập kiếp chót.

Sau đó chúng ta tiếp tục quán chiếu về sự lợi ích và tai hại của thân người, từ đó minh xác rằng: **"Trong cuộc sống, con người thường dễ dàng phạm vào các lỗi lầm để bị đọa vào nẻo ác nhiều hơn là hành động chân chính để sinh vào nẻo lành"**. Nhờ vậy chúng ta sẽ khởi Tâm ghê sợ tội lỗi, ham thích Phước Báu đồng thời phát Tâm tu sửa việc làm sai trái và quyết định tìm phương pháp vượt thoát sinh tử.

Cuối cùng chúng ta tìm hiểu kỹ nghĩa thú của **NHÂN DUYÊN** nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc xem xét chọn lựa Pháp Tu thích hợp với mình để thực hành.

Tất cả phương cách trên cần phải được chân thành thực hiện, quan sát liên tục ít nhất là 6 năm để huấn luyện Tâm Thức của mình mau được nhu nhuyễn và nhạy bén khi lựa chọn Pháp Tu. Song song với cách rèn luyện Tâm như trên, chúng ta cũng cần phải nương tựa vào 3 Báu Phật, Pháp,Tăng bên ngoài để đánh thức 3 Báu Sáng suốt, định tĩnh, trong lành vốn có sẵn trong Bản Tâm của mình.

Khi gặp bất kỳ một tượng Phật nào, chúng ta đều nên khởi Tâm quy y kính lễ và quán tưởng rằng: ***"Tượng Phật này chính là biểu tượng của sự sáng suốt hoàn toàn, thông hiểu Lý Sự của vạn vật như thật. Nguyện cho tôi mau chóng đạt được*** **Trí Tuệ** ***như vậy"***

Khi gặp bất kỳ một Kinh Điển nào, chúng ta nên khởi Tâm quy y kính lễ và quán tưởng rằng: "***Kinh Điển này chính là biểu tượng của đường lối giúp cho chúng Hữu Tình mau chóng vượt thoát biển sinh tử luân hồi. Nguyện cho tôi mau chóng tìm được*** **Chính Pháp cá nhân** ***để thực hiện được những điều cần làm một cách viên mãn. Đồng thời nguyện cho tôi đạt được*** **sự định tĩnh, tự tri, tự giác, tự chủ, điều dụng, vị tha** ***ngay trong đời hiện tại này".***

Khi gặp bất kỳ một vị Tăng nào, chúng ta đều nên khởi Tâm quy y kính lễ hình tướng của vị ấy *(Điều cần nhớ là kính lễ hình tướng Tăng Già chứ không phải là kính*

lễ vị Tăng đó để tránh Tâm phân biệt chấp trước. Nếu có Duyên tìm hiểu vị Tăng ấy một cách chính xác thì lúc đó chúng ta mới thực sự quy y với vị Tăng ấy hoặc tránh xa không thân cận) và quán tưởng rằng: ***"Vị Tăng Già này chính là biểu tượng của các bậc cao thượng đang tiến bước trên con đường giải thoát. Nguyện cho tôi mau chóng gặp được vị Đạo Sư chân chính để nương theo Ngài,*** **tịnh hóa *được các Tâm Thức:* Ảo tưởng kiêu mạn, ganh tỵ tranh đấu, hoài nghi tự kiêu, trì độn mù quáng, tham dục thèm khát, giận dữ oán hận.** ***Đồng thời nguyện cho tôi đạt được cuộc sống*** **hiền thiện, ngay thẳng, mực thước, chân chính, vị tha** ***ngay trong đời hiện tại này".***

Trong giai đoạn hiện nay, một số người thắc mắc rằng: "*Khi chúng ta thực hiện đường lối giải thoát sinh tử, liệu có cần thiết phải* ***quy y Tam Bảo*** *hay không?"* và đã nêu ra vài trường hợp minh họa như sau:

_ Khi được nghe hai câu Kệ *"Các Pháp theo Duyên sinh, các Pháp theo Nhân diệt"* do Ngài **Mã Thắng** (Aśvajit) đọc thì Ngài **Xá Lợi Phất** (śāriputra) liền khai mở tâm mắt, chứng ngay quả **Tu Đà Hoàn** (Srotàpanna). Lúc trở về, Ngài đọc lại bài Kệ ấy cho Ngài **Mục Kiền Liên** (Maudgalyāyana) nghe thì Ngài **Mục Kiền Liên** cũng chứng đạt ngay quả **Tu Đà Hoàn**. Nếu xét kỹ thì hai Ngài này đều theo ông **Sañjaya** *tu tập Pháp học của Ngoại Đạo*, không hề biết gì về Phật Pháp, cũng ***chẳng hề quy y Tam Bảo***. Vậy tại sao hai Ngài này lại có thể chứng được **Sơ Quả** giải thoát ngay lập tức ?!...Trong khi đó, rất nhiều vị Tỳ Khưu được thừa hưởng Chính Pháp của Đức Thế Tôn ngay trong lúc Đức Phật còn tại thế mà vẫn không thể đắc Đạo ?!...

_ Sau khi chứng quả **Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác** (Anuttarà-samyaksaṃbuddhi), tại sao Đức Phật chỉ **đỉnh lễ Pháp Bảo** mà không **đỉnh lễ Tam Bảo** ?

_ Khi Đức Phật vào **Niết Bàn** (Nirvāṇa), Ngài không hề giao quyền thừa kế cho Tăng đoàn, như thế ba báu bị khuyết mất một báu. Vậy tại sao ta phải quy y Tam Bảo?

_ Trong một số Kinh bản ghi nhận rằng Đức Phật thường khuyên người tu hành nên **quy y Tam Bảo**. Thế tại sao trong Kinh bản khác, Đức Phật lại nhấn mạnh rằng: "***Hãy tự xem mình là hải đảo*** *(chỗ ẩn náu)* ***của mình. Chính mình là chỗ nương dựa của mình, không nên tìm sự nương dựa bên ngoài. Hãy xem Giáo Pháp là hải đảo của mình, Giáo Pháp là chỗ nương dựa của mình, không nên tìm sự nương dựa ở bên ngoài".***

Lại nữa trong Kinh **Di Giáo**, Đức Phật chỉ nhấn mạnh ***"Sau khi Ta nhập diệt, các ngươi hãy lấy Giới Luật làm Thầy"***. Tại sao Ngài không nói là "**Hãy lấy Tam Bảo làm Thầy**"?

_ Tại các nước Âu Mỹ, phần lớn giáo lý Phật Giáo được du nhập vào các khu vực này thông qua tài liệu khảo cổ, sách vở, báo chí, internet…chứ không thông qua hoạt động truyền giáo của Tăng đoàn (sau này mới xuất hiện sự truyền dạy giáo lý Phật Giáo của các Lama Tây Tạng). Thế nhưng những cư sĩ phương Tây vẫn tự thân cùng nhau dựng lập Hội, phiên dịch trước tác Kinh sách Phật Giáo, tổ chức hoằng Pháp nhưng không xây chùa, thỉnh Tăng….Như thế họ có ***cần phải quy y Tam Bảo*** hay không?

_ Trong cuộc sống đời thường, do một số Tăng Ni không có đủ phẩm chất của người hoằng Pháp…đã dẫn đến hiện tượng *những cư sĩ Phật Giáo tự lập chùa, đúc tượng, hành lễ, không cần Tăng Sĩ*...Đối với những cư sĩ Phật Giáo như thế, họ chỉ **quy y Nhị Bảo** là *Phật với Pháp* chứ ***không chịu quy y Tam Bảo***

_ Lại nữa, điều quan trọng nhất là *khi Giáo Pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã diệt tận. Trong khoảng thời gian rất dài, Thế Gian không hề được hay biết đến*

Phật Pháp, thậm chí chẳng được nghe đến tên Phật....cho đến khi Đức Phật ***Di Lặc*** (Maitreya) *ra đời thì nhân loại mới được nghe giảng Giáo Pháp giải thoát*. Thế nhưng trong giai đoạn u ám này, tại sao vẫn xuất hiện những vị Độc Giác, tức là vẫn có người chứng được quả vị giải thoát. Như thế trong thời gian ấy, con người có **cần phải quy y Tam Bảo** hay không?

Thật ra, nếu chỉ xét theo tướng **Trụ Trì Tam Bảo** tức là hình tượng Đức Phật, Kinh sách Phật giáo, người xuất gia đầu tròn áo vuông thì quả thật việc **quy y Tam Bảo** không được thuyết phục lắm trong những trường hợp như trên. Thế nhưng, nếu chúng ta xem xét kỹ về **Tự Tính Tam Bảo**, tức là ba báu vốn có trong mỗi một con người thì việc **quy y Tam Bảo** quả rất cần thiết

Phàm ở trong bất kỳ thời đại nào (có giáo lý của Đức Phật, hay không có giáo lý của Đức Phật) thì vẫn luôn luôn tồn tại ba điều trong con người:

1_ Có ước muốn chân thật trong sạch, sống hoà hợp với vạn vật chung quanh, tức là **Tịnh** hay ***trong lành*** (biểu thị cho Tự Tính Tăng Bảo)

2_ Cố gắng thực hiện chính đúng vai trò trách nhiệm của chính mình để tịnh hoá Nghiệp Thức, tức là **Chính** hay ***Định Tĩnh*** (biểu thị cho Tự Tính Pháp Bảo)

3_ Luôn luôn mong đạt được sự hiểu biết sáng suốt không mê lầm, tức là **Tuệ** hay ***sáng suốt*** (biểu thị cho Tự Tính Phật Bảo).

Trong ba điều này thì việc "*cố gắng thực hiện chính đúng vai trò trách nhiệm của chính mình để tịnh hoá Nghiệp Thức*" là nền tảng thực hiện được hai điều còn lại.

Do Bồ Tát **Gautama** đã thực hiện chính đúng, đầy đủ việc cần làm của chính mình để Tịnh Hoá Nghiệp Thức thì Ngài cũng đã thực hiện được nếp sống trong sạch hoà hợp với vạn vật chung quanh (bình đẳng với vạn vật), đạt được sự hiểu biết sáng suốt không mê lầm (ngang bằng với chư Phật ba đời). Đây là lý do mà sau khi chứng Đạo, Đức Phật chỉ đỉnh lễ **Pháp Bảo**

Hai Ngài **Xá Lợi Phất**, **Mục Kiền Liên** cũng thế. Do trong quá trình tu học theo Ngoại Đạo, nhưng các Ngài luôn luôn khởi Tâm chân thật cố gắng hoàn thiện việc cần làm của chính mình, cho nên khi công phu tịnh hoá Nghiệp Thức sắp hoàn thiện thời chỉ nghe qua hai câu Kệ, các Ngài liền khai mở Tuệ Giác. Điều này cũng giải thích cho các trường hợp của nhiều người tu hành trong thời gian *không có Phật Pháp* chỉ nhìn thấy chiếc lá rơi, đám mây bay, dòng nước chảy, nghe câu nói....thời đột nhiên chứng đạt quả vị **Độc Giác Phật** (Pratyeka-buddha).

Ý nghĩa trên cũng giải thích cho việc làm của những cư sĩ Âu Mỹ với những cư sĩ tuy không thuận phục các Tăng Ni trong thời hiện đại, nhưng vẫn không lìa khỏi việc **quy y Tự Tính Tam Bảo.**

Riêng với nhiều vị Tỳ Khưu được thừa hưởng Chính Pháp của Đức Thế Tôn ngay trong lúc Đức Phật còn tại thế mà vẫn không thể đắc Đạo. Nguyên nhân chính là vì họ chưa thực hiện đầy đủ việc cần làm của chính mình để tịnh hóa Nghiệp Thức, cho nên không thể đắc Đạo được.

_ Lại nữa **Giới Luật** (Śīla: Thanh Lương Giới) là khuôn phép giúp cho người tu hành ngăn chận điều ác, phát huy điều lành, sống trong sạch hoà hợp với vạn vật và tinh tiến làm việc của chính mình để tịnh hoá Nghiệp Thức, thúc đẩy cá nhân đạt được sự giác ngộ. Do vậy, Đức Phật chỉ cần nhấn mạnh "***hãy lấy Giới Luật làm Thầy***" tức đã hàm chứa đầy đủ ý nghĩa của việc **quy y Tự Tính Tam Bảo.**

Như vậy, đối với người Phật Tử thì "**Quy y Tam Bảo**" chính là Giới Luật đầu tiên cần phải được thọ nhận và cần phải thực hành một cách nghiêm mật để tránh khỏi sự đọa lạc vào các nẻo ác. Đối với bậc Thượng Căn khi thực hiện viên mãn Giới Luật này sẽ chứng đạt ngay quả vị Giải Thoát trong đời sống này. Chính vì thế cho nên các Đà La Ni của Mật Tông Phật Giáo thường bắt đầu bằng câu: "**Quy y Tam Bảo**".

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA
Con xin quy mệnh Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi là Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát

Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi (mahā-kāruṇika): là bậc luôn khởi Tâm làm mọi cách cần thiết để làm vơi bớt nỗi khổ đau cho tất cả chúng sinh hoặc tự hiến thân phụng sự kẻ khác, gánh lấy khổ đau giùm họ. Từ đó giúp họ tự dứt trừ **Ngã Chấp, Ngã Ái** trong Tâm mà thọ hưởng sự an vui trong sáng.

Ngài **Langri Tangpa** có dạy :

"Hãy đem lợi lộc và vinh quang cho kẻ khác
Hãy nhận sự thua thiệt và thất bại về mình"

Sự kiện này theo óc luận lý tri thức của nhân sinh là một điều phi lý. Nhưng đối với các bậc giải thoát thì khác hẳn, do các Ngài nhận thấy: "**Sinh linh nào cũng là mình và mình hiện hữu ở mọi sinh linh**" nên các Ngài an nhiên hóa độ chúng sinh mà không hề so đo tính toán. Vì thế, công tác cứu độ đối với Ngài là một, Giải Thoát là Cứu Độ, cá thể là một hành động sống chứ không phải là một ý niệm khô chết. Đối với các Ngài: Làm việc là hạnh phúc, hạnh phúc là làm việc, nhất là hạnh phúc được xây dựng trên nền tảng ***"Ban vui cứu khổ".*** Và từ tình thương bao la bát ngát này, lý tưởng cứu độ đã dần dần thể hiện thành con đường dẫn tới hạnh phúc cho nhân loại. Như thế Đức Tính căn bản của các Bậc Giải Thoát là tinh thần phục vụ vị tha và tinh thần vị tha này đã bao trùm toàn bộ Giáo Lý của **Đại Thừa** (Mahā-yāna).

Ngài **Tịch Thiên** (Śānti-deva) có nguyện rằng:

_ *Tôi xin quên mình để phụng sự chúng sinh. Dù có bị đánh đập mắng chửi, chém giết hay bị xem như một món vật mua vui đi nữa, Tâm tôi vẫn vắng lặng vì tôi đã xả bỏ thân này cho họ rồi! Còn gì đâu mà lo lắng*

_ *Dù họ có sung sướng trong khi hành hạ thân tôi, tôi cũng nguyện xin cho họ không bị quả báo*

_ *Dù họ có tức giận, ác ý với tôi. Có vu khống não hại và chế diễu tôi. Tôi cũng nguyện xin cho tất cả đắc quả Bồ Đề*

_ *Tôi nguyện là người bảo vệ cho những kẻ yếu đuối, người chỉ đường cho những hành khách, một con thuyền hay một cái cầu cho những kẻ muốn qua sông, một ngọn đèn cho những ai đi trong đêm tối, một cái giường cho những ai muốn nằm nghỉ, một kẻ nô lệ cho những ai cần nô lệ*

_ *Tôi nguyện sẽ là* ***viên ngọc phép*** (Cintāmaṇi), *một* ***cái lu thần*** (Bhadragata), *một* ***Linh Chú*** (Siddha-vidyā) *, một* ***loại cỏ thuốc*** (Mahā-Ushadhi), *một* ***cây Như Ý*** (Kalpa-vṛkṣa), *và một* ***con bò ước*** (Kāma-dhenu) *cho tất cả chúng sinh.*

_ *Cũng như Địa Đại và các Đại khác cần thiết cho đời sống của vô số chúng sinh trong khắp hư không. Tôi nguyện sẽ là người lợi ích cho tất cả mọi loài cho đến khi nào không còn một ai chưa giải thoát.*

Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát:

Quán Tự Tại (Avalokiteśvara) là xem xét mọi nơi ở phía dưới một cách tự tại

Bồ Tát Ma Ha Tát (Bodhi-satvāya mahā-satvāya) là danh xưng chỉ một vị Giác Hữu Tình đã chứng đạt từ Địa thứ tám (Bất Động Địa: Ācala-bhūmi) trở lên, không còn thoái lui và quyết định sẽ thành bậc Chính Đẳng Chính Giác.

Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát là danh hiệu dùng để chỉ vị Bồ Tát ở cảnh Lý Sự Vô Ngại, quán đạt tự tại. Hoặc danh xưng này nhằm chỉ bậc Giác Hữu Tình đang tu hành Pháp Môn Quán Chiếu Thật Tại để hoàn thành Tuệ Giác Siêu Việt.

Theo Mật Tông Phật Giáo, khi trì tụng một Đà La Ni nào thì điều quan trọng nhất là phải quy mệnh với Bản Tôn của Đà La Ni ấy. Vì Bản Tôn của Đại Bi Tâm Chú là Quán Tự Tại Bồ Tát nên chúng ta phải quy mệnh với Ngài để cầu khẩn Ngài phù hộ cho chúng ta thêm các phương tiện thiện xảo , ngỏ hầu cải sửa thân tâm mình và giúp ích cho những người chung quanh cùng tiến bộ.

Do Ngài đã phát Nguyện: ***"Nếu còn một chúng sinh nào chưa thành Chính Giác thì tôi nguyện không thành Chính Giác*"** nên Ngài đã hiện ngàn mắt ngàn tay để nhìn thấy nỗi khổ ở khắp mọi nơi trong Pháp Giới và duỗi ngàn tay ra để giúp đỡ chúng sinh ở khắp mọi nơi. Do chí nguyện: *"Ban vui cứu khổ"* rộng lớn bao la này mà Ngài được gọi là **Bậc có đầy đủ Tâm Đại Bi** (Mahā-kāruṇika)

Theo ý nghĩa sâu xa hơn. Thông thường người ta hay nói: ***"Vì quá bận rộn và căn cơ thấp kém nên Tôi không thể tu trong kiếp này được!"*** và hay cầu nguyện cho kiếp sau. Nhưng xét cho kỹ, mang thân người đã là việc khó, mang được thân người lại có duyên lành gặp được Giáo Lý của Đức Phật Thích Ca là điều khó hơn. Nếu cứ mãi chờ đợi, hứa hẹn không chịu tu tập ngay trong đời này thì đến bao giờ mới thoát khỏi biển sinh tử được? !... Vì thế Tâm Chú dùng hồng danh Quán Tự Tại nhằm nhắc nhở cho chúng ta biết rằng sự tự tại vô ngại có thể thành đạt ngay trong đường lối quán chiếu thật tại hiện tiền, ngay trên thân xác đang mang này, miễn là biết cách Như Lý Tác Ý để diệt trừ Ngã Chấp và luyến ái về cuộc sống cho đến lúc nhận biết vạn Pháp như thật thì sẽ được tự tại .

Như một vị Thần Linh hỏi Đức Phật rằng: "***Những người trú ngụ trong rừng sâu, những bậc Thánh sống đời Đạo Hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Tại sao vị ấy có vẻ tự tại?"***

Đức Phật bảo rằng: "***Những vị ấy không than van buồn chán về những chuyện đã qua, không mảy may khao khát những điều chưa tới mà chỉ tập trung Tâm Trí vào hiện tại . Do đó các vị ấy được tự tại"***

Có điều nếu chỉ mong muốn giải thoát cho riêng mình thì chưa đủ. Vì trải qua vô lượng kiếp sinh tử luân hồi, chúng ta có vô lượng vô số bà mẹ hiền ái cũng như có hằng hà sa số quyến thuộc. Số lượng này nhiều đến nỗi để Ta có thể cảm thấy rằng tất cả Hữu Tình đã từng là hình ảnh một bà mẹ, một người bạn, hay bà con thân thiết. Như thế chúng ta có thể nào đứng trên bờ giải thoát mà điềm nhiên nhìn họ đang chịu đau khổ, phiền não trong biển sinh tử sao ? !...

Trong bức thư gửi cho môn đệ, Ngài **Candra Gomin** (Nguyệt Quan) có viết là:

"***Họ như những người bà con bị kẹt trong biển sinh tử***
Bị rơi vào vòng nước xoáy của Đại Dương
Do trải qua nhiều lần sống chết, tái sinh
Bạn không nhận ra họ và bạn làm ngơ
Thật đáng khinh bỉ
Nếu bạn chỉ tự lo cứu lấy mình"

Chính vì thế cho nên cách tốt nhất là chúng ta phải phát Tâm cứu vớt cho họ thoát khỏi mọi thứ đau khổ và làm sao cho họ có đủ mọi thứ an lạc, nhất là sự an lạc tịch tĩnh của mùi vị giải thoát. Đây là điểm khởi đầu để phát triển Tâm Đại Bi.

Nhưng "**Lực bất tòng Tâm**" vì ngay bây giờ, chúng ta không thể nào cứu tất cả khổ, ban tất cả vui, dù chỉ cho một người!...Bởi thế ta cần phải dốc sức tu tập, quán chiếu thật tại và thực hành Tâm Đại Bi qua lý tưởng "**Phục vụ vị tha**" mà Đức Quán Tự Tại Bồ Tát chính là biểu tượng cần thiết cho chúng ta phát Tâm noi theo vậy.

OṂ_ SARVA RABHAYE ŚUDDHA- NĀDAṢYA
Con xin quy mệnh tất cả bậc Thánh thanh tịnh hay dạy lời triệu mời Chính Giáo Thánh Diệu

OṂ: Quy mệnh
SARVA RABHAYE: Tất cả cấp đẳng thường hay gánh vác, đảm nhận công việc khó khăn
ŚUDDHA-NĀDAṢYA: Cấp đẳng có âm giọng thanh tịnh

Theo Hệ Thống Thuần Mật, các Bậc Thánh của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) trong **Đại Bi Thai Tạng Giới Man Đa La** (Mahā-kāruṇa-garbha-dhātu-maṇḍala) đều biểu thị cho Lý Thanh Tịnh của Tâm Bồ Đề vốn có trong Tâm của mỗi một chúng sinh. Dù ở trong bùn lầy sinh tử của 6 nẻo cũng chẳng bị nhiễm ô (Nên gọi là Liên Hoa Bộ). Ngoài ra các Ngài còn biểu thị cho Tam Muội Đại Tuệ của Như Lai là hay làm rạng rỡ tươi tốt muôn điều lành để giúp cho chúng sinh tự thấu ngộ được bản Tâm thanh tịnh vô cấu nhiễm vốn có nơi mình (nên gọi là **Pháp Bộ**: Dharma-kulāya).

Các Tôn của Bộ này thuộc 2 Viện trong Thai Tạng Giới Man Đa La là Địa Tạng Viện và Quán Âm Viện.

_ Địa Tạng Viện: Có vị trí ở phương Bắc của Quán Âm Viện gồm có 9 Tôn minh họa cho ý nghĩa "**Khai mở đất Tâm**" từ bậc Hạ đến bậc Thượng. Viện này biểu thị cho **Bi Môn** (Kāruṇa-mukha) của Quán Âm là cứu độ mê tình của 9 giới (1 cõi Dục, 4 cõi Sắc, 4 cõi Vô Sắc). 9 Tôn gồm có :

1_ Trừ Nhất Thiết Ưu Minh Bồ Tát (Sarva-śokatamoghāta-mati).

Sarva-śokatamoghāta-mati lại xưng là Trừ Nhất Thiết Ưu Ám Bồ Tát, Trừ Ưu Ám Bồ Tát, Trừ Nhất Thiết Ưu Não Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Bản Thệ **trừ tất cả ưu não ám tối của chúng sinh**

2_ Bất Không Kiến Bồ Tát (Amogha-darśana):

Amogha-darśana là vị Bồ Tát dùng 5 loại mắt: mắt thịt, mắt Trời, mắt Tuệ, mắt Pháp, mắt Phật nhìn khắp sự bình đẳng, sai biệt của chúng sinh trong Pháp Giới, hay trừ tất cả nẻo ác khiến chuyển hướng về Chính Đạo Bồ Đề, Niết Bàn cứu cánh.... cho nên gọi là **Bất Không Kiến**.

3_ Bảo Ấn Thủ Bồ Tát (Ratna-mudrā-hasta):

Ratna-mudrā-hasta dịch âm La Đát Nẵng Mộ Nại La Hạ Tát Đa, là vị Bồ Tát này dùng **Ấn Trị** quyết định chứng quả vị Tam Bồ Đề (Sambodhi: Chính Giác).

Tôn này biểu thị cho **Tam Muội Gia Bản Thệ Môn** của Địa Tạng Bồ Tát, cứu tế chúng sinh.

4_ Bảo Quang Bồ Tát (Ratna-kalā, hay Ratnākara):

Ratnākara dịch âm là La Đát Nẵng Ca La. Lại xưng là Bảo Xứ Bồ Tát, Bảo Sinh Bồ Tát, Bảo Tác Bồ Tát, Bảo Chưởng Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho việc dùng lòng bàn tay tuôn ra mọi báu ban bố cho chúng sinh

5_ Địa Tạng Bồ Tát (Kṣiti-garbha):

Kṣiti-garbha dịch âm là Khất Xoa Để Ngiệt Bà, nghĩa là đất hoặc Trú Xứ, hoặc hàm tàng (che dấu bên trong).

Địa Tạng Bồ Tát giống như Đại Địa hay nâng chịu tất cả Nghiệp Tội của chúng sinh mà an nhẫn chẳng động, đầy đủ Định Tuệ, hay biết rõ tất cả Bí Tạng.

Địa Tạng là vị Bồ Tát tự thề cứu độ hết chúng sinh trong sáu nẻo thì mới nguyện thành Phật.

Tôn này biểu thị cho Đại Nguyện **Nhẫn Nhục, Tinh Tiến** cứu độ tất cả chúng sinh

6_ Bảo Thủ Bồ Tát (Ratna-pāṇi):

Ratna-pāṇi dịch âm là La Đát Nẵng Bá Ni. Lại xưng là Bảo Chưởng Bồ Tát.

Do viên ngọc Như Ý tại bàn tay hay khiến cho ước nguyện của tất cả chúng sinh được đầy đủ cho nên xưng là Bảo Thủ Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho việc dùng viên ngọc báu Như Ý của Tâm Bồ Đề thanh tịnh hay thành mãn Tất Địa của Thế Gian và Xuất Thế Gian.

7_ Trì Địa Bồ Tát (Dharaṇi-dhāra):

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt giống như Đại Địa hay giữ gìn vạn vật, nuôi lớn Tâm Bồ Đề của chúng sinh.

8_ Kiên Cố Thâm Tâm Bồ Tát (Dṛḍhādhyāsaya):

Dṛḍhādhyāsaya dịch âm là Niết Lý Nại Địa Dã Xã dã, Địa Lợi Đát Địa Dã Xả Dạ. Lại xưng là Kiên Cố Tuệ Bồ Tát, Kiên Cố Bồ Tát, Kiên Cố Ý Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho sự **Nội Chứng** của Địa Tạng Bồ Tát là Tâm Đức bền chắc của Đại Địa.

9_ Nhật Quang Bồ Tát (Sūrya-prabha):

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt như ánh sáng mặt trời hay trừ ưu não ám tối cho chúng sinh của Địa Tạng Bồ Tát.

Các Tôn trong Viện này như Đại Địa bền chắc chẳng hoại, Tâm Bồ Đề kiên cố hay trụ giữ vạn vật. Lại như mọi loại kho báu của Đại Địa, đầy đủ căn lành của Tâm Bồ Đề như đồng với Địa Tạng hay sinh ra mọi báu của tất cả Công Đức, giáo hoá chúng sinh về Diệu Đức của nhóm Nhẫn Nhục, Tinh Tiến…Vì thế Địa Tạng Viện tức là hành động thực tiễn **Đại Bi Cứu Tế** của Liên Hoa Bộ.

_ **Quán Âm Viện**: Viện này có vị trí ở phương Bắc của Trung Đài Bát Diệp Viện. Lại xưng là Liên Hoa Bộ Viện, Pháp Bộ Viện

Viện này đại biểu cho Lý Đức "***Chúng sinh vốn có đủ tâm Tịnh Bồ Đề***". tức biểu thị cho Diệu Đức **Đại Bi Tam Muội** của Như Lai, hoặc **Diệu Quán Sát Trí** là một trong năm Trí của Như Lai.

Do trong thân chúng sinh vốn có đủ Lý Thanh Tịnh của Tâm Tịnh Bồ Đề. Tuy ở tại 6 nẻo, 4 loài, Thế Giới mê vọng… bị luân chuyển trong bùn dơ sinh tử nhưng Tâm Tịnh Bồ Đề vốn có đủ ấy vẫn chẳng bị nhiễm chẳng bị dơ, giống như hoa sen xuất ra từ bùn dơ mà chẳng bị nhiễm dính, vì thế được xưng là ***Liên Hoa Bộ Viện***

Lại nữa, do Tam Muội Đại Bi của Như Lai hay làm cho rạng rỡ tươi tốt muôn điều lành giúp cho chúng sinh tự thấu ngộ bản Tâm thanh tịnh không cấu nhiễm vốn có của mình nên được gọi là **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya)

Vì Viện này đại biểu cho dụng của **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna) là sự quán tưởng của Trí xem xét mọi tướng chung, tướng riêng của các Pháp mà không hề bị ngăn ngại cho nên được xưng là **Pháp Bộ** (Dharma-kulāya)

Viện này có 37 Tôn gồm 21 Tôn Chủ và 16 Tôn bạn thuộc nhóm Đại Thế Chí, minh họa cho Công Đức nội chứng của tất cả Như Lai. Viện này biểu thị cho **Đức Đại Bi** (Mahā-kāruṇa-guṇa) của Như Lai là giáo hóa hàng Hạ Căn. 37 Tôn gồm có:

1_ Liên Hoa Bộ Phát Sinh Bồ Tát (Padma-kulodbhava):

Tôn này biểu thị cho việc Hành Giả bắt đầu tu tập hạnh Đại Bi đối với tất cả chúng sinh, sinh ra mọi Công Đức **Hóa Tha** của Liên Hoa Bộ, để dần dần hoàn thiện mọi tướng tốt của **Báo Thân Phật,** tức 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp

2_ Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta):

Đại Thế Chí Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta), dịch ý là Đắc Đại Thế, Đại Tinh Tiến. Lược xưng là ***Thế Chí Bồ Tát.***

Tôn này dùng ánh sáng Trí Tuệ chiếu khắp tất cả khiến cho chúng sinh lìa xa ba nẻo ác, được sức vô thượng. Khi Tôn này bước đi thời tất cả đại địa đều chấn động cho nên xưng là **Đại Thế Chí**.

Tôn này với Quán Thế Âm Bồ Tát cùng theo hầu Đức Phật A Di Đà tại Thế Giới Cực Lạc, nên được xưng chung là **Tây Phương Tam Thánh**

Lúc còn ở Nhân Địa thời Đại Thế Chí Bồ Tát dùng Tâm niệm Phật mà nhập vào Vô Sinh Nhẫn cho nên nay nhiếp chúng sinh niệm Phật ở **Thế Giới Ta Bà** (Sahā-dhātu) quy về Tịnh Thổ.

Tôn này hay khiến cho chúng sinh xa lìa ba Độc, được sức vô thượng.

3_ Tỳ Câu Đê Bồ Tát (Bhṛkuṭi):

Tôn này là Hóa Thân của Thánh Mẫu Tārā, chủ về sự kính vâng theo Pháp Cứu Độ thanh tịnh và nhằm chặn đứng sự tàn phá của **Trí Đại Không** (Mahā-śūnya-jñāna) để hoàn thiện phước báu Diệu Hữu.

4_ Sứ Giả của Tỳ Câu Chi (Phụng Giáo Sứ Giả: Pratihāri):

Tôn này Thị Giả của ở cạnh bên phải Tỳ Câu Chi, cầu xin hoàn chỉnh Phước Báu Hữu Vi

5_ Thánh Quán Âm (Ārya-avalokiteśvara):

Lại xưng là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát, Chính Quán Thế Âm Bồ Tát, Chính Quán Âm. Là Bộ Chủ của Liên Hoa Bộ Viện tượng trưng cho Bản Nguyện dùng Từ Bi cứu tế chúng sinh.

Quán Thế Âm Bồ Tát còn đại biểu cho **Tâm Đại Bi** của chư Phật, biểu tượng của Ngài là hoa sen tượng trưng cho Trí thanh tịnh.

Nguyên Quán Thế Âm Bồ Tát cùng với Đức Phật A Di Đà chỉ là sự sai khác về Nhân và Quả, Ngài là Nhân còn A Di Đà Phật là Quả, có Nhân ắt có Quả, Quả ấy chứng tỏ chẳng trống rỗng (Bất Không) đồng thời biểu thị cho **tức Nhân tức Quả,** hiện bày ***Lý không hai*** của Nhân Quả, vì thế trong mão báu của Ngài có Đức Hóa Phật A Di Đà và Ngài được xem là **Chính Pháp Luân Thân** của Đức Phật A Di Đà.

Tôn này biểu thị cho **Đức Giải Thoát** là một trong 3 Đức của Niết Bàn là *Pháp Thân Đức , Bát Nhã Đức, Giải Thoát Đức.*

6_ Sứ Giả của Thánh Quán Âm (Liên Hoa Quân Trà Lợi: Padma-kuṇḍali):

Tôn này là Thị Giả ở bên cạnh phải của Thánh Quán Thế Âm Bồ Tát

7_ Đa La Bồ Tát (Tārā):

Còn gọi là Đa Lợi Bồ Tát, dịch ý là con mắt, con ngươi (đồng tử), Diệu Mục Tinh, Cứu Độ

Tôn này lại được xưng là Đa La Tôn, Đa Lợi Tôn, là thân Hóa Hiện của Quán Thế Âm cho nên cũng xưng là Đa La Tôn Quán Âm, Đa Lợi Quán Thế Âm.

Tārā là con mắt hay con mắt tĩnh diệu. Tôn này là một thân Hóa Hiện của Quán Thế Âm được sinh ra bởi ánh quang minh phóng ra từ mắt của ngài. Tôn này luôn nhìn tất cả chúng sinh giống như bà mẹ hiền theo dõi chăm sóc con thơ. Mục đích của Ngài là cứu độ chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử. Do chủ về hai Đức đại Bi và hàng phục nên Tôn này được xem là **Phật Mẫu** của Liên Hoa Bộ.

Tôn này có 21 loại Hóa Thân nên lại xưng là 21 Độ Mẫu.

Kinh **Đại Phương Quảng Mạn Thù Thất Lợi,** Phẩm **Quán Tự Tại Bồ Tát Thọ Ký** ghi nhận là:"Quán Tự Tại Bồ Tát nhập vào Tam Muội **Phổ Quang Minh Đa La** , dùng sức của Tam Muội nên trong con mắt phóng ra ánh sáng lớn, Đa La Bồ Tát liền

do ánh sáng này mà sinh ra. Ánh sáng của Đa La Bồ Tát này chiếu tất cả chúng sinh giống như lòng bi mẫn của bà mẹ hiền, cứu độ chúng sinh ra khỏi biển khổ sinh tử"

8_ Sứ Giả của Đa La (Tārā-ceṭi):

Tôn này là Thị Giả ở cạnh bên trái của Đa La Bồ Tát

9_ Đại Minh Bạch Thân Bồ Tát (Gaurī-mahā-vidya):

Tôn này là một trong 8 vị **Minh Phi** (Vidya-rājñi) có tên gọi là **Ngạo Lý Minh Phi** (Gaurī: Bạch Y Nữ) nên đồng Thể với Bạch Y Quán Âm, biểu thị cho Tâm Bồ Đề trắng tịnh.

10_ Mã Đầu Minh Vương Bồ Tát (Hayagrīva):

Lại xưng là Mã Đầu Quán Âm, là một trong sáu vị Quán Âm hóa độ sáu nẻo. Là thân Hóa cứu độ chúng sinh trong nẻo súc sinh của Đức Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Tôn này là một hiện thân của Quán Thế Âm với hình dáng to lớn , tóc dựng đứng lên, đôi mắt đầy phẫn nộ. Tôn tượng có 3 mặt, mỗi mặt có 3 mắt. Hiện tướng lộ 2 nanh cong lên hai bên mép miệng. Trên đỉnh trán của mặt chính có hình vị Hóa Phật, và đội đầu con ngựa ngay giữa đỉnh . Do đó Tôn này có tên là Quán Âm Đầu Ngựa (*Mã Đầu Quán Âm*).

Tôn này có đầy đủ tính cách của một vị Minh Vương nên được kể vào 8 **Đại Minh Vương** (Mahā-vidya-rāja) và gọi là **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja). Tôn này do nhân Đại Bi nên không trú ở Niết Bàn mà trụ trong cảnh giới Vô minh để đoạn tận các nẻo ác. Nói cách khác, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu là để tượng trưng cho sức tinh tiến của các vị Bồ Tát không bao giờ ngưng nghỉ ở bất cứ chỗ nào trong vòng sinh tử, cương quyết anh dũng đánh dẹp ***vô minh khổ não*** chẳng kể đến thân mệnh mình. Vì thế Tôn này có mật hiệu là **Tấn Tốc Kim Cương**

Lại nữa, Quán Thế Âm hiện thân Mã Đầu để biểu dương sức mạnh có thể nuốt được tất cả lửa dữ của Chúng Sinh nên Tôn này còn có Mật Hiệu là **Đạm Thực kim Cương** (Khāda-vajra)

11_ Đại Tùy Cầu Bồ Tát (Mahā-pratisarā):

Lược xưng là Tùy Cầu Bồ Tát, hay khiến cho tất cả chúng sinh viên mãn sự mong cầu.

Do Tôn này thường tùy theo sự nguyện cầu của chúng sinh mà diệt trừ Tội Vô Gián; trừ tai nạn về nước, lửa, đao binh, thuốc độc; trừ nạn Rồng Cá; miễn trừ nạn vua quan; cầu mưa; làm ngưng mưa gió; ban cho con cái, giúp cho vãng sinh về cõi Cực Lạc…. nên có tên là **Đại Tùy Cầu**.

12,13,14_ Ba vị Sứ Giả của Đại Tùy Cầu Bồ Tát:

Ba Tôn này đều có tên gọi là Liên Hoa Bộ Sứ Giả (Padma-ceṭi) ở trước mặt, phía bên phải Đại Tùy Cầu Bồ Tát.

15_ Tát Đỏa Bà Đại Cát Tường Bồ Tát (Stūpa-mahā-śrī):

Lại xưng là Tốt Đổ Ba Đại Cát Tường Bồ Tát. Là một trong 7 vị Bạch Cát Tường. Lại xưng là Tháp Đại Cát Tường Bồ Tát, Đới Tháp Đức Bồ Tát, Đới Tháp Cát Tường Bồ Tát.

Hoặc nói Tôn này là Di Lặc Bồ Tát, biểu thị cho Bồ Tát nối tiếp địa vị Như Lai Phật

16_ Gia Du Đà La Bồ Tát (Yaśodhara):

Lại xưng là Gia Du Đa La, Gia Duy Đàn. Dịch ý là Hoa Sắc, Tác Trì Dự , Trì Xưng.

Lại xưng là **La Hầu La Mẫu** (Rāhula-mātṛ) là người nữ cầm cây gậy (Daṇḍa-pāṇi) thuộc **giòng họ Thích** (Śākya) tại thành **Ca Tỳ La** (Kapila-vatsu) ở Trung Ấn Độ, vợ chính của Thái Tử **Tất Đạt Đa** (Siddhārtha), mẹ đẻ của **La Hầu La** (Rāhula)

Một Thuyết nói là con gái của Đại Thần **Ma Ha Ná Ma** (Mahā-nāma) thuộc giòng họ Thích của Tộc **Bà Tư Tra** (Vaśiṣṭhā)

Hoặc nói nguyên là con gái của vua **Thiện Giác** (Suprabuddha) của thành **Thiên Tý** (Devadaha), em gái của **Đề Bà** (Devadatta), tướng tốt đoan nghiêm, thù diệu bậc nhất, đủ các đức mạo.

Năm năm sau khi Đức Thích Tôn thành Đạo, Gia Du Đà La cùng với di mẫu của Đức Thích Tôn là **Ma Ha Ba Xà Ba Đề** (Mahā-prajapati) và 500 cô gái thuộc tộc Thích Ca…. xuống tóc nhuộm áo, thọ nhận Cụ Túc Giới làm Tỳ Khưu Ni.

Tôn này là vị Minh Phi có thế lực lớn, chủ trì việc an lập hạt giống Bồ Đề của tất cả chúng sinh. Các loại Công Đức đều hàm tàng trong vị Minh Phi này mà sinh ra

17_ Sứ Giả của Gia Du Đà La (Duṭī):

Dutì còn được gọi là Liên Hoa Bộ Sứ Giả có vị trí ở trước mặt Gia Du Đà La.

18_ Như Ý Luân Quán Âm (Cintā-maṇi-cakra):

Cintāmaṇi-cakra, dịch âm là Chấn Đa Ma Nê.

Trong Tôn Danh ấy: **Cintā** có nghĩa là suy tư, ước vọng, nguyện vọng. **Maṇi** có nghĩa là viên ngọc báu. **Cakra** có thể dịch là Viên (tròn trịa) hay Luân (bánh xe). Do vậy dịch ý là: Sở Nguyện Bảo Châu Luân, hoặc Như Ý Châu Luân. Nhưng từ xưa đến nay, phần lớn dịch là Như Ý Luân, Như Ý Luân Vương.

Do Bồ Tát này an trụ ở Tam Muội **Như Ý Bảo Châu** có thể như ý sinh ra vô số trân bảo, thường chuyển bánh xe Pháp nhiếp hóa hữu tình, như Nguyện trao cho phú quý, tài sản, Trí Tuệ, Thế Lực, Uy Đức… nên tên gọi được xưng đầy đủ là Như Ý Luân Quán Thế Âm Bồ Tát. Lại xưng là Như Ý Luân Bồ Tát, Như Ý Luân Vương Bồ Tát.

Như Ý Luân Quán Âm có một tay cầm viên ngọc Như Ý tượng trưng cho sự hay sinh ra hai loại tài bảo của Thế Gian với báu Thật Tướng của Xuất Thế Gian, hay khiến cho chúng sinh đầy đủ **Phước Đức**. Một tay cầm bánh xe vàng (kim luân) tượng trưng cho sự chuyển động tất cả Pháp Thật Tướng, hay khiến cho chúng sinh đầy đủ **Trí Đức**.

Tôn này thường dạo chơi trong sáu nẻo, dùng phương tiện Đại Bi giải trừ các khổ não cho chúng sinh.

19_ Sứ Giả của Như Ý Luân (Ratna-pūja):

Tôn này tên là **Bảo Cúng Dường** (Ratna-pūja) là Thị Giả ở trước mặt Như Ý Luân Bồ Tát

20_ Đại Cát Tường Đại Minh Bồ Tát (Mahā-śrī-mahā-vidya):

Đại Cát Tường (Mahā-śrī) biểu thị cho sự chẳng nhiễm sinh tử, là Tam Muội **Thanh Tịnh Vô Cấu Liên Hoa**

Đại Minh (Mahā-vidya) có nghĩa là **chiếu ứng độ cơ** không có bờ mé

Lại xưng là Đại Cát Tường Quán Tự Tại Bồ Tát, Đại Cát Tường

21_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Đại Minh (Mālā-pūja)

Vị Sứ Giả này tên là **Man Cúng Dường** (Mālā-pūja) có vị trí ở cạnh bên trái của Đại Cát Tường Đại Minh Bồ Tát

22_ Đại Cát Tường Minh Bồ Tát (Śrī-mahā-vidya):

Lại xưng là Cát Tường Quán Tự Tại Bồ Tát, Cát Tường Bồ Tát, Cát Tường.

Tôn này biểu thị cho sự chẳng nhiễm sinh tử, trong sạch không dơ, tức dùng Pháp Môn **trong sạch không nhiễm dính** phá trừ sự ưu ám của chúng sinh.

23_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Minh Bồ Tát (Padma-kula-ceṭī)

Tôn này là Liên Hoa Bộ Sứ Giả (Padma-kula-ceṭī) có vị trí ở bên cạnh thân của Đại Cát Tường Minh Bồ Tát

24_ Tịch Lưu Minh Bồ Tát (Śivāvaha-vidya):

Tôn này là **thân phẫn nộ** (krodha-kāya) của Liên Hoa Bộ. Quan hệ với Tôn của Định Môn, chọn lấy sự vắng lặng làm nghĩa lưu giữ của Tâm nên xưng là Tịch Lưu Minh

25_ Bị Diệp Y Quán Âm (Palāśaṃbarī):

Palāśaṃbarī còn được ghi nhận tên Phạn là Parṇa-śavari, dịch ý là mặc áo lá (bị diệp y). Lại xưng là Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát, Diệp Y Bồ Tát, Diệp Y Quán Âm, là một trong các ứng hóa thân của Quán Âm. Do thân này ở trong lá sen nên xưng lạ Bị Diệp Y.

Tôn này chuyên trừ các loại bệnh tật, cầu trường thọ, đảo bệnh, an trấn phòng ốc

26_ Bạch Thân Quán Tự Tại Bồ Tát (Śveta-bhagavati):

Lại xưng là Thấp Phệ Đa Bồ Tát, Bạch Thân Bồ Tát, Ma Ha Thấp Phệ Đa Bồ Tát, Thấp Phệ Đa Bạch Thân Bồ Tát, Bạch Thân Quán Âm, Bạch Tôn Giả.

Bạch (Śveta:màu trắng) biểu thị cho Đại Bi thanh tịnh. **Thân** (Aṃge: trong các chi phần của thân) biểu thị cho Đức tụ tập. **Bạch Thân** (Śvetāṃge) biểu thị cho ý tụ tập Đại Bi thanh tịnh

Tôn này biểu thị cho sự tụ tập Đại Bi trắng tịnh

27_ Phong Tài Bồ Tát (Bhogavatī):

Phong Tài Bồ Tát (Bhogavatī), dịch ý là: Phước Đức, Tôn Quý. Lại xưng là Tư Tài Chủ Bồ Tát.

Do Phước Đức, Trí Tuệ, Tư Tài của Tôn này rất dư dả, hay tự tại ban cho người mong cầu cho nên xưng là Phong Tài Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho hai Môn **Phước,Trí**

28_ Sứ Giả của Phong Tài Bồ Tát (Padma-kula-ceṭī):

Tôn này là Liên Hoa Bộ Sứ Giả

29_ Bất Không Quyến Sách Quán Âm (Amogha-pāśa):

Lại xưng là Bất Không Quyến Sách Quán Tự Tại, Bất Không Vương Quán Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Quảng Đại Minh Vương Quán Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Tất Địa Vương Quán Thế Âm Bồ Tát. Là một trong 6 vị Quán Âm

Bất Không (Amogha) là một tên gọi của Bất Không Quyến Sách Quán Âm, ý nghĩa là chỉ Tâm Nguyện chẳng Không.

Quyến Sách (Pāśa) nguyên là chỉ ở Ấn Độ Cổ Đại, trong lúc chiến tranh hoặc săn bắn dùng dây thừng để bắt Người và Ngựa.

Dùng **Bất Không Quyến Sách** làm tên gọi , ý nghĩa là tượng trưng cho Quán Thế Âm Bồ Tát dùng sợi dây của Từ Bi, cứu độ hóa đạo chúng sinh, Tâm Nguyện ấy chẳng nhiễm dính sự trống rỗng (bất nhiễm không), nên cũng dùng sợi dây làm Tam Muội Gia Hình

Tôn này biểu thị cho ý nghĩa **Nhiếp Phục chúng sinh**, thể hiện Từ Bi rộng lớn của Thệ Nguyện thâm sâu.

30_ Sứ Giả của Bất Không Quyến Sách Bồ Tát (Dūṭī):

Tôn này tên Dùtì, là Liên Hoa Bộ Sứ Giả

31_ Thủy Cát Tường Bồ Tát (Udaka-śrī):

Lại xưng là Đại Thủy Cát Tường Bồ Tát.

Tôn này được xem là quyến thuộc của Đa La Bồ Tát, dùng nước Trí (Trí Thủy) của Đại Nhật Như Lai rưới rót chúng sinh.

32_ Sứ Giả của Thủy Cát Tường Bồ Tát (Dhūpa-pūja)

Tôn này là **Thiêu Hương Cúng Dường Sứ Giả** (Dhūpa-pūja) là vị Bồ Tát dâng hương cúng dường và là Sứ Giả của Thủy Cát Tường Bồ Tát.

33_ Sứ Giả của Thủy Cát Tường Bồ Tát (Gandha-pūja)

Tôn này là **Đồ Hương Cúng Dường Sứ Giả** (Gandha-pūja), là Sứ Giả của Thủy Cát Tường Bồ Tát.

34_ Đại Cát Tường Biến Bồ Tát (Lakṣma-mahā-vidya):

Lại xưng là Đại Cát Biến Bồ Tát. Tôn này trụ ở Tam Muội **Như Huyễn** , biểu thị cho Đức của Phổ Môn Thị Hiện

35_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Biến Bồ Tát (Dūṭī)

Tôn này tên là Dūṭī, là Sứ Giả của Đại Cát Tường Biến Bồ Tát và là Liên Hoa Bộ Sứ Giả.

36_ Sứ Giả của Đại Cát Tường Biến Bồ Tát (Dūṭī)

Tôn này tên là Dùtì, là Sứ Giả của Đại Cát Tường Biến Bồ Tát và là Liên Hoa Bộ Sứ Giả.

37_ Bạch Xứ Tôn Bồ Tát (Pāṇḍara-vāsinī):

Bạch Xứ Tôn Bồ Tát tức **Bạch Y Quán Âm** (Pāṇḍara-vāsinī). Dịch ý là Bạch Trú Xứ.

Tôn này trú ở tâm Bồ Đề trắng tịnh nên xưng là Đại Bạch Y Quán Âm, Bạch Xứ Tôn Bồ Tát, Bạch xứ Quán Âm, Bạch Y Quán Tự Tại Mẫu. Tôn này biểu thị cho **BỘ MẪU** của Liên Hoa Bộ (Padma-kulāya) hay sinh ra các Tôn thuộc Liên Hoa Bộ.

Tôn này còn có tên là **Tống Tử Quan Âm**

_Bản khác thay Sứ giả của Tỳ Câu Đê Bồ Tát bằng **Thanh Cảnh Quán Âm** (Nīlakaṇṭha-avalokiteśvara), thay Phong Tài Sứ Giả bằng **A Ma Tai Quán Âm** (Avaṭai-avalokiteśvara) và thay Sứ Giả của Gia Thâu Đà La bằng **Hương Vương Quán Âm** (Gandha-rāja-avalokiteśvara)

Do Chí Nguyện cứu độ mê tình của 9 Giới và giáo hóa hàng Hạ Căn nên tất cả Bậc Thánh Tôn này đã điều dụng các phương tiện sẵn có chung quanh để làm việc không ngừng, không biết mệt, không biết chán, không bị vướng mắc bởi thành quả của việc làm qua bã Lợi Danh. Các Ngài thản nhiên trước sự khen tặng hay chỉ trích mà chỉ chú ý đến việc làm, sự phục vụ, quên mình để hiến thân đem lại sự tốt đẹp và an lành cho Thế Gian. Tức là *đảm nhận những việc làm khó khăn của Trần Thế.*

Lại nữa trong quá trình cứu độ và giáo hóa chúng sinh, các Ngài dùng mọi phương tiện ngôn ngữ để nhiếp thọ họ dẫn đi vào Chính Đạo. Do vậy mà các Ngài được gọi là *Bậc có âm giọng thanh tịnh* (Śuddha-nādaṣya).

Nói theo cách khác, các vị Thánh Tôn của Liên Hoa Bộ tuy lao vào vũng bùn sinh tử uế trược để cứu tế chúng sinh nhưng Tâm Ý không hề bị vướng mắc bởi bùn nhơ uế nhiễm nên các Ngài được gọi là các Bậc Thánh thanh tịnh. Đồng thời do mọi hành động, ngôn từ đều nhiếp dẫn các loài mê tình đi vào nẻo chính giải thoát nên các Ngài được xem là Bậc hay dạy lời triệu mời Chính Giáo Thánh Diệu, đó là những Giáo Lý sâu sắc chân thật phát xuất từ Trí Tuệ viên mãn của Đức Phật nhằm giúp cho tất cả chúng Hữu Tình nương vào đó tu tập để vượt thoát vòng sinh tử luân hồi.

Có điều, chúng ta là những kẻ kém may mắn là không được gặp Đức Phật để có thể nghe nhận trực tiếp lời dạy bảo của Ngài. Vì thế để thực hành một Giáo Pháp, chúng ta cần phải tìm tòi, suy gẫm, đối chiếu xem Pháp ấy có được trao truyền từ Đức Phật không, nếu đúng thì chúng ta hãy tin nhận phụng hành.

Theo Truyền Thống của các Hiền Giả Ấn Độ và Tây Tạng. Để có thể minh định được Giáo Pháp mà chúng ta sẽ thực hành chính là sự truyền dạy của Đức Phật thì chúng ta nên tìm hiểu kỹ hai vấn đề sau

1) Sự vĩ đại của Đạo Sư (hay Tác Giả) được nói lên để chứng minh rằng Giáo Lý này có một nguồn gốc trong sạch

Như truy tìm cội nguồn của một con sông, chúng ta cần phải đi trở ngược dòng sông, trở về nơi phát khởi. Cũng thế, chúng ta cần phải truy tầm một Giáo Pháp trở lui về Đức Phật thông qua các Bậc Đạo Sư, các Bậc Hiền Trí. Như vậy, chúng ta sẽ khởi sự bằng cuộc đời Đức Phật và những tiểu sử của những Bậc Thầy thuộc tất cả Hệ Phái và phương cách mà các Ngài đã thực hiện để đạt được những Quả Vị cao siêu trong Pháp ấy. Nhờ vậy, chúng ta sẽ minh định được cội nguồn trong sạch của Pháp mà chúng ta sẽ thực hành.

2) Sự vĩ đại của Pháp, được nói để tăng niềm tin tưởng đối với Giáo Lý. Một Giáo Pháp được gọi là chân chính nếu nó hàm chứa 4 sự vĩ đại

a) Sự vĩ đại giúp cho chúng ta nhận ra rằng mọi Giáo Lý đều ăn khớp với nhau

b) Sự vĩ đại khiến cho mọi Kinh Điển trở thành những lời chỉ giáo cho chúng ta

c) Sự vĩ đại cho phép chúng ta dễ dàng tìm ra ý thật của Đức Phật

d) Sự vĩ đại giúp cho chúng ta tự cứu mình thoát khỏi những Tà Hạnh tệ nhất.

Sau khi đã minh xác được nguồn gốc và tính cách vĩ đại của Pháp, chúng ta cần phải khéo léo tu tập thành tựu Pháp này vì nó chính thực là Chính Giáo Thánh Diệu.

Do tinh yếu của Chính Giáo Thánh Diệu không xa lìa 2 mục đích là **Tự Giác** (Khai mở Tâm Địa) và **Giác Tha** (Đức của Đại Bi). Vì thế Tâm Chú Đại Bi đã khuyên dạy chúng ta nên khéo léo chọn Pháp Tu qua sự quy mệnh tất cả Bậc Hiền Thánh thanh tịnh trong Liên Hoa Bộ vậy.

NAMASKṚTVA IMAṂ ĀRYA-AVALOKITEŚVARA LAṂTABHA

Con xin kính lễ núi Bổ Đà Lạc Ca là nơi cư ngụ của Bản Tôn Thánh Quán Tự Tại

Núi **Bổ Đà Lạc Ca** (Potalaka) là nơi cư ngụ của Bồ Tát Quán Tự Tại. Núi này có 9 ngọn, ngọn chính giữa biểu thị cho Bản Giác, 4 ngọn ở 4 phương biểu thị cho ngàn ánh quang minh đang phóng tỏa ra, 4 ngọn còn lại biểu thị cho sự nghiệp Đại Bi của Bồ Tát Quán Tự Tại là cứu khổ cứu nạn và dứt trừ mê tình cho tất cả chúng sinh không còn sót một ai.

Trong thực tế, nhiều Bậc Giác Giả sau khi chứng ngộ được cảnh giới **Niết Bàn** (Nirvāṇa). Các Ngài nhận thấy rằng dù có cứu độ chúng sinh hay không cứu độ chúng sinh thì Chân Như Pháp Giới vẫn không thêm không bớt. Hơn nữa chúng Hữu Tình tự làm theo ý thích của mình, hễ yêu mến thì quy thuận còn không ưa thích thì buông bỏ, tự tu tự ngộ miễn là họ quyết Tâm tu sửa thực hành theo Chính Pháp và chẳng cần tới sự cứu độ hộ trì. Do vậy, các Ngài chấp nhận nhập vào Niết Bàn để thọ hưởng sự an lạc vĩnh cửu. Đó là mục đích cuối cùng của hàng Nhị Thừa và Bồ Tát bị thoái chuyển. Chính hiện tượng tiêu cực này đã khiến cho một số người tu học Phật lầm tưởng rằng mục tiêu rốt ráo của Phật Giáo chỉ là cõi Hư Vô nên đã có nhiều hành vi sai trái đáng tiếc. Tư tưởng này được ông Tam Bất **Nguyễn Vũ Nhan** ghi nhận qua bài thơ HƯ VÔ

"Dĩ vãng là Không bởi đã rồi
Mà Không, Không cả đến tương lai
Dẫu cho nhân loại còn hay mất
Vũ trụ không đầy cũng chẳng vơi"

Đức Quán Tự Tại Bồ Tát thì không như vậy. Vào thuở xa xưa, Ngài đã thành Phật, hiệu là **Chính Pháp Minh Như Lai** (Samyak-dharma-vidya Tathāgata) vì thương xót chúng Hữu Tình đang chìm đắm trong biển khổ sinh tử nên Ngài đã từ bỏ sự an lạc của Đại Niết Bàn, quay trở lại cõi trần Thế mang thân Bồ Tát, cam chịu sự

lao nhọc cực khổ để hóa độ chúng sinh. Đây là sự kiện hiếm hoi nên chư Phật ở 10 phương đều khen ngợi.

Ngài **Tịch Thiên** (Śānti-deva) có nói :
" Còn gì cần nói nữa
Kẻ ngu làm việc cho Tự Lợi
Chư Phật làm việc cho Tha Lợi
Hãy nhìn sự khác nhau
Nếu tôi không đổi hạnh phúc của mình
Lấy đau khổ của người
Thì tôi sẽ không đạt thành Phật Quả
Và trong sinh tử, tôi cũng không có niềm vui chân thật"

Do Bồ Tát Quán Tự Tại dùng núi Bổ Đà Lạc Ca làm nơi trú ngụ để thi hành Tâm Nguyện cứu khổ cứu nạn và hóa độ chúng sinh nên núi Bổ Đà Lạc Ca được xem là biểu tượng của Tâm Đại Bi. Vì vậy người tu học Pháp Đại Bi cần phải kính lễ núi Bổ Đà Lạc Ca để uốn nắn Tâm Ý của mình không cho xa lìa trọng điểm "**Phục vụ vị tha**" vậy.

NAMO NĪLAKAṆṬHA HṚ MAHĀ-PATAŚAMI. SARVĀTHA DU ŚUPHAṂ AJIYAṂ SARVA SATVA NĀMA BHAGA MĀ BHĀTI DU

Con xin quy mệnh Đức Thanh Cảnh Bồ Tát là Bậc có Tâm Từ Bi Hiền Ái. Hay phóng tỏa ánh quang minh vô vi nghiêm tịnh, dạy Pháp không thể sánh là Phật Pháp rộng lớn vô biên khiến cho kẻ tu hành hết si mê giữ được Giới thanh tịnh

NĪLAKAṆṬHA có nghĩa là cái cổ màu xanh nên gọi là Thanh Cảnh. Vì Chí Nguyện muốn dứt trừ mọi sự sợ hãi, oán nạn, đau khổ… cho tất cả chúng sinh nên Ngài đã ăn nuốt tất cả chất độc, mọi loại uế ác bất thiện… mà có cái cổ màu xanh. Hiện tượng này còn biểu thị cho nghĩa thọ nhận mọi sự đau khổ thay cho chúng sinh và ban niềm hạnh phúc đến cho họ. Do vậy , Thanh Cảnh Bồ Tát được gọi là Bậc có Tâm Từ Bi Hiền Ái và biểu thị cho Công Đức Nội Chứng của Quán Tự Tại Bồ Tát.

Tùy theo phương tiện ứng cơ hóa độ, Thanh Cảnh Quán Âm hiện ra một trong năm loại thân là :

1) Thân có một mặt hai tay. Tay trái cầm hoa sen, tay phải giương chưởng (Thí Vô Úy Ấn), ngồi Kiết Già trên tòa sen

2) Thân như Thánh Quán Âm có cái cổ màu xanh, hiển hiện ngàn mắt ngàn tay. Do Tôn Tượng này mà Thanh Cảnh Quán Âm được tôn xưng là Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm

3) Thân có một mặt 4 tay. Bên trái: tay thứ nhất cầm **bánh xe** (Luân: cakra), tay thứ hai cầm **hoa sen** (Padma). Bên phải: tay thứ nhất cầm **vỏ ốc** (Loa: Śaṅkha), tay thứ hai cầm **cây gậy** (Yudha) trên cây gậy có **viên ngọc Như Ý** (Cintāmaṇi). Ngồi Bán Già trên tòa sen với tòa sen ở trên cái chuông úp. Đầu đội mão báu, trong mão có vị Hóa Phật (Phật A Di Đà)

4) Thân có 3 mặt 4 tay. Mặt chính có dung mạo Từ Bi vui vẻ, bên phải là **mặt Sư Tử** (Siṃha-mukha), bên trái là **mặt heo** (Varāha-mukha) có nanh bén. Đầu đội mão báu, trong mão có vị **Hóa Vô Lượng Thọ Phật**. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây gậy trên gậy có viên ngọc Như Ý, tay thứ hai cầm Hoa Sen. Bên trái: tay thứ nhất cầm

vành xe, tay thứ hai cầm vỏ ốc. Mặc quần da cọp, dùng da hươu đen làm khăn quấn khoác ở góc vai trái, dùng con rắn đen làm Thần Tuyến từ bắp tay trái rũ xuống. Ngồi trên tòa sen với Anh Lạc, vòng xuyến, ánh lửa trang nghiêm thân thể.

5) Thân có một mặt 2 tay, dung mạo tương tợ Thần Śiva ngồi trên toà sen. Thân khoác áo da hươu, đeo con rắn đen ở cổ làm Thần Tuyến, nâng bàn tay phải ngang vai cầm vật báu hình bánh xe, ngửa lòng bàn trái để dưới rốn trên hai gót chân đang ngồi theo thế Kiết Già. Trong Quán Âm Viện thuộc **Thai Tạng Giới Man Đa La** do A Xà Lê minh hoạ thì Tôn Tượng này được xưng là **Lộc Bì Y Hình** (hình tượng mặc áo da hươu).

HṚ MAHĀ-PATAŚAMI có nghĩa là: Nơi Nội Tâm tỏa ra ngọn lửa sáng to lớn. Hiện tượng này biểu thị cho **Đại Không Trí Hỏa Tam Muội** (Mahā-śūnya-jñāna-agni samādhi) có công dụng hay thiêu đốt tất cả bụi dơ vô thủy vô minh của chúng sinh và giúp cho mầm giống của Tâm Bồ Đề được sinh trưởng.

SARVĀTHA DU ŚUPHAṂ có nghĩa là: Đốt cháy khắp mọi nơi khiến cho chiếu sáng. Tức là dùng Lửa Xuất Thế Gian (Trí Hỏa) đốt cháy mọi vô minh, phiền não, ám chướng của tất cả chúng sinh nhằm hiển hiện cảnh giới Vô Vi thanh tịnh (Tự Giác Viên Mãn)

AJIYAṂ có nghĩa là: Không có cái gì vượt hơn được, nhằm nhấn mạnh chỉ có đường lối dẫn đến Trí Tuệ Siêu Việt tức Phật Pháp mới đáng cho chúng ta noi theo.

SARVA SATVA NĀMA BHAGA có nghĩa là: Tất cả Đức Hạnh, Danh Xưng của Bậc có Tâm dũng mãnh. Tức là cần phải thực hiện công hạnh Phục Vụ Vị Tha để viên mãn Phước Báu (Giác Tha Viên Mãn)

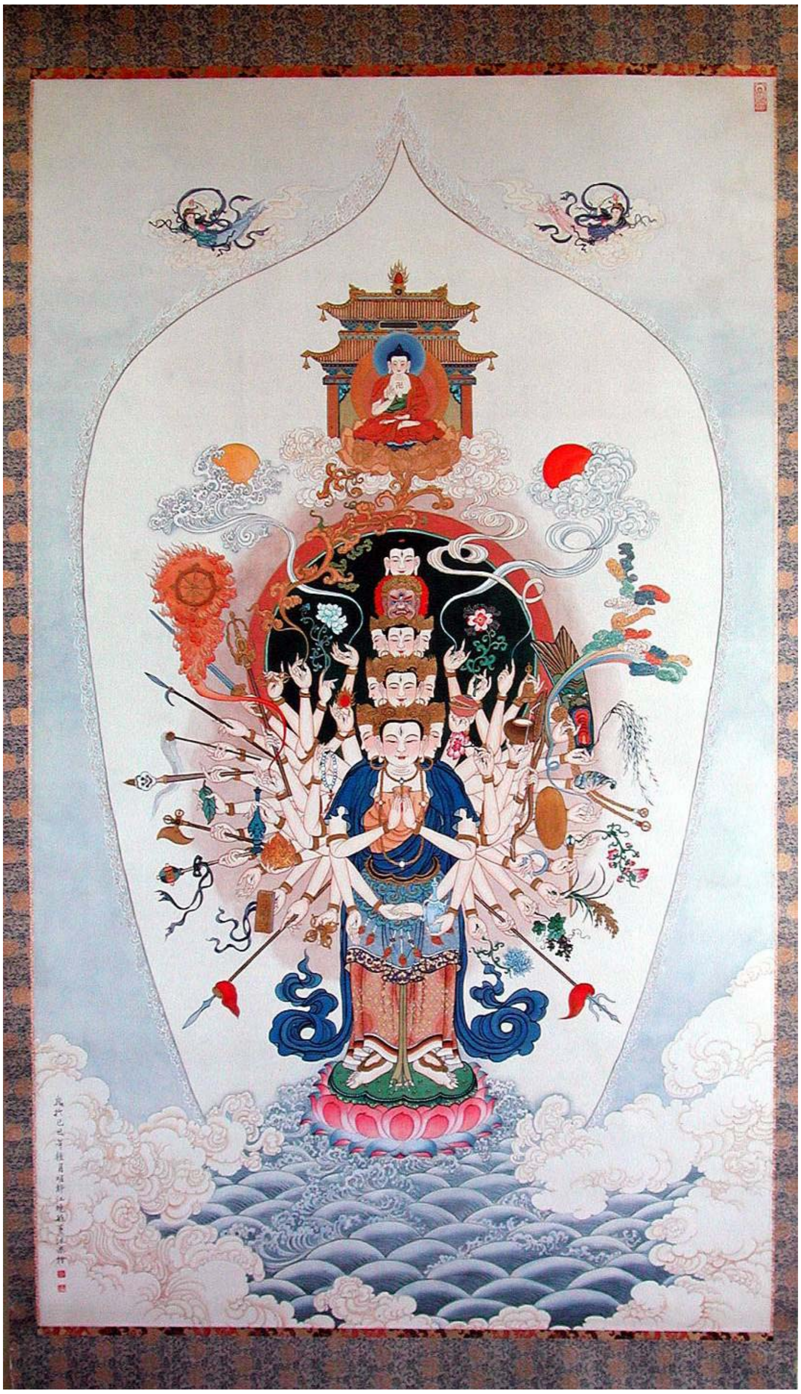
MĀ BHĀTI DU có nghĩa là: Đừng làm hư hỏng sự chói lọi rực rỡ. Tức là chúng ta cần phải noi theo và thực hiện nghiêm mật đường lối giải thoát chân chính này.

Nói theo cách khác, ngay lúc thực chứng được năng lực vi diệu của Đại Bi Tâm Đà La Ni, Đức Quán Tự Tại Bồ Tát liền ứng hiện thân ngàn mắt ngàn tay với tất cả vật báu trang nghiêm thân nhằm biểu thị cho sự phối hợp thâm diệu giữa Tuệ Giác siêu việt (Ánh Quang Minh Vô Vi), Phước báu viên mãn (Nghiêm tịnh) và phương tiện thiện xảo nhằm giúp cho chúng Hữu Tình thỏa mãn mọi mong ước tùy theo căn tính của mỗi loài (Tâm Từ Bi hiền ái). Đây chính là **Tâm Đại Bi** chân thật. Cũng do Tâm này mà Chư Phật đã hóa hiện ra nhiều thân ứng hợp với khả năng, tính tình, ước nguyện, bản năng của mỗi một Hữu Tình và chư Phật cũng dùng mọi thứ ngôn ngữ thích ứng với từng loại Hữu Tình để giáo hóa chúng. Do vậy Tôn Hình Thiên Thủ Thiên Nhãn Thanh Cảnh Quán Âm còn được biểu thị cho diệu dụng của Phật Quả là khéo léo hóa độ vô lượng vô số chúng sinh khiến cho họ mau chóng “**Chuyển mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc”.**

Chính vì lý do này mà chúng ta cần phải quy mệnh với Đức Thanh Cảnh Bồ Tát để có thể nương theo diệu dụng nhiệm màu của Phật Quả mà gieo trồng Phật Nhân ngỏ hầu mau chóng thành Phật Thân.

Tóm lại, trong phần QUY KÍNH TÔN ĐỨC MÔN Tâm Chú Đại Bi đã hướng dẫn cho người tu học biết cách phát Tâm nương theo Tam Bảo để xa lìa nẻo ác, tu tập hạnh lành (Nhân Thiên Thừa) cho đến khởi Tâm nhàm chán quyết chí xa lìa sinh tử luân hồi (Nhị Thừa) Cuối cùng là huân tập Tâm Đại Bi, phát Tâm Bồ Đề, dũng mãnh thi hành vạn hạnh cứu độ chúng sinh và chứng đạt Phật Quả (Bồ Tát Thừa: Bodhisatva-yàna). Tuy nhiên Tâm Chú đã nhấn mạnh vào lý tưởng ***“Vì tất cả Hữu Tình”*** nhằm ca ngợi Tâm Đại Bi của chư Phật ba đời

Ngài **Candra-kīrti** (Nguyệt Xứng) có nói:
“***Tình yêu là hạt giống cho mùa gặt lớn lao***
Quả vị của một Đấng Chiến Thắng
Cũng như nước, Tình Yêu làm cho mùa màng tăng trưởng
Và về sau nó chín, thành tất cả kết quả ước ao
Như thế nó đã chín mùi để sẵn sàng sử dụng
Chính vì thế mà ngay từ đầu
Tôi ca tụng Tâm Đại Bi”



II- PHỔ CHỨNG ĐẠI BI TÂM MÔN:

TADYATHĀ: OṂ _ AVALOKI! LOKATE, KALATI

Như vậy: Hỡi Đức Quán Thế Âm! Ngài là Bậc Đại Bồ Tát biểu hiện cho Thể Quang Minh, thường mang lòng Bi Mẫn, cứu khổ cứu nạn, hóa độ khắp cả chúng sinh.

Kinh sách thường ghi chép rằng: "Khi gặp đại sự nhân duyên, Chư Phật thường phóng tỏa ánh quang minh chiếu soi vô lượng vô số Thế giới ở khắp 10 phương. Bất kỳ chúng sinh nào thuộc các Thế giới ấy, nếu tiếp chạm được hoặc nhìn thấy ánh quang minh đang phóng tỏa đó đều trừ hết mọi khổ não và nhận được vô lượng niềm vui".

Do vậy THỂ QUANG MINH thường biểu thị cho năng lực vi diệu thuộc Tâm Đại Bi của Chư Phật ba đời và Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là nhân vật đại biểu cho năng lực Đại Bi vi diệu này.

Đối với khắp tất cả chúng sinh, Quán Thế Âm Bồ Tát đã ban rải Tâm Từ Bi lên khắp cả, sâu rộng và đậm đà như người mẹ hiền chăm sóc bảo vệ đứa con duy nhất của mình. Ngài luôn đưa mắt tìm kiếm những chúng sinh bị ách nạn để kịp thời cứu giúp. Ngài luôn lắng nghe để nhận biết tiếng kêu than đau khổ của chúng sinh mà kịp thời xoa dịu nỗi đau khổ cho họ. Đối với chúng sinh cương cường ngang ngược, Ngài kiên nhẫn tìm phương cách để uốn nắn giáo hóa khiến cho chúng dần dần đi vào nẻo giải thoát.

Trong công tác hóa độ, Ngài hòa mình với tất cả chúng sinh, làm việc không biết mệt không biết chán, hăng say dẹp phá Vô minh khổ não cho chúng sinh với ước mong duy nhất là đem lại sự an lành sáng suốt cho họ. Ngài còn hiện thân ở khắp 10 phương Thế giới, hiện đủ mọi hình dạng để tùy theo cơ duyên, trường hợp khác nhau mà dùng phương tiện hóa độ thích ứng như hiện ra 33 Ứng Thân và dùng 19 lối thuyết Pháp nhằm giúp cho các chúng sinh tự diệt trừ Tham Sân Si phiền não ở Thân Tâm mình.

Vào thuở xa xưa, Ngài đã thành Phật trước cả Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, có hiệu là **Chính Pháp Minh Như Lai** (Samyak-dharma-vidyā Tathāgata) nên có nơi còn gọi Ngài là Quán Âm Cổ Phật. Do Ngài từ bỏ sự an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn quay trở lại Thế gian sinh tử, cam chịu nỗi khổ nhọc cứu độ chúng sinh và giúp cho họ đi đến bờ giải thoát. Hiện tượng **quay ngược thuyền Từ** (đảo giá Từ hàng) này đã minh xác được lòng Đại Từ Đại Bi của Ngài phát khởi từ sự thương xót chúng sinh một cách chân thật. Nghĩa là "**Nỗi buồn khổ của chúng sinh chính là nỗi buồn khổ của Ngài, và niềm vui sướng của chúng sinh cũng chính là niềm vui sướng của Ngài".**

Nói cách khác, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát là hiện thân của Đại Bi và Đại Bi chính là Diệu Tâm của Chư Phật ba đời. Diệu tâm này có đầy đủ công năng mang lại sự tốt lành bình an cho muôn loài. Bất kỳ kẻ nào, nếu có Tâm Chân chính, Thành ý và thiết tha hướng tâm về trọng điểm "**Phục vụ vị tha**" sẽ mau chóng thông đạt được Thể Tính nhiệm màu của muôn Pháp và viên mãn mọi mong cầu. Đây chính là công năng giáo hóa Vô Hình Vô Tướng của **Pháp Thân Phật** (Dharma-kāya Buddha). Từ uy lực Vô Hình Vô Tướng của Bản Thể Uyên Nguyên này đã biến thành hiện thực theo sự Định Tâm Nhiếp Ý để thỏa mãn các yêu cầu của chúng sinh. Mật Tông Phật Giáo đã dựa vào năng lực vi diệu của Tâm Đại Bi để xây dựng **Biến Hóa Pháp Thân** (Nirmāṇa-dharma-kāya) và **Đẳng Lưu Pháp Thân** (Niṣyanda-dharma-kāya) tức Hóa

Thân đồng với Đẳng Tướng của chúng sinh trong 9 Giới (Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, A Tu La, Nhân Gian, Thiên Thượng, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát).

I HELIḤ MAHĀ-BODHISATVA! SARVA SARVA, MĀLA MĀLA, MASĪ MASĪ HṚDAYAṂ

Xin Ngài đem Phật Pháp bình đẳng làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh, giúp cho họ tăng trưởng Thiện Pháp Như Ý thắng thượng, tu thành thân Kim Cương Pháp, ngồi trên tòa sen báu

_ MAHĀ-BODHISATVA hay Đại Bồ Tát: là Bậc Giác Hữu Tình có đầy đủ khả năng thành Đấng Toàn Giác và không hề bị thoái lui. Đây tức là bậc đang dấn bước trên con đường rộng lớn, phát huy lòng bi mẫn cao độ, cứu tế tất cả chúng Hữu Tình bằng mọi phương tiện thiện xảo. Trong đoạn Chú này, MAHĀ-BODHISATVA chính là Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và biểu thị cho năng lực Đại Bi vi diệu.

_ I HELIḤ MAHĀ-BODHISATVA có nghĩa là kêu gọi năng lực Đại Bi vi diệu hãy chiếu sáng một cách vô tư để hóa độ chúng sinh.

_ SARVA nghĩa là tất cả. Do lập lại hai lần nên biểu thị cho tất cả Phật Pháp tương ứng với tất cả căn cơ của mỗi một chúng sinh và đưa họ đi vào nẻo giải thoát.

Như chúng ta đã biết, Phật Pháp tuy có rất nhiều nhưng hết thảy đều có chung một Vị, ấy là Vị Giải thoát của Chư Phật.

Kinh **Trung A Hàm** có ghi: "Như Lai chỉ dạy có một điều là sự đau khổ và sự chấm dứt đau khổ"

Kinh **Pháp Hoa**, phẩm thứ Năm "**Dược Thảo**" có ghi:

"Này Ca Diếp! Cũng như vầng mây lớn bao phủ tam Thiên Đại Thiên Thế Giới rồi tuôn mưa xuống tưới mát cho tất cả cây cối và cỏ thuốc từ nhỏ đến lớn làm cho mỗi một loại tùy theo sức, tùy theo phần, tùy theo mục đích và cảnh thế mà hút lấy nước mưa để nảy nở đúng theo giống của mình. Giáo Pháp mà Phật nói ra cũng như thế đó. Pháp Phật là Pháp chung cùng của chúng sinh. Nó chỉ có một hình tướng, một ý vị mà thôi. Tính Tướng của nó là sự giải thoát, xả ly, tịch diệt. Tức là nơi cuối cùng mà chúng sinh đạt tới sau khi đi trọn nẻo Trí của Phật, khi ấy họ mới hiểu tất cả".

Kinh **Đại Nhật**, **quyển 1, phần 1** "**Nhập Chân ngôn Môn Trụ Tâm**" có ghi: "Thế Tôn! Đấng Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri đắc được Nhất Thiết Trí Trí rồi lại vì vô lượng chúng sinh rộng nói phân bày tùy theo mỗi một nẻo (6 nẻo luân hồi), mỗi một loại Tính Dục, mỗi một đạo phương tiện để diễn nói Nhất Thiết Trí Trí. Hoặc đạo Thanh Văn Thừa, hoặc đạo Duyên Giác Thừa, hoặc đạo Đại Thừa, hoặc đạo Ngũ Thông Trí, hoặc nguyện sinh về cõi Trời, hoặc nói về Pháp sinh trong hàng: Người, Rồng, Dạ Xoa, Càn Đạt Bà cho đến Pháp sinh trong hàng Ma Hầu La Già. Nếu có chúng sinh đáng được Phật độ liền hiện thân Phật, hoặc hiện thân Thanh Văn, hoặc hiện thân Duyên Giác, hoặc thân Bồ Tát, hoặc thân Phạm Thiên, hoặc thân Na La Diên, Tỳ Sa Môn cho đến thân của hàng Ma Hầu La Già, Nhân, Phi Nhân …v…v… mỗi mỗi đều đầy đủ ngôn âm với mọi uy nghi của từng loại Thân nhưng vẫn có một Vị của đạo Nhất Thiết Trí Trí, ấy là Vị Giải Thoát của Như Lai".

Như thế Đức Phật dựa trên những căn tính khác nhau, những lập trường khác nhau của chúng Hữu Tình để giúp họ quán sát và phân biệt được Chân Tính của từng Pháp Môn. Từ đó giúp họ tự rèn luyện đức tin, Trí Tuệ và hành vi của mình nhằm tịnh hóa Thân tâm, cải sửa hoàn cảnh, đạt được sự tự do tự tại.

❖ Thông thường, phương pháp khảo sát chúng Hữu Tình được Đức Phật giảng dạy qua Tam Xứ quán là Giới quán, Xứ Quán, Uẩn Quán. Trong đó Giới Quán nhằm phân tích kỹ về mặt Vật lý, Xứ Quán nhằm phân tích kỹ về mặt Sinh lý, Uẩn quán nhằm phân tích kỹ về mặt Tâm lý.

A. Giới Quán:

Giới (Dhātu) có nghĩa là đặc tính. Xưa dịch là TRÌ, tức nghĩa là cùng tồn tại với nhau mà không mất. Do những điểm chung của đặc tính nên Giới còn được giải thích là Thông Tính (tức Tính chung)

Giới Quán là phương pháp phân tích sự tồn tại của chúng Hữu Tình gồm có **6 đại** (Ṣaḍa-dhātu) là **Địa đại** (Pṛthivi-dhātu), **Thủy đại** (Ab- dhātu), **Hỏa đại** (Tejo-dhātu), **Phong đại** (Vāyu-dhātu), **Không đại** (Ākāśa-dhātu), **Thức đại** (Vjñāna-dhātu). Trong đó 5 Đại đầu là các nguyên tố tạo thành **Khí Thế Gian** của Vô Tình tức là **Sắc Pháp** (Rūpa-dharma) và Thức Đại là là yếu tố hình thành tinh thần hay tâm linh của loài Hữu Tình, tức là **Danh Pháp** (Nāma-dharma).

Theo truyền thống Ấn Độ thì 4 đại: Địa, Thủy. Hỏa, Phong là 4 đặc tính của vật chất hay là các nhân tố tạo thành vật chất. Trong đó **Địa Đại** là nguyên tố rắn chắc có tác dụng giữ gìn tức là tính bền của vật chất. **Thủy Đại** là nguyên tố ướt mềm có tác dụng nhóm họp tức là tính dính ướt của vật chất. **Hỏa Đại** là nguyên tố phóng quang ấm áp có tác dụng thiêu cháy, nấu chín tức là tính ấm áp của vật chất. **Phong Đại** là nguyên tố bốc hơi rung chuyển có tác dụng lay động tức là tính động của vật chất. Như vậy bất kỳ một thứ nào nếu không có 4 tính năng lớn đó thì không phải là vật chất, nghĩa là mọi thứ vật chất đều phải dựa vào sự tương tác tương tùy của bốn đặc tính này mà tồn tại.

Như tùy theo sự hòa hợp của Nhân Duyên có tính ổn định tương đối thì vật chất biểu hiện tính rắn chắc bền vững, nếu vượt quá mức ổn định đó thì vật chất sẽ biến động thay đổi nghĩa là Địa Đại và Phong Đại có tính đối nhau. Lại nữa, vật chất muốn hợp thành một hình thái nào thì phải dựa vào tính dính ướt nhóm họp mà ngưng tụ thành, khi chúng bị nung nóng làm chín thì hình thái cũ bị hòa tan hoặc phân hóa để tạo thành hình thái mới nghĩa là Thủy Đại và Hỏa Đại có tính đối nhau.

Lại nữa tính rắn chắc của vật chất muốn được bền vững lâu thì cần phải dựa vào tính dính ướt ngưng tụ cao và muốn phân hóa làm biến động hình thái rắn chắc của vật chất thì phải dựa vào tính nung nóng làm chín. Do đó Địa Đại và Thủy Đại có tính hợp nhau còn Phong Đại và Hỏa Đại có tính hợp nhau.

Chính vì sự tương tác tương tùy của 4 đặc tính này mà vật chất được nhận biết qua các quá trình: ngưng tụ, ổn định, biến động, phân hóa của nó nghĩa là ngưng hợp mà thành ổn định, phân hóa mà thành biến động. Đồng thời biến động rồi lại ngưng hợp, ổn định rồi lại phân hóa và mọi vật chất đều hiện hữu trong các quá trình như vậy.

Kinh **Tạp A Hàm**, quyển 3 có ghi: “***Mọi loại Sắc đều do Tứ đại và Tứ đại tạo ra”.***

Tuy nhiên, khi vật chất thay đổi hình thái từ ổn định đến hủy hoại thì được gọi là **Không** (Ākāśa:hư không) và chính ngay khoảng hở giữa vật với vật cũng gọi là **Không**. Khoảng **Không** này có thể dùng mắt và thân thể để cảm thấy nên nó được coi như là Sắc Pháp. Có điều khoảng **Không** này mang đặc tính vô ngại, vô hạn, bao trùm và chứa đựng tất cả, nên nguyên tố rỗng không này được gọi là **Không Đại** và được xem là yếu tố căn bản của vũ trụ. Nghĩa là 4 đại Địa, Thủy, Hỏa, Phong muốn tồn tại để tương tác tương tùy hòa hợp cùng nhau thì phải dựa vào Hư Không. Vì thế Hư

Không được xem là điều kiện tiên quyết cho mọi sự hiện hữu và mọi sự hiện thân của chúng Hữu Tình với chúng Vô Tình.

Khi 5 Đại được nhận biết, hiểu rõ nghĩa là lại có thêm đặc tính Hiểu biết (tức Thức Đại) tham gia vào 5 đại để tạo ra chúng Hữu Tình.

Thành Thật Luận có ghi: "***Bốn đại vây cái không. Thức ở trong đó tức sẽ thanh ra Hữu Tình".***

Như vậy 5 Đại đầu là nguyên tắc vận chuyển của muôn vật nên được gọi là **Sắc** (Rūpa) và Thức đại là nguyên lý phản chiếu trên Sắc nên được gọi là **Danh** (Nāma) hay Tâm. Cả hai dạng Sắc, Tâm đều không thể tác rời nhau mà tồn tại được.

Theo Phật giáo Nam Truyền thì vạn vật phải bị chi phối bởi 5 định luật vô hình vô tướng về sự tiến triển **vật chất** (Sắc) và **tinh thần** (Tâm).

a/ Định luật Ngoại Giới (Utu Niyama): là định luật liên quan đến sự tiến triển của vật chất thuộc loại không có cơ thể như hiện tượng thời tiết, gió mưa, nóng lạnh, bốn mùa tám tiết và đặc tính của mỗi mùa.

b/ Định luật Sinh vật lý (Bija Niyama): là định luật liên quan đến sự tiến trẻin của vật lý về loại Hữu cơ, những vật thể có tế bào như cây cỏ động vật. Do Định Luật này thì giòng nào sinh giống ấy; cây lúa thì do hạt lúa, cây cam thì do hạt cam; vị cay của tiêu ớt, vị ngọt của đường mía, vị đắng của Mật Nhân …v…v… luật Âm Dương, trống mái, tế bào và bẩm thụ gène trong việc thọ thai, sự giống nhau về thể chất của hai đứa trẻ sinh đôi.

c/ Định luật Nghiệp lý (Kamma Niyama): là định luật Nhân Quả hay là sự tiến triển từ hành động Thiện hay Ác đến quả lành hay dữ, nhân gieo thì quả trổ, nhân lành đem lại quả tốt, nhân ác đem lại quả xấu. Đó là định luật tự nhiên phải diễn tiến từ nhân trồng đến quả trổ như vậy chứ không phải là một hình thức thưởng hay phạt.

Nguyên tắc thứ hai của luật Nhân Quả là "**Quả trổ liên tục**". Một con người trong đời sống thu thập được nhiều kiến thức và kinh nghiệm. Đến lúc chết và tái sinh, tất cả những kinh nghiệm và kiến thức ấy cũng chuyển từ kiếp này sang kiếp khác. Đôi lúc cũng phảng phất nhớ lại một vài kinh nghiệm và kiến thức trong kiếp trước nhưng lắm lúc thì quên hẳn, cũng như chúng ta quên một vài kinh nghiệm và kiến thức lúc còn nhỏ trong cùng một kiếp sống. Do nguyên tắc "Quả trổ liên tục" mà có những Thần đồng, Nhạc sĩ, Sử gia, Ngôn ngữ gia …v…v… hoặc những đứa trẻ chưa học đã nói được nhiều thứ tiếng. Từ sự nắm vững nguyên tắc này mà nhiều vị Lạt Ma tây Tạng đã tự xây dựng cho mình những **Hóa Thân** (Tulku) kế tục trong nhiều kiếp để hoàn thiện Chính Pháp cá nhân của mình.

_ Theo thời gian, Nghiệp có thể chia ra làm bốn loại là:

1.**Hiện nghiệp** (Diṭṭha dhamma vedaniya Kamma): là quả trổ sinh trong kiếp hiện tại.

2.**Hậu nghiệp** (Upajja vedaniya Kamma): là quả trổ sinh trong kiếp kế tiếp kiếp hiện tại.

3.**Vô hạn định nghiệp** (Aparāpariya vedaniya Kamma): là quả trổ sinh không nhất định lúc nào trong suốt thời gian chưa đắc quả Niết Bàn.

4.**Vô hiệu lực nghiệp** (Ahosī Kamma): là quả không thể trổ sinh. Ví dụ hạt lúa được gieo trồng ở nơi khô cằn, thiếu phân bón, thiếu nước, không gieo đúng thời tiết …v…v… thì không thể thành cây lúa.

_ Căn cứ trên tác động, Nghiệp chia ra làm 4 loại là:

1.**Nghiệp Tái tạo** (Janaka Kamma): là luồng nghiệp lực tùy theo tư tưởng mạnh nhất trong giờ phút lâm chung để tái tạo môt hình thể mới và quyết định cảnh giới của kiếp sống kế tiếp cho một chúng sinh đã hết thọ mạng trong kiếp hiện tại.

2.**Nghiệp Trợ duyên** (Upatthambhaka Kamma): là những ảnh hưởng của nghiệp quá khứ chen vào để trợ lực và duy trì cho nghiệp tái tạo.

3.**Nghiệp Bổ đồng** (Upapīdaka Kamma): là những ảnh hưởng của nghiệp quá khứ chen vào để ngăn trở và làm suy nhược nghiệp tái tạo.

4.**Nghiệp Tiêu Diệt** (Upaghātaka Kamma): là những ảnh hưởng của nghiệp quá khứ, nghịch chiều và mạnh hơn đồng thời nó có thể tiêu diệt hoàn toàn khả năng sinh quả của nghiệp tái tạo một cách bất ngờ ví như một chướng ngại vật chặn sức tiến của mội lằn tên bay đến và làm rơi mũi tên xuống đất. Năng lực của loại nghiệp này mạnh hơn 2 loại nghiệp trên vì chẳng những gây trở ngại mà lại còn tiêu diệt hoàn toàn năng lực của một loại nghiệp khác.

_ Căn cứ trên khả năng báo ứng, Nghiệp có thể chia ra làm 4 loại là:

1.**Trọng Nghiệp** (Garuka Kamma): là quả chắc chắn sinh trong kiếp hiện tại hay kiếp kế sau kiếp hiện tại. Nhân của nghiệp này là hành động trọng yếu, nghiêm trọng.

2.**Cận Nghiệp** (Ãsanna Kamma): Nếu không có một Trọng nghiệp nào làm điều kiện cho sự tái sinh trong kiếp kế tiếp liền đó thì Cận nghiệp sẽ dắt đi thọ sinh. Cận nghiệp là hành vi cuối cùng, hay là hành vi nào mà chập tư tưởng cuối cùng nhớ đến trước khi lâm chung. Do ý nghĩa này, trong các xứ Phật Giáo thường có tập tục nhắc nhở người sắp lìa trần những hành vi tốt đẹp trong đời sống, hoặc giúp đỡ, khuyến khích họ tạo một nghiệp lành trước giờ lâm chung như tụng Kinh, niệm Phật, trì Chú …v…v… để họ có thể tái sinh vào nhàn cảnh. Điều này không có nghĩa là người ấy chắc chắn tránh khỏi các quả dữ của nhân bất thiện đã gieo trồng trong quá khứ khi đã tái sinh vào nhàn cảnh.

3.**Thường Nghiệp** (Acinna Kamma): Bình thường Tâm Ta hay duyên theo những tư tưởng, những hành vi quen thuộc một cách tự nhiên, lắm khi vô ý thức tùy theo công việc hàng ngày mà ta hay làm hay nhớ đến và ưa thích hơn hết, Chính những thói quen lành hay dữ này dần dần trở thành Bản Chất và ít nhiều uốn nắn Tâm Tính của ta nên trong phút lâm chung, nếu không bị một ảnh hưởng nào mạnh hơn ta thường nhớ lại những hành vi và tư tưởng quen thuộc để rồi tái sinh theo hành vi ấy. Năng lực này được gọi là Thường Nghiệp.

4.**Tích trữ Nghiệp** (Katattā Kamma): là loại nghiệp giống như cái vốn dự trữ của cá nhân, bao gồm tất cả những trường hợp nào không nằm trong 3 loại nghiệp trên.

_ Căn cứ trên những cảnh giới mà quả có thể trổ sinh, Nghiệp có thể chia là làm 4 loại:

1.**Nghiệp Bất thiện** (Akusala) **tạo quả trổ sinh trong Dục Giới** (Kama-loka): có 10 hành động bất thiện tạo nghiệp dữ. Trong đó Thân nghiệp có 03 hành động là: sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Khẩu nghiệp có 04 hành động là: nói dối, nói đâm thọc, nói lời thô lỗ cọc cằn, nói nhảm nhí vô ích. Ý nghiệp có 03 hành động là: tham lam, sân hận, tà kiến.

2.**Nghiệp Thiện** (Kusala) **tạo quả trổ sinh trong Dục Giới:** có 12 hành động tốt tạo nghiệp lành trổ quả trong Dục Giới là: Bố Thí hay là lòng quảng đại rộng lớn, Trì Giới, Tham Thiền, lễ bái kính trọng người đáng kính, phục vụ, hồi hướng Phước Báu, tán dương Phước Báu của người khác, hoan hỷ với Phước Báu của người khác, nghe Pháp, hoằng Pháp, quy y Tam Bảo; niệm : Phật , Pháp , Tăng , Giới.

3.**Nghiệp Thiện tạo quả được hưởng trong Sắc Giới** (Rūpa-loka): gồm 4 hạng **Thiền Sắc Giới** (Rūpa-jhānas) hoàn toàn thuộc về tâm là: Tâm Thiện của Sơ Thiền, Tâm Thiện của Nhị Thiền, Tâm Thiện của Tam Thiền, Tâm Thiện của Tứ Thiền.

4.**Nghiệp Thiện tạo quả được hưởng trong Vô Sắc Giới** (Arūpa-loka): có 04 bậc **Thiền Vô Sắc** (Arūpa-jhānas) tạo quả cho Hành giả hưởng những cảnh Trời Vô Sắc: Tâm Thiện đeo níu trong trạng thái "**Không vô biên xứ**", Tâm Thiện đeo níu trong tạng thái "**Thức vô biên xứ**", tâm Thiện đeo níu trong trạng thái "**Vô sở hữu xứ**", Tâm Thiện đeo níu trong trạng thái "**Phi tưởng phi phi tưởng xứ**"

d/ Định luật Tâm lý (Citta-niyama): là định luật Tâm Linh hay lịch trình tiến triển của Tâm, những nguyên tố cấu tạo của Tâm, năng lực của Tâm như Thần Giao Cách Cảm, biết quá khứ vị lai tức Túc Mệnh Thông, Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Thần Túc Thông và những hiện tượng khác mà khoa học hiện đại chưa giải thích được.

e/ Định luật Vạn Pháp (Dhamma-niyama): là định luật tương tùy tương tác của các Pháp như những hiện tượng xảy ra khi một vị Bồ Tát lâm phàm trong kiếp chót, luật Đồng Thanh Tương Ứng Đồng Khí Tương Cầu hay luật Hấp Dẫn Lực, luật Sinh Diệt Vô Thường, luật Nhân Duyên Sinh, luật Trùng Trùng Duyên Khởi, luật Năng và Chất trao đổi cho nhau và những định luật khác trong vũ trụ có thể liệt kê vào lịch trình tiến triển này.

Tất cả Định Luật trên đều tác động một cách tự nhiên, một cách vô ý thức, không cần kích thích, không tùy thuộc với ý muốn bên ngoài, không do một uy lực thiêng liêng huyền bí nào tạo nên và đó là các sự vận hành chi phối 06 Đại để tạo nên muôn hình trạng, muôn sắc vẻ, muôn cảnh giới …v…v… thuộc Khí Thế Gian với Hữu Tình Thế Gian và là đối tượng của Danh Sắc Pháp.

Riêng Niết Bàn là đối tượng của dạng "**Không Danh Sắc Pháp**" nên trạng thái Niết Bàn không hề dung chứa hai Thế gian ấy và các Định luật thuộc **Hành Pháp** (Sankhāra dhamma).

Udana III có ghi: "***Thật ra có một vương quốc mà tại đó không có cái gì gọi là rắn chắc*** (Địa Đại), ***lưu động dính ướt*** (Thủy Đại), ***nung nóng*** (Hỏa Đại), ***rung chuyển*** (Phong Đại), ***không có quả địa cầu này, không có quả địa cầu khác, không có mặt trời mặt trăng, không cao không thấp, không sinh không diệt, không tiến triển không nền móng. Đó là trạng thái giải thoát khỏi sinh tử luân hồi".***

Và Đức Phật có dạy rằng: "Niết Bàn là nơi dập tắt Tham ái chấp thủ. Niết Bàn là nơi không còn bị Pháp Hành tạo tác".

Như vậy khi đối vật nếu chúng Hữu Tình đem tâm **Tham ái** (Rāga), **Sân hận** (Dveṣa), **Si mê** (Moha) phản chiếu lên chúng thì Vạn Pháp trở thành vòng dây phiền não cột chặt chúng sinh vào vòng sinh tử luân hồi. Ngược lại nếu chúng Hữu Tình dùng tâm ý **Sáng suốt** (Buddhi), **Định tĩnh** (Samādhi), **Trong lành** (śuddha) phản chiếu lên vật thì Vạn Pháp trở thành diệu dụng nhiệm màu thúc đẩy bậc Giác Giả an nhiên tự tại, vượt thoát mọi phiền não khổ đau.

Nói rõ hơn, khi tiếp xúc với nguyên tố rắn chắc (Địa Đại) do Tâm ý chấp trước vào hình tướng giả hợp của vạn vật nên chúng sinh đã khởi tâm tham lam muốn chiếm hữu vạn vật nên làm của riêng cho mình. Trong khi chiếm hữu, có lúc được có lúc không, nên Tâm Thức đã tạo ra sự giận dữ hòa hợp với nguyên tố ngưng tụ, dính ướt (Thủy Đại) làm cho Tâm Trí bị mờ ám không nhận biết được Thực Tướng của vạn hữu là **Vô Thường** (Anitya), **Phiền não bất toàn** (Duḥkha), **Vô Ngã** (anātman). Từ đây sự mê mờ của Tâm Thức đã phối hợp với nguyên lý nung nấu (Hỏa Đại) tạo thành

nhiệt tâm đam mê ích kỷ, chỉ muốn làm thỏa mãn mọi cảm giác có được. Đồng thời nhiệt tâm ích kỷ này đã phối hợp với nguyên lý rung động lay chuyển (Phong Đại) tạo nên những hành vi 'vị kỷ vong tha' (vì mình quên người khác) ghen ghét những gì không phù hợp với mình. Chính hành vi vị kỷ vong tha này đã phối hợp cùng nguyên lý rỗng không, vô hạn, vô ngại (Không Đại) đã tạo nên dòng sinh mệnh Hữu Tình trong 3 cõi 6 đường (tức Hữu Tình Thế Gian). Khi dòng sinh mệnh được tạo lập, do mê lầm đắm chấp vào tư tưởng "**Thật có ta**, **thật có vật**" nên chúng sinh lại buông thả, tùy theo sự đam mê ích kỷ mà mãi mãi chịu trôi nổi trong dòng sinh tử khổ đau.

Ngược lại, khi tiếp xúc với vạn vật, nếu Tâm Ý không lệ thuộc vào hình tướng của vật chất, luôn luôn thấy như thật với Chánh Trí Tuệ là: "**Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là Tự Ngã của tôi**" thì Địa Đại sẽ trở thành nguyên lý bất động, nâng đỡ và che chở vạn vật một cách vô tư. Lúc ấy Thủy Đại trở thành nguyên lý phản chiếu rõ ràng mọi chân tướng của vật chất. Hỏa Đại trở thành nguyên lý phân biệt rõ ràng. Phong Đại trở thành nguyên lý hoạt động **vô tư vô kỷ** (không có cái của ta, không có ta) nhằm thúc đẩy Không Đại hiện bày nguyên lý tối thượng, là đỉnh cao của Tâm Thức giải thoát. Khi đó chúng sinh tự mình phá vỡ bản ngã hẹp hòi, bỏ qua sự giới hạn và trở thành một với các vô hạn, nghĩa là trực kiến được Chân Thể của Chân Như và thực chứng được mùi vị an lạc tịch tĩnh của **Niết Bàn** (Nirvāṇa).

B. Xứ Quán:

Xứ (Āyatana) có nghĩa là cửa sinh trưởng, là nhân tố có sức mạnh sinh ra nhận thức.

Xứ Quán là phương pháp phân tích sự sinh trưởng của nhận thức Hữu Tình gồm có **6 Căn** (Ṣaḍāyatana: 6 Xứ) là **mắt** (Cakṣuḥ), **tai** (Śrotra), **mũi** (Ghrāṇa), **lưỡi** (Jihva), **Thân** (Kāya), **Ý** (Mano-jñāḥ). Trong đó 5 Căn đầu là cơ cấu sinh lý của Hữu Tình nên chính là Sắc Pháp và Ý Căn là ngọn nguồn của tinh thần nên chính là Danh Pháp.

Do mỗi Căn trong 6 Căn chỉ đối đã được với một loại đối tượng nên cảnh giới đối đãi với 6 Căn được gọi là 6 Trần, gồm có: **hình sắc** (Rūpa), **âm thanh** (Śabda), **mùi ngửi** (Gandha), **vị nếm** (Rasa), **cảm xúc** (Spraṣṭavya), **Pháp** (Dharma). Đồng thời lúc 6 Căn tiếp xúc với 6 Trần thì sự phân biệt cảnh giới được nảy sinh mà hình thành 6 Thức là **Nhãn Thức** (Cakṣu-vijñāna), **Nhĩ Thức** (Śrotra-vijñāna), **Tỵ Thức** (Ghrāṇa-vijñāna), **Thiệt Thức** (Jihva-vijñāna), **Thân Thức** (Kāya-vijñāna), **Ý Thức** (Mano-vijñāna). Khi ấy các tác dụng Tâm Lý cũng dựa vào đó nảy sinh mà chia thành 6 Xúc, 6 Thọ, 6 Tưởng, 6 Tư, 6 Ái, …v…v…

Ví dụ: Khi mắt (Nhãn căn) nhìn thấy (Nhãn xúc) cảnh vật (hình sắc: Sắc trần) thì nảy sinh cảm giác vui, khó chịu, lãnh đạm (Nhãn thọ) và phân biệt màu sắc, hình dáng, kích thước, tên gọi của cảnh vật ấy (Nhãn tưởng) đồng thời suy nghĩ, phán đoán, lựa chọn (Nhãn tư) để yêu thích hay ghét bỏ (Nhãn ái) rồi hình thành nhận thức của mắt (Nhãn thức).

Như vậy khi 6 Căn tiếp xúc với 6 Trần thì toàn bộ sự thấy biết thuộc tinh thần đã hình thành sự nhận thức của Hữu Tình. Trong thực tế, 5 Căn đầu chỉ phát sinh ra 5 Thức đầu để nhận biết 5 Trần. Còn từ Ý Căn sinh ra Ý Thức và có thể nhận biết được tất cả các Pháp như Thọ, Tưởng, Hành biệt Pháp xứ, quá khứ, hiện tại, vị lại, giả thật …v…v… Do hoạt động nhận thức của Hữu Tình bắt nguồn từ 6 Căn nên Đức Phật thường nói Pháp Môn 6 Xứ. Nếu phối hợp 6 Căn với 6 Trần thì gọi là **12 Xứ** hay **12 Nhập** (Dvādaśāyatana). Nếu phối hợp 6 Căn, 6 Trần, 6 Thức thì gọi là **18 Giới**

(Aṣṭādaśa-dhātavaḥ). Vì thế Xứ quán là phương pháp phân tích Nội Tâm và Ngoại Cảnh của Hữu Tình.

Khi một Hữu Tình tiếp xúc với Trần cảnh, bình thường do Tâm ý xung động dựa trên vô minh ái dục nên Hữu Tình đã khởi tâm quyến luyến say mê 6 Trần và buông thả hành động tùy theo tình cảm chủ quan nên phiền não trói buộc dựa vào đó nảy sinh và lôi kéo Hữu Tình đắm chìm trong dòng sinh tử. Do vậy Đức Phật thường dạy rằng: "**Hãy ngăn ngừa 6 Căn khi tiếp xúc 6 Trần**", nghĩa là phải hộ trì các Căn không có ngoại cảnh chi phối mình, Điều này còn có nghĩa là nếu Hữu Tình biết thu thúc 6 Căn để tịnh hóa chúng thì 6 Trần và 6 Thức cũng được tịnh hóa. Khi Căn, Trần, Thức được tịnh hóa thì toàn bộ thân tâm Hữu Tình được thanh tịnh và toàn bộ Pháp Giới cũng thanh tịnh. Lúc đó, mọi ái dục bị tiêu diệt tận gốc rễ nên Hữu Tình sẽ thấy được Chính Pháp và chứng được mùi vị an lạc giải thoát của Niết Bàn.

Phương pháp thu thúc 6 Căn bao gồm hai cái nhìn là Cái nhìn tổng quát bất động và Cái nhìn phân tích với Tâm định tĩnh, đồng thời chúng ta cần phải tự biết lúc nào nên nhìn với cặp mắt phân tích và lúc nào nên nhìn với cặp mắt dửng dưng.

_ **Cái nhìn tổng quát bất động**: Là cái nhìn đối tượng với sự thu nhận bình thản, sáng suốt, khách quan dựa trên Bản Tâm **Bình Đẳng** và Tinh thần "**Vô sở trụ, vô sở chấp**" qua phương pháp "mắt thấy Sắc không chạy theo Sắc, tai nghe âm thanh không chạy theo âm thanh, mũi ngửi mùi hương không chạy theo mùi hương, thân va chạm vật không chạy theo cảm xúc va chạm, ý đối đãi Pháp cảnh không chạy theo Pháp cảnh". Tức là: Ngoài đối cảnh không dính cảnh, Tâm đối Không chẳng dính Không. Nói rõ hơn, cái nhìn tổng quát bất động là cái nhìn đối tượng với một tâm thức vắng lặng hồn nhiên, phản chiếu trung thực ngoại vật như một tấm gương trong sáng, nhìn sao biết vậy không cần phải vận dụng tác động của Tư Niệm. Chính cái nhìn bất động, hồn nhiên, vô tư niệm này mới có thể nhận thấy được thực tại.

_ **Cái nhìn phân tích với Tâm định tĩnh:** là cái nhìn sâu xa vào bản chất của đối tượng (cả ngoại giới và chủ thể) để có thể tác ý đúng đắn và hành xứ chân chính trong cuộc sống hiện tại.

Thoạt nhiên, đối với ngoại giới, chúng ta cần hiểu rằng: "Cái gì hiện hữu ắt phải có nguyên nhân phát sinh, điều kiện tồn tại và khuynh hướng hủy diệt" để giảm trừ sự say mê chấp trước vào hình cảnh. Sau đó, đối với chủ thể, chúng ta cần phải phân tích các phản ứng tâm lý của mình khi tiếp xúc với ngoại giới để tìm hiểu đâu là tội đâu là phước, ngõ hầu xác định được đều gì nên làm và điều gì không nên làm. Hãy luôn luôn quán tưởng và nhận thức rằng: tội phước phát sinh do sự tiếp xúc giữa 6 Căn với 6 Trần để ngăn ngừa không cho Tâm say đắm 6 Trần và giữ gìn 6 Căn thanh tịnh.

Muốn vậy chúng ta phải tinh tiến thực hành những Pháp lành và lánh xa các Pháp ác. Cố gắng không tham ăn, mê ngủ, nói nhiều. Cố gắng tham Thiền hằng ngày để định Tâm. Cố gắng điều chế mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Cố gắng đi, đứng, nằm, ngồi chậm rãi khoan thai để phát khởi trí nhớ trong mọi cử động. Cố gắng điều ngự tâm ý, ngăn chặn các tùy phiền não không cho nảy sinh các Pháp ác như: tham lam, sân hận, giận dữ, oan trái, quên ơn, đem mình so sánh với bậc cao, ganh tỵ , bỏn xẻn, giấu lỗi, khoe mình, cứng đầu, ương ngạnh, ngã mạn, dễ duôi. Cố gắng tu tập Chính Niệm Tỉnh Giác cho đến khi rõ biết 6 Trần như thật (Sinh như vậy, trụ như vậy, dị như vậy, diệt như vậy, nguy hại như vậy, xuất ly như vậy). Ngay lúc nhận biết rõ 6 Trần như thật, chúng ta sẽ nhận chân được thực tại, Giác tính hiển hiện và phiền não trói buộc sẽ tiêu tan.

Chúng ta cần phải chú ý rằng: Cái nhìn tổng quát bất động được phát sinh nhờ **Thiền Chỉ** (Śamatha) nghĩa là phương pháp chế ngự Tâm Ý bằng cách chú tâm vào một đối tượng cho đến khi tâm an trú không vọng động giống như nước được để yên

hay lọc kỹ trở nên trong suốt và Tâm an trụ sẽ phát sinh Trí Tuệ. Còn Cái nhìn phân tích với Tâm định tĩnh được phát sinh nhờ **Thiền Quán** (Vipaśyanā) là phương pháp mà Hành Giả luôn chuyên **niệm** (Smṛti) và giác tỉnh để ghi nhận một cách trung thực các diễn tiến của hiện tượng giới như hiện tượng Vật lý (**Niệm Thân**), hiện tượng cảm thọ (**Niệm Thọ**), hiện tượng Tâm giới (**Niệm Tâm**) và hiện tượng Pháp Giới (**Niệm Pháp**). Khi chúng ta đã ghi nhận một cách giác tỉnh như thế, các hiện tượng sẽ tự phân tích thành một chuỗi tác động nối liền bằng một mối dây Nhân Quả nghĩa là nhận biết vạn hữu như thật. Cuối cùng cả hai Cái nhìn tổng quát là phân tích sẽ biến thành trực giác để trực nhận Chân Lý, Giác Ngộ và Giải Thoát.

Tăng Chi Bộ Kinh có ghi: "Vị Tỳ Kheo có Tâm Chân chính giải thoát, 6 an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt nhìn thấy hình sắc, không có vừa ý, không có nghịch ý, trú xả, chính niệm tỉnh giác. Khi tai nghe tiếng … mũi ngửi mùi hương … lưỡi nếm mùi vị … thân cảm xúc … Khi ý nhận thức Pháp, không có vừa ý, không có nghịch ý, trú xả, chính niệm tỉnh giác. Khi Vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của Thân, vị ấy biết: Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của Thân. Khi Vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mệnh, Vị ấy biết: ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mệnh. Vị ấy biết sau khi Thân hoại mệnh chung; ở đây tất cả những cảm thọ không còn có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lặng".

Do vậy, các Vị Thánh Giả giải thoát vì còn xác thân nên vẫn biết đó khát, nóng lạnh, đau đớn … nhưng do không còn luyến ái và ngã chấp về đời sống, các Ngài điều phục được các quan năng, chế ngự được mọi cảm giác nên các Ngài điềm nhiên trước mọi sự nhục mạ, đánh đập, ghen ghét, hãm hại, lo sợ, chán nản, buồn rầu … nghĩa là các Ngài không tạo tác Nghiệp mới nữa mà chỉ đón nhận sự héo mòn của các phiền não do Hành Nghiệp trước đã huân tập nên. Nói rõ hơn, các Ngài đã vượt thoát khỏi thế lực của phiền não khổ đau và chứng đắc được sự tự tại vô ngại, an lạc vô cấu nhiễm ngay trong thực tại hiện tiền.

Để minh họa thành quả của phương pháp thu thúc 6 Căn. Ngài Xuyên Thiền sư có bài kệ là:

Kiến sắc phi can sắc
Văn thanh bất nhiễm thanh
Sắc thanh vô ngại xứ
Thân đáo Pháp vương thành.
Dịch là:
Thấy sắc không vương sắc
Nghe thanh chẳng nhiễm thanh
Sắc thanh không chỗ ngại
Thân đến Pháp vương thành

C. Uẩn Quán:

Uẩn Quán là phương pháp phân tích sự tổng hòa của vật chất và tinh thần của Hữu Tình nhằm mô tả các chức năng hữu thức, hoạt động hay phản ứng với sự vận chuyển tăng dần hoặc tiêu mòn vật chất và sự trưởng dưỡng tinh thần.

Uẩn Quán gồm có 5 nhóm tụ tập lại tạo thành chúng Hữu Tình gồm có: **Sắc Uẩn** (Rūpa-skandha), **Thọ Uẩn** (Vedanā-skandha), **Tưởng Uẩn** (Saṃjñā-skandha), **Hành Uẩn** (Saṃskāra-skandha), **Thức Uẩn** (Vijñāna-skandha). Trong đó:

1.**Sắc uẩn:** biểu thị cho phần vật chất (4 Đại chủng, các giác quan, các đối tượng của giác quan) tức là Sắc Pháp.

2.**Thọ uẩn:** gồm toàn bộ các cảm giác, không phân biệt chúng là dễ chịu, khó chịu hay Trung tính.

3.**Tưởng uẩn:** là sự nhận biết của các cảm giác như âm thanh, màu sắc, mùi vị … kể cả nhận biết ý thức đang hiện diện.

4.**Hành uẩn:** là những hoạt động tâm lý sau khi có Tưởng.

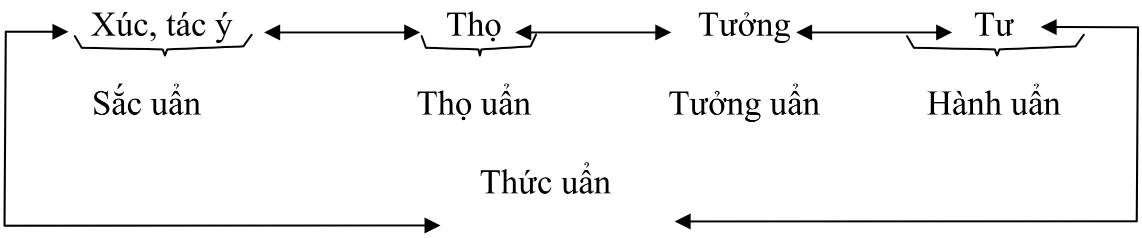
Ba Uẩn này là hình thái hoạt động của Nội Tâm khởi lên ở trước cảnh nên gọi là Sở Giác Thức.

5.**Thức uẩn:** bao gồm 6 dạng ý thức liên hệ tới 6 giác quan, tức là sự hiểu biết phân biệt nên còn gọi là Năng Thức.

Bốn Uẩn sau biểu thị cho phần Tinh Thần hay Tâm Linh tức là Danh Pháp.

_ **Năm Uẩn** (Pañca-skandha) thường có khuynh hướng kết hợp Uẩn này với Uẩn kia, giao lưu chằng chịt, tác động qua lại, nhanh chóng liên tục tạo thành một nhóm khó thể phân chia. Trong đó Thức Uẩn bao trùm xuyên thấu các quá trình hoạt động của 4 Uẩn kia từ sinh đến diệt, khi là Quả lúc là Nhân để nảy sinh **luyến ái và ngã chấp về đời sống**. Hay rõ hơn Thức Uẩn chính là Tâm Thức bao gồm chủng tử của các Pháp do Hành huân tập để hình thành nghiệp báo tạo ra xác thân, đời sống hiện tại và môi trường sinh hoạt chung quanh đồng thời lại huân tập thêm các chủng tử mới để gây nên sự chuyển biến sinh diệt không ngừng.

Khi thân căn va chạm với Trần cảnh (Sắc) thì nảy sinh sự rung động trên các dây thần kinh tạo thành cảm giác (Thọ), các cảm giác lại được hệ thần kinh giao cảm chọn lọc để hình thành các ấn tượng (Tưởng), các ấn tượng lại được suy diễn để tổng hợp tư tưởng (Hành) và sự phối hợp tư tưởng đã nảy sinh Nhận Thức (Thức) về Tự ngã và ngoại giới (Trong giai đoạn này Thức là quả của tiến trình hoạt động 4 Uẩn trước). Ngay khi nhận thức về Tự ngã và ngoại giới nảy sinh, vì mê lầm nhiễm trước cho rằng thật có Ta thật có vật nên đã khởi ý chấp trước cho rằng có một bản ngã riêng biệt và đã tác ý thúc đẩy các hoạt động tâm ý tác động lên sự lưu giữ các hình ảnh, màu sắc, âm thanh của tâm tưởng hình thành quan điểm cá nhân và dựa vào 6 Căn để cảm nhận Ngoại giới (trong giai đoạn này Thức là Nhân thúc đẩy 4 Uẩn kia hoạt động)



Sự tác động qua lại của các tiến trình trên xảy ra rất là nhanh chóng, chỉ một thoáng đã hiện hữu và tan biến biết bao nhiêu hình ảnh, màu sắc, âm thanh cũng như hiện hữu và tan biến biết bao nhiêu ý niệm, tư tưởng … Trong thực tế nhiều khi sự suy nghĩ, sự nhận biết phát xuất từ 5 Căn (Mắt, tai, mũi. Lưỡi, thân) nhưng lắm lúc nó phát khởi trong Tâm như khi hồi tưởng, mơ mộng, liên tưởng, tư tưởng … nên khi ta suy nghĩ về một điều gì thì nhiều lúc là khởi điểm của sự suy nghĩ do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân nhưng thời gian sau nó thuộc về ý thức. Vì vậy, hầu như sự nhận biết phân biệt của ý thức bao trùm sự nhận biết của 5 Thức trước. Do giá trị chỉ đạo của ý thức nên nếu nhận thức sai lệch sẽ tác ý lầm lẫn và dẫn đến hành động sai trái. Còn nếu nhận thức đúng đắn sẽ tác ý chính xác và dẫn đến hành động chân chính.

Lại nữa, khi 6 Căn va chạm với 6 Trần thì 5 Uẩn phát sinh và Tâm lại dựa vào 6 Căn để nhận biết 6 Trần qua 5 Uẩn. Nhưng 5 Uẩn vừa hiện lên lại biến mất ngay, 5 Uẩn lúc này khác 5 Uẩn lúc trước và khác 5 Uẩn lúc sau. Do dùng sống 5 Uẩn liên tục mà Tâm luôn luôn xao động chẳng lúc nào yên, nên mỗi lúc nhận xét phân biệt Trần

cảnh thì con người thường không thể hiểu rõ được thật tướng của Trần cảnh. Nói rõ hơn khi thân căn tiếp xúc với Trần cảnh thì trong Tâm nảy sinh phản ứng là muốn nhận rõ cái va chạm đó và ngay lúc phản ứng là muốn nhận rõ cái va chạm đó và ngay lúc phản ứng, Tâm đã phóng ra một phần tinh thần về hướng kích thích đó cho đến lúc đạt được cái điểm nhận thức thì chính phần tinh thần phóng ra đã khuôn đúc cho sự va chạm đó. Điều này có nghĩa là, nếu ta chỉ ngoại vật bằng một danh tự A thì cái mà ta nhận thức chính là vật A được bao trùm thêm phần tinh thần mà ta đã hướng tới nó. Vì thế ta thường nhận định ngoại giới theo sự chấp thủ của chính mình cho nên khó có thể nhận biết được thật tướng của vạn hữu.

Vì dụ: Cùng nhìn một cái cây trong bóng tối thì đứa trẻ thấy đó là bóng ma, người cảnh sát thấy đó là kẻ gian, người chờ bạn tình thấy đó là người yêu … Hoặc ta đang buồn nản thì mọi cảnh vật dù có vui vẻ nhộn nhịp cũng không thể xóa tan nỗi buồn ấy được tức là "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ".

Với khuynh hướng nhận thức này, ta lại lưu chuyển hình ảnh, màu sắc, âm thanh khi va chạm với ngoại giới vào nội tâm để sắp đặt, liệt kê, phân loại các ấn tượng về ngoại giới và hình thành sự hiểu biết cá nhân. Từ đó trở về sau, lúc gặp một ấn tượng mới nào ta cũng đều nắm lấy và chuyên ngay vào phạm trù đã được thiết lập sẵn. Nếu ta thấy ấn tượng nào phù hợp với kinh nghiệm trước (Tri thức tiền nghiệm) thời trong nội tâm nảy sinh cái gọi là "Hiểu biết", nếu ấn tượng mới không phù hợp với kinh nghiệm trước, thì trong nội tâm nảy sinh cái gọi là Không biết" đồng thời bất kỳ một ấn tượng nào hiện hữu cũng được nội tâm thu nhận. Như thế từ tri thức tiền nghiệm (Chủng tử sinh hiện hành tiềm ẩn trong tâm) ta luôn luôn so sánh nó với các ấn tượng mới và lưu giữ thêm các ấn tượng này (huân tập thêm các chủng tử hiện hành) đã dần dần củng cố và hình thành cái gọi là Bản Năng hay Cá Tính. Vì sự huân tập các chủng tử hiện hành khác nhau mà kinh nghiệm của từng cá nhân cũng sai khác, do đó cùng tiếp xúc với một đối tượng nhưng sự nhận xét, hồi tượng, phán đoán của mỗi cá nhân khác nhau. Tuy nhiên do huân tập được các chủng tử hiện hành tương tự mà Bản Năng của nhiều cá nhân cũng có những đặc tính tương tự nhau và sự kiện này đã hòa hợp cùng nhau nảy sinh 3 cõi (Dục giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới), 6 nẻo (Trời, Người, A Tu La, Súc sinh, Quỷ đói, Địa Ngục) nghĩa là tùy theo sự huân tập các chủng tử hiện hành mà chúng sinh đều hàm chứa nghiệp chung và nghiệp riêng để chịu cùng sống chung một môi trường sinh hoạt nhưng lại có khuynh hướng sinh sống riêng.

Khi bản năng hay cá tính được tạo lập thì các ấn tượng nào làm thỏa mãn cá tính ấy thì trong tâm ta nảy sinh cảm giác khoan khoái vui vẻ (Lạc Thọ), các ấn tượng nào không làm thỏa mãn cá tính ấy thì trong tâm ta nảy sinh cảm giác bực bội khó chịu (Khổ Thọ), còn ấn tượng nào không liên quan trực tiếp đến cá tính ấy thì trong tâm ta nảy sinh cảm giác bình thường (Xả Thọ). Cả ba loại cảm giác này đều bất định và thường xuyên thay đổi các Thể trạng cho nhau tùy theo sự tiếp xúc giữa các Căn và các cảnh. Do không nhận biế được các cảm giác chỉ là hư giả vô thường mà lại cố chấp cho rằng thật có nên tâm trí ta luôn luôn nảy sinh sự khoan khoái gìn giữ, khát khao đòi hỏi và tìm kiếm các cảm giác làm thỏa mãn cá tính. Cũng như chán ghét, sợ hãi, xa lìa và tìm cách hủy diệt các cảm giác không làm thỏa mãn cá tính. Vì thế ta thường tác ý sai lầm, phát khởi lòng tham ái chấp thủ và nương vào đó mà sự phiền não khổ đau nảy sinh.

Nói cách khác, khi các Căn va chạm với các cảnh thì nội tâm thường phản ứng những cảm xúc (tức phản ứng tâm lý) như: giận hờn, thương mến, ghét bỏ, dửng dưng … Cả ba cảm xúc bất thiện của con người là **Tham** (Rāga), **Sân** (Dveṣa), **Si** (Moha) cũng phát sinh qua sự va chạm này. Nếu tâm ý khởi theo các vọng niệm Tham, Sân, Si, **Mạn** (Māna), **Tà kiến** (Mithyā-dṛṣṭi), **Nghi ngờ** (vicikitsā), **Thụy miên** (Middha),

Trạo cử (Auddhatya), **Vô tàm** (Āhrīkya), **Vô quý** (Anapatrāpya), nghĩa là tiếp nhận đối tượng với một phán đoán chủ quan tùy theo tình cảm thì con người để buông thả tư tưởng, lời nói, hành động của mình theo ý riêng và bất chấp sự tàn hại xảy ra đối với ngoại giới để nghiệp chướng mãi mãi chất chồng và dòng nghiệp sẽ dẫn dắt đến cảnh giơi thích ứng để chịu sự khổ não. Như thế bất cứ loại cảm giác nào phát sinh, dù thích thú hay bình thường; con người cũng say mê, ôm ấp, bám dính lấy nó và đánh thức lòng tham dục. Tư cách vừa lòng và luyến ái đối với vật gì nghĩa là tâng tiu ôm ấp kiếp sống, chính sự luyến ái này gây ra cái nghiệp tái sinh rồi tuần tự lôi cuốn theo muôn ngàn nỗi thống khổ như: già nua, bệnh tật, sầu não, chết chóc, oán hận … và nỗi khổ cũng thêm chồng chất.

Do vậy nguyên nhân sâu xa để làm nảy sinh dòng sống 5 Uẩn chính là sự không nhận biết thực tại (Vô minh: Avidyā) và điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng dòng sống 5 Uẩn chính là sự tham ái chấp thủ (Tham, Sân, Si).

Nếu bậc Trí Giả nào luôn luôn nhận biết thực tại, thông tỏ các Pháp như thật: Hình tướng của Pháp như thế, Tự tính của Pháp như thế, Bản Thể của Pháp như thế, Năng lực của Pháp như thế, tác dụng của Pháp như thế, Chính Nhân của Pháp như thế, Trợ duyên của Pháp như thế, Kết quả của Pháp như thế, Nghiệp báo của Pháp như thế và trước sau rốt ráo của Pháp như thế. Tức là khi va chạm với Trần cảnh, Tâm trí các Ngài thu nhận sự vật bằng một sự bình thản khách quan và sáng suốt giống như tấm gương phản ảnh trung thực cảnh vật mà không bị đối tượng lôi cuốn cho nên các Ngài thấu tỏ và làm chủ được từng khâu hoạt động của 5 trạng thái: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức không dễ cho chúng chồng chất hoặc kết hợp với nhau tạo thành Uẩn được. Khi ấy mọi điều kiện để phát sinh luyến ái và ngã chấp về đời sống không có chỗ nương tựa nên phải tan hoại nghĩa là Tham ái chấp thủ bị tiêu diệt tận gốc rễ và phiền não khổ đau không thể nảy sinh. Nói rõ hơn, khi Uẩn không tạo thành Uẩn được thì 5 Uẩn tan hoại tức là **Ngũ Uẩn Giai Không**. Các bậc Trí Giả do thoát khỏi năng lực tác hại của 5 Uẩn nên đã xa lìa và chấm dứt mọi phiền não khổ đau.

Chúng ta cũng biết rằng động lực vận chuyển dòng nghiệp báo đau khổ triền miên chính là sự Tham ái chấp thủ. Một khi đã diệt trừ được tận gốc rễ thế lực của tham ái chấp thủ (nghiêm trì Giới luật để diệt Tham, hành trì Thiền Định để diệt Sân, tu tập Trí Tuệ để diệt Si), thì dòng nghiệp báo bị cắt đứt nghĩa là Hành Uẩn tan hoại và 4 Uẩn kia (Sắc, Thọ, Tưởng, Thức) không thể cùng nhau kết hợp để sinh tử luân hồi được. Đây chính là sự tan rã của 5 Uẩn hay Ngũ Uẩn giai Không.

"***Lúc đó Nhiễm Pháp được diệt trừ, Tịnh Pháp tăng trưởng và ngay lúc ấy tự mình sẽ giác ngộ, thực chứng và an trú trí tuệ một cách sung mãn"*** (**Kinh Potthāpādā).**

Theo ý nghĩa khác thì 5 Uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức chỉ là những trạng thái lưu chuyển thường xuyên và kết hợp chồng chất với nhau chứ không có một cá ngã riêng biệt. Hay 5 Uẩn được tạo thành bởi những yếu tố bất định nên chính nó cũng bất định và không có thực hữu vì nó luôn luôn dị biến để trở thành cái không phải là chính nó theo quy luật Trùng Trùng Duyên Khởi. Vì thế Đức Phật đã hình thành giáo lý **Vô ngã** (Anātman) hướng dẫn chúng sinh quán sát tường tận thân tâm của mình để diệt trừ luyến ái và ngã chấp về đời sống.

Chúng ta cần phải hiểu rằng giáo lý Vô NGÃ không chủ trương chẳng có một cái TA nào cả mà chỉ trình bày một cái TA hiện hữu không có thật thể và luôn luôn biến đổi không ngừng theo tiến trình Nhân quả. Tức là không có một Bản ngã hay cái ta trường tồn bất biến như Đại Đức **Buddha-Ghoṣa** (Phật Âm) có nói:

"Không có một cái Tôi tạo nghiệp, cũng không có cái Tôi gặt quả, chỉ có dòng nghiệp báo triền miên".

Do vậy, để chỉ trạng thái giả hợp tạm thời của 5 Uẩn, Đức Phật đã khuyến hóa chúng sinh quán sát 5 yếu tố cấu thành Bản Ngã như sau:

• **Sắc như Phù mạt**: về phương diện vật chất, xác thân của con người tan hợp hợp tan như bọt nước trôi dạt không ngừng.

• **Thọ như Thủy bào**: những cảm giác vui khổ của Thân và Tâm đều sinh diệt bất thường giống như những bong bóng nước.

• **Tưởng như ảo ảnh**: Tri giác tựa như những cảnh giả mà người đi trong sa mạc thường nhìn thấy chỉ là những ảnh ảo do mắt bị quáng nắng nhận biết.

• **Hành như Hương giá**: những tác động Thiện ác hay hoạt động nội tâm đều không vững chắc như loại cây mềm yếu dễ cuốn theo chiều gió.

• **Thức như ảo thuật**: Tâm thức của con người biến ảo như trò ma thuật và sự biến đổi của Tâm nhanh gấp 16 lần so với sự biến đổi của vật chất.

Ngoài ra Đức Phật còn chia chẻ cái Ta thành nhiều thành phần khác nhau để phá vỡ sự luyến ái và ngã chấp về đời sống của chúng sinh.

Nếu người nặng chấp về tinh thần (Tâm) để làm Ngã thì Đức Phật nói 5 Uẩn chia chẻ tinh thần ra làm 4 phần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức để phá chấp, còn Sắc uẩn không cần chia chẻ.

Nếu người nặng chấp về xác thân (vật chất) làm Ngã thì Đức Phật nói 12 Xứ, chia chẻ Sắc thành 12 phần là 6 Căn và 6 Trần để phá chấp.

Nếu người nặng chấp cả tinh thần và vật chất làm Ngã thì Đức Phật nói 18 Giới chia chẻ cả tinh thần và vật chất ra là 18 phần là 6 Căn, 6 Trần, 6 Thức để phá chấp.

Song song với sự chia chẻ cái Ta thành nhiều phần như thế, Đức Phật luôn luôn nhắc nhở chúng sinh quán chiếu như thật với chính Trí Tuệ là "Cái này không phải của ta, cái này không phải là ta, cái này không phải là tự ngã của ta".

Như vậy, cái Ta hay 5 Uẩn chỉ là một hiện tượng tâm vật lý luôn luôn biến đổi chứ không phải là một Chân Ngã thường tồn vĩnh cửu.

Tạp A Hàm 21 có ghi: *"Ví dụ người kia nhìn xem tường tận những quả bóng nước trôi trên sông Hằng. Sau khi quán sát chu đáo, người ấy thấy rằng những quả bóng đó đều trống rỗng, không thực tế và chẳng có một bản chất nào rõ rệt cả. Cũng như thế ấy, thầy Tỳ Kheo chăm chú quán tưởng về các Uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức dù thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai dù gần hay xa. Thầy Tỳ Kheo quán sát chu đáo diễn tiến của 5 Uẩn và hiểu đó là không thực tế, trống rỗng, chẳng có tự ngã".*

Một khi thấu ngộ rõ ràng 5 Uẩn chỉ là trạng thái giả hợp tạm thời, luôn luôn biến đổi và không có thực thể (Ngũ Uẩn giai Không) thì các bậc Giác Giả sẽ diệt tận luyến ái, dập tắt ngã chấp, vượt qua thế lực ràng buộc của 5 Uẩn, chứng đắc Chính Trí Tuệ, chấm dứt sự phiền não khổ đau và cắt đứt vĩnh viễn sự sinh tử luân hồi.

Tóm lại toàn bộ Pháp Hữu Tình được quán sát qua 3 quán: Giới, Xứ, Uẩn và quy kết vào đối tượng của Danh Sắc Pháp đồng thời nhấn mạnh rằng nguyên nhân chính yếu lôi kéo chúng Hữu Tình trôi lăn trong vòng sinh tử khổ đau là Tâm ý tham ái chấp thủ. Do đó nếu có chúng sinh nào tự tách mình ra khỏi sự thèm khát **ái dục** (Tṛṣṇā) tức là tự dập tắt được 3 Độc: Tham, Sân, Si, thì sẽ vượt qua 3 cõi 6 đường, dứt trừ dòng sống Hữu Tình và thọ hưởng mùi vị an lạc tịch tĩnh vô cấu nhiễm của Niết Bàn.

❒ Đối với chúng sinh có tâm nhàm chán Thế Gian, chỉ chuyên chú hướng theo Pháp Xuất Thế Gian thì tùy theo căn cơ Đức Phật giảng dạy một trong hai Giáo Pháp của Thánh Đạo là Tứ Diệu Đế và Thập Nhị Nhân Duyên.

A. Tứ Diệu Đế (Catvāri-Ārya-satya)

Tứ Diệu Đế hay Tứ Thánh Đế là 4 Chân lý cao cả quý báu giúp cho chúng Hữu Tình khi chuyên tâm tu hành sẽ xuất phàm nhập Thánh. Đây là gốc cơ bản của Giáo Pháp Đạo Phật. 4 Đế gồm có: Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế.

1. Khổ Đế (Duḥkha-satya):

Duḥkha là từ ngữ chỉ cái gì xấu bởi vì nó trống rỗng, không thật, bất toàn, vô thường hư giả, không làm thỏa mãn. Do đó Duḥkha thường được phiên dịch là khổ đau, khổ não.

Satya là sự thật, chân lý chắc thật.

Như vậy **Duḥkha-satya** là chân lý chắc thật trình bày tất cả nỗi khổ đau mà chúng sinh phải gánh chịu. Khổ Đế được gom thành 3 điều chính là:

a/ Khổ Khổ (Duḥkha-duḥkha): Sự khổ não dồn dập làm cho thân tâm bị tổn thương như sự khổ não do lo âu buồn rầu, sự khổ não khiến cho than khóc, sự khổ não khi trái ý, sự khổ não khi uất ức oán hận, sự khổ não khi phải gặp chúng sinh và vật mà ta oán ghét, sự khổ não khi bị áp bức, sự khổ não khi ước muốn không được thỏa mãn.

b/ Hoại Khổ (Vṛtti-duḥkha): Sự khổ não do Vô Thường chuyển biến, phân hóa mất mát như: thời tiết nóng lạnh, hạn hán đói kém, lụt lội, động đất, mưa bão ác nghiệt, loạn lạc cướp bóc … và sự đau khổ khi phải xa lìa chúng sinh với vật mà ta thương mến.

c/ Hành Khổ (Saṃskāra-duḥkha): sự khổ đau do chấp có Thân 5 Uẩn, sự khổ đau phiền não khi bị trói buộc trong vòng luân hồi sinh tử. Sự khổ đau do danh, già, bệnh, chết.

Hai dạng Khổ đầu chỉ xảy ra trong đời hiện tại nên dễ nhận biết còn Hành Khổ thì bao trùm cả 3 đời nên khó nhận biết.

2. Tập Đế (Samudāya-satya)

Samudāya gồm có **Samu** là đầy đủ, **Uda** là sinh ra, **Aya** là Nhân. Do đó **Samudāya** có nghĩa là chứa nhóm những nhân mê lầm phiền não (tức Ái dục: Tṛṣṇā)

Tập Đế hay Tập Khổ Đế là chân lý trình bày nguyên nhân dẫn đến mọi sự khổ đau. Tập Đế gồm có 3 loại Ái dục chính phối hợp với 12 Ái dục phụ tạo thành 36 Ái dục. 36 Ái dục này phối hợp với 3 đời (Quá khứ, Hiện tại, Vị lai) tạo thành 108 Ái dục (còn gọi là 108 mê lầm phiền não) là nguyên nhân gây ra khổ đau.

❖ Ba loại Ái dục chính là:

a/ **Dục Ái** (Kāma-tṛṣṇā) là sự thỏa thích thương mến dính theo 5 Dục và luyến ái ở **Dục Giới** (Kāma-dhātu)

b/ **Hữu Ái** (Bhāva-tṛṣṇā) là sự luyến ái thỏa thích trong **Sắc Giới** (Rūpa-dhātu) hay là thứ luyến ái phát sinh lên do thế lực của tâm mong mỏi vào sự có sự được như luyến ái đối với **Thường kiến** (Nitya-dṛṣṭi) và quyến luyến trong **Thiền Na** (Dhyāna).

c/ **Phi Hữu Ái** (Abhāva-tṛṣṇā) là sự mong muốn trong điều không có dính theo nhục dục, quyến luyến trong **Vô Sắc Giới** (Arūpa-dhātu) dính với **Đoạn kiến** (Uccheda-dṛṣṭi) nghĩa là muốn chết rồi thì mất tuyệt không còn hiện hữu ở cõi nào nữa.

Như vậy, Dục Ái là nguyên nhân tạo ra Hành Khổ, Hữu Ái là nguyên nhân tạo hoại Khổ, Phi Hữu Ái là nguyên nhân gây ra Khổ Khổ.

❖ 12 loại Ái dục phụ là:

a/ **6 loại Ái dục của 6 Căn**: là sự ưa thích mến chuộng của 6 Căn gồm có: Nhãn ái, Nhĩ ái, Tỵ ái, Thiệt ái, Thân ái, Ý ái.

b/ **6 loại ái dục dính với 6 Trần**: là sự thương mến ưa thích 6 Trần cảnh gồm có: Sắc ái, Thanh ái, Hương ái, Vị ái, Xúc ái, Pháp ái.

3. Diệt Đế (Duḥkha-nirodha-satya***)***

Nirodha gồm có **Ni** chỉ sự không có. **Rodha** là dạo đi.

Duḥkha nirodha là không có sự dạo đi của Khổ não.

Duḥkha-nirodha-satya (hay **Diệt Khổ Đế**) là chân lý chắc thực, xác nhận cảnh giới vượt ngoài sinh tử tương đối. Là một trạng thái tâm hồn của con người hoàn toàn trong sáng, tự tại, giải thoát. Một khi con người đã hoàn toàn giác ngộ thoát khỏi mê lầm, trừ bỏ hết Tham Sân Si, không còn ràng buộc với phiền não ô uế thì sẽ thể nhập vào không gian vô biên, thời gian vô tận và chấm dứt sinh tử luân hồi.

Diệt Đế là Tịnh quả Niết Bàn do thực hành Tịnh nghiệp mà Đạo Đế mang lại.

Diệt Khổ Đế (Duḥkha-nirodha-satya) còn được nhận biết qua một danh tự khác là **Niết Bàn** (Nirvāṇa). Trong đó NIR là hình thức phủ định, VĀṆA là Dục hay Ái dục.

Nirvāṇa là sự dứt bỏ tách rời ra khỏi Ái dục và sự thèm khát dục vọng. Hoặc Nirvàna là sự dập tắt Tham, Sân, Si.

Nói cách khác, **Nirvāṇa** là sự tiêu diệt đam mê dục lạc và Tự Ngã. Là tinh thần giải thoát tự do và vĩnh cửu. Hay **Nirvāṇa** là nơi an vui tuyệt đối không có một chút dơ bẩn nào của phiền não.

+ Tám đặc ân của Niết Bàn là:

1.Không còn say đắm trần cảnh

2.Không còn khao khát tất cả mọi việc

3.Không còn luyến tiếc 3 cõi (Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới)

4.Cắt đứt những gì còn luân hồi

5.Khô hết Ái dục

6.Không còn tham ái

7.Diệt hẳn mọi việc

8.Dập tắt mọi bợn nhơ phiền não

+ Trạng thái của Niết Bàn là:

Niết Bàn là nơi không còn bị Pháp Hành tạo tác và là nơi tan rã của 5 Uẩn.

+ Các hình thức của Niết Bàn:

a/ **Hữu Dư Biết Bàn** (Sopadhiśeṇa-nirvāṇa) là Niết Bàn trước khi tịch diệt. Đây là trạng thái của các bậc Thánh nhân đã dứt bỏ mọi phiền não, không còn tái sinh nhưng chưa dứt bỏ thân xác hiện tại vì mạng căn chưa dứt. Và phải chịu tàn dư của Nghiệp cũ. Trạng thái này giống như Đức Phật và các vị A La hán giữ xác thân để giáo hóa chúng sinh.

b/ **Vô Dư Niết Bàn** (Nirupadhiśeṣa-nirvāṇa) là Niết Bàn không còn 5 Uẩn, 12 Xứ, 18 Giới, 6 Căn. Niết Bàn Vô Dư đến với một vị A La Hán sau khi chết, không còn tái sinh. Loại Niết Bàn này cũng được gọi là **Niết Bàn Toàn Phần** hay **Bát Niết Bàn** (Parinirvāṇa)

* Phật Giáo Bắc truyền còn ghi nhận thêm 2 loại Niết Bàn nữa là:

c/ **Vô Trụ Niết Bàn** (Aparatiṣṭhita-nirvāṇa) là Bản tâm của chư vị Bồ Tát từ **Bát Địa** (Acala-bhūmi: Bất Động Địa) trở lên, thường lăn xả vào 3 cõi 6 đường thi hành vạn hạnh cứu độ chúng sinh mà vẫn luôn xứng tánh tuỳ thuận viên giác.

d/ **Thường Trụ Niết Bàn** (Pratiṣṭhita-nirvāṇa) là Niết Bàn vốn có sẵn trong mỗi một chúng sinh, tức là Chân như tự thân mang đầy đủ 4 đức tính Thường, Lạc, Ngã, Tịnh nên còn gọi là **Tự Tính Niết Bàn** (Svabhāva-nirvāṇa).

4. Đạo Đế (Mārga-satya)

Đạo Đế là con đường 8 nhánh giúp cho người tu hành giải thoát khổ não, chứng đắc Niết bàn. Con đường 8 nhánh hay Bát Chính Đạo (Aṣṭāṅgika-mārga) còn gọi là một bộ phận trong **37 Bồ Đề Phần** hay **37 Giác Chi** (Bodhi-pāṣika-dharma). Tám Chính Đạo là:

a/ Chính Kiến (Samyag-dṛṣṭi): là sự thấy biết chân chính, hiểu rõ nguồn gốc của tội lỗi và phước báu. Thấu tỏ tính cách giả tạm (Vô Thường) khổ não bất toàn (Khổ) và sự chẳng có Tự Ngã (Vô Ngã) của vạn sự vạn vật. Biết rõ 4 Diệu Đế một cách chính xác và đỉnh cao của Chính Kiến là thấy biết vạn vật như thật như thị.

b/ Chính Tư Duy (Samyak-saṃkalpa): là sự suy nghĩ chân chính dựa trên cái nền Chính Kiến, tức là sự suy nghĩ có mục đích đúng đắn.

c/ Chính Ngữ (Samyag-vāc): là sự nói năng chân chính. Sự nói lời chân thật trung hậu và lánh xa sự nói dối. Sự nói lời hòa nhã dịu dàng hữu ích và tránh xa sự nói cọc cằn với sự nói xấu đâm thọc vô ích. Sự nói lời cần thiết hữu ích và tránh xa sự nói lời vô ích dư thừa.

d/ Chính Nghiệp (Samyak-karmānta): là hành động việc làm chân chính đúng với lẽ phải, phù hợp với chân lý, có lợi ích cho người lẫn vật và tránh xa việc phạm Giới Luật.

e/ Chính Mệnh (Samyag-ājīva): sự nuôi mạng chân chính bằng những nghề nghiệp chính đáng trong danh dự. Tránh xa sự nuôi mạng trong đường tà như: đồ tể, thợ săn, buôn vũ khí, buôn thuốc phiện, buôn bán rượu và các chất gây say, nghề nghiệp gian xảo bội phản, nghề nghiệp cho vay nặng lãi, buôn bán sinh vật …

f/ Chính Tinh Tiến (Samyag-vyāyāma): sự cố gắng thực hành điều chân chính, phát triển nghiệp tốt, diệt trừ nghiệp xấu cho đến khi luôn luôn làm hạnh lành.

g/ Chính Niệm (Samyag-smṛti): sự ghi nhớ chân chính, Chính Niệm Tỉnh Giác điều phục Thân, Khẩu, Ý qua Pháp tu 4 Niệm Xứ (Niệm Thân, niệm Thọ, niệm Tâm, niệm Pháp).

h/ Chính Định (Samyak-samādhi): sự định tâm chân chính, là sự tập trung tư tưởng vào vấn đề chính đáng, đúng với chân lý hoặc việc có lợi ích cho mình và cho người. Trong đường lối giải thoát thì Chính Định là tâm vắng lặng việc ở ngoài, vắng lặng các Dục tính, vắng lặng các Pháp ác; nương theo Tầm, Tứ, Hỷ lạc, An định nhập vào Sơ Thiền cho đến Diệt Thọ Tận Định.

Trong 8 Chính Đạo thì Chính Kiến và Chính Tư Duy thuộc về Trí Tuệ; Chính Tinh Tiến, Chính Niệm và Chính Định thuộc về Định; Chính Ngữ, Chính Nghiệp, Chính Mệnh thuộc về Giới. **Giới** (Śīla) được dùng để giữ gìn Thân trừ Tham độc, **Định** (Samādhi) được dùng để giữ gìn Tâm trừ Sân độc, **Trí Tuệ** (Prajñā) được dùng để giữ gìn Ý trừ Si độc. Khi ba độc Tham, Sân, Si được diệt trừ tận gốc rễ thì Hành giả sẽ chứng nhập được Tịnh quả Niết Bàn.

LƯỢC ĐỒ TU TẬP 8 CHÍNH ĐẠO

GIỚI THÂN

- **Chính Ngữ:** xa lìa: nói dối, nói đâm thọc, nói độc ác, nói vô ích.
- **Chính Nghiệp:** xa lánh việc phạm Giới Luật như sát sinh, trộm cắp, tà dâm, thường xuyên sám hối để tịnh hóa nghiệp ác đã gây.
- **Chính Mệnh:** nuôi mạng chân chính xa lánh việc nuôi mạng theo đường Tà.

ĐỊNH TÂM

- **Chính Tinh Tiến:** diệt ác đã sinh, không cho ác sinh, làm cho Thiện sinh, giữ gìn Thiện đã sinh.
- **Chính Niệm:** Thấy rõ / Trạng thái tâm →
  - Thân
  - Thọ
  - Tâm
  - Pháp

  →
  - 5 Triền cái
  - 5 Uẩn
  - 12 Xứ
  - 18 Giới
  - 7 Giác
  - 4 Đế
  - 12 Duyên
- **Chính Định:** Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc / Trạng thái Tâm →
  - 4 Thiền
  - 4 Vô Sắc Thiền

TUỆ Ý

- **Chính Kiến:** Thấy một cách / Tỉnh giác → KIẾN
- **Chính Tư Duy:** Suy nghĩ trên / Tỉnh giác → TRI

KIẾN / TRI:
- Thấy ⇔ Sắc
- Nghe ⇔ Thanh
- Giác
  - Ngửi ↔ hương
  - Nếm ↔ Vị
  - Va chạm ↔ xúc
- Biết ⇔ Pháp

Biết rõ 6 Trần: sinh như vậy, Trụ như vậy, diệt như vậy, vị ngọt như vậy, nguy hại như vậy, xuất ly như vậy.

Trong **Tứ Diệu Đế** thì ***Tập Đế*** là **Nhân** (Hetu) và ***Khổ Đế*** là **Quả** (Phala) của **Thế Gian Pháp** (Loka-dharma). Còn ***Đạo Đế*** là Nhân và ***Diệt Đế*** là Quả của **Pháp Xuất Thế Gian** (Lokottara-dharma).

Do quán chiếu mọi điều khổ não vây bủa thân xác 5 Uẩn (Khổ Đế) các vị Tu Hành đã suy xét và nhận chân được nguyên nhân gây tạo ra phiền não khổ đau là vô minh và tham ái chấp thủ (Tập Đế) nên các Vị đã thực hành nghiêm mật theo hướng

đi chân chính (Đạo Đế) là giữ gìn thân tâm trong mội khuôn phép (Trì Giới: Śīla), an trú Tâm vắng lặng (Thiền Định: Samādhi) để phát chiếu sự sáng suốt tuyệt vời (Trí Tuệ: Prajñā). Chính sự sáng suốt tuyệt vời này đã nhận biết rõ 6 Trần: Sinh như vậy, Trụ như vậy, Dị như vậy, Diệt như vậy, Vị ngọt như vậy, Nguy hại như vậy, Xuất ly như vậy nên đã đoạn trừ tận gốc rễ mọi thế lực của vô minh và tham ái chấp thủ, chứng ngộ được trạng thái an lạc vĩnh cửu, chấm dứt mọi điều đau khổ (Diệt Đế).

Tạp A Hàm 32 có ghi: *"Chính tư cách biến mất, dập tắt hoàn toàn lòng tham dục làm cho tâm khao khát tái sinh chấm dứt. Khao khát được tăng trưởng bị dập tắt thì căn bản của trường hợp tái sinh cũng tiêu tan. Chấm dứt sinh trưởng thì những cảnh già nua, bệnh tật, chết chóc, khổ đau, thất vọng chẳng phát sinh được. Do đó mọi điều thống khổ chấm dứt".*

Nói theo cách khác, khi đã mang thân người có đầy đủ 6 Căn ắt sẽ tiếp xúc với 6 Trần và nảy sinh ra 6 Thức. Đồng thời trong nội tâm luôn luôn xuất hiện một trong 3 cảm thọ là: vui vẻ hài lòng (Lạc Thọ), khó chịu bực tức (Khổ Thọ), lãnh đạm dửng dưng (Xả Thọ).

Ví dụ: bình thường ta đang có cảm giác lãnh đạm. Nếu được nghe lời khen tặng thì nảy sinh cảm giác khoan khoái nhưng nếu bị nghe lời chỉ trích cay độc thì phát sinh cảm giác bực tức.

Thật ra ba cảm giác: vui, khổ, dửng dưng này chỉ được cảm nhận do sự tiếp xúc của những cảm quan vật lý và tâm lý đối với Thế giới bên ngoài và chúng thường xuyên thay đổi cho nhau. Vì không biết các cảm giác ấy chỉ là hư giả, vô thường mà lại chấp nhận là có thật nên sự cố chấp này che lấp Trí Tuệ làm ta không nhận chân được thật tướng của Thọ. Lúc ấy các tư cách cảm giác sẽ xâm nhập vào tâm khơi động những trạng thái tùy thuộc Thọ Uẩn làm phát sinh sự luyến ái và ngã chấp về đời sống nên sự phiền não khổ đau nương vào đó nảy sinh.

Như khi gặp một chuyện không vừa lòng thì cảm giác khổ nảy sinh, bình thường ta mong muốn điều khó chịu ấy chấm dứt. Nếu điều khó chịu ấy không chấm dứt mà lại tiếp tục tăng lên thì sự khó chịu mỗi lúc mỗi chồng chất và **lòng sân nộ** (Dveṣa) không được thỏa mãn thì **Khổ Khổ** (Duḥkha-duḥkha) xuất hiện. Tức là khi **Phi Hữu Ái** (Abhāva-tṛṣṇā) tác động lên thân tâm thì **Khổ Khổ** (Duḥkha-duḥkha) xuất hiện.

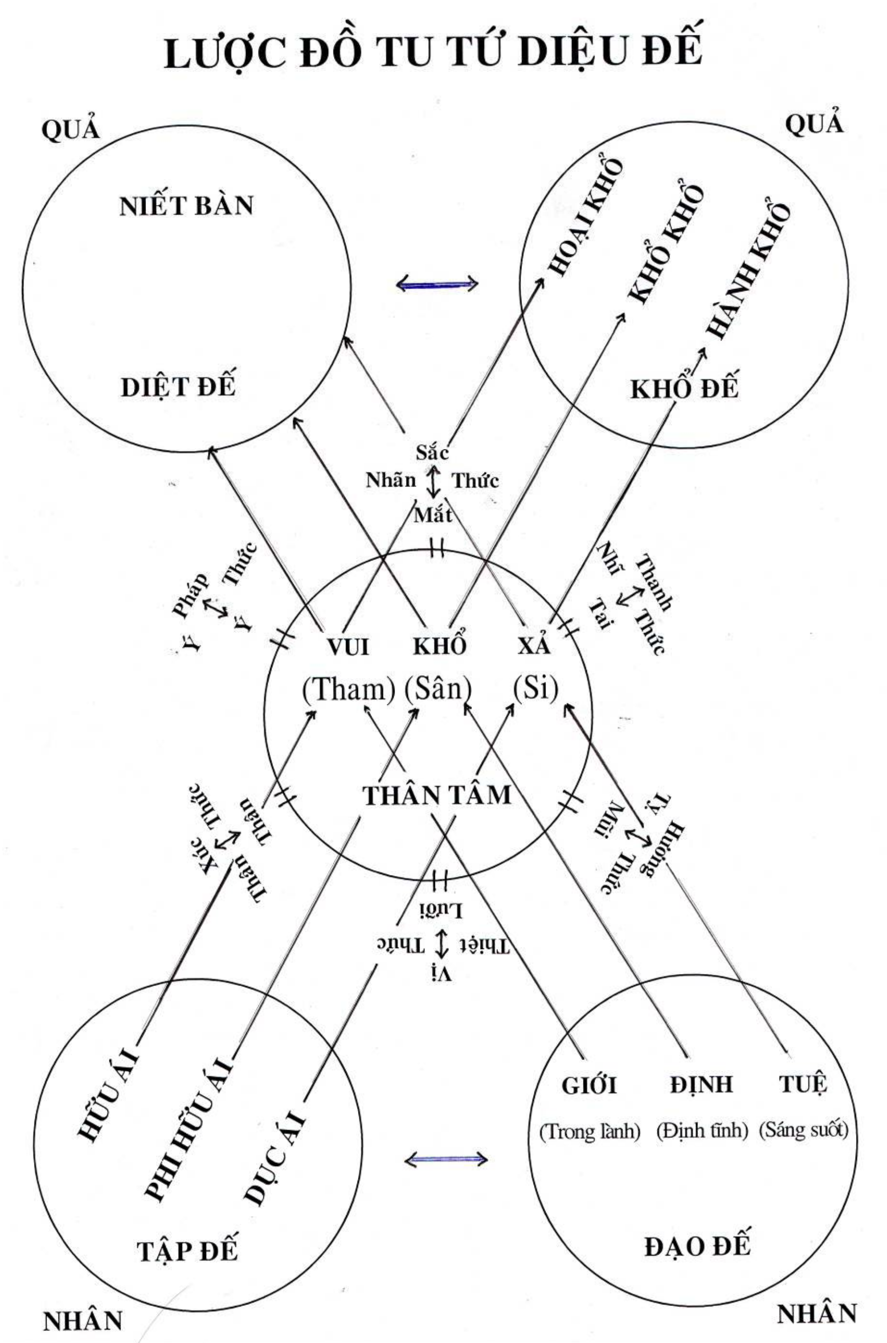
Khi gặp một chuyện vừa ý thì cảm giác vui nảy sinh, bình thường ta muốn cảm giác khoan khoái vui vẻ tồn tại mãi mãi. Nhưng thật ra cảm giác ấy sẽ tự động chấm dứt để thay thế bằng cảm giác khác trong khi ta lại muốn cảm giác vui đó ở mãi bên mình. Do **lòng tham ái** (Rāga) không được thỏa mãn thì nỗi khổ sầu luyến tiếc bởi sự tan hoại xuất hiện hay sự hoại khổ hiện hữu. Tức là khi **Hữu Ái** (Bhāva-tṛṣṇā) tác động lên thân tâm thì **Hoại khổ** (Vṛtti-duḥkha) xuất hiện.

Khi va chạm với Trần cảnh mà ta không hiểu rõ bản hay thật tướng của nó hoặc không lưu tâm đến nó thì trong tâm ta phát sinh **lòng Si** (Moha) kèm theo cảm giác dửng dưng. Vì không biết được cảm giác này sẽ bị thay thế bằng cảm giác khác nên lúc này ta muốn níu kéo nó tồn tại mãi, lúc khác ta lại cảm thấy vô vị muốn nó tan biến đi. Do ước muốn tác động không ngừng lên thân tâm và lòng Si lại không được thỏa mãn nên trạng thái Hành Khổ xuất hiện. Tức là khi **Dục Ái** (Kāma-tṛṣṇā) tác động lên thân tâm thì **Hành Khổ** (Saṃskāra-duḥkha) xuất hiện.

Như vậy do không nhận biết được thật tướng của cảm thọ nên phàm phu chịu sự lệ thuộc vào các cảm giác khi các Căn đối đãi với các Trần. Như nghe tiếng chửi thì giận, nghe tiếng khen thì mừng. Hoặc gặp cảnh vừa ý thì vui, gặp cảnh trái ý thì bực tức cho nên phàm phu thường buông thả tư tưởng, lời nói, hành động tùy theo cảm xúc Thâm, Sân, Si để nghiệp chướng chất chồng và phiền não khổ đau nảy sinh.

Các bậc Giác Giả do quán chiếu được thật tướng của cảm thọ chỉ là duyên khởi hư giả và vô thường mà các Ngài xem Cảm Thọ như mây nổi nên các Ngài điều ngự được các quan năng, chế ngự được các cảm giác, không lệ thuộc vào sự thọ lãnh cảm giác nghĩa là luôn luôn sáng suốt, định tĩnh, trong lành trong mọi hoàn cảnh, mọi trường hợp nên tất cả luyến ái và ngã chấp về đời sống bị diệt trừ và phiền não khổ đau không thể nảy sinh.

Nói rõ hơn nếu chồng chất Dục Ái, Hữu Ái, Phi Hữu Ái (Tập Đế) lên thân tâm thì thực tại bị che mờ và nảy sinh ra Hành Khổ, Hoại Khổ, Khổ Khổ (Khổ Đế). Ngược lại nếu luôn dùng sự Sáng suốt, Định tĩnh, Trong lành (Đạo Đế) tác động lên thân tâm để diệt trừ ba độc Si mê, Giận dữ, Tham lam thì trạng thái an lạc, giải thoát (Diệt Đế) xuất hiện.



B. Thập Nhị Nhân Duyên (Dvādaśãnga-pratitya-samutpāda)

Thập Nhị Nhân Duyên còn gọi là Duyên Khởi hay **Nhân Duyên Sinh** (Pratitya-samutpāda) bao gồm **12 điều kiện** (Dvādaśa-nidāna) chỉ rõ mọi hiện tượng tâm lý và vật lý tạo nên đời sống Hữu Tình trong vòng luân hồi. Đây là một trong nhưng giáo lý quan trọng của Đạo Phật gồm có 12 yếu tố như sau:

1. Vô Minh (Avidyā): là si mê ám vọng, trạng thái Tâm không sáng suốt. Là nguyên nhân che mờ sự giác ngộ, không nhìn thấy vạn vật như thật, không thấu hiểu Tứ Diệu Đế, không hiểu rõ 12 Duyên Khởi, không hiểu rõ 3 đời. Là nguyên nhân sâu xa thúc đẩy chúng sinh trôi lăn trong vòng luân hồi.

2. Hành (Saṃskāra): là hành động tạo nghiệp. Hành động này có thể tốt, xấu, hay trung tính. Hành có thể ở trong 3 dạng Thân, Khẩu, Ý.

3. Thức (Vijñāna): hay Kiết Sinh Thức là cái Thức nối liền hai đời và là nền tảng cho một đời sống mới.

4. Danh Sắc (Nāma-rūpa): là toàn bộ tâm lý và vật lý của con người mơi do 5 Uẩn tạo thành.

5. Lục nhập (Ṣaḍāyatana): là các giác quan, hay 6 Căn (Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý).

6. Xúc (Sparśa): là trạng thái trực tiếp va chạm của Căn, cảnh.

7. Thọ (Vedanā): hay cảm giác, là sự cảm nhận, thụ hưởng.

8. Ái (Tṛṣṇā): là sự luyến ái phát xuất từ ham muốn, Vô Minh.

9. Thủ (Upādāna): là sự giữ lấy, muốn chiếm hữu theo thế lực của Ái Dục.

10. Hữu (Bhāva): là sự có, sự được, sự tồn tại theo thế lực của Thủ.

11. Sinh (Jāti): là sự sinh ra, xuất hiện một đời sống mới.

12. Lão Tử (Jarā-maraṇa): là sự già chết

12 Nhân Duyên là 12 cái vòng khoen nối chuyền chặt chẽ với nhau từ khoen nọ đến khoen kia như cái vòng tròn không mối nối biểu thị cho dòng sinh mệnh của chúng sinh đã tuôn chảy từ vô thủy cho đến nay và tiếp tục tuôn chảy đến cõi vô cùng nếu chúng sinh ấy không đắc quả giải thoát.

12 Nhân Duyên được chia thành 3 đời: Quá khứ, Hiện tại, Vị lai như sau:

a/ 2 Duyên: **Vô minh, Hành** thuộc về **đời quá khứ** bao gồm các chủng tử Ái dục tập nhiễm và là Nhân biểu thị cho khuynh hướng tính dục của đời hiện tại.

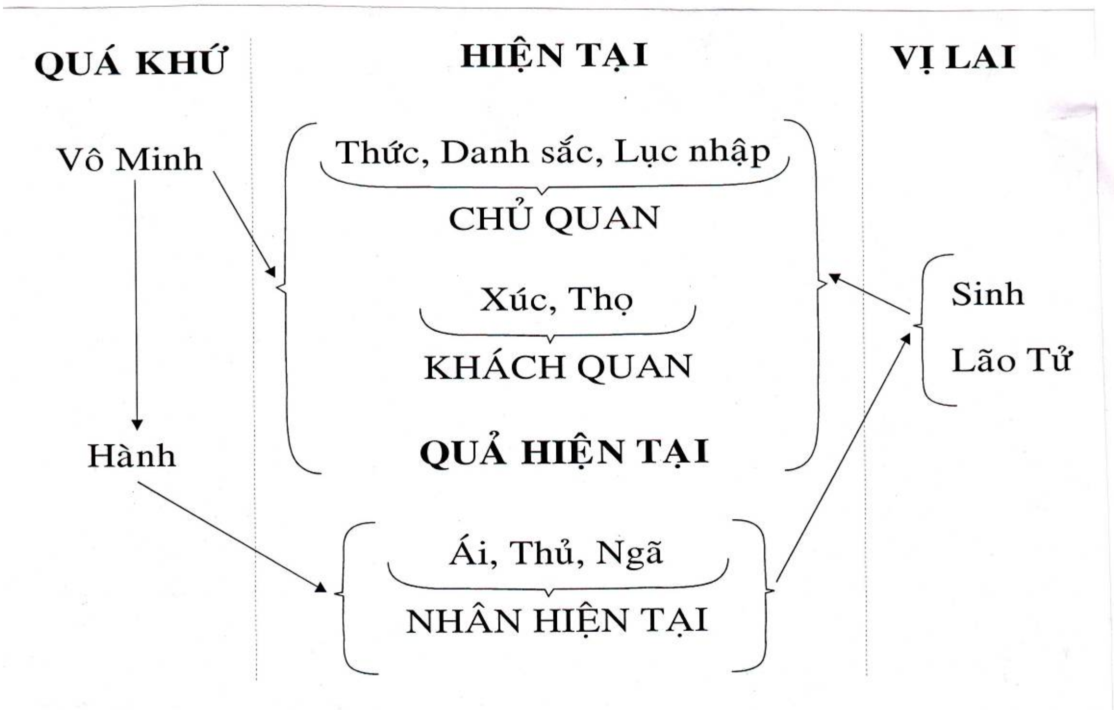
b/ 8 Duyên: **Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Ái, Thủ, Hữu** thuộc về **đời hiện tại** có khuynh hướng nhận quả báo của đời quá khứ (Thức, Danh Sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ) và tạo Nhân mới cho đời sau (Ái, Thủ, Hữu)

c/ 2 Duyên: **Sinh, Lão Tử** thuộc về **đời tương lai**, thọ nhận quả báo được gây nên bởi đời hiện tại và tiếp tục gây Nhân mới cho đời kế tiếp.

Do quán chiếu **sự lưu chuyển của 12 Nhân Duyên** (Lưu Chuyển Quán) là Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sinh, Sinh duyên Lão Tử mà các vị Tu Hành thấu tỏ được nguồn gốc của sinh tử luân hồi.

Do quán chiếu **sự hoàn diệt của 12 Nhân Duyên** (Hoàn Diệt Quán) là Vô Minh diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh Sắc diệt, Danh Sắc diệt thì Lục Nhập diệt, Lục Nhập diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thì Sinh diệt, Sinh diệt thì Lão Tử diệt nên các bậc Giác Giả đã chứng ngộ được Đạo Giải Thoát.

LƯỢC ĐỒ DIỄN TIẾN 12 NHÂN DUYÊN



Khảo cứu theo cách khác , trong 12 Nhân Duyên thì 2 Duyên Vô Minh và Hành là những tập nhiễm chồng chất ở đời quá khứ làm Nhân dẫn đến Quả hiện tại tạo thành một xác thân mới gồm có Thức, Danh Sắc, Lục Nhập. Khi đã có thân, do va chạm (Xúc) sẽ nảy sinh cảm giác (Thọ) rồi lại ưa muốn (Ái) tìm cầu chấp giữ cho thân và cảnh là thật có (Hữu) tức lại làm Nhân dẫn dắt đến Quả vị lai để thọ nhận thân sau (Sinh) mà đã có sinh tất nhiên phải già yếu rồi chết (Lão Tử). Cứ như thế Thân trước (Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ,Ái ,Thủ, Hữu) do không nhận bết được chân tướng vạn vật (Vô Minh) nên đã khởi vọng niệm tạo tác nghiệp báo(Hành) dẫn đến thân này (Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái,Thủ, Hữu). Thân này do luyến ái ưa muốn (Ái) chấp giữ (Thủ) và tham muốn có được (Hữu) lại tạo tác dẫn đến thân sau (Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, ái, Thủ, Hữu) rồi sinh diệt (Sinh, Lão Tử) diệt sinh nối tiếp nhau tạo thành dòng sinh mệnh trôi nổi trong 3 cõi 6 đường.

Do vậy, nguyên nhân chính yếu khiến chúng sinh luân hồi sinh tử (Chịu lệ thuộc bởi Pháp Hành) là do **sự mê muội** (Vô Minh) đồng thời tác nhân trực tiếp nuôi dưỡng sự vận chuyển của 12 Nhân Duyên là **Tham Ái Chấp Thủ** (Ái, Thủ, Hữu) Vì thế, muốn diệt trừ được sự si mê (Vô Minh) thì căn bản vẫn là diệt trừ Tham ái Chấp Thủ . Thật ra bởi có Si Mê nên ta mới có Tham ái Chấp Thủ, ngược lại vì có Tham Ái Chấp Thủ nên ta mới có Si Mê. Thế nên sự Si Mê và Tham Ái Chấp Thủ tuy chia làm hai nhưng Bản Chất vẫn không sai khác. Do đó khi Tham Ái Chấp Thủ bị diệt trừ tận gốc rễ nghĩa là Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt và sự có sự được đã bị hủy diệt thì Nhân hiện tại không gieo nên Quả vị lai không trổ (Sinh diệt thì Lão Tử diệt) tức là dòng sinh tử luân hồi chấm dứt.

Rõ hơn, ngay xác thân hiện tại. Khi đối cảnh nếu ta chấp trước và khởi yêu ghét, tìm cầu hoặc hủy diệt ngoại giới để thỏa mãn tính Vị Kỷ (nuôi dưỡng Ái, Thủ, Hữu) thì Pháp Hành luân chuyển tạo tác hình thành xác thân mới tức là dòng sống 12 Nhân Duyên hiển hiện. Còn nếu đối cảnh , Ta luôn luôn Chính Niệm Tỉnh Giác , như Lý tác Ý hay không còn bị chấp trước bởi Tham Ái Vọng Tưởng (diệt trừ Ái, Thủ, Hữu) thì Pháp Hành bị đoạn duyên nên dòng sinh mệnh chấm dứt. Ngay lúc đó, 12 Nhân

Duyên tan rã nên mọi **Tướng Có** dứt bặt và cảnh giới Chân Thật Vô Vi hiện bày, tức là chứng ngộ trạng thái Niết Bàn.

Đối với chúng Hữu Tình có Tâm Nguyện ***"Cứu mình, độ người"*** thì Đức Phật giảng dạy Pháp tu **6 Độ** gồm có: **Bố Thí Độ** (Dāna-pāramitā), **Trì Giới Độ** (Śīla-pāramitā), **Nhẫn Nhục Độ** (Kṣānti-pāramitā), **Tinh Tiến Độ** (Vīrya-pāramitā), **Thiền Định Độ** (Dhyāna-pāramitā), **Trí Tuệ Độ** (Prajñā-pāramitā). Trong đó: Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục thuộc về **Giới** (Śīla**)**. Tinh Tiến, Thiền Định thuộc về **Định** (Samādhi). Trí Tuệ thuộc về **Tuệ** (Prajña).

Chúng ta biết rằng Đạo Giải Thoát lấy **cái Khổ** nơi đời làm gốc quán sát và lấy **sự diệt khổ** làm đích thành tựu. Vì khổ đau phiền não được dấy sinh nơi đời là nhờ dựa vào sự luyến ái và Ngã Chấp cho nên nếu diệt trừ được tận gốc rễ sự luyến ái và Ngã Chấp về đời sống thì phiền não khổ đau bị đoạn diệt và trạng thái thoát khổ hiển hiện. Muốn được như vậy thì phải xóa bỏ Tự Ngã khi đối cảnh nghĩa là diệt trừ sự chấp trước của Ngã Sở (Tư riêng, tư ý, tư kỷ) ắt sẽ nhận rõ chân tướng của vạn hữu và Lục Độ chính là phương pháp diệt trừ luyến ái và Ngã Chấp của người tu tập theo Bồ Tát Đạo.

Một khi các Bậc Giác Giả đã xả kỷ (Bố Thí) giữ gìn thân tâm trong một khuôn phép (Trì Giới) chịu đựng mọi hoàn cảnh mọi trường hợp (Nhẫn Nhục) thường xuyên tu tập Pháp Thiện diệt trừ điều Bất Thiện, phát triển điều Thiện xa lánh điều Bất Thiện (Tinh Tiến) giữ Tâm hoàn toàn bình lặng (Thiền Định) phát chiếu được sự sáng suốt siêu việt (Trí Tuệ) và chính ngay sự phát khởi Trí Tuệ đã đoạn trừ được sự luyến ái và Ngã Chấp về đời sống. Ngay lúc đó Giác Tính hiển hiện và mọi tướng Có hư giả đều tan biến để hoàn lại tướng Chân Thật Vô Vi , tức là chứng ngộ được cảnh giới Niết Bàn.

MĀLA: Chuỗi Anh Lạc, tràng hoa biểu thị cho sự gom chứa pháp Lành
MĀLA MĀLA: Biểu thị cho sự tăng trưởng Thiện Pháp Như Ý cho ta và người
MASĪ: Nhìn về, trông vào, xem xét
HṚDAYAṂ: Tâm đăng
MASĪ MASĪ HṚDAYAṂ: Quán sát Tâm mình và Tâm người để tu thành Thân Kim Cương Pháp ngồi trên tòa hoa sen báu.

Nếu chỉ dựa vào hình thức tu hành của các Pháp: Quán Hữu Tình, 4 Diệu Đế, 12 Duyên thì chúng ta nhận thấy Pháp tu trên đều đặt trọng tâm vào sự **Tự Giác Viên Mãn**. Còn Pháp tu Lục Độ ngoài sự Tự Giác Viên Mãn thì dính dấp chút ít **tinh thần Giác Tha** qua Bố Thí Độ và hàm chứa ngầm qua 5 Độ còn lại.Do vậy khi thực chứng mùi vị Giải Thoát, vượt thoát khỏi biển sinh tử luân hồi. Nhiều Bậc Giác Giả đã buông bỏ hành Hạnh Độ Sinh, chấp nhận nhập vào cõi Thanh Tịnh Vô Vi, an trú trong Định Chỉ và không muốn từ bỏ nó. Đây là Tâm Nguyện của hàng Nhị Thừa (Thanh Văn, Duyên Giác) và Bồ Tát bị thoái chuyển (Anitya-Bodhisatva: Bất Định Bồ Tát)

Đối với chư Phật thì điều này chưa đủ tốt lành vì các Bậc Giác Giả ấy chỉ mới được một phần Tự Lợi Lợi Tha mà chưa từ bỏ tất cả những gì cần phải từ bỏ cũng như chưa đạt đến tất cả những Đức Tính cần đạt. Vì thế Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã dùng Tâm Đại Bi chân thật hỗ trợ và khuyến khích người tu hành dấn bước vào con đường rộng lớn là phát huy lòng Bi Mẫn cứu độ tất cả chúng Hữu Tình để hoàn thành Phật Quả.

Kinh **Tiểu Phẩm Bát Nhã** có ghi :
"Luôn luôn từ bỏ Nhị Thừa
Và đi vào cỗ xe chiến thắng

Giáo lý đầy Từ Mẫn
Mà Bản Chất chính là Vị Tha"

Giáo Lý này chính là Đại Thừa Pháp và điều quyết định để cho một người bước vào dòng Pháp này là trong dòng Tâm Thức của Hành Giả phải phát khởi được **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)

Ngài **Long Thọ** (Nāgārjuna) có nói:
"Nếu bạn ham thích Vô Thượng Bồ Đề
Cho Bản Thân và Thế Gian
Thì hãy biết gốc rễ của nó là một Tâm Bồ Đề
Kiên cố như núi Tu Di, vua các ngọn núi"

Tác phẩm **Lời Đức Văn Thù** có ghi 10 điều lợi ích của Tâm Bồ Đề là:
1) Tâm Bồ Đề là con đường duy nhất để vào Đại Thừa
2) Người phát Tâm Bồ Đề được gọi là con của Phật (Phật Tử)
3) Người phát Tâm Bồ Đề sáng chói hơn Thanh Văn và Duyên Giác
4) Người phát Tâm Bồ Đề trở thành mục tiêu tối thượng của sự cúng dường
5) Người phát Tâm Bồ Đề dễ dàng tích lũy một số lượng Công Đức khổng lồ
6) Người phát Tâm Bồ Đề nhanh chóng tịnh hóa tất cả tội lỗi và chướng ngại
7) Người phát Tâm Bồ Đề thành tựu bất cứ ước muốn gì
8) Người phát Tâm Bồ Đề không sợ hãi những chướng ngại hay điều hại
9) Người phát Tâm Bồ Đề nhanh chóng hoàn tất mọi giai đoạn của Đạo Lộ tối thượng
10) Người phát Tâm Bồ Đề trở thành một nguồn suối dồi dào hạnh phúc cho kẻ khác.

Tuy nhiên chỉ phát Tâm Bồ Đề bằng lời nói xuông "**Tôi sẽ đạt thành Phật Quả vì lợi ích cho tất cả Hữu Tình**" thì quả là vô ích. Muốn cho dòng Tâm Thức của chúng ta có sự hiện hữu của Tâm Bồ Đề thì chúng ta phải luyện Tâm theo từng giai đoạn như các Ngài **Atiśa** (Người xuất chúng), **Candra-kirti** (Nguyệt Xứng), **Candra-gomin** (Nguyệt Quan), **Śāntakşita** (Tịch Hộ) và các Bậc Đạo Sư Tây Tạng khác đã chỉ dạy trong **"Sự luyện Tâm nhờ những chỉ giáo Nhân Quả 7 phần"**.

Giai đoạn 1: **Xả Vô Lượng**

Đây là giai đoạn luyện cho dòng Tâm Thức của chúng ta có thái độ bình đẳng trước tất cả Hữu Tình. Chúng ta nên Thiền Quán về 3 đối tượng : Kẻ thù, Bạn hữu và người xa lạ để điều phục các cảm xúc giận ghét , ưa thích hoặc dững dưng.

Đối với kẻ thù, chắc chắn chúng ta sẽ phát khởi cảm xúc giận ghét và cho rằng người ấy đã làm hại ta. Khi ấy, chúng ta nên nhìn sâu vào Bản Chất những bực bội của mình và nghĩ về nguyên nhân của chúng. Kế tiếp, chúng ta Thiền Quán về luật Nhân Quả để giảm bớt ý niệm sân hận. Sau đó chúng ta quán tưởng những kẻ thù ấy có thể đa là thân thiết với ta như thế nào trong những đời quá khứ. Như vậy sẽ chấm dứt sự thù hận của ta đối với họ.

Đối với bạn hữu hoặc người thân thích, chúng ta cảm thấy vui thích quyến luyến họ vì tập quán hoặc vì lòng tử tế mà họ đối với ta. Khi ấy, chúng ta quán tưởng rằng trong quá khứ lâu xa, có thể họ đã là kẻ thù của ta, từng hãm hại và gây đau khổ cho ta. Nhờ vậy sẽ chấm dứt được sự luyến ái của ta đối với họ.

Đối với người xa lạ, chúng ta cảm thấy dững dưng. Nhưng trong quá khứ có thể họ đã từng là bạn của ta. Là kẻ thù của ta.

Như thế tất cả Hữu Tình đều là bạn của ta, là kẻ thù của ta. Thế thì ta nên yêu thương ai? Oán hận ai? Thật là vô lý nếu ta thương những người mà ta cho là bạn

trong khi ở quá khứ nhiều lần họ đã là kẻ thù của ta. Cũng thật vô lý không kém nếu ta ghét những người mà ta cho là kẻ thù trong khi họ đã từng là bạn thân, là người ân của ta.

Vì vậy tất cả Hữu Tình dường như có vẻ là bạn hay thù và chắc chắn họ sẽ thay đổi địa vị cho nhau tùy theo hoàn cảnh. Lại nữa, trong dòng sinh tử vô tận, ta và chúng Hữu Tình đều chịu những nỗi thống khổ chung là chìm đắm trong biển luân hồi. Do đó tự bản chất mọi loài đều bình đẳng, đều đáng thương như nhau, đều đáng được đối xử một cách không thiên vị. Nếu chúng ta đã trải rộng **Tâm Xả** lên tất cả Hữu Tình thì điều này sẽ vĩnh viễn ngăn chặn được những Tà Ác thuộc Thế Gian như hàng phục kẻ thù , nâng đỡ người thân và khi ấy trong dòng Tâm Thức của chúng ta mới thật sự phát khởi được tình yêu thương lên tất cả Hữu Tình để xây dựng được Tâm Bồ Đề.

Giai đoạn 2: **Hiểu tất cả Hữu Tình đã từng là mẹ của ta**

Trong vô lượng vô số ức lần tái sinh trong biển sinh tử luân hồi, chúng ta đã từng sinh theo 4 dạng: Trứng (Aṇḍaja: Noãn Sinh), Thai (Jarāyuja: Thai Sinh), Ẩm Ướt (Saṃsvedaja: Thấp Sinh), Biến Hóa (Anupapāduka: Hóa Sinh) và chúng ta đã từng nhận vô số Thân trong mỗi một loài Hữu Tình đến nỗi số lần tái sinh của chúng ta có thể nhiều hơn gấp bội số lượng Hữu Tình hiện tại. Vì thế ít nhất là mỗi một Hữu Tình đã từng là mẹ của ta. Nhờ quán chiếu như vậy, chúng ta mới có thể trải rộng lòng yêu thương lên khắp mọi Hữu Tình không bỏ sót một ai.

Giai đoạn 3: **Nhớ lại sự tử tế của chúng Hữu Tình**

Khi chúng ta có được Tuệ Quán đi sâu vào sự kiện tất cả Hữu Tình đã từng là mẹ của mình thì phải nghĩ đến lòng thương mà họ ban bố cho mình. Trong đời hiện tại, chúng ta ít nhiều đã có những kinh nghiệm về tình yêu thương mà bà mẹ đã ban rải đến đứa con yêu dấu của mình như: Sự đau khổ nhọc nhằn lúc mang thai, lúc chăm sóc lo lắng nuôi dưỡng con, hy sinh bảo vệ con… Từ đấy chúng ta sẽ tự biết chúng Hữu Tình đã tỏ bày tình thương như thế nào đối với mình và chúng ta cần phải ghi nhớ lòng tử tế này.

Giai đoạn 4: **Đền đáp sự tử tế của chúng Hữu Tình**

Nhờ vào sự tử tế của tất cả Hữu Tình mà hiện tại chúng ta tạm thời có được thân người thuận lợi để tìm hiểu và tu tập Chính Pháp Giải Thoát. Do vậy, để đáp lại lòng tử tế của chúng Hữu Tình, chúng ta phải cố gắng tìm cách giải thoát Hữu Tình đang bị kẹt trong biển khổ.

Tác phẩm **Trái Tim Trung Đạo** đã nói như sau về sự trả ơn :

"***Từ trước đến nay tôi đã bị ám ảnh bởi con ma vọng tưởng***
Cũng như một vết thương bị kích thích
Hoặc như bị đánh đập
Cái gì đem lại đau khổ như thế
Cho người bệnh?
Có cách nào khác
Để trả ơn những người đã thương tôi
Kính trọng và giúp đỡ tôi
Trong những đời tái sinh trước
Một cách giúp đỡ
Mà không đem lại cho chúng khổ đau ?"

Như vậy, muốn đền đáp ân sâu của chúng Hữu Tình và muốn cho họ có được mọi hạnh phúc và thoát khỏi mọi khổ đau thì phương cách tốt nhất là giúp đỡ cho họ đạt được Phật Quả

Ngài **Sogyal Rinpoche** có ghi :

" Hữu Tình vô lượng như hư không
Mong tất cả đều dễ dàng chứng được Tự Tính
Mong cho mỗi chúng sinh trong sáu đường
Đã từng là cha mẹ tôi trong đời này hay đời khác
Đều đạt đến Thật Địa (Tathà Bhùmi), ***sự hoàn hảo tối sơ"***

Giai đoạn 5: **Thiền Định Tâm Từ, phát sinh nhờ năng lực của sự lôi cuốn**

Tâm Từ (Maitri-citta) hiện ra dưới một sự yêu mến phát xuất từ trái tim đến tất cả Hữu Tình. Khi chúng ta đã triển khai phần nào về 3 đề mục: Hiểu rằng tất cả Hữu Tình đã từng là mẹ của ta, Nhớ lại sự tử tế của họ, Mong mỏi đền đáp tấm lòng tử tế ấy … thì Tâm Thức chúng ta sẽ tràn ngập niềm tri ân. Từ đấy chúng ta hãy mở rộng lòng ra để tình yêu tuôn tràn từ trái tim của mình trải lên khắp muôn loài từ những người gần nhất cho đến bạn hữu, những người quen biết, người láng giềng, người xa lạ rồi đến những kẻ mà ta có thể xem như kẻ thù, cuối cùng là trải tình yêu lan rộng ra khắp cả vũ trụ. Nét đặc trưng của tình yêu ấy là Tâm Tưởng ***" Mong sao cho tất cả chúng Hữu Tình có được hạnh phúc không ô nhiễm. Tôi cố gắng làm cho họ có được hạnh phúc như thế"***

Giai đoạn 6: **Tâm Bi Mẫn**

Từ sự thương mến tất cả Hữu Tình, chúng ta cần phải quán chiếu sự đau khổ phiền não mà họ đang chịu trong dòng sinh tử, nhất là sự khổ đau cùng tột trong các Đọa Xứ như: Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, nơi chiến tranh, cướp bóc, bệnh dịch, Thiên Tai… để có thể phát khởi lòng thương xót và ước muốn giúp đỡ họ vượt thoát khỏi sự đau khổ.

Ngài **Śānti-deva** (Tịch Thiên) có nói :

"***Khi thân thể bị lửa nóng bao vây***
Làm sao nói đến sung sướng được?
Cũng vậy, khi thấy chúng sinh đau khổ
Những Bậc Đại Bi làm sao an vui được? "

Để có thể làm bung ra trọng tâm của lòng Bi Mẫn, Ngài Tịch Thiên đã dạy cách **Đổi Địa Vị của mình với người khác** là:

Khi gặp một người đau khổ mà ta không biết cách nào để giúp đỡ họ thì ta hãy đặt mình hoàn toàn vào địa vị của họ và hãy tưởng tượng một cách sống động "Mình sẽ như thế nào nếu phải đau khổ như vậy?". Rồi tự hỏi "Tôi sẽ cảm thấy ra sao? Tôi sẽ muốn bạn bè tôi đối xử với tôi như thế nào? Tôi cần cái gì nơi họ?"

Khi ta đã đổi địa vị với họ như thế thì ta đang di chuyển lòng yêu thương của mình đối với mình thành ra lòng yêu thương người khác.

Phẩm **Hành Bồ Tát Hạnh** có ghi là :

"***Bất cứ ai mong che chở bản thân và người khác***
Hãy đổi địa vị mình với người
Hãy làm Hạnh Thánh này trong Bí Mật"

Giai đoạn 7: **Tâm Vị tha**

Sau khi Thiền Quán sâu xa về Tâm Bi Mẫn thì trong Tâm Thức chúng ta sẽ phát sinh một quyết định mạnh mẽ là muốn làm nhẹ bớt khổ đau cho muôn loài và có ý

thức trách nhiệm mãnh liệt đối với mục tiêu cao quý ấy. Từ đó chúng ta sẵn sàng hiến thân trong công hạnh "Phục vụ Vị Tha" và hành động đó sẽ đưa chúng ta đến giải thoát.

Như Đức Phật đã dạy: "***Tất cả chúng sinh đều là ruộng phước chẳng khác gì ruộng Phước của chư Phật"***

Ngài Tịch Thiên cũng nói: "***Phục vụ chúng sinh tức là làm vui lòng chư Phật, thành tựu được mục đích tối thượng của ta là tiêu trừ đau khổ cho Thế Gian. Đó là lời nguyện mà ta phải luôn nhớ thực hành***"

Giai đoạn 8 : **Phát Tâm Bồ Đề**

Sau khi khởi Tâm phục vụ chúng sinh, chúng ta sẽ nhận thấy rằng cách duy nhất để chúng ta có thể giúp đỡ trọn vẹn chúng Hữu Tình là: ***"Chính ta phải đạt Giác Ngộ".*** Điều này có nghĩa là nếu chúng ta chưa đạt đến cái Trí biết cùng khắp (Chính Biến Tri) thì chúng ta không thể nào làm lợi ích cho chúng Hữu Tình được. Do đó chúng ta phải phát Tâm Bồ Đề là mong cầu hoàn toàn Giác Ngộ để lợi lạc Hữu Tình.

Như vậy, nhờ luyện Tâm theo 8 giai đoạn (Giai đoạn 1 là giai đoạn chuẩn bị, 7 giai đoạn sau là những chỉ giáo Nhân Quả 7 Phần) chúng ta mới phát khởi được Tâm Bồ Đề chân thật và đó mới thực là Hạt Giống chân chính để phát triển thành cây Bồ Đề vô thượng.

Khi chúng ta đã biết muốn giúp đỡ trọn vẹn chúng Hữu Tình thì chính chúng ta phải Giác Ngộ. Như thế trong các Pháp Môn tu hành, thật ra chẳng có Pháp Môn nào đáng gọi là Tiểu Thừa, Trung Thừa, Đại Thừa mà chỉ do người tu hành có Tâm Ý : Lớn nhỏ, rộng hẹp mới tạo ra các Thừa sai biệt mà thôi.

Như Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa** ghi nhận Đức Phật đã thọ ký cho các vị Thanh Văn Đệ Tử và **Đề Bà Đạt Đa** (Devadatta) đều được thành Bậc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác trong đời vị lai nhằm nhấn mạnh rằng chỉ có một Phật Thừa chứ không có nhiều Thừa là :

_ Ma Ha Ca Diếp sẽ thành Quang Minh Như Lai
_ Tu Bồ Đề sẽ thành Danh Tướng Như Lai
_ Đại Ca Chiên Diên sẽ thành Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai
_ Ma Ha Mục Kiền Liên sẽ thành Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai
_ Phú Lâu Na sẽ thành Pháp Minh Như Lai
_ Kiều Trần Như sẽ thành Phổ Minh Như Lai
_ 500 Thanh Văn Đệ Tử sẽ thành Phật cùng chung danh hiệu là Phổ Minh Như Lai
_ A Nan sẽ thành Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai
_ La Hầu La sẽ thành Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai
_ 2000 vị Thanh Văn Đệ Tử sẽ thành Phật cùng chung danh hiệu là Bảo Tướng Như Lai
_ Xá Lợi Phất sẽ thành Hoa Quang Như Lai
_ Đề Bà Đạt Đa sẽ thành Thiên Vương Như Lai
_ Ma Ha Ba Xà Ba Đề Tỳ Kheo Ni sẽ thành Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Như Lai
_ Da Du Đà La Tỳ Kheo Ni sẽ thành Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai

Dựa trên ý nghĩa này một số vị Đạo Sư đã minh xác được từ Pháp tu 4 Diệu Đế đã phát triển thành các Đại Nguyện của Bồ Tát là :

*) Muốn dứt trừ **Khổ Đế** thì phát Nguyện là: "**Chúng Sinh Vô Biên Thệ Nguyện Độ"** rồi từ Nguyện này được phát triển thành 2 Nguyện của Quán Thế Âm Bồ Tát là :

1) Nguyện tôi mau độ các chúng sinh (Đây là Cảnh Sở Hóa)
2) Nguyện tôi mau được phương tiện khéo (Đây là Pháp Năng Hóa)

*) Muốn dứt trừ **Tập Đế** thì phát Nguyện là: "**Phiền Não vô tận thệ Nguyện đoạn"** Từ Nguyện này được phát tiển thành 3 Nguyện của Quán Thế Âm Bồ Tát là:

1) Nguyện tôi mau ngồi Thuyền Bát Nhã (Trừ biển Si căn bản)
2) Nguyện tôi sớm được vượt biển khổ (Dứt sinh tử lưu chuyển)
3) Nguyện tôi sớm được Đạo Giới Định (Diệt Tham Sân)

*) Muốn tu tập **Đạo Đế** thì phát Nguyện là: **"Pháp Môn Vô Thượng thệ Nguyện học"** Từ Nguyện này được phát triển thành 2 Nguyện của Quán Thế Âm Bồ Tát là :

1) Nguyện tôi mau biết tất cả Pháp (Đây là Pháp Sở Học)
2) Nguyện tôi sớm được mắt Trí Tuệ (Đây là Trí Năng Chiếu)

*) Muốn chứng đạt **Diệt Đế** thì phát Nguyện là: "**Phật Đạo vô thượng thệ Nguyện thành"** Từ Nguyện này được phát triển thành 3 Nguyện của Quán Thế Âm Bồ Tát là :

1) Nguyện tôi sớm lên non Niết Bàn (Chứng Niết Bàn Cứu Cánh)
2) Nguyện tôi mau gặp nhà Vô Vi (Thành Đạo Bồ Đề)
3) Nguyện tôi sớm thành Thân Pháp Tính (Viên thành 3 Thân)

Trong 4 Đại Nguyện của Bồ Tát thì Nguyện đầu chủ về Lợi Tha, 2 Nguyện kế chủ về Tự Lợi và Nguyện cuối cùng viên mãn cả 2 Lợi Tự Tha.

_Hoặc là:

*) Muốn dứt trừ **Khổ Đế** thì phát Nguyện là: "**Chúng Sinh Vô Biên Thệ Nguyện Độ"** rồi từ Nguyện này được phát triển thành 6 Nguyện (6,7,8,10,11,12) của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang là:

6_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình thân kém, chẳng đủ Căn
Nghe tên Ta xong, đủ các căn
Đoan chính, thông tuệ, không bệnh khổ

7_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình: mọi bệnh, nghèo túng, khổ
Danh hiệu của Ta thoáng qua tai
Thân tâm an vui, đủ của cải
8_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Người nữ bị trăm ác bức bách
Sinh tâm chán lìa, nghe tên Ta
Liền được chuyển thành thân Trượng Phu

10_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình bị phép vua gây khổ
Với tai nạn khác ép thân tâm
Dùng uy thần Ta đều giải thoát

11_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình đói khát nhân tạo nghiệp
Ta cho ăn uống, thân no đủ
Sau dùng Pháp Vị, an vui hết

12_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình không chỗ dựa, nóng lạnh
Chuyên niệm tên Ta được quần áo
Vật trang nghiêm báu cũng đầy đủ

*) Muốn dứt trừ **Tập Đế** thì phát Nguyện là: "**Phiền Não vô tận thệ Nguyện đoạn".** Từ Nguyện này được phát tiển thành 1 Nguyện (9) của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang là:

9_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Khiến các hữu tình thoát lưới Ma
Thoát khỏi rừng rậm của Ngoại Đạo
Chính Kiến tu tập Hạnh Bồ Tát

*) Muốn tu tập **Đạo Đế** thì phát Nguyện là: **"Pháp Môn Vô Thượng thệ Nguyện học".** Từ Nguyện này được phát triển thành 3 Nguyện (3,4,5) của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang là:

3_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Trí Tuệ, phương tiện vô biên lượng
Vật cần thọ dụng đều không tận
Không để chúng sinh có thiếu thốn.

4_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Khiến các Tà Hạnh trụ Chính Đạo
Nếu người hành Thanh Văn, Độc Giác
Đều dùng Đại Thừa mà an lập

5_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Vô biên hữu tình tu Phạm Hạnh
Đều khiến đầy đủ ba **Tụ Giới**
Giả sử có phạm, lại trong sạch

*) Muốn chứng đạt **Diệt Đế** thì phát Nguyện là: **"Phật Đạo vô thượng thệ Nguyện thành".** Từ Nguyện này được phát triển thành 2 Nguyện (1,2) của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang là:

1_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Thân sáng rực rỡ chiếu Pháp Giới
Tướng tốt trang nghiêm thân Trượng Phu
Khiến các hữu tình không khác Ta

2_ Nguyện Ta đời sau được Bồ Đề
Ánh sáng, Công Đức rất rộng lớn
Lưới lửa trang nghiêm hơn Nhật Nguyệt
Chúng sinh u minh đều mở sáng

Theo quan điểm mở rộng khác, Tứ Diệu Đế còn được minh hoạ qua những câu Kệ đơn giản, dễ nhớ như sau:

Các việc Thiện nên làm (Dứt trừ Khổ Đế)
Các việc ác đừng làm (Dứt trừ Tập Đế)
Tự tịnh Tâm Ý mình (Tu tập Đạo Đế)
Đó là lời Phật dạy (Thành tựu Diệt Đế)

Hoặc minh hoạ bằng lời Nguyện dễ nhớ như sau:
Nguyện các chúng sinh thường được an vui (Dứt trừ Khổ Đế)
Nguyện các chúng sinh mau lìa phiền não (Dứt trừ Tập Đế)
Nguyện các chúng sinh sớm khởi Từ Bi (Tu tập Đạo Đế)
Nguyện các chúng sinh đồng thành Phật Đạo (Thành tựu Diệt Đế)

_Trong quyển **Quán Niệm Nguồn Tâm** Ngài **Geshe Kelsang Gyatso** có ghi rằng:

"Đức Phật đã khéo bao gồm mọi Pháp tu tập trong 4 Pháp thực hành 4 Diệu Đế. Mọi đối tượng cần được buông bỏ đều được bao gồm trong Khổ Đế và Tập Đế, tức Khổ và Nguyên Nhân của sự Khổ, và tất cả những đối tượng cần phải thực hành đều bao gồm trong Diệt Đế và Đạo Đế, tức sự Diệt Khổ và Đạo diệt khổ. Như vậy chúng ta thấy 4 chữ Khổ, Tập, Diệt, Đạo ngắn ngủi mà lại có rất nhiều ý nghĩa. Chúng ta có thể thực hành Tứ Diệu Đế theo phương pháp của bất kỳ Phái nào trong 4 phái Tiểu Thừa và Đại Thừa, nhưng thâm diệu nhất là phương pháp tu tập của phái Trung Đạo Thực Tướng Luận. Chúng ta có thể hiểu 16 đặc tính của Tứ Diệu Đế ở mức thô, tinh hay rất vi tế, và người có tài trình bày những mức giải thích này chắc chắn phải là một vị Thầy chân xác"

Như Luận Sư **Dharma-kirti** có nói trong quyển **Diễn Giải Nhân Minh Học** *"Nếu muốn đạt giải thoát, chúng ta không cần một vị Thầy có Huệ Nhãn và các Thần Thông khác , mà chỉ cần một vị Thầy hiểu rõ và có khả năng giảng giải Tứ Diệu Đế"*

Chính vì lý do này , sau khi đã nhắc nhở cho chúng ta biết tất cả Phật Pháp đều tương ứng khế hợp với tất cả căn cơ của chúng Hữu Tình. Tâm Chú Đại Bi lại khuyên dạy chúng ta cần phải làm cho Thiện Pháp Như Ý của ta và người được tăng trưởng viên mãn (tức viên mãn Phước Đức) tu thành Thân Kim Cương Pháp (tức viên mãn Trí Đức) ngồi trên tòa sen báu (tức chứng đạt Phật Quả)

Tóm lại trong phần PHỔ CHỨNG ĐẠI BI TÂM MÔN Tâm Chú Đại Bi đã trình bày năng lực của Tâm Đại Bi là **Ban Vui cứu Khổ** (Tăng trưởng Phước Đức) và **Chuyển mê khai ngộ** (Tăng trưởng Trí Đức) nhằm minh xác rằng khi hóa độ chúng sinh, chư Phật 3 đời đều không xa lìa 2 mục đích này. Đồng thời Tâm Chú nhấn mạnh rằng muốn có đầy đủ Trí Đức và Phước Đức thì ngoài Pháp tu thích hợp, Hành Giả cần phải huân tu Tâm Đại Bi và đấy chính là nền tảng thiết yếu để thành Bậc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Như các vị Đạo Sư Tây Tạng nhận định rằng :

"Tâm Đại Bi là trọng tâm hoạt động giác ngộ của các Bậc Thánh Giải Thoát và Tâm Đại Bi là cội nguồn tinh túy để dẫn dắt chúng sinh tiến đến sự Giác Ngộ Tối Thượng"

III- TỊNH HÓA LỤC ĐẠO MÔN:

KURU KURU KARMAṂ _TURU TURU BHAṢI YATI

Xin Ngài làm Pháp tác dụng trang nghiêm, thổi Loa Pháp kết Giới khiến cho chúng sinh gieo trồng Công Đức, tu hành theo Giáo Pháp nghiêm tịnh rộng khắp để mau chóng vượt thoát sự khổ não của sinh tử

_ KURU là Tác làm
KARMAṂ là Nghiệp đẳng
KURU KURU KARMAṂ là Tác làm các sự nghiệp của Ta và Người

_ TURU là Nhanh chóng
BHAṢI là Giáo Pháp
YATI là điều khiển hướng dẫn
TURU TURU BHAṢI YATI là Ta và Người hãy nhanh chóng tuân theo sự hướng dẫn của Giáo Pháp để được giải thoát sinh tử

Như chúng ta đã biết trong vòng sinh tử vô tận, ta và chúng Hữu Tình đều chịu những nỗi thống khổ chung là đắm chìm trong biển luân hồi nên tự bản chất mỗi loài đều đáng thương như nhau, hơn nữa mỗi một chúng Hữu Tình ít nhất cũng có một lần làm cha hay mẹ của ta. Do đó nếu ta có giúp đỡ cho họ bớt phiền não khổ đau thì hành động này cũng chỉ là sự mong mỏi đền đáp được phần nào tấm lòng tử tế mà họ đã làm cho ta từ những kiếp trước. Ngoài ra có một điều rất quan trọng mà ít ai chú ý đến là: ***"Nếu ta mong mỏi giúp ích cho người thì chính điều đó lại giúp ích cho ta"***

Ví dụ như: Vì mong cầu cho chúng sinh được trường thọ thì chúng ta sẽ lánh xa được tội sát sinh

Vì mong cầu cho chúng sinh đạt được những điều ước nguyện thì chúng ta sẽ lánh xa sự trộm cướp

Vì mong cầu cho chúng sinh được an ổn và tránh khỏi đói khát thì chúng ta sẽ lánh xa được những hành động xằng bậy

Vì mong cầu cho chúng sinh hiểu được sự an tịnh của một Tâm Hồn chân thật thì chúng ta sẽ lánh xa những điều xảo trá

Vì mong cầu cho chúng sinh thường xuyên tử tế và học hỏi lẫn nhau về Đạo Pháp thì chúng ta sẽ lánh xa điều nói xuôi nói ngược

Vì mong cầu cho chúng sinh có được sự Thành Tâm đối với nhau thì chúng ta sẽ lánh xa những điều nói vô ích

Vì mong cầu cho chúng sinh dứt bỏ hết lòng Dục Vọng thì chúng ta sẽ lánh xa sự ham muốn thấp hèn

Vì mong cầu cho chúng sinh có đầy đủ lòng Từ Bi thì chúng ta sẽ lánh xa sự thù hận

Vì mong cầu cho chúng sinh đừng lầm lẫn coi thường Đạo Lý Nhân Quả thì chúng ta sẽ lánh xa sự ngu dốt.

Như thế dường như tất cả chúng Hữu Tình trong 3 cõi 6 đường đều là những tấm gương cho chúng ta soi vào để tự sửa chữa mình nếu chúng ta có thật tâm mong mỏi được giải thoát sinh tử khổ đau.

Chính vì lý do này, nếu chúng ta dũng mãnh thi hành công hạnh "**Phục vụ vị tha"** thì chúng ta dần dần xa lánh được Tâm Ý **"Vị kỷ vong tha"** và tiêu giảm bớt năng lực trói buộc của "**Ngã Chấp, Ngã Ái".** Nhờ vậy nhận thức của chúng ta sẽ được

thanh lọc từ từ, cuối cùng mọi phiền não nghiệp chướng sẽ được thanh tịnh, trực nhận được Trí Tuệ Tự Tại Vô Nhiễm Cấu vốn có trong Bản Tâm mình và dứt trừ sinh tử khổ đau.

Lại nữa, sự phiền não khổ đau của sinh tử chính là sự phiền não khổ đau của chúng Hữu Tình trong 6 cõi: Trời, Người, A Tu La, Súc sinh, Ngạ Quỷ, Địa Ngục

1) **Cõi Trời** (Deva hay Sura): Là cõi thụ hưởng, trong đó chư Thiên thường khởi Tâm tự mãn và bám chặt vào các ảo tưởng của niềm vui tạm thời. Chư Thiên thường có thân thể mềm mại xinh đẹp. Được thoải mái về nơi cư ngụ, quần áo, thức ăn uống, vật dùng và có cuộc sống lâu dài. Tuy nhiên khi hết Phước Báo thì các vị ấy cũng chết và tái sinh vào cõi khác tùy theo Nhân Nghiệp đã tạo ra. Nhân chính của cõi này là Tâm Ý **Ảo Tưởng Kiêu Mạn.**

2) **Cõi Người** (Manuṣyana hay Nāra): Là cõi hành động, trong đó con người thọ nhận các cảm giác hạnh phúc và khổ đau lẫn lộn. Bình thường con người mang Tâm Ý tự kiêu, ích kỷ, hoài nghi nên bị trói chặt vào các hoạt động nhằm thỏa mãn ý riêng của mình. Tuy vậy cõi Người là cảnh giới có nhiều điều kiện thuận lợi để tu tập những Pháp cần thiết thành tựu Phật Quả nên các vị Bồ Tát thường chọn tái sinh vào cõi Người . Nhân chính của cõi này là Tâm Ý **Hoài Nghi Tự Kiêu**

3) **Cõi A Tu La** (Asura: Phi Thiên) hay **cõi Thần** (Devatā): Là cõi chiến đấu, trong đó chư Thần thường khởi Tâm ganh tỵ, thích tranh đấu với kẻ khác hoặc chư Thiên. Chư Thần có thần thông biến hóa nhưng đa số có thân hình thô xấu, ít khi hớn hở và hiếm có những cuộc tiêu khiển giải trí. Riêng nữ A Tu La thì rất xinh đẹp nên là một trong các nguyên nhân dẫn đến cuộc chiến giữa chư Thần và chư Thiên. Nhân chính của cõi này là Tâm Ý **Ganh Tỵ Tranh Đấu**

4) **Cõi Súc Sinh** (Tiryañc hay Paśu): Là cảnh giới của loài cầm thú, côn trùng. Chúng sinh trong cõi này thường mang Tâm Thức trì độn thờ ơ gắn chặt với bản năng, không có đủ khả năng để phát triển tư tưởng. Vì thế chúng thường vây hãm, đuổi bắt, ăn nuốt lẫn nhau và sống trong sự sợ hãi. Nhân chính của cõi này là Tâm Ý **Trì Độn Mù Quáng**

5) **Cõi Ngạ Quỷ** (Preta): Là cõi Quỷ đói. Chúng sinh trong cõi này luôn khởi Tâm thèm khát , mong muốn tham dục mà không bao giờ thực hiện được. Các loài Quỷ đói thường mang nhiều hình dáng xấu xí lạ lùng, sống trong rừng bụi với những nơi dơ bẩn… Nhân chính của cõi này là Tâm Ý **Tham Dục Thèm Khát**

6) **Cõi Địa Ngục** (Nāraka hay Niraya): Là cõi hành hạ đền tội. Chúng sinh trong cõi này không có hạnh phúc mà luôn luôn chịu những nỗi thống khổ qua những cuộc hành hạ hay tra tấn để trả những Nghiệp Ác đã tạo ra trong đời quá khứ. Nhân chính của cõi này là Tâm Ý **Giận Dữ Oán Hận**

Trong 6 cõi này thì 4 cõi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, A Tu La gọi là Cảnh Giới Bất Hạnh. Còn 2 cõi Người, Trời gọi là 2 Cảnh Giới Hữu Phước. Vì không biết các cảnh giới này chỉ tạm có và luôn thay đổi theo thời gian nên chúng Hữu Tình thường để cho Tâm Ý luyến ái và ngã chấp chi phối các hành động của Thân, Khẩu, Ý. Do đó dòng Nghiệp Báo luôn nối tiếp nhau tạo nên sự sinh tử khổ đau.

Với Tâm Nguyện Đại Từ Bi, muốn cho chúng sinh mau chóng thành tựu Chính Pháp Giải Thoát, dứt trừ biển khổ sinh tử. Đức Quán Tự Tại Bồ Tát hiện ra thân tướng trang nghiêm, đầu đội mão trân bảo, mặc áo lụa quý báu, ngồi trên tòa sen trắng, một tay cầm tràng hạt, một tay cầm hoa sen trắng, phóng tỏa ánh quang minh chiếu soi khắp Pháp Giới, dùng phương tiện gia trì khiến cho chúng sinh tự thấu ngộ rằng: *"Mình vốn có Bản Tâm tịch tĩnh vô nhiễm cấu y như Chư Phật không sai khác, chỉ vì Vô Minh che lấp nên đắm chấp chiều chuộng theo 6 phiền não căn bản là Ảo Tưởng Kiêu Mạn, Ganh Tỵ Tranh Đấu, Ích Kỷ Hoài Nghi, Trì Độn Mù Quáng, Tham Dục*

Thèm Khát, Giận Dữ Oán Hận mà bị trôi lăn trong vòng sinh tử khổ đau. Nay khởi Tâm tìm cầu giải thoát thì cần phải biết tịnh hóa 6 Tâm Ý phiền não ấy không cho chúng điều động Thần Thức của mình tái sinh vào một trong 6 cõi luân hồi ấy nữa"

Có điều kẻ Phàm Phu như chúng ta, vì luyến ái ngã chấp quá sâu dầy, lại gây tạo nhiều lỗi lầm trong quá khứ nên Duyên Nghiệp tác động xây dựng nên những môi trường hỗ trợ cho 6 Tâm Ý phiền não tăng trưởng. Vì thế chúng ta phải cố gắng làm tiêu giảm năng lực của luyến ái ngã chấp qua phương pháp Bố Thí, hăng say làm các việc lành kèm theo Tâm Ý "**Phục vụ chúng sinh**". Trong quá trình tạm quên mình giúp đỡ người, dần dần Nghiệp Báo nặng nề của chúng ta sẽ được Tĩnh Trừ đồng thời ý niệm về cái Ta cố hữu cũng tự mất dần để hiển lộ Bản Tính chân thật chiếu sáng bao la và năng động. Đây chính là phương cách "**Lập công bồi Đức**" để tịnh hóa nghiệp chướng.

Ngoài ra chúng ta nên nương theo Lực Gia Trì vô hình vô tướng hiện hữu khắp nơi trong Pháp Giới của Đức Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát thông qua Tâm Chú "**Lục Tự Đại Min**h" của Ngài kèm theo sự phối hợp của Đức Tin và sức tinh tiến Thiền Định thì chúng ta sẽ mau chóng tịnh hóa được Tâm Thức để dứt trừ phiền não khổ đau.

Trước hết chúng ta ngồi xếp bằng, điều chỉnh thân thể cho ngay ngắn, điều hòa hơi thở, buông thả thư giãn cho Tâm Ý an tịnh.

Tiếp theo chúng ta bắt đầu thực hiện Thiền Quán bằng cách Mật Niệm:

"***Tự Tính của con vốn thanh tịnh***
Như Tự Tính thanh tịnh của các Pháp"

OṂ_ SVABHĀVA ŚUDDHA_ SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAṂ (3 lần)

Mật Niệm xong rồi, chúng ta quán tưởng tất cả các Pháp và sự tồn tại của Bản Ngã đều trống rỗng và tan thành **Tính Không** (Śūnyatā).Từ khoảng Không của sự trống rỗng mênh mông này xuất hiện chữ PAṂ (𑖢𑖽) màu trắng tinh. Chữ PAṂ biến thành hoa sen màu trắng, bên trên hoa sen có chữ ĀḤ (𑖁𑖾) màu trắng. Chữ ĀḤ biến thành vành trăng tròn trịa, bên trong vành trăng có chữ HRĪḤ (𑖮𑖿𑖨𑖱𑖾) màu trắng. Chữ HRĪḤ tỏa ra ánh sáng tạo thành các lễ vật dâng lên Đức Thế Tôn **Vô Lượng Quang Như Lai** (Amitābha-tathāgata) và tạo ra mọi điều tốt lành cho các loài Hữu Tình, sau đó ánh sáng quay về nhập vào chữ HRĪḤ. Tức thời chữ HRĪḤ biến thành Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có thân hình màu trắng tinh khiết với đầy đủ mọi tướng tốt đẹp, ngồi trên tòa sen trắng, tay cầm hoa sen trắng **(*biểu thị cho ý nghĩa Tự tính của chúng sinh xưa nay vốn thanh tịnh không cấu nhiễm*)** tay phải tác thế bóc hoa sen *(biểu thị cho ý nghĩa Dùng Công Đức Đại Bi làm phương tiện để giải trừ sự Vô Minh mê vọng và khiến cho chúng sinh giác ngộ được Bản Tâm thanh tịnh vốn có của mình)*

Tiếp theo chúng ta Mật Nguyện như sau:

"*Nương vào năng lực Đại Bi huyền nhiệm tuôn phát từ Thân Tâm của Ngài. Xin cho tất cả Nghiệp Ác của con đều được tĩnh trừ. Xin Ngài ban cho ân sủng, dìu dắt chỉ dẫn cho con tự biết được những điều cần làm của mình để cho con có thể làm lợi lạc cho tất cả chúng Hữu Tình bằng cách tốt nhất"*

Mật Nguyện xong, chúng ta quán tưởng Tôn Tượng Quán Thế Âm Bồ Tát phóng tỏa ánh sáng Đại Bi màu trắng tinh, chiếu soi lên toàn thân thể và khiến cho Tâm Thức của chúng ta tràn đầy sự thanh tịnh.

Tiếp theo, chúng ta Mật Tụng Lục Tự Đại Minh Chú :

𑖌𑖼 𑖦𑖜𑖰 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖸 𑖮𑖳𑖽

OṂ MAṆI PADME HŪṂ (108 lần)

Xong rồi, chúng ta Mật Tụng từng âm thanh, quán tưởng hình sắc của mỗi chữ Chân Ngôn được an bố trên mỗi vị trí tương ứng thuộc thân thể mình, đồng thời khởi Tâm cầu nguyện và quán tưởng tất cả Nghiệp do cảm xúc đặc biệt ấy gây ra đều khô kiệt, mỗi phần thân thể tương ứng với Nghiệp của cảm xúc ấy đều hoàn toàn tan thành ánh sáng hòa nhập với Pháp Giới thanh tịnh.

Trì tụng âm OṂ quán tưởng chữ 𑖌𑖼 màu trắng tỏa sáng trên đỉnh đầu. Nguyện cho con dứt trừ được Tâm Ý ảo tưởng kiêu mạn và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc của Thiên Giới

Trì tụng âm MA quán tưởng chữ 𑖦 màu xanh lục tỏa sáng ở cổ họng. Nguyện cho con dứt trừ được Tâm Ý ganh tỵ tranh đấu và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc của A Tu La Giới

Trì tụng âm ṆI quán tưởng chữ 𑖜𑖰 màu vàng tỏa sáng ở trái tim. Nguyện cho con dứt trừ được Tâm Ý hoài nghi tự kiêu và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc của Nhân Gian Giới

Trì tụng âm PAD quán tưởng chữ 𑖢𑖟𑖿 màu xanh da trời tỏa sáng ở lỗ rốn. Nguyện cho con dứt trừ được Tâm Ý trì độn mù quáng và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc của Súc Sinh Giới

Trì tụng âm ME quán tưởng chữ 𑖦𑖸 màu đỏ tỏa sáng ở bàn tọa. Nguyện cho con dứt trừ được Tâm Ý tham dục thèm khát và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc của Ngạ Quỷ Giới.

Trì tụng âm HŪṂ quán tưởng chữ 𑖮𑖳𑖼 màu đen huyền tỏa sáng ở 2 gót chân. Nguyện cho con dứt trừ được Tâm Ý giận dữ oán hận và xa lìa được các Khổ, Chướng, Hoặc của Địa Ngục Giới.

Tiếp theo chúng ta an trụ trong trạng thái không có thân thể để cảm nhận sự an tĩnh vắng lặng không nhiễm cấu của Pháp Giới. Sau đó chúng ta quán tưởng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát chuyển thân hạ xuống vị trí đầu tiên của chúng ta đã ngồi và biến thành thân thể của chúng ta khiến cho Thân Khẩu Ý của chúng ta trở thành một Thể với Thân Khẩu Ý của Ngài.

Sau đó chúng ta cầu nguyện:

"*Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui*
Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não
Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi Từ bi
Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ Đề"

Cuối cùng chúng ta xả Thiền, tự xoa bóp thân thể cho máu huyết điều hòa và hoàn tất buổi công phu.

Do năng lực của Tâm Ý tác động lên các âm chữ sẽ khiến cho Chân Ngôn có giá trị sống động, tạo cho chúng ta khả năng thích ứng với sức mạnh này để tịnh hóa 6 cõi và mau chóng thực chứng được trạng thái giải thoát.

Đối với Bậc Thượng Căn Đại Trí thì phương pháp này giúp cho Hành Giả thực chứng được cảnh Giới Niết Bàn ngay trong đời hiện tại và trở thành một Hóa Thân của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát

Đối với Bậc Trung Căn thì phương pháp này giúp cho Hành Giả tái sinh vào các cõi Phật thanh tịnh

Đối với Bậc Hạ Căn thì phương pháp này giúp cho Hành Giả tương ứng với lực gia trì của dòng Pháp Liên Hoa do Đức Quán Thế Âm Bồ Tát làm Thượng Thủ để có thể dần bước vững chắc trên con đường thoát khổ thành Phật.

Nói chung, dù chúng ta thuộc căn tính nào thì 2 Pháp tu song hành này vẫn là nền tảng thiết yếu để khai mở Tuệ Giác siêu việt

Tóm lại, trong phần TỊNH HÓA LỤC ĐẠO MÔN, Tâm Chú Đại Bi nhắc nhở chúng ta rằng: Muốn thật sự vượt thoát biển sinh tử luân hồi thì phải vượt qua được mọi Tâm Phàm Phu và thực chứng được Bản Tâm thanh tịnh vô cấu nhiễm vốn có nơi mình.

IV- THIỆN MINH QUÁN ĐỈNH MÔN

DHĀRA DHĀRA, DHARIṆI IŚVARĀYA
Xin Ngài đem Pháp Tối Thượng gia trì cho người trì Chú, khiến cho họ được Pháp Quang Minh Tự Tại

DHĀRA DHĀRA DHĀRIṆI IŚVARĀYA là: Đem sự Tự Trì mà gia trì cho người trì Chú đạt được sự Tự Tại

Theo Truyền Thống Mật Giáo, khi vị Đạo Sư chính thức nhận Môn Đệ vào dòng phái của mình, sẽ dùng Pháp "**Rưới Nước**" lên đỉnh đầu môn Đệ để trao truyền sức sống của dòng phái. Sau khi làm Pháp rưới nước (Quán Đỉnh: Abhiṣeka) xong, Môn Đệ sẽ thọ nhận được lực gia trì của Thầy và các Bậc Tôn Sư trong dòng phái để có thể mau chóng thành tựu Pháp Tu.

Riêng Chư Phật Bồ Tát, khi đã chấp nhận truyền Pháp nào cho người tu học. Các Ngài thường phóng ra ánh quang minh tự tại chiếu soi lên đỉnh đầu và thân thể người đó. Hoặc các Ngài hiện thân trước mặt dùng tay xoa đầu hoặc dùng lời nói ấn chứng cho biết là người tu học đó có khả năng thành tựu Pháp Tu. Cũng như vậy, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát vì muốn cho người tu trì Đại Bi Tâm Đà La Ni mau chóng thành tựu Phật Quả. Ngài đã đem Quả Pháp Thành Tựu của mình là Trí Tuệ Siêu Việt (được biểu thị bằng viên ngọc báu) và lòng Đại Bi thâm diệu (được biểu tượng bằng Hoa Sen) *[Do ý nghĩa này mà Ngài có tên là Bậc cầm giữ Hoa Sen và Viên Ngọc Báu]* trao cho người trì Chú nhằm thúc đẩy người này phát Tâm Bồ Đề chân thật. Từ đó dũng mãnh thi hành Bồ Đề Hạnh qua các công tác phục vụ tất cả chúng Hữu Tình trong biển sinh tử để mau chóng chứng được Pháp Quang Minh Tự Tại như Ngài.

Thông thường thì Pháp Quán Đỉnh đầu tiên chỉ khai mở dòng chảy cho Tâm Thức Môn Đồ tiếp nhận lực gia trì của dòng Pháp, nên các Bậc Đạo Sư thường dắt Môn Đồ vào Đàn "**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm Câu Triệu Bị Giáp**" dùng **Đại Bi Quán Âm Quán Đỉnh Chân Ngôn** để đánh thức Tâm Bồ Đề của Môn Đồ và trao cho bài **Thế Tôn Quán Tự Tại Đà La Ni** để Môn Đồ có thể kêu gọi sự gia hộ của Bản Tôn qua mọi hình tướng nhằm tiếp độ hộ trì cho Môn Đồ an Tâm vững bước trên con đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát.

_ Tướng Đàn là: Chính giữa Đàn vẽ hoa sen 8 cánh và an lập 9 Tôn

1) Nhụy hoa là Thiên Thủ Thiên Nhãn Thanh Cảnh Quán Âm
2) Cánh hoa phương Đông là Tỳ Câu Đê Quán Âm
3) Cánh hoa phương Nam là Mã Đầu Quán Âm
4) Cánh hoa phương Tây là Như Ý Luân Quán Âm
5) Cánh hoa phương Bắc là Nhất Kế La Sát Quán Âm
6) Cánh hoa Đông Bắc là Bất Không Quyến Sách Quán Âm
7) Cánh hoa Đông Nam là Thập Nhất Diện Quán Âm
8) Cánh hoa Tây Nam là Phẫn Nộ Câu Quán Âm

9) Cánh hoa Tây Bắc là Bất Không Câu Quán Âm

_ Ở vòng ngoài, an lập 8 Tôn với 32 Biến Hóa Thân của Quán Âm
1) Cửa Đông là Kim Cương Linh Bồ Tát
2) Cửa Nam là Kim Cương Câu Bồ Tát
3) Cửa Tây là Kim Cương Sách Bồ Tát
4) Cửa Bắc là Kim Cương Tỏa Bồ Tát
5) Góc Đông Nam là Liên Hoa Bộ Sứ Giả
6) Góc Tây Nam là Liên Hoa Quân Trà Lợi Sứ Giả
7) Góc Tây Bắc là Như Ý Luân Sứ Giả
8) Góc Đông Bắc là Đa La Sứ Giả

_ Mặt Đông, giữa Đa La Sứ Giả và Kim Cương Linh Bồ Tát có 4 Hóa Thân là:
1) Thân Đế Vương
2) Thân Tỳ Sa Môn Thiên
3) Thân Khẩn Na La
4) Thân Tỳ Kheo
Giữa Kim Cương Linh Bồ Tát và Liên Hoa Bộ Sứ Giả có 4 Hóa Thân là:
1) Thân Bà La Môn
2) Thân Ma Hầu La Già
3) Thân Thanh Văn
4) Thân Tỳ Kheo Ni

_ Mặt Nam, Giữa Liên Hoa Bộ Sứ Giả và Kim Cương Câu Bồ Tát có 4 Hóa Thân là :
1) Thân Tiểu Vương
2) Thân Đồng Mục Thiên Nữ
3) Thân Phi Nhân
4) Thân Ưu Bà Tắc
Giữa Kim Cương Câu Bồ Tát và Liên Hoa Quân Trà Lợi Sứ Giả có 4 Hóa Thân là :
1) Thân Ưu Bà Di
2)Thân Rồng
3) Thân Đại Tự Tại Thiên
4) Thân Phụ Nữ

_ Mặt Tây, giữa Liên Hoa Quân Trà Lợi Sứ Giả và Kim Cương Sách Bồ Tát có 4 Hóa Thân là :
1) Thân Đồng Nữ
2) Thân Bích Chi Phật
3) Thân Dạ Xoa
4) Thân Trời
Giữa Kim Cương Sách Bồ Tát và Như Ý Luân Sứ Giả có 4 Hóa Thân là :
1) Thân Người
2) Thân Càn Đạt Bà
3) Thân Chấp Kim Cương
4) Thân Đồng Nam

_ Mặt Bắc, giữa Như Ý Luân Sứ Giả và Kim Cương Tỏa Bồ Tát có 4 Hóa Thân là :

1) Thân Cư Sĩ
2) Thân Đế Thích
3) Thân A Tu La
4) Thân Tự Tại Thiên

Giữa Kim Cương Tỏa Bồ Tát và Đa La Sứ Giả có 4 Hóa Thân là :

1) Thân Thiên Đại Tướng Quân
2) Thân Ca Lâu La
3) Thân Đại Phạm Vương
4) Thân Trưởng Giả

Toàn thể 49 Tôn trong Đàn này biểu thị cho Pháp Đại Bi Phổ Môn của Quán Thế Âm Bồ Tát nhằm giúp cho Môn Đồ tự hộ thân mình và có thể cứu hộ cho người khác

Khi dắt Đệ Tử vào Đàn xong, vị Đạo Sư trì Đại Bi Quán Âm Quán Đỉnh Chân Ngôn vào nước rồi rưới vảy lên đỉnh đầu với thân thể của Đệ Tử.

Đại Bi Quán Âm Quán Đỉnh Chân Ngôn là :

OṂ: Quy mệnh kính lễ
MAHĀ-MUDRA-JVALATI: Ánh uy quang của Đại Ấn
MAṆI PADME: Viên ngọc báu trong hoa sen
VAJRI: Làm cho có một tính Kim Cương
HŪṂ: Tâm Bồ Đề hay dứt trừ Tâm Vị Ngã để đi vào cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân

Chân Ngôn này còn biểu thị cho lực gia trì của 5 Bộ thuộc Liên Hoa Bộ, giúp cho Môn Đồ chẳng đắm nhiễm các Pháp và làm cho các ước nguyện của chúng sinh được thỏa mãn. Trong đó:

OṂ: Quy mệnh, thuận theo
MAHĀ- MUDRA-JVALATI: Lực gia trì của Phật Bộ
MAṆI: Lực gia trì của Bảo Bộ
PADME: Lực gia trì của Liên Hoa Bộ
VAJRI: Lực gia trì của Kim Cương Bộ
HÙM: Lực gia trì của Nghiệp Dụng Bộ

Tiếp theo vị Đạo Sư trao cho Môn Đệ thọ trì bài Thế Tôn Quán Tự Tại Đà La Ni nhằm đánh thức Tâm Bình Đẳng và nuôi lớn Tâm Đại Bi cho Môn Đệ.

Thế Tôn Quán Tự Tại Đà La Ni là :

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ: Quy mệnh khắp tất cả chư Phật
BUDDHA-DHĀRAṆĪ SMṚTI: Ghi nhớ sự Tổng Trì của BậcGiác Ngộ
BALĀ DHĀNA-KARI: Chính là sức mạnh tạo ra sự ích lợi
DHĀRA DHĀRA: Tự giữ gìn Pháp Tự Trì của Bản Tôn
DHĀRĀYA DHĀRĀYA: Tự giữ gìn Tất Địa tự trì của Bản Tôn
SARVA BHAGAVATI ĀKĀRA-VATI SAMAYE SVĀHĀ: Quyết định thành tựu Bản Thệ Nguyện dưới mọi hình tướng của tất cả Thế Tôn

Như vậy, trong phần THIỆN MINH QUÁN ĐỈNH MÔN Tâm Chú Đại Bi nhắc nhở chúng ta cần phải biết cách thọ trì các Pháp Tự Trì của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đồng thời khuyên nhủ chúng ta phải biết cách tự sửa mình khi đối đãi với các chúng Hữu Tình vì mọi hình tướng chúng ta gặp được đều có thể là các Hóa Thân của Đức

Quán Thế Âm Bồ Tát nhằm khiến cho chúng ta nhớ lại công tác “**Phục vụ vị tha**” mà chúng ta cần phải thực hiện để được sinh ra trong dòng Phật vậy.

V-THẦN LỰC GIA TRÌ MÔN:

CALA CALA MAMA VIMALA MUKTE
EHYEHI ŚINA ŚINA ARAṢIṂ BHALA ŚARI
BHAṢ BHAṢIṂ BHARA ŚAYA
HULU HULU PRA
HULU HULU ŚRĪ
SARA SARA SIRI SIRI
BUDHIYA BUDHIYA BUDDHYA BUDDHYA

Xin Ngài hiện Tướng Đại Phẫn Nộ, rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh, hiển hiện Đạo Cảnh Ly Cấu Tối Thắng thâm diệu khó lường

Khiến cho người tu Pháp thuận theo các điều tự nhiên mau chóng kiên định Đạo Tâm, sinh Trí Tuệ lớn, tu thành Pháp Thân Thanh Tịnh, vượt ra khỏi các Pháp chướng ngại mà làm Bậc Pháp Vương ở Pháp Tự Tại

Xin Ngài hãy khiến cho người có Đạo Hạnh tự chứng ngộ được Bản Lai Diện Mục

Xin Ngài làm Pháp Như Ý Thắng Thượng, Pháp Cát Tường Tự Tại và đem sức kiên cố dũng mãnh thù thắng rưới nước Cam Lộ Bất Tử, tế độ khắp cả chúng sinh khiến cho họ Giác Ngộ thành đạt Trí Gic

CALA : Lay động
MAMA: Nơi thọ trì của Tôi
VIMALA : Xa lìa cấu nhiễm
MUKTE: Giải thoát

CALA CALA MAMA VIMALA MUKTE có nghĩa là: Xin Ngài hiện Tướng Đại Phẫn Nộ, rống tiếng sấm Pháp phá hủy sự trì độn chậm chạp của chúng sinh, hiển hiện Đạo Cảnh Ly Cấu Tối Thắng thâm diệu khó lường.

Tướng Đại Phẫn Nộ là hình tướng hung dữ bạo nộ chủ về Pháp hàng phục và hộ trì Chính Pháp Giải Thoát

Đạo Cảnh Ly Cấu Tối Thắng thâm diệu khó lường là cảnh giới cực thanh tịnh của chư Phật

Do lòng Đại Bi được phát triển đến mức cao độ đặc biệt. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã hóa hiện **thân tướng Đại Phẫn Nộ** (Mahā-krodha-kāya) tinh tiến hộ trì chúng Hữu Tình dẹp phá Vô Minh khổ não, chận đứng sự tàn phá của Trí Đại Không và nhắc nhở họ phải vâng kính theo Pháp Cứu Độ Thanh Tịnh để hoàn thiện Phước Báu Diệu Hữu.

Riêng đối với chúng Bồ Tát dòng Liên Hoa, để khuyến khích họ thực hiện Bồ Đề Hạnh, Ngài đã hiển hiện Đạo Cảnh cực thanh tịnh của chư Phật. Cảnh Giới ấy chỉ có chư Phật tự chứng biết nên khó có thể dùng ngôn ngữ văn tự mà diễn nói cho người khác biết được. Chính vì thế Đức Quán Tự Tại Bồ Tát phải nương vào **Đại Liên Giáo Xuất Sinh Kim Cương Tam Ma Địa** hiện **thân Trì Minh** (Vidya-dhāra-kāya) an trụ

vào 3 Nghiệp Kim Cương Tối Thượng của tất cả Như Lai, diễn nói Tâm Chú Tối Thượng tinh diệu của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kulāya) là

𑖌𑖼 𑖀𑖨𑖺𑖩𑖰𑖎𑖿 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ AROLIK SVĀHĀ

OṂ (𑖌𑖼) có nghĩa là chảy vào, cũng có nghĩa là Không Sinh Không Diệt, là tối thắng trong hết thảy các Pháp.

A (𑖀) có nghĩa là Vô Sinh, cũng có nghĩa là Trí Tịch Tĩnh của Pháp của tất cả Như Lai

RO (𑖨𑖺) có nghĩa là Hết thảy các Pháp không có đi, không có khởi, không có trụ

LIK (𑖩𑖰𑖎𑖿) có nghĩa là Vô Đẳng Giác của tất cả Như Lai, cũng có nghĩa là Vô Thủ Xả.

SVĀ (𑖭𑖿𑖪𑖯) có nghĩa là hết thảy Như Lai không có ai ngang bằng, cũng không có ngôn thuyết

HĀ (𑖮𑖯) có nghĩa là Tịch Tĩnh Không Nhân, cũng có nghĩa là Vô Trụ Niết Bàn.

Chân Ngôn này có thể diễn dịch là: ***"Khi thâm nhập vào Trí Tịch Tĩnh Bình Đẳng Vô Nhiễm Trước , Vô Thủ Xả của tất cả Như Lai sẽ thọ nhận mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn"***

Nhờ trực nhận được Cảnh Giới cực thanh tĩnh của chư Phật quy uy lực huyền nhiệm của Liên Hoa Bộ Tâm Chú, chúng Bồ Tát dòng Liên Hoa sẽ an nhiên tự tại tu chứng các Pháp Môn của Đức Đại Bi Quán Tự Tại Bồ Tát và dũng mãnh thi hành vạn hạnh độ sinh mà vẫn luôn luôn hòa hợp với cảnh giới chân thật tuyệt đối (tức là luôn an trú nơi Vô Trụ Xứ Niết Bàn)

Riêng các vị Đạo Sư dòng Liên Hoa thường dắt Môn Đệ vào trong Đàn "**Thiên Thủ Thiên Nhãn Thanh Cảnh Quán Âm Tăng Ích Giáng Phục**" trao truyền cho 2 bài "**Thượng Thủ Liên Hoa Bộ Chân Ngôn**" và "**Quán Tự Tại Tâm Chân Ngôn**" nhằm giúp cho Môn Đệ nhận thấy được những Hóa Thân của chư Phật Bồ Tát chỉ là những điểm linh quang hiện hữu trong Tâm mình và đấy cũng là những Pháp Môn mà mình cần phải thi hành để chứng ngộ cảnh giới cực thanh tĩnh thâm diệu.

Tướng Đàn là: Chính giữa vẽ hoa sen 8 cánh và an lập 9 Tôn

1) Nhụy hoa là Thiên Thủ Thiên Nhãn Thanh Cảnh Quán Âm
2) Cánh hoa phương Đông là Tỳ Câu Đê Quán Âm
3) Cánh hoa phương Nam là Mã Đầu Quán Âm
4) Cánh hoa phương Tây là Như Ý Luân Quán Âm
5) Cánh hoa phương Bắc là Nhất Kế La Sát Quán Âm
6) Cánh hoa Đông Nam là Thập Nhất Diện Quán Âm
7) Cánh hoa Tây Nam là Phẫn Nộ Câu Quán Âm
8) Cánh hoa Tây Bắc là Bất Không Câu Quán Âm
9) Cánh hoa Đông Bắc là Bất Không Quyến Sách Quán Âm

Ở vòng ngoài , an lập 3 vị Quán Âm , 5 vị Minh Vương với 16 vị Kim Cương.

1) Cửa Đông là Diên Mệnh Quán Âm
2) Cửa Nam là Thiên Tý Quán Âm
3) Cửa Tây là Đa La Quán Âm
4) Cửa Bắc là Ô Sô Sa Ma Minh Vương
5) Góc Đông Nam là Bất Động Minh Vương
6) Góc Tây Nam là Giáng Tam Thế Minh Vương
7) Góc Tây Bắc là Quân Trà Lợi Minh Vương
8) Góc Đông Bắc là Diễm Ma Đắc Ca Minh Vương

_ Mặt Đông, giữa Diễm Ma Đắc Ca và Diên Mệnh Quán Âm có 2 Tôn là:

1) Kim Cương Tát Đỏa
2) Kim Cương Vương
Giữa Diên Mệnh Quán Âm và Bất Động Tôn có 2 Tôn là:
1) Kim Cương Ái
2) Kim Cương Hỷ
_ Mặt Nam, giữa Bất Động Tôn và Thiên Tý Quán Âm có 2 Tôn là:
1) Kim Cương Bảo
2) Kim Cương Quang
Giữa Thiên Tý Quán Âm và Giáng Tam Thế có 2 Tôn là ;
1) Kim Cương Tràng
2) Kim Cương Tiếu
_ Mặt Tây, giữa Giáng Tam Thế và Đa La có 2 Tôn là ;
1) Kim Cương Pháp
2) Kim Cương Lợi
Giữa Đa La và Quân Trà Lợi có 2 Tôn là :
1) Kim Cương Nhân
2)Kim Cương Ngữ
_ Mặt Bắc, giữa Giáng Tam Thế và Ô Sô Sa Ma có 2 Tôn là :
1) Kim Cương Nghiệp
2) Kim Cương Hộ
Giữa Ô Sô Sa Ma và Diễm Ma Đắc Ca có 2 Tôn là :
1) Kim Cương Nha
2) Kim Cương Quyền

Khi vào Đàn xong, vị Đạo Sư trao cho Môn Đệ thọ trì **Chân Ngôn Thượng Thủ Liên Hoa Bộ** là:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ: Quy mệnh khắp tất cả chư Phật
SA: Chủng tử của Pháp Vô Nhiễm
SARVA TATHĀGATA AVALOKITA: Tất cả Như Lai quán chiếu
KĀRUṆA MAYA RA RA RA HŪṂ JAḤ: Dùng Thể Đại Bi sinh sa sức Đại Tự Tại uy mãnh để khủng bố loại trừ 3 độc Tham Sân Si, hiển hiện cảnh giới cực thanh tịnh đồng với chư Phật.
SVĀHĀ: Quyết định thành tựu.

_Tiếp theo vị Đạo Sư lại trao cho Môn Đệ thọ trì **Chân Ngôn Tâm** của Quán Tự Tại Bồ Tát là :

OṂ: Quy mệnh
VAJRA- DHARMA: Kim Cương Pháp
HRĪḤ: Chủng tử thanh tịnh của Liên Hoa Bộ

Hai Chân Ngôn này nhằm giúp cho Môn Đệ giữ gìn bền chắc các Pháp đã thực hành và nhạy bén tương ứng với Đạo Quả vô thượng .

EHYEHI : Khéo dạy dỗ
ŚINA : Người có Tâm kiên định
ARAṢIṂ: Sự trống rỗng về cảm giác mùi vị
BHALA: Trông thấy
ŚARI: Loài thú hoang, mãnh thú, trực giác nhạy bén
EHYEHI ŚINA ŚINA ARAṢIṂ BHALA ŚARI: Khéo dạy cho người có Tâm kiên định giữ vững cái nhìn nhạy bén về sự trống rỗng của cảm giác mùi vị (hay Danh Sắc Pháp) để thành Bậc Pháp Vương ở Pháp Tự Tại.

Theo Phật Giáo Bắc Truyền, sở dĩ các Pháp biến hiện ra muôn vàn cảnh tượng bất tư nghị là do một nguyên lý thật tại không tên gọi, không hình tướng, không nhận diện được, không suy nghĩ đo lường được.Nguyên lý thật tại này bao trùm khắp có nghĩa là vạn hữu không ra ngoài nó được và một hạt bụi nhỏ nhiệm nhất trong vũ trụ cũng không nhỏ hơn nó được. Như thế, nó vừa là cái lớn không ngoài vừa là cái nhỏ không trong, nó bao trùm cả 3 đời Quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì thế Đức Phật tạm gọi nó là **Chân Như** (Tathāta). Chân Như bao trùm 4 đặc tính bất khả tư nghị là: Thường Hằng, Năng Sinh, Chiếu Soi, Bất Nhiễm.

1)THƯỜNG HẰNG: Là danh từ để chỉ một đặc tính không hề có khởi thủy và chẳng bao giờ cùng tận. Nghĩa là nó vốn không sinh không dịet, lúc nào cũng hiện hữu, không tăng không giảm. Nó bao trùm cả 3 đời quá khứ, hiện tại vị lai nên đức Phật còm gọi đặc tính này bằng một danh từ khác là **Chân Thường**

2) NĂNG SINH: Là danh từ chỉ đặc tính thường xuất sinh ra các hiện tượng sai khác trong Pháp Giới, bao gồm các định luật vô hình vô tướng về sự tiến triển của vật chất và tinh thần. Chính đặc tính này đã biểu diễn điểm tô mà Chân Như hiện ra muôn ngàn vẻ đẹp bất tư nghị, nên Đức Phật còn gọi đặc tính này bằng danh từ khác là **Chân Ngã**

3) CHIẾU SOI: Là danh từ chỉ đặc tính vốn thông suốt thấu tỏ. Chính đặc tính này nhận diện được tất cả mọi hoạt động của đặc tính Năng Sinh, nghĩa là đặc tính Chiếu Soi nhận biết mọi hiện tượng hiện hành trong Pháp Giới Tướng hay Pháp Giới Tính. Vì nó thông suốt sự thật các Pháp nên không còn bị vô vàn hiện tượng khác đang biến hiện làm mê hoặc. Do đó đặc tính này còn được Đức Phật gọi bằng danh từ **Chân Lạc**

4) BẤT NHIỄM: Hình ảnh biến đổi luôn luôn của các hiện tượng trong Pháp Giới chứng tỏ không có sự vướng mắc hay ngưng trệ nơi một hiện tượng nào, không thũ giữ một hình tướng nào, không nhất định là Pháp nào. Đó là đặc tính Bất Nhiễm của Chân Như. Vì Bất Nhiễm nên Đức Phật còn gọi nó bằng danh từ **Chân Tịnh** .

Như vậy do đặc tính Năng Sinh mà Chân Như đã khởi hiện muôn ngàn cảnh tượng nhiệm màu. Do đặc tính Chiếu Soi mà vạn Pháp được phân biệt. Do đặc tính Bất Nhiễm mà Chân Như không hề thủ giữ một hình tướng nào, nghĩa là mọi tướng trạng luôn luôn biến đổi không ngừng, vừa biến mất ở tướng trạng này đã hiện ra ở tướng trạng khác nhưng dù biến hiện như thế nào vẫn không chạy ra ngoài đặc tính không thêm không bớt (Thường Hằng) của Chân Như. Rõ hơn trong Thật Thể Chân Như chẳng có hiện tượng nào đáng gọi là Sinh và chẳng có hiện tượng nào đáng gọi là Diệt. Hay mọi hiện tượng sinh diệt, đi lại đều ở trong vòng Chân Thường không lay động biến đổi.

Bởi không nhận biết được Thật Tướng sinh diệt của các hiện tượng trong Pháp Giới mà lại chấp trước cho rằng **Thật có sinh thật có diệt** nên toàn thể sự sai biệt đã hiện bày trong Pháp Giới .Từ sự sai biệt của các hiện tượng biến hiện trong Pháp Giới nên quy luật "**Sinh Diệt**" được nhận biết và mọi tướng trạng trong khi biến hiện đều phải trải qua 4 giai đoạn chính yếu là: Thành hình, thủ giữ tướng trạng, thay đổi hình tướng và tan biến hình trạng nghĩa là quy luật "**Thành, Trụ, Hoại, Không**" được nhận biết. Đồng thời trong quá trình biến đổi từ sinh đến diệt , không một tướng trạng nào có thể tự vận hành riêng biệt được mà phải hội đủ nhiều yếu tố và nhiều điều kiện mới hình thành được nên những yếu tố (NHÂN) và các điều kiện (DUYÊN) được gọi chung là Nhân Duyên nghĩa là quy luật " **Nhân Duyên Sinh**" hay quy luật " **Duyên Khởi**" được nhận biết.

Lại nữa, trong khi tự làm nhân duyên cho nhau thì Quả của hiện tượng này lại do Nhân của hiện tượng trước thúc đẩy và Quả của hiện tượng này lại làm Nhân thúc thẩy thành Quả của hiện tượng sau nên NHÂN tức là QUẢ, QUẢ tức là NHÂN hay quy luật "**Nhân Quả đồng thời"** được nhận biết.Tuy nhiên có nhiều DUYÊN chỉ có thể phối hợp với hiện tượng này mà không thể gắn bó với hiện tượng khác, nghĩa là hiện tượng như thế này chỉ có thể thành hình tượng như thế kia ví như hạt cam thì sinh cây cam, hạt lúa thì sinh cây lúa… chứ không thể sai khác. Do đó Định luật "**Chiêu Cảm Nghiệp Báo"** được nhận biết. Nhưng muốn biến đổi từ hiện tượng Nhân thành hiện tượng Quả thì phải có một lực dẫn dắt mới có thể thực hiện được và lực dẫn này gọi là "**Nghiệp Lực**" hay sức mạnh chiêu cảm của Nghiệp.Từ đây mọi hiện tượng nào phụ thuộc vào sức mạnh tạo tác của Nghiệp Lực để được hình thành thì gọi là **"Nghiệp Báo**" và do quy luật " **Nhân Quả chiêu cảm**" mà Tam Giới Uế Độ, Phật Quốc Tịnh Độ và Niết Bàn an lạc được hình thành.

1) Với các ý niệm tư tưởng và hành vi ích kỷ, kiêu mạn , mê muội chỉ biết mưu lợi cho mình bất chấp sự tàn hại xảy ra đối với ngoại giới thì đặc tính Năng Sinh liền cung ứng Thế Giới Uế Trược khổ đau hay Uế Độ được hình thành.

Trong cảnh giới này, mọi ý niệm tư tưởng và hành vi đầy dẫy sự giận dữ, độc ác, hung bạo, oán hận… thì đặc tính Năng Sinh cung ứng Cảnh Giới đầy dẫy sự khổ đau qua các cuộc hành hạ tra tấn tức là cõi Địa Ngục

Với mọi ý niệm tư tưởng và hành vi đầy dẫy sự thèm khát, mong muốn tham dục không biết thỏa mãn, bỏn xẻn ty tiện, lọc lừa xảo trá. …thì đặc tính Năng Sinh cung ứng Cảnh Giới đói khát, thất vọng, thèm khát đau khổ của loài Ngạ Quỷ

Với mọi ý niệm tư tưởng và hành vi đầy dẫy sự si mê mông muội buông thả theo bản năng thì đặc tính Năng Sinh cung ứng Cảnh Giới của loài Súc Sinh là cõi sợ hãi. Trong đó các loài vật thường mang Tâm Thức trì độn gắn chặt với bản năng, vì thế chúng luôn sống trong sự sợ hãi qua các cuộc đuổi bắt, vây hãm nhau.

Với mọi ý niệm tư tưởng và hành vi đầy dẫy sự ganh tỵ, ham thích tranh đấu để chiếm đoạt nhưng hành động dứt khoát, có công phu tu tập, có định lực thì đặc tính Năng Sinh cung ứng Cảnh Giới chiến đấu của hàng A Tu La (hay cõi của chư Thần).

Với mọi ý niệm tư tưởng và hành vi đầy dẫy sự tư kiêu, hoài nghi, ích kỷ nhưng có tu tập các hạnh lành, giữ gìn 5 Giới, làm các việc từ thiện ở đời… thì đặc tính Năng Sinh cung cấp Cảnh Giới hoạt động của loài người.

Với mọi ý niệm tư tưởng và hành vi đầy dẫy sự kiêu mạn, ảo tưởng, chấp chặt vào các công hạnh tu hành qua 10 hạnh lành, nhiếp ý hành Thiền, tu 4 Tâm Vô Lượng… nhưng chưa phát khởi Trí Tuệ thì đặc tính Năng Sinh cung ứng Cảnh Giới thụ hưởng của chư Thiên. Trong cảnh giới này, nếu Tâm Ý còn vương vấn dục lạc thì tái sinh vào cảnh giới chư Thiên cõi Dục, nếu Tâm Ý xa lìa mọi thú vui dục lạc thì sinh làm chư Thiên cõi Sắc, nếu Tâm Ý hiện tiền Tính Định dứt sạch Sắc Thân của Nghiệp Quả thì sinh làm chư Thiên cõi Vô Sắc

Đây là các nguyên nhân cơ bản hình thành Tam Giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới) với 6 nẻo (Trời, Người, A Tu La, Súc Sinh, Ngạ Quỷ, Địa Ngục) trong cõi Uế Độ.

2) Với các ý niệm tư tưởng sáng suốt Từ Bi và các công hạnh xả kỷ vị tha của các Bậc Giác Hữu Tình trong suốt quá trình tu tập từ khi còn là chúng sinh mê muội cho đến lúc thành Bậc Chính Đẳng Chính Giác. Tùy theo Nguyện Lực của các vị này mà đặc tính Năng Sinh cung cấp các Cảnh Giới Phật Quốc muôn màu muôn vẻ khác nhau. Do cảnh giới Phật quốc Tịnh Độ đã được hình thành nên loài Hữu Tình nào nắm vững được Bản Nguyện sâu xa của chư Phật, tinh tiến cải sửa Thân Tâm theo Thiện Pháp, trì niệm Hồng Danh hoặc các Đà La Ni của chư Phật và phát Nguyện thác sinh

vào cảnh giới Tịnh Độ thì sẽ được đặc tính Năng Sinh đưa đẩy vào cảnh giới Phật Quốc Tịnh Độ ấy.

Kinh **Duy Ma Cật,** Phẩm **Bồ Tát Hạnh** đã minh họa các cảnh giới Phật Quốc Tịnh Độ hiển hiện sai khác tùy theo Bản Nguyện của chư Phật là:

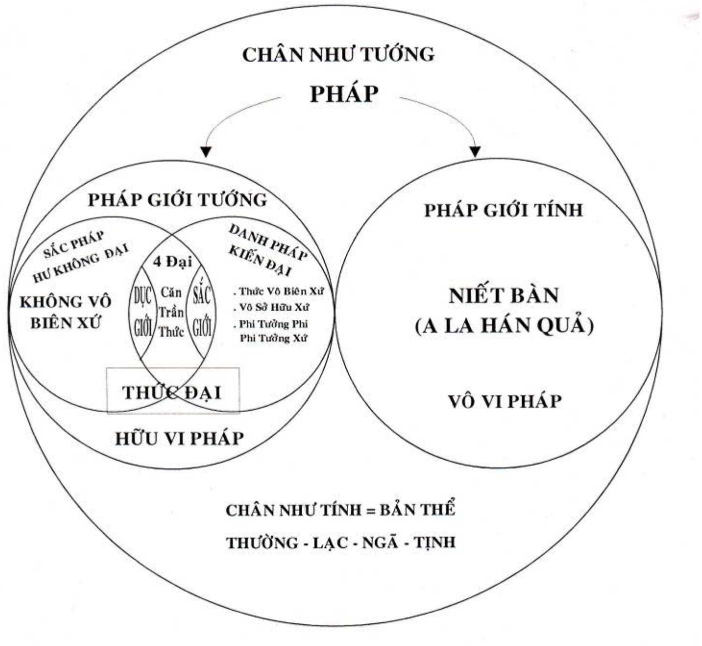
"*A Nan! Hoặc có cõi Phật dùng quang minh của chư Phật mà làm Phật sự. Có cõi dùng chư Bồ Tát mà làm Phật sự. Có cõi dùng người biến hóa của Phật mà làm Phật sự. Có cõi dùng cây Bồ Đề mà làm Phật sự. Có cõi dùng y phục, mền khảm của chư Phật mà làm Phật sự. Có cõi dùng cơm và thức ăn mà làm Phật sự. Có cõi dùng vườn hoa, rừng cây, đền đài mà làm Phật sự. Có cõi dùng 32 Tướng chính 80 Tướng phụ mà làm Phật sự. Có cõi dùng Thân Phật mà làm Phật sự. Có cõi dùng Hư Không mà làm Phật sự…. Chúng sinh ưng nương theo Duyên ấy mà vào Luật Hạnh. Có cõi dùng những ví dụ như: Chiêm bao, ảo hóa, bóng dáng, tiếng vang, hình hiện trong gương, mặt trăng dưới nước, dợn sóng tạo ảo cảnh dưới ánh nắng… mà làm Phật sự. Có cõi dùng âm thanh, lời nói, văn tự mà làm việc Phật. Có cõi dùng mùi thơm mà làm Phật sự. Có cõi Phật Thanh Tịnh dùng việc lặng lẽ, không lời, không nói, không chỉ, không ghi, không làm, vô vi… mà làm Phật sự*"

Cả hai Thế Giới Phàm Phu Uế Độ và Phật Quốc Tịnh Độ đều được đặc tính Năng Sinh vận chuyển chất liệu tương ứng với chúng Hữu Tình mà tạo thành, nên cả 2 Thế Giới này đều là đối tượng của Danh Sắc Pháp và được gọi là **Tướng Có** của Pháp Giới hay Pháp Giới Tướng.

3) Với các ý niệm tư tưởng sáng suốt bình đẳng, không sai biệt, không phân biệt cùng với các Công Hạnh xả ly Ngã Chấp hoàn toàn , dứt trừ sạch mọi Ái Dục thì đặc tính Năng Sinh cung ứng Cảnh Giới "**An lạc thường hằng vô cấu nhiễm**" hay cảnh giới **Chân Thật Vô Vi** và là trạng thái thoát khỏi 3 cõi 6 đường của chúng Hữu Tình, chấm dứt mọi sự thống khổ, vượt thoát vòng sinh tử luân hồi.

Vì cảnh giới **Chân Thật Giải Thoát** này không dung chứa chất liệu sinh tử luân hồi của chúng Hữu Tình nên cảnh giới này là đối tượng của dạng Không Danh Sắc Pháp và được gọi là **Tướng Không** của Pháp Giới hay Pháp Giới Tính (Hệ Thống Phật Giáo Nam Truyền xác nhận cảnh giới này là cảnh giới Niết Bàn tức là A La Hán Quả)

LƯỢC ĐỒ CHÂN NHƯ HỌC



Như thế, do đặc tính Năng Sinh mà Chân Như hoạt hiện thành muôn ngàn cảnh tượng và tùy theo trình độ hoàn thiện đặc tính Chiếu Soi mà chúng sinh đã nhận thức sai khác về Chân Như đồng thời nảy sinh vọng tưởng chấp trước vào sự hiểu biết của chính mình để minh định các **hiện tượng Có** (Hữu: Bhāva) hay **hiện tượng Không** (Vô: Abhāva) của vạn hữu chứ không thật biết rằng Chân Như tức Vạn Hữu, Vạn Hữu tức Chân Như Tính trước sau rốt ráo chỉ có 4 đặc tính Thường, Lạc Ngã, Tịnh mà thôi. Bởi thế bất kỳ hiện tượng nào trong **Pháp Giới** (Dharma-dhātu) đều chính là Chân Như Tự Thân, tức là có đầy đủ 4 đặc tính Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của nguyên lý thực tại đồng nhất. Sự thật này đã được Đức Phật công bố rằng: ***" Mỗi một chúng sinh đều có Phật Tính tức Chân Như Tính"***

Do vậy, Chân Như Tướng hay Chân Như Tính (Bản Thể của các Pháp) vốn không phải là hai, vốn bất khả phân. Hay rõ hơn ngoài hiện tượng sai biệt không có riêng Bản Thể Chân Như, ngoài Bản Thể Chân Như không có riêng hiện tượng sai biệt. Vì thế Đức Phật có dạy rằng: "Tâm, Phật, Chúng Sinh cả ba hiện tượng này vốn không sai khác"

Từ ý nghĩa này, nếu chúng ta đứng ngoài sự vật mà tìm cầu Chân Lý hay đứng ngoài hiện tượng mà bàn Thực Tại thì đều bị sai lầm cả. Thế nên Phàm Phu hay Thánh Nhân không phải là hai, Thiện và Ác cũng không sai khác, chỉ do trình độ hoạt động nhận thức của chúng sinh mới có Phàm Thánh, Thiện Ác khác nhau mà thôi.

Kinh **Duy Ma Cật**, Phẩm **Phật Quốc** có ghi :

"Xá Lợi Phất nói: Tôi thấy cõi Ta Bà của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni toàn là gò đống, hầm hố, gai góc, sỏi sạn, núi đồi… đầy dẫy mọi nhơ nhớp xấu xa!

Loa Kế Phạm Vương nói rằng: Lòng Nhân Giả có cao thấp chẳng y theo Phật Tuệ nên ông thấy cõi này là bất tịnh. Các Bồ Tát giữ lẽ Bình Đẳng đối với tất cả chúng sinh, lòng dạ sâu vững thanh tịnh, y theo Trí Tuệ Phật ắt thấy cõi Phật này là thanh tịnh. Riêng tôi thấy rằng cõi Phật của Đức Thích Ca Mâu Ni là thanh tịnh ví như cung điện của vị Tự Tại Thiên.

Lúc ấy, Đức Phật dùng ngón chân cái ấn xuống đất, tức thời cõi Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới này được nghiêm sức bằng muôn ngàn trân bảo cũng ví như cõi Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm của Đức Phật Bảo Trang Nghiêm. Tất cả Đại Chúng khen rằng: " Thật chưa từng có!" và ai nấy đều tự thấy mình ngồi trên tòa sen báu.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất rằng: Ông nhìn thấy cõi Phật nghiêm tịnh này rồi chứ gì?!

Xá Lợi Phất thưa: Dạ! Bạch Đức Thế Tôn! Từ trước con chưa từng thấy như vậy. Từ trước con chưa từng nghe như vậy. Nay Quốc Độ nghiêm tịnh của cõi Phật đã hiển hiện

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất rằng: Phật Quốc Độ của Ta thường tịnh như vậy, nhưng vì muốn độ những kẻ thấp yếu ở đây cho nên Ta thị hiện ra cõi bất tịnh này với mọi thứ xấu xa. Ví như chư Thiên cùng thọ thực trong chén bát quý báu nhưng tùy theo Phước Đức của họ mà hình sắc của vật thực có sai khác.

Này Xá Lợi Phất! Cũng như vậy đó, nếu Tâm ai thanh tịnh liền thấy công đức trang nghiêm của cõi này"

(Bản dịch của ông **Đoàn Trung Còn**)

Do ngộ được Diệu Lý hình thành các cảnh giới tương xứng với trình độ hoàn thiện đặc tính Chiếu Soi được vận hành chuyển biến theo đặc tính Năng Sinh, nên Tổ Huệ Năng đã tán thán rằng :

"Không ngờ Tâm mình vốn thanh tịnh
Không ngờ Tâm mình vốn không sinh diệt

Không ngờ Tâm mình vốn sẵn đủ các Pháp
Không ngờ Tâm mình vốn không lay động
Không ngờ Tâm mình hay sinh muôn Pháp"

Tóm lại, chúng sinh sống với Thức phân biệt mê muội, lầm chấp Hiện Tượng và Bản Thể là hai nên chìm đắm mãi trong vòng Nhị Nguyên tương đối mà chẳng được giải thoát. Các Bậc Bồ Tát sống trong Trí Tuệ Bát Nhã nên thấy Hiện Tượng và Bản Thể chẳng sai khác nghĩa là rõ biết tất cả Hiện Tượng đều là huyễn hóa nhưng tự thân của chúng chính là Chân Như nên nhận biết được vạn Pháp như thật như thị. Do đó các Ngài luôn an nhiên tự tại trước sự CÓ, KHÔNG của vạn vật bởi đó là một quy luật tự nhiên, đồng thời do thấu ngộ được muôn hình muôn tượng là diệu dụng nhiệm màu của Chân Như nên các Ngài sống thản nhiên trong sinh tử mà không bị vướng mắc bởi phiền não của sinh tử.

Nói cách khác, các Bậc Bồ Tát có khả năng màu nhiệm, tự do an trụ, tự do trong sinh tử nên các Ngài vẫn sống vẫn sinh hoạt trong Thế Giới hiện tượng mà vẫn an nhiên giải thoát vì Tâm Thức không bị lệ thuộc vào sự chi phối của Nghiệp Báo phiền não. Lúc ấy, mặc dù theo cảnh giới vọng tưởng, thọ nhận thân như huyễn , cảnh như huyễn để hóa độ chúng sinh nhưng các Ngài không hề phát khởi vọng tưởng, không chút lay động nào với sự sinh diệt bất toàn nữa mà lại khéo léo điều dụng 4 đặc tính **Thường, Lạc, Ngã, Tịnh** để thi hành công hạnh Giác Tha, thực chứng từng phần Pháp Thân cho đến cuối cùng là thọ nhận Quả Vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác , viên mãn Chân Như Tự Thân, chứng đạt trạng thái an lạc vĩnh cửu.

Đây cũng chính là mục đích giáo hóa chúng Hữu Tình của Đức Quán Tự Tại Bồ Tát được ghi nhận trong Đại Bi Tâm Chú là :

"Khiến cho người tu Pháp thuận theo các điều tự nhiên, mau chóng kiên định Đạo Tâm, sinh Trí Tuệ lớn, tu thành Pháp Thân thanh tịnh, vượt ra khỏi các Pháp chướng ngại mà thành Bậc Pháp Vương ở Pháp tự tại"

BHAṢĀ: Giáo Pháp
BHAṢIṂ: Người có Đạo Hạnh
BHARA: Ủng hộ
ŚAYA: Chính niệm chính giác mà chẳng mất uy nghi
BHAṢĀ BHAṢIṂ BHARA ŚAYA: Khiến cho người có Đạo Hạnh tự chứng ngộ được Bản Lai Diện Mục.

Như chúng ta đã biết, do đặc tính Năng Sinh mà vạn Pháp đã hiện hữu và do đặc tính Chiếu Soi mà vạn Pháp được nhận biết phân biệt và mỗi một Pháp đều có đầy đủ 4 đặc tính Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Thật Thể Chân Như.Vì thế muốn siêu thoát sinh tử, chúng ta cần phải quay trở lại mình, thành thật suy xét kỹ năng lực hoạt động sẵn có của Thân Tâm để xem có thể phát động được Giác Tính viên mãn hay không. Tức là chỉ cần chúng ta bất cứ lúc nào tự biết mình là Chân Như rồi từ đó khéo léo tùy thuận vạn hữu, khai thác triệt để 4 đức tính Thường, Lạc, Ngã, Tịnh sẽ viên mãn được mọi mong cầu, hoàn thành tất cả Bản Nguyện đồng thời thành tựu những kinh nghiệm tuyệt vời qua sự sáng suốt siêu việt (hoàn thiện đặc tính Chiếu Soi)

Tổ **Bồ Đề Đạt Ma** (Bodhi-dharma) có dạy rằng: ***"Phật vốn không có tướng, chỉ tùy Tâm chúng sinh mà hiện tướng, nghĩa là không có Phật nào ở ngoài Tâm và tận nguồn Tâm Linh chính là Phật"***

Hay Tổ còn dạy là: ***"Hết thảy đều là Phật, vì không biết mình là Phật nên mình là chúng sinh, mê hay ngộ chỉ có thế thôi"***

Do vậy chỉ khi nào chúng ta tự thầu ngộ rằng "**Ta là Chân Như**" rồi từ đó quay trở lại mình, khéo léo dùng đặc tính Chiếu Soi mà lặng nhìn vạn hữu đang hiện hành

trong Pháp Giới đồng thời điều dụng đặc tính Bất Nhiễm để xa lìa sự đắm chấp, sự phê phán, sự suy diễn, sự truy đuổi tìm cầu hay chối bỏ… đã được hình thành bởi những tập quán, những thành kiến, những cảm giác, những dục vọng hư giả.Tức là không để bị chi phối bởi các hiện tượng đang biến hiện nơi ngoại cảnh và ở nội tâm.Điều này gọi là "**Bất Tùy Phân Biệt Quy Thức Nội Tâm**". Nhờ lặng nhìn mà không phân biệt so sánh nên chúng ta mới nhận thức được diệu dụng nhiệm màu của đặc tính Năng Sinh đang điểm tô muôn ngàn hình tượng trong Pháp Giới. Từ vị trí đó, chúng ta mới trực nhận được tính cách vô thường và vô ngã của từng Pháp, thấy rõ các Duyên, thấy rõ sự huyễn giả của các hiện tượng, nhận chân được tính cách Bình Đẳng như huyễn của các Pháp hay trực nhận được các hiện tượng đều bình đẳng trong giả tướng và bình đẳng trong Chân Như Tính, nghĩa là thấy vạn Pháp như thật như thị.

Nói cách khác, nếu ai biết tự tin vào mình, biết quay trở lại quán sát Bản Thân để tự thấy lỗi mình, biết lần lần từ bỏ mọi hình tướng biểu thị nơi Thân Tâm, biết xa lìa vọng tưởng "**Có, Không",** biết buông trôi Danh Sắc để mọi bất đồng tắt lặng mãi mãi cho đến khi hoàn toàn nhận được chân tướng của mình là *"Không có cái gì của Ta, không có cái gì là Ta, không có cái gì là Tự Ngã của Ta mà chỉ có 4 đặc tính Thường Lạc Ngã Tịnh bao trùm khắp nơi"* thì người ấy sẽ trực nhận được Chân Như Tự Thân và điều dụng được các đặc tính của Chân Như để bước vào trạng thái giải thoát phiền não sinh tử.

Như Tổ Đạt Ma dạy rằng: ***"Ngoài thật tại của Tâm , tất cả đều là huyễn tượng. Chẳng có Nhân, chẳng có Duyên, chẳng có lý do, chẳng có kết quả. Chỉ có hành động duy nhất là tư nghị của Tâm và sự an nghỉ của Tâm chính là Niết Bàn"***

Và đây cũng chính là phương cách khiến cho người có Đạo Hạnh tự chứng ngộ được Bản Lai Diện Mục của Đại Bi Tâm Chú vậy.

_Ngoài ra, tùy theo căn tính của người tu hành, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát còn vận dụng uy thần gia hộ cho họ tu quán theo 2 cách sau

1) Đối với người thích hợp với cách tu NHĨ CĂN , Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiển thị Pháp tu **Phản Văn** (tức là nghe trở lại Tự Tính) khuyên dạy người tu hành phải biết lắng nghe (Văn Tuệ), suy nghĩ (Tư Tuệ), tu tập (Tu Tuệ) thuận theo điều tự nhiên của **Tính Nghe** để viên mãn Giác Tính

Pháp tu Phản Văn này còn gọi là Pháp tu **Nhĩ Căn Viên Thông** gồm có 5 giai đoạn sau (Bản dịch của Thượng Tọa **Thích Thiện Hoa**)

_ Bắt đầu từ cái nghe, đối với Thanh Trần (Âm thanh) không khởi phân biệt theo Thanh Trần (bỏ quên ngoại cảnh) lắng nghe Tự Tính của âm thanh nên Thanh Trần tự vắng lặng. Giai đoạn này đã dứt trừ được Tướng Bị Nghe, xong còn cái Nghe.

_ Đến giai đoạn thứ hai, cái Nghe cũng hết, xong còn cái Hết

_ Đến giai đoạn thứ ba, không chấp nơi cái Hết, xong còn cái Biết Hết

_ Đến giai đoạn thứ tư, cái Biết cũng Không, xong còn cái Không

_ Lên đến giai đoạn thứ năm, thì cái Không cũng không còn

Lúc bấy giờ, cái Vọng Niệm Phân Biệt Chấp Trước đều hết thì Chân Tâm thanh tịnh hiện bày.

Pháp tu **Nhĩ Căn Viên Thông** này rất chủ yếu, đó là phải đả phá sự chấp trước chướng ngại của lắng nghe âm thanh, mà không phải là bỏ đi sự lắng nghe âm thanh. **Nhĩ Căn Viên Thông** tức là thông qua người có lỗ tai hội với âm thanh làm cơ sở Nhân Duyên của cái đó, để đả phá sự chấp trước nơi âm thanh.

Chúng ta đều có đủ Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý trong đó lỗ tai hay tiếp thu tin tức bên ngoài bất cứ lúc nào, ngoài ra lỗ tai đối với việc nghe nhận âm thanh lại nhạy cảm thích hợp, đó là chỗ thù thắng của Nhĩ Căn Viên Thông. Bởi vì con mắt của

nhân loại không có cách nào một ngày 24 giờ đều mở to con mắt, mũi phân biệt khí vị cũng không có cách nào nhạy cảm chính xác mãi, miệng cũng rất khó thường xuyên mở, lưỡi cảm giác rất dễ mõi mệt, ý thì duy trì lâu dài chuyên một lòng suy nghĩ vào một số sự vật nào đó cũng không dễ, cho nên chỗ thù thắng của Nhĩ Căn Viên Thông là ở chỗ này, lúc nào nó cũng có thể dùng.

2) Đối với người thích hợp với Pháp tu NHÃN CĂN, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiển thị Pháp tu **Ngũ Uẩn Quán** khuyên dạy người tu hành quán chiếu **Tự Tính Trống Rỗng** (Śūnyatā:Không Tính) của 5 Uẩn mà trực ngộ Phật Tính.

Khi **Pháp Giới** (Dharma-dhātu) đã hoạt hiện thành muôn ngàn cảnh tượng và giả hợp thành các sinh động vật trên Thế Giới này với Thế Giới khác. Đặc tính nổi bật trong các sinh động vật ấy là **sự ngu si mê lầm về hình tướng** (Nghi: Vicikitsā). Từ sự mê lầm này mà các Cảnh Giới Tri Thức của loài Hữu Tình được tạo lập hay **Thức Uẩn** (Vijñāna-skandha) được tạo thành. Chúng Hữu Tình lại dựa vào sự hiểu biết của kinh nghiệm Tri Thức mà móng khởi Ý Tưởng chiếm hữu vạn vật làm của riêng cho mình (Tham: Lobha). Trong khi chiếm hữu, có lúc được có lúc không nên Tâm Thức đã tạo lập sự u tối, mê muội làm cho Tâm Trí mờ ám không nhận rõ được thực chất của cảnh tượng, nghĩa là **Sắc Uẩn** (Rūpa-skandha) được tạo lập. Từ đây, hình tướng của vạn hữu đã phối hợp với Tâm Thức tạo nên sự đam mê, giận giữ, chấp trước vào hình dáng của vật chất (Sân: Dveṣa) và giả hợp thành cảm giác của tự thân, nghĩa là **Thọ Uẩn** (Vedanā-skandha) được tạo thành. Do tham luyến vào cảm giác thích hợp với Bản Thân, chúng Hữu Tình mỗi lúc mỗi mê lầm chấp trước hơn vào sự Thực Hữu của vạn vật và xây dựng cho mình những quan điểm riêng biệt về Thế Giới cảnh tượng (Si: Moha) nghĩa là **Tưởng Uẩn** (Saṃjña-skandha) được tạo lập. Do quan điểm riêng tư, chúngHữu Tình khó lòng chấp nhận quan điểm khác (Mạn: Māna) nên sự ghen ghét đã được giả hợp trong Tâm Ý và nương vào đó chúng Hữu Tình tự buông thả Thân Khẩu Ý của mình trong các sự đam mê này để tự trói buộc mà trôi lăn trong vòng sinh tử luân hồi, nghĩa là **Hành Uẩn** (Saṃskāra-skandha) được tạo lập. Khi 5 Uẩn hình thành thì chúng Hữu Tình thực sự chấp nhận rằng "**Có Ta, có Người, có Chúng Sinh, có Thọ Giả**" Từ đây mọi mê lầm đắm chấp (Tham Ái Chấp Thủ) ngày càng được củng cố bền chắc, tạo thành năng lực lôi cuốn chúng Hữu Tình đi vào nẻo khổ đau trói buộc.

Trong lúc đắm chìm lặn hụp nơi biển sinh tử khổ đau, con người tự dấy lên ý tưởng là "Làm sao và làm thế nào Ta mới thoát khỏi sự khổ đau trói buộc này?!..." Từ đấy con người đã tự tìm hiểu mọi phương cách giải thoát qua Kinh Điển, kinh nghiệm của người đi trước, lời giảng dạy của Đạo Sư… và tự xây dựng cho mình phương pháp cải sửa Thân Tâm ***(Chính Pháp Cá Nhân)*** đồng thời quyết Tâm tu tập, chân thành tịnh hóa Tâm Thức nên dần dần thoát ly được sự trói buộc của Tham Ái Chấp Thủ , nhận chân được Thực Tính của vạn hữu, dứt trừ sự đau khổ, chứng đạt sự sáng suốt tuyệt vời. Khi Tâm Thức đã được sáng suốt thì sự ngu độn của các Thú Tính và ảo tưởng về hình tướng đều được chuyển hóa thành cái biết chân chính và trở thành cái Trí Thánh Thiện. Đây là lúc Thức Uẩn tự phá vỡ hình thức giả hợp của Tâm Ngã Chấp (Diệt Nghi) để biểu lộ cái Trí thâm nhập khắp nơi của Pháp Giới, nghĩa là **Pháp Giới Thể Tính Trí** (Dharma-dhātu-prakṛti-jñāna) lóe sáng trong Tâm Thức và chuyển hóa Tâm Thức Cá Vị thành Tâm Thức Vũ Trụ.

Do mọi ảo tưởng chiếm hữu hình tướng của vạn vật đã bị phá nát (Diệt Tham) thì sự u tối, mê ám của Tâm Thức cũng diệt trừ tận gốc rễ. Nghĩa là mọi sự sống động trong Thế Giới được phản ánh một cách như thật trong Tâm Thức người tu hành. Đây

là lúc Sắc Uẩn tự tan rã để phô bày hình tướng chân thật và hiển lộ cái Trí phản chiếu mọi sự vật mà không dính mắc vào sự vật nào , cũng không bị các sự vật ấy động chạm hay lay chuyển được. Tức là **Đại Viên Cảnh Trí** (Adarśa-jñāna) hiển hiện trong Tâm Thức Bất Động của người tu hành.

Khi mọi sự sống động của vạn hữu được phản ánh một cách như thật trong Tâm Thức thì sự đam mê ích kỷ chấp trước vào hình dáng của vật chất sẽ bị hủy diệt (Diệt Sân) và mọi cảm giác của Tự Thân đều được chuyển hóa theo Tâm Thức Vô Ngã khởi thành đức tính Từ Bi , thành tình thương bao quát, thành tình cảm đồng nhất. Đây là lúc Thọ Uẩn tự tan rã để phô bày Tâm Thức Từ Bi Bình Đẳng. Tức là **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) đang tỏa rạng trong Tâm Thức của người tu hành.

Do sự tham luyến vào các cảm giác thích hợp với Bản Thân đã được chuyển hóa thành tình thương phổ quát không đắm chấp (Diệt Si) nên mọi công năng phân biệt của Tâm Thức đều trở thành sự quán tưởng của Trí xem xét mọi tướng chung tướng riêng của các Pháp không hề bị ngăn ngại. Đây là lúc Tưởng Uẩn tan rã để phô bày Tâm Thức Tự Giác viên mãn, khéo léo quán sát vạn hữu như thật nghĩa là **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyavekṣana-jñāna) hiển hiện trong Tâm Thức trong sáng của người tu hành.

Khi vạn Pháp được xem xét một cách rõ ràng như thật thì sự kiêu ngạo, ganh ghét, chấp ý của Tâm Thức được chuyển hóa thành sự kiên định không lay chuyển trong mọi sự việc của tinh thần (Diệt Mạn) Đây là lúc Hành Uẩn tự tan rã để phô bày cái Trí khéo léo thi hành mọi việc của Thế Gian chuyển chúng thành phương tiện giải thoát. Tức là **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya-muṣṭhāna-jñāna) hiển hiện trong tính chất hoạt động phổ biến của Tâm Linh Giải Thoát.

Như vậy , nhờ công phu tu tập làm nảy nở sự thấy biết như thật trong Thiền Định thì 5 món độc (Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi) đã bị diệt tận gốc rễ và thúc đẩy 5 Uẩn tự tan rã (Ngũ Uẩn Giai Không) để phô bày 5 Trí Như Lai là Giác Tính trong suốt uyên nguyên (***Phật Tính***) vốn có từ xưa trong Bản Tâm của mỗi một chúng Hữu Tình.

HULU: Nhanh chóng
PRA: Chủng tử chỉ sự thắng thượng như ý
ŚRĪ: Cát tường, sự tốt lành
SARA: Kiên cố , bền chắc
SIRI: Dũng mãnh thù thắng
SURU: Ban rải nước Cam Lộ Bất Tử
BUDHIYA: Giác ngộ
BUDDHĀYA: Khiến cho người khác giác ngộ

HULU HULU PRA: Nhanh chóng đem sự như ý thắng thượng của mình ban cho người khác. Tức là phương cách thiện xảo giúp cho chúng Hữu Tình thỏa mãn mọi ước nguyện

HULU HULU ŚRĪ: Nhanh chóng dùng Đức Hạnh của mình đem lại sự tốt lành cho người khác. Tức là phương cách ban vui cứu khổ, giải thoát sự trói buộc cho chúng Hữu Tình

SARA SARA SIRI SIRI: Dùng sự kiên cố dũng mãnh thù thắng của mình giúp cho người khác cũng được sự kiên cố dũng mãnh thù thắng như vậy, Tức là phương cách giúp cho chúng Hữu Tình dứt trừ 3 Độc , chứng đạt giải thoát.

SURU SURU : Dùng sự Bất Tử của mình giúp cho người khác cũng được sự Bất Tử như vậy. Tức là giúp cho chúng Hữu Tình được tái sinh vào các cõi Phật, thọ nhận cuộc sống an vui.

BUDHIYA BUDHIYA BUDDHĀYA BUDDHĀYA: Đem sự Giác Ngộ viên mãn của mình giúp cho người khác cũng được Giác Ngộ viên mãn. Tức là phương cách tùy cơ mà ứng thân hóa độ.

Với Tâm Đại Bi nhằm giúp cho chúng Bồ Tát trong dòng Liên Hoa nắm vững được mọi phương tiện thiện xảo trong khi tu hành Bồ Đề Hạnh. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã hiển thị uy lực của Tam Muội Như Huyễn Kim Cương để tự trang nghiêm mình và tế độ muôn loài Hữu Tình

1) Cứu độ bằng Pháp Như Ý Thắng Thượng:

Nếu người nào lễ bái cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát thì :

_ Cầu con trai liền được con trai có đầy đủ Phước Tuệ

_ Cầu con gái liền được con gái xinh đẹp hiền lành , ai thấy cũng mến yêu

_ Được Phước Đức ngang bằng với Phước Đức lễ bái cúng dường, thọ trì danh tự của 62 ức hằng hà sa Bồ Tát.

Theo ý nghĩa khác thì con Trai tượng trưng cho Trí Tuệ, con Gái tượng trương cho Thiền Định (hay Tam Muội) các vị Bồ Tát tượng trưng cho Tâm Đại Từ Bi. Do đó khi lễ bái cùng dường Đức Quán Thế Âm Bồ Tát cần phải nhớ tu tập Trí Tuệ, Thiền Định, Từ Bi cho được viên mãn.

2) Cứu độ bằng Pháp Cát Tường Tự Tại:

Nếu người nào trì niệm Danh Hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát thì:

_ Vào lửa, lửa chẳng thể đốt cháy được

_ Bị nước cuốn trôi, liền đến chỗ cạn

_ Đi thuyền giữa Đại Dương tìm châu báu, gặp gió bão đánh dạt vào nước của Quỷ La Sát, thì được thoát nạn La Sát.

_ Sắp bị đánh chém thì dao gậy của kẻ ấy liền gãy nát không phạm vào thân được

_ Nếu bị xiềng xích, gông cùm thì xiềng gông đều tan rã

_ Không bị Quỷ Dạ Xoa, La Sát, Cưu Bàn Trà, Tỳ Xá Già, Phú Đan Na làm hại

_ Đi buôn lạc vào nơi hiểm trở gặp giặc cướp đầy dẫy trong cõi Tam Thiên Đại Thiên thì liền được thoát khỏi và không sợ hãi

Theo ý nghĩa khác thì 7 nạn này biểu thị cho các sự chướng ngại do 6 Đại gây ra. Trong đó: Lửa đốt cháy biểu thị cho Hỏa Đại, Nước cuốn thay cho Thủy Đại, Gió thổi thay cho Phong Đại, Dao Gậy Gông Cùm Xiềng Xích thay cho Địa Đại , Các loài Quỷ và Giặc Cướp thay cho Thức Đại, Cõi Tam Thiên Đại Thiên thay cho Không Đại.Do 6 Đại tương xung tương hợp với nhau tạo thành dòng sống Hữu Tình luân chuyển theo sinh tử mà thọ nhận nhiều nỗi khổ đau. Nếu chúng ta biết cách dùng Tâm Thức sáng suốt, định tĩnh, trong lành (***Tức trì niệm Danh Hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát***) phản chiếu lên vạn Pháp (***tức dòng sống Hữu Tình***) thì vạn Pháp trở thành diệu dụng nhiệm màu giúp cho chúng ta thoát khỏi mọi phiền não khổ đau, chứng đạt trạng thái vượt thoát sinh tử luân hồi.

3) Cứu độ bằng Pháp Kiên Cố Dũng Mãnh Thù Thắng:

Nếu còn nhiều ái dục, giận hờn, si mê mà trì niệm Hồng Danh Quán Thế Âm thì sẽ hết ái dục, hết giận hờn, hết si mê.

Trong công tác hóa độ Hữu Tình, một phương tiện không thể thiếu được đó là tính Nhẫn Nhục. Vì chúng Hữu Tình thường có nghiệp chướng sâu dầy, ít khi biết lẽ phải. Họ thường thuận theo Bản Ngã, chiều theo dục vọng cá nhân nên rất khó làm cho họ xoay chuyển. Đôi khi vì lợi ích thấp hèn, họ sẵn sàng phản bội lại người ân.Do vậy, người thi hành hạnh độ sinh cần phải biết kiên nhẫn, cam chịu lao nhọc lâu dài,

khéo tùy duyên, thuận theo các chúng sinh cang cường ngang ngược mà uốn nắn họ đi vào nẻo chân chính nghĩa là phải dùng **Đức Tính Nhẫn Nhục** (Kṣānti-guṇa) làm cho viên mãn sự tế độ và đấy chính là sức mạnh kiên cố thù thắng của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nay muốn dứt trừ Tham, Sân Si thì chúng ta cũng phải có sức kiên nhẫn bền bỉ tu trì Giới, Định, Tuệ ắt sẽ dập tắt 3 độc Tham ái, giận hờn, si mê mà chứng quả giải thoát.

4) Cứu độ bằng cách rưới nước Cam Lồ Bất Tử:

Amṛta nghĩa đen là Bất Tử (Không bị chết) và thường dịch là Cam Lộ. Đây là thứ nước rất trong mát và thơm ngọt thường giúp cho người bị khát khô cổ được mát mẻ an lành. Trong Phật Giáo, Cam Lộ tượng trưng cho nguồn an lạc vô biên và hay được ví cho dòng sống an vui tối thượng của các cõi Phật thanh tịnh.

Như chúng ta đã biết, nếu chúng Hữu Tình nào đạt được Tâm Thức thanh tịnh ắt thực chứng được cảnh giới thanh tịnh. Do Đức Quán Thế Âm Bồ Tát biểu tượng cho sự thanh tịnh an lạc nên nếu tu trì theo Ngài ắt sẽ được Thân Tâm thanh tịnh. Đây là lý do, nhiều nơi trên Thế Giới, Giáo Đồ Phật Giáo Bắc Truyền thường quán niệm Danh Hiệu và hình sắc của Ngài để cầu thác sinh vào các cõi Phật thanh tịnh.

Kinh **Quán Vô Lượng Thọ Phật** có ghi rằng :

"Nếu người nào tu theo pháp quán tưởng "**Sắc chân thật**" của Quán Thế Âm Bồ Tát thì không gặp các điều tai họa , trừ sạch hết các nghiệp chướng và dứt hết những tội trong đường sinh tử ở vô số kiếp. Một khi thành tựu Pháp Quán này thì người tu tập sẽ không còn thọ sanh ở trong bào thai nữa, lại thường đi dạo chơi khắp các cõi nước thanh tịnh nhiệm màu của chư Phật ở mười phương"

Phương pháp tưởng Quán Thế Âm Bồ Tát như sau:

"Quán Thế Âm Bồ Tát có thân cao tám mươi vạn ức na do tha hằng hà sa do tuần, toàn thân là màu vàng tía, trên đỉnh có búi tóc, sau gáy có Hào Quang tròn, mặt hướng đều trăm ngàn do tuần. Trong Hào Quang tròn ấy có 500 vị Hóa Phật, như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi một vị Hóa Phật lại có 500 Hóa Bồ Tát, vô lượng Chư Thiên làm thị giả, toàn thân Bồ Tát trong ánh sáng, tất cả sắc tướng của chúng sinh ở 5 nẻo đều hiện rõ trong đó.

Trên đỉnh của Bồ Tát dùng viên ngọc báu Tỳ Lăng Già Ma Ni chế thành mão Trời, trong mão Trời ấy có một vị Hóa Phật đứng cao 25 do tuần. Dung mạo của Quán Thế Âm Bồ Tát hiện bày như sắc vàng ròng Diêm Phù Đàn, tướng Bạch Hào giữa hai lông mày đầy đủ màu 7 báu tuôn ra tám vạn bốn ngàn loại ánh sáng, trong mỗi một ánh sáng cũng có vô lượng vô số trăm ngàn vị Hóa Phật, mỗi một vị Hóa Phật đều có vô số Hóa Bồ Tát dùng làm Thị Giả, biến hiện tại chỗ đầy khắp mười phương Thế Giới. Cánh tay của Bồ Tát màu như Hoa Sen hồng, trên có tám mươi ức ánh sáng vi diệu dùng làm anh lạc, trong anh lạc ấy thị hiện phổ biến tất cả việc trang nghiêm tốt màu nhiệm.

Lòng bàn tay làm từ năm trăm ức màu báu Hoa Sen tạp, mười đầu ngón tay của bàn tay, mỗi một đầu ngón tay có tám vạn bốn ngàn bức tranh nói chung giống như vết tích trên văn tự (ấn văn); mỗi một bức tranh có tám vạn bốn ngàn màu, mỗi một màu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, ánh sáng ấy mềm mại chiếu khắp tất cả, Bồ Tát liền dùng tay báu này để tiếp dẫn chúng sinh. Khi Bồ Tát giơ bàn chân lên, dưới bàn chân có Tướng bánh xe ngàn căm, tự nhiên hóa thành năm trăm ức Đài Quang Minh; dưới bàn chân thời lại có Hoa Kim Cang Ma Ni rải tán tràn đầy khắp tất cả mọi nơi. Thân tướng của Bồ Tát còn lại rất nhiều đầy đủ mọi Tướng tốt màu nhiệm, giống như

Đức Phật chẳng có sai biệt, chỉ có búi tóc trên đỉnh đầu và Vô Kiến Đỉnh Tướng không giống như Đức Phật Đà Thế Tôn".

Nếu như người Quán Tưởng Quán Thế Âm Bồ Tát, phải lần lượt như trên để Quán Tưởng tu hành pháp này thì chẳng gặp các tai họa, hay trừ sạch tất cả nghiệp chướng và trừ khử tội ở vô số kiếp sinh tử. Hay nghe thấy danh hiệu của vị Đại Bồ Tát này, thì có thể thu được vô lượng thọ báo, huống chi là quán sát kỹ lưỡng!

Nếu như có quán tưởng thân tướng của Quán Thế Âm Bồ Tát, trước tiên phải quán tưởng búi tóc trên đỉnh của Ngài, lại quán tưởng mão Trời, nhóm Tướng còn lại cũng lần lượt quán như vậy, khiến cho ánh sáng ấy, giống như quán một thứ đồ vật trong lòng bàn tay.

Giáo Đồ Phật Giáo Tây Tạng thường hướng về Đức **Liên Hoa Thủ Bồ Tát** (Tức Quán Thế Âm Bồ Tát) cầu nguyện cho mình được vãng sinh về cõi Cực Lạc.

5) Cứu độ bằng các hiện ra Ứng Thân:

Tuỳ theo căn tính của người tu học, Quán Thế Âm Bồ Tát hiện ra một trong 33 Ứng Thân để giúp cho người ấy mau chóng xa lìa khổ não, giác ngộ được Trí Giác Thanh Tịnh. 33 Ứng Thân là:

1)Thân Phật
2)Thân Bích Chi Phật
3)Thân Thanh Văn
4)Thân Đại Phạm Vương
5)Thân Đế Thích Thiên Vương
6)Thân Tự Tại Thiên
7)Thân Đại Tự Tại Thiên
8)Thân Thiên Đại Tướng Quân
9)Thân Tỳ Sa Môn Thiên
10)Thân Tiểu Vương
11)Thân Trưởng Giả
12)Thân Cư Sĩ
13)Thân Tể Quan
14)Thân Bà La Môn
15)Thân Tỳ Kheo
16)Thân Tỳ Kheo Ni
17)Thân Cận Sự Nam
18)Thân Cận Sự Nữ
19)Thân Trưởng Giả Nữ
20)Thân Cư Sĩ Nữ
21)Thân Tể Quan Nữ
22)Thân Bà La Môn Nữ
23)Thân Đồng Nam
24)Thân Đồng Nữ
25)Thân Trời
26)Thân Rồng
27)Thân A Tu La
28)Thân Dạ Xoa
29)Thân Càn Đạt Bà (Hương Ẩm Thần)
30)Thân Ca Lâu La (Kim Xí Điểu)
31)Thân Khẩn Na La (Nghi Thần)
32)Thân Ma Hầu La Già (Mãng Xà Thần)

33)Thân Chấp Kim Cương Thần

Sự hoá hiện ra 33 Ứng Thân này nhằm nhắc nhở chúng ta rằng hết thảy chúng hữu tình với các bậc Giải Thoát đều vốn có Tâm Đại Bi Thanh Tịnh chỉ cần chúng ta biết cách đánh thức nó và tu sửa cho đến khi nên mãn thì Tâm Đại Bi Thanh Tĩnh này sẽ giúp cho chúng ta vượt thoát mọi sự phiền não khổ đau, chấm dứt sinh tử luân hồi.

Tóm lại, trong phần THẦN LỰC GIA TRÌ MÔN Tâm Chú Đại Bi đã minh họa các pháp tu tập của Dòng Liên Hoa là: **Chân Như Quán, Nhĩ Căn Viên Thông, Ngũ Uẩn Quán, Như Huyễn Kim Cương Tam Muội** để giúp cho người tu hành thấu hiểu từng giai đoạn của Pháp Tu. Nhờ Tâm sùng kính chân thành, người tu hành nương theo lực gia trì của Bản Tôn Quán Thế Am Bồ Tát tinh tiến tu hành, mau chóng trực nhận được cảng giới cực thanh tĩnh của chư Phật và hợp nhất với Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Sự kiện này chính là: "***Lý Tưởng Bồ Tát được thể hiện như nó đã thể hiện trong hình tướng Quán Thế Âm"*** và đây cũng là quan điểm ***"Nhập Ngã, Ngã Nhập"*** của Mật Tông Phật Giáo

Ngài **Dilgo Khientse Rinpoche** có ghi:

"Cái gì hoàn tất sự thanh lọc lớn lao của nhận thức
Chính là sự sùng kính, ánh sáng của Tự Tâm chiếu ra
Nhận chân và nhớ rằng Tự Tâm Ta chính là Bậc Thầy
Qua điều này mong rằng Tâm con (Đệ Tử) ***và Ta*** (Bản Tôn) ***làm một"***



VI_ THÂM NHẬP ĐẠI BI TÂM MÔN:

MAITRIYA NĪLAKAṆṬHA TRIŚARAṆA ABHAYA MAṆA SVÀHÀ
SIDDHIYA SVĀHĀ
MAHĀ-SIDDHIYA SVĀHĀ
SIDDHA YOGEŚVARĀYA SVĀHĀ
NĪLAKAṆṬHA SVĀHĀ
PRAVARĀHA-MUKHĀYA SVĀHĀ
ŚRĪ- SIṂHA-MUKHĀYA SVĀHĀ
SARVA MAHĀ-MUKTĀYA SVĀHĀ
CAKRĀ YUDHĀYA SVĀHĀ
PADMA-HASTĀYA SVĀHĀ
NĪLAKAṆṬHA-ŚAṄKHA-RĀJA SVĀHĀ
MĀ VARI ŚAṄKARĀYA SVĀHĀ

Xin Đấng Đại Từ Thanh Cảnh Bồ Tát hãy yêu thương người hiền, bảo hộ người lành khiến cho họ cương quyết tu đạo của ba Thừa, thành tựu viên mãn Tâm Ý của Đấng Vô Úy và thành tựu mọi sự như :

Thành tựu viên mãn Pháp cởi bỏ danh lợi và nhận biết rõ các điều chân giả

Thành tựu tất cả điều lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp

Thành tựu viên mãn Pháp tu Du Già Tự Tại

Thành tựu viên mãn Chính Pháp vô lượng Từ Bi Hiền Ái của Đức Thanh Cảnh Bồ Tát

Thành tựu viên mãn Đạo Như Ý Thắng Thượng bền chắc

Thành tựu viên mãn Pháp Đại Y Vương hay trừ bỏ các bệnh khổ não cho chúng sinh

Thành tựu viên mãn Đạo Vô Thượng Thanh Tịnh, dùng Kim Cương Luân và cây gậy báu hàng phục Ma Oán

Thành Tựu viên mãn Pháp Thiện Thắng của hoa sen hồng để thoát khỏi sự trói buộc của khổ não

Thành tựu viên mãn sự chính tâm thành ý hay trừ bỏ mọi ách nạn sợ hãi của Đấng Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát

Thành tựu viên mãn Bản Tính đại chí đại dũng của Bậc Đại Bồ Tát

MAITRIYA: Tâm Từ
NĪLAKAṆṬHA: Thanh Cảnh Bồ Tát
TRIŚARAṆA: Ba sự cứng bén biểu thị cho 3 Thừa
ABHAYA: Không sợ hãi
MAṆA: Tâm ý
SVĀHĀ : Thành tựu viên mãn

MAITRIYA NĪLAKAṆṬHA TRIŚARAṆA ABHAYA-MAṆA SVĀHĀ: Xin Đấng Đại Từ Thanh Cảnh Bồ Tát hãy yêu thương người hiền, bảo hộ người lành

khiến cho họ chương quyết tu Đạo của ba Thừa, thành tựu viên mãn Tâm Ý của Đấng Vô Úy và thành tựu mọi sự.

Như chúng ta đã biết **Nīlakaṇṭha** tức Thanh Cảnh Bồ Tát biểu thị cho nghĩa thọ nhận mọi sự khổ đau phiền não thay cho chúng sinh và ban niềm an vui hạnh phúc đến cho họ. Đây chính là uy lực diệu dụng của Tâm Đại Bi nhằm cứu độ chúng sinh khiến cho họ **Chuyển mê khai ngộ** , **ly khổ đắc lạc** nên chính là nơi yêu quý của 99 ức hằng hà sa chư Phật. Vì thế biểu thị cho Tạng PHẬT THÂN.

_ SIDDHIYA SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn Pháp cởi bỏ danh lợi và nhận biết rõ các điều chân giả

Đây là Công Đức từ bỏ sự trói buộc của Thế Gian , thấu ngộ được chân lý sáng tỏ nên là nơi đón nhận mọi ánh sáng Trí Tuệ của tất cả Như Lai soi chiếu đến. Vì thế biểu thị cho Tạng QUANG MINH.

_ MAHĀ-SIDDHIYA SVĀHĀ: Thành tựu tất cả điều lợi ích rộng lớn trong Phật Pháp.

Đây là Công Đức thâu nhiếp tất cả Pháp Môn Đà La Ni (Dhāraṇī: Tổng Trì) nên biểu thị cho Tạng DIỆU PHÁP.

_ SIDDHA YOGEŚVARĀYA SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn Pháp Du Già Tự Tại.

Yoga hay Du Già là phương pháp đạt đến tiếp cận, thống nhất với tuyệt đối nên **Yogeśvarāya** là phương cách thống nhất với tuyệt đối một cách tự tại, còn **Siddha** là sự thành tựu phương cách ấy.

Do đó Siddha Yogeśvarāya là Công Đức của Pháp Vô Vi, dùng Không Tuệ (Śūnya-mati) quán sát chúng sinh một cách tự tại. Vì thế biểu thị cho Tạng HƯ KHÔNG.

_ NĪLAKAṆṬHA SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn Chính Pháp vô lượng Từ Bi Hiền Ái của Đức Thanh Cảnh Bồ Tát.

Đây là Công Đức khéo dùng Đà La Ni để cứu độ chúng sinh nên biểu thị cho Tạng TỪ BI.

_ PRAVARĀHA-MUKHĀYA SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn Đạo Như Ý Thắng Thượng bền chắc.

Theo Mật Giáo thì khuôn mặt heo (Varāha-mukha: Trư Diện) biểu thị cho **Đại Không Bất Không Trí** (Mahā-śūnya amogha-jñāna) nên **Pravarāha-mukhāya** chính là Công Đức khiến cho trăm ngàn Tam Muội (Samādhi) thảy đều hiện tiền. Vì thế biểu thị cho Tạng THIỀN ĐỊNH

_ ŚRĪ-SIṂHA-MUKHĀYA SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn Pháp Đại Y Vương hay trừ bỏ các bệnh khổ não cho chúng sinh.

Theo Mật Giáo thì khuôn mặt sư tử (Siṃha-mukha: Sư Tử Diện) biểu thị cho sự không sợ hãi trong khi phá bỏ điều Tà hiển hiện điều Chính. Điều này cũng vì như người Thầy Thuốc giỏi khéo điều trị tất cả bệnh khổ cho người khác.

Do đó **Śrī-siṃha-mukhāya** chính là Công Đức dùng Pháp Đà La Ni trị mọi bệnh cho chúng sinh nên biểu thị cho Tạng DƯỢC VƯƠNG.

_ SARVA MAHĀ-MUKTĀYA SVĀHĀ_ CAKRĀ YUDHĀYA SVĀHĀ: Thành tựu tất cả Đạo Vô Thượng Thanh Tịnh, dùng Bánh xe Kim Cương và cây gậy báu hàng phục Ma Oán

Theo Mật Giáo, viên ngọc (Mukta) biểu thị cho sự quý báu tức là Trí Tuệ Siêu Việt. Bánh xe (Cakra) biểu thị cho sự tồi phá, cây gậy (Yudha) biểu thị cho sự giáng phục. Do đó **Sarva mahā-muktāya svāhā_ Cakrā yudhāya svāhā** chính là Công Đức khiến cho Thiên Ma, Ngoại Đạo không thể bức não nên biểu thị cho Tạng GIẢI THOÁT

_ PADMA-HASTĀYA SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn Pháp Thiện Thắng của Hoa Sen hồng để tránh khỏi sự trói buộc của khỗ não.

Đây là Công Đức khiến cho Tam Tai, Ác Kiếp không thể làm hư hại, nên biểu thị cho Tạng THƯỜNG TRỤ.

_ NĪLAKAṆṬHA-ŚAṄKHA-RĀJA SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn sự chính Tâm thành Ý hay trừ bỏ mọi ách nạn sợ hãi của Đấng Thanh Cảnh Pháp Loa Vương Bồ Tát.

Śaṅkha là vỏ ốc thường được dùng làm cái loa để kêu gọi thông báo cho mọi người. Do Đức Thanh Cảnh Bồ Tát hay trừ bỏ mọi sự sợ hãi cho chúng sinh và đem lại sự an vui cho họ nên khi Ngài hô triệu thì các hàng Thiên Long Bát Bộ đều nhanh chóng đi đến hộ giúp. Vì thế **Nīlakaṇṭha-śaṅkha-rāja svāhā** chính là Công Đức khiến cho Trời Rồng, Thiên Thần hộ trì, giúp cho xa lìa mọi sự ách nạn, nên biểu thị cho Tạng VÔ ÚY

_ MĀ VARI ŚAṄKĀRĀYA SVĀHĀ: Thành tựu viên mãn tính đại chí đại dũng của bậc Đại Bồ Tát.

Đây là Công Đức được tự tại dại chơi trong các cõi Phật ở 10 phương cũng như an nhiên tự tại thi hành vạn hạnh hóa độ chúng sinh trong biển sinh tử, nên biểu thị cho Tạng THẦN THÔNG.

_Sau khi thành tựu các Công Đức trên thì trong miệng tuôn ra tiếng Đà La Ni chẳng dứt, nên biểu thị cho Tạng DIỆU NGỮ.

Như vậy trong phần THÂM NHẬP ĐẠI BI TÂM MÔN Tâm Chú Đại Bi đã minh họa vô số lượng Công Đức của 12 Tạng mà người tu trì Pháp Môn Đại Bi sẽ thành đạt được.

Riêng trong phần này đã minh họa Tôn Tượng Thanh Cảnh Quán Âm Bồ Tát có 3 mặt (mặt Bồ Tát, mặt heo, mặt sư tử) 4 tay cầm 4 vật báu (cây gậy trên đó có viên ngọc báu, bánh xe, hoa sen, vỏ ốc) nhằm nhấn mạnh Thân này chính là vị **Thần Bản Mệnh** (Iṣṭadeva: Hóa Thần) mà người tu học Tâm Chú Đại Bi cần phải quán tưởng thường xuyên để thành tựu Trí Tuệ căn bản của Pháp Tu.

VII_ HIỂN HIỆN ĐẠI BI TÂM MÔN

NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ RYA-AVALOKITEŚVARYA
Nay Con xin quy y ba báu Phật, Pháp, Tăng
Nay con xin quy mệnh Công Đức Nội Chứng của Đức Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

Sau khi thành Đạo, lúc còn ngự tại gốc cây **Tất Bà La** (Pippala: Cây Bồ Đề) bên bờ sông **Ni Liên Thiền** (Nairañjanā) Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi tham thiền rồi suy niệm xem ai có thể là nơi đáng để cho Ngài thân cận, tôn kính, sùng bái. Ngài phát sinh tư tưởng là: "**Chỉ có Giáo Pháp mà Ta đã chứng ngộ mới xứng đáng để cho Ta tôn kính và sùng bái**"

Sau đó, Đức Phật nhận thấy rằng Giáo Pháp mà Ngài đã chứng ngộ rất thâm sâu huyền diệu, khó lòng giảng giải dạy bảo cho chúng sinh thầu ngộ và tin hiểu được nên Ngài dự định không truyền bá phổ quát Giáo Lý giải thoát. Ngay lúc ấy, Phạm Vương Sahaṃpati (Ta Bà Thế Giới Chủ) liền hiện thân xuống, ba lần thỉnh cầu, xin Đức Phật hãy vì Hạnh Nguyện xa xưa, chuyển Pháp Luân hóa độ chúng sinh.Vì Nhân Duyên đó, Đức Phật tuyên bố: "**Cửa Vô Sinh Bất Diệt đã mở cửa cho chúng sinh. Hãy để cho ai có tai muốn nghe, đặt trọn niềm tin tưởng**"

Từ đấy, Đức Phật tận tụy hướng dẫn chúng sinh tu tập Giáo Pháp thâm diệu để vượt thoát vòng sinh tử luân hồi.

Tương tự như vậy, sau khi chứng đắc được Pháp Môn Đại Bi Tâm. Người tu trì phải khởi Tâm thân cận, tôn kính và sùng bái Giáo Pháp đã giúp cho mình đắc Đạo, đó là "**Tam Bảo và Công Đức Nội Chứng của Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát". **Sau đó, để báo đáp Ân Đức của Giáo Pháp này, Hành Giả phải thành tâm nương theo 4 món **Vô Tác Diệu Đức** của Bản Tôn Quán Tự Tại là:

1) Hiện ra nhiều hình dung nhiệm màu có một hay nhiều đầu, hai hay nhiều tay, hai mắt hoặc nhiều mắt và nói ra vô số Thần Chú Bí Mật để cứu độ chúng sinh được tự tại

2) Hiện hình tụng Chú, mỗi mỗi Thân mỗi mỗi Chú. Hình đó, Chú đó có thể đem sức Vô Úy Thí cho các chúng sinh

3) Phát ra căn tính Diệu Viên Thông Thanh Tịnh khiến cho chúng sinh xả bỏ thân mệnh và của cải để cầu xin (Bản Tôn Quán Tự Tại) xót thương cứu hộ.

4) Đắc được Tâm Phật, chứng Quả rốt ráo, có thể đem từng các thứ quý báu cúng dường 10 phương Như Lai, cả đến Lục Đạo chúng sinh trong Pháp Giới: Ai cầu vợ thì được vợ, ai cầu con thì được con, cầu Tam Muôi thì được Tam Muội, cầu sống lâu thì được sống lâu, như thế cho đến cầu Niết Bàn thì được Niết Bàn.

Từ 4 Đức không thể nghĩ bàn này, Hành Giả noi theo Bản Tôn hiển hiện Đại Bi Tâm ứng hóa cứu độ muôn loài qua các công hạnh:

_ Giúp cho người tu hành mau đầy đủ Công Đức của Lục Độ và mau chóng phát sinh **mầm Bồ Đề**

_ Khiến cho hàng Thanh Văn mau được chứng quả

_ Khiến cho các vị **Thần** (Devatā) **Tiên** (Ṛṣī) trong cõi Đại Thiên mau phát Tâm Bồ Đề Vô Thượng

_ Giúp cho các chúng sinh mau được Tín Căn Đại Thừa và khiến cho sự mưu cầu của họ được thành tựu

_ Giúp cho những chúng sinh bị đọa lạc ở 3 đường Ác, ở chỗ sâu kín tối tăm trong 3 ngàn Đại Thiên Thế Giới mau xa lìa sự khổ não

_ Khiến cho các vị Bồ Tát mau chứng ngộ Thập Trụ và mau đắc Quả Phật, thành tựu 32 tướng tốt với 80 vẻ đẹp tùy hình.

Tóm lại, trong phần HIỂN HIỆN ĐẠI BI TÂM MÔN Tâm Chú Đại Bi nhấn mạnh rằng người tu trì Pháp Đại Bi Tâm. sau khi thành tựu cần phải dũng mãnh hoằng hóa Pháp này và bày tỏ niềm tri ân sâu xa với Tam Bảo và Bản Tôn qua công hạnh cứu độ tất cả chúng Hữu Tình không để sót một ai.

VIII_ THÀNH TỰU NIẾT BÀN MÔN

OṂ SIDDHYANTU MANTRA-PADĀYA SVĀHĀ

Nguyên cho Thân Khẩu Ý của con mau chóng tương ứng với sự thành tựu Chân Ngôn Cú để thọ hưởng mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại niết Bàn

Theo một số vị Đạo Sư Mật Giáo thì câu Chú này chỉ là lời ca ngợi sự thành tựu của Đà La Ni nên cắt bỏ câu này trong bài Chú.

Thật ra đối với các bậc tu chứng Pháp Môn Đại Bi Tâm trong quá trình dấn thân vào cõi sinh tử uế trược, thi hành vạn hạnh cứu độ chúng sinh. Các Ngài không hề lưu ý đến hạnh phúc bản thân, chỉ một lòng mưu cầu sự an lành và tốt đẹp đến với mọi chúng Hữu Tình. Tuy nhiên các quy luật vô hình vô tướng của Pháp Giới vẫn cung ứng các hiện tượng tương xứng với việc làm, nghĩa là mọi việc làm Vong Kỷ Vị Tha đã dần dần hoàn thiện Báo Thân viên mãn. Cho nên tuy các Ngài không chấp trước vào thành quả cá nhân hoặc các công hạnh "Làm những việc khó làm" qua sự phục vụ vị tha thì các Ngài vẫn đạt đến mức Toàn Giác, tức là chứng đắc quả vị Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Do đó câu Chú **Oṃ siddhyantu mantra-padāya svāhā** chính là câu cảm thán: "**Ôi ! Sự thành tựu Chân Ngôn Cú đã đem lại sự tốt lành**" nhằm biểu lộ sự tri ân sâu xa của các Ngài đối với Pháp Môn Đại Bi Tâm.

Đối với kẻ Phàm Phu như chúng ta, tuy hiểu được thứ lớp tu chứng của Pháp Môn Đại Bi Tâm nhưng chúng ta vẫn chưa đủ sức lực và trình độ để chứng đắc ngay Pháp Môn này. Do vậy, chúng ta cầu xin dòng huyền lực của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát gia hộ cho chúng ta có đủ phương tiện để tu sửa Thân Khẩu Ý cho thật trong sạch và có đủ Tâm Lực để tu tập Tâm Bi Mẫn thành nền tảng tinh túy tương ứng với nghĩa thú của Đại Bi Tâm Đà La ni mà mau chóng đạt đến sự Giác Ngộ Giải Thoát.

Như thế câu Chú OṂ SIDDHYANTU MANTRA-PADĀYA SVĀHĀ chính là sự kết tinh dẫn dắt lời cầu nguyện của chúng ta để tiến dần vào Pháp Môn Đại Bi Tâm và nó hàm chứa ý nghĩa là "**Nguyện cho Thân Khẩu Ý của con mau chóng tương ứng với sự thành tựu của Chân Ngôn Cú để thọ hưởng mùi vị an lạc tịch tĩnh của Đại Niết Bàn**"

10/09/2012

Mật Tạng Bộ 03_ No 1066 (Tr.126 _ Tr.129)

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI
TU HÀNH NIỆM TỤNG LƯỢC NGHI

Hán dịch: Đời Đường_ Nước Bắc Thiên Trúc. Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch.

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Y theo Kinh **Quán Đỉnh Đạo Trường**, nói Pháp môn **tu Đà La Ni**, cầu mau xa lìa biển lớn sinh tử chóng chứng Vô Thượng Bồ Đề. Trước hết vào Đạo Trường Quán Đỉnh trong Hải Hội của Chư Phật Như Lai. Nhận quán đỉnh xong, phát tâm hoan hỷ theo Thầy gần gũi nhận Pháp tắc niệm tụng. Sau đó, ở trong tịnh thất, núi, rừng, sông, nơi Thượng Thắng bậc nhất xây dựng Đạo trường an trí Bản Tôn.

Người tu chân ngôn, hướng mặt về phương Đông nên dùng **Cù ma Di** (Gomayī: phân bò) xoa lau mặt đất, lấy hương Bạch Đàn chà xát làm bùn hương (hương nê) dùng tô Đàn hoặc làm hình vuông, hoặc làm hình tròn, kích thước lớn nhỏ tùy ý. Ở trên Đàn rải hoa, đốt hương cúng dường. Lấy hai bình đựng đầy nước hương đặt trong Đàn dùng để cúng dường.

Hành giả tắm gội (táo dục) hoặc chẳng tắm gội đều không có chướng ngại. Xong nên vận tâm suy tư quán sát Bản tính của tất cả chúng sinh vốn thanh tĩnh vì bị khách trần che lấp nên chẳng thấy Pháp tính của Chân Như thanh tịnh. Vì khiến cho thanh tĩnh nên phải chí tâm tụng Chân ngôn này 3 biến, 7 biến. Chân ngôn là:

"Án, sa phộc bà phộc, thú đà, tát phộc đạt ma, sa phộc bà phộc, thú độ Hám"

❒ Tịnh Tam nghiệp Chân Ngôn:



OṂ_ SVABHĀVA ŚUDDHA SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAṂ

Do Chân Ngôn này gia trì nên nghiệp Thân, Khẩu, Ý thảy được thanh tĩnh. Sau đó đặt 5 Luân (5 vóc) sát đất quy mệnh lễ 10 phương tất cả Chư Phật, chư Đại Bồ Tát, chư Đại Thừa phương quảng. Quỳ gối phải sát đất: sám hối, tùy hỷ, khuyến thỉnh, phát nguyện.

_ Quy mệnh mười phương Chính Đẳng Giác
Diệu Pháp Tối thắng, chúng Bồ Tát
Dùng nghiệp thanh tịnh Thân Khẩu Ý
Ân cần chắp tay cung kính lễ.

_ Luân hồi vô thủy trong các Hữu
Nghiệp Thân Khẩu Ý đã gây tội
Như Phật Bồ Tát đã sám hối
Nay con Trần sám (bày tỏ sám hối) cũng như vậy.

_ Trong hạnh nguyện của Phật Bồ Tát
Ba nghiệp Kim Cương phát sinh Phước
Duyên Giác Thanh Văn với hữu tình
Gom chứa căn lành, tùy hỷ hết.

_ Tất cả THẾ ĐĂNG ngồi Đạo trường
Hé mở mắt Giác soi ba cõi (3 Hữu)
Nay con quỳ gối xin khuyến thỉnh
Chuyển bánh xe Pháp diệu vô thượng.

_ Bao nhiêu Như Lai, chủ Tam giới
Bậc đến Vô dư, Bát Niết Bàn
Con đều khuyến thỉnh khiến trụ lâu
Chẳng bỏ Bi nguyện cứu Thế Gian

_ Sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ Phước
Nguyện con chẳng mất Tâm Bồ Đề
Trong Diệu chúng của Phật Bồ Tát
Thường làm bạn lành chẳng rời bỏ

_ Lìa nơi tám nạn sinh vô nạn
Túc mệnh Trụ Trí Tướng nghiêm thân
Mau lìa ngu si đủ trí tuệ
Thảy hay túc mãn Ba La Mật.

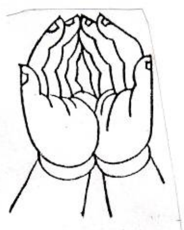
_ Phú lạc phong nhiêu sinh Thắng tộc
Quyến thuộc rộng nhiều thường đông đúc
Bốn Vô ngại Biện, mười Tự Tại
Sáu Thông, các Thiền thảy viên mãn
Như Kim Cương Tràng với Phổ Hiền
Nguyện Tán hồi hướng cũng như vậy.

_ Tiếp, lễ Bản Tôn với chư Thánh chúng. Chân ngôn là:
"Án, bát na ma, phệ"

OṂ_ PADMA VIḤ
Do Chân Ngôn này, làm lễ, nên Bản Tôn, Thánh chúng nhận làm Chủ Tể.

_ Tiếp, đối trước Bản Tôn, ngồi Kiết già hoặc ngồi Bán già. Khởi tâm Đại Bi, ta tu Pháp này vì tất cả chúng sinh mau ra khỏi biển lớn sinh tử, chóng chứng vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề.

Trước hết mài các loại hương dùng để xoa tay, sau đó kết nơi **Phật Bộ Tam Muội Gia Ấn**. Chắp 2 tay lại giữa rỗng, mở 2 ngón trỏ co lại phụ ở lóng trên của 2 ngón giữa, 2 ngón cái co phụ ở lóng dưới 2 ngón trỏ, thì Ấn đó liền thành.



Đặt ấn ở trái tim, tưởng 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp tùy hình của Đức Như Lai cho thật rõ ràng từng phận như đối diện trước mặt, chí tâm tụng Chân ngôn 7 biến. Chân ngôn là:

"Án, đát tha nga đổ na bà phộc dã, sa phộc hạ"

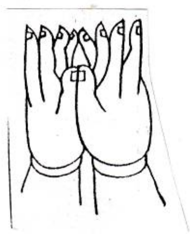
𑖌𑖼 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝𑖺𑖟𑖿𑖥𑖪𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ TATHĀGATA UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Do Ấn này với tụng Chân Ngôn cho nên liền cảnh giác tất cả Như Lai, thảy sẽ hộ niệm gia trì cho Hành Giả. Dùng quang minh chiếu chạm lên thân của ta, bao nhiêu tội chướng đều được tiêu diệt, thọ mệnh lâu dài, Phước đức tăng trưởng. Chúng Thánh của Phật Bộ vui vẻ ủng hộ. Đời đời kiếp kiếp xa lìa các nẻo ác, hóa sinh trong hoa sen, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề.

_ Tiếp, kết **Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Ấn**:

Chắp 2 tay lại giữa rỗng, mở bung 2 ngón trỏ, 2 ngón giữa, 2 ngón cái, 2 ngón vô danh, co lại như hình hoa sen.



Đặt ấn ở trái tim, tưởng Đức Quán Tự Tại với đầy đủ tướng tốt đẹp. Tụng Chân ngôn 7 biến rồi xả ấn ở bên phải đỉnh đầu. Chân ngôn là:

"Án, bát na ma, nại bà phộc dã, sa phộc hạ"

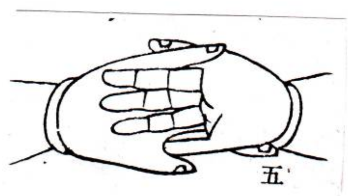
𑖌𑖼 𑖢𑖟𑖿𑖦𑖺𑖟𑖿𑖥𑖪𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ PADMA UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Do Ấn này với tụng Chân Ngôn cho nên liền giác ngộ. Bậc **Trì Liên Hoa** (Padma-dhàra) của hàng Quán Tự Tại, tất cả Bồ Tát, Chúng Thánh của Liên Hoa Bộ thảy đều vui vẻ gia trì hộ niệm. Hào quang của tất cả Bồ Tát chiếu chạm đến thân của Hành giả, bao nhiêu tội chướng đều được trừ diệt, tất cả Bồ Tát thường làm bạn lành.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Bộ Tam Muội Gia Ấn**:

Tay trái lật lòng bàn tay hướng ra ngoài, đè lưng bàn tay phải đặt lên lưng bàn tay trái. Lấy ngón cái, ngón út của 2 tay, tướng tay câu móc như hình chày Kim Cương.



Đặt Ấn ở trái tim, tưởng Đức Kim Cương Thủ Bồ Tát, tụng Chân ngôn 7 biến, xả ấn ở bên trái đỉnh đầu. Chân ngôn là:

"Án, phộc nhật lỗ na bà phộc dã, sa phộc hạ"

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨𑖺𑖟𑖿𑖥𑖪𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

OṂ_ VAJRA UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Do Ấn này với tụng Chân ngôn cho nên cảnh giác chúng Thánh của Kim Cương Bộ, tất cả Bậc Trì Kim Cương gia trì ủng hộ, bao nhiêu tội chướng thảy đều trừ diệt, tất cả sự đau khổ chẳng dính nhiễm vào thân, sẽ được thể bền chắc của Kim Cương.

_ Tiếp, kết **Hộ Thân Tam Muội Gia Ấn**:

Hai tay cùng cài nhau bên trong, bên phải đè bên trái. Dựng đứng 2 ngón giữa cùng dính đầu ngón. Co 2 ngón trỏ như hình móc câu đặt ở lưng ngón giữa đừng để cho chúng chạm nhau. Kèm 2 ngón cái đè lên 2 ngón vô danh, liền thành. Ấn vào 5 nơi trên thân là vầng trán, vai trái, vai phải, trái tim, cổ họng, rồi xả Ấn trên đỉnh đầu.



Đều tụng Chân Ngôn một biến. Chân Ngôn là:

"Án, phộc nhật la nghi nãnh, bát la nhĩ bát đa dã, sa phộc hạ"



OṂ _ VAJRA-AGNI PRADĪPTĀYA SVĀHĀ

Do kết ấn này với tụng Chân ngôn gia trì cho nên liền thành Bị Kim Cương Giáp Trụ (mặc giáp trụ Kim Cương). Bao nhiêu Tỳ Na Dạ Ca, các Ma, loài gây chướng ngại đều thoái lui chạy tán loạn, đều thấy hào quang của hành giả trùm khắp thân uy đức tại. Nếu ở núi, rừng, với ngay nơi hiểm họa thảy đều không có sợ hãi. Tai họa về nước, lửa … tất cả ách nạn, Hổ, Lang, Sư tử, đao, gậy, gông, khóa, các việc như vậy chẳng thể tiêu diệt. Người nhìn thấy vui vẻ. Sau khi chết, chẳng tùy theo nẻo ác sẽ sinh về Quốc thổ Tĩnh Diệu của Chư Phật.

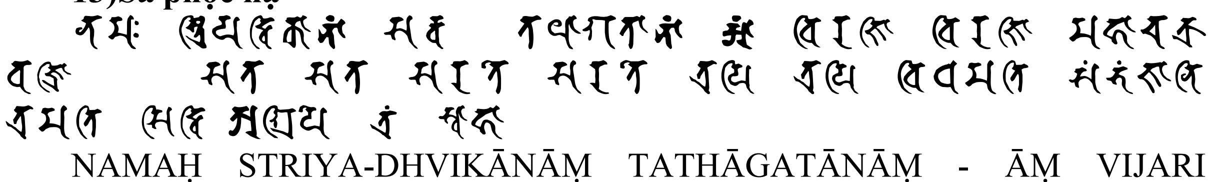
_ Tiếp, kết **Kim Cương Luân Đại Bồ Tát Đại Uy Đức Khế** xong vào Man Noa La nhận được 3 loại Luật nghi kh6ng có chướng ngại của 3 đời. Do vào Man Noa La, thân tâm đầy đủ Vi trần số Tam Ma Gia của Vi trần sát Thế giới mà không có làm cầm giới. Hoặc nhân co thân, cúi xuống, ngửa lên, nói ra lời, hơi thở ra, khởi tâm động niệm quên mất Tâm Bồ Đề, thụt lùi căn lành. Dùng Ấn Khế, Mật Ngôn, phương tiện Thù Thắng này tụng trì tác ý hay trừ khiển lỗi lầm sai phạm, **Tam Ma Gia** (Samaya) như cũ tăng thêm ánh sáng hiển hiện nhiều hơn. Hay tĩnh Thân Khẩu Ý ắt thành nhập tất cả Man Noa La, đắc được quán đỉnh Tam Ma Gia. Nên kết Ấn tụng Chân ngôn 7 biến.

Hai tay cài nhau bên trong, dựng 2 Định (ngón trỏ) dùng 2 Niệm (ngón giữa) buộc quanh 2 Định (ngón trỏ). 2 Tuệ (ngón cái) kèm duỗi thẳng. Đặt Khế ngay trái tim. Thành tâm tụng 7 biến.



Chân Ngôn là:

1)Nẵng mô tất đề lý dã địa vĩ ca nẫm
2)Tát phộc đá tha nga đa nẫm
3)Ám
4)Vĩ la thời vĩ la thời
5)Ma ha tát yết la phộc nhật lý
6)Sa đá sa đá
7)Sa phộc đế sa phộc đế
8)Đát la dĩ đát la dĩ
9)Vĩ đà ma nãnh
10)Tam bàn nhạ nãnh
11)Đát la ma đề tất đề
12)Nghĩa lý đát lãm
13)Sa phộc hạ



NAMAḤ STRIYA-DHVIKĀNĀṂ TATHĀGATĀNĀṂ - ĀṂ VIJARI VIRAJI _ MAHĀ-CAKRA VAJRI - SATA SATA - SARATE SARATE - TRAYI TRAYI - VIDHAMATI SAṂBHAṂJANI TRAMATI SIDDHI AGRIYE TRAṂ SVĀHĀ

Khi tụng Chân Ngôn này, tác quán niệm là: *"Tâm giới Hư không tràn khắp Pháp giới, hữu tình trong 6 nẻo sống chết đều được vào phổ tập hội đại Man Noa La, đẳng đồng với Thánh giả"*

_ Tiếp, kết Định Ấn, vào **Tứ Vô Lượng Tâm Quán**.

Thoạt tiên, vào **Từ Vô Lượng Tâm Định** dùng Tâm ân tĩnh, duyên khắp tất cả hữu tình thuộc 4 loài (Tứ sinh) trong 6 nẻo đều được Như Lai Tạng, đầy đủ 3 loại Thân, Khẩu, Ý Kim Cương. Dùng sức công đức tu **ba Mật** của ta, nguyện cho tất cả hữu tình, ngang bằng như **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra)

Quán như vậy xong, liền tụng **Đại Từ Tam Ma Địa Chân ngôn** là:

"Án, ma hạ muội đát la dã, sa phả la"



OṂ_ MAHĀ-MAITRIYA SPHARA

_ Tiếp, nhập vào **Bi Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa Trí**. Dùng Tâm Bi Mẫn duyên khắp tất cả chúng sinh thuộc 4 loài (Noãn, thai, thấp, hóa) trong 6 nẻo, đắm chìm trong biển khổ sinh tử chẳng ngộ Tự Tâm, vọng sinh phân biệt, khởi mọi thứ nghiệp phiền não. Chính vì vậy cho nên chẳng đạt sự bình đẳng của Chân Như như Hư không, khởi hằng hà sa công đức. Dùng lực gia trì tu **ba Mật** của ta, nguyện cho tất cả hữu tình ngang bằng với **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Àkà'sa-garbha)

Quán như vậy xong, liền tụng **Đại Bi Tam Ma Địa Chân Ngôn** là:

"Án, ma ha ca lỗ na dã, sa phả la"



OṂ_ MAHĀ-KĀRUṆAYA SPHARA

_ Tiếp, nhập vào **Hỷ Vô Lượng Tam Ma Địa Trí**. Dùng tâm thanh tĩnh duyên khắp tất cả hữu tình thuộc 4 loài trong 6 nẻo, xưa nay thanh tĩnh giống như hoa sen

chẳng nhiễm bụi nhơ, tự tính thanh tĩnh. Dùng lực công đức tu **ba Mật** của ta nguyện cho tất cả Hữu tình, ngang bằng với **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara).

Quán như vậy xong, liền tụng **Đại Hỷ Tam Ma Địa Chân Ngôn** là:

"Án, truật đà bát la mô na, sa phả la"



OṂ_ ŚUDDHA PRAMODA SPHARA

_ Tiếp, nhập vào **Xả Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa Trí**. Dùng Tâm bình đẳng duyên khắp. Tất cả Hữu tình thuộc 4 loài trong 6 nẻo đều là ngã, ngã sở. Lìa Uẩn giới và lìa Năng thủ, Sở thủ. Ở nơi sự bình đẳng của Pháp Tâm vốn chẳng sinh, tính tướng Không. Dùng lực công đức tu **ba Mật** của ta, nguyện cho tất cả Hữu tình , đẳng đồng với Hư Không Tạng Bồ Tát.

Quán như vậy xong , liền tụng **Đại Xả Tam Ma Địa Chân Ngôn** là:

"**Án, ma hô bế yết sái sa phả la**"

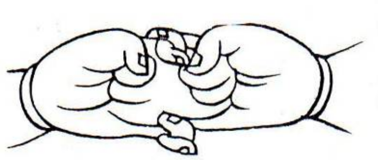


OṂ_ MAHĀ-UPEKṢA SPHARA

Người tu Chân Ngôn, do tập **4 Vô Lượng Tâm Định**, tụng Chân Ngôn, cho nên bao nhiêu tội chướng, ách nạn về mọi loại Ma, người, Trời thảy đều diệt trừ. Gom chứa vô lượng Phước Trí. Thân tâm: điều nhu (nhu hòa), kham nhẫn, tự tại.

- Tiếp, kết **Luân Đàn Ấn**

Hai tay đều nắm Kim Cương quyền, Tiến Lực, Đàn Tuệ (2 ngón trỏ, 2 ngón út) trợ nhau móc cột.



Ấn ở miệng, tụng Chân ngôn, liền thành, nhập vào tất cả Man Noa La. Tiếp, đặt ở đỉnh đầu ở chốn đã xây dựng Đạo Trường đều thành Đại Man Noa La như Bản Tôn tự dựng Luân Đàn.

Chân Ngôn là :

"Án, phộc nhật la các ngật la, Hồng, nhược hồng noan hộc "



OṂ - VAJRA-CAKRA HŪṂ JAḤ HŪṂ VAṂ HOḤ

Do kết Ấn này tụng Chân Ngôn gia trì cho nên người tu hành giả sử có vượt Pháp, sai lầm mất 3 nghiệp, phá **Tam Ma Gia Giới**, thì cũng hay trừ các lỗi lầm đều được viên mãn.

_ Tiếp, kết thỉnh **Bản Tôn Ấn**

Hai tay cài nhau bên trong nắm quyền. Ngón cái tay trái co vào lòng tay. Đem ngón cái tay phải hướng vào thân triệu mời.



Chân Ngôn là:

"Án, A lô lễ ca, y tứ y tứ, sa phộc hạ"

OṂ_ AROLIK EHYEHI SVĀHĀ

Do Chân Ngôn Ấn này gia trì cho nên Bản Tôn Bồ Tát vượt Bản Thệ cùng các Thánh Chúng đi đến Đạo Trường gia trì cho người tu hành mau mãn Bản nguyện.

_ Tiếp, kết **Mã Đầu Minh Vương Ấn tịch trừ kiết Giới**

Chắp 2 tay lại, co ngón trỏ, ngón vô danh ở hai trong bàn tay cùng tựa lưng nhau, mở cứng 2 ngón cái, liền thành.



Đem ấn xoay 3 vòng bên trái; Tâm tưởng tịch trừ các loài gây chướng, Ma, Quỷ, Thần, Tỳ Na Dạ Ca lui ra chạy xa.

Đem ấn xoay 3 vòng bên phải và đưa lên trên đưa xuống dưới. Liền thành Đại giới vững chắc.

Chân ngôn là :

"Án, A mật lật đổ nạp bà phộc, hồng phán tra, sa phộc hạ"

OṂ_ AMṚTA-UDBHAVA HŪṂ PHAṬ SVĀHĀ

_ Tiếp, hiến **Ứ Già Hương Thủy Ấn**

Hai tay bưng bình chứa nước Ứgià tràn đầy nước hương thơm với hoa từng mùa, đưa lên vầng trán dâng hiến.



Chân ngôn là :

"Án, (?nga nga nẵng sa) **ma sa ma, sa phộc hạ"**

OṂ_ GAGANA SAMA ASAMA SVĀHĀ

Do hiến nước hương Ứ Già cúng dường khiến cho Hành Giả được 3 nghiệp thanh tĩnh, tẩy trừ tất cả tội cấu phiền não. Từ **Thắng Giải Hành Địa** đến **Thập Địa** và **Như Lai Địa,** sẽ chứng Ba La Mật của **Địa** như thế, thời được tất cả Như Lai ban cho nước Pháp Cam Lộ rưới lên đầu.

_ Tiếp, kết **Hiến Tòa Ấn**

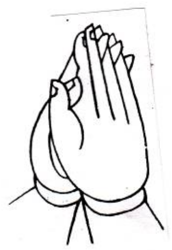
Hai tay tác Liên Hoa hợp chưởng, mở duỗi 2 ngón vô danh, co đầu ngón như hình hoa sen mới nở.



Chân Ngôn là :
“Án, ca ma lã, sa phộc hạ”

OṂ_ KAMALA SVĀHĀ

_ Tiếp, kết **Phổ Cúng Dường Ấn**.
Chắp 2 tay lại hơi giao nhau, bên phải đè lên bên trái, đặt Ấn ở trên trái tim.



Tụng Chân Ngôn 5 biến, từ Ấn tuôn ra mọi loại mây hiển cúng dường : Hương bột, hoa man, hương đốt, thức ăn , đèn sáng, Hiền bình, Kỹ nhạc tuyệt diệu của cõi trời … cúng dường khắp cả Chư Phật Bồ Tát, Bản Tôn, Thánh Chúng.

Chân Ngôn là:

“Nẵng mô tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ dụ vĩ thấp phộc mẫu khế tỳ dược. Tát phộc tha khiếm ổn ná nga đế sa phả la tứ hàm nga nga nẵng kiếm Sa phộc hạ.”

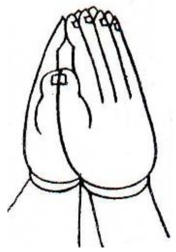
NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ– VIŚVA-MUKHEBHYAḤ– SARVATHĀ KHAṂ UDGATE SPHARA HĪMAṂ GAGANAKAṂ SVĀHĀ.

Do Ấn Chân Ngôn này Gia trì cho nên Chư Phật, Bồ Tát, Bản Tôn, Thánh Chúng đều được sự cúng dường rộng lớn chân thật. Pháp Nhĩ Thành.

Tiếp, tụng Tán Thán:
Ca ma lã mục khê (KAMALA MUKHE)
Ca ma lã lỗ tả nẵng (KAMALA LOCANA)
Ca ma lã Tát nẵng (KAMALA SANA)
Ca ma lã hạ sa đá (KAMALA HASTA)
Ca ma lã bà mẫu nãnh (KAMALA SUMANA)
Ca ma lã ca ma lã tam bà phộc (KAMALA KAMALA SAṂBHAVA)
Sa ca lã ma lã khất xoa lã (SUKALA MALA KṢARA)
Nẵng mô nẵng mô sa đỗ đế (NAMO NAMO STUTE)

_ Tiếp, kết **Bản Tôn Tâm Mật Ấn**
Theo giáo tương ứng làm niệm tụng

Để quán thân Bản tôn: tướng đẹp
Phóng khắp vô lượng ánh sáng lớn
Bao nhiêu khổ loại chúng sinh
Mong soi chiếu đến đều an lạc
Tụng **Bản Chân Ngôn** bảy biến xong
Buông ấn trên đỉnh như rũ xuống
TÂM ẤN là: 2 tay chắp lại giữa trống rỗng. Hợp cổ tay, 2 ngón cái đi qua đi lại.



❒ **Thánh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**
(Chân ngôn như văn)

_ Tiếp, lấy tràng hạt phụng trì đội trên đỉnh đầu gia trì 7 biến. Chân Ngôn là:
"Án, vĩ lộ tả nẵng, ma lã, sa phộc hạ"
OṂ_ VAIROCANA-MĀLA SVĀHĀ

_ Tiếp, dùng **Thiên Chuyển Chân Ngôn** gia trì 7 biến. Chân Ngôn là :
"Án, phộc nhật la ngu tứ dã, nhạ phá, tam ma duệ, Hồng"
OṂ_ VAJRA-GUHYA-JĀPA SAMAYE HŪṂ

Gia trì xong liền phát nguyện là:
"Nguyện cho sự mong cầu con với tất cả Hữu tình, về Thế gian, Xuất thế gian, Đại nguyện Thù Thắng mau được thành tựu"
Hai tay cầm tràng hạt đặt ở trái tim, tụng Chân Ngôn một biến. Cứ đếm tiếng của chữ cuối cùng thì lần một hạt. Chẳng gấp chẳng chậm chẳng cao chẳng thấp xưng hô chữ của Chân ngôn mỗi mỗi rõ ràng.
Hoặc tác **Kim Cương tụng**: đầu lưỡi hơi lay động ngậm môi răng lại. Lìa các sự tán loạn, nhất tâm chuyên chú vào Bản Tôn đừng duyên theo tướng khác. Hoặc 1000, hoặc 100 thường xác định biến số.
Sau khi niệm tụng xong, dâng tràng hạt đỉnh lễ chí thành phát nguyện. Đặt tràng hạt vào chỗ cũ (bản xứ) lại kết **Bản Tôn Tâm Mật Ấn** niệm tụng. Xả ấn như trước.
Ca ngợi, cúng dường thật ân cần
Dâng hiến Át Già, xưng Bản nguyện
Lại dùng Mã Đầu Minh Vương Ấn
Tâm chuyển Chân Ngôn thành **Giải Giới**
Như trước **thỉnh Tôn giáng nhập ấn**
Ngón cái bật ra (ngoài) thành **Phụng Tống**.
Chân ngôn là:
"Án, A lỗ lực ca, nga lạc nga lạc, sa phộc hạ"

OṂ_ AROLIK GACCHA GACCHA SVĀHĀ.

Hành Giả phụng tống Thánh Chúng xong
Lại kết Định Ấn khởi Từ bi
Gia hộ gia trì mặc Giáp trụ
Lễ xong, lui thoái lại kinh hành
Y Pháp như vậy mà tu hành
Mau gom Phước Trí được Thần Thông
Đời này được vào Hoan Hỷ Địa
Mười sáu kiếp sau thành Chính Giác.

Hết

Hiệu chỉnh xong vào ngày 13/03/2011

Mật Tạng Bộ 03_ No 1112 (Tr.490 _ Tr. 497)

KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ
THANH CẢNH ĐẠI BI VƯƠNG QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT
NIỆM TỤNG NGHI QUỸ

Hán dịch: Nước Nam Thiên Trúc, Tam Tạng Pháp sư KIM CƯƠNG TRÍ phụng chiếu dịch (NHẤT HẠNH cầm bút ghi)

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Cúi lạy **A Súc Tôn** (Akṣobhya), **Dũng Mãnh** (Vajra-satva)
Bảo Sinh Như Lai (Ratna-saṃbhava), **Hư Không Bảo** (Ākāśa-maṇi)
Quán Âm Như Lai (Avalokiteśvara), **Đạt Ma Pháp** (Dharma-dharma)
Bất Không Thành Tựu (Amoghasiddhi), **Nghiệp Kim Cương** (Karma-vajra)
Tám Cúng **Nội Ngoại**, mười sáu TÔN
Bốn cửa **Thị Hộ**, bậc tương ứng.

Ta y theo **Kinh Kim Cương Đỉnh Du Già** diễn nói về Pháp yếu tu hành **Liên Hoa Đạt Ma** (Padma-pharma) của Quán Tự Tại Vương Như Lai.

Muốn làm Lầu, Điện, Man Trà La, Chùa, Tháp của Bản Tôn. Trước tiên tụng Đà La Ni được vô lượng Phước. Nếu chẳng tụng Đà La Ni này mà tùy tiện bước vào: Chùa, Xá, Điện, Tháp, ắt Công Đức đã có lúc trước thảy đều bị mài diệt hết cả.

Đà La Ni là:

"Nẵng mô tam mãn đà phộc nhật la nam. Án, phộc nhật la nghi bả hồng, sa phộc hạ."

NAMO SAMANTA-VAJRAṆAṂ - OṂ VAJRA-AGNA HŪṂ - SVĀHĀ.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Khai Môn Ấn**. Liền đem 2 tay kết **Kim Cương Phộc**



Tụng 3 biến **"Hồng Hồng Hồng"** (HŪṂ HŪṂ HŪṂ) giống như tiếng sấm cảnh giác tất cả Như Lai, Đại Liên Hoa Tộc, Kim Cương Tộc. Tự tưởng mình ngang bằng với các Đẳng ấy, trong ngoài vượt vô ngại, một niệm ý chí. Tiếp, mở cửa mỗi mỗi gia trì không ngại. Tụng Minh này tiếng **"Hồng Hồng"** (HŪṂ HŪṂ) như tiếng sấm, tưởng quán cùng nương nơi miệng mà truyền thụ.

_ Phàm muốn tu tập Du Già, nhập vào **Tam Ma Địa** (Samādhi). Trước tiên nên vào **Quán Đỉnh Tam Muội Gia Mạn Trà La** (abhiṣeka-samaya-maṇḍala), phát Tâm **Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi), xả bỏ thân mệnh tiền tài làm lợi ích cho tất cả, dũng mãnh tinh tiến, tùy niệm tương ứng với "**Từ, Bi, Hỷ, Xả**" không có gián đoạn. Người như vậy mới nên tu tập.

Pháp về **Mạn Trà La** (Maṇḍala: Đàn Trường), vẽ tượng ấy … rộng như nơi khác đã nói.

_ Phàm vào Tịnh xá, lúc muốn tu niệm, trước tiên cúi năm vóc sát đất đỉnh lễ Bản Tôn **Quán Tự Tại Vương Như Lai**. Tiếp, lễ **Bất Không Thành Tựu Như Lai** ở phương Bắc rồi đến **Vô Động** (phương Đông), **Bảo Sinh** (phương Nam), **Biến Chiếu Như Lai** (Tỳ Lô Giá Na Như Lai – phương Trung Ương) thảy đều y theo Pháp chí thành kính lễ. Quỳ hai gối, chắp tay hoa sen, sám hối ba nghiệp, hồi đáp tất cả. Tụng Chân ngôn này là:

Con từ vô thủy kiếp
Đắm trong biển sinh tử
Nay dùng Tâm thanh tịnh
Bày tỏ xin hối lỗi
Như Chư Phật đã sám
Nay con cũng như vậy
Nguyện con và chúng sinh
Tất cả đều thanh tĩnh.

_ Tụng Mật Ngôn này là:

“Án, tát phộc bà phộc truật đà tát phộc đạt ma tát phộc bà phộc truật độ Hám”

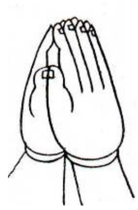


OṂ_ SVABHĀVA ŚUDDHA - SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAṂ.

_ Tiếp, nên tùy hỷ mọi Phước Trí đã gom chứa được từ Chư Phật, Bồ Tát thuộc Hiện tại, Quá Khứ, Vị lai

Các căn lành gom chứa
Từ Chư Phật, Bồ Tát
Với chúng sinh ba đời
Chắp tay tùy hỷ hết

_ Tiếp, nên quỳ gối phải sát đất. Chắp hai tay lại giữa trống rỗng đặt ở trên đỉnh đầu.



Tưởng lễ dưới chân của Chư Phật Như Lai và Bồ Tát. Tụng Mật Ngôn là:

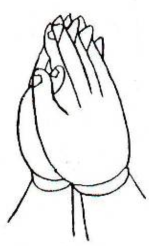
“Án, bát ná ma, vi”



OṂ_ PADMA VIḤ

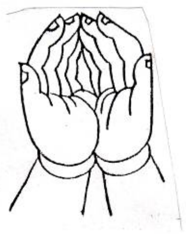
Xong phần **Trì Địa Ấn.**

Như **Kim Cương Vương Ấn**.



Lễ Chư Phật xong, y theo **Tọa Ấn** mà ngồi suy tư nhập định, quán vô lượng **Như Lai** (Tathāgata) ngang bằng khắp Pháp Giới, tự thân Hành Giả đều ở ngay trong Hội ấy.

Sau đó kết **mật Tam Muội Gia Ấn**. Đặt 6 đầu ngón tay dính nhau, hơi co Tiến Lực (2 ngón trỏ) đè vằn cạnh trên của Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa), Thiền Trí (2 ngón cái) đè vằn dưới của Tiến Lực (2 ngón trỏ) rồi đặt ấn trên đỉnh đầu.



Mật Ngôn là:

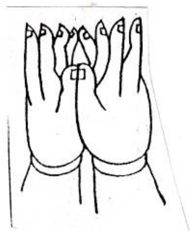
"Án, đát tha nghiệt đổ nạp bàn phộc dã, sa phộc hạ"



OṂ_ TATHĀGATA UDBHAVĀYA SVĀHĀ

_ Tiếp, nói về **Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Đà La Ni Ấn**.

Hai tay kết Liên Hoa Hợp Chưởng. Thiền Trí (2 ngón cái) Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng dính nhau, các đầu ngón còn lại cách nhau **một thốn** (1/3dm) rồi đặt ấn trên lỗ tai bên phải.



Chân Ngôn là:

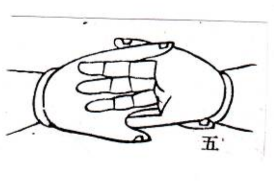
"Án, bát đầu mâu nạp bàn phộc dã, sa phộc hạ"



OṂ_ PADMA UDBHAVĀYA - SVĀHĀ

_ Tiếp, kết **Nhất Thiết Kim Cương Tam Muội Gia Đà La Ni Ấn**.

Đàn Trí (ngón út trái, ngón cái phải) và Thiền Tuệ (ngón cái trái, ngón út phải) lật ngược che nhau và cùng móc nhau. (ND: ngửa bàn tay phải, úp bàn tay trái rồi đặt lưng bàn tay phải đè trên lưng bàn tay trái). Bắt đầu kết ở ngay trái tim. Diệu ngôn đặt ở trên lỗ tai trái. Nói Mật ngôn ba lần xong thì bung ấn trên Luân Đỉnh (bên trái đỉnh đầu).



Mật Ngôn là:

"Án, ma nhập lỗ nạp bàn phộc dã, sa phộc hạ"



OṂ_ VAJRA UDBHAVĀYA - SVĀHĀ.

_ Tiếp, kết **Nhất Thiết Kim Cương Hộ Thân Đà La Ni Ấn**.

Giới Phương (2 ngón vô danh) Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng cài chéo nhau bên trong. Dựng 2 độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như cây Phướng, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) cách lưng của Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) 3 phân như hình móc câu.



Chân Ngôn là:

"Án, phộc nhật la nghĩ nễ, bát la niệm phát đá già, sa phộc hạ"



OṂ_ VAJRA-AGNI PRADĪPTĀYA SVĀHĀ

_ Kim Cương Hỏa Diễm Địa Giới Đà La Ni Ấn.

Đặt độ Nhẫn (ngón giữa trái) vào khoảng giữa của độ Lực (ngón trỏ phải) và độ Nguyện (ngón giữa phải). Đặt độ Giới (ngón vô danh trái) vào khoảng giữa của độ Tuệ (ngón út phải) và độ Phương (ngón vô danh phải). Đưa độ Nguyện (ngón giữa phải) từ trên lưng vào khoảng giữa độ Tiến (ngón trỏ trái) và độ Nhẫn (ngón giữa trái). Đặt phương Tiện (ngón vô danh phải) vào khoảng giữa độ Đàn (ngón út trái) và độ Giới (ngón vô danh trái). Đàn Tuệ (2 ngón út) Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) chống xuống đất như đóng xỏ. Đọc Chân ngôn ba biến, tưởng như cái chày **Độc Cổ Kim Cương** bốc lửa thấu suốt **bờ mé Kim Cương** (Kim Cương tế).



Mật Ngôn là:

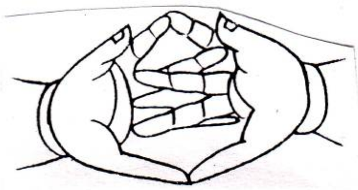
"**Án, chỉ lị chỉ lị, phộc nhật la, ma nhật lộ luật, mãn đà mãn đà, hồng phát tra**"



OṂ_ KILI KILI VAJRA VAJRI BHŪR BANDHA BANDHA HŪṂ PHAṬ

_ Kim Cương Hỏa Thành Phi Diễm Điện Gian Viện Giới Chân Ngôn Ấn

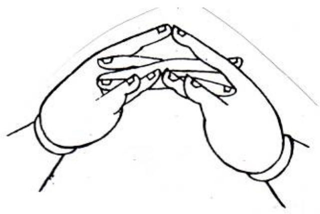
Dựa vào Địa ấn lúc trước. Buông mở Thiền Trí (2 ngón cái) chuyển bên phải 8 phương, đọc Chân ngôn 3 biến, xa gần tùy ý.

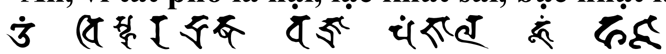


Mật Ngôn là:
"Án, tát la tát la, ma nhật la, bát la ca la, hồng phát tra"

OṂ_ SARA SARA VAJRA-PRAKARA HŪṂ PHAṬ

_ Nhất Thiết Kim Cương Hỏa Diễm Võng Giới Chân Ngôn Ấn.
Cũng dựa theo Địa ấn lúc trước. Buông mở dựng thẳng Thiền Trí (2 ngón cái) che trên đỉnh đầu, đưa qua đưa lại 3 lần, tụng Chân ngôn 3 biến. Tưởng trên cái lưới rực lửa của Kim Cương đến ở đỉnh đầu.



Mật Ngôn là:
"Án, vĩ tát phổ la nại, lạc khất sái, bạc nhật la bán nhạ la, hồng phát tra"

OṂ - VISPHURAD RAKṢA VAJRA-PAṂJALA HŪṂ PHAṬ

_Tiếp, kết **Kim Cương Diễm Hỏa Giới Ấn**.
Liền đem Định Tuệ (2 tay) cùng dính cạnh bàn tay. Dựng thẳng Thiền Trí (2 ngón cái) cách nhau 3 thốn, xong theo bên phải trên đỉnh đầu. Tưởng bên ngoài tường lửa ấy rựa lửa bên trên đến ở đỉnh đầu.



Mật Ngôn là:
"Án, A tam mang nghi nễ, sa phộc hạ"

OṂ_ ASAMĀṂGNI SVĀHĀ

Trước kết giới này thì **Ma La** (Māra: Ma chướng) của 6 Dục với tất cả Tỳ Na Dạ Ca (Vināyaka) sợ hãi bỏ chạy, không có nơi để trốn nấp.

_ Tiếp, kết **Quán Âm Bảo Xa Ấn**.
Liền ngửa 2 bàn tay cùng cài nhau, chuyển đem Thiền Trí (2 ngón cái), hướng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) vào bên trong bật 3 lần, tụng Chân Ngôn.



Tưởng niệm Bản Tôn tùy nguyện đến đi vào bên trong. Niệm xong thì **bọt nổi huyễn hóa** trong **mật Tâm** dừng đứng chẳng hiện. Mật Ngôn là:

"Án, đô lô đô lô, hồng"

OṂ_ TURU TURU HŪṂ

_ Tiếp, kết **Đại Liên Hoa Ấn**.

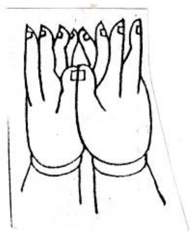
Liền đem 2 tay cùng cài chéo nhau sao cho Tiến Lực (2 ngón trỏ) Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng dính đầu ngón. Thiền (ngón cái trái) Nguyện (ngón giữa phải) Trí (ngón cái phải) Nhẫn (ngón giữa trái) đều dính nhau. Hoa sen trắng 8 cánh nở 1 khuỷu tay được đặt trên cái xe, tụng Mật ngôn 3 lần. Minh là:

"Án, đô lô đô lô, hồng"

OṂ_ TURU TURU HŪṂ

_Tiếp, kết **Bát Đại Liên Hoa Ấn**.

Đặt 2 cổ tay dính nhau, Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) cùng hợp đầu ngón rồi ngửa cứng. Tưởng như 6 độ (6 ngón tay còn lại) của hoa sen cùng lìa nhau, hơi co 8 cánh sen.



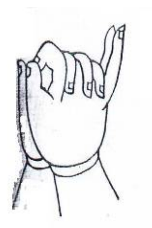
Mật Ngôn là:

"Án, kiếm mang la, sa phộc hạ"

OṂ_ KAMALA SVĀHĀ

_ Tiếp, nói về Du Già. Kết **Bí Tam Muội Gia Ấn**.

Buộc kiên cố. Đem Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) cùng hợp nhau dựng cứng.



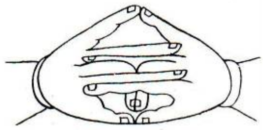
Đây là cảnh giác, tụng Mật Ngôn là:

"Án, bạt chiết la, bát ná ma, tam ma gia, tát đát phộc"

OṂ_ VAJRA-PADMA-SAMAYA STVAṂ

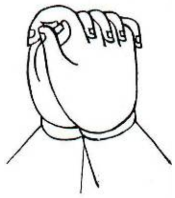
_ Tiếp, kết **Nhất Thiết Chư Phật Như Lai An Lạc Hoan Hỷ Duyệt Ý Tam Muội Gia Ấn**.

10 ngón tay buộc bền chắc. Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) hợp nhau. Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) cùng hợp dựng.



Chân Ngôn là:
"Án, tam ma gia, hô, tô la đà, tát đát noan"
OṂ_ SAMAYA HOḤ SURATA STVAṂ

_ Tiếp, kết **Khai Tâm Ấn**.
Nhập vào chữ của Trí Kim Cương, quán trên 2 cái vú: bên phải là chữ ĐÁT LA (_ TRA) bên trái là chữ TRA (_ Ṭ) như cánh cửa của cung thất. Ba nghiệp Kim Cương Thù Thắng đồng thời phát kéo trái tim mở 2 chữ.



Mật Ngôn là:
"Án, bạt nhật la, mãn đà, đát tra la"
OṂ_ VAJRA-BANDHA TRAṬ

Từ vô thủy đã huân tập chủng tử tạo nên mọi trần lao. Nay dùng **Triệu Tội Ấn** gom chứa lại mà đập nát.
10 ngón tay buộc bền chắc. Dựng thẳng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như cây kim. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như móc câu. Câu tưởng triệu các tội, tưởng hình dạng của mọi tội ấy như hình luân tóc dựng. Ngược **Ấn Sắc** ở trái tim, va chạm xong tụng Mật Ngôn.



Vì 3 nghiệp tương ưng cho nên hay triệu các vết tích của Tội. Tụng **Triệu Tập** này xong mới làm Pháp Tồi Phá (đập nát).
Mật Ngôn là:
"Án, tát bà bá ba ca li sái noa, vĩ thâu đà ná, tam ma gia, bạt nhật la, hồng nhạ"
OṂ_ SARVA PĀPA AKARṢAṆA VIŚODHANA SAMAYA - VAJRA HŪṂ JAḤ

Triệu vào trong lòng bàn tay xong mới làm Pháp **Tồi Phá**. Ấn trước cùng cài chéo các ngón tay bên trong, xưng **Hàm** (HŪṂ) cột trói các tội. Cùng duỗi thẳng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) có chữ **Đát Lạt Tra** (_ TRAṬ) tưởng làm cái chày Kim Cương cùng vỗ như đập nát núi.

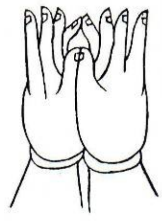


Câu cáu tức (Phẫn cú) và **hình giận dữ** (nộ hình) hay tĩnh các nẻo ác. Tụng xong, đem Nhẫn Nguyện vỗ 21 lần tùy theo nghi tắc.

"Án, bạt nhập la bá ni, vĩ sa bố tra dã. Tát bạt bá gia mãn đà ná nĩ, bát la mẫu ngật sái dã, tát bà bá dã nghiệt để tỳ dược. Tát bà tát đát mạn, tát bà đát tha nghiệt đá, bạt nhật la, tam ma gia, hồng, đát la tra"

OṂ_ VAJRA-PĀṆI VISPHOṬAYA - SARVA PĀYA BANDHANĀNI PRAMOKṢĀYA - SARVA PĀPAYA GATEBHYAḤ - SARVA SATVA MĀṂ - SARVA TATHĀGATA-VAJRA-SAMAYA HŪṂ TRAṬ

Từ Bi trùm các tội
Triệu vào các trần cấu
Tưởng vỗ đập các Ma
Tất cả đều bị trừ
Thanh tĩnh như trăng tròn
Nên quán sen tám cánh
Tưởng bên trong trái tim
Hai khuỷu tay dính nhau
Ngửa cứng như sen báu
Mười ngón tay lìa nhau
Hơi co tám cánh sen.

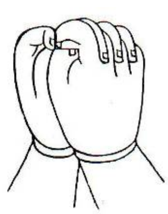


Mật Ngôn là:
"Án, kiếm mang la, sa phộc hạ"
OṂ_ KAMALA SVĀHĀ

Dùng môn Tương ứng này
Phương tiện của Phật trước

Ba nghiệp chứa các tội
Vô lượng Chướng rất nặng
Làm **tồi diệt** này xong
Như lửa đốt cỏ khô
Hữu tình thường ngu mê
Chẳng biết **Lý Thú** này
Vì Như Lai Đại Bi
Mở môn **Mật Diệu** này
Tiếp, nên vào kết Ấn
Trong chữ **Trí Như Lai**
Hai tay buộc bền chắc
Co Thiền Trí (2 ngón cái) vào trong
Đem hai độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Dính nhau như cái vòng
Quán sen tám cánh trước
Trên đó đặt chữ BÀ (अ- A)
Vì ba điểm nghiêm sức
Chữ Diệu mới là ÁC (अः- AḤ)
Màu trắng như kha tuyết
Phóng tỏa ngàn ánh sáng
Tưởng dùng độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Niệm chữ an trong tim
Ba nghiệp cùng vận dụng
Tụng Mật Ngôn này:
"Án, bạt chiết la phệ xả, ÁC"
ॐ वज्र आविश अः
OṂ_ VAJRA AVIŚA AḤ

Đã tưởng vào trong tim
Tự tưởng như quang diệu
Đây tức **Pháp Giới Thể**
Hành Giả nên quán đấy
Chẳng lâu ngộ tịch tĩnh
Pháp vốn chẳng hề sinh
Chư Như Lai ba đời
Thân, Khẩu, Ý Kim Cương
Đều dùng phương tiện khéo
Giữ tại Kim Cương quyền
Dùng đây đóng cửa tâm
Chữ Trí được bền chắc
Liền co độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Trụ ở lưng Thiền Trí (2 ngón cái)



Đem Ấn chạm ngực xong
Liền tụng Diệu Ngôn này
“Án,–bạt nhật la mẫu sắt trí, hàm”
OṂ_ VAJRA-MUṢṬI VAṂ

_ Tiếp, kết **tịch Trừ Kết Giới Ấn**

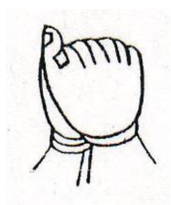
Liền đem 2 tay đặt ngay trái tim khiến Giới Phương (2 ngón vô danh) cùng cài chéo nhau bên ngoài, bên phải đè bên trái. Dựng 2 độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như cây Phướng. Tiếp, đem Tiến Lực (2 ngón trỏ) móc Giới Phương (2 ngón vô danh). Thiền Trí (2 ngón cái) Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng vịn nhau.



Chân Ngôn là:
“Án, A mật lật đổ ná bà phộc, hồng phát tra”
OṂ_ AMṚTA-UDBHAVA HŪṂ PHAṬ

Người tác Pháp này sẽ được Đức Đại Bi Quán Âm hóa thành **Mã Đầu Minh Vương** gia bị cho mau chóng thành Phật. Đã làm **Kết Giới** này, chuyển bên trái 3 vòng để **Tịch Trừ** điều chẳng lành, chuyển bên phải 3 vòng thì tùy ý xa gần dùng làm **Kết Giới**.

Tiếp, kết **Gia Trì** xong
Bố Tự (an bày chữ) tưởng chân dung
Đặt **Quán Âm** nơi Ấn
Chữ **Hiệt-Lỵ** (_ HRĪḤ) rõ ràng
Chữ này đều ứng hiện
Rộng ở trong vành trăng
Tỏa ánh hào quang trắng
Quay lại thu nhỏ dần
Chắp hai tay ngay tim
Mười ngón cùng cài trong
Rút Thiền (ngón cái trái) dựng thẳng vịn



Ấn kết trái đỉnh đầu
Hai mắt trước tiên theo
Hai bắp tay, tim, rốn

Trong gối đến trái buông
Tụng Mật Ngôn này là:
"Án, A lỗ lực, sa phộc hạ"
OṂ_ AROLIK SVĀHĀ

_ Tiếp, Kết **Khế** dùng an bày ngay trên thân của mình. Liền tự tưởng thân giống như Đức Đại Bi Quán Âm có 32 tướng và 80 vẻ loại tùy hình tốt đẹp của Đức Như Lai, tỏa ánh hào quang màu vàng tía viên mãn chung quanh thân. Sẽ được sự gia bị của Như Lai. Tưởng như vậy xong, đem tay **Khế** chạm trên đỉnh đầu an bày chữ **ÁN** (: OṂ), chạm vầng trán an bày chữ **A** (_ A), chạm mắt an bày chữ **LỖ** (_ RO) trên hai con mặt phải trái, y theo thứ tự cho đến hai bàn chân đều dùng chạm và an bày.

Tưởng ÁN (– OṂ) an trên đỉnh
Màu trắng như mặt trăng
Tỏa vô lượng ánh sáng
Trừ diệt tất cả Chướng
Liền đồng Phật, Bồ Tát
Xoa trên đỉnh người ấy
Tưởng A () an trên trán
Có màu sắc vàng chóe
Chiếu soi các u ám
An LỖ (- RO) trên hai mắt
Màu như lưu ly Cam
Hay hiển các sắc tướng
Dần đủ **Trí**
Tưởng LỰC (- LIK) an hai vai
Màu như lụa trắng sáng
Giống như Tâm thanh tĩnh
Mau đạt **Đạo Bồ Đề** (Bodhi-mārga)
SA PHỘC (-SVĀ) an tim, rốn
Hình trạng làm màu đỏ
Thường hay tưởng chữ đó
Mau được Chuyển Pháp Luân
Chữ HA (- HĀ) hai bàn chân
Màu như mặt trăng tròn
Hành giả tác tưởng ấy
Mau đạt được VIÊN TỊCH

_ Như vậy **Bố Tự** tưởng nhớ màu
Liền thành Pháp Môn **Đại Bi Thắng**
Cũng là tướng chân thật Bản Tôn
Hay diệt các Tội được Cát Tường
Giống như Kim Cương kiên cố tụ
Đấy là Pháp Đại Bi Thắng Thượng
Nếu thường như vậy mà tu hành
Nên biết người đó mau thành tựu (Tất Địa:siddhi)
Tụng ba biến Tịnh châu (làm tràng hạt thanh tịnh)

Xong dùng tâm của mình tưởng trong miệng Đức **Quán Thế Âm Đại Bi Thiên Thủ** tuôn ra văn tự của Diệu ngôn Đại Bi tỏa ra ánh sáng 5 màu nhập vào trong miệng của Hành giả đi đến vành trăng của trái tim rồi an bày xong theo bên phải. Liền tụng Chân ngôn của Bản Tôn 1 biến. Dùng ngón vô danh của tay phải lần mỗi một hạt châu. Khi quá vòng thì quay trở lại lần như trước, chẳng gấp chẳng chậm, chẳng được cao giọng, nên rõ ràng từng chữ và khiến cho con mắt nhìn thấy đủ số chữ niệm tụng đã được an bày trên thân của mình với Bản Tôn. Ở trong 1 niệm nên quán thấy 1 lúc chẳng được thiếu sót khiến tâm tán loạn. Nếu quán niệm đã mệt mỏi thì tùy theo sức mà niệm tụng. Hoặc 100, 200, 300 cho đến 500, 1000 biến … thường lấy một số làm hạn định. Nếu có duyên sự cũng chẳng được giảm bớt số. Đến 108 lần xong thì buông tràng hạt xuống. Đây gọi là **Thanh Niệm Tụng** (niệm tụng ra tiếng).

Nếu cầu giải thoát xa lìa sinh tử thì tác **Tam Ma Địa Du Già Quán Hạnh**. Pháp này không có hạn định biến số niệm trì. Tức trái tim của mình giống như vànhtrăng tròn đầy cực sáng trong sạch, trong ngoài rõ ràng. Đem chữ ÁN ( ) đặt ở chính giữa vành trăng rồi an bày ÁN A LỖ LỰC CA SA PHỘC HA (_ OṂ AROLIK SVĀHĀ) từ phía trước mặt xoay theo bên phải thứ tự vòng khắp **Luân Duyên**. Chân thật quán mỗi một chữ rõ ràng cùng tương ứng với **Tâm** chẳng được khác biệt.

_ Nói về nghĩa của Pháp **Tam Ma Địa Quán Niệm Bố Tự**.

ÁN TỰ MÔN ( ): Có nghĩa là "Lưu chú chẳng sinh diệt" lại ở tất cả Pháp làm nghĩa tối thắng. A Tự Môn là **A Già Lợi Gia**, dùng **Kim Cương Ấn** như Pháp niệm tụng vì đệ tử làm quán đỉnh xong mới trao truyền cho, dùng Tâm Đà La Ni khiến kết **Bí Ấn**.

Tác Kim Cương Phộc, dựng đứng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) và co lóng trên lại.



Bên trên Ấn nâng hoa rồi rải tán mà cúng dường. Liền nên nói là: "**Tâm Pháp Môn** này là yếu lĩnh bí mật của tất cả Như Lai. Hãy cẩn thận đừng coi thường mà nói cho người khác. Nếu phạm sẽ phá **Tam Muội Gia** (Samaya) của ngươi. Nay Ta vì ngươi mà nói về **Nghĩa** của nó. Bây giờ ngươi hãy khéo lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ.

Chữ A ( ) có nghĩa là **Vô Sinh**, cũng có nghĩa là **Trí Tịch Tĩnh** của tất cả Như Lai."

LỖ TỰ MÔN ( ): Là nghĩa **Vô Hành** ở tất cả Pháp, cũng là nghĩa **Vô Khởi Trú** trong tất cả Như Lai Pháp.

LỰC TỰ MÔN ( ): có nghĩa là **Vô Đẳng Giác** của tất cả Như Lai. Cũng có nghĩa là Vô Trụ (không đứng), Vô Khứ (không đi) Vô Thủ (không nắm giữ) Vô Xả (không buông bỏ).

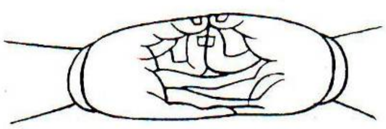
SA PHỘC TỰ MÔN ( ): Có nghĩa là **Vô Đẳng, Vô Ngôn thuyết** của tất cả Như Lai.

HA TỰ MÔN (ह): có nghĩa là "**Vô nhân tịch tĩnh, vô trụ Niết Bàn**" của tất cả Như Lai.

Đã nói về nghĩa của chữ. Tuy lập văn tự đều là nghĩa không có văn tự. Đã không có văn tự nên phải chân thật quán tướng của mỗi một nghĩa, vòng khắp mà lại bắt đầu không có hạn kỳ, không có hạn số và chẳng được cắt đứt. Chẳng được cắt đứt là nghĩa Tối Thắng của ***"Lưu chú chẳng sinh chẳng diệt".*** Do nghĩa chẳng sinh chẳng diệt nên không có Hành. Do nghĩa không có Hành nên không có Tướng. Do nghĩa không có Tướng nên không có Khởi trú. Do nghĩa không có Khởi trú nên không có Đẳng Giác. Do nghĩa không có Đẳng Giác nên không có Thủ xả. Do nghĩa không có Thủ xả nên Bình đẳng vô ngôn thuyết. Do nghĩa Bình đẳng vô ngôn thuyết nên Vô nhân Tịch tĩnh Vô Trụ Niết Bàn. Do nghĩa Tịch tĩnh Vô Trụ Niết Bàn nên chẳng sinh chẳng diệt, tối thắng không có cắt đứt, vòng khắp mà lại bắt đầu. Đây gọi là **Tam Ma Địa Niệm Tụng Thứ Đệ Đại Thừa Thành Tựu Pháp**.

_Tiếp, kết **Tam Ma Địa Ấn**.

Ngửa 2 bàn tay cùng cài chéo nhau sao cho Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng chung lưng. Dựng Thiền Trí (2 ngón cái) vịn đầu ngón Tiến Lực (2 ngón trỏ) rồi đặt bên trên bàn chân.



Hành Giả tiếp nên tu **A Sa Phả Na Già** Tam Muội. Ngồi ngay thẳng, chỉnh thân thể ngay ngắn, không cho lay động. Lưỡi trụ ở trên nóc họng, ngưng hơi thở ra vào khiến cho hơi thở thật nhẹ nhàng, chân thật quán ***"Các Pháp đều do TÂM, tất cả phiền não với Tùy phiền não, Uẩn, Giới, Nhập … đều như quáng nắng, như thành Càn Thát Bà, như vòng lửa chuyển xoay, như tiếng vang dội trong hang động rỗng không***". Quán như vậy xong chẳng thấy thân tâm, trụ nơi sự vắng lặng không có Tướng và Bình đẳng dùng làm Trí cứu cánh chân thật.

Bấy giờ liền quán trong hư không có vô số Chư Phật giống như hạt mè tràn khắp đại địa. Chư Phật đều duỗi cánh tay màu vàng ròng, búng ngón tay cảnh giác rồi bảo rằng: "***Này Thiện Nam Tử! Nơi chứng của ngươi chỉ là một đạo thanh tịnh chứ ngươi chưa chứng được TRÍ TÁT BÀ NHÃ của KIM CƯƠNG DỤ TAM MUỘI GIA đâu! Ngươi đừng cho là đủ. Khi xưa, PHỔ HIỀN dùng sự MÃN TÚC mới Thành Tối Chính Giác."***

Hành Giả nghe lời cảnh giác xong. Ở trong **Định** (Samādhi) lễ dưới chân của tất cả Đức Phật ***"Nguyện xin Đức Như Lai chỉ nơi hành xứ của con."***

_ Chư Phật đồng âm nói:
"Ngươi nên quán TÂM mình"
_ Vừa nghe lời đấy xong
Như giáo quán **Tự Tâm**
Trụ lâu quán sát kỹ
Chẳng thấy tướng **Tâm** mình
Lại tưởng lễ chân Phật
Tự nói: "***Tối Thắng Tôn!***
Con chẳng thấy TÂM mình

Đây, tướng nào của TÂM? ! …”

_ Chư Phật thương bảo rằng:

“Tướng TÂM đo khó lường

Truyền cho TÂM CHÂN NGÔN

Như LÝ quán kỹ TÂM”

“Án, tam ma địa, bát ná mê, hiệt lị”



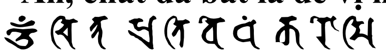
OṂ - SAMĀDHI PADME HRĪḤ

Từng hơi thở ra vào, mỗi mỗi phải rõ ràng quán vô lượng chư Phật trong hư không cùng một lúc búng tay cảnh giác Hành Giả rồi bảo rằng: ***“Nay ngươi thành Vô Thượng Giác như thế nào? Sao chẳng biết Pháp yếu của Chân tướng Chư Phật?”***

Bấy giờ Hành Giả được cảnh giác xong liền bạch với Chư Phật rằng: ***“Thế nào gọi là chân thật? Nguyện xin Như Lai vì con mà giải nói.***”

Lúc đó, Chư Phật bảo Hành giả rằng: ***“Lành thay! Lành thay! Ngươi có thể hỏi như vậy! Ngươi nên tưởng trong trái tim có chứa chữ ÁC*** ( – ĀḤ***) trong suốt rõ ràng nơi TÂM***. Mật Ngôn là:

“Án, chất đà bát la để vị năng, ca lộ nhĩ”



OṂ - CITTA PRATIVEDHAṂ KARA-UMI

Nên tụng thầm một biến, liền tưởng vành trăng như ở trong đám sương mù mỏng nhẹ. Vì muốn vành trăng ấy được trong sáng cho nên:

Niệm tụng liền thấy TÂM

Viên mãn như trăng tròn

Lại tác suy tư là:

“***TÂM này là vật gì?***

Phiền não gom chủng tử

Thiện ác đều do TÂM

TÂM là A LẠi GIA (Ālaya-vijñāna)

Trong sạch dùng làm NHÂN

Vì huân tập Sáu Độ

Tâm ấy là ĐẠI TÂM

Tạng thức vốn chẳng nhiễm

Trong sạch không cấu uế

Lâu dài gom phước trí

Ví như trăng tròn tịnh

Không THỂ cũng không SỰ

Liền nói chẳng phải Trăng

Do đầy đủ Phước Trí

Tự tâm như trăng tròn”

Tâm hớn hở vui vẻ

Lại bạch: “***Các Thế Tôn!***

Con đã thấy TÂM mình

Thanh tịnh như trăng tròn

Lìa các phiền não cấu

Các Ngã chấp, Sở chấp …”

_ Chư Phật đều bảo rằng?:

“***Tâm ngươi vốn như vậy***

Vì khách trần lấp che

TÂM BỒ ĐỀ là TỊNH
Ngươi quán vành trăng tịnh
Được chứng TÂM BỒ ĐỀ
Truyền TÂM CHÂN NGÔN này
Mật tụng mà quán sát
"Án, mạo đề chất đa mẫu đát bá ná, gia nhĩ"

OṂ - BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

Tụng Chân Ngôn này, chân thành quán vành trăng TÂM khiến cho thật thanh tĩnh như thái hư rộng lớn không có vết ngăn che. Lại ở trong vành trăng trưởng có một hoa sen.

Hay khiến vành trăng TÂM
Tròn đầy hiển sáng tỏ

_ Chư Phật lại bảo rằng:
"***Bồ Đề là kiên cố***
Khéo trụ lao kiên cố (cực bền chắc)
Lại truyền TÂM CHÂN NGÔN
"Án, để sắt tra, phạt chiết la, bát ná ma"

OṂ_ TIṢṬA VAJRA-PADMA

Tưởng hoa sen ấy và vành trăng lớn dần dần khắp cả Pháp giới ngang bằng với hư không. Người ở vành trăng tịnh quán **Ngũ Trí Kim Cương** khiến vòng khắp Pháp Giới chỉ có một **Đại Kim Cương**, nên biết là "*TỰ THÂN tức là Kim Cương Giới*"

"Án, tát phả la, phạt chiết la, bát ná ma"

OṂ - SPHARA VAJRA-PADMA

Bên trong hoa sen ấy tỏa ra vô lượng hào quang chiếu soi vô lượng vô biên Thế Giới Cực Lạc. Mỗi thế giới Cực Lạc có báu diệu trang nghiêm đều có Đức **Quán Tự Tại Vương Như Lai** (Avalokiteśvara-tathāgata) với các Thánh Chúng vây quanh trước sau …

Quán như vậy xong, dần dần thu nhỏ hoa sen ấy dùng chứng sự thanh tịnh của Tâm, tự thấy "***Thân là Phật*".**

Mọi tướng đều tròn đầy
Liền chứng **Tát Bà Nhã** (Sarva-jñā: Nhất Thiết Trí)
Trọng Định lễ khắp Phật
Nguyện gia trì kiên cố

_ Tất cả Chư Phật nghe
Lời **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu) xong
Vào hết trong Kim Cương
Liền nói **Kim Cương Tâm**
Chân Ngôn là:
"Án, tăng hạ la, bát nạp ma"

OṂ_ SAṂHARA PADMA

Như vậy, Chư Phật Như Lai ở tất cả Thế Giới đều tùy theo hoa sen mà thu nhỏ lại ngang bằng với bản thân. Liền biến sắc thân thành Đức **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha) với thân màu pha lê hồng tỏa ra ánh hào quang lớn.

Chư Phật đại danh xưng
Vừa nói **Minh** đó xong
Đẳng Giác Kim Cương Giới
Liền nói Trí chân thật
_ Thời các Như Lai ấy
Gia trì kiên cố xong
Chuyển từ Kim Cương ra
Trụ khắp ở hư không
Hành giả tác niệm là:
"Đã chứng KIM CƯƠNG ĐỊNH
Liền đủ TÁT BÀ NHÃ (Sarva-jñā: Nhất Thiết Trí)
Ta thành CHÍNH ĐẲNG GIÁC"

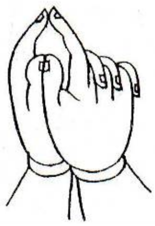
_Vì khiến chứng **Bát Địa** (Aṣṭa-bhūmi) cho nên kết **Kim Cương Tam Muội Gia Ấn** (Vajra-samaya-mudra) dùng làm **Tòa Kim Cương Liên Hoa** (Vajra-padmāsana).
Tự thân Hành Giả là Như Lai
Lại sợ tán loạn mà thất thoát (lui mất)

_Tiếp tác **Gia Trì Bí Mật Ấn**
Nhẫn Nguyện sáu độ (2 giữa, 2 vô danh, 2 út) cài bên ngoài
Hai độ Tiến Lực (2 ngón trỏ) trụ như sen
Kèm đứng Thiền Trí (2 ngón cái) tưởng như Phướng.



Ấn tim với trán, họng và đỉnh
Đều tụng một biến xong gia trì
Tùy **Sở Chân Ngôn Diệu Thỉnh Ấn**
Mỗi mỗi tưởng thành chữ HỘT LỊ (_ HRĪḤ)
Mật Ngôn là:
"Án, phạt nhật la đạt ma, hột lị"
OṂ - VAJRA-DHARMA - HRĪḤ

Liền tưởng các Như Lai trên không
Cầm **Hư Không Bảo** rưới đỉnh ta
Định Tuệ (2 tay) hòa hợp Kim Cương Phộc
Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) như hình báu.



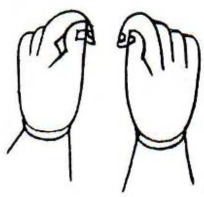
Đem ấn trên trán gia trì xong
Trên đầu đội mão **Ngũ Phật Trí**
Mật Ngôn là:
"Án, bát ná ma la đát ná, A tỳ tru giả, tát phộc hàm, hột lị, đát lạc"



OṂ- PADMA-RATNA ABHIṢIṂCA SVĀMAṂ HRĪḤ TRĀḤ

_ Tiếp, kết **Hoa Man Ấn**

Đem hai tay lúc trước để ngang trái tim. Co Thiền Trí (2 ngón cái) vào trong Bản Nguyện (lòng bàn tay). Sáu độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) đều nắm quyền. Từ vầng trán chia hai tay buộc quanh đến sau đỉnh (ót) kết Liên Hoa Quyền như thế cột vòng hoa, từ từ hạ xuống rồi buông ra giống như thế rũ dây đai.



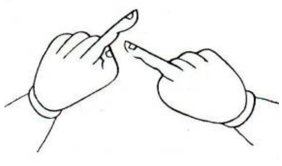
Mật Ngôn là:
"Án, bát ná ma la đát ná, ma lệ, hàm"



OṂ- PADMA-RATNA-MĀLE HŪṂ

_ Tiếp, kết **Nhất Thiết Từ Giáp Ấn**

Hai tay kết Kim Cương Quyền đặt ngang trái tim. Đặt cạnh Tiến Lực (2 ngón trỏ) giao nhau. Trên mặt ngón Tiến (ngón trỏ trái) tưởng chữ ÁN (- OṂ), mặt ngón Lực (ngón trỏ phải) tưởng chữ TRUNG (- ṬUṂ) tỏa ra ánh sáng màu lục. Ánh sáng chẳng gián đoạn như rút dây tơ của ngó sen. Đặt ấn ngang trái tim xong, giữ Định quyền (quyền trái), dùng Trí quyền (quyền phải) buộc vòng hoa sau vầng trán xong liền hướng về trước rũ duỗi ngón Tiến (ngón trỏ trái). Hai độ ÁN CHÂM (– OṂ ṬUṂ) cùng nhau xoay vòng quanh tỏa ánh sáng màu lục liên tục chẳng dứt như mặc áo giáp. Từ tim, lưng, rốn, eo lại đến đầu gối, ngực, lưng, họng, cổ, phía sau vầng trán. Mỗi mỗi xoay chuyển Tiến Lực (2 ngón trỏ) 3 lần rồi buông tán.



Lại ở trước dùng bàn tay rũ tán (các ngón) như rũ áo trời. Liền hay hộ khắp các chúng sinh. Tất cả Thiên Ma chẳng có thể hoại. Tụng Chân Ngôn này là:

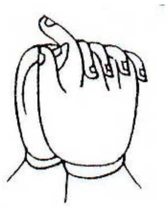
"Án, A bà gia, bát ná ma, ca phộc chế, mãn đà, la ngật sái hàm, hồng hám"

OṂ_ ABHAYA-PADMA-KAVACE BANDHA RAKṢA MĀṂ HŪṂ HAṂ

Hành Giả tiếp nên dùng **Thành Sở Tác Trí Tam Ma Địa**. Tưởng ở trước thân của mình quán **vô Tận Hải Sơn Đại Liên Hoa Vương** có Kim Cương làm thân cây tràn khắp Pháp Giới. Trên hoa, tưởng trong lầu gác bảy báu có vành trăng tròn tịnh bên trên tòa Sư Tử. Chính giữa hiện ra hoa sen trắng diệu. Quán SA TỰ MÔN () tỏa ánh hào quang lớn khiến chiếu khắp Pháp giới làm Đại Bi của Quán Âm. Lại ở trước mặt, quán Thế Giới Cực Lạc có đất bằng lưu ly và biển Sữa công đức. Ở trong biển đó quán chữ HIỆT-LỊ () biến làm hoa sen hé nở vi diệu. Liền biến hoa sen đó thành Quán Tự Tại Vương Như Lai với sắc tướng trang nghiêm như sắc thân lúc trước. Quán sắc thân Như Lai như vành trăng, đầu đội mão Ngũ Như Lai, khoác áo trời buông rũ, đeo chuỗi ngọc nghiêm thân tỏa ánh hào quang chiếu khắp vô lượng vô số chúng Đại Bồ tát đang vây quanh trước sau dùng làm quyến thuộc. Hành giả vì muốn khiến cho tất cả Như Lai cùng tập hội nên dùng tiếp **Kim Cương Vương Bồ Tát Tam Ma Địa** để triệu tập chư Thánh.

_ Tiếp, kết **Liên Hoa Câu Triệu Ấn**

Hai tay Định Tuệ nắm Kim Cương quyền, Tiến độ (ngón trỏ trái) như móc câu, co riêng 3 lần



Tụng Mật Ngôn này là:

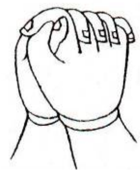
"Án, bát ná ma cú xá, hồng nhạ"

OṂ - PADMA AṂKUŚA HŪṂ JAḤ

Tụng Mật ngôn này 3 biến, Tiến độ (ngón trỏ trái) 3 lần triệu, thì **chân thân của Bồ Tát** sẽ tương ứng mà đến.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Sách Đại Ấn** dẫn vào ở **Trí Thể** của **Tôn thân** (thân Bản Tôn)

Sáu độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) cùng cài chéo nhau bên ngoài. Hai độ Thiền (ngón cái trái) Tiến (ngón trỏ trái) cùng dính nhau.



Tụng Chân Ngôn này là:

"Án, bát ná ma, A mẫu giá bán xả, hồng"

OṂ- PADMA-AMOGHA-PĀŚA HŪṂ
Tưởng thân Bồ Tát đi đến vào tượng vẽ.

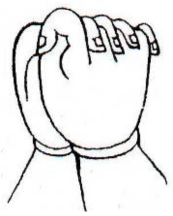
_ Tiếp, kết **Kim Cương Câu Tỏa Ấn** hay khiến cho Bản Tôn đều trụ bền chắc.
Thiền (ngón cái trái) Tiến (ngón trỏ trái) Lực (ngón trỏ phải) Trí (ngón cái phải) cùng móc kết. Đây gọi là **Kim Cương Năng Chỉ Ấn**.



Tụng Mật Ngôn này là:
"Án, bát ná ma tắc phổ tra, hồng"

OṂ_ PADMA-SPHOṬA HŪṂ
Tác Pháp này xong thì **Bản Tôn Thánh Giả** gia trì không tan.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Diệu Khánh Ấn**, hay khiến cho Chư Thánh đều vui vẻ.
Co Thiền Trí (2 ngón cái) vào Kim Cương Phộc, co đều Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn nhau như cái vòng. Đây là **Kim Cương Hoan Hỷ Ấn**.

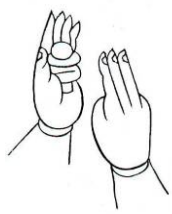


Tụng Mật Ngôn là:
"Án, bát ná ma phệ xả, hồng"

OṂ - PADMA-AVIŚA HŪṂ
Tác Pháp này thì tất cả Chư Phật Bồ Tát và Bản Tôn Thánh giả đều vui vẻ.

_ Tiếp, kết **Át Già Thủy Đà La Ni Ấn**.
Đem Uất Kim Hương, Long Não Hương, Bạch Đàn Hương, nước, hòa chung chứa đầy trong bình **Át Già** (Ārgha) rồi dâng lên cúng dường.

_ Tiếp, tác **Át Già Khế**
Liền đem 2 tay vào ngang trái tim. Sáu độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) ngửa duỗi thẳng. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn móng Thiền Trí (2 ngón cái).



Tụng Mật Ngôn này là:

“Án, đế lệ bột đà, sa phộc hạ”

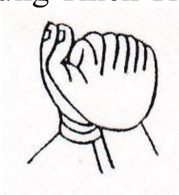


OṂ- TERALE BUDDHA SVĀHĀ

Tác cúng dường này dùng nước Cam Lộ Kim Cương của tất cả Như Lai rưới lên đỉnh đầu của tất cả chúng sinh nhằm diệt trừ vô lượng nghiệp chướng của hữu tình. Người uống nước này hay trừ các tai hoạn. Do kết **Át Già** cúng dường và dâng mọi nước thơm **Át Già** tưởng tắm thân Vô Cấu của Chư Thánh sẽ được **Quán Đỉnh Pháp Vân Địa**

_ Tiếp, kết **Nhất Thiết Như Lai Bách Tự Đà La Ni Ấn**.

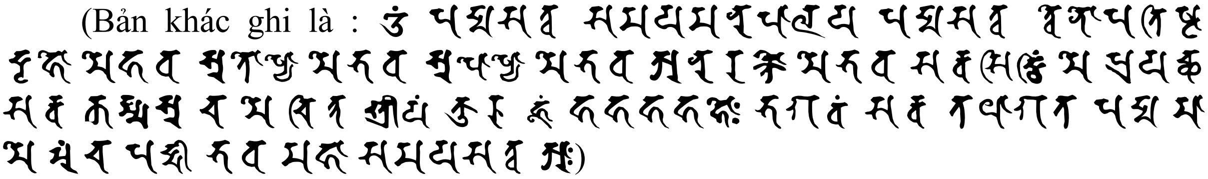
10 ngón tay buộc bền chắc, kèm cứng Thiền Trí (2 ngón cái).



Mật Ngôn là:

“Án, bát ná ma tát đát phộc, tam ma gia ma nộ bán la gia – Bát ná ma tát đát phộc đát vĩ nô ba để sắt xá - Niết lị trạc trà hộ minh bá phộc – A nỗ lộ ngật đổ mính bát phộc – Tô báo sái dụ, mính bá phộc – Tát đĩnh mính bát la gia xa Tát bà yết tô ma giả mính – Chất đá thất lị dược – Cú lô Hồng, Ha Ha Ha Ha Hô Bạc Già Phạm – Tát bà đá tha yết đá, bát na ma, mãng danh muộn già – Bát ná mê bá phộc – ma hạ tam ma gia tát tỏa – ÁC”

OṂ - PADMA-SATVA SAMAYAM - ANUPALĀYA PADMA-SATVA TVENOPATIṢṬA DṚḌHO MEBHAVA_ SUPOṢYO MEBHAVA_ ANURAKTO MEBHAVA _ SUPOṢYO MEBHAVA_ SARVA SIDDHI ME PRACCHA - SARVA KARMASU _CA ME CITTA ŚRĪYAḤ KURU HŪṂ - HA HA HA HA HOḤ - BHAGHAVAṂ - SARVA TATHĀGATA-PADMA MĀ ME MUṂCA - PADMĪ BHAVA_ MAHĀ-SAMAYA SATVA ĀḤ .

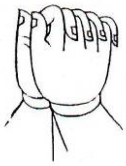
(Bản khác ghi là : )

OṂ_ PADMA-SATVA SAMAYAM_ ANUPĀLAYA PADMA-SATVA TVENA UPATIṢṬA DṚḌHO MEBHAVA _SUTOṢYO MEBHAVA SUPOṢYO MEBHAVA _ ANURKTO MEBHAVA _ SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA SARVA KARMASU_ CA ME CITTAṂ ŚRĪYAṂ KURU HŪṂ _ HA HA HA HA HOḤ_ BHAGAVAṂ_ SARVA TATHĀGATA-PADMA_ MĀ ME MUṂCA _ PADMĪ BHAVA_ MAHĀ-SAMAYA-SATVA_ ĀḤ)

Do dùng **Ma Ha Diễn Bách Tự Chân Ngôn** gia trì, cho nên đã phạm 5 tội Vô Gián, phỉ báng tất cả Chư Phật với Kinh **Phương Quảng** (Vaipulya), người tu Chân Ngôn đều trừ được. Dùng Bản Tôn trụ bền chắc ngay thân của mình ắt được tất cả **Tất Địa** (Siddhi) đã mong cầu ở đời hiện tại là **Trí Thắng Tất Địa**, **Kim Cương Tỏa Tất Địa**, cho đến **Như Lai Tối Thắng Tất Địa.**

_ Tiếp, kết **Kim Cương Hỷ Hý Ấn** để thành tựu nội quyến thuộc của Như Lai.

Hai tay Định Tuệ hòa hợp Kim Cương. Dựng 2 độ Thiền Trí (2 ngón cái) ở trái tim. Tất cả Hỷ Hý Tiệm Luân đài buông Luân Khế thích ý ở trên đỉnh đầu.



Tụng Chân Ngôn này là:
"Án, bát ná ma la tế, hô"

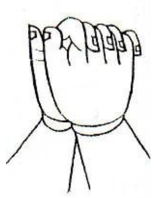


OṂ- PADMA RATI HOḤ

Tác Pháp này như đem tất cả Trí Tuệ của Như Lai cúng dường Chư Phật dùng làm du hý. Do đem hỷ hý cúng dường cho nên chẳng bao lâu sẽ chứng **Kim Cương Định**.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Hoa Man Ấn** quán đám mây tràng hoa màu nhiệm tràn đầy khắp Pháp giới.

Chẳng sửa Ấn lúc trước, dâng lên trước mặt tưởng vòng hoa báu dùng nghiêm phòng.



Tụng Chân Ngôn này là:
"Án, bát ná ma ma lệ, đát la Tra"

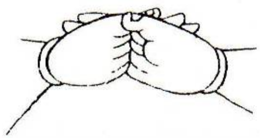


OṂ_ PADMA-MĀLE TRAṬ

Tác Pháp này như đem vòng hoa Bồ đề mà cúng dường. Do dùng vòng hoa Kim Cương cúng dường sẽ được trao truyền Vương vị của Pháp Quán Đỉnh.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Ca Vịnh Ấn** tán dương Phước Trí của Như Lai. Chân thành quán tướng tốt, vận âm trong trẻo, dùng khế **Như Như Tính Lý**, khởi Ấn Ca Vịnh của Kim Cương này dùng âm thanh màu nhiệm ca ngợi Phật Trí.

Ấn như trước, đem từ rốn đến miệng rồi buông ra nhằm diễn âm nhạc màu nhiệm làm vui cho Thánh Tôn.



Tụng Chân Ngôn này là:
"Án, bát ná ma nghĩ đế, nghĩ"

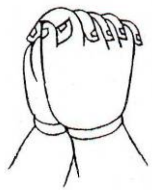


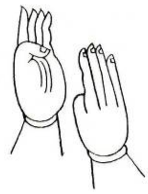
OṂ_ PADMA-GĪTE GĪḤ

Tác Pháp này như đem tất cả Mật ngôn Ca Vịnh của Như Lai mà cúng dường, chẳng bao lâu sẽ được **Như Lai Biện**.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Vũ Diệu Ấn** quán đám mây **diệu cổ** (cái trống màu nhiệm) cúng dường khắp.

Hai tay Định Tuệ đều xoay múa từ hông sườn bên phải, hông sườn bên trái rồi đến trái tim . Mỗi mỗi Tiến Lực (2 ngón trỏ) xoay vòng 3 lần, Chân ngôn Tiệm Luân (xoay vòng dần dần đọc Chân Ngôn) lên trên đỉnh rồi buông Ấn.





Tụng Mật Ngôn này là:

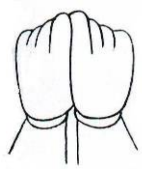
"Án, bát ná ma, nễ lị đế, ngật lị tra"

OṂ_ PADMA-NṚTYE KṚṬ

Tác Pháp này như đem tất cả Biện tài của Như Lai mà cúng dường. Do dùng điệu múa màu nhiệm cúng dường cho nên sẽ được **Ý Sinh Thân** của Như Lai.

_ Tiếp, kết **Phần Hương Ngoại Cúng Dường** xông ướp khắp Hải Hội của Phật.

Hoà hợp Kim Cương, đưa xuống dưới buông chưởng, tưởng đám mây hương màu nhiệm tràn khắp Pháp giới.



Tụng Chân Ngôn này là:

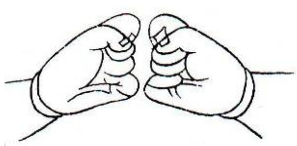
"Án, bát ná ma độ bế, Ác"

OṂ_ PADMA-DHUPE ĀḤ

Tác Pháp này như đốt tất cả hương màu nhiệm của Như Lai mà làm cúng dường hay khiến cho tất cả hữu tình được quả Thanh tĩnh. Do dùng hương đốt cúng dường nên liền được Trí Vô ngại màu nhiệm.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Tán Hoa Ấn** để trang nghiêm thế giới.

Kết Ấn đưa lên trên buông tán như giỡn hoa. Đám mây hoa bay phơi phới thơm phức tràn khắp Pháp Giới.



Tụng Chân Ngôn này là:

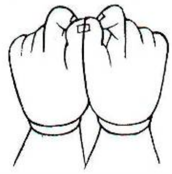
"Án, bát ná ma bổ sắt bế"

OṂ_ PADMA-PUṢPE (OṂ)

Tác Pháp này như đem tất cả hoa màu nhiệm của Thế gian mà cúng dường, hay khiến cho hữu tình mau được thành tựu 32 tướng CỤ TÚC của Như Lai. Do kết hoa Kim Cương cúng dường nên mau chóng chứng 48 tướng Như Lai.

_Tiếp, kết **Kim Cương Đăng Minh Ấn** chiếu rọi khắp **phật Hội**, hợp ánh sáng hiển hiện.

Sáu độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) cùng cài chéo nhau bên ngoài. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) dính nhau như hình báu. Đem Thiền Trí (2 ngón cái) lúc trước đặt gần sát Kim Cương Phộc. Ánh sáng đèn **Ma Ni** chiếu rọi khắp Pháp Giới.



Tụng Chân Ngôn này là:

"Án, bát ná ma nễ bế, nễ"

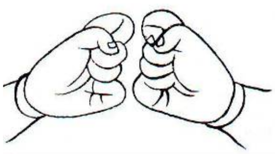


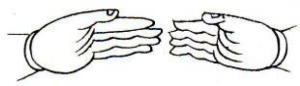
OṂ_ PADMA-DĪPE DĪḤ

Tác Pháp này như đem tất cả đèn Trí (Trí đăng) của Như Lai mà cúng dường hay khiến cho hữu tình mau được thành tựu Trí Tuệ của Như Lai. Do dùng đèn Kim Cương cúng dường sẽ mau đầy đủ 5 loại mắt của Như Lai.

_ Tiếp, kết **Kim Cương Đồ Hương** dùng cúng dường các Phật Hội.

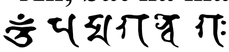
Buông tán Kim Cương Phộc như xoa hương. Hơi thơm (hương khí) tràn khắp 10 phương giới.





Chân Ngôn là:

"Án, bát ná ma hiến đề, ngược"



OṂ_ PADMA-GANDHE GAḤ

Tác Pháp này như đem tất cả hương **Thi La Trí** (Śīla-jñāna) của Như Lai mà làm cúng dường hay khiến cho hữu tình mau được **Giới Thân thanh tĩnh**. Do kết **Kim Cương Hương Ấn** được đủ 5 phần Pháp Thân. Như vậy rộng làm Phật sự.

_ Tiếp, nên chân thành **quán tác niệm tụng**. Trước tiên nên 1 duyên quán Bản Tôn, 4 **Minh** dẫn vào nơi Tự Thể (Thể của mình) **Trí Nhân** và **Tôn** không có hai (vô nhị), uy nghi sắc tướng đều như nhau. Chúng Hội quyến thuộc đều vây quanh, trụ ở Viên Tịch Đại Kính Trí.

Hai tay Định Tuệ kết Kim Cương Phộc. Dựng hai độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như cây Phướng.



Liền tụng **Quán Ấn Căn Bản Minh**, thân ở vành trăng đồng với **Tát Đỏa** (Satva). Tụng Chân Ngôn này là:

"Án, lộ kế thấp phộc la la nhạ, hiệt lị"



OṂ - LOKEŚVARA-RĀJA HRĪḤ

_ Tiếp, nói **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Nễ La KIến Tha Đà La Ni** là:

1)**Ná mộ la đát ná đát la dạ dã** (NAMO RATNA-TRAYĀYA)
2)**Ná mô A lị gia** (NAMAḤ ĀRYA)
3)**Phộc lộ chỉ đế thấp phộc la dã** (AVALOKITEŚVARĀYA)
4)**Mạo đề tát đát phộc dã** (BODHI-SATTVĀYA)
5)**Ma hạ tát đát phộc dã** (MAHĀ-SATTVĀYA)
6)**Ma hạ ca lỗ ni ca dã** (MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA)
7)**Tát bà mãn đà na** (SARVA BANDHANA)
8)**Thế ná ná ca la dã** (CCHEDANA KĀRĀYA)
9)**Tát ma bá phộc** (SARVA BHAVA)
10)**Tam mãn nộ lộ lộc sa noa** (SAMUDRAṂ SUKṢAṆA)
11)**Ca la dã** (KĀRĀYA)
12)**Tát phộc di dạ** (SARVA VYA)
13)**Đề** (DHI)
14)**Bát la xả ma ná ca la dã. Tát vi đề dụ bả nại la phộc** (PRAŚAMANA KĀRĀYA _ SARVA TITYU BHANDRAVA)
15)**Vĩ ná xá ná ca la dã** (VINAŚANA KĀRĀYA)
16)**Tát ma bá duệ số giả, đát la noa ca la đát tả** (SARVA BHAYEṢYO TĀRĀṆA KĀRĀ_ TASMAI)
17)**Ná ma tắc ngật lị đá phộc** (NAMASKṚTVA)
18)**Ế hàm A lị gia** (IMAṂ ĀRYA)
19)**Phộc lộ chỉ đế** (AVALOKITA)
20)**Thấp phộc la** (IŚVARA)
21)**Đát la nễ la kiến tha na ma** (LAṂTABHA _ NĪLAKAṆṬHA NĀMA)
22)**Hiệt lị đà gia ma mạt đá dĩ sử dạ nhĩ** (HṚDAYA MABRATA ICCHYAMI)
23)**Tát ma lị dã sa đà nẫm thú bá** (SARVĀRTHA SĀDHANAṂ ŚUDDHAṂ)
24)**A chất diễm tát ma bộ đá nẫm** (AJIYAṂ SARVA-BHŪTANAṂ)
25)**Bá phộc mạt lị nga** (BHAVA MĀRGA)
26)**Vĩ thú đà, Kiếm** (VIŚUDDHAKAṂ)
27)**Đát nễ dã tha** (TADYATHĀ)
28)**ÁN** (OṂ)
29)**A lộ kế** (ĀLOKE)
30)**A lộ ca ma để** (ĀLOKA MATI)
31)**Ca loan đế** (KRAṂTE) [?VIKRAṂTE]
32)**Tứ tứ ha lệ** (HE HE HĀRE)
33)**Ma ha bồ đề tát đỏa** (MAHĀ-BODHI-SATTVA)
34)**Hê mạo đề tát đá phộc** (HE BODHI-SATTVA)
35)**Hê ma ha mạo đề tát đá phộc** (HE MAHĀ-BODHI-SATTVA)
36)**Hê bát lị gia** (HE VĪRYA)

37)**Mạo đề tát đá phộc** (BODHI-SATTVA)
38)**Hê ca lỗ nê ca** (HE KĀRUṆIKA)
39)**Sa ma la Khất lị ná diên** (SMARA HṚDAYAṂ)
40)**Tứ tứ ha lệ** (HE HE HĀRE)
41)**A lô gia phộc lộ chỉ đế** (ĀRYA-AVALOKITA)
42)**Thấp phộc la ma tố nê phộc la một đát la** (IŚVARA MAHEŚVARA MAITRA)
43)**Chất đa** (CITTA)
44)**Ma ha lỗ ni ca** (MAHĀ-KĀRUṆIKA)
45)**Cú lỗ cú lỗ yết hàm** (KURU KURU KARMAṂ)
46)**Sa đà dã, Sa đà dã** (SĀDHAYA SĀDHAYA)
47)**Vĩ niệm** (VIDYA)
48)**Nê tứ nê tứ mê phộc lam** (ṆIHE ṆIHE ME VARAṂ)
49)**Ca hàm nga ma** (KĀMAṂ GAMA)
50)**Vĩ dưỡng nga ma** (VIYAṂ GAMA)
51)**Vĩ dưỡng nga ma** (VIYAṂ GAMA)
52)**Vĩ nga ma** (VIGAMA)
53)**Tát bà dụ nghệ thấp phộc la** (SARVA YOGEŚVARA)
54)**Độ lỗ độ lỗ vĩ gia để** (DHURU DHURU VIYANTI)
55)**Ma ha vĩ gia để** (MAHĀ-VIYANTI)
56)**Đà la** (DHĀRA)
57)**Đà lê nại lê Thấp phộc la – Giả la vĩ ma la mẫu lật đế** (DHĀRE INDREŚVARA_ CALA VIMALA AMṚTE)
58)**A lị dã phộc lộ chỉ đế** (ĀRYA-AVALOKITA)
59)**Thấp phộc la nhĩ ná** (IŚVARA JINA)
60)**Ngật lị sắt noa** (KṚṢṆA)
61)**Nhạ tra ma cú tra phộc lam ma** (JAṬA MAKUṬA VARAṂMA)
62)**Bát lam ma** (PRARAṂMA)
63)**Ma ha tất đà** (MAHĀ-SIDDHA)
64)**Vĩ nễ gia** (VIDYA)
65)**Mạt la mạt la ma ha mạt la** (MALA MALA MAHĀ-AMALA)
66)**Giả la giả la ma ha giả la** (CALA CALA MAHĀ-ACALA)
67)**Ngật lị sắt noa phộc lị noa** (KṚṢṆA-VṚṆA)
68)**Ngật lị sắt noa bác xoa nễ già đát na** (KṚṢṆA-PAKṢA DĪRGHATANA)
69)**Hê ha ná ma** (HE PADMA)
70)**Hạ sa đá** (HASTA)
71)**Giả la giả la** (CARYA CARYA)
72)**Nễ xá giả lệ Thấp phộc la** (NĪŚA-CARYEŚVARA)
73)**Ngật lị sắt noa tát bà** (KṚṢṆA-SARPA)
74)**Ngật lị đán dã nghĩ nễ cát nùng ba ni đán** (KṚTVA AGNI JYOPAVITRAṂ)
75)**Ê hế duệ ma ha phộc la ha mục khư** (EHYEHI MAHĀ-VARĀHA-MUKHA)
76)**Đế lị bố la ná ha ni Thấp phộc la** (TRIPŪRA DAHANEŚVARA)
77)**Na la dã noa** (NĀRĀYAṆA)
78)**Lỗ ba phộc la** (RŪPA VARA)
79)**Vi nga đa lô hê** (VIGATA LOKE)
80)**Nễ la kiến tha** (NĪLAKAṆṬHA)

81)**Hê ma ha ha la ha la** (HE MAHĀ-HĀRA HĀRA)
82)**Vĩ sái** (VIṢA)
83)**Nễ thệ đá lỗ ca tả** (NIRJITA LOKAṢYA)
84)**La nga vĩ sái vĩ na xá ná** (RĀGA-VIṢA VINĀŚANA)
85)**Nễ vĩ sái** (DVAIṢA-VIṢA)
86)**Vĩ na xá ná** (VINĀŚANA)
87)**Mô hạ vĩ sái vĩ ná xá na** (MOHA-VIṢA VINĀŚANA)
88)**Hộ lỗ hộ lỗ** (HURU HURU)
89)**Ma la ha lỗ** (MAHĀ-HURU)
90)**Ha lệ ma ha bả ná ma na bá** (HĀRE MAHĀ-PADMA-NĀTHA)
91)**Sa la sa la** (SARA SARA)
92)**Đồ lị đồ lị** (SIRI SIRI)
93)**Tố lỗ tố lỗ** (SURU SURU)
94)**Một hưởng một hưởng, mạo đà dã mạo đà dã** (MURU MURU_ BUDDHĀYA BUDDHĀYA)
95)**Mạo đà dã đế** (BODDHAYATE)
96)**Nễ la kiến tha** (NĪLAKAṆṬHA)
97)**Ê hế duệ hế** (EHYEHI)
98)**Phộc** (VA)
99)**Ma hạ tất tha đá** (MAHĀ-STHITA) [?EHYEHI VAMA STHITA]
100)**Hạ mục kha** (HA-MUKHA) [?SIṂHA-MUKHA]
101)**Hạ sa hạ sa** (HASA HASA)
102)**Muộn giả muộn giả** (MUṂCA MUṂCA)
103)**Ma ha tra tra ha tăng** (MAHĀ-ṬĀṬA HASAṂ)
104)**Ế hế duệ hế** (EHYEHI)
105)**Bộ** (PAṂ)
106)**Ma ha tất đà dụ nghệ thấp phộc la** (MAHĀ-SIDDHA YOGEŚVARA)
107)**Bá noa bá noa phộc chế** (SAṆA SAṆA VACE)
108)**Sa đà sa đà dạ vĩ niệm** (SĀDHA SĀDHAYA-VIDYA)
109)**Sa ma la, sa ma la** (SMARA SMARA)
110)**Đam bà nga vãn đạm** (TĀṂ_ BHAGAVAṂ ŚAṂ)
111)**Lô chỉ đá** (LOKITA)
112)**Vĩ lộ cát đam** (VILOKITAṂ)
113)**Đá tha nghiệt đam** (TATHĀGATAṂ)
114)**Ná na tứ mê** (DADĀ HĪME)
115)**Nại xả ná** (DARŚANA)
116)**Ca ma tả** (KĀMAṢYA)
117)**Nại lị xá nẫm** (DARŚANAṂ)
118)**Bát la ha la** (PRAKARA)
119)**Ná gia ma nẫm sa phộc ha** (DĀYA MANA_ SVĀHĀ)
120)**Tất đà gia sa phộc ha** (SIDDHĀYA_ SVĀHĀ)
121)**Ma ha tất đà sa phộc ha** (MAHĀ-SIDDHĀYA_ SVĀHĀ)
122)**Tất đà dụ nghệ thấp phộc la gia, sa phộc ha** (SIDDHA YOGEŚVARĀYA_SVĀHĀ)
123)**Nễ la kiến tha gia, sa phộc ha** (NĪLAKAṆṬHĀYA_ SVĀHĀ)
124)**Phộc ha phộc la hạ mục khư gia, sa phộc ha** (VAHA [?MAHĀ] VARĀHA-MUKHĀYA_ SVĀHĀ)

125)**Ma ha ma ha ná la tăng hạ mục khư gia, sa phộc ha** (MAHĀ MAHĀ-DHĀRA SIṂHA-MUKHĀYA_ SVĀHĀ)

126)**Tất đà vĩ nễ đã đà la gia, sa phộc ha** (SIDDHA VIDYA-DHĀRĀYA_ SVĀHĀ)

127)**Bát ná ma hạ tát đá gia, sa phộc hạ, ngật lị sắt noa. Tát bà ngật lị đán dã. Nghĩ nễ dụ bả vĩ đá dã, sa phộc ha** (PADMA-HASTĀYA SVĀHĀ_ KṚṢṆA-SARPA KṚTVAYA AGNI JYOPAVITRĀYA SVĀHĀ)

128)**Ma ha la cú tra đà la dã, sa phộc ha** (MAHĀ- LAKUTA [?MUKTA] DHĀRĀYA_ SVĀHĀ)

129)**Giả yết la dụ đà gia, sá phộc ha** (CAKRA YUDHĀYA_ SVĀHĀ)

130)**Thương khư nhiếp đà nễ, bộ đà ná gia, sá phộc ha** (ŚAṄKHA ŚABDANI BUDDHA-NĀYA_ SVĀHĀ)

131)**Ma ma** (Thọ trì) **tắc kiến đà nê sa tất thể đán** (MAMA…. SKANDA VIṢA STHITA)

132)**Ngật lị sắt noa nhẫn ná gia sa phộc ha** (KṚṢṆA-JINĀYA_ SVĀHĀ)

133)**Di già la chiết ma nễ** (VYĀGHRA-CAMANI)

134)**Phộc** (VA) [?VASANĀYA]

135)**Tát ma tất đệ** (SARVA SIDDHE)

136)**Thấp phộc la gia, sa phộc ha** (IŚVARĀYA_ SVĀHĀ)

137)**Ná mộ bà nga phộc đế** (NAMO BHAGAVATE)

138)**A lị gia phộc la chỉ đế thấp phộc la gia** (ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA)

139)**Mạo địa tát đá phộc gia** (BODHI-SATTVĀYA)

140)**Ma ha tát đá phộc gia** (MAHĀ-SATTVĀYA)

141)**Ma ha ca gia** (MAHĀ-KĀYA) [?MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA]

142)**Tất diện đô minh** (SIDDHYANTU ME)

143)**Đát la bá na gia, Sa phộc ha** (MANTRA-PADĀYA_ SVĀHĀ)

Hai tay Định Tuệ dâng Châu man (Tràng hạt). Gia trì 7 biến xong, nâng lên trên đỉnh đầu. Lại để ngang trái tim, trú bền chắc ở **Đẳng Dẫn** (Samādhi) rồi niệm tụng. Hơi động đầu lưỡi, hợp mối răng. Thân thuận ngược, quán tướng tốt. Bốn thời siêng tu chẳng gián đoạn, lấy ngàn trăm làm giới hạn. Lại vượt qua tất cả Thần Thông và Phước Trí. Đời hiện tại ngang bằng với **Biến Chiếu Tôn** (Vairocana-nātha).

Hành giả niệm tụng phần hạn xong rồi, nâng tràng hạt trên đỉnh đầu phát khởi Đại Nguyện. Sau đó kết **Tam Ma Địa Ấn** nhập vào **Pháp Giới Thể Tính Tam Muội**. Nên tập **bố Tự** (an bày chữ), chuyển **Đà La Ni**.

Các Pháp vốn chẳng sinh
Tự Tính lìa ngôn thuyết
Thanh tịnh không cấu nhiễm
Nhân Nghiệp bằng hư không
Chuyển lại suy tư kỹ
Chữ chữ ngộ chân thật
Trước sau tuy sai biệt
Sở chứng đều gom Một
Chẳng bỏ Tam Muội này
Vô Trụ Vô Duyên Bi
Nguyện khắp các hữu tình
Như TA không có khác

Hành Giả từ **Tam Muội** xuất ra liền kết **Căn Bản Ấn**, tụng **Bản Minh** 7 biến.

Lại dùng sự cúng dường lớn. Đức Phật dùng âm từ màu nhiệm xưng dương khen ngợi, hiến nước **Át Già**.

Dùng **Giáng Tam Thế Ấn** chuyển bên phải để giải giới.

Ấn liền kết **Kim Cương Giải Thoát Ấn** phụng tống Chư Thánh

Y theo sám hối lúc trước, khải bạch Thánh giả, phát tâm nguyện xong.

_ Tiếp, liền **Khiển Ấn**

Đem **Căn Bản Ấn** lúc trước từ rốn đến mặt mới buông tán. Chắp tay ở trên đỉnh đầu, tưởng **Quán Tự Tại Vương Như Lai** quay trở lại Bản Cung. Tụng Chân Ngôn này là:

"Án, bạt nhật la, bát ná ma, dục"

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖦𑖳𑖾

OṂ - VAJRA-PADMA MUḤ

Phát khiển Bản Tôn xong, tùy ý phát nguyện, lại dùng **Giáp Ấn** hộ thân, dùng **Mã Đầu Minh Vương Giới Ấn** lúc trước chuyển bên trái để giải giới rồi tùy ý kinh hành đi đến nơi trong sạch dùng hương hoa nghiêm trì. Đọc tụng kinh Đại Bát Nhã, kinh Hoa Nghiêm, kinh Niết Bàn, kinh Lăng Già … đi, đứng, ngồi, nằm, thường niệm Bản Tôn đừng để gián đoạn.

Nếu có chúng sinh gặp kinh giáo này. Ngày đêm 4 thời tinh tiến tu tập thì đời này chứng được **Hoan Hỷ Địa**, sau 16 đời thành Chính Giác.

Hướng theo điều đã dịch, lược nơi câu cú mà tùy thuộc nói **Đà La Ni** như vậy. Mỗi một chữ chứa đủ 8 vạn Tạng Tu Đa La, vô lượng trăm ngàn **Tuyền Đà La Ni**. Mỗi một môn đều nói chân tướng của Chân Như thâm sâu.

Đây là dùng sự lưu truyền hiếm có của nhiều đời mà diễn thích. Lại dùng điều chẳng giải **Chân Ngôn** mà dùng được **Gia Bị** nên gọi chung là **Chú**. BẤT (不) cũng là PHI (非) nên nói **Đà La Ni** hoặc **Chân Ngôn**, hay nói là **Minh Vương**, có thật nhiều **Hiệu**. Nói thẳng là **Chú** tức là **Chú Trớ** có sự khác biệt thế nào? Đây tức là sự ngộ nhận (sai lầm) của phiên dịch. Lại xưng là điều trao truyền mà hy vọng là không có tội ư?!....

THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN DIỆU THÂN ĐẠI BI BẢO TRÀNG ĐÀ LA NI

1)**Ná mô la đát nẵng đát la dạ gia** (NAMO RATNA-TRAYĀYA)

2)**Ná mô A di đá bà dã** (NAMO AMITĀBHĀYA)

3)**Đá tha nga đá gia** (TATHĀGATĀYA)

4)**La ha đế tam miệu tam bột đà dã** (ARHATE SAMYAKSAṂBUDDHĀYA)

5)**Ná ma A lợi gia phộc lộ chỉ đế thấp phộc la dã, mạo đề tát đát phộc dã, ma ha tát đát phộc dã, ma ha ca lô ni ca dã** (NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATTVĀYA _ MAHĀ-SATTVĀYA_ MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA)

6)**Na mô ma ha tát tha ma dã bát la bát đá dã, mạo đề tát đát phộc dã** (NAMAḤ MAHĀ-STHĀMA-PRĀPTĀYA BODHI-SATTVĀYA)

7)**Ma ha tát đát phộc dã, ma ha ca lỗ ni ca dã** (MAHĀ-SATTVĀYA_ MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA)

8)**Na mô bà nga phộc đế** (NAMO BHAGAVATE)

9)**Vĩ bổ la vĩ ma na tô bát la để sắt sỉ đá tăng khế dã** (VIPULA VIMANA SUPRATIṢṬA SUṂGHYA)

10)**Tổ lị dã xả đá sa ha Sa la để lị ca** (SŪRYA ŚATA-SAHASRA ATREKA)

11)**Bát la bá phộc bá tất đá mậu lật đá duệ** (PRABHĀVA-BHAṢITA AMṚTYE)

12)**Ma ha ma ni ma củ tra** (MAHĀ-MAṆI-MAKUṬA)

13)**Quân noa la đà lị ni bà nga phộc đế** (KUṆḌALIṆI BHAGAVATE)

14)**Bát ná ma bả noa duệ** (PADMA-PĀṆĀYE)

15)**Tát phộc tát đá phộc** (SARVA SATTVA)

16)**Bả lị mê giả na dã** (PARIMOCANAYA)

17)**Đá nễ dã tha, Án** (TADYATHĀ: OṂ)

18)**Bộ lị bộ phộc** (BHŪRU BHŪVAḤ)

19)**Ma ha ca la noa** (MAHĀ-KĀRUṆA)

20)**Tát đá ma để nhĩ la bà tra la** (ATMA STIMIRA PAṬARA)

21)**Ma nhật la** (VAJRA)

22)**Vĩ na xả ná ca la dã la nga ná mạt sa ma ha mô hạ nhạ la xả ma ca** (VINĀŚANA KĀRĀYA_ RĀGA DVAIṢA MAHĀ-MOHA-JĀLA ŚAMAKA)

23)**Xả sa ca** (ŚASAKA)

24)**Lộ ngật sai ca tát ma bả dã nậu khư nạp nga để** (RAKṢAKA SARVA PĀYA DUḤKHA DURGATI)

25)**Bát la bát la xả ma na ca la dã. Tát phộc đá tha nga đá sa ma phộc đà na ca la** (PRA PRAŚAMANA KĀRĀYA_ SARVA TATHĀGATA-SAMA BANDHA KĀRA)

26)**Tát phộc xá bả lị bổ la ca** (SARVA ŚAPARIPURAKA)

27)**Tát phộc tát đá phộc sa ma xá phộc sa ca la** (SARVA SATTVA-SAMA ŚVASA KARA)

28)**Y hê duệ hê** (EHYEHI)

29)**Ma ha mạo địa tát đá phộc** (MAHĀ-BODHI-SATTVA)

30)**Ma la ná bả na ma lộ ca bộ đà** (VARADA PADMA-LOKA-BHŪTA)

31)**Ma ha ca lộ ni ca** (MAHĀ-KĀRUṆIKA)

32)**Nhược tra ma** (JAṬA MAKUṬA)

33)**Lăng ngật lị đá** (ALUṂKṚTA)

34)**Thủy la đồ** (ŚIRṢAI)

35)**Ma ni ca na ca la nhạ đá ma nhật la** (MAṆI KANAKA RĀJATA VAJRA)

36)**Vĩ sân nan gia lăng ngật lị đá** (VIBHINDHĀYA ALUṂKṚTA)

37)**Xả lị la dã** (ŚARIRĀYA)

38)**A nhĩ đá bà thị ca na ma ha ma la lăng ngật lị đá** (AMITĀBHA-JINAKA MAHĀ-MĀLA ALUṂKṚTA)

39)**Bát la ná la na lị** (PRANĀRA NĀRI)

40)**Ma ha nhạ na xả đá sa ha sa la** (MAHĀ-JANA ŚATA-SAHASRA)

41)**Tỳ la sử đá ca dã** (AVILA ṢITA-KĀYA)

42)**Ma ha mạo đề tát phộc vĩ đà ma vĩ đà xả dã vĩ na xả dã** (MAHĀ-BODHI-SATTVA VIDHAMA VIDHAŚAYA VIDHAŚAYA)

43)**Ma ha diễn đá la ngật lệ xả** (MAHĀ-YANTRA KLEŚA)

44)**Ca phộc tra phộc ma đà tăng sa la khư la ca bát la ma tha na** (KAVAṬĀBHA VARDHA SAṂSĀRA CARAKA PRAMARTHANA)

45)**Bổ lỗ sa bát ná ma bổ lỗ sa na nga** (PURUṢA-PADMA PURUṢA-NĀGA)

46)**Bổ lỗ sa nga la** (PURUṢA-SĀGARA)
47)**Mạt la vi nhạ dã** (MĀLA VIJAYA)
48)**Vi la nhạ tố nan đá** (VIRAJA SUTAṂTA)
49)**Đá lị vật lị đá** (PṚ VṚṆA)
50)**Ná ma sa ma sa ma** (DAMA SAMA SAMA)
51)**Độ lỗ độ lỗ bát la xá sa dã, bát la xá sa dã** (DHURU DHURU PRAŚASĀYA PRAŚASĀYA)
52)**Kỳ lị kỳ lị, vĩ lị vĩ lị** (GIRI GIRI VIRI VIRI)
53)**Chỉ lị chỉ lị, mẫu lỗ mẫu lỗ** (CILI CILI MURU MURU)
54)**Tất mẫu dữu** (SAMUYU)
55)**Môn giả môn giả bà nga phộc na lị gia** (MUṂCA MUṂCA_ BHAGAVAN ĀRYA)
56)**Phộc lộ chỉ đế xả phộc la** (AVALOKITEŚVARA)
57)**Lạc khất sai ma ma** (Thọ trì) **tát phộc tát đá phộc nan giả** (RAKṢA MAMA….. SARVA SATTVĀNĀṂCA)
58)**Tát phộc bà duệ tỳ dã** (SARVA BHAYEBHYAḤ)
59)**Độ na độ na** (DHUNA DHUNA)
60)**Vĩ độ na vĩ độ na** (VIDHUNA VIDHUNA)
61)**Độ lỗ độ lỗ nga dã** (DHURU DHURU GAYA)
62)**Nga đà dã nga đà dã** (GADAYA GADAYA)
63)**Ha la hạ la** (HĀRA HĀRA)
64)**Bát la hạ sa Bát la hạ sa** (PRAHASA PRAHASA)
65)**Vĩ đà ngật lệ xả phộc sa na** (VIDHA KLEŚA VĀSANA)
66)**Ma ma** (Thọ trì) **hạ la hạ la** (MAMA…. HĀRA HĀRA)
67)**Tăng hạ la độ lỗ trí độ lỗ trí** (SAṂHĀRA DHURUṬI DHURUṬI)
68)**Ma ha man noa la chỉ la noa** (MAHĀ-MAṆḌALA KĪRAṆA)
69)**Xả đá bát la tế ca phộc bà** sa (ŚATA PRASEKA AVABHĀṢA)
70)**Vĩ vĩ sa xả ma ca** (VIVISA [?VIMANA] ŚAMAKA)
71)**Ma ha mạo đề tát đá phộc** (MAHĀ-BODHI-SATTVA)
72)**Phộc la đà Sa phộc ha** (VARADA SVĀHĀ)

_ Thời KHOAN DIÊN thứ hai, mùa thu tháng 7, ngày lúa chín. Xem xét Kinh này xong và truyền chép chẳng thiếu. Hy vọng Bậc Hiền đời sau xét định.

Lại nhờ hai Vị Thầy thỉnh về.

KIM CƯƠNG THỪA – VÔ ĐẲNG

Hiệu chỉnh xong vào ngày 08/06/2013

Vạn Tân Toản Tục Tạng Kinh_ Tập 14_ No.1480

THIÊN THỦ THIÊN NHÃN ĐẠI BI TÂM CHÚ HÀNH PHÁP

Hán văn: Tứ Minh Tôn Giả TRI LỄ tập hợp Nghi Quỹ đầu tiên_ Hoa Sơn Luật Sư ĐỘC THỂ giản lược văn biên tập lại_ Gia Hoà Sa Môn TỊCH XIÊM bổ sung hình tượng, so sánh rồi khắc lên bản gỗ

Việt dịch: HUYỀN THANH

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (xưng ba lần)

_ Tất cả cung kính, một lòng đỉnh lễ ba báu thường trụ khắp mười phương (một lễ xong)

(Đốt hương, rải hoa. Người dẫn đầu xướng rằng)

_ Chúng đẳng như vậy
Mỗi đều quỳ gối
Nghiêm trì hương hoa
Như Pháp cúng dường
Nguyện mây hương hoa này
Tràn khắp mười phương cõi
Vô lượng hương trang nghiêm
Đầy đủ Đạo Bồ Tát
Thành tựu hương Như Lai
(Tưởng rằng:
Hương hoa của con tràn khắp mười phương
Tạo làm ***đài Quang Minh*** *vi diệu*
Âm nhạc, hương báu của cõi Trời
Thức ăn, áo báu của chư Thiên
Bụi ***Diệu Pháp*** *chẳng thể nghĩ bàn*
Mỗi hạt bụi tuôn tất cả bụi
Mỗi hạt bụi tuôn tất cả Pháp
Xoay chuyển không trại, trợ trang nghiêm
Đến khắp, trước mười phương Tam Bảo
Trước Tam Bảo mười phương Pháp Giới
Đều có thân con tu cúng dường
Tất cả đều tràn khắp Pháp Giới
Xông ướp Pháp Giới, các chúng sinh
Nương theo đều phát Tâm Bồ Đề
Đồng vào ***Vô Sinh****, chứng* ***Phật Trí****)*

Cúng dường xong, tất cả cung kính (*xướng xong, lễ một lần*)
_ Nam mô đời Quá Khứ
Chính Pháp Minh Như Lai
Chính là đời hiện nay
Quán Thế Âm Bồ Tát
Thành Công Đức màu nhiệm
Đầy đủ Đại Từ Bi
Ở trong một thân tâm
Hiện ra ngàn tay mắt

Chiếu soi khắp Pháp Giới
Hộ trì các chúng sinh
Khiến phát Tâm **Đạo** lớn
Dạy trì Chú **Viên Mãn**
Xa lìa hẳn nẻo ác
Được sinh trước mặt Phật
Bao tội nặng **vô Gián**
Bệnh tật ác quấn thân
Không gì chẳng cứu giúp
Đều khiến cho tiêu trừ
Mọi Tam Muội, Biện Tài
Đời này đã cầu nguyện
Khiến được quả hợp Ý
Quyết định không nghi ngờ
Khiến mau được ba Thừa
Sớm vươn lên Phật Địa
Sức của Uy Thần ấy
Khen ngợi chẳng thể hết
Cho nên con một lòng
Quy Y và đỉnh lễ

_ Một lòng đỉnh lễ **Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn**

(*Tưởng rằng:*
*Người lễ, nơi lễ **Tính** rỗng lặng*
Cảm ứng, Đạo giao, khó nghĩ bàn
Con, Đạo Trường này như lưới ngọc
***Thích Ca Như Lai**, ảnh hiện trong*
Thân con, ảnh hiện trước Thích Ca
Đầu mặt nối chân, quy mệnh lễ)

[Nếu lễ Đức Phật **A Di Đà**, liền nói rằng: ***A Di Đà Phật**, ảnh hiện trong*.....Lễ **Tăng** chỉ sửa là ***hàng Bồ Tát***. Bên dưới tuỳ theo địa vị mà mô phỏng theo điều này]

_ Một lòng đỉnh lễ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **A Di Đà Thế Tôn**

_ Một lòng đỉnh lễ Quá Khứ vô lượng ức kiếp **Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Thế Tôn**

_ Một lòng đỉnh lễ Quá khứ chín mươi chín ức Căng Già Sa **chư Phật Thế Tôn**

_ Một lòng đỉnh lễ Quá Khứ vô lượng kiếp **Chính Pháp Minh Thế Tôn**

_ Một lòng đỉnh lễ một ngàn Đức Phật đời Hiền Kiếp, tất cả chư Phật Thế Tôn ba đời.

(*Đại Chúng nghe xong, dâng hương)*

_ Một lòng đỉnh lễ **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Đà La Ni Thần Diệu Chương Cú**

(*Xưng ba lần, lễ ba lễ, tưởng rằng:*
***Chân Không**, **Pháp Tính** như hư không*
***Pháp Bảo** thường trụ, khó nghĩ bàn*
Thân con, ảnh hiện trước Pháp Bảo
Một lòng như Pháp, quy mệnh lễ)

_ Một lòng đỉnh lễ các Đà La Ni do Đức Quán Âm đã nói với tất cả **Tôn Pháp** trong ba đời ở mười phương.

(Đại Chúng dâng hương)

_ Một lòng đỉnh lễ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Tự Tại Bồ Tát Ba Ha Tát**

(*Xưng ba lần, lễ ba lễ, tưởng rằng:*
Người lễ, nơi lễ ***Tính*** *rỗng lặng*
Cảm ứng, Đạo giao, khó nghĩ bàn
Con, Đạo Trường này như lưới ngọc
Đại Bi Bồ Tát*, ảnh hiện trong*
Thân con ứng hiện trước Đại Bi
Mong cầu ***diệt chướng****, cúi đầu lễ)*

_ Một lòng đỉnh lễ **Đại Thế Chí Bồ Tát Ma Ha Tát**

_ Một lòng đỉnh lễ **Tổng Trì Vương Bồ Tát Ma Ha Tát**

_ Một lòng đỉnh lễ **Nhật Quang Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát Ma Ha Tát**

_ Một lòng đỉnh lễ **Bảo Vương Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát Ma Ha Tát**

_ Một lòng đỉnh lễ **Hoa Nghiêm Bồ Tát, Đại Trang Nghiêm Bồ Tát, Bảo Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát**

_ Một lòng đỉnh lễ **Đức Tạng Bồ Tát, Kim Cương Tạng Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát**

Kinh ghi rằng: "Nếu có Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Đồng Nam, Đồng Nữ muốn tụng trì thời đối với chúng sinh khởi Tâm Từ Bi. Trước tiên nên theo Ta phát Nguyện như vầy

(Chúng tuỳ khen ngợi xong. Bên dưới một chữ thì một lần đánh gõ dẫn Khánh)

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau biết tất cả Pháp
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được mắt Trí Tuệ
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau độ tất cả chúng
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được phương tiện khéo
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau ngồi thuyền Bát Nhã
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được qua biển khổ
-Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau được đạo Giới Định
-Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm lên núi Niết Bàn
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau gặp nhà Vô Vi
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm đồng thân Pháp Tính
*) Nếu con hướng về nơi non đao
Non đao tức thời liền sụp đổ
*) Nếu con hướng về lửa, nước sôi

Nước sôi, lửa cháy tự khô tắt
*) Nếu con hướng về cõi Địa Ngục
Địa Ngục liền mau tự tiêu diệt
*) Nếu con hướng về loài Ngạ Quỷ
Quỷ đói liền được tự no đủ
*) Nếu con hướng về chúng Tu La
Tu La tâm ác tự điều phục
*) Nếu con hướng về chúng súc sinh
Súc sinh tự được Đại Trí Tuệ

(Hành Giả tưởng thân đối trước Phật Bồ Tát này, xưng niệm Tôn Danh cho thật thiết tha, như gặp nạn lửa thiêu nước cuốn, cầu mong được cứu giúp)

_ Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát
_ Nam mô A Di Đà Phật.

(*Xưng niệm hơi gấp rút, đều xưng mười tiếng. Đến lần thứ tư, thứ bảy thì cao giọng tỏ rỏ chữ cuối của câu đầu, đều đánh cái khánh lớn. Khi Phật Hiệu trọn hết thì thu thúc một lần bái xuống, khởi câu hỏi. Người dẫn đầu cử xướng*)

_ Quán Thế Âm Bồ Tát bạch Phật rằng: *"Thế Tôn ! Nếu các chúng sanh tụng trì Thần Chú Đại Bi, mà bị đọa vào ba đường ác thì con thề chẳng thành Chính Giác.*

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu chẳng sinh về các cõi Phật thì con thề chẳng thành Chính Giác.

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu chẳng được vô lượng Tam Muội Biện Tài thì con thề chẳng thành Chính Giác.

Người tụng trì Thần Chú Đại Bi, tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu chẳng được quả thỏa thích thì Chú này chẳng được gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni cho đến *nói lời đó xong, ở trước chúng Hội, chắp tay đứng thẳng, đối với các chúng sinh khởi Tâm Đại Bi, nở mặt mỉm cười, liền nói **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Thần Diệu Chương Cú** như vậy.*

Đà La Ni là

1) Nam mô hát la đát na đá la dạ gia *(Đây là Bản Thân **Quán Thế Âm Bồ Tát**, rất cần Từ Bi, dùng Tâm đọc tụng, đừng cao giọng khiến cho Thần Tính nóng nảy)*



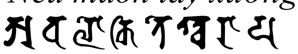
NAMO RATNA-TRAYĀYA

2) Nam mô a lợi gia *(Đây là Bản Thân Như Ý Luân Bồ Tát. Đến đây nên giữ gìn Tâm)*



NAMAḤ ĀRYA

3) Bà lô yết đế thước bát la gia *(Đây là Bản Thân **Trì Bát Quán Thế Âm Bồ Tát**t. Nếu muốn lấy xương cốt Xá Lợi. Tụng đây, giữ gìn ý tưởng Bồ Tát cầm cái bát)*



AVALOKITEŚVARĀYA

4) Bồ đề tát đá bà gia *(Đây là **Bất Không Quyến Sách Bồ Tát**, áp lĩnh đại binh)*



BODHI-SATVĀYA

5) Ma ha tát đá bà gia *(Đây là chữ Chủng Tử của Bồ Tát. Tự tụng Bản Thân của Chú vậy)*



MAHĀ-SATVĀYA

6) Ma ha ca lô ni ca gia *(Đây là Bản Thân **Mã Minh Bồ Tát**, tay cầm Bạt Chiết La)*

MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

7) Án *(Chữ ÁN này là Quỷ Thần chắp tay, lắng nghe tụng Chú)*

OṂ

8) Tát bà la phạt duệ *(Đây là Bản Thân **Giáng Ma** của bốn vị Đại Thiên Vương)*

SARVA RABHAYE

9) Số đát na đát tả *(Đây là danh tự của Quỷ Thần thuộc Bộ Lạc của bốn vị Đại Thiên Vương)*

ŚUDDHA-NĀDAṢYA

10) Nam mô tất cát lợi đỏa y mông a lợi gia *(Đây là Bản Thân **Long Thọ Bồ Tát**. Rất cần dụng Tâm tụng câu này, đừng sơ xuất đánh mất sự cần kíp của tính Bồ Tát)*

NAMASKṚTVA IMAṂ ĀRYA

11) Bà lô cát đế thất phật la lăng đà bà *(Đây là **Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật**)*

AVALOKITEŚVARA LAṂTABHA

12) Nam mô na la cẩn trì *(Đây là Bản Thân **Thanh Tĩnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật.** Rất cần dụng Tâm)*

NAMO NĪLAKAṆṬHA

13) Hề lợi Ma ha bà đá sa mế *(Đây là **Dương Đầu Thần Vương** (Vị Thần đầu Dê) cùng với các Thiên Ma làm quyến thuộc)*

HṚ MAHĀ-PATAŚAMI

14) Tát bà a tha đậu du bằng *(Đây là **Cam Lộ Bồ Tát** cũng là Bộ Lạc của **Quán Thế Âm Bồ Tát** dùng làm Quyến Thuộc)*

SARVĀTHA DU ŚUPHAṂ

15) A thệ dựng *(Đây là **Phi Đằng Dạ Xoa Thiên Vương** đi tuần tra bốn phương, xem xét điều thị phi)*

AJIYAṂ

16) Tát bà tát đá na ma bà già (*Đây là **Bà Già Đế Thần Vương** với hình to lớn màu đen dùng da beo làm quần, tay cầm Thiết Xoa)*

SARVA SATVA NĀMA BHAGA

17) Ma phạt đặc đậu *(Đây là Bản Thân **Quân Trà Lợi Bồ Tát** cầm bánh xe sắt (thiết luân) và cầm sợi dây, có ba con mắt)*

MĀ BHĀTI DU

18) Đát điệt tha *(Đây là* ***Kiếm Ngữ****)*

TADYATHĀ

19) Án, a bà lô hề

OṂ AVALOKI

20) Lô ca đế *(Đây là Bản Thân* ***Đại Phạm Thiên Vương*** *có Thần Tiên làm Bộ Lạc)*

LOKATE

21) Ca la đế (*Đây là* ***Đế Thần*** *có thân dài lớn màu đen)*

KALATI

22) Di hề lợi (*Đây là* ***Tam Thập Tam Thiên,*** *là* ***Ma Hê Thủ La Thiên Thần*** *thống lĩnh Thiên Binh có thân màu xanh)*

I HELIḤ

23) Ma ha bồ đề tát đỏa *(Đây là* ***Thật Tâm,*** *tức không có Tâm tạp loạn, liền gọi là Tát Đỏa)*

MAHĀ-BODHI-SATVA

24) Tát bà tát bà *(Đây là* ***Hương Tích Bồ Tát*** *áp lãnh Quỷ Binh năm phương dùng làm tùy tòng, chẳng thể nghĩ bàn)*

SARVA SARVA

25) Ma la ma la *(Đây là* ***Bồ Tát*** *đem lời nói trách phạt, sắp xếp cho chỉnh tề)*

MĀLA MĀLA

26) Ma hề ma hề lợi đà dựng (*giống như câu trước)*

MASĪ MASĪ HṚDAYAṂ

27) Câu lô câu lô yết mông *(Đây là* ***Không Thân Bồ Tát*** *buộc* ***Thiên Đại Tướng Quân*** *thống lĩnh 20 vạn ức Thiên Binh)*

KURU KURU KARMAṂ

28) Độ lô độ lô, phạt xà gia đế *(Đây là* ***Nghiêm Tuấn Bồ Tát*** *áp lĩnh Khổng Tước, Man binh)*

TURU TURU BHAṢI YATI

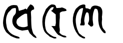
29) Ma ha phạt xà gia đế (*Giống như câu trước)*

MAHĀ-BHAṢI YATI

30) Đà la đà la *(Đây là* ***Quán Thế Âm Bồ Tát*** *hiện thân Đại Trượng Phu)*

DHĀRA DHĀRA

31) Địa lợi ni *(Đây là binh của* ***Sư Tử Vương****, nghiệm đọc tụng)*



DHIRIṆI

32) Thất phật la gia *(Đây là* ***Phích Lịch Bồ Tát*** *giáng phục quyến thuộc của các Ma)*



IŚVARĀYA

33) Giá la giá la *(Đây là Bản Thân* ***Tồi Toái Bồ Tát****, tay cầm bánh xe vàng)*



CALA CALA

34) Ma ma phạt ma la *(Đây là Bản Thân* ***Đại Giáng Ma Kim Cương****, tay cầm bánh xe vàng)*



MAMA VIMALA

35) Mục đế lệ *(Đây là chư Phật chắp tay, lắng nghe tụng Chân Ngôn)*



MUKTE

36) Y hề di hề *(Đây là* ***Ma Hê Thủ La Thiên Vương****)*



EHYEHI

37) Thất na thất na *(Giống như câu trước)*



ŚINA ŚINA

38) A la sâm phật la xá lợi *(Đây là* ***Quán Thế Âm Bồ Tát*** *cầm thẻ bài, cái nỏ, cung tên)*



ARAṢIṂ BHALA ŚARI

39) Phạt xa phạt sâm *(Giống như câu trước)*



BHAṢĀ BHAṢIṂ

40) Phật la xá gia *(Đây là Bản Thân* ***A Di Đà Phật,*** *sư chủ của Quán Thế Am Bồ Tát)*



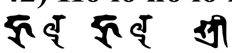
BHARA ŚAYA

41) Hô lô hô lô ma la *(Đây là tám Bộ Quỷ Thần Vương)*



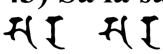
HULU HULU PRA

42) Hô lô hô lô hề lợi *(Giống như câu lúc trước)*



HULU HULU ŚRĪ

43) Sa la sa la *(Đây là đời ác năm Trược)*



SARA SARA

44) Tất lợi tất lợi *(Đây là* ***Quán Thế Âm Bồ Tát*** *lợi ích cho chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn)*



SIRI SIRI

45) Tô rô tô rô *(Đây là tiếng lá rơi từ cái cây của chư Phật)*
SURU SURU
46) Bồ đề dạ, bồ đề dạ *(Đây là **Quán Thế Âm Bồ Tát** kết Duyên với chúng sinh)*
BUDDHIYA BUDDHIYA
47) Bồ đà dạ, bồ đà dạ *(Đây là Bản Thân **A Nan**)*
BUDDHĀYA BUDDHĀYA
48) Di đế lợi dạ *(Đây là **Đại Xa Bồ Tát** tay cầm cây đao vàng)*
MAITRIYA
49) Na la cẩn trì *(Đây là **Long Thọ Bồ Tát** tay cầm cây đao vàng)*
NĪLAKAṆṬHA
50) Địa lợi sắt ni na *(Đây là **Bảo Tràng Bồ Tát** tay cầm cây Thiết Xoa)*
TRIŚARAṆA
51) Ba dạ ma na *(Đây là **Bảo Kim Cương Tràng Bồ Tát** cầm cái chày Bạt Chiết La)*
ABHAYA-MAṆA
52) Sa bà ha
SVĀHĀ
53) Tất đà dạ *(Đây là đạt tất cả Pháp Môn)*
SIDDHIYA
54) Sa bà ha
SVĀHĀ
55) Ma ha tất đà dạ *(Đây là **Phóng Quang Bồ Tát,** tay cầm cây phan màu đỏ)*
MAHĀ-SIDDHIYA
56) Sa bà ha
SVĀHĀ
57) Tất đà dụ nghệ *(Đây là hết thảy chư Thiên, Bồ Tát đã đến tập hội, tay cầm cây đao vàng)*
SIDDHA YOGA
58) Thất bà la gia *(Đây là **An Tức Hương**)*
IŚVARĀYA
59) Sa bà ha

SVĀHĀ

60) Na la cẩn trì *(Đây là Bản Thân **Sơn Hải Tuệ Bồ Tát**, tay cầm cây đao vàng)*

𑖡𑖱𑖩𑖎𑖜𑖿𑖙

NĪLAKAṆṬHA

61) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

62) Ma la na la *(Đây là **Bảo An Vương Bồ Tát**, tay cầm cây búa vàng)*

𑖢𑖿𑖨𑖪𑖨𑖯𑖮 𑖦𑖲𑖏𑖯𑖧

PRAVARĀHA-MUKHĀYA

63) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

64) Tất la tăng a mục khư gia *(Đây là Bản Thân **Dược Vương Bồ Tát** hành chữa trị các bệnh)*

𑖫𑖿𑖨𑖱 𑖭𑖰𑖽𑖮 𑖦𑖲𑖏𑖯𑖧

ŚRĪ-SIṂHA-MUKHĀYA

65) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

66) Sa bà ma ha a tất đà dạ *(Đây là Bản Thân **Dược Thượng Bồ Tát** hành chữa trị các bệnh)*

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖦𑖮𑖯 𑖦𑖲𑖎𑖿𑖝𑖯𑖧

SARVA MAHĀ-MUKTĀYA

67) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

68) Giả cát la a tất đà dạ

𑖓𑖎𑖿𑖨𑖯 𑖧𑖲𑖠𑖯𑖧

CAKRĀ YUDHĀYA

69) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

70) Ba đà ma yết tất đà dạ

𑖢𑖟𑖿𑖦 𑖮𑖭𑖿𑖝𑖯𑖧

PADMA-HASTĀYA

71) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

72) Na la cẩn trì bà già la gia

𑖡𑖱𑖩𑖎𑖜𑖿𑖙 𑖫𑖒𑖿𑖏𑖨𑖯𑖕

NĪLAKAṆṬHA-ŚAṄKHA-RĀJA

73) Sa bà ha

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVĀHĀ

74) Ma bà lợi thắng yết la dạ

𑖦𑖯 𑖪𑖨𑖰 𑖫𑖒𑖿𑖎𑖨𑖯𑖧
MĀ VARI ŚAṄKARĀYA
75) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ
76) Nam mô hát la đát na đá la dạ gia
𑖡𑖦𑖺 𑖨𑖝𑖿𑖡 𑖝𑖿𑖨𑖧𑖯𑖧
NAMO RATNA-TRAYĀYA
77) Nam mô a lị gia
𑖡𑖦𑖾 𑖁𑖨𑖿𑖧
NAMAḤ ĀRYA
78) Bà lô cát đế
𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰𑖝
AVALOKITA
79) Thước bà la dạ
𑖂𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧
IŚVARĀYA
80) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ
81) Án tất điện đô mạn đá la bát mặc gia
𑖌𑖼 𑖭𑖰𑖟𑖿𑖠𑖿𑖧𑖡𑖿𑖝𑖲 𑖦𑖡𑖿𑖝𑖿𑖨 𑖢𑖟𑖯𑖧
OṂ_ SIDDHYANTU MANTRA PADĀYA
82) Sa bà ha
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVĀHĀ

_ Quán Thế Âm Bồ Tát nói Chú này xong thời Đại Địa chấn động theo sáu cách, trời tuôn mưa hoa báu phơi phới rơi xuống, chư Phật ở mười phương thảy đều vui vẻ, Thiên Ma Ngoại Đạo sợ hãi dựng đứng lông tóc, tất cả Chúng Hội đều được Quả Chứng. Hoặc được quả Tu Đà Hoàn, hoặc được quả Tư Đà Hàm, hoặc được quả A La Hán, hoặc được Nhất Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa cho đến Thập Địa. Vô lượng chúng sinh phát Tâm Bồ Đề.

(Một bái rồi niệm thầm: *Con với chúng sinh từ Vô Thuỷ thường vì tội nặng của ba Nghiệp, sáu căn ngăn che, chẳng thấy chư Phật, chẳng biết điều cốt yếu ra khỏi, chỉ thuận theo Sinh Tử, chẳng biết LÝ màu nhiệm. Nay con tuy biết, do cùng với chúng sinh đồng bị tất cả tội nặng ngăn che. Nay con đối trước Quán Âm, trước mười phương Phật, vì khắp chúng sinh quy mệnh sám hối. Nguyện xin gia hộ khiến cho Chướng tiêu diệt.*

Niệm xong, quỳ gối xướng rằng)

_ Khắp vì bốn Ân, ba Hữu, Pháp Giới, chúng sinh đều nguyện đoạn trừ ba Chướng. Quy mệnh sám hối

(Xướng xong, cúi năm vóc sát đất. Tâm lại niệm rằng:

Con cùng với chúng sinh từ Vô Thuỷ đến nay, do Ái Kiến cho nên bên trong tính kể ***Ta, Người****. Bên ngoài tăng thêm bạn ác, chẳng tuỳ vui với một mảy lông làm việc Thiện của kẻ khác, mưu nghĩ khắp ba Nghiệprộng tạo mọi tội. Việc tuy chẳng rộng nhưng Tâm ác bày khắp, ngày đêm tiếp nối không có gián đoạn, che dấu lỗi lầm*

*chẳng muốn người biết, chẳng sợ nẻo ác, không có **Tàm** không có **Qúy**, cho rằng không có Nhân Quả.*

*Thế nên ở ngày nay, tin sâu Nhân Quả, sinh tôn trọng **Tàm Qúy**, sinh sợ hãi lớn, tỏ bày Sám Hối, chặt đứt Tâm tương tục, phát Tâm Bồ Đề, đoạn ác tu Thiện, siêng khuyến tấn ba Nghiệp, lật lại tội nặng xưa kia, tuỳ vui với một mảy lông làm việc Thiện của Phàm Thánh. Nhớ mười phương Phật có Đại Phước Tuệ, hay cứu giúp con với các chúng sinh, từ hai biển chết đến bờ ba Đức.*

*Từ vô thuỷ đến nay, chẳng biết Bản Tính của các Pháp vốn rỗng lặng, rộng làm mọi điều ác. Nay biết **rỗng lặng**, vì cầu Bồ Đề, vì chúng sinh cho nên rộng tu mọi điều Thiện, chặt đứt khắp mọi điều ác. Nguyện xin Đức **Quán Âm** Từ Bi nhiếp thọ)*

Tưởng xong, quỳ gối xướng rằng)

_ Chí Tâm Sám Hối (Đệ Tử chúng con) cùng với tất cả chúng sinh trong Pháp Giới, một Tâm hiện tiền vốn đủ ngàn Pháp, đều có Thần Lực cùng với **Trí Minh**, bên trên ngang bằng với Tâm Phật, bên dưới đồng với Hàm Thức. Từ vô thuỷ nổi dậy sự mờ tối, ngăn che sự sánh suốt trong sạch này, mê mờ việc tiếp chạm, khởi tâm buộc dính. Trong Pháp bình đẳng khởi tưởng **Ta Người** dùng Ái Kiến làm gốc, thân miệng làm Duyên, ở trong các Hữu không có tội gì chẳng dám làm, mười ác năm Nghịch, chê Pháp chê Người, phá Giới phá Trai, huỷ Tháp hoại Chùa, trộm lấy vật dụng của Tăng Kỳ, làm nhơ uế Phạm Hạnh trong sạch, xâm tổn thức ăn uống tài vật của Thường Trụ, cho dù ngàn Đức Phật ra đời cũng chẳng thông Sám Hối. Nhóm tội như vậy nhiều vô lượng vô biên, buông bỏ hình mạng này bị rơi vào ba nẻo ác, chịu hình phạt vạn khổ.

Lại ở đời này, mọi sự buồn bực giao nhau nung nấu, hoặc bị bệnh ác ràng quanh, Duyên khác bức bách, ngăn che nơi Đạo Pháp, chẳng được huân tu.

Nay gặp (một bái) **Đại Bi Viên Mãn Thần Chú** mau hay diệt trừ tội chướng như vậy. Cho nên ngày nay chí tâm tụng trì. Quy hướng (một bái) **Quán Thế Âm Bồ Tát** với Đại Sư ở mười phương, phát Tâm Bồ Đề, tu **Hạnh Chân Ngôn**, cùng với các chúng sinh, tỏ bày mọi tội, cầu xin sám hối, rốt ráo tiêu trừ.

Nguyện xin (một bái) **Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát** ngàn tay hộ trì, ngàng mắt chiếu thấy khiến cho Chướng Duyên bên trong bên ngoài của chúng con đều được tịch diệt, **Ta Người** viên thành Hạnh Nguyện, mở gốc thấy biết, chế phục các Ma bên ngoài, ba Nghiệp tinh tiến, tu Nhân **Tịnh Thổ**. Đến khi bỏ thân này, liền không có nẻo khác, quyết định được sinh (một bái) về Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, gần gũi phụng sự cúng dường **Đại Bi Quán Âm**, đủ các **Tổng Trì**, rộng độ quần phẩm, đều ra khỏi bánh xe khổ não, đồng đến đất **Trí.**

(Tiếp đứng dậy, nói rằng)

_ Sám Hối, Phát Nguyện xong. Quy mệnh lễ Tam Bảo (một bái)
Nam mô Thập Phương Phật
Nam mô Thập Phương Pháp
Nam mô Thập Phương Tăng
Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam mô A Di Đà Phật
Nam mô Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Phật
Nam mô Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Đà La Ni
Nam mô Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát
Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát
Nam mô Tổng Trì Vương Bồ Tát

_ Tự quy y Phật
Xin nguyện chúng sinh
Nối mầm giống Phật
Phát Tâm vô thượng

_ Tự quy y Pháp
Xin nguyện chúng sinh
Vào sâu Kinh Tạng
Trí Tuệ như biển

_ Tự quy y Tăng
Xin nguyện chúng sinh
Thống lý Đại Chúng
Tất cả không ngại

_ Kính lễ (Hoà nam:Vandana) chúng Thánh

Hết

15/03/2011



ĐẠI BI CHÚ NIỆM TỤNG NGHI QUI

Biên dịch: HUYỀN THANH

1_ Nam mô **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát** (3 lần)

2_ Nam mô **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La** Ni (3 lần)

3_ **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Tán**:
Cúi lạy Quán Âm Đại Bi Chủ
Nguyện Lực rộng sâu, thân tướng đẹp
Ngàn tay trang nghiêm hộ trì khắp
Ngàn mắt sáng tỏ, quán khắp nơi
Trong lời chân thật hiển Mật Ngữ
Trong Tâm Vô Vi khởi Tâm Bi
Mau khiến viên mãn mọi mong cầu
Khiến diệt trừ hết các nghiệp tội
Rồng, Trời, Chúng Thánh đồng Từ Hộ
Trăm ngàn Tam Muội chóng huân tu
Thân thọ trì là phướng Quang Minh
Tâm thọ trì là Tạng Thần Thông
Rửa sạch trần lao, nguyện qua biển
Vượt chứng Bồ Đề, môn Phương Tiện
Nay con xưng tụng, thệ quy y
Nguyện ước theo Tâm đều viên mãn

4_**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Am Bồ Tát Phát Nguyện Văn**:
_ Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau biết tất cả Pháp
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được mắt Trí Tuệ
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau độ tất cả Chúng
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được phương tiện khéo
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau ngồi thuyền Bát Nhã
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được qua biển khổ
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau được Đạo Giới Định
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm lên núi Niết Bàn
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau gặp nhà Vô Vi
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm đồng Thân Pháp Tính
_ Nếu con hướng núi Đao

Núi Đao tự sụp đổ
Nếu hướng lửa, nước sôi
Lửa, nước sôi tự diệt
Nếu con hướng Địa Ngục
Địa Ngục tự tiêu diệt
Nếu con hướng Ngã Quỷ
Quỷ đói tự no đủ
Nếu con hướng Tu La
Tâm ác tự điều phục
Nếu con hướng Súc Sinh
Tự được Trí Tuệ lớn

5_ Nam mô **Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát** (10 niệm)

6_ Nam mô **A Di Đà Phật** (10 niệm)

7_ Tụng niệm **Đại Bi Tâm Đà La Ni** (tối thiểu là 5 biến)
NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA
SARVA BANDHANA CCHEDANA KĀRĀYA
SARVA BHAVA SAMUDRAṂ SUKṢAṆA KĀRĀYA
SARVA VYADHI PRAŚAMANA KĀRĀYA
SARVA TITYU BHANDRAVA VINĀŚANA KĀRĀYA
SARVA BHAYEṢYO TĀRĀṆA KĀRĀYA
TASMAI NAMASKṚTVA
IMAṂ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA LAṂTABHA
NĪLAKAṆṬHA NĀMA-HṚDAYA
MABRATA ICCHYAMI
SARVĀRTHA SĀDHANAṂ ŚUDDHAṂ
AJIYAṂ SARVA-BHŪTANAṂ
BHAVA MĀRGA VIŚUDDHAKAṂ
TADYATHĀ
OṂ_ ĀLOKE ĀLOKA MATI LOKATI VIKRAṂTE
HE HĀRE ĀRYA-AVALOKITEŚVARA MAHĀ-SATVĀYA
HE BODHI-SATVA
HE VĪRYA BODHI-SATTVA
HE MAHĀ-KĀRUṆIKA SMARA HṚDAYAṂ
HE HE HĀRE ĀRYA-AVALOKITEŚVARA MAHEŚVARA PRAMAITRA-CITTA MAHĀ-KĀRUṆIKA
KURU KURU KARMAṂ
SĀDHAYA SĀDHAYA-VIDYAṂ
ṆIHE ṆIHE ME VARAṂ
KĀMAṂ GAMA VIGAMA
SIDDHA YOGEŚVARA
DHURU DHURU
VIYANTI MAHĀ-VIYANTI
DHĀRA DHĀRA DHĀRE INDREŚVARA
CALA CALA

VIMALA AMALA AMṚTE
ĀRYA-AVALOKITEŚVARA JINA-KṚṢṆI
JAṬA MAKUṬA VARAṂMA PRARAṂMA
MAHĀ-SIDDHA VIDYA-DHĀRA
MALA MALA MAHĀ-AMALA
BALA BALA MAHĀ-ABALA
CALA CALA MAHĀ-ACALA
KṚṢṆA-VṚṆA KṚṢṆA-PAKṢA DĪRGHATANA
HE AHĀ PADMA-HASTA
CĀRYA CĀRYA NĪŚA- CĀRYEŚVARA
KṚṢṆA-SARPA KṚTVA JYOPAVITRA
EHYEHI MAHĀ-VARĀHA-MUKHA
TRIPŪRA DAHANEŚVARA NĀRĀYAṆA-RŪPA
VARA MĀRGA DHĀRI
HE NĪLAKAṆṬHA
HE MAHĀ-HĀRA
HĀRA VIṢA NIRJITA
LOKASYA RĀGA-VIṢA VINĀŚANA
DVAIṢA-VIṢA VINĀŚANA
MOHA-VIṢA VINĀŚANA
HULU HULU MAHĀ-HULU
HĀRE MAHĀ-PADMA-NĀTHA
SARA SARA
SIRI SIRI
SURU SURU
BUDDHĀYA BUDDHĀYA
BODDHĀYA BODDHĀYA
HE MAITRE-NĪLAKAṆṬHA
EHYEHI VAMA STHITA SIṂHA-MUKHA
HASA HASA
MUṂCA MUṂCA
MAHĀ-ṬĀṬA HASA
EHYEHI PAṂ
MAHĀ-SIDDHA YOGEŚVARA
SAṆA SAṆA VACA
SĀDHAYA SĀDHAYA-VIDYA
SMARA SMARA ŚAṂ
BHAGAVAṂ TĀṂ
LOKITA VILOKITAṂ
LOKEŚVARA TATHĀGATA
DADĀ HIME SARVA-SATTVA
DARŚANA KĀMASYA
DARŚANAṂ PRAKRADĀYA MANA SVĀHĀ
SIDDHĀYA SVĀHĀ
MAHĀ-SIDDHĀYA SVĀHĀ
SIDDHA YOGEŚVARA SVĀHĀ
NĪLAKAṆṬHA SVĀHĀ
MAHĀ-VARĀHA-MUKHĀYA SVĀHĀ
MAHĀ-SIṂHA-MUKHĀYA SVĀHĀ

SIDDHA VIDYA-DHĀRĀYA SVĀHĀ
KṚṢṆA-SARPA KṚTVA JYOPAVITĀYA SVĀHĀ
MAHĀ-MUKTĀ DHĀRĀYA SVĀHĀ
CAKRA YUDHĀYA SVĀHĀ
PADMA-HASTAYA SVĀHĀ
ŚAṄKHA-ŚABDANI BUDDHA-NĀYA SVĀHĀ
VAMA SKANDA VIṢA STHITA KṚṢṆA JINĀYA **SVÀHÀ**
VYĀGHRA-CAMANI-VASANĀYA SVĀHĀ
LOKEŚVARĀYA SVĀHĀ
SARVA SIDDHEŚVARĀYA SVĀHĀ
NAMO BHAGAVATE ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA
OṂ_ SIDDHYANTU MANTRA PADĀYA SVĀHĀ

8_ **Nhật Quang Bồ Tát Thần Chú** (5 biến)
NAMO BUDDHĀ KUṆAMI
NAMO DHARMA MAHATI
NAMO SAṂGHA TAYĀNI
TIRABHŪBI SATVADAṂ_ NAMA DABHA SVĀHĀ
NAMO RĀGAYE SARVA-SATAVAṆID DHARĀSAṂRĀ SVĀHĀ

9_ **Nguyệt Quang Bồ Tát Thần Chú** (5 biến)
NAMO SAṂDHETI TUṢŪṬHA ĀMITI ŪTŪṬHA SAṂKAIṬHA PALAUTIYEMEJAṬHA ŪTŪṬHA KAULĀTAUṬHA KAIMOṬHA SVĀHĀ

10_ **Bổ Khuyết Viên Mãn Chân Ngôn**
OṂ_ HURU HURU_ JAYA-MUKHE SVĀHĀ

11_ **Hồi Hướng**:
Nguyện con mau nương sức Thần Chú
Thành tựu viên mãn quả Phật Đà
Nguyện các chúng sinh không dư sót
Thảy đều đồng sinh về Cực Lạc

12_ **Ba Quy Y**:
_Tự quy y Phật
Nên nguyện chúng sinh
Thể giải Đạo lớn
Phát tâm Vô Thượng

_Tự quy y Pháp
Nên nguyện chúng sinh
Vào sâu Kinh Tạng
Trí Tuệ như biển

_Tự quy y Tăng
Nên nguyện chúng sinh
Thống lý Đại Chúng
Tất cả không ngại

_Kính lễ Thánh Chúng
Nguyện đem Công Đức này
Hồi hướng về khắp cả
Nguyện con và chúng sinh
Đều mau thành Phật Đạo

07/11/2008

NGHI THỨC TỤNG NIỆM ĐẠI BI TÂM CHÚ

❖ **Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn:**
OṂ RAṂ
[**OM RAM**] (3 lần)

❖ **Chú đốt hương :**
Khói Hương Tạo Hình Thể
Thấu Suốt Cả Ba Cõi
Năm Uẩn Đều Thanh Tịnh
Ba Độc Tự Lặng Yên
OṂ _ DHARMA-DHĀTU ANUGATA _ SVĀHĀ
[**OM – ĐA RỜ-MA ĐA TU, A NU GA TA, XỜ-VA HA**] (3 lần)
(Cắm Hương Lên Bàn Thờ Rồi Nguyện Hương)
Nguyện đem lòng Thành Kính
Gửi theo đám mây Hương
Lan tỏa khắp mười phương
Cúng Dường ngôi Tam Bảo
Thề trọn đời giữ Đạo
Theo Tự Tính làm lành
Cùng Pháp Giới Chúng Sinh
Cầu Phật Từ gia hộ
Tâm Bồ Đề kiên cố
Chí tu học vững bền
Xa biển Khổ nguồn Mê
Chóng quay về bờ Giác
NAM MÔ HƯƠNG CÚNG DƯỜNG BỒ TÁT MA HA TÁT (3 lần)

❖ Quy Y Phật :
Kính lạy Đức Phật Đà
Đấng vẹn toàn Phước Trí
Như Mặt Trời chiếu sáng
Phá tăm tối ngu mê
Ngài là Bậc Y Vương
Chữa lành muôn bệnh khổ
Dìu dắt mọi chúng sinh
Đưa đến bờ An Lạc
Nay con xin thành kính
Nương theo dấu vết Ngài
Nguyện xa lìa lầm lỗi
Viên mãn mọi Phước Trí
Mau thành Lưỡng Túc Tôn
BUDDHAṂ ŚARANAṂ GACCHAMI
[**BÚT ĐĂM, SÁ RA NĂM, GÁCH CHA MI**] (3 lần)

Sau khi quy y Phật Bảo rồi. Nguyện cho con mau chóng đạt đến sự sáng suốt hoàn toàn, thông hiểu như thật Lý Sự của vạn vật để rốt ráo xa lìa phiền não khổ đau, chấm dứt sinh tử luân hồi (1 lạy)

❖ **Quy Y Pháp :**
Kính lạy Pháp Giải Thoát
Con đường của Thánh Nhân
Tịnh hóa Tham, Sân Si
Chuyển thành Giới, Định, Tuệ
Dứt trừ Phiền Não Khổ
Vượt thoát biển Luân Hồi
Nay con xin thành kính
Tuân theo Giáo Pháp này
Nguyện mau lìa sinh tử
Chứng Niết Bàn thanh tịnh
DHARMAṂ ŚARANAṂ GACCHAMI
[ĐA RỜ-MĂM , SÁ RA NĂM, GÁCH CHA MI] (3 lần)

Sau khi quy y Pháp Bảo rồi. Nguyện cho con thường gặp Chính Pháp giải thoát, luôn tu tập được Chính Pháp giải thoát và chứng đạt được Chính pháp giải thoát. Đồng thời nguyện cho con mau chóng đạt được sự định tĩnh, tự tri, tự giác, tự chủ, điều dụng, vị tha ngay trong đời hiện tại này (1 lạy)

❖ Quy Y Tăng :
Kính lạy Chúng Tăng Già
Đấng Đạo Sư chân chính
Bậc điều phục Thân Tâm
Vượt Tham Dục Phiền Não
Chặt gốc rễ ngu mê
Giương cao cờ Giải Thoát
Nay con xin thành kính
Nương theo gương sáng này
Nguyện mau lìa Ngã Chấp
Đạt thanh tịnh vô ưu
SAṂGHAṂ ŚARANAṂ GACCHAMI
[XĂNG GĂM , SÁ RA NĂM , GÁCH CHA MI] (3 lần)

Sau khi quy y Tăng Bảo rồi. Nguyện cho con thường gặp các Bậc Đạo Sư chân chính, các vị đã điều phục thân tâm vượt thoát tham dục phiền não và giúp cho con mau chóng vượt thoát các tâm ý: Ảo tưởng kiêu mạn, ganh tị tranh đấu, hoài nghi tự kiêu, trì độn mù quáng, tham dục thèm khát, giận dữ oán hận để Tịnh Hoá được các KHỔ, CHƯỚNG, HOẶC trong sáu nẻo. Đồng thời nguyện con luôn luôn đạt được cuộc sống: Hiền thiện, ngay thẳng, mực thước, chân chính, vị tha ngay trong đời hiện tại này (1 lạy)

❖ **Thọ Trì Ngũ Giới:**

1. _ Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự sát sinh. Nguyện cho con và tất cả chúng sinh được trường thọ

2._ Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự trộm cắp . Nguyện cho con và tất cả chúng sinh đạt được những sự mong cầu.

3._ Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự tà dâm. Nguyện cho con và tất cả chúng sinh dứt trừ được sự tham muốn thấp hèn.

4._ Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự nói dối. Nguyện cho con và tất cả chúng sinh đạt dược sự an tịnh của một tâm hồn chân thật.

5._ Con xin vâng giữ Pháp Học là lánh xa sự uống rượu và các chất say. Nguyện cho con và tất cả chúng sinh đứt trừ được sự điên đảo ngu dốt.

❖ **Sám Hối :**

Kể từ đời Vô Thủy
Do Ngã Chấp Vô Minh
Con luôn bị đắm chìm
Luân hồi trong sáu Nẻo
Hoặc làm Trời làm Người
Hoặc Thần Thánh, Súc Sinh
Quỷ đói hay Địa Ngục
Thay đổi muôn hình hài
Nhận tính nết khác nhau
Chịu đắng cay, ngọt bùi
Vinh quang hay tủi nhục
Sang cả hoặc nghèo hèn
Uy Quyền cùng Nô Lệ
An vui và khổ cực
Hết thảy điều như thế
Vì ngu muội ngăn che
Khiến con không nhớ rõ

Nay có chút duyên lành
Gặp được nền Chính Pháp
Của Đấng Lưỡng Túc Tôn
Thích Ca Mâu Ni Phật
Dạy phải dẹp Ngã Chấp
Trừ bỏ Tham, Sân, Si
Tu tập Giới, Định, Tuệ
Luôn làm lành lánh dữ
Tự tịnh Tâm Ý mình
Vượt luân hồi sinh tử
Đạt thanh tịnh vô ưu
Mọi Pháp lành như thế
Cần phải thực hành ngay
Không toan tính chần chừ

Vì kiếp đời ngắn ngủi
Hơn nữa Thân khó giữ
Bởi bệnh tật, già nua
Thêm cái chết bất ngờ
Cắt đứt dòng Sinh Mệnh

Nay con xin tuân phục
Hành theo Chính Pháp này
Trước tiên xin Sám Hối
Mọi tội lỗi xưa kia
Từ Ý sinh, Miệng nói
Thân làm, dạy người làm
Tạo Nhân gây Nghiệp ác
Hết thảy Nghiệp Tội ấy
Cao dầy nhiều vô lượng
Khó đong đo tính đếm
May nhờ ân Tam Bảo
Lực Bi Mẫn rộng sâu
Giúp cho con trừ tội
Kéo con xa nẻo Ác
Thọ sinh hình vóc Người
Gặp gỡ được Chính Pháp
Vượt thoát biển Tử Sinh

Nam mô TỲ BÀ THI Phật (1 lạy)
Nam mô THI KHÍ Phật (1 lạy)
Nam mô TỲ XÁ PHÙ Phật (1 lạy)
Nam mô CÂU LƯU TÔN Phật (1 lạy)
Nam mô CÂU NA HÀM MÂU NI Phật (1 lạy)
Nam mô CA DIẾP Phật (1 lạy)
Nam mô THÍCH CA MÂU NI Phật (1 lạy)

❖ Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn :

REPA REPATE _ KUHA KUHATE _ TRANITE _ NIGALA RITE _ VIMA RITE _ MAHĀ-GATE _ ŚĀNTIṂ KṚTE _ SVĀHĀ

[**RÊ PA , RÊ PA TÊ , KU HA , KU HA TÊ , TỜ-RA NI TÊ , NI GA LA RI TÊ , VI MA RI TÊ , MA HA GA TÊ, SĂNG TIM KỜ-RẬT TÊ, XỜ-VA HA**] (3 lần)

Tiếp, con xin phát nguyện
Từ bỏ các Pháp Ác
Tu tập mọi Pháp Lành
Rèn Tâm Ý trong sạch
Tự cứu mình cứu người
Cầu xin Ân Tam Bảo
Luôn gia hộ cho con
Mau vượt thoát tử sinh

Sớm thành Ngôi Vô Thượng
Chuyển Pháp Luân Giáo Hóa
Độ muôn loài chúng sinh

❖ **Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn:**
Tự Tính của con vốn thanh tịnh
Như Tự Tính thanh tịnh của các Pháp
OṂ _ SVABHĀVA ŚUDDHA _ SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA UHAṂ
[OM _ XỜ-VA PHA VA, SÚT ĐA _ XA RỜ-VA ĐA RỜ-MA, XỜ-VA PHA VA , SÚT ĐA_ UHAM] (3 Lần)

❖ **Diệt Nghiệp Chướng Chân Ngôn:**
OṂ _ AROLIK _ SVĀHĀ
[OM, A RÔ LÍCH , XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ **Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn:**
OṂ _ PRAMAṆI PATI _ SVĀHĀ
[OM, PỜ-RA MA NI , PA TI , XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ **Bạch Tản Cái Kiên Giáp Hộ Thân Chân Ngôn:**
HŪṂ MAMA HŪṂ NI _ SVĀHĀ
[HÙM, MA MA, HÙM, NI , XỜ VA HA] (3 lần)

❖ **An Thổ Địa Chân Ngôn:**
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀṂ _ OṂ DHURU DHURU _ DEVĪ _ SVĀHĀ
[NA MẮC XA MĂN TA BÚT ĐA NĂM_ OM_ ĐU RU ĐU RU, ĐÊ VI, XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ **Phổ Cúng Dường Chân Ngôn:**
OṂ _ GAGANA SAṂBHAVA VAJRA HOḤ
[OM_ GA GA NA, XĂM PHA VA , VA DI-RA , HỐC] (3 lần)

Thỉnh Tam Bảo chư Thiên

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô Bản Sư **Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn**

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới **A Di Đà Thế Tôn**

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô quá khứ vô lượng ức kiếp **Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Thế Tôn**

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô quá khứ cửu thập cửu ức căn già sa **chư Phật Thế Tôn**

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô quá khứ vô lượng kiếp **Chính Pháp Minh Thế Tôn**

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô tất cả chư Phật Thế Tôn ở mười phương.

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô ngàn Đức Phật đời Hiền Kiếp, tất cả chư Phật Thế Tôn trong ba đời.

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Đà La Ni Thần Diệu Chương Cú**

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô các Đà La Ni do Đức Quán Thế Âm đã nói với tất cả Tôn Pháp trong ba đời ở mười phương.

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô **Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát.**

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô **Đại Thế Chí Bồ Tát Ma Ha Tát.**

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô **Tổng Trì Vương Bồ-Tát Ma Ha Tát**.

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô **Nhật Quang Bồ Tát**, **Nguyệt Quang Bồ Tát Ma Ha Tát**.

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô **Bảo Vương Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát Ma Ha Tát.**

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô **Hoa Nghiêm Bồ Tát, Đại Trang Nghiêm Bồ Tát, Bảo Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.**

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô **Đức Tạng Bồ Tát, Kim Cương Tạng Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.**

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô **Di Lặc Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Ma Ha Tát.**

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô tất cả **Bồ Tát Ma Ha Tát ba đời** ở mười phương.

Một lòng phụng thỉnh. Nam mô **Ma Ha Ca Diếp**, vô lượng vô số **Đại Thanh Văn Tăng**.

Một lòng phụng thỉnh. **Thiện Tra Phạm Ma, Cồ Bà Già Thiên Tử, Hộ Thế Tứ Vương, tám Bộ Trời Rồng, Đồng Mục Thiên Nữ, Thần Hư Không, Thần sông biển, Thần suối nguồn, Thần ao sông, Thần cỏ thuốc, Thần rừng cây, Thần nhà cửa, Thần nước, Thần lửa, Thần gió, Thần đất cát, Thần núi, Thần đất đai, Thần Cung Điện**….với hàng **Thủ Hộ Trì Chú**, tất cả **Trời Rồng Quỷ Thần** với các Quyến thuộc.

Nguyện xin Đức Bản Sư **Thích Ca**, Đấng cha lành **A Di Đà**, **Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Vương Như Lai**, tất cả chư Phật ba đời ở mười phương, chẳng dời địa vị cứu cánh căn bản, bình đẳng hiền thiện xông ướp, đi đến Đạo Trường chứng cho con hành Pháp **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Tổng Trì Bí Yếu** hiển hiện Đạo Trường nhận sự cúng dường của con.

Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát nương theo sức Bản Nguyện, đi đến trước mặt con, Thần Chú gia trì tiêu trừ ngay ba Chướng.

Đại Thế Chí Bồ Tát, các vị Đại Bồ Tát của nhóm **Tổng Trì Vương**, **Ma Ha Ca Diếp**, các Đại Thanh Văn…đồng vận Từ Bi cùng thời đi đến.

Phạm, Thích, bốn Vương, chư Thiên, tám Bộ tuỳ theo con thỉnh đến, giữ bền chắc Đạo Trường, ủng hộ trì Chú, đẩy lùi các Ma Chướng, hiện bày Cát Tường khiến cho chỗ con đã tu chẳng trái ngược với Bản Nguyện.

Nay con Trì tụng Pháp ĐẠI BI
Nguyện xin Tam Bảo thương nhiếp thọ
Nguyện xin Bản Tôn thương nhiếp thọ
Nguyện xin Hộ Pháp Thường ủng hộ
NAM MÔ ĐẠI BI HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT MA HA TÁT (3 lần)
Cúi lậy **Quán Âm Đại Bi Chủ**
Nguyện lực rộng sâu thân tướng đẹp
Ngàn tay trang nghiêm hộ trì khắp
Ngàn mắt quang minh chiếu mọi nơi
Trong lời chân thật diễn mật ngữ
Trong Tâm Vô Vi, khởi Tâm Bi
Mau khiến đầy đủ các mong cầu
Vĩnh viễn diệt trừ các Tội nghiệp
Trời, Rồng, chúng Thánh đồng TỪ hộ
Trăm ngàn Tam Muội liền huân tu
Tâm Thọ Trì là phướng Quang Minh
Thân Thọ Trì là Tạng Thần Thông .
Rửa sạch trần lao, qua biển khổ
Mau chứng Bồ Đề, môn phương tiện
Nay con xưng tụng thệ quy y
Nguyện ước theo tâm, mau viên mãn.
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau biết tất cả Pháp
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được mắt Trí Tuệ
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau độ tất cả chúng
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được phương tiện khéo
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau ngồi thuyền Bát Nhã
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được qua biển khổ
-Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau được đạo Giới Định
-Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm lên núi Niết Bàn
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau gặp nhà Vô Vi
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm đồng thân Pháp Tính
*) Nếu con hướng về nơi non đao
Non đao tức thời liền sụp đổ
*) Nếu con hướng về lửa, nước sôi
Nước sôi, lửa cháy tự khô tắt

*) Nếu con hướng về cõi Địa Ngục
Địa Ngục liền mau tự tiêu diệt
*) Nếu con hướng về loài Ngạ Quỷ
Quỷ đói liền được tự no đủ
*) Nếu con hướng về chúng Tu La
Tu La tâm ác tự điều phục
*) Nếu con hướng về chúng súc sinh
Súc sinh tự được Đại Trí Tuệ

- Nam mô quy mệnh Tịnh thổ **Bổ Đà Lạc Ca** trên biển ở phương Nam_ Chính Pháp Giáo Chủ **Thích Ca Mâu Ni Như Lai** _ Quán Âm Bản Sư **Vô Lượng Thọ Như Lai** _ Quán Âm Bản Thể **Chính Pháp Minh Như Lai**

- Nam mô Thiên Thủ Thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni _ Cứu Khổ Đà La Ni _ Diên Thọ Đà La Ni _ Diệt Ác Thú Đà La Ni _ Phá Nghiệp Chướng Đà La Ni _ Mãn Nguyện Đà La Ni _ Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni_ Tốc Siêu Thượng Địa Đà La Ni_ Nhất Khai Thần Chú Siêu Đệ Bát Địa Đà La Ni _ Tứ Bách Tứ Bệnh Nhất Thời Tiêu Diệt Đà La Ni.

- Nam mô Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Căn Bản Thần Diệu Chương Cú.

Namo ratna-trayāya

[**NA MÔ RA-TỜ-NA, TỜ-RA GIA GIA**]

Namaḥ ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya

[NA MẮC A RI-GIA, A VA LÔ KI TÊ SỜ-VA RA GIA, BÔ ĐI XỜ TỜ-VA GIA, MA HA XA TỜ-VA GIA, MA HÀ CA RU NI CA GIA]

Oṃ sarva rabhaye śuddhanādaṣya namaskṛtva imaṃ ārya-avalokiteśvara laṃtabha

[OM, XA RỜ-VA, RA PHA DÊ, SÚT-ĐA NA ĐA SI-GIA, NA MA XỜ-KỜ-RẬT-TỜ-VA, I MĂM, A RI-GIA, A VA LÔ KI TÊ SỜ-VA RA, LĂM TA PHA

Namo nīlakaṇṭha hṛ mahā-pataśami sarva-artha du śuphaṃ ajiyaṃ, sarva satva nāma bhaga mā bhāti du

[NA MÔ NI LA CĂNG THA, HỜ-RẬT, MA HA PA TA SA MI, XA RỜ-VA, A RỜ-THA, ĐU SU PHĂM, A DI GIĂM, XA RỜ-VA XA TỜ-VA, NA MA, PHA GA, MA PHA TI, ĐU]

Tadyathā : Oṃ avaloki lokate kalati iheliḥ mahā-bodhisatva sarva sarva māla māla masī masī hṛdayaṃ

[TA DI-GIA THA: OM, A VA LÔ KI, LÔ CA TÊ, CA LA TI, I HÊ LÍCH, MA HA BÔ ĐI XA TỜ-VA, XA RỜ-VA, XA RỜ-VA, MA LA MA LA, MA SI MA SI, HỜ-RẬT ĐA GIĂM]

Kuru kuru karmaṃ turu turu bhaṣiyati

[CU RU, CU RU, CA RỜ-MĂM, TU RU, TU RU, PHA SI GIA TI]

Mahā-bhaṣiyati dhāra dhāra dhiriṇi iśvarāya

[MA HÀ PHA SI GIA TI, ĐÀ RA ĐÀ RA, ĐI RI NI, I SỜ-VA RA GIA]

Cala cala mama vimala mukte
[CHA LA, CHA LA, MA MA, VI MA LA, MU CỜ-TÊ]
Ehyehi śina śina
[Ê HY-GIÊ HI, SI NA SI NA]
Araṣiṃ bhala śari bhaṣā bhaṣiṃ bhara śaya
[A RA SIM, PHA LA, SA RI, PHA SA PHA SIM, PHA RA SA GIA]
Hulu hulu pra, hulu hulu śrī
[HU LU HU LU, PỜ-RA, HU LU HU LU, SỜ-RI]
Sara sara siri siri suru suru budhiya budhiya buddhāya buddhāya
[XA RA, XA RA, XI RI XI RI, XU RU XU RU, BU ĐI-GIA BU ĐI-GIA, BÚT ĐA GIA, BÚT ĐA GIA]
Maitriya nīlakaṇṭha triśaraṇābhaya maṇa svāhā
[MAI TỜ-RI GIA, NI LA CĂNG THA, TỜ-RI SA RA NA, A PHA GIA, MA NA, XỜ-VA HA]
Siddhiya svāhā
[XÍT ĐI GIA, XỜ-VA HA]
Mahā-siddhiya svāhā
[MA HA XÍT ĐI GIA, XỜ-VA HA]
Siddhā yogeśvarāya svāhā
[XÍT ĐA, GIÔ GÊ SỜ-VA RA GIA, XỜ-VA HA]
Nīlakaṇṭha svāhā
[NI LA CĂNG THA, XỜ-VA HA]
Pravarāha mukhāya svāhā
[PỜ-RA VA RA HA, MU KHA GIA, XỜ-VA HA]
Śrī siṃha mukhāya svāhā
[SỜ-RI, XIM HA, MU KHA GIA, XỜ-VA HA]
Sarva mahā-muktāya svāhā
[XA RỜ-VA, MA HA MU CỜ-TA GIA, XỜ-VA HA]
Cakrā yudhāya svāhā
[CHA CỜ-RA, DU ĐA GIA, XỜ-VA HA]
Padma-hastaya svāhā
[PA ĐỜ-MA, HA XỜ-TA GIA, XỜ-VA HA]
Nīlakaṇṭha śaṅkha-rāja svāhā
[NI LA CĂNG THA, SĂNG KHA, RA DA, XỜ-VA HA]
Mā vari śaṅkarāya svāhā
[MA VA RI SĂNG CA RA GIA, XỜ-VA HA]
Namo ratna-trayāya
[NA MÔ RA TỜ-NA, TỜ-RA GIA GIA]
Namaḥ ārya-avalokiteśvarāya svāhā
[NA MẮC, A RI-GIA, A VA LÔ KI TÊ SỜ-VA RA GIA, XỜ-VA HA]
Oṃ siddhyantu mantra padāya svāhā
[OM, XÍT ĐI GIĂNG TU, MAN TỜ-RA, PA ĐA GIA, XỜ-VA HA]
(5 lần)

***Lục Tự Đại Minh Thần Chú**:
OṂ _ MAṆI PADME HŪṂ
[OM, MA NI, PA ĐỜ-MÊ, HÙM] (108 lần)

***Liên Hoa Bộ Tâm Chú**:
OṂ_ A ROLIK _ SVĀHĀ
[OM, A RÔ LÍCH, XỜ-VA HA] (108 lần)

***Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm tùy tâm chú**:
OṂ_ VAJRA-DHARMA HRĪḤ
[OM, VA DI-RA ĐA RỜ-MA, HƠ-RÍCH] (108 lần)

Kính lạy đời quá khứ
Chính Pháp Minh Như Lai
Chính là đời hiện nay
Quán Thế Âm Bồ Tát
Bậc thành Công Đức diệu
Đầy đủ tâm Đại Bi
Ở trong một thân tâm
Hiện ra ngàn tay mắt
Soi thấy khắp Pháp Giới
Hộ trì các chúng sinh
Khiến phát lòng Đạo sâu
Dạy trì Chú viên mãn
Cho xa lìa đường ác
Được sinh trước Như Lai
Những tội nặng Vô Gián
Cùng bệnh ác lâm thân
Khó nỗi cứu vớt được
Cũng đều khiến tiêu trừ
Các Tam Muội biện tài
Sự mong cầu hiện tại
Đều cho được thành tựu
Quyết định chẳng nghi sai
Khiến mau được ba Thừa
Sức uy thần Công Đức
Khen ngợi chẳng hay cùng
Cho nên con một lòng
Quy mệnh và đỉnh lễ.
-Nam mô quá khứ Thiên Quang Tịnh Trụ Vương Như Lai (3 lần)
-Nam mô Chính Pháp Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Như Lai (3 lần)
-Nam mô Quán Âm Bản Sư Vô Lượng Thọ Như Lai (3 lần, hay 108 lần)
-Nam mô Quán Âm Bản Thể Chính pháp Minh Như Lai (3 lần)
-Nam mô Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lần)

-Nam mô Câu Triệu sứ giả bộ_ Lực Sĩ sứ giả bộ_ Đại Lực Thiên bộ_ Khoáng Dã Quỷ Thần bộ_ Thủy Thần bộ_ Thiện Thần bộ_ Thần Tướng bộ_ Đấu Chiến Thần bộ_ Sơn Thần bộ_ Lưu Hành Thần bộ_ Phạm Thiên Bộ_ Na Hàm Thiên bộ_ Đế Thích Thiên bộ_ Dục Giới Thiên Nữ bộ_ Càn Thát Bà bộ_ Dạ Xoa Thần Mẫu bộ_ Cưu Bàn Trà bộ_ Hộ Thế Thiên bộ_ Điểu Vương bộ_ Đại Tiên bộ_ Đại Dược Xoa bộ_ Phương Bá Dược Xoa bộ_ Xà Long bộ_ Hải Long Vương bộ_ Phi Thiên chúng bộ_ Phi Nhân bộ_ Lôi Điển Thần bộ_ Địa Quỷ Thần bộ (3 lần)

-Nam mô Liên Hoa Bộ Hiền Thánh Chúng Bồ Tát (3 lần)

-Nam mô Đại Bi Thai Tạng Chư Tôn Hộ Pháp (3 lần)

❖ **Hồi Hướng Hộ Pháp**:

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dạ Xoa
Đến nghe Phật Pháp, nên chí tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng tu lời Phật dạy
Bao nhiêu Hữu tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Tâm Từ
Ngày đêm tự mình nương Pháp ở
_ Nguyện các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí lợi quần sinh
Bao nhiêu tội nghiệp thảy tiêu trừ
Xa lìa các khổ, về Viên Tịch
Hằng dùng Hương Giới xoa vóc sáng
Thường khoác áo Định để an thân
Hoa Diệu Bồ Đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở thường an lạc
{Phổ Thế Minh Phi Chân Ngôn :}

OṂ _ LOKA ALOKA KARĀYA_ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA KIṂNARA MAHORAGA HṚDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRA GATI _ SVĀHĀ

[OM_ LÔ CA, A LÔ CA, KA RA GIA_ XA RỜ-VA : ĐÊ VA, NA GA, GIẮC KỜ-SA, GĂN ĐA RỜ-VA, A SU RA, GA RU ĐA, KIM NA RA, MA HÔ RA GA, HỜ-RẬT ĐA GIA, A-NI GIA, A CA RỜ-SÁ GIA, VI CHI TỜ-RA, GA TI_ XỜ-VA HA] (3 lần)

❖ **Giải oan kết**:

Giải kết, giải kết, giải oan kết
Nghiệp chướng bao đời đều giải hết
Rửa sạch lòng Trần, phát Tâm thành kính
Nay trước Phật Đài cầu giải kết

OṂ _ DAHA DAHA _ SARVA DUṢṬA PRADUṢṬA _ TĀRĀNĀṂ _ SVĀHĀ

[OM _ ĐA HA, ĐA HA, XA RỜ-VA ĐU-SỜ-TA, PỜ-RA ĐU-SỜ-TA, TA RA NĂM, XỞ-VA HA] (3 Lần)

❖ **Phục Nguyện :**
Nguyện ngày an lành, đêm an lành
Đêm ngày sáu thời thường an lành
Trong hết thảy thời thường an lành
Nguyện xin TAM BẢO thương nhiếp thọ
Nguyện chư Thượng Sư thương nhiếp thọ
Nguyện xin Hộ Pháp thường ủng hộ
OṂ _ DHĀRE DHĀRE _ BANDHARE _ SVĀHĀ
[OM_ ĐA RÊ, ĐA RÊ, BAN ĐA RÊ, XỞ-VA HA] (3 Lần)

❖ **Hồi Hướng :**

_ Nguyện đem công đức này, hồi hướng cho tất cả _ Cầu cho Cửu Huyền Thất Tổ, cha mẹ muôn đời, hương linh đã khuất đều được nương nhờ theo PHẬT LỰC tiếp dẫn về cõi TỊNH ĐỘ

_ Nguyện cho toàn thể gia quyến: già, trẻ, lớn, nhỏ trong đời hiện tại đều được tăng phước thọ, xa lìa mọi bệnh tật tai ương dứt trừ mọi duyên ác, mau chóng đạt chính kiến .

_ Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui
_ Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não
_ Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi từ bi
_ Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng thành PHẬT ĐẠO

❖ **Tăng Đức Hạnh Chân Ngôn:**

OṂ SAṂBHARA SAṂBHARA VIMANA AKṢARA MAHĀ VAJRA HŪṂ

OṂ SMARA SMARA VIMANA AKṢARA MAHĀ-VAJRA HŪṂ

[OM, XĂM PHA RA, XĂM PHA RA , VI MA NA , A KỜ-SA RA, MA HA VA DI-RA HÙM

OM - XỜ-MA RA, XỜ-MA RA , VI MA NA , A KỜ-SA RA, MA HA VA DI-RA _ HÙM] (3 lần)

❖ **Bổ khuyết Chân Ngôn :**
OṂ _ DHURU DHURU _ JAYE MUKHE _ SVĀHĀ
[**OM _ ĐU RU ĐU RU, GIA DÊ MU KHÊ _ XỜ-VA HA**] (3 lần)

❖ **Lễ vãn:**
_ Trì tụng công đức Thù Thắng hạnh
_ Vô biên Thắng Phước đều hồi hướng
_ Nguyện khắp chúng sinh đang chìm đắm
_ Mau lìa khổ não chứng BỒ ĐỀ
NAM MÔ THẬP PHƯƠNG THƯỜNG TRỤ TAM BẢO (3 lần)

NGHI THỨC TRÌ TỤNG CHÚ ĐẠI BI

❖ **Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn:**
OṂ RAṂ
[**OM RAM**] (3 lần)

❖ **Chú đốt hương :**
Khói Hương Tạo Hình Thể
Thấu Suốt Cả Ba Cõi
Năm Uẩn Đều Thanh Tịnh
Ba Độc Tự Lặng Yên
OṂ _ DHARMA-DHĀTU ANUGATA _ SVĀHĀ
[**OM – ĐA RỜ-MA ĐA TU, A NU GA TA, XỜ-VA HA**] (3 lần)
(Cắm Hương Lên Bàn Thờ Rồi Nguyện Hương)
Nguyện đem lòng Thành Kính
Gửi theo đám mây Hương
Lan tỏa khắp mười phương
Cúng Dường ngôi Tam Bảo
Thề trọn đời giữ Đạo
Theo Tự Tính làm lành
Cùng Pháp Giới Chúng Sinh
Cầu Phật Từ gia hộ
Tâm Bồ Đề kiên cố
Chí tu học vững bền
Xa biển Khổ nguồn Mê
Chóng quay về bờ Giác
NAM MÔ HƯƠNG CÚNG DƯỜNG BỒ TÁT MA HA TÁT (3 lần)

<u>CHÍN PHƯƠNG TIỆN CHÂN NGÔN :</u>

1) **Tác Lễ Phương Tiện Chân Ngôn** :
" Quy mệnh Chính Đẳng Giác mười phương
Ba đời tất cả đủ ba Thân
Quy mệnh tất cả Pháp Đại Thừa
Quy mệnh Chúng Bồ Đề chẳng thoái
Quy mệnh các Minh, lời chân thật
Quy mệnh tất cả các Mật Ấn
Dùng Nghiệp thanh tịnh Thân Khẩu Ý
Ân cần vô lượng cung kính lễ "

*)OṂ_ NAMAḤ SARVA-TATHĀGATA KĀYA VĀK CITTA_ PĀDA VANDANĀṂ KAROMI

[OM NA MẮC XA RỜ-VA TA THA GA TA KA GIA, VẮC, CHÍT TA, PA ĐA, VAN ĐA NĂM, KA RÔ MI] (3 lần)

2) **Xuất tội phương tiện Chân Ngôn** :

- Con xin quỳ gối, hối tội xưa
Do con gom chứa sự vô minh
Gây nên tội lỗi thân, ý nghiệp
Tham dục sân si che Bản tâm .
Ở nơi Phật, pháp, Thánh Hiền Tăng
Cha mẹ, đạo sư với bạn lành
Cũng như vô lượng ức chúng sinh
Luân chuyển chìm trong giòng sinh tử
Lầm lỡ tạo nên bao tội nặng
- Nay con ở trước mười phương phật
Sám hối tội xưa, nguyện chẳng dám làm .

*) OṂ_ SARVA PĀPA SPHAṬ DAHANA VAJRĀYA_ SVĀHĀ

[OM, XA RỜ-VA PÀ PA SỜ-PHẠT, ĐA HA NA, VA DI-RA GIA, XỜ-VA HA] (3 lần)

3) **Quy y phương tiện Chân Ngôn** :

Quy mệnh mười phương Phật ba đời
Ba loại thường gần Tạng Chính Pháp
Mọi bí mật, Bồ Đề, Thắng Nguyện
Nay con đều chân chính Quy y .

*)OṂ_ SARVA BUDDHA BODHI-SATVĀNĀṂ ŚARANĀṂ GACCHĀMI_ VAJRA-DHARMA_ HRĪḤ

[OM, XA RỜ-VA BÚT ĐA, BỒ ĐI XA-TỜ-VA NĂM, SÁ RA NĂM, GÁCH CHA MI, VA DI-RA, ĐA RỜ-MA, HƠ-RÍCH] (3 lần)

4) **Thí thân phương tiện Chân Ngôn**:

Con tĩnh thân này lìa bợn nhơ
Cùng thân miệng ý của ba đời
Số nhiều hơn bụi, hơn biển lớn
Phụng hiến tất cả các Như Lai

*)OṂ _ SARVA TATHĀGATA-PŪJA PRAVARTTĀNĀYA ATMĀNAṂ NIRYĀTA YĀMI_ SARVA TATHĀGATĀŚCA ADHITIṢṬATAṂ _SARVA TATHĀGATA-JÑĀNA ME ĀVIŚATU

[OM, XA RỜ-VA, TA THA GA TA, PU DA, PỜ-RA VA RỜ-TA NA GIA, A TỜ-MA NĂM, NI RI GIA TA, GIA MI _ XA RỜ-VA TA THA GA TA SỜ-CHA, A ĐI SỢ-TỊ TA TĂM , XA RỜ-VA TA THA GA TA, DỜ-NHA NA, MÊ, A VI SA TU] (3 lần)

5) **Phát Bồ Đề Tâm Chân Ngôn**:

Tâm "TĨNH BỒ ĐỀ", báu Thắng nguyện
Nay con khởi Pháp cứu quần sinh
Bao giòng giống khổ gây phiền não
Cùng với **Vô Tri** não hại thân
Cứu nhiếp quy y khiến giải thoát

Thường làm lợi ích các hàm thức .
*) OṂ_ BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI
[OM, BÔ ĐI CHÍT TAM, U TỜ-PA ĐA, GIA MI] (3 lần)

6) **Tùy hỷ phương tiện Chân Ngôn**:
Trong tất cả mười phương Thế Giới
Có bao nhiêu Đức Chính Biến Tri
Mọi lời khéo léo ý thâm sâu
Chỉ riêng Phật rộng độ sinh muôn loài
Bao nhiêu nghiệp tu trì Phúc Đức
Nay con xin hết thảy tùy vui.
*) OṂ_ SARVA TATHĀGATA PUṆYA JÑĀNA ANUMUDANA _ PŪJA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ
[OM, XA RỜ-VA TA THA GA TA, PU NI-GIA DỜ-NHA NA, A NU MU ĐA NA, PU DA MÊ GA, XA MU ĐỜ-RA, SỜ-PHA RA NẠ, SA MA GIE, HÙM] (3 lần)

7) **Khuyến thỉnh Chân Ngôn**:
Nay con khuyến thỉnh các Như lai
Bồ Tát, Bậc bí mật cứu thế
Xin nguyện khắp cả mười phương Giới
Thường kéo mây lớn tuôn mưa Pháp .
*) OṂ_ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢAṆA PŪJA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ
[OM, XA RỜ-VA TA THA GA TA, A ĐỜ-ĐÊ SA NA, PU DA MÊ GA, XA MU ĐỜ-RA SỜ-PHA RA NẠ, XA MA GIÊ, HÙM] (3 lần)

8) **Thỉnh Pháp Thân Chân Ngôn**:
Nguyện nơi cư trú của phàm phu
Mau lìa khổ não bám trên thân
Sẽ được đến nơi không dơ bẩn
An trụ Pháp Thân Giới thanh tịnh
*) OṂ_ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢA YĀMI_ SARVA SATVA HĪTA ARTHĀYA_ DHARMA-DHĀTU STHITIR-BHAVATU
[OM, XA RỜ-VA TA THA GA TA, A ĐỜ ĐÊ SA, GIA MI . XA RỜ-VA XA TỜ-VA, HI TA, A RỜ-THA GIA, ĐA RỜ-MA ĐA TU , XỜ-THI TI RỜ-PHA VA TU] (3 lần)

9) **Hồi hướng Chân Ngôn**:
Bao nhiêu Thiện Nghiệp tu hành được
Vì muốn lợi cho mọi chúng sinh
Nay con chân chính hồi hướng hết
Trừ sinh tử khổ đến Niết Bàn .

*) OṂ_ SARVA TATHĀGATA NIRYĀTANA _PŪJA MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪṂ

[OM, XA RỜ-VA TA THA GA TA, NI RI- GIA TA NA , PU DA MÊ GA, XA MU ĐỜ- RA, XỜ-PHA RA NẠ, XA MA GIÊ, HÙM](3 lần)

Phổ Thanh Tịnh Chân Ngôn:
Tự Tính của con vốn Thanh Tịnh
Như Tự Tính thanh tịnh của các pháp

*) OṂ _ SVABHĀVA ŚUDDHA SARVA DHARMA SVABHĀVA ŚUDDHA-UHAṂ

[**OM, XỜ-VA PHA VA, SÚT ĐA, XA RỜ-VA ĐA RỜ-MA XỜ-VA PHA VA, SÚT ĐA, U HĂM**] (3 lần)

Nay con Trì tụng Pháp ĐẠI BI
Nguyện xin Tam Bảo thương nhiếp thọ
Nguyện xin Bản Tôn thương nhiếp thọ
Nguyện xin Hộ Pháp Thường ủng hộ
NAM MÔ ĐẠI BI HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT MA HA TÁT (3 lần)
Cúi lậy **Quán Âm Đại Bi Chủ**
Nguyện lực rộng sâu thân tướng đẹp
Ngàn tay trang nghiêm hộ trì khắp
Ngàn mắt quang minh chiếu mọi nơi
Trong lời chân thật diễn mật ngữ
Trong Tâm Vô Vi, khởi Tâm Bi
Mau khiến đầy đủ các mong cầu
Vĩnh viễn diệt trừ các Tội nghiệp
Trời, Rồng, chúng Thánh đồng TỪ hộ
Trăm ngàn Tam Muội liền huân tu
Tâm Thọ Trì là phướng Quang Minh
Thân Thọ Trì là Tạng Thần Thông .
Rửa sạch trần lao, qua biển khổ
Mau chứng Bồ Đề, môn phương tiện
Nay con xưng tụng thệ quy y
Nguyện ước theo Tâm, mau viên mãn.
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau biết tất cả Pháp
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được mắt Trí Tuệ
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau độ tất cả chúng
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được phương tiện khéo
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau ngồi thuyền Bát Nhã
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm được qua biển khổ
-Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau được đạo Giới Định
-Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm lên núi Niết Bàn
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau gặp nhà Vô Vi
- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm đồng thân Pháp Tính
*) Nếu con hướng về nơi non đao
Non đao tức thời liền sụp đổ
*) Nếu con hướng về lửa, nước sôi
Nước sôi, lửa cháy tự khô tắt
*) Nếu con hướng về cõi Địa Ngục
Địa Ngục liền mau tự tiêu diệt
*) Nếu con hướng về loài Ngạ Quỷ
Quỷ đói liền được tự no đủ
*) Nếu con hướng về chúng Tu La
Tu La tâm ác tự điều phục
*) Nếu con hướng về chúng súc sinh
Súc sinh tự được Đại Trí Tuệ

OṂ_ NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA SAHASRA-BHŪJA, SAHASRA-JVALA-NETRE MAHĀ-PADMA-RĀJĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-SATVĀYA, MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

[OM NA MẮC A RI-GIA A VA LÔ KI TÊ SỜ-VA RA GIA, XA HA XỜ-RA PHU GIA GIA, XA HA XỜ-RA DI-VA LA NÊ TỜ-RÊ, MA HA PA ĐỜ-MA RA DA GIA, BÔ ĐI XA TỜ-VA GIA, MA HA XA TỜ-VA GIA, MA HA KA RU NI KA GIA] (3 Lần)

- Nam mô quy mệnh Tịnh thổ **Bổ Đà Lạc Ca** trên biển ở phương Nam_ Chính Pháp Giáo Chủ **Thích Ca Mâu Ni Như Lai** _ Quán Âm Bản Sư **Vô Lượng Thọ Như Lai** _ Quán Âm Bản Thể **Chính Pháp Minh Như Lai**

- Nam mô Thiên Thủ Thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni _ Cứu Khổ Đà La Ni _ Diên Thọ Đà La Ni _ Diệt Ác Thú Đà La Ni _ Phá Nghiệp Chướng Đà La Ni _ Mãn Nguyện Đà La Ni _ Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni_ Tốc Siêu Thượng Địa Đà La Ni_ Nhất Khai Thần Chú Siêu Đệ Bát Địa Đà La Ni _ Tứ Bách Tứ Bệnh Nhất Thời Tiêu Diệt Đà La Ni.

- Nam mô **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Căn Bản Thần Diệu Chương Cú.**

Namo ratna-trayāya
[**NA MÔ RA-TỜ-NA, TỜ-RA GIA GIA**]

Namaḥ ārya-avalokiteśvarāya bodhisatvāya mahā-satvāya mahā-kāruṇikāya

[NA MẮC A RI-GIA, A VA LÔ KI TÊ SỜ-VA RA GIA, BÔ ĐI XỜ TỜ-VA GIA, MA HA XA TỜ-VA GIA, MA HÀ CA RU NI CA GIA]

Oṃ sarva rabhaye śuddhanādaṣya namaskṛtva imaṃ ārya-avalokiteśvara laṃtabha

[OM, XA RỜ-VA, RA PHA DÊ, SÚT-ĐA NA ĐA SI-GIA, NA MA XỜ-KỜ-RẬT-TỜ-VA, I MĂM, A RI-GIA, A VA LÔ KI TÊ SỜ-VA RA, LĂM TA PHA

Namo nīlakaṇṭha hṛ mahā-pataśami sarva-artha du śuphaṃ ajiyaṃ, sarva satva nāma bhaga mā bhāti du

[NA MÔ NI LA CĂNG THA, HỜ-RẬT, MA HA PA TA SA MI, XA RỜ-VA, A RỜ-THA, ĐU SU PHĂM, A DI GIĂM, XA RỜ-VA XA TỜ-VA, NA MA, PHA GA, MA PHA TI, ĐU]

Tadyathā : Oṃ avaloki lokate kalati iheliḥ mahā-bodhisatva sarva sarva māla māla masī masī hṛdayaṃ

[TA DI-GIA THA: OM, A VA LÔ KI, LÔ CA TÊ, CA LA TI, I HÊ LÍCH, MA HA BÔ ĐI XA TỜ-VA, XA RỜ-VA, XA RỜ-VA, MA LA MA LA, MA SI MA SI, HỜ-RẬT ĐA GIĂM]

Kuru kuru karmaṃ turu turu bhaṣiyati

[CU RU, CU RU, CA RỜ-MĂM, TU RU, TU RU, PHA SI GIA TI]

Mahā-bhaṣiyati dhāra dhāra dhiriṇi iśvarāya

[MA HÀ PHA SI GIA TI, ĐÀ RA ĐÀ RA, ĐI RI NI, I SỜ-VA RA GIA]

Cala cala mama vimala mukte

[CHA LA, CHA LA, MA MA, VI MA LA, MU CỜ-TÊ]

Ehyehi śina śina

[Ê HY-GIÊ HI, SI NA SI NA]

Araṣiṃ bhala śari bhaṣā bhaṣiṃ bhara śaya

[A RA SIM, PHA LA, SA RI, PHA SA PHA SIM, PHA RA SA GIA]

Hulu hulu pra, hulu hulu śrī

[HU LU HU LU, PỜ-RA, HU LU HU LU, SỜ-RI]

Sara sara siri siri suru suru budhiya budhiya buddhāya buddhāya

[XA RA, XA RA, XI RI XI RI, XU RU XU RU, BU ĐI-GIA BU ĐI-GIA, BÚT ĐA GIA, BÚT ĐA GIA]

Maitriya nīlakaṇṭha triśaraṇābhaya maṇa svāhā

[MAI TỜ-RI GIA, NI LA CĂNG THA, TỜ-RI SA RA NA, A PHA GIA, MA NA, XỜ-VA HA]

Siddhiya svāhā

[XÍT ĐI GIA, XỜ-VA HA]

Mahā-siddhiya svāhā

[MA HA XÍT ĐI GIA, XỜ-VA HA]

Siddhā yogeśvarāya svāhā

[XÍT ĐA, GIÔ GÊ SỜ-VA RA GIA, XỜ-VA HA]

Nīlakaṇṭha svāhā

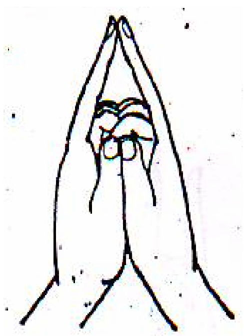
[NI LA CĂNG THA, XỜ-VA HA]

Pravarāha mukhāya svāhā

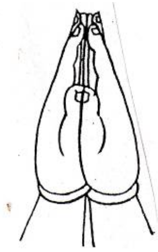
[PỜ-RA VA RA HA, MU KHA GIA, XỜ-VA HA]
Śrī siṃha mukhāya svāhā
[SỜ-RI, XIM HA, MU KHA GIA, XỜ-VA HA]
Sarva mahā-muktāya svāhā
[XA RỜ-VA, MA HA MU CỜ-TA GIA, XỜ-VA HA]
Cakrā yudhāya svāhā
[CHA CỜ-RA, DU ĐA GIA, XỜ-VA HA]
Padma-hastaya svāhā
[PA ĐỜ-MA, HA XỜ-TA GIA, XỜ-VA HA]
Nīlakaṇṭha śaṅkha-rāja svāhā
[NI LA CĂNG THA, SĂNG KHA, RA DA, XỜ-VA HA]
Mā vari śaṅkarāya svāhā
[MA VA RI SĂNG CA RA GIA, XỜ-VA HA]
Namo ratna-trayāya
[NA MÔ RA TỜ-NA, TỜ-RA GIA GIA]
Namaḥ ārya-avalokiteśvarāya svāhā
[NA MẮC, A RI-GIA, A VA LÔ KI TÊ SỜ-VA RA GIA, XỜ-VA HA]
Oṃ siddhyantu mantra padāya svāhā
[OM, XÍT ĐI GIĂNG TU, MAN TỜ-RA, PA ĐA GIA, XỜ-VA HA]
(Kết ấn Cửu Phong Mật Ấn trì Chú 5 lần. Sau đó xả ấn trên đỉnh đầu).



***Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm Tùy Tâm Chú**:
OṂ_ VAJRA-DHARMA HRĪḤ
[OM, VA DI-RA ĐA RỜ-MA, HƠ-RÍCH] (108 lần)
(Kết ấn Đại Bi Bạt Khổ, trì chú 108 lần, xong xả ấn trên đỉnh đầu).



Chắp tay Liên Hoa hợp chưởng để ngang trái tim, tụng các Chú sau:



*) **Bạch Y Quán Âm Đại Chú**:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀṂ _TATHĀGATA-VIṢAYA SAṂBHAVE PADMA-MĀLINI SVĀHĀ

[NA MẮC XA MĂN TÁ BÚT ĐA NĂM, TA THA GA TA VI SẠ GIA SĂM PHA VÊ, PA ĐỜ-MA MA LI NI, XỜ-VA HA] (3 lần)

*) **Đại Bạch Y Quán Tự Tại Bồ Tát Chú**:

NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA, MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA

TADYATHĀ: ŚVETE ŚVETĀṂGE ŚVETA-BHŪJA ŚVETA-VASTRE ŚVETA-MALYA RALAṂKṚTE JAYE VIJAYE AJITE_ SARVA SIDDHA NAMAḤSKṚTE HILI MILI KILI DARŚAYA-SĀDHAYA SVĀHĀ

[NA MẮC A RI-GIA A VA LÔ KI TÊ SỜ-VA RA GIA, BÔ ĐI XA TỜ-VA GIA, MA HA XA TỜ-VA GIA, MA HA KA RU NI KA GIA

TA ĐI-GIA THA : SỜ-VÊ TÊ, SỜ-VÊ TĂM GÊ, SỜ-VÊ TA PHU GIA, SỜ-VÊ TA VA XỜ-TỜ-RÊ, SỜ-VÊ TA MA LI-GIA, RA LĂM KỜ-RẬT TÊ, DA DÊ, VI DA DÊ, A DI TÊ. XA RỜ-VA XÍT ĐA, NA MẮC XỜ-KỜ-RẬT TE, HI LI HI LI, MI LI MI LI, KI LI, ĐA RỜ-SÁ GIA, SA ĐA GIA, XỜ-VA HA] (3 lần)

*) **Quán Âm Đa La Chân Ngôn**:

OṂ_ TĀRE TUTTĀRE TURE SVĀHĀ

[OM, TA RÊ, TÚT TA RÊ, TU RÊ, XỜ-VA HA] (3 lần)

*) **Tỳ Lý Câu Đê Chân Ngôn**:

OṂ _SARVA BHAYA TRASANI SPHAṬYA SVĀHĀ

[OM, XA RỜ-VA PHA GIA, TỜ-RA XA NI, XỜ-PHẠT GIA, XỜ-VA HA](3 lần)

Kính lạy đời quá khứ
Chính Pháp Minh Như Lai
Chính là đời hiện nay
Quán Thế Âm Bồ Tát

Bậc thành Công Đức diệu
Đầy đủ Tâm Đại Bi
Ở trong một thân tâm
Hiện ra ngàn tay mắt
Soi thấy khắp Pháp Giới
Hộ trì các chúng sinh
Khiến phát lòng Đạo sâu
Dạy trì Chú viên mãn
Cho xa lìa đường ác
Được sinh trước Như Lai
Những tội nặng Vô Gián
Cùng bệnh ác lâm thân
Khó nỗi cứu vớt được
Cũng đều khiến tiêu trừ
Các Tam Muội biện tài
Sự mong cầu hiện tại
Đều cho được thành tựu
Quyết định chẳng nghi sai
Khiến mau được ba Thừa
Sức uy thần Công Đức
Khen ngợi chẳng hay cùng
Cho nên con một lòng
Quy mệnh và đỉnh lễ.

*) **Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Tâm Chú**:

OṂ NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA SAHASRA-BHŪJĀYA

OṂ - NAMO STUTE PRASĪDAMAṂ VARADA - SVĀHĀ

[OM, NA MẮC A RI-GIA, A VA LÔ KI TÊ SỜ-VA RA GIA, SA HA XỜ-RA PHU GIA GIA

OM, NA MÔ SỜ-TU TÊ, PỜ-RA XI ĐA MĂM, VA RA ĐA, XỜ-VA HA] (3 lần)

(Chắp 2 tay lại giữa rỗng, mở bung 2 ngón út và 2 ngón trỏ- Trì Chân Ngôn 3 lần, xong xả Ấn trên đỉnh đầu)

-Nam mô quá khứ Thiên Quang Tịnh Trụ Vương Như Lai

-Nam mô Chính Pháp Giáo Chủ Thích Ca Mâu Ni Như Lai

-Nam mô Quán Âm Bản Sư Vô Lượng Thọ Như Lai

-Nam mô Quán Âm Bản Thể Chính pháp Minh Như Lai

-Nam mô Thánh Giả Thiên Quang Nhãn Tôn Bạt Khổ Quán Tự Tại _ Dữ Trí Quán Tự Tại _ Thí Nguyện Quán Tự Tại _ Trừ Kích Quán Tự Tại _ Trừ Khuể Quán Tự Tại _Tiến Đạo Quán Tự Tại _ Cần Chính Quán Tự Tại_ Thí Vô Úy Quán Tự Tại_ Thí Quang Quán Tự Tại _ Dữ Cam Lộ Quán Tự Tại_ Kiến Thiên Quán Tự Tại_ Thí Diệu Quán Tự Tại_ Kiến Lạc Quán Tự Tại_ Giáng Ma Quán Tự Tại_ Tĩnh Lự Quán Tự Tại_ Tác Cữu Quán Tự Tại_ Kiến Thiền Quán Tự Tại_ Oán Địch Quán Tự Tại_ Điều Trực Quán Tự Tại_ Không Huệ Quán Tự Tại_ Hộ Thánh Quán Tự Tại_ Thanh Tịnh Quán Tự Tại _ Chính Pháp Quán Tự

Tại_ Nan Dục Quán Tự Tại_ Bất Động Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ta Tát, đầy đủ Tâm Đại Bi.

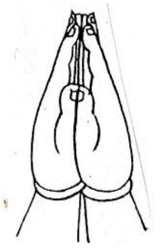
Nguyện cho con được nương nhờ nơi uy quang Đại Bi hộ niệm của Quán Tự Tại Tôn để thành tựu mọi mong cầu và xa lìa KHỔ CHƯỚNG HOẶC trong 25 Hữu

*) **Thiên Quang Nhãn Bí Mật Đà La Ni**:

OṂ_ VAJRA-DHARMA VIŚUDDHA PADMA-SATVA HĪTA SPHARAṆA SVĀHĀ.

[OM, VA DI-RA ĐA RỜ-MA, VI SÚT ĐA, PA ĐỜ-MA XA TỜ-VA, HI TA, XỜ-PHA RA NẠ , XỜ-VA HA] (3 lần)

(Dùng Liên Hoa Hợp Chưởng Ấn,trì Chú từ 3 lần đến 108 lần)



-Nam mô Thí Vô Úy Quán Tự Tại hoá thân 48 Bồ Tát: Dữ Nguyện Quán Tự Tại_ Trì Sách Quán Tự Tại_ Bảo Bát Quán Tự Tại_ Bảo Kiếm Quán Tự Tại_ Kim Cương Quán Tự Tại_ Trì Xử Quán Tự Tại_ Trừ Bố Quán Tự Tại_ Nhật Tinh Quán Tự Tại_ Nguyệt Tinh Quán Tự Tại_ Trì Cung Quán Tự Tại_ Tốc Trực Quán Tự Tại_ Dược Vương Quán Tự Tại_ Phất Nạn Quán Tự Tại_ Trì Bình Quán Tự Tại_ Hiện Nộ Quán Tự Tại_ Trấn Nạn Quán Tự Tại_ Trì Hoàn Quán Tự Tại_ Phân Diệp Lợi Quán Tự Tại_ Kiến Phật Quán Tự Tại_ Kính Trí Quán Tự Tại_ Kiến Liên Quán Tự Tại_ Kiến Ấn Quán Tự Tại_ Tiên Vân Quán Tự Tại_ Thiền Định Quán Tự Tai_ Thiên Hoa Quán Tự Tại_ Phá Tặc Quán Tự Tại_ Niệm Châu Quán Tự Tại_ Trì Loa Quán Tự Tại_ Phộc Quỷ Quán Tự Tại_ Pháp Âm Quán Tự Tại_ Trí Ấn Quán Tự Tại_ Câu Triệu Quán Tự Tại_ Từ Trượng Quán Tự Tại_ Hiện Kính Quán Tự Tại_ Bất Ly Quán Tự Tại_ Đại Thế Quán Tự Tại_ Bát Nhã Quán Tự Tại_ Bất Chuyển Quán Tự Tại_ Quán Đỉnh Quán Tự Tại_ Hộ Địa Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát.

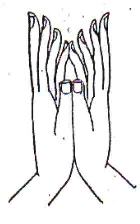
Nguyện cho con nương nhờ uy lực của ánh sáng Đại Bi phá trừ mọi phiền não chướng và mau chóng trực kiến PHẬT TÍNH trong bản tâm,thành tựu mọi môn phương tiện.

*) **Quán Âm Tâm Chân Ngôn**:

OṂ_ MAṆI PADME HŪṂ HRĪḤ

[OM, MA NI, PA ĐỜ-MÊ, HÙM, HƠ-RÍCH] (108 lần)

(Kết Bát Diệp Liên Hoa Ấn,tụng chân ngôn từ 3 lần đến 108 lần)



-Phụng thỉnh Thiên Thủ Quán Âm nhị thập bát bộ Chúng: Câu Triệu sứ giả bộ_ Lực Sĩ sứ giả bộ_ Đại Lực Thiên bộ_ Khoáng Dã Quỷ Thần bộ_ Thủy Thần bộ_ Thiện Thần bộ_ Thần Tướng bộ_ Đấu Chiến Thần bộ_ Sơn Thần bộ_ Lưu Hành Thần bộ_ Phạm Thiên Bộ_ Na Hàm Thiên bộ_ Đế Thích Thiên bộ_ Dục Giới Thiên Nữ bộ_ Càn Thát Bà bộ_ Dạ Xoa Thần Mẫu bộ_ Cưu Bàn Trà bộ_ Hộ Thế Thiên bộ_ Điểu Vương bộ_ Đại Tiên bộ_ Đại Dược Xoa bộ_ Phương Bá Dược Xoa bộ_ Xà Long bộ_ Hải Long Vương bộ_ Phi Thiên chúng bộ_ Phi Nhân bộ_ Lôi Điển Thần bộ_ Địa Quỷ Thần bộ.

Nguyện xin chư vị Hộ Pháp Đại Bi ủng hộ, độ trì cho Đệ Tử mau chóng viên mãn mọi sự cát tường.

*) **Nhị thập bát bộ Chân Ngôn**:

KURU KURU_ TURU TURU _ JVARA JVARA _ SIRI SIRI _ SURU SURU _ TRAJVARA _ SVĀHĀ

[KU RU KU RU, TU RU TU RU, DI-VA RA DI-VA RA, XI RI XI RI, XU RU XU RU, TỜ-RA DI-VA LA, XỜ-VA HA] (3 lần).

Nguyện ngày an lành, đêm an lành.
Đêm ngày sáu thời thường an lành
Trong tất cả thời thường an lành
Nguyện xin Tam Bảo thương nhiếp thọ
Nguyện xin Bản Tôn thương nhiếp thọ
Nguyện xin Hộ Pháp thường ủng hộ

*) HỒI HƯỚNG:

Bao nhiêu chút ít Công Đức con có được
Do việc tu tập ngày hôm nay
Con đều xin hồi hướng cho sự Toàn Giác của con
-Sở dĩ con gặp được giáo lý
Của Đấng Đạo Sư Vô Thượng
Là nhờ vào lòng tử tế của Thầy con
Nên con hồi hướng Công Đức này
Xin cho tất cả Hữu Tình
Đều được những Đạo Sư săn sóc
-Như Bồ Tát VĂN THÙ biết cách hồi hướng
Như Bồ Tát PHỔ HIỀN cũng biết cách
Con xin hồi hướng tất cả Công Đức này
Để học làm theo cách của các Ngài ấy
Theo cách mà tất cả chư Phật ba đời
Đều ca tụng là tốt nhất
Con xin hồi hướng đến những hành vi cao cả ấy

_OṂ SMARA VIMANA MAHĀ-JĀPA HŪṂ

[OM, XỜ-MA RA, VI MA NA, MA HA DA PA, HÙM] (9 lần)

_OṂ _ DHURU DHURU JAYE MUKHE SVĀHĀ

[OM, ĐU RU ĐU RU, DA DÊ, MU KHÊ, XỜ-VA HA] (9 lần).

*) LỄ VĂN:
_ Trì Chú Công Đức thù thắng hạnh
Vô biên Thắng Phước đều hồi hướng
Nguyện khắp chúng sinh đang chìm đắm
Mau lìa khổ não chứng Bồ Đề

_ Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui
Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não
Nguyện cho tất cả chúng sinh mau khởi Từ Bi
Nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ Đề
NAM MÔ THẬP PHƯƠNG THƯỜNG TRỤ TAM BẢO (3 lần)

(Lễ 9 lạy rồi lui ra)

24/01/2011

QUYẾN THUỘC CỦA THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Do hoá độ tất cả chúng sinh trong 25 Hữu nên Đức Thiên **Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát** có rất nhiều quyến thuộc, trong đó có **28 Bộ** phụ giúp. Hầu hết các Vị trong 28 Bộ này đều hộ trì cho người trì tụng Thần Chú Đại Bi vượt qua ách nạn, xa lìa các Ma chướng, hàng phục các loài Ma Quỷ Thần hung ác và mau chóng có phương tiện thuận lợi cho việc tu hành. Vì thế, nếu Hành Giả gặp việc cần thiết thì có thể kết Ấn, niệm Chân Ngôn kêu gọi cầu khẩn giúp đỡ.



1) **Nhị Thập Bát Bộ Tổng Nhiếp Ấn** :

Chắp 2 tay lại để trống rỗng chính giữa (Hư Tâm Hợp Chưởng) mở 2 ngón út, 2 ngón trỏ phóng thẳng ra ngoài. Đứng thẳng đọc Chân Ngôn là :

KURU KURU_ TURU TURU _ JVARA JVARA _ SIRI SIRI _ SURU SURU _ TRAJVARA _ SVĀHĀ

2) **Nhị Thập Bát Bộ Tổng Minh Ấn** :

Hai tay cài chéo 10 ngón trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền (Nội Phộc Quyền) dựng đứng 2 ngón cái, hiển tướng giận dữ, niệm Chân Ngôn:

OṂ _ KUBERA _ SVĀHĀ

3) **Nhị Thập Bát Bộ Chúng Ấn** :

Hai tay cài chéo 10 ngón trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền, dựng thẳng đứng 2 ngón giữa, co ngón trỏ và ngón út như hình vành xe (Luân). Niệm Chân Ngôn :

OṂ_ MUCI MUCI _ PIŚĀCANĀṂ HŪṂ HŪṂ_ BUDDHĀNĀṂ VAJRA HŪṂ PHAṬ

4) **Nhị Thập Bát Bộ Can Tâm Chân Ngôn** :

NAMO MĀRĀ-RĀJA SADDHARMA PUṆḌARIKA _ OṂ RĪṬI _ SVĀHĀ

5) **Thiên Long Bát Bộ Tập Hội Ấn** :

Hư Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, co 2 ngón út đè trên móng 2 ngón cái, đưa 2 ngón trỏ qua lại. Niệm Chân Ngôn là :

OṂ_ SARVA DEVA NĀGA _ ANALE ANALE _ SVĀHĀ.

*) DANH XƯNG CỦA 28 BỘ :

1) **Minh Chú Thần Bộ** (hay **Câu Triệu Sứ Giả Bộ**)

Kinh ghi : ***"Mật Tích, Kim Cương Sĩ, Ô Sô, Quân Đồ, Ương Câu Thi"***

Mật Tích: tức là **Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ** (Vajra-pāṇi-guhyakādhipati) Lúc hiện thân đoan nghiêm thì gọi là **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi). Khi hiện thân tướng phẫn nộ thì gọi là **Kim Cương Mật Tích** (Vajra-guhyaka). Vì có sức mạnh kiên cố và tay cầm chày Kim Cương nên gọi là **Kim Cương Sĩ** (Vajra-satva). Đây là vị Mật Tích Kim Cương cầm chày đứng hầu sau lưng Đức Phật. Do vị này có hành tung bí mật và Bản Thệ bí mật nên gọi là **Mật Tích** (Guhyaka). Thông thường các vị Mật Tích Kim Cương đều là thân hóa hiện của chư Phật Bồ Tát

Căn cứ vào nghĩa thâm sâu thì Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ biểu thị cho 3 Mật Thân Khẩu Ý của Đại Nhật Như Lai và thường được tán tụng là :

"***Quy mệnh Mật Tích Chủ***
Tồi hoại các loài Ma
Đông Chân Pháp Vương Tử
Đủ mọi hạnh Phổ Hiền "

Kim Cương Sĩ tức **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) có Bản Thệ là phá nát các chướng ác nên biểu thị cho Đức ***" Chiết Phục Môn "***

Quân Đồ gọi đủ là **Quân Đồ Lợi** (Kuṇḍali) dịch ý là cái bình chứa Cam Lộ (Amṛta-kuṇḍali). Tôn này dùng nước Đại Bi tẩy rửa các chướng nạn của chúng sinh và khiến cho mọi sự mong cầu đều được đầy đủ, phá nát chúng Tu La, điều phục Quỷ Thần ác, trừ bệnh tật khiến sống lâu và thường được tán tụng là :

"***Tuôn chảy nước Cam Lộ***
Tẩy rửa trong Tàng Thức "

Ương Câu Thi (Aṅkuśe) có nghĩa là Khúc Câu, tên một món vũ khí có hình như móc câu. Trong Kinh Đại Bi thì **Ương Câu Thi** được dùng để chỉ vị **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja). Tôn này có Bản Thệ là: "**Không trụ ở Niết Bàn mà trụ trong cảnh giới Vô Minh để đoạn tận các nẻo ác"** nên biểu thị cho sức tinh tiến không thoái chuyển của các vị Bồ Tát.

Thiên Thủ Nghi Quỹ ghi là : "***Trong 4 Nhiếp Câu , Sách, Tỏa Linh thì Câu dùng Mã Đầu Ấn Minh"***

OṂ_ HAYAGRĪVA MAHĀ-PADMA-AṄKUŚA JAḤ

Ô Sô gọi đủ là **Ô Sô Sa Ma** (Ucchuṣma) dịch ý là Giải Uế, Thọ Uế hoặc Uế Tích. Trong Đại Phật Đỉnh Kinh thì Tôn này là Hỏa Đầu Kim Cương. Tôn này có Công Đức ***chuyển uế thành tịnh, chuyển nhiệt tâm tham dục thành Trí Tuệ giải thoát***

Cả 5 Tôn này là 5 vị Câu Triệu Sứ Giả của 5 Bộ là: Phật Bộ, Kim Cương Bộ, Bảo Bộ, Liên Hoa Bộ, Yết Ma Bộ

2) **Chú Thần Sứ Giả Bộ** (hay **Sứ Giả Bộ**)

Kinh ghi : ***"Bát Bộ lực sĩ, Thưởng Ca La"***

Bát Bộ Lực Sĩ là 8 vị Đại Kim Cương Vương hay 8 vị Kim Cương Sứ

Thưởng Ca La (Śaṅkara) dịch ý là cái khóa (Tỏa). Đây là Hiệu chung của 8 vị Kim Cương Sứ và thường gọi là **Kim Cương Liên Tỏa** (Vajra-śaṅkara, hay Vajra-śaṃkara)

3) **Đại Lực Thiên Bộ**

Kinh ghi : ***"Ma Hê, Na La Diên"***

Ma Hê gọi đủ là **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara) tức là Trời Đại Tự Tại. Lại gọi là Tự Tại Thiên, Tự Tại Thiên Vương, Thiên Chủ. Truyền thuyết cho rằng đây là **Thân Phẫn Nộ** (Krodha-kāya) của **Lỗ Nại La Thiên** (Rùdra) . Do địa phương cư trú chẳng đồng nên lại có tên khác là **Thương Yết La** (Śaṃkara) và **I Xá Na** (Īśana)

Vị Trời này nguyên là Thần Chủ **Thấp Bà** (Śiva) của Bà La Môn Giáovà xưng tán vị Trời này là Bản Thể của Thế Giới. Tất cả vật Hữu Mệnh hoặc Vô Mệnh trong Tam Giới đều do Ma Hê Thủ La Thiên sinh ra.

Lại dùng Thân của Ma Hê Thủ La mà nói: Hư Không là cái đầu, Đất là cái thân,Nước là thứ tiểu tiện, tất cả Chúng Sinh là loài trùng trong bụng, Gió là mạng sống, Lửa là hơi ấm, Tội Phước là nghiệp, tất cả Sinh Diệt Niết Bàn đều là Ma Hê Thủ La

Phàm tất cả sự vui buồn sướng khổ của Nhân Gian đều do vị Trời này. Lúc vị Trời này vui thì tất cả chúng sinh đều được an lạc. Khi vị Trời này giận thì chúng Ma hiện ra, đất nước nhiễu loạn, tất cả Chúng Sinh đều tùy theo mà chịu khổ. Nếu Thế Giới này đoạn diệt thì tất cả vạn vật cùng quy vào trong Trời Đại Tự Tại. Sự tận diệt này là cách thức biểu hiện của Đại Tự Tại Thiên Thần.

Xong trừ sát thương, bạo ác… là tính cách bên ngoài. Vị Thiên này cũng có đủ tính cách cứu hộ trị liệu nên dùng diện mạo của vị Thần Cát Tường để hiện ra.

Sau này, khi đã du nhập vào Phật Giáo thì vị Thần Thấp Bà (Śiva) liền trở thành vị Thần Hộ Pháp của Phật Giáo. Ngài là vị Thần có uy lực to lớn, biết rõ lượng nước mưa của Đại Thiên Thế Giới và cư ngụ tại Trời Tứ Thiền thuộc **Sắc Phạm Thiên Giớ**i (Rūpa-brahma-loka)

Đức Phật có dạy: ***"Nếu đã cúng dường Ma Hê Thủ La Thiên là cúng dường tất cả chư Thiên. Khi vị Trời này giận dữ thì tất cả Ma Chúng hiện ra và quốc thổ nhiễu loạn"***

Na La Diên (Nārāyaṇa) là vị Thần Cổ Xưa của Ấn Độ có sức mạnh to lớn. Lại gọi là Na La Diên Thiên, Na La Dã Noa Thiên. Dịch ý là: Kiên Cố Lực Sĩ, Kim Cương Lực Sĩ, Câu Tỏa Lực Sĩ, Nhân Trung Lực Sĩ, Nhân Sinh Bản Thiên. Đây là vị Trời trong **Dục Giới** (Kāma-loka). Lại xưng là **Tỳ Nữu Thiên** (Viṣṇu). Người muốn cầu có nhiều sức mạnh thì nên tinh thành cầu đảo cúng dường vị Trời này ắt được nhiều thần lực

Đại Nhật Kinh Sớ, **quyển 10** cũng ghi nhận vị Trời này là tên riêng của Tỳ Nữu Thiên, là Hóa Thân của Đức Phật, thường cỡi con chim Ca Lâu La (Garuḍa: Kim Xí Điểu) du hành trong hư không.

Ấn Độ cổ đại thì xưng tán vị Trời này là Mẫu của Phạm Thiên và thường xướng tụng câu Chú " OṂ NAMO NĀRĀYAṆĀYA " ắt có thể bay lên Trời

4) **Khoáng Dã Quỷ Thần Bộ**

Kinh ghi : **"Kim Tỳ La Đà, Ca Tỳ La"**

Kim Tỳ La Đà gọi đủ là **Kim Tỳ La Đà La** (Kuṃbiradhara) là vị Bổ Thần thứ ba của **Đế Đầu Lại Tra Thiên Vương** (Dhṛta-rāṣṭra-deva-rāja: Trì Quốc Thiên Vương) Tôn này còn gọi là **Khoáng Dã Kim Tỳ La** (Aṭavaka-kuṃbira) thống lãnh tất cả hàng Quỷ Thần .

Ca Tỳ La (Kapila) tức Ca Tỳ La Dược Xoa, là vị Bổ Thần thứ nhất của **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa-deva-rāja). Tôn này còn được gọi là Kiếp Tất La, Kiếp Tỷ La Dược Xoa. Dịch ý là: Hoàng Sắc Dạ Xoa là một trong 4 Dạ Xoa ở phương Đông (1 trong 28 Dạ Xoa) gồm có **Kiếp Tất La Dạ Xoa** (Kapila-yakṣa), **Đại Trường Dạ Xoa** (Dhīrgha-yakṣa), **Diệu Mục Dạ Xoa** (Sunetre-yakṣa), **Viên Mãn Dạ Xoa** (Pūrṇa-yakṣa) trụ ở phương Đông của 10 phương Thế Giới, hộ giúp cho tất cả Chúng Sinh ở phương Đông mau lìa buồn khổ

5) **Thủy Thần Bộ**

Kinh ghi ***"Bà Cấp, Bà Lâu Na"***

Bà Cấp cũng là **Ma Sa** (Matsya) là con cá

Bà Lâu Na (Varuṇa) là Thủy Thiên

Đại Tập Kinh 56 ghi nhận 5 loại Long Vương (Pañca-nāga-rāja) là

_ **Thiện Trụ Long Vương** (Supratiṣṭha-nāga-rāja) là vua của tất cả loài Tượng Long

_ **Nan Đà** (Nanda-nāga-rāja), **Bạt Nan Đà** (Upananda-nāga-rāja), hai vị Long Vương này là Chủ của tất cả loài Xà Long

_ **A Nậu Đạt Long Vương** (Anavatapta-nāga-rāja) là Chủ của tất cả loài Mã Long

_ **Ma Na Tô Ba Đế Long Vương** (Manasvati-nāga-rāja) là vua của tất cả loài Hà Mô Long

_ **Bà Lâu Na Long Vương** (Varuṇa-nāga-rāja) là Chủ của tất cả loài Ngư Long

Như vậy Bà Cấp Bà Lâu Na (Matsya-varuṇa) chính là Ngư Long Thủy Thiên

6) **Thiện Thần Bộ**

Kinh ghi: **"Mãn Thiện, Xa Bát Chân Đà La"**

Mãn Thiện (Pūrṇa-kuśala) tức Viên Mãn Dạ Xoa chuyên hộ giúp các chúng sinh ở phương Đông

Xa Bát Chân Đà La (Daśa Siṇḍura) là vị Đại Tướng Dược Xoa thứ 10 trong 12 vị Thần Tướng Dược Xoa hộ trì pháp của Đức Phật **Dược Sư Lưu Ly Quang Vương** (Bhaiṣaijya-guru-vaiḍurya-prabha-rājāya). Tôn này còn gọi là **Dần Thần** (Siṇḍura)

7) **Thần Tướng Bộ**

Kinh ghi: "*Tát Giá Ma Hòa La*"

Tát Giá Ma Hòa La (Śacate Madhura) nghĩa là người có sức mạnh mẽ phục vụ cho Thần Chiến Tranh Skanda nên được gọi là **Đại Lực Tướng Quân** (Mahā-bala Senapati) **Đại Thần Tướng Quân Ma Hoà La** (Madhura senapati) Đại Thần Tướng Quân Nữ Tát Giá Ma

8) **Đấu Chiến Thần Bộ**

Kinh ghi: ***"Cưu Lan Đan Tra, Bán Chỉ La"***

Cưu Lan Đan Tra (Kṛtānta) nghĩa là đem đến sự cùng tận nhằm chỉ vị Thần chiến đấu vô địch. Đây là một tên của **Tử Thần** (Yama)

Bán Chỉ La (Pañcika) dịch là Mật Chủ, Mật Thân. Tức là Đại Tướng Dược Xoa thứ 3 trong 8 vị Dược Xoa Đại Tướng là quyến thuộc của Tỳ Sa Môn Thiên. Tôn này là chồng của **Quỷ Tử Mẫu** (Hāritye Mātṛ).

9) **Sơn Thần Bộ**

Kinh ghi: ***"Tất Bà Già La Vương"***

Tất Bà Già La Vương là **Nhĩ Hầu Vương** (Markada-rāja) một vị Sơn Thần trấn ngự ở ngọn núi to lớn Makara

10) **Lưu Hành Thần Bộ**

Kinh ghi : ***"Ứng Đức, Tỳ Đa, Tát Hòa La"***

Ứng Đức (Arhaguṇa) xưa dịch là **Ly Thọ Trước Thiên** (Vị Trời xa lìa sự thọ nhận nhiễm dính)

Tỳ Đa (Śveta) là Bạch Quỷ hay Cực Bạch Quỷ

Tát Hòa La (Savara hay Śabara) là vị Thần làm Chủ của Bách Quái. Đây cũng là một tên gọi của Thần **Thấp Bà** (Śiva)

11) **Phạm Thiên Bộ**

Kinh ghi : ***"Phạm Ma Tam Bát La"***

Phạm Ma gọi đủ là **Phạm La Hạ Ma** (Brahma) có nghĩa là trong sạch tinh khiết

Theo Ấn Độ Giáo thì Brahma là vị Chủ Tể sáng tạo ra Trời Đất và muôn vật. Sau nay khi du nhập vào Phật Giáo thì Brahma là vị Chủ Tể của cõi Sơ Thiền thuộc **Sắc Giới** (Rūpa-dhātu)

Tam Bát La (Saṃbhara) có nghĩa là Ứng, chịu nhận, cái kho chứa

Do đó Phạm Ma Tam Bát La được dịch là Ứng Thiên, tức chỉ chư vị ở 3 tầng Trời thuộc Sơ Thiền Thiên là

_ Phạm Chúng Thiên (Brāhma Parsādyā)

_ Phạm Phụ Thiên (Brāhma Purohīta)

_ Đại Phạm Thiên (Mahā-brāhma)

12) **Na Hàm Thiên Bộ**

Kinh ghi : ***"Ngũ Bộ Tịnh Cư, Diêm Ma La"***

Ngũ Bộ Tịnh Cư (Pañca-śuddhāvāsa) là Trời Ngũ Tịnh Cư. Nơi cư ngụ của các vị Thánh có Tịnh nghiệp, nơi sinh của các bậc Thánh đắc quả **A Na Hàm** (Anāgāmi) . Cõi này gồm có 5 Trời thuộc Đệ Tứ Thiền Thiên của Sắc Giới là

_ Vô Phiền Thiên (Avṛha)

_ Vô Nhiệt Thiên (Atapa)

_ Thiện Kiến Thiên (Sudṛśa)
_ Thiện Hiện Thiên (Sudarśana)
_ Sắc Cứu Cánh Thiên (Akaniṣṭha)

Diêm Ma La gọi đủ là **Diêm Ma La Già** (Yama-rāja)

Theo Ấn Độ Giáo thì Yama là vị Trời Dạ Ma, một vị Thần Quang Minh. Sau khi mất, Ngài vào cõi U Minh làm Chủ Tể của cõi Hắc Ám chuyên phán xét tội ác của người chết nên có tên là Tử Vương. Ở Địa Ngục thì Yama chuyên cai trị Nam Tội Nhân, còn em gái là Yami chuyên cai trị Nữ tội nhân, nên được gọi là Song Vương. Hai anh em đều là con của **Nhật Thần** (Vivasvat) và **Thời Gian Thần** (Saraṇyu)

Do Yama chuyên trừng phạt cột trói tội nhân nên có tên là **Phộc Vương** (Bandha-rāja). Vì phán quyết và ngăn chặn hạnh ác của những người bị đọa vào Địa Ngục nên có tên là Già Chỉ Vương hoặc Tịnh Tức Vương. Do Yama luôn thẩm vấn và phán xét tội nhân một cách vô tư nên có tên là **Bình Đẳng Vương** (Sama-rāja).

Truyền Thuyết cho rằng: Yama nguyên là vị vua của xứ **Vệ Xá Li** (Vaiśali). Trong một trận chiến tranh đẫm máu, Ngài nguyện làm vua của Địa Ngục và được tái sinh làm Diêm Vương thống lãnh 18 Âm Cung, 8 vị Tướng Quân và 8000 ngục tốt. Ngài cư trú trong cái thành to lớn làm bằng 7 báu, ngang dọc 60 Do Tuần, thọ hưởng sự vui sướng vô thượng. Nhưng mỗi ngày 3 lần, Yama và các Tướng Sĩ phải chịu hình phạt bị đổ đồng sôi vào miệng cho đến khi đền trả hết tội ác. Do Yama nhận chịu cả 2 Quả Báo sướng khổ nên có tên là Song Vương.

Sau này tuy Mật Giáo ghi nhận Ya Ma vào Thiên Bộ là **Diễm Ma Thiên** (Yama-deva) nhưng Giáo Đồ Phật Giáo vẫn xem Ngài là Thủy Tổ của Thế Giới Quỷ, Tổng Quản của Âm Giới, Thần Chủ của Địa Ngục ở núi Thiết Vi. Thuộc Hạ thân cận của Ngài là Hắc Ám Thiên Nữ, Thái Sơn Phủ Quân và 2 vị Thần chuyên ghi chép việc Thiện Ác có tên chung là Song Đồng.

13) **Đế Thích Thiên Bộ** (hay **Đao Lợi Thiên Bộ**)

Kinh ghi : ***"Thích Vương, Tam Thập Tam"***

Thích Vương: Tức vua Trời **Đế Thích** (Indra hay Śakra).

Nguyên Indra là vị Thần của Ấn Độ Giáo, là Thần Lôi Vũ có địa vị tối cao trong các chư Thần, ngồi trên xe có ngựa kéo, vung múa Chày Kim Cương ngăn trị loài Ma ác và đấu tranh với hàng A Tu La.

Sau khi du nhập vào Phật Giáo thì Indra trở thành vị Hộ Pháp, là vị Thần Chủ của cõi Trời Đao Lợi, cai quản cả 33 cõi Trời

Tam Thập Tam : Tức **Tam Thập Tam Thiên** (Trayastriṃśa). Cõi này còn có tên là Đao Lợi Thiên, Đế Thích Thiên, Dạ Xoa Bí Mật Kim Cương Thủ… Đây là tầng Trời thứ hai trong 6 tầng Trời của **Dục Giới** (Kāma-dhātu) ở trên đỉnh núi Tu Di (Sumeru) 4 phương của đỉnh núi đều có thành quách của 8 Thiên, chính giữa là thành **Thiện Kiến** (Sudṛśa) là nơi cư ngụ của vua Trời Đế Thích, 4 góc của đỉnh núi đều có một ngọn cao 500 Do Tuần có Thần Dạ Xoa tên là **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi) cư trú và phòng hộ chư Thiên.

Chính Pháp Niệm Xứ kinh , quyển 25 ghi nhận 33 Thiên là :

1) Trụ Thiện Pháp Đường Thiên
2) Trụ Phong Thiên
3) Trụ Sơn Đỉnh Thiên
4) Thiện Kiến Thành Thiên (nơi cư ngụ của Đế Thích)
5) Bát Tư Địa Thiên
6) Trụ Câu Tra Thiên
7) Tạp Điện Thiên

8) Trụ Hoan Hỷ Viên Thiên
9) Quang Minh Thiên
10) Ba Lợi Gia Đa Thọ Viên Thiên
11) Hiểm Ngạn Thiên
12) Trụ Tạp Hiểm Ngạn Thiên
13) Trụ Ma Ni Tạp Thiên
14) Du Hành Địa Thiên
15) Kim Điện Thiên
16) Man Ảnh Xứ Thiên
17) Trụ Nhu Nhuyễn Địa Thiên
18) Tạp Trang Nghiêm Thiên
19) Như Ý Địa Thiên
20) Vi Tế Hành Thiên
21) Ca Âm Hỷ Lạc Thiên
22) Uy Đức Luân Thiên
23) Nguyệt Hành Thiên
24) Diễm Ma Sa La Thiên
25) Tốc Hành Thiên
26) Ảnh Chiếu Thiên
27) Trí Tuệ Hành Thiên
28) Chúng Phần Thiên
29) Trụ Luân Thiên
30) Thượng Hành Thiên
31) Uy Đức Nhan Thiên
32) Uy Đức Diễm Luân Thiên
33) Thanh Tĩnh Thiên

14) **Dục Giới Thiên Bộ** :

Kinh ghi : ***"Đại Biện, Công Đức, Bà Đát Na"***

Đại Biện : Tức là **Biện Tài Thiên Nữ** (Sarasvati-devi). Theo Ấn Độ Giáo và Bà La Môn Giáo cổ đại thì Tôn này là Van Nghệ Thần Nữ. Lại còn gọi là Đại Biện Thiên, Đại Biện Tài Thiên Nữ, Đại Biện Tài Công Đức Thiên, Đại Thánh Biện Tài Thiên Thần, Diệu Âm Thiên, Mỹ Âm Thiên và gọi tắt là Biện Thiên.

Theo **Lê Câu Phệ Đà** (Rig-Veda) thì Tôn này là tên gọi của con sông và là vị Thần Sông Rạch hay trừ uế cho con người; ban cho con người sự giàu có, tiền của, con cháu và sự dũng cảm.

Theo Phạm Thư và **Ma Ha Bà La Đa** (Sử Thi Mahā-bharata) thì Tôn này là Ngôn Ngữ Thần Nữ. Sau này là vợ của Phạm Thiên tức là Nữ Thần của ngôn ngữ và tri thức. Tương truyền Tôn này là người sáng tạo ra Mẫu Tự Thiên Thành Thể và Phạn Ngữ, chưởng quản thi ca âm nhạc. Là người bảo hộ cho kẻ học nghệ thuật hòa tấu. Sau này lại là Nữ Thần của trí tuệ và hùng biện. Có lúc lại thấy Tôn này là vợ của **Tỳ Thấp Noa** (Viṣṇu) cùng với Cát Tường Thiên Nữ đồng nhận Tín Ngưỡng phổ biến.

Khi du nhập vào Phật Giáo thì Tôn này là người thủ hộ thọ trì **Kinh Kim Quang Minh** (Suvarṇa prabhāsottama- Sutra)

Công Đức: Tức là **Cát Tường Thiên Nữ** (Śrī-devi) Đây là Nữ Thần hay ban bố Phước Đức.

Lúc đầu Thiên Nữ này vốn là một vị Thần trong Thần Thoại Ấn Độ, là Ái Phi của **Na La Diên Thiên** (Nārāyaṇa) và là mẹ của Thần **Ái Dục** (Kāma). Truyền Thuyết khác cho rằng Thiên Nữ này có tên là **Lakṣmi** (Cát Khánh hay Công Đức Thiên) cha

tên là Đức Xoa Ca Long Vương (Takṣa-nāga-rāja) mẹ tên là **Ha Lị Đế Mẫu** (Hāṛtye Mātṛ) anh tên là **Tỳ Sa Môn Thiên** (Vaiśravaṇa)

Sau khi du nhập vào Phật Giáo thì Thiên Nữ này trở thành vị Thiên Thần Hộ Pháp cho Phật Giáo. Hầu hết Kinh Bản của Phật Giáo đều ghi nhận Cát Tường Thiên Nữ là Hậu Phi của Tỳ Sa Môn Thiên và xác nhận Thiên Nữ này là vị Bồ Tát Bát Địa vì đại nguyện lực nên hiện hình Thiên Nữ ban bố lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Bà Đát Na (Vasīna): là Ẩn Hình tức là tên riêng của **Ma Lợi Chi Thiên Nữ** (Marīci-devi)

Theo Thần Thoại Ấn Độ thì Marīci (Dương Diễm hay Uy Quang) là dạng Thần Cách Hóa ánh sáng của Mặt Trời (Sūrya). Ngài là quyến thuộc của Trời Đế Thích, thường chạy phía trước **Nhật Thiên** (Āditya-deva) đi khắp 4 Châu thiên hạ, chuyên đảm đương việc giữ nước an dân.

Do Tôn này có đủ lực tự tại thần thông to lớn, chuyên ẩn thân, hay tiêu trừ chướng nạn, tăng tiến lợi ích cho con người nên rất được nhân dân sùng bái. Tại Nhật Bản thì Tôn này là nơi tín phụng của hàng Võ Sĩ, tức là Thần Thủ Hộ của Nhẫn Thuật Sau khi du nhập vào Phật Giáo thì Tôn này được gọi là Ma Lợi Chi Bồ Tát và xếp vào Thiên Bộ. Dùng Tôn này làm Bản Tôn của Pháp Tu sẽ được các Công Đức về hộ thân, ẩn hình, tiền bạc, tranh luận thắng lợi.

15) **Càn Thát Bà Bộ** :

Kinh ghi: ***"Đề Đầu Lại Tra Vương"***

Đề Đầu Lại Tra Vương (Dhṛta-rāṣṭra-deva-rāja) là Trì Quốc Thiên Vương, vị vua thống lãnh hàng **Càn Thát Bà** (Gandharva: Hương Ẩm Thần) và Tỳ Xá Già (Piśāca: Xí Thần). Ngài trụ ở Hoàng Kim Đóa ở núi Càn Đà nằm giữa eo núi Tu Di ở phương Đông, chỗ cư ngụ của Ngài gọi là Hiền Thượng Thành.

Do Ngài có Bản Thệ là khen thưởng các điều lành, trừng phạt các việc ác, hộ trì Quốc Thổ, bảo vệ chúng sinh nên có tên gọi là Trì Quốc Thiên Vương, vị Thần bảo hộ ở phương Đông.

16) **Dạ Xoa Mẫu Thần Bộ** :

Kinh ghi :"***Thần Nữ Mẫu, chúng Đại Lực "***

Thần Nữ Mẫu: Tên Phạn là Hāṛtye- Mātṛ dịch âm là Ha lợi Đế Ma Đề Lý, dịch ý là Hoan Hỷ Mẫu, Ái Tử Mẫu, Thiên Mẫu, Công Đức Thiên. Vị Nữ Thần này là mẹ của 500 Quỷ Vương (? 1000 Quỷ Vương) nên gọi là Quỷ Tử Mẫu.

Tôn này vốn là vợ của vị Ác Thần, sinh ra 500 đứa con (? 1000 đứa con) Nhân trước khi sinh có phát nguyện ăn hết trẻ thơ của thành **Vương Xá** (Rāja-gṛha) Do Tà Nguyện ấy, sau khi chết liền sinh làm Dạ Xoa và đi đến thành Vương Xá chuyên môn bắt con nhỏ của người khác ăn thịt. Đức Phật muốn răn đe dạy bảo, liền dấu mất đứa con yêu của bà. Quỷ Tử Mẫu Thần đau khổ khóc than thảm thiết. Khi ấy Đức Phật bảo rằng: "Ngươi có 500 đứa con, nay chẳng qua chỉ lấy đi một đứa con mà ngươi đã đau buồn như thế. Còn ngươi ăn thịt con của người ta thì sự đau buồn của các cha mẹ mất con so với ngươi, điều nào đáng buồn hơn?"

Quỷ Tử Mẫu nghe xong liền Quy Y Đức Phật và lập thệ sẽ làm vị Thần Bảo Hộ cho sản phụ và trẻ con được bình yên. Đời sau vì sùng kính Bà nên gọi là Tử Mẫu Thần.

Vì Ha Lợi Đế Mẫu vốn có thệ ước là hộ trì Pháp Quán Âm nên các Đại Quán Âm đều dùng Thần Mẫu làm quyến thuộc.

Chúng Đại Lực: là 1000 Dạ Xoa có sức mạnh to lớn.

Quỷ Tử Mẫu Kinh ghi nhận là: “Ha Lợi Đế Mẫu có 1000 đứa con, 500 con ở trên Trời, 500 con ở dưới đất đều có Đại Lực, thống suất hàng vạn quân Quỷ làm rối loạn chư Thiên và Nhân Gian một cách độc ác . Sau này Đức Phật dùng sức phương tiện triệu tập 1000 Quỷ Vương đó lại, khiến cho họ phải chịu 500 hình phạt thì họ mới bắt đầu vào đường Thiện”.

17) **Cưu Bàn Trà Bộ** :

Kinh ghi: ***“Tỳ Lâu Lặc Xoa”***

Tỳ Lâu Lặc Xoa (Virūḍhaka-deva-rāja) là Tăng Trưởng Thiên Vương, vị vua thống lãnh hàng **Cưu Bàn Trà** (Kumbhaṇḍha: Ung Hình Quỷ) và **Bế Lệ Đa** (Preta: Ngạ Quỷ) Ngài cư ngụ tại Thành Thiện Kiến thuộc Lưu Ly Đóa ở phía Nam núi Tu Di.

Do Ngài có Bản Thệ là làm tăng trưởng uy đức của mình và của người cho nên có Đức Phần làm cho vạn vật sinh trưởng và nuôi lớn căn lành cho các chúng sinh. Vì thế Ngài có tên là Tăng Trưởng Thiên Vương, vị Thần Thủ Hộ ở phương Nam

18) **Hộ Thế Thiên Bộ** :

Kinh ghi: ***“Tỳ Lâu Bác Xoa, Tỳ Sa Môn”***

Tỳ Lâu Bác Xoa (Virūpakṣa-deva-rāja) là Quảng Mục Thiên Vương, vị vua thống lãnh hàng **Rồng** (Nāga) và **Phú Đan Na** (Pūtana: Xú Quỷ) Ngài cư ngụ tại thành Chu La Thiện Kiến thuộc Bạch Ngân Đóa ở phía Tây núi Tu Di

Do Ngài có Bản Thệ trừng phạt người có tội khiến họ phải gặp các điều cay đắng, sau đó mới có thể khởi Tâm Đạo nên Ngài thường dùng Thiên Nhãn Thanh Tịnh quán sát độ trì cho chúng sinh ở Diêm Phù Đề. Vì thế Ngài có tên là Quảng Mục Thiên Vương, vị Thần Thủ Hộ ở phương Tây

Tỳ sa Môn (Vaiśravaṇa-deva-rāja) tức là Đa Văn Thiên Vương, vị vua thống lãnh hàng **Dạ Xoa** (Yakṣa) và **La Sát** (Rākṣasa). Ngài cư ngụ tại 3 thành: Khả Úy, Thiện Kính, Chúng Quang thuộc Thủy Tinh Đóa ở phía Bắc núi Tu Di

Do Ngài có Bản Thệ thường bảo hộ Đạo Trường của Như Lai và nghe Pháp nên Phước Đức lừng lẫy 4 phương. Vì thế Ngài có tên là Đa Văn Thiên Vương, vị Thần Thủ Hộ ở phương Bắc

Tỳ Sa Môn còn có tên gọi là Kubera (hay Kuvera) là vị Tài Thần (hay Phúc Thần) hay thí phước hộ tài nên được sự tín phụng của nhiều người.

19) **Điểu Vương Bộ** :

Kinh ghi : “***Kim Sắc Khổng Tước Vương”***

Kim Sắc (Suvarṇa-rūpa) là màu vàng ròng

Khổng Tước Vương (Mayūra-rāja) là vua của loài chim công.

Đây là vị Thần Thủ Hộ của Phật Pháp và cũng được xem là một Hóa Thân của Phật Đà chuyên bảo hộ cho người tu hành. Mật Giáo còn gọi Tôn này là Phật Mẫu Kim Sắc Khổng Tước Minh Vương, **Đại Kim Sắc Khổng Tước Minh Phi** (Mahā-mayūri-vidya-rāñji: Đại Khổng Tước Minh Phi)

20) **Đại Tiên Bộ**:

Kinh ghi : ***“Nhị Thập Bát Bộ Đại Tiên Chúng”***

Nhị Thập Bát Bộ là 28 vị Tinh Tú (Aṣṭa-viṃśati-nakṣatrāṃ) đều gọi là Đại Tiên (Mahā-ṛṣī) ngự trong 7 núi vàng. 4 phương đều có 7 Tú, hợp thành 28 Tú, đều làm Thủ Hộ Đạo Trường

7 Tú ở phương Đông:

1) Mão Tú (Kṛtikā)
2) Tất Tú (Rohiṇī)
3) Tuy Tú (Mṛgaśiras)
4) Sâm Tú (Ārdrā)
5) Tỉnh Tú (Punarvasu)
6) Quỷ Tú (Puṣya)
7) Liễu Tú (Āśleṣā)
7 Tú ở phương Nam:
1) Tinh Tú (Maghā)
2) Trương Tú (Pūrva-phalgunī)
3 Dực Tú (Uttara-phalgunī)
4) Kháng Tú (Svātī)
5) Chẩn Tú (Hasta)
6) Giác Tú (Citrā)
7) Đê Tú (Viśākhā)
7 Tú ở phương Tây:
1) Phòng Tú (Anurādhā)
2) Tâm Tú (Jeṣṭha)
3) Vĩ Tú (Mūlā)
4) Cơ Tú (Pūrva-Āṣāḍhā)
5) Đẩu Tú (Uttara-Āṣāḍhā)
6) Ngưu Tú (Abhijit)
7) Nữ Tú (Śravaṇā)
7 Tú ở phương Bắc:
1) Hư Tú (Dhaniṣṭhā)
2) Nguy Tú (Śatabhiṣak)
3) Thất Tú (Pūrva-bhādrapadā)
4) Bích Tú (Uttara-bhādrapadā)
5) Khuê Tú (Revati)
6) Lâu Tú (Aśvinī)
7 Vị Tú (Bharaṇī)
Lúc cúng tế dùng nước cốt trà (Trà trấp) làm Tiên Pháp

21) **Đại Dược Xoa Bộ** :
Kinh ghi : ***"Ma Ni Bạt Đà La"***
Ma Ni Bạt Đà La (Maṇi-bhadra) là Bảo Hiền Dược Xoa, là vị Bổ Thần thứ nhất của Đông Phương Thiên Vương. Tôn này là Thượng Thủ của 8 Đại Dược Xoa và là em của Đa Văn Thiên Vương
8 Đại Dược Xoa Quyến Thuộc của Tỳ Sa Môn Thiên là:
1) **Maṇi-bhadra** (Bảo Hiền)
2) **Pūrṇa-bhadra** (Mãn Hiền)
3) **Pāñcika** (Mật Chủ, Mật Thân)
4) **Śatagirī** (Uy Thần, Chúng Đức)
5) **Hemavanta** (Ứng Niệm, Chủ Tuyết Sơn Giả)
6) **Viśakha** (Đại Mãn, Trì Pháp)
7) **Āṭavaka** (Vô Tỷ Lực, Vô Tỷ Thân)
8) **Pañcala** (Mật Nghiêm)

22) **Phương Bá Dược Xoa Bộ** :

Kinh ghi : ***"Tán Chỉ Đại Tướng, Phất La Bà"***

Tán Chỉ Đại Tướng (Pañcika) là **Chính Liễu Tri Đại Tướng** (Saṃjñeya). Do đối với các Pháp, vị Dược Xoa (Yakṣa) này đều biết chính xác, hiểu chính xác, ngộ chính xác, có năng lực quán sát chính xác nên có tên là Chính Liễu Tri

Phương Bá Dược Xoa: gồm có 28 vị Dược xoa. Do 4 phương mỗi phương có 4 vị Dược Xoa, 4 góc mỗi góc có 1 vị Dược Xoa, phương trên có 4 vị Dược Xoa, phương dưới có 4 vị Dược Xoa nên gọi 28 vị Dược Xoa này là Phương Bá Dược Xoa.

.) 4 Vị Dược Xoa ở Phương Đông là: Đại Trường (Dīrgha), Diệu Mục (Sunetra), Viên Mãn (Pūrṇa), Hoàng Sắc (Kapila)

.) 4 Vị Dược Xoa ở phương Nam là: **Sư Tử** (Siṃha), **Tiểu Sư Tử** (Upasiṃha), **Loa** (śaṅkhara), **Chiên Đàn** (Candana)

.) 4 Vị Dược Xoa ở phương Tây là: **Sư Tử** (Hari), **Sư Tử Kế** (Harikeśa), **Tự Tại** (Prabhū), T**hanh Sắc** (Piṅgala)

.) 4 Vị Dược Xoa ở phương Bắc là: **Năng Trì** (Dharana), **Trì Hỷ** (Dharananda), **Cần Hộ** (Udyogapāla), **Thiên Danh** (Viṣṇu)

.) 4 Vị Dược Xoa ở 4 phương bàng là: **Hữu Ngũ** (Pāñcika), **Ngũ Xứ** (Pañcala-ganda), **Bình Sơn** (Satagiri), **Tuyết Sơn** (Hemavata)

.) 4 Vị Dược Xoa ở phương trên là: **Nhật Thần** (Sūrya), **Nguyệt Thần** (Soma), **Hỏa Thần** (Agni), **Phong Thần** (Vāyu)

.) 4 Vị Dược Xoa ở phương dưới (trên mặt đất) là: **Địa** (Bhūma), **Diệu Địa** (Subhūma), **Hắc** (Kāla), **Tiểu Hắc** (Upakāla)

Chính Liễu Tri Đại Tướng cùng với 28 vị Dược Xoa thường âm thầm hộ vệ cho người Thuyết Pháp khỏi suy tổn, hưởng yên vui đồng thời cũng hộ vệ cho người nghe Pháp.

Phất La Bà: đọc đủ là **Bố Ngư Noa Bạt Đà La** (Pūrṇa-bhadra) tức Mãn Hiền Dược Xoa.

Cả 2 vị Dược Xoa này đều là em của Tỳ sa Môn Thiên Vương

23) **Xà Long Bộ** :

Kinh ghi: ***"Nan Đà, Bạt Nan Đà"***

Nan Đà: tức **Nan Đà Long Vương** (Nanda-nāga-rāja) dịch là Hoan Hỷ Long Vương, là vị Rồng lớn

Bạt Nan Đà: gọi đủ là **Ô Bạt Nan Đà Long Vương** (Upananda-nāga-rāja) dịch là Hiền Hỷ Long Vương, là vị Rồng nhỏ

Đây là 2 anh em Long Vương, Chủ của tất cả hàng Xà Long, hay hộ trì Phật Pháp.

24) **Hải Long Vương Bộ** :

Kinh ghi : ***"Bà Già La Long, Y Bát La"***

Bà Già La Long (Sāgara-nāga-rāja) tức Hải Long Vương, vị vua Rồng sống trong biển lớn và cũng có tên là Hàm Hải Long Vương

Y Bát La (Elāpattra): tên gọi một loài cây, vì vị vua Rồng có cây Y Bát La trên đầu nên có tên gọi là **Y Bát La Long Vương** (Elāpattra-nāga-rāja) và dịch là Hương Dược Long Vương

25) **Phi Thiên Chúng Bộ** :

Kinh ghi: "***Tu La, Càn Đạt Bà"***

Tu La : gọi đủ là **A Tu La** (Asura) dịch là Phi Thiên hay Vô Thiện Đẳng. Đây là hàng Thần có thần thông biến hóa nhưng phước đức không bằng chư Thiên.

Truyền Thuyết cho rằng Nam A Tu La có thân hình thô xấu, còn Nữ A Tu La thì rất xinh đẹp. Đây cũng là một trong các nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh giữa hàng A Tu La và chư Thiên.

Càn Đạt Bà (Gandharva) là Hương Ẩm Thần, Tầm Hương Thần, Hương Thần, Dược Thần. Tức là Nhạc Thần của Trời Đế Thích, thường tấu nhạc cho Trời Đế Thích nghe.

26) **Phi Nhân Bộ** :

Kinh ghi: ***"Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La"***

Ca Lâu La (Garuḍa) là Kim Xí Điểu, một loài chim Thần có lông cánh màu vàng rất đẹp, hai cánh xòe ra cách nhau 3360000 dặm, có thần thông biến hóa, chuyên ăn thịt loài Rồng, thường hiện ra thân người đầu chim có lông cánh

Truyền Thuyết cho rằng Na La Diên Thiên thường cỡi chim Kim Xí Điểu du hành trên hư không. Vì thế Kim Xí Điểu được xem là dạng Thần Cách Hóa về tướng dụng của Na La Diên Thiên.

Dùng Kim Xí Điểu làm Bản Tôn để hành Pháp cầu mưa, trị bệnh, giải trừ oan kết đều thành tựu. Ngoài ra Tôn này còn ăn nuốt tất cả phiền não, Ma chướng và dùng Đại Phước Lợi cung cấp cho chúng sinh

Khẩn Na La (Kiṃnara) là Nghi Thần, Ca Thần hay Âm Nhạc Thiên. Hàng Thần này tuy giống người nhưng trên đầu có sừng. Đôi khi Nam Thần có thân người đầu ngựa, riêng Nữ Thần thì đoan chính thích ca múa và thường làm vợ của hàng Càn Đạt Bà . Hàng Thần này thường ca múa và tấu Pháp Nhạc cho Trời Đế Thích thưởng thức

Ma Hầu La: gọi đủ là **Ma Hầu La Già** (Mahoraga) dịch là Đại Mãng Xà, Địa Long, Đại Phúc Hành Thần tức là Thần Rắn. Đây cũng là vị Thần Âm Nhạc có mình người đầu rắn

Do 3 hàng Thần này tựa như loài người mà chẳng phải người nên thường gọi là hàng **Phi Nhân** (Amanuṣya)

27) **Lôi Điển Thần Bộ**:

Kinh ghi: ***"Thủy Hỏa Lôi Điển Thần"***

Thủy Hỏa Lôi Điển Thần gồm có 2 hàng Thần là **Thủy Lôi** (Udaka-devagarjati) và **Hỏa Lôi** (Agni-devagarjati) và là Thần Chủng của mưa (Varsaṇi)

Lôi (Devagarjati) tức là Tinh của mây mưa. Lôi có tiếng vang ầm như tiếng trống nên Tây Thành kêu là **Vân Thanh Lôi** (tiếng vang rền của đám mây) Đây chính là hiện tượng va chạm của Âm Dương tạo ra âm thanh vang rền (Lôi) và ánh chớp lóe (Điển: Vidyu)

Như vậy **Thủy Hỏa Lôi Điển Thần** (Udaka-Agni-devagarjati-vidyu) là các vị Thần Sấm sét.

28) **Địa Quỷ Thần Bộ**:

Kinh ghi: ***"Cưu Bàn Trà Vương, Tỳ Xá Đỗ"***

Cưu Bàn Trà Vương (Kumbhaṇḍha-rāja) là Ung Hình Quỷ Vương. Đôi khi loài Cưu Bàn Trà có mình người đầu ngựa và còn gọi là Dược Thần

Tỳ Xá Đỗ (Piśāca) là Xí Thần (Quỷ Thần ở nhà xí), Cuồng Quỷ, Ẩm Huyết Thực Quỷ, Cực Khổ Quỷ, Đạm Tinh Khí Quỷ

Đây là 2 loại Quỷ Vương trong 8 Bộ Quỷ Thần

28 Bộ trên có thể được ghép thành 14 cặp như sau:

1) **Chủ và Bạn của Minh Chú Thần**

Minh Chú Thần Bộ là Chủ của Minh Chú Thần
Chú Thần Sứ Giả Bộ là Bạn của Minh Chú Thần

2) **Trụ Không và Trụ Địa**

Đại Lực Thiên Bộ là Không Cư Thiên
Khoáng Dã Quỷ Thần Bộ là Trụ Địa Khoáng Dã Thần

3) **Nội Ngoại Nhuận Lợi**

Thủy Thần Bộ tức Thủy Nhuận là lợi bên ngoài (Ngoại lợi)
Thiện Thần Bộ tức tác thiện sung mãn là lợi bên trong (Nội lợi)

4) **Tướng quân và Chiến đấu**

Thần Tướng Bộ là Đại Thần Tướng Quân
Đấu Chiến Thần Bộ là chiến đấu vô địch
Do dựa vào Tướng Quân mà chiến đấu nên hợp thành một cặp.

5) **Trụ Địa và Lưu Hành**

Sơn Thần Bộ là Trụ núi (tức đứng yên)
Lưu Hành Thần Bộ là Lưu Hành Thần (tức di chuyển)

6) **Tĩnh Lự cạn sâu**

Phạm Thiên Bộ: là y theo Thiền mà hành nông cạn thì được thân Phạm Thiên
Na Hàm Bộ: là do Thiền Định thâm sâu mà sinh vào cõi Ngũ Tịnh Cư.

7) **Thắng Nam Nữ Thiên trong Địa Cư Thiên**

Đế Thích Thiên Bộ là Thắng Nam Thiên
Dục Giới Thiên Nữ Bộ là Thắng Nữ Thiên

8) **Trì Quốc và Trì Đàn**

Đất nước là nơi nương tựa của Hữu Tình còn Đàn Trường là nơi Thánh Nhân giáng lâm.

Càn Thát Bà Bộ là Trì Quốc vì Đông Phương Thiên hay giữ gìn quốc thổ của Thế Gian.

Dạ Xoa Thần Mẫu Bộ là Trì Đàn vì Thần Mẫu Ha Lợi Đế hay hộ Đàn Trường của Quán Âm Bộ.

9) **Hộ Quốc và Hộ Thế**

Cưu Bàn Trà Bộ là Hộ Quốc vì Nam Phương Thiên hay làm cho vạn vật tăng trưởng

Hộ Thế Thiên Bộ là Hộ Thế vì Tây Phương Thiên và Bắc Phương Thiên hay giúp đỡ cho người ở Thế Gian.

10) **Sở Trì và Năng Trì**

Điểu Vương Bộ là Sở Trì vì có Chú Pháp Sở Trì
Đại Tiên Bộ là Năng Trì vì y vào đây mà có công của Năng Trì

11) **Cần Hành và Trụ Phương**

Đại Dược Xoa Bộ là Phi Hành Thiên Dược Xoa nên gọi là Cần Hành Dược Xoa (Dược Xoa siêng năng đi lại)

Phương Bá Dược Xoa Bộ hay trụ phương thủ hộ nên gọi là Trụ Phương Dược Xoa (Dược Xoa đứng theo phương vị của mình)

12) **Ngoại Hải và Nội Hải**

Hai Rồng Nanda và Upananda trụ bên ngoài, đi đến biển làm Tối Đại Long Vương nên Xà Long Bộ là Ngoại Hải Long Vương

Sa Già Long Vương ở trong biển Ngọt làm Tối Đại Long Vương nên Hải Long Bộ làm Nội Hải Long Vương.

13) **Phi Thiên và Phi Nhân**

A Tu La hay đánh nhau với chư Thiên mà phước đức chẳng bằng Trời. Càn Thát Bà tuy ở chung cõi Trời nhưng phải thường tấu nhạc cho Đế Thích nghe nên phước đức cũng chẳng bằng. Do đó cả hai loài này gọi là Phi Thiên Chúng Bộ.

Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già tuy tựa như người mà chẳng phải người nên gọi là Phi Nhân Chúng Bộ.

14) **Thượng Hạ Quỷ Thần**

Lôi Điển Thần Bộ là Lôi Thần Tộc ở trên Hư Không

Địa Quỷ Thần Bộ là Quỷ Thần cư ngụ dưới đất



Nhập Đường Cầu Pháp Tuần Lễ Hành Ký, quyển 2 ghi chép trong chùa Trúc Lâm ở Ngũ Đài Sơn của Trung Quốc có an trí 28 Tượng Thiên Thích Phạm Vương. Viện Liên Hoa Vương ở Kinh Đô Nhật Bản đến nay còn 28 Tôn Tượng đứng bằng gỗ được những người họ Trạm họ Khánh cung phụng.

1. **Mật Tích Kim Cương Sĩ**: Màu thịt đỏ, mặc Giáp Trụ, tướng phẫn nộ, Tay trái chống eo, cong khuỷu tay phải ngang ngực, cầm chày Kim Cương nằm ngang trong lòng bàn tay.



2. **Bát Bộ Lực Sĩ** : Màu thịt đỏ, mặc áo xanh, tướng Phẫn Nộ, tay trái để ở eo, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài.



3. **Ma Hê Na La Đạt**: Mặc áo Giáp Kim Cương, tay trái duỗi khuỷu, tay phải cầm cây đao lớn đâm xuống đất



4. **Kim Tỳ La Đà**: Mặc Giáp Trụ, tay trái để ở eo, tay phải rút cây đao lớn.



5. **Bà Cấp Bà Lâu Na**: Màu vàng trắng, mặc Giáp Trụ bằng vàng, tướng phẫn nộ, tay trái để sát ngực, tay phải để cạnh eo cầm cây đao lớn



6. **Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La**: Mặc áo Cà Sa màu xanh, hơi cười, tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải cầm Hoa Sen.



7. **Tát Giá Ma Hòa La**: Màu đỏ hơi trắng, đội mão trang sức trên thân, hơi cười, giận ít, giơ cánh tay trái lên duỗi 5 ngón tay, tay phải cầm cán búa



8. **Cưu Lan Đan Tra**: Màu xanh, mặc Giáp Trụ vàng ròng, hơi cười, tay trái để bên cạnh ngực duỗi 5 ngón tay, tay phải rũ cánh tay xuống, cầm Đại Đao



9. **Tất Bà Già La Vương**: Màu đỏ trắng, mặc Giáp Trụ bằng vàng, hơi cười phẫn nộ, tay trái nắm lại thành quyền để ở giữa rốn, tay phải cầm cây Tam Kích



10. **Ứng Đức Tỳ Đa Tát Hòa La**: Đầu đội mão ngọc, hơi phẫn nộ, hai tay bên trái bên phải nắm lại cầm chày Độc Cổ



11. **Phạm Ma Tam Bát La**: Trang sức anh lạc trên thân, đầu đội mão Trời, như Thiên Nữ, tay trái để ở cạnh rốn, tay phải cầm cây phất trần màu trắng



12. **Diêm Ma La**: Màu xanh lục, phẫn nộ, ngửa nhìn lên Trời, tay trái để ngang ngực, tay phải duỗi 5 ngón tay để ở dưới eo



13. **Thích Vương**: Mang giày cỏ, tay trái nắm thành quyền để ở eo, tay phải cầm chày Độc Cổ



14. **Đại Biện Công Đức Bà Đát Na**: Như Cát Tường Thiên Nữ, tay trái cầm cọng Hoa Sen đỏ trên có Hoa Sen đỏ, tay phải để ngang ngực ngón cái và ngón giữa cùng vịn nhau



15. **Đề Đầu Lại Tra Vương**: Mặc Giáp Trụ, tướng phẫn nộ, tay trái để ở eo lưng, tay phải cầm chày Tam Cổ



16. **Thần Mẫu Nữ Đẳng**: Ngửa lòng bàn tay trái để trước ngực, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài, ngón cái và ngón giữa cùng vịn nhau



17. **Tỳ Lâu Lặc Xoa**: Mặc Giáp Trụ, tay trái cầm cây Tam Kích, tay phải cầm cây đao lớn



18. **Tỳ Sa Môn**: Tay trái cầm cái Tháp, tay phải cầm chày Tam Cổ



19. **Kim Sắc Khổng Tước Vương**: Đầu là Chim công, từ vai trở xuống là hình người, hai tay dùng một bàn chân của con chim công làm cây gậy



20. **Đại Tiên Chúng**: Hình Tiên Nhân, tay trái giơ cánh tay lên, cầm quyển Kinh, tay phải cầm gậy



21. **Ma Ni Bạt Đà La**: Tóc đỏ kết hoa trang sức trên đầu, mặt như Thiên Nữ, hai tay chắp lại



22. **Tán Chi Đại Tướng Phất La Bà**: Màu trắng, đội mão Trời, hơi cười phẫn nộ, tay trái ngón cái vịn ngón giữa, tay phải cầm cây đao lớn



23. **Nan Đà Bạt Nan Đà**: Màu xanh lục, mặc Giáp Trụ, đầu đội con Rồng, tướng phẫn nộ, tay trái để trước ngực rũ 5 ngón tay xuống, tay phải nắm quyền duỗi thẳng ngón trỏ hướng lên trên.



24. **Sa Già La Long Y Bát La**: Tướng phẫn nộ, hai tay cầm Đại Đao đâm xuống đất



25. **Tu La Càn Thát Bà**: Màu trắng, có 3 mặt 6 cánh tay, mỗi mặt có 3 con mắt. Bên trái bên phải tay thứ nhất chấp lại. Bên trái bên phải tay thứ hai cầm Vành Mặt Trời. Tay trái cầm Hoa Sen, tay phải cầm Bánh Xe



26. **Ca Lâu Khẩn Na Ma Hầu La**: Tướng phẫn nộ, tay trái để ở eo , tay phải cầm cây đao lớn



27**. Hỏa Lôi Điện Thần:** Màu đen đỏ, đứng trong sóng màu đen, tướng phẫn nộ, tay trái để trước ngực, tay phải làm tư thế đè xuống đất



28. **Thủy Lôi Điện Thần**: Màu xanh, do thân trú mưa, đứng trong sóng, như Quỷ Thần ác, hai tay tác nội phộc để trước ngực



_ **Nghi Quỹ Pháp tạo thứ tự của Thiên Thủ Quán Âm** do Tam Tạng **Thiện Vô Uý** dịch có ghi nhận Bản Hình và Chân Ngôn của 28 Bộ là:

1) **Mật Tích Kim Cương Sĩ**: màu hồng đỏ, đủ 3 mắt, tay phải cầm chày Kim Cương, tay trái nắm quyền đặt ở eo.

Chân Ngôn là: **"A cấu, a cấu, sa gia nghiệt tha gia, sa bà ha"**

2) **Ô Sô Quân Trà Ương Câu Thi**: tay trái cầm chày Kim Cương Nhất Cổ, tay phải đặt ở eo lưng. Tám Bộ Lực Sĩ Thưởng Ca La màu xanh lục, tay phải cầm Tuệ Kiếm, tay trái kết Ấn Tam Cổ.

Chân Ngôn là: "**Án, tỳ sắt tha gia tị tha la, A la khất xoa đa gia, sa bà ha"**

3) **Ma Hê Na La Diên**: màu hồng đỏ, đủ 3 mắt, tướng sân nộ, dùng Tam Cổ Lạp làm mão, dùng báu Kim Cương làm chuỗi Anh Lạc, tay trái cầm chày, tay phải cầm cái bát báu: bên trong màu đỏ, bên ngoài màu đen.

Chân Ngôn là: **" Án, tam một trì tị đa na, sa bà ha"**

4) **Kim Tỳ La Đà Ca Tỳ La**: màu hồng, tay trái cầm cây cung báu, tay phải cầm mũi tên báu.

Chân Ngôn là: **"Án, phộc tất nễ, A lợi dạ tam man tha, sa bà ha"**

5**) Bà Cấp Bà Lâu Na**: màu hồng trắng, tay trái cầm sợi dây, tay phải đặt ở eo lưng.

Chân Ngôn là: **"Án, ô sắt tam muội gia, tỳ phật la tỳ phật la, sa bà ha"**

6) **Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La**: màu hồng,tay trái cầm bánh xe Kim Cương, tay phải kết Quyền Ấn.

Chân Ngôn là: **"Án, phú lâu, sa đa sa đa, gia na gia na, A la sắt ni gia, sa bà ha"**

7) **Tát Giá Ma Hòa La**: tay trái cầm cây phướng báu trên có hình con chim Phụng, tay phải kết Ấn Thí Nguyện.

Chân Ngôn là: **"Án, bối đàn trì kệ đế, A la xoa, sa bà ha"**

8**) Cưu Lan Đan Tra Bán Xả La**: màu trắng hồng, Tay trái cầm cái chuông Kim Cương nhỏ (Kim Cương Linh) tay phải cầm cây gậy Kim Cương (Kim Cương Bổng).

Chân Ngôn là: **"Án, nghiệt na gia, nhũ tha dã la xoa, sa bà ha"**

9) **Hoa Bà Ca La Vương**: tay trái cầm cây đao, tay phải đặt ở eo lưng

Chân Ngôn là: **"Án, muội la già xoa gia, A tri la xoa gia. Nam mô thất lợi gia duệ, sa bà ha"**

10) **Ứng Đức Tỳ Đa Tát Hòa La**: màu vàng đen, tay trái cầm cây cung, tay phải cầm mũi tên có 3 ngạnh (Tam xoa xử tiễn) .

Chân Ngôn là: **"Án, ma ha đế tệ duệ, sa bà ha"**

11) **Phạm Ma Tam Bát La**: màu trắng hồng, tay trái cầm cái bình bát, tay phải cầm chày Tam Cổ.

Chân Ngôn là: **"Án, phạt la phạt la, dược suất đế dược suất đế, sa bà ha"**

12) **Ngũ Bộ Tịnh Cư Diễm Ma La**: màu trắng tím, tay trái cầm cây phướng Diễm Ma, tay phải cầm cái cán của cây phướng.

Chân Ngôn là: **"Án, bạt la phạt la, hồng phấn tra, hồng phấn tra, sa bà ha"**

13) **Thích Vương Tam Thập Tam**: màu trắng hồng, tay trái đặt ở eo lưng, tay phải cầm chày Kim Cương.

Chân Ngôn là: **"Án, muội ni ca thích ca, bạt chiết la, tích lưu ly gia, sa bà ha"**

14) **Đại Biện Công Đức Bà Đát Na**: gồm con gái của Đế Thích Thiên Chủ, Đại Đức Thiên Nữ, Đại Phi của Đa Văn Thiên, tay trái cầm viên ngọc Như Ý màu cam tím, tay phải cầm cây kiếm Kim Cương.

Chân Ngôn là: **"Án, ma ha cụ lăng cát lợi tha duệ, sa bà ha"**

15) **Đề Đầu Lại Tra Vương**: màu hồng đỏ với màu trắng xanh, tay trái cầm viên ngọc Như Ý màu xanh vàng có 8 góc, tay phải cầm cây đao.

Chân Ngôn là: **"Án, sát lợi gia duệ, tát bà ha tát bà ha, tát đa tỳ tê gia sắt tra, sa bà ha"**

16) **Chúng Đại Lực của Đẳng 16 Thần Mẫu** : màu sắc như trên

Chân Ngôn là: **"Án, hê lợi hê lợi, đa hê đồ hê, sa bà ha"**

17) **Tỳ Lâu Nặc Xoa Vương**: màu đỏ, tay trái cầm cái chày, tay phải cầm cây kiếm.

Chân Ngôn là: **"Án, hê y, hồng hồng, sa bà ha"**

18) **Tỳ Lâu Bác Xoa Vương**: màu trắng, tay trái cầm cái chày, tay phải cầm sợi dây Kim Tác màu xanh .

Chân Ngôn là: "**Án, ma nhi kỳ phổ khất sa để, sa bà ha"**

19) **Tỳ Sa Môn Thiên Vương**: màu xanh cam, tay trái cầm cái Tháp báu, tay phải cầm cái chày.

Chân Ngôn là: **"Án, nam mô đế nam bạt chiết la kỳ xoa ba la nhĩ tha - Nam mô nam tích thấp lương phát noa gia ba lương xoa gia, sa bà ha"**

20) **Kim Sắc Khổng Tước Vương**: thân màu vàng ròng, tay trái cầm cây phướng báu trên có hình chim công màu sắc tuyệt đẹp (Tố diệu sắc) nói vô lượng diệu ngôn.

Chân Ngôn là: **"Án, cụ quang hồng phát, sa la ca la tán quang phát tra, sa la ca la chu biến hồng ca la - Án phát tra, sa bà ha"**

21) **28 Bộ Đại Tiên chúng**: là 28 vị Thiên Thần với Y Xá Na Thần là thượng thủ, thân màu đỏ đen, tay trái cầm chày, tay phải cầm cái bình bát màu đỏ, dùng báu Kim Cương làm chuỗi Anh Lạc.

Chân Ngôn là: **"Án, nam mô Phật Pháp Tăng, nhã tha la xã phộc tất nễ duệ, sa bà ha"**

22) **Ma Ni Bạt Đà La**: màu trắng hồng, tay trái cầm cây phướng báu trên có viên ngọc Như Ý, tay phải kết Ấn Thí Nguyện.

Chân Ngôn là: **"Án, đà la ca la lai man đà, sa bà ha"**

23) **Tán Chỉ Đại Tướng Phất La Bà**: thân màu hồng đỏ, tay trái cầm Kim Cương, tay phải đặt ở eo lưng.

Chân Ngôn là: **"Án, a lợi gia, tam muội duệ, sa bà ha"**

24) **Nan Đà, Bạt Nan Đà**: thân trên màu đỏ, tay trái cầm sợi dây lục đỏ, tay phải cầm cây kiếm trên đầu cây kiếm đều có 5 con rồng. Thân dưới màu xanh đen, tay trái cầm sợi dây xanh, tay phải cầm cây đao.

Bà Già La Long, Y Bát La: Thân trên màu trắng hồng, tay trái cầm con Rồng đỏ, tay phải cầm cây đao.Thân dưới màu trắng xanh, tay trái cầm con Rồng trắng.

Chân Ngôn là: **"Án, a lợi gia, tam muội duệ, sa bà ha"**

25) **Tu La** : là đại thân Tu La, thân màu hồng đỏ, tay trái cầm Nhật Luân (Mặt Trời) tay phải cầm Nguyệt Luân (Mặt trăng)

Càn Sát Bà: tay trái cầm cây Ca Cầm (Loại Đàn đệm cho các cuộc múa hát) tay phải kết Vũ Ấn (Ấn múa) thân màu trắng hồng .

Ca Lâu La Vương: có 2 cái cánh màu vàng, tay trái cầm con sò, tay phải cầm cây sáo bằng vỏ ốc báu (Bảo Loa Địch).

Khẩn Na La, Ma Hầu La Già: 2 vị vương này hình màu trắng như Nữ La Sát, có 2 mắt cho đến 3, 4, 5 con mắt. Cầm các Nhạc Khí đầy đủ 2, 4, 6, 8 tay. Đội mão Trời, khoác áo trời, các ngọc báu dùng trang điểm thân.

Chân Ngôn là: **"Án, triển nhạ triển cụ vị lợi ca, sa bà ha"**

26) **Thủy Hỏa Lôi Điển Thần**: 4 vị Thần này đều là vợ chồng. Lôi (Sấm) là Thiên Lôi Thần. Điển (Sét) là Địa Điển Thần. Hai vị Thần này lại còn dùng nước lửa để trang nghiêm thân.

Chân Ngôn là: **"Án, cụ la bà duệ du, sa bà ha"**

27) **Cưu Bàn Trà Vương**: mũi dài, hình sân nộ màu đen, tay trái cầm Chiến đại Khí (Khí Giới to lớn dùng để chiến đấu) tay phải cầm sợi dây.

Chân Ngôn là: **"Án, đổ duệ, a đổ duệ, sa bà ha"**

28) **Tỳ Xá Đỗ**: mắt to, hình sân nộ màu đen, tay trái cầm bánh xe bằng sắt (Thiết Luân), tay phải cầm viên ngọc lửa (Hỏa Ngọc)

Chân Ngôn là: **"Án, đế duệ đế duệ, mê đà mê đà, sa bà ha"**

_Trong Pháp Trì tụng Đại Bi Thần Chú, Đa Văn Thiên Vương hay hộ trì Phật Pháp nên dùng riêng Pháp này để phòng hộ cho Người Trì Chú.

Bà Tẩu Thiên (Vasu-Ṛṣī), Công Đức Thiên Nữ Śrī-devì) được dùng riêng cho Bảo Bộ trong Quán Âm Bộ.

Ha Lợi Đế Mẫu (Hāṛtye Mātṛ) vốn có thệ ước là hộ trì Pháp Quán Âm nên thường được tụng kèm thêm.

_ Riêng trong Pháp tu **Thiên Thủ Quán Âm**, các vị Đạo Sư thường truyền dạy các Pháp căn bản để hỗ trợ cho Hành Giả mau chóng thành tựu là: Liên Hoa Bách Tự Minh, 4 Tâm Vô Lượng, 4 Nội Cúng Dường, 4 Ngoại Cúng Dường, 10 Ba La Mật và ghi rất rõ các Ấn Chú trong Kinh Quỹ.



MỤC LỤC

1_ Thay lời tựa Tr.01
2_ Các Kinh bản Thiên Thủ Quán Thế Âm Tr.03
3_ Ý nghĩa Tôn Tượng Thiên Thủ Quán Âm Tr.06
4_ Năm loại Tôn Thượng Thiên Thủ Quán Âm Tr.12
5_ Thanh Cảnh Quán Âm Tr.45
6_ Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Tr.55
7_ Đại Bi Tâm Đà La Ni Xuất Tướng Tr.76
8_ Công năng của ngàn mắt ngàn tay Tr.160
9_ Ý nghĩa của 40 tay trong 5 Bộ Tr.166
10_ Đại Bi Tâm Đà La Ni Tr.229
11_ Mahā-kāruṇika-citta-dhāraṇī Tr.234
12_ Nghĩa lý căn bản của Chú Đại Bi Tr.244
- Quy kính Tôn Đức Môn Tr.244
- Phổ chứng Đại Bi Tâm Môn Tr.268
- Tịnh hoá Lục Đạo Môn Tr.297
- Thiện Minh Quán Đỉnh Môn Tr.301
- Thần Lực Gia Trì Môn Tr.304
- Thâm nhập Đại Bi Tâm Môn Tr.319
- Hiển hiện Đại Bi Tâm Môn Tr.322
- Thành tựu Niết Bàn Môn Tr.323
13_ Đại Bi Tâm Đà La Ni tu hành niệm tụng lược nghi Tr.324
14_ Kim Cương Đỉnh Du Già Thanh Cảnh Đại Bi Vương Quán Tự Tại Bồ Tát niệm tụng Nghi Quỹ Tr.334
15_ Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Chú Hành Pháp Tr.364
16_ Đại Bi Chú Niệm Tụng Nghi Qui Tr.376
17_ Nghi thức tụng niệm Đại Bi Tâm Chú Tr.381
18_ Nghi Thức trì tụng Chú Đại Bi Tr.393
19_ Quyến thuộc của Thần Chú Đại Bi Tr.405
20_ Mục lục Tr.436



二十四诸天之韦陀天将
Skanda, the Temple Guardian